BAOVIET



KIẾN TẠO VỊ THẾ
DẪN LỐI TƯƠNG LAI

BÁO CÁO TÍCH HỢP 2025



Tự hào

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Tập đoàn tài chính bảo hiểm
lâu đời nhất Việt Nam

BAOVIET

Với vai trò doanh nghiệp

DẪN ĐẦU

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM

Bảo Việt sẽ ưu tiên nguồn lực
vào những ngành kinh tế then chốt
và kiên trì theo đuổi các chuẩn mực

ESG để cùng
cộng đồng

KIẾN TẠO TƯƠNG LAI XANH.



NỘI DUNG

BÁO CÁO TÍCH HỢP 2025

04 Nội dung báo cáo tích hợp 2025
05 Lời mở đầu
07 Điểm nhấn báo cáo tích hợp 2025

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Báo cáo này đã được xuất bản dưới dạng PDF tương tác, cho phép người xem dễ dàng tiếp cận báo cáo nhanh chóng và dễ dàng bằng cách click vào **Tên chương**, **Tiêu đề trang** bên trên để di chuyển đến các trang cần quan tâm.

01. Giới thiệu tổng quan

11 Báo cáo được đảm bảo bởi kiểm toán nội bộ
12 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
15 Thông điệp của Tổng Giám đốc
18 Thông điệp của cổ đông chiến lược Sumitomo Life
20 Tổng quan Tập đoàn Bảo Việt
24 Điểm nhấn đầu tư
29 Cơ cấu tổ chức
30 10 dấu ấn năm 2025
32 Giải thưởng tiêu biểu 2025
37 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

02. Chiến lược phát triển

41 Môi trường kinh doanh: Cơ hội và thách thức
46 Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng
51 Gắn kết các bên liên quan
57 Xác định các lĩnh vực trọng yếu
60 Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt
70 Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

03. Hoạt động kinh doanh

82 Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
119 Đánh giá về tình hình đầu tư tài chính
126 Báo cáo phát triển nguồn nhân lực
131 Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Bảo Việt
136 Đơn vị thành viên - Dấu ấn 2025
137 Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
149 Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
165 Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
170 Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt
174 Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

04. Quản trị Công ty

186 Tổng quan về QTCT tại Tập đoàn Bảo Việt
198 Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên
211 Báo cáo của HĐQT
228 Báo cáo hoạt động của các Ủy ban
240 Báo cáo của Ban Kiểm soát
246 Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, BKS
248 Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp
280 Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ
297 Quản lý rủi ro
314 Pháp chế và tuân thủ
318 Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

05. Phát triển bền vững

332 Tổng quan hoạt động phát triển bền vững tại Bảo Việt
333 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
337 Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động
361 Sự kiện và hoạt động thuộc trọng tâm phát triển bền vững của Bảo Việt
365 Sản phẩm Vì cộng đồng

06. Báo cáo tài chính

382 Báo cáo tài chính hợp nhất
440 Báo cáo tài chính riêng tóm tắt
444 Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt cho mục đích đặc biệt theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế

Lời mở đầu



Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với động lực tăng trưởng mạnh mẽ từ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, vai trò của các tập đoàn kinh tế đầu ngành ngày càng được khẳng định như những trụ cột dẫn dắt và kiến tạo giá trị. Các chủ trương lớn của Đảng, đặc biệt là những nghị quyết về phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế nhà nước và hội nhập quốc tế (Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị...), đã định hình rõ nét kỳ vọng xây dựng những doanh nghiệp quy mô lớn, năng lực cạnh tranh toàn cầu, đóng vai trò tiên phong trong chuỗi giá trị khu vực và thế giới.

Trong dòng chảy đó, Tập đoàn Bảo Việt không chỉ đứng trước những cơ hội phát triển vượt bậc mà còn đối diện với yêu cầu ngày càng cao về năng lực quản trị, sức mạnh tài chính và khả năng thích ứng trước những biến động nhanh chóng của thị trường. Sự thay đổi của môi trường kinh doanh, sự bùng nổ của công nghệ và xu hướng phát triển bền vững đang tái định hình ngành tài chính - bảo hiểm, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải chủ động chuyển mình để duy trì vị thế và tạo lập lợi thế cạnh tranh dài hạn.

Trải qua 60 năm hình thành và phát triển cùng đất nước, Bảo Việt đã từng bước khẳng định vai trò là một trong những tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, giữ vị trí tiên phong trong việc khai mở thị trường, dẫn dắt xu hướng và đóng góp tích cực vào sự ổn định của hệ thống tài chính quốc gia. Hành trình sáu thập kỷ không chỉ là quá trình tích lũy về quy mô và năng lực, mà còn là sự bồi đắp bản lĩnh, uy tín và tầm nhìn chiến lược.

Năm 2025 đánh dấu cột mốc 60 năm phát triển - một dấu ấn quan trọng, mở ra chặng đường mới với nhiều kỳ vọng và khát vọng lớn hơn. Đây không chỉ là thời điểm để nhìn lại những thành tựu đã đạt được, mà còn là bước chuyển mình mạnh mẽ nhằm định hình tương lai.

Với chủ đề

KIẾN TẠO VỊ THẾ DẪN LỐI TƯƠNG LAI

Báo cáo thường niên năm 2025 thể hiện rõ định hướng chiến lược của Bảo Việt: từ việc duy trì vị thế dẫn đầu trong nước đến mục tiêu nâng tầm khu vực, từng bước hội nhập sâu rộng vào thị trường quốc tế. Tinh thần "kiến tạo" được thể hiện ở việc chủ động xây dựng nền tảng phát triển mới, còn "dẫn lối" là cam kết đồng hành, định hướng và lan tỏa giá trị tới toàn thị trường.



Kiên định với sứ mệnh mang lại sự bình an, thịnh vượng và giá trị bền vững cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng, Bảo Việt tiếp tục phát triển hệ sinh thái tài chính - bảo hiểm toàn diện, lấy khách hàng làm trung tâm, công nghệ làm động lực và quản trị hiện đại làm nền tảng. Đồng thời, Tập đoàn không ngừng hoàn thiện mô hình quản trị theo chuẩn mực quốc tế, tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược phát triển nhằm đảm bảo tăng trưởng hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và trách nhiệm xã hội.

Những thành quả đạt được trong thời gian qua là minh chứng cho hướng đi đúng đắn và năng lực thực thi hiệu quả của Bảo Việt. Đó không chỉ là các chỉ tiêu kinh doanh tích cực, mà còn là sự củng cố vững chắc về thương hiệu, niềm tin của khách hàng, sự gắn kết của đội ngũ nhân sự và sự đồng hành của các đối tác, nhà đầu tư.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, với nền tảng tài chính vững mạnh, hệ thống quản trị ngày càng hoàn thiện và tầm nhìn chiến lược rõ ràng, Bảo Việt có đầy đủ điều kiện để tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô hoạt động và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam, hướng tới những chuẩn mực cao hơn trên thị trường khu vực và quốc tế trong tương lai.

Điểm nhấn 2025

BÁO CÁO TÍCH HỢP TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



- Báo cáo được xây dựng theo định hướng **Báo cáo tích hợp** (Integrated Reporting) phù hợp với các khuyến nghị của Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế (IIRC).
- Báo cáo tài chính được lập theo **chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS),** đảm bảo tính minh bạch và khả năng so sánh với các doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.
- Báo cáo phát triển bền vững được thực hiện theo **GRI Standards,** phản ánh toàn diện các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG).
- Các chỉ tiêu phi tài chính được rà soát và **đảm bảo bởi Kiểm toán nội bộ**, nâng cao độ tin cậy của thông tin công bố.
- **Tích hợp ESG vào chiến lược quản trị và điều hành**, hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững và trách nhiệm với xã hội.
- **Gắn kết các hoạt động kinh doanh với 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)** của Liên Hợp Quốc.
- Tham chiếu các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp quốc tế như **Nguyên tắc quản trị OECD** và các thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới.
- Áp dụng **Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững Việt Nam (CSI) và thế giới (CSA)** trong quản trị và đánh giá hiệu quả phát triển bền vững.
- Báo cáo được phát hành dưới dạng **PDF tương tác,** cho phép người đọc dễ dàng truy cập thông tin thông qua hệ thống mục lục liên kết. Tối ưu hóa trải nghiệm người đọc trên **nhiều nền tảng thiết bị**.
- Công bố thông tin vượt trên tuân thủ, đơn cử như việc triển khai **Báo cáo thường niên bản tiếng Anh từ năm 2010** cùng với bản tiếng Việt.

TÍCH HỢP ĐA NỀN TẢNG

CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

BÁO CÁO TƯƠNG TÁC

THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG

TÍCH HỢP ESG

Truy cập vào website: **baoviet.com.vn**
Chúng tôi mong muốn lắng nghe ý kiến từ các Quý vị để nâng cao chất lượng nội dung báo cáo.

Vui lòng liên hệ Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư
E/ thongtin@baoviet.com.vn
T/ (+84) 24 3928 9999

Scan để xem phiên bản trực tuyến

Điểm nhấn 2025

1

Hệ sinh thái tài chính - bảo hiểm toàn diện

Sau 60 năm phát triển, Bảo Việt đã xây dựng được hệ sinh thái tài chính - bảo hiểm đa dạng với mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước. Hệ thống phân phối gồm hàng trăm chi nhánh, phòng giao dịch và hàng trăm nghìn đại lý, tư vấn viên giúp Bảo Việt tiếp cận hiệu quả hàng triệu khách hàng trên toàn quốc với đa dạng dòng sản phẩm tài chính như: bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ...

2

Giữ vững vị thế dẫn đầu thị trường tài chính - bảo hiểm Việt Nam

Là doanh nghiệp tiên phong trong ngành bảo hiểm Việt Nam, Bảo Việt tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm bao gồm cả bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ... Hệ sinh thái các sản phẩm tài chính của Bảo Việt đa dạng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.



3

Nền tảng tăng trưởng bền vững

Bảo Việt tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính và khả năng sinh lời. Các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn duy trì hiệu quả hoạt động tích cực, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung.

4

Cổ phiếu BVH - lựa chọn hấp dẫn của nhà đầu tư

Cổ phiếu BVH là một trong những cổ phiếu vốn hóa lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành bảo hiểm, có tiềm năng tăng trưởng lớn và luôn nằm trong danh mục của nhiều quỹ đầu tư trong và ngoài nước.

Bảo Việt cũng là thương hiệu duy nhất trong ngành bảo hiểm nhiều năm liên tiếp được vinh danh trong

TOP 50
Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam
do Forbes Việt Nam bình chọn.

5

Vai trò tạo lập và phát triển thị trường

Với sứ mệnh tiên phong trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm, Bảo Việt luôn chủ động tham gia xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam theo hướng minh bạch, an toàn và hiệu quả.

Bên cạnh việc cung cấp các sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chính đa dạng, Bảo Việt còn tích cực tham gia vào quá trình hoàn thiện khung khổ pháp lý, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của thị trường.

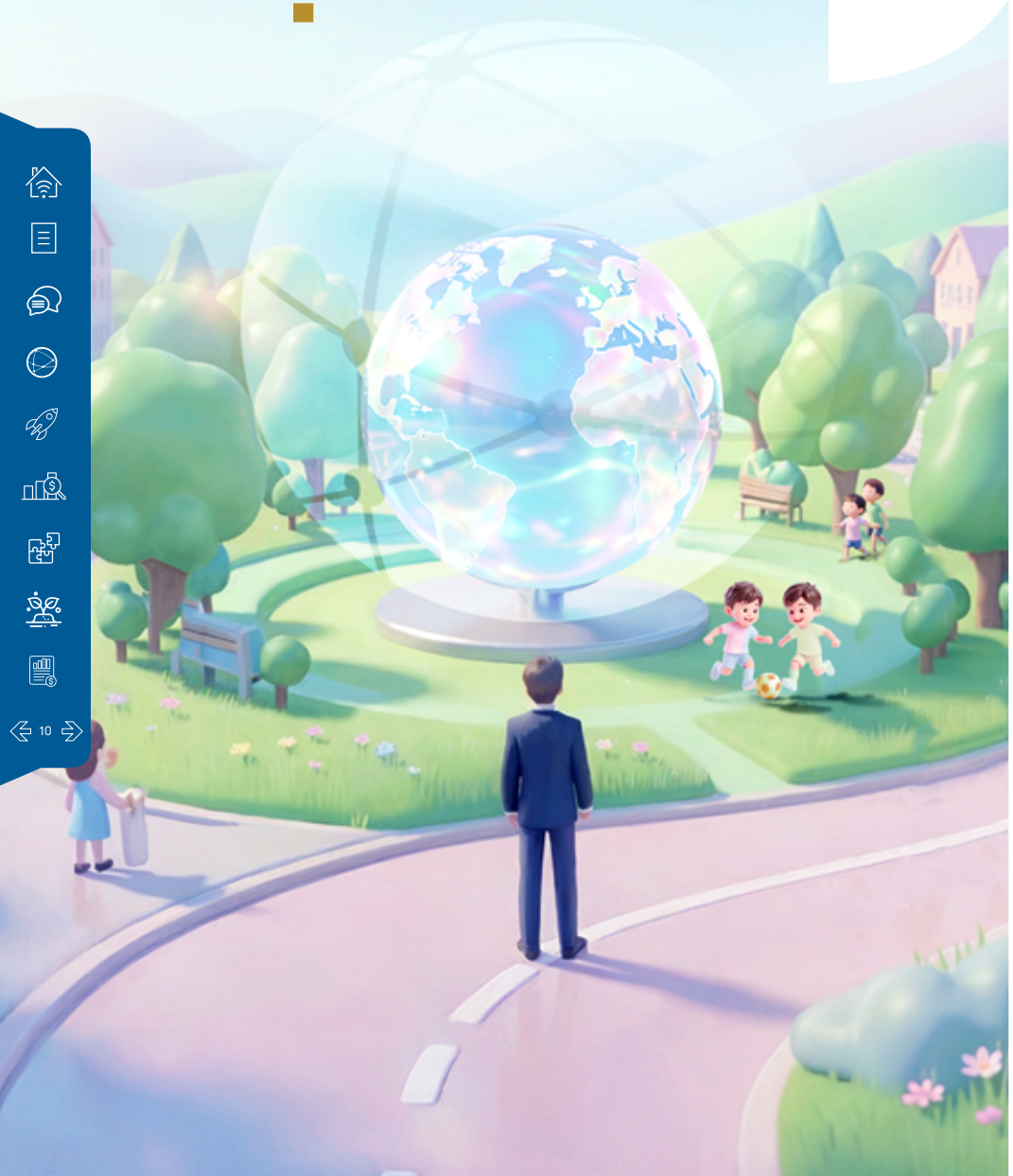
Song song với hoạt động kinh doanh, Bảo Việt luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình an sinh cộng đồng, hỗ trợ giáo dục, y tế và các hoạt động bảo vệ môi trường.

KIẾN TẠO VỊ THẾ

Được thành lập từ năm 1965, Bảo Việt tự hào với hành trình 61 năm không ngừng phấn đấu vì sứ mệnh **"Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng"**.



KIẾN TẠO VỊ THẾ



Được thành lập từ năm 1965, Tập đoàn Bảo Việt tự hào với hành trình 60 năm không ngừng phấn đấu vì sứ mệnh "Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng". Từ những bước đi đầu tiên trong việc khai mở thị trường bảo hiểm Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt từng bước xây dựng uy tín thương hiệu, mở rộng quy mô hoạt động và hình thành hệ sinh thái tài chính - bảo hiểm toàn diện.

Những giá trị cốt lõi được tích lũy qua thời gian - từ năng lực tài chính, mạng lưới phân phối rộng khắp, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm cho đến niềm tin của hàng triệu khách hàng - đã trở thành nền tảng giúp Tập đoàn Bảo Việt khẳng định vị thế của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Hệ thống phân phối quy mô lớn với

180
Chi nhánh

1.200
Phòng giao dịch tại các tỉnh thành trên toàn quốc

>100
Sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

74
Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

227.000
Đại lý và tư vấn viên

6.500
Cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống

18.000.000
Khách hàng

Bảo Việt Thương hiệu Quốc gia, trong **TOP 50** Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam

Giá trị thương hiệu đạt **731** triệu USD.

Báo cáo được đảm bảo bởi kiểm toán nội bộ

BAOVIET Holdings
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số:487/2026/TĐBV-KTNB
V/v: **Đảm bảo một số chỉ tiêu Phát triển bền vững**

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Để đảm bảo độ tin cậy của một số chỉ tiêu trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt, Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện đảm bảo có giới hạn một số chỉ số Phát triển bền vững năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 theo Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI). Đồng thời Ban Điều hành chịu trách nhiệm về việc thiết kế và thực thi các kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo sự hợp lý của thông tin, số liệu trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt.

Trách nhiệm của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm đưa ra các ý kiến đánh giá độc lập, khách quan về các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của Tập đoàn dựa trên quy trình, phương pháp đã được quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, Quy chế/Quy trình Kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt. Quy định này yêu cầu các kiểm toán viên của Ban Kiểm toán nội bộ tuân thủ Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, phương pháp đánh giá dựa trên rủi ro cho các bước tiến hành từ khâu lập kế hoạch, triển khai nhằm đưa ra kết luận.

Việc triển khai dịch vụ đảm bảo được tiến hành chủ yếu thông qua phương pháp phỏng vấn, thực hiện rà soát và đối chiếu thông tin, dữ liệu.

Kết quả đảm bảo đã được thảo luận với lãnh đạo các Ban chức năng/đơn vị có liên quan.

Phạm vi rà soát và đảm bảo

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, Ban Kiểm toán nội bộ cung cấp dịch vụ đảm bảo có giới hạn cho 05 chỉ số Phát triển bền vững tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI bao gồm:

GRI 2-7: Nhân viên;

GRI 202-1: Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng;

GRI 405-1: Sự đa dạng của cấp quản trị và nhân viên;

GRI 413-1: Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển;

GRI G4-FS7: Giá trị (bằng tiền) của sản phẩm và dịch vụ được thiết kế phục vụ một lợi ích xã hội nhất định cho từng lĩnh vực kinh doanh phân theo mục đích.

Kết luận

Dựa trên các thủ tục đảm bảo đã nêu trên, Ban Kiểm toán nội bộ nhận thấy các chỉ tiêu Phát triển bền vững được lựa chọn trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt đã được trình bày trung thực và phù hợp trên các khía cạnh trọng yếu theo quy định tại Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI.

TRƯỞNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
Nguyễn Minh Hoàng

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm 2025 tiếp tục ghi dấu những biến động sâu rộng của kinh tế toàn cầu với sự gia tăng của các yếu tố bất định, từ căng thẳng địa chính trị, áp lực lạm phát đến những yêu cầu ngày càng cao về chuyển đổi số và phát triển bền vững. Trong bối cảnh đó, thị trường tài chính – bảo hiểm Việt Nam đứng trước cả cơ hội và thách thức đan xen, đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng nâng cao năng lực thích ứng và khả năng chống chịu.

Trước những diễn biến đó, Tập đoàn Bảo Việt đã kiên định với định hướng phát triển dài hạn, chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì tăng trưởng ổn định, củng cố nền tảng tài chính vững chắc và nâng cao chất lượng quản trị. Những kết quả đạt được trong năm không chỉ phản ánh nỗ lực của toàn hệ thống mà còn khẳng định hiệu quả của chiến lược phát triển bền vững, lấy khách hàng làm trung tâm và quản trị hiện đại làm nền tảng.

Hội đồng quản trị xác định rằng, trong giai đoạn phát triển mới, tăng trưởng không chỉ được đo bằng quy mô mà quan trọng hơn là chất lượng và tính bền vững. Trên cơ sở đó, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển dựa trên ba trụ cột chính: tăng trưởng hiệu quả, quản trị tiên tiến và phát triển bền vững.

Để hiện thực hóa định hướng này, Tập đoàn đã và đang tập trung triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm cụ thể như sau:

1

Thứ nhất

Thúc đẩy tăng trưởng gắn với hiệu quả và kiểm soát rủi ro. Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tái cấu trúc hoạt động kinh doanh theo hướng tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đồng thời, hệ thống quản lý rủi ro được củng cố theo các chuẩn mực quốc tế, bảo đảm sự phát triển bền vững trong dài hạn.

2

Thứ hai

Đẩy mạnh chuyển đổi số một cách toàn diện. Tập đoàn tập trung đầu tư vào hạ tầng công nghệ, dữ liệu và các nền tảng số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa quy trình vận hành và gia tăng hiệu quả quản trị. Chuyển đổi số không chỉ là công cụ hỗ trợ kinh doanh mà còn là động lực quan trọng giúp Tập đoàn Bảo Việt nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh mới.

3

Thứ ba

Triển khai chiến lược phát triển bền vững theo các tiêu chuẩn ESG. Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào hoạt động kinh doanh và đầu tư; thúc đẩy các giải pháp tài chính bền vững; đồng hành cùng khách hàng và cộng đồng trong quá trình chuyển đổi hướng tới mô hình phát triển bền vững. Đây không chỉ là cam kết trách nhiệm mà còn là cơ sở để kiến tạo giá trị dài hạn cho cổ đông và xã hội.

4

Thứ tư

Nâng cao chất lượng quản trị công ty theo thông lệ tốt và chuẩn mực quốc tế. Hội đồng quản trị tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị minh bạch, tăng cường giám sát, nâng cao hiệu quả điều hành và bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan. Việc củng cố nền tảng quản trị vững chắc là yếu tố then chốt để nâng cao niềm tin của nhà đầu tư và thị trường.

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bước vào giai đoạn tới, Tập đoàn Bảo Việt xác định tiếp tục kiên định với định hướng phát triển dài hạn, đồng thời linh hoạt thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh. Tập đoàn sẽ phát huy nội lực, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tận dụng cơ hội từ chuyển đổi số và phát triển bền vững để tạo ra các động lực tăng trưởng mới.

Trong năm qua, Tập đoàn tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại, tiêu biểu là Triển lãm A80. Sự hiện diện tại sự kiện góp phần lan tỏa hình ảnh doanh nghiệp gắn với đổi mới và hội nhập. Với những đóng góp trong công tác tổ chức và tham gia, Tập đoàn được Bộ Tài chính trao tặng Bằng khen ghi nhận thành tích xuất sắc.

Đồng thời, dấu mốc 60 năm hình thành và phát triển được triển khai như một điểm nhấn xuyên suốt, không chỉ mang ý nghĩa tổng kết chặng đường đã qua mà còn tạo nền tảng củng cố giá trị thương hiệu và niềm tin thị trường. Các hoạt động được tổ chức đồng bộ trên toàn hệ thống đã góp phần gia tăng sự gắn kết với khách hàng, đối tác và cộng đồng, đồng thời tạo tác động tích cực, hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển kinh doanh trong trung và dài hạn.

Những kết quả đã đạt được là nền tảng quan trọng để Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục phát triển ổn định và bền vững. Với sự đồng hành của cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống, chúng tôi tin tưởng rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục khẳng định vị thế, nâng cao giá trị doanh nghiệp và đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế.

Tập đoàn Bảo Việt cam kết kiên định theo đuổi mục tiêu tăng trưởng bền vững, nâng tầm quản trị và kiến tạo giá trị dài hạn, vì lợi ích của cổ đông và cộng đồng.

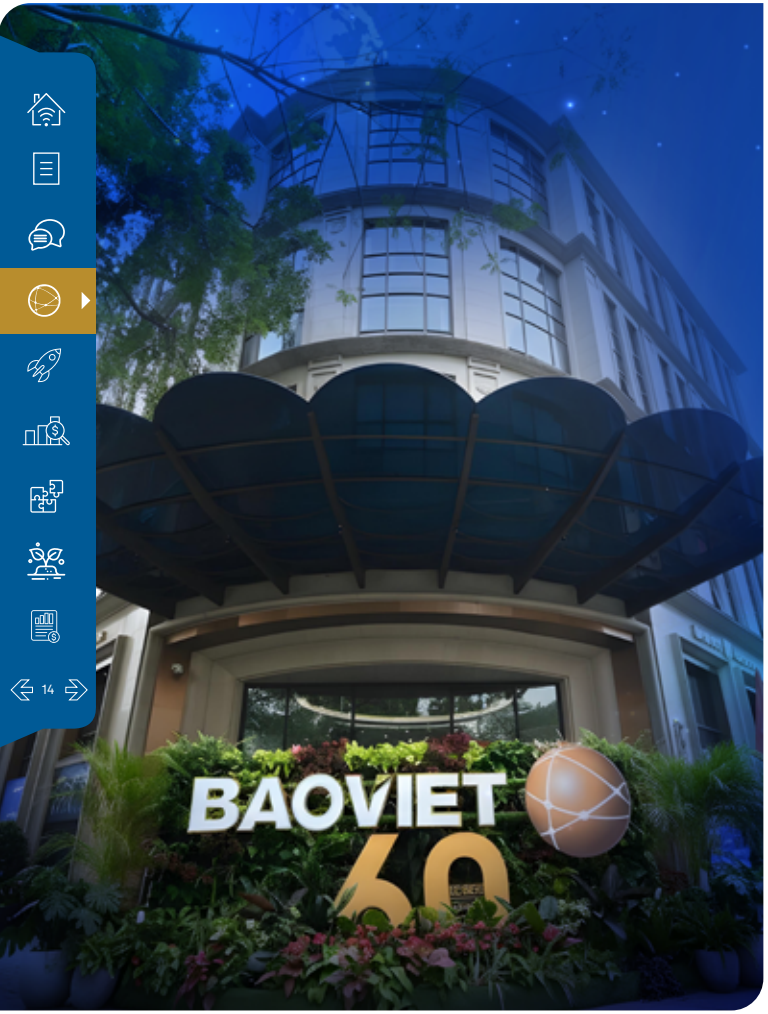
Trân trọng cảm ơn./.

TM. Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt
Q. Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thừa Nhật



Thông điệp của Tổng Giám đốc



Thân gửi các quý cổ đông, đối tác, khách hàng và đồng nghiệp,

Năm 2025 là thời điểm lịch sử đánh dấu bước chuyển mình mang theo ý chí và khát vọng của Tập đoàn Bảo Việt hòa cùng vận hội mới của đất nước. Trong dòng chảy mãnh liệt của kỷ nguyên vươn mình, Tập đoàn Bảo Việt chọn vị thế của người tiên phong, khẳng định bản lĩnh của một thương hiệu Quốc gia dẫn đầu thị trường tài chính - bảo hiểm Việt Nam. Bám sát các Nghị quyết chiến lược của Chính phủ, mỗi bước đi của Tập đoàn Bảo Việt hôm nay đều gắn liền sứ mệnh phụng sự cho một Việt Nam thịnh vượng và là lời cam kết trọn vẹn với niềm tin của hàng triệu khách hàng.

Với thông điệp "Khát vọng vươn mình", Tập đoàn Bảo Việt đã và đang thực hiện một cuộc cách mạng để phá vỡ mọi giới hạn cũ. Không còn dừng lại ở định hướng chiến lược, giá trị hợp lực '**Một Bảo Việt**' luôn được thể hiện rõ nét trong từng hoạt động giúp khai thông sức mạnh tổng thể của hệ sinh thái tích hợp bảo hiểm - tài chính - đầu tư, trong đó, sức mạnh của mỗi đơn vị thành viên được cộng hưởng để tạo ra những giá trị đột phá, mang lại lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác, cổ đông và xã hội.

Hơn nữa, trước cuộc cách mạng công nghệ số, Tập đoàn Bảo Việt chủ động tiên phong thực hiện số hóa các quy trình vận hành, biến dữ liệu thành tài sản và dùng AI làm đòn bẩy để nâng tầm trải nghiệm khách hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị điều hành. Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được những đột phá về chuyển đổi số thông qua việc triển khai nền tảng MyBVLife giúp tối ưu hóa quản lý hợp đồng và ứng dụng AI trong giám định bồi thường, e-KYC giúp rút ngắn quy trình nghiệp vụ. Đặc biệt, việc ra mắt văn phòng số NewGenZ hiện đại đã tạo bước đột phá trong môi trường làm việc sáng tạo, thúc đẩy tư duy số hóa và nâng cao trải nghiệm khách hàng trong kỷ nguyên mới. Những thành quả này không chỉ giúp Tập đoàn Bảo Việt tối ưu hóa chi phí vận hành mà còn nâng cao trải nghiệm người dùng, khẳng định vị thế dẫn đầu của Tập đoàn Bảo Việt trên thị trường. Bên cạnh đó, hiện đại hóa không chỉ là câu chuyện của hiệu suất, mà còn là lời hứa về sự minh bạch và tính nhân văn trong từng sản phẩm.

Đồng hành cùng mục tiêu vươn mình bằng sức mạnh công nghệ, Tập đoàn Bảo Việt vẫn kiên định với giá trị cốt lõi của một doanh nghiệp bền vững: Luôn lấy sự an tâm và hạnh phúc của mỗi người dân làm mục tiêu sau cùng. Tập đoàn Bảo Việt không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng các kênh phân phối, mang lại niềm tin và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Chính vì vậy, trong năm vừa qua Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước vinh danh với nhiều giải thưởng danh giá; giá trị thương hiệu của Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục được khẳng định trên thị trường tài chính - bảo hiểm Việt Nam.

Thông điệp của Tổng Giám đốc

2026 – "Kiến tạo vị thế – Dẫn lối tương lai"

Để hiện thực hóa khát vọng đó, năm 2026 Tập đoàn Bảo Việt sẽ tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng AI vào các hoạt động quản trị điều hành, các phần mềm nghiệp vụ để tự động hóa mọi quy trình từ định phí đến chi trả quyền lợi, giúp nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và mang lại một hành trình trải nghiệm vượt trội cho khách hàng. Bên cạnh đó, với vai trò doanh nghiệp dẫn đầu thị trường tài chính - bảo hiểm, Tập đoàn Bảo Việt sẽ ưu tiên nguồn lực vào những ngành kinh tế then chốt và kiên trì theo đuổi các chuẩn mực ESG để cùng cộng đồng kiến tạo tương lai xanh.

Lấy kỷ cương và hiệu quả làm kim chỉ nam, mỗi con người Tập đoàn Bảo Việt luôn luôn nỗ lực để mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, đối tác và các cổ đông, từ đó khẳng định tầm vóc của một định chế tài chính hàng đầu khu vực. Hướng tới tương lai, với nền tảng nội lực vững chắc và sự tận tâm của đội ngũ nhân sự trên toàn hệ thống, tôi tin tưởng rằng các mục tiêu chiến lược đến năm 2030 sẽ được hiện thực hóa bằng chính sức mạnh hợp lực và sự đồng lòng của chúng ta, khẳng định vị thế của một thương hiệu Việt đầy bản sắc và tự hào trên bản đồ tài chính quốc tế.

Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bán chéo đa kênh và truyền thông đồng bộ nhằm nâng tầm sức mạnh cộng hưởng "**Một Bảo Việt**", tăng cường thúc đẩy hợp tác mạnh mẽ giữa các đơn vị trong việc phát triển sản phẩm mới, hiện đại hoá các kênh phân phối tạo sự khác biệt cạnh tranh trên thị trường; cải thiện hiệu quả trong hoạt động đầu tư nhằm gia tăng tỷ suất lợi nhuận cho khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh năm 2026 đã đề ra.



Thay mặt Ban Lãnh đạo, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới Quý cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống đã luôn tin yêu và đồng hành cùng Tập đoàn Bảo Việt. Hãy cùng nhau kiến tạo một tương lai rạng rỡ, nơi khát vọng của chúng ta hòa cùng khát vọng hùng cường của dân tộc!

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

Trân trọng cảm ơn ./.

Nguyễn Quang Phi
Q. Tổng Giám Đốc
Tập đoàn Bảo Việt

Thông điệp của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life

Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo Life là đối tác chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt.



Để trở thành **"một tập đoàn bảo hiểm liên tục đóng góp vào sự thịnh vượng trong tương lai của Nhật Bản, thế giới và toàn cầu"**, chúng tôi đã xây dựng mục tiêu: tới năm 2030 sẽ trở thành "Tập đoàn bảo hiểm không thể thiếu" đóng góp vào Well-being.

Để đạt được mục tiêu này, Sumitomo Life sẽ không chỉ tập trung vào các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu của khách hàng như "bảo hiểm", "tăng cường sức khỏe", mà còn tích cực tham gia vào các hoạt động giải quyết các vấn đề xã hội như "hồi sinh khu vực", "môi trường toàn cầu", cũng như thúc đẩy các sáng kiến hỗ trợ Well-being của tất cả các bên liên quan, bao gồm cả các đối tác kinh doanh và nhân viên của chúng tôi. Bên cạnh đó, các giá trị tiên tiến của Sumitomo Life đều tập trung vào Vitality - một loại hình bảo hiểm giúp tăng cường sức khỏe của Sumitomo Life, qua đó, chúng tôi mong muốn góp phần mang lại "Cuộc sống tốt đẹp hơn" cho càng nhiều người càng tốt và đạt được một tương lai bền vững.

Năm 2024, Sumitomo Life đã mua lại toàn bộ Singlife, một công ty bảo hiểm nhân thọ có trụ sở tại Singapore. Khoản đầu tư này thể hiện niềm tin mạnh mẽ của chúng tôi vào tiềm năng của thị trường bảo hiểm Đông Nam Á. Chúng tôi tiếp tục dành sự kỳ vọng cao đối với thị trường bảo hiểm Việt Nam nói chung và Tập đoàn Bảo Việt nói riêng, và cam kết sẽ hỗ trợ cho quá trình phát triển của các công ty.

Kể từ năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life đã không ngừng xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược vững chắc. Sumitomo Life đã tăng cường hiểu sự biết lẫn nhau thông qua việc cử nhiều nhân sự là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và chuyên gia kỹ thuật, để hỗ trợ cho sự phát triển hơn nữa của Tập đoàn Bảo Việt cũng như tăng cường giao lưu trao đổi giữa hai quốc gia.

Bên cạnh đó, vào năm 2019, Sumitomo Life đã tăng vốn cho Tập đoàn Bảo Việt, góp phần củng cố năng lực tài chính và hỗ trợ cho sự phát triển hơn nữa của Tập đoàn. Thông qua hành trình này, chúng tôi đã xây dựng được một mối quan hệ bền chặt và lâu dài.

Năm 2025, Việt Nam một lần nữa phải đối mặt với thiệt hại đáng kể do những cơn bão gây ra, sau ảnh hưởng nặng nề của cơn bão Yagi năm 2024. Chúng tôi xin gửi lời chia buồn sâu sắc nhất đến tất cả những người bị ảnh hưởng bởi các thảm họa thiên nhiên này. Chúng tôi cũng muốn ghi nhận những nỗ lực chân thành của đội ngũ nhân viên Tập đoàn Bảo Việt, những người đã tiếp tục hỗ trợ khách hàng trong hoàn cảnh khó khăn này.

Trong bối cảnh thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam phải đối mặt với một môi trường đầy thách thức vào năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt vẫn khẳng định vững chắc vị thế thương hiệu số một trên thị trường bảo hiểm Việt Nam bằng cách từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh, tập trung vào kênh đại lý bán hàng và thực hiện quản lý kinh doanh một cách ổn định.

Sumitomo Life tin tưởng rằng, phương châm và mục tiêu "Trở thành một công ty không thể thiếu trong việc đóng góp cho well-being của khách hàng, xã hội" của chúng tôi đang được Tập đoàn Bảo Việt chia sẻ, và Sumitomo Life sẽ thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác và cùng phát triển với Tập đoàn Bảo Việt!

TAKADA YUKINORI
Tổng Giám đốc Sumitomo Life

Thông điệp của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life

Năm thành lập:
tháng 5 năm 1907

Trụ sở chính:
Tokyo và Osaka, Nhật Bản

Mạng lưới tại Nhật Bản:
92 văn phòng chi nhánh,1.536 văn phòng quận

Trên thế giới:
Các công ty bảo hiểm nhân thọ tại Mỹ, Việt Nam, Indonesia, Singapore và Trung Quốc

Các văn phòng đại diện tại:
New York, London, Hà Nội, Bắc Kinh

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM MOODY'S S&P

A1 A+





245.6 TỶ USD
TỔNG TÀI SẢN
(Chưa hợp nhất)

11.7 TỶ USD
TỔNG TÀI SẢN THUẦN
(chưa hợp nhất)

14,1 TỶ USD
TỔNG DOANH THU
PHÍ BẢO HIỂM (chưa hợp nhất)

10.406 NGƯỜI
SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN

31.911 NGƯỜI
SỐ LƯỢNG TƯ VẤN VIÊN

Tổng quan Tập đoàn Bảo Việt

Tên giao dịch:
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Địa chỉ:
Số 8, Phố Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt được đăng ký thay đổi 15 lần với lần thứ 15 được thực hiện vào ngày 12/7/2022.

Ngày thành lập
15/01/1965

Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu với lịch sử hơn 60 năm tiên phong khai mở và đồng hành cùng sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

VỐN ĐIỀU LỆ
7.423.227.640.000 VNĐ

Tổng quan Tập đoàn Bảo Việt

6.500
Cán bộ toàn hệ thống Tập đoàn Bảo Việt (tính đến 31/12/2025)

227.000+
Đại lý và tư vấn viên (tính đến 31/12/2025)

18.000.000+
Khách hàng

180
Chi nhánh

1.200+
phòng giao dịch tại các tỉnh thành trong cả nước

DANH MỤC SẢN PHẨM

>100 SẢN PHẨM BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

74 SẢN PHẨM BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Cung cấp tất cả các dịch vụ bảo hiểm, chứng khoán, quản lý quỹ, ngân hàng.



Tổng quan Tập đoàn Bảo Việt

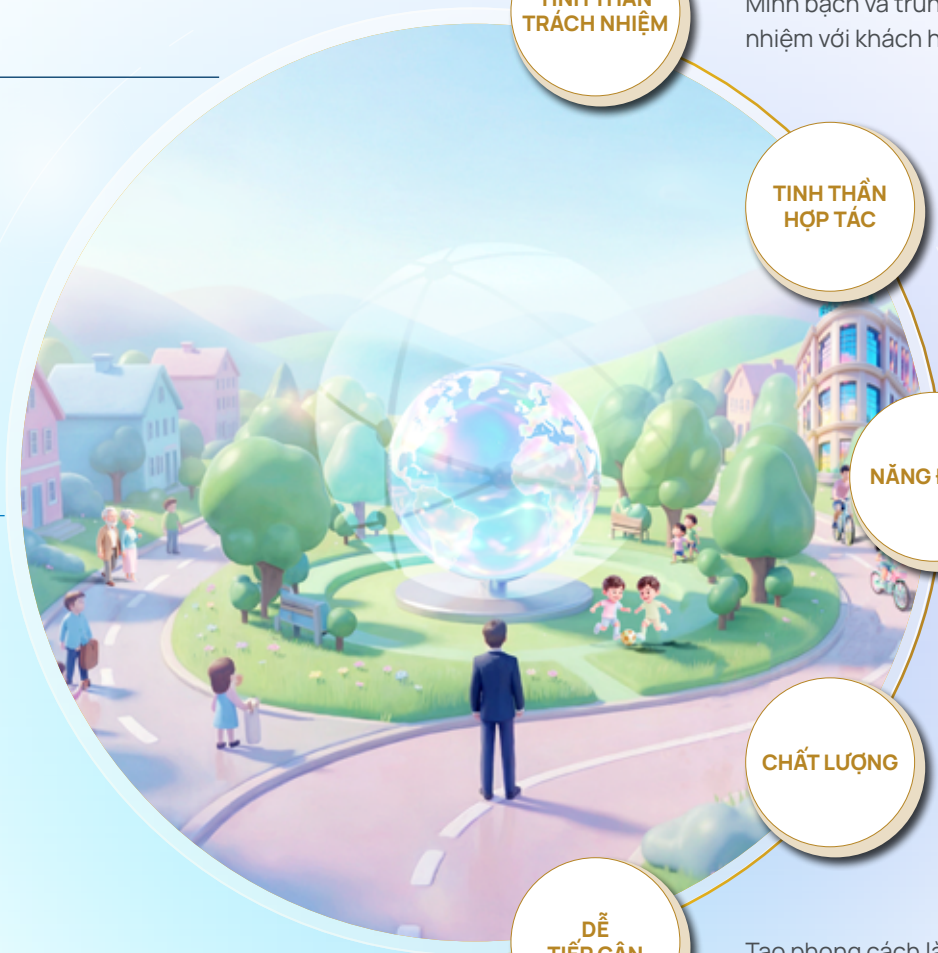
TẦM NHÌN

Bền vững là Tập đoàn uy tín, lớn nhất trong lĩnh vực Tài chính - Bảo hiểm tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TINH THẦN TRÁCH NHIỆM
Minh bạch và trung thực; thể hiện tinh thần trách nhiệm với khách hàng, cộng đồng và đồng nghiệp.

TINH THẦN HỢP TÁC
Thể hiện tinh thần hợp tác và tôn trọng đồng nghiệp.

NĂNG ĐỘNG
Luôn năng động và sẵn sàng tiếp nhận các ý tưởng, cơ hội mới.

CHẤT LƯỢNG
Tăng cường chất lượng hiệu quả công việc và hướng tới chuẩn mực cao hơn.

DỄ TIẾP CẬN
Tạo phong cách làm việc gần gũi, dễ tiếp cận và phục vụ khách hàng chu đáo như phục vụ chính mình.

Hành trình kiến tạo vị thế

Những dấu son lịch sử



1965
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chính thức đi vào hoạt động ngày 15/01/1965

1989
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chuyển đổi thành Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

1996
Trở thành công ty bảo hiểm hỗn hợp đầu tiên tại Việt Nam với việc thành lập công ty bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường.

1999
Thành lập Công ty Chứng khoán Bảo Việt, là công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường

2005
Thành lập Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt

2007
IPO và thành lập Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

HSBC Insurance mua 10% cổ phần tại Bảo Việt

2008
Thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt

2009
Cổ phiếu BVH được niêm yết trên HOSE.

Thành lập Công ty Đầu tư Bảo Việt.

HSBC Insurance tăng vốn góp tại Bảo Việt lên 18%

2010
Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới

2011
Tập đoàn Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 6.805 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu

2012
Sumitomo Life trở thành cổ đông chiến lược của Bảo Việt.

Ngân hàng Bảo Việt hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng

2013
Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng

2014
Tổ chức các hoạt động chào mừng 50 năm thành lập Bảo Việt

2015
Hoàn thành Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2011-2015

2016
Tập đoàn tài chính - bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1 tỷ USD

2017
Khai trương Siêu thị Tài chính đầu tiên của Bảo Việt, tái định vị thương hiệu để vươn tầm quốc tế

2018
Tiên phong trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

2019
Thực hiện thành công dự án Phát hành riêng lẻ với đối tác Sumitomo Life, nâng tổng số vốn điều lệ của Bảo Việt lên mức 7.423 tỷ đồng, giúp Tập đoàn hoàn thành chiến lược tăng vốn 2016-2020

2020
Hoàn thành kế hoạch kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh Covid ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn toàn cầu

2021
Thích ứng an toàn trong Đại dịch, tổng doanh thu hợp nhất vượt 2 tỷ USD

2022
Chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 30,261% (tương đương hơn 2.246 tỷ đồng) là mức cao kỷ lục trong lĩnh vực bảo hiểm

2023
Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2035 của Tập đoàn Bảo Việt

2024
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cán mốc **2.000 TỶ ĐỒNG**

2025
60 Kỷ niệm năm thành lập Bảo Việt

NĂM GIỮ TRỌN NIỀM TIN

Điểm nhấn đầu tư

Hành trình **"Kiến tạo vị thế - Dẫn lối tương lai"** của Tập đoàn Bảo Việt được lớp lớp thế hệ Tập đoàn Bảo Việt kiên trì thực hiện trên chặng đường 60 năm phát triển. Đến nay, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo dựng những giá trị bền vững cho khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

1 Vị thế khác biệt và vượt trội

2 Vai trò tạo lập và phát triển thị trường

3 Tiềm năng tăng trưởng lớn

4 Cổ phiếu BVH hấp dẫn nhà đầu tư



Điểm nhấn đầu tư

VỊ THẾ KHÁC BIỆT & VƯỢT TRỘI

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt có lịch sử lâu đời với 60 năm phát triển, thương hiệu quốc gia uy tín, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm trên thị trường tài chính bảo hiểm hiện nay với 6.500 cán bộ và 227.000 đại lý, tư vấn viên.



Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 180 chi nhánh, 1.200 phòng giao dịch bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam mà không một tập đoàn tài chính - bảo hiểm nào tại Việt Nam có thể so sánh được.

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm dẫn đầu các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác với tổng doanh thu hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ năm 2025 đạt 12.920 tỷ đồng; tổng doanh thu lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt 45.260 tỷ đồng, tiếp tục thuộc top dẫn đầu về thị phần tổng doanh thu phí cả lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ.

Cung cấp đa dạng sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ đáp ứng nhu cầu của cá nhân và doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của bảo hiểm trong quản lý rủi ro.

Đóng góp vào ngân sách nhà nước và các hoạt động đầu tư, hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội.

Điểm nhấn đầu tư

VAI TRÒ TẠO LẬP & PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Tập đoàn Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam.

Tập đoàn Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm vi mô...

Tập đoàn Bảo Việt liên tục nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua ứng dụng công nghệ và tối ưu hóa quy trình hoạt động thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh trong ngành bảo hiểm.



Điểm nhấn đầu tư

TIỀM NĂNG
TĂNG TRƯỞNG LỚN

Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam.

Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

Tập đoàn Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng Bảo hiểm - Đầu tư - Dịch vụ tài chính.

Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao.



Điểm nhấn đầu tư

CỔ PHIẾU BVH
HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, cổ phiếu BVH đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành bảo hiểm, thanh khoản cao và luôn nằm trong danh mục sở hữu của các quỹ ETFs nước ngoài tại Việt Nam.

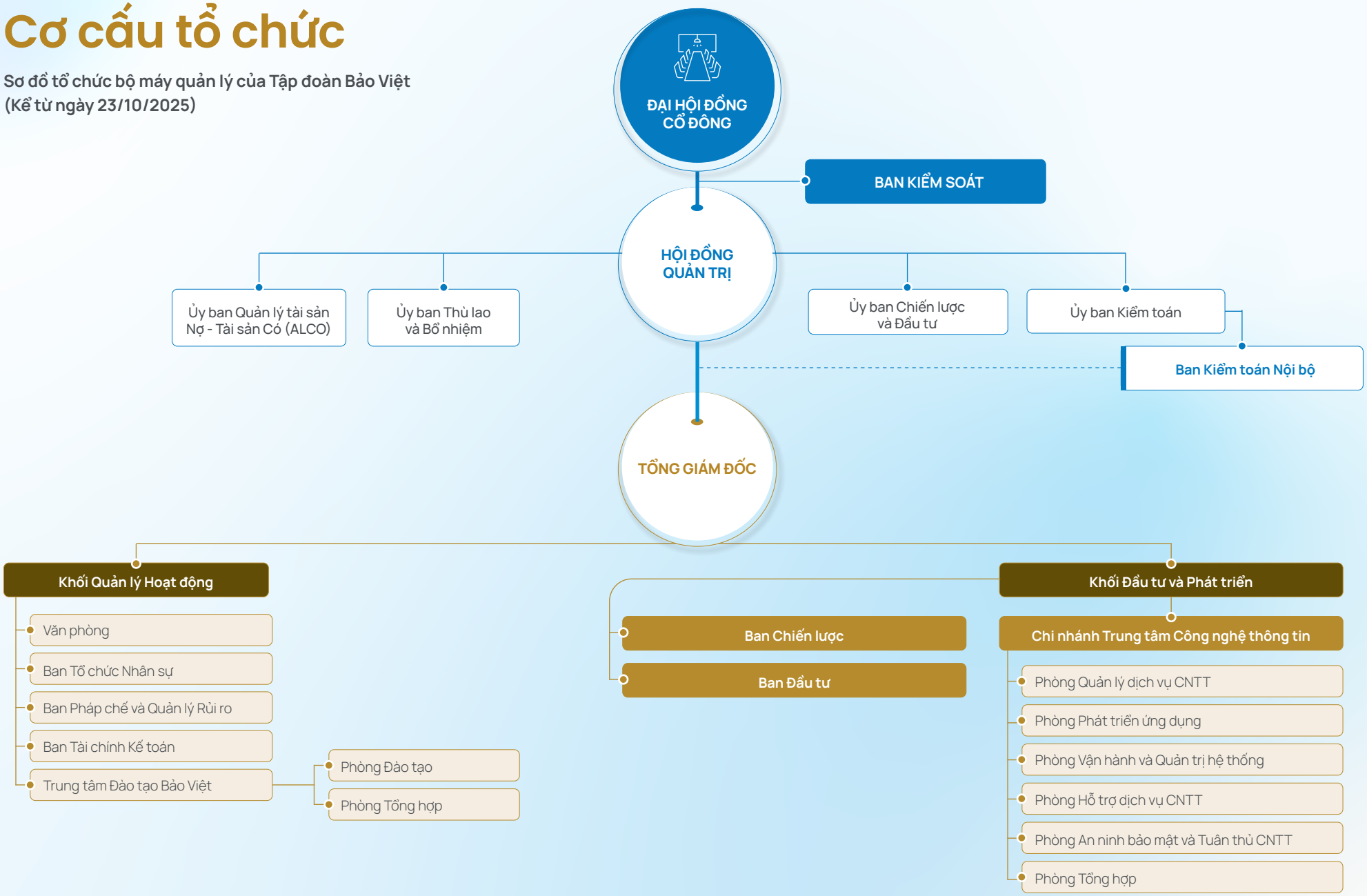
Thuộc nhóm dẫn đầu trong các tổ chức tài chính có tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền ổn định qua các năm.



4+

Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Tập đoàn Bảo Việt
(Kể từ ngày 23/10/2025)



BAOVIET
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

10 dấu ấn năm 2025

Năm 2025 là một năm chuyển mình mạnh mẽ,
Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị thế của thương hiệu quốc gia trong lịch sử phát triển đầy vẻ vang 60 năm qua.



Kỷ niệm 60 năm thành lập (15/01/1965 - 15/01/2025), Tập đoàn Bảo Việt kiên định việc xây dựng, thực hiện chiến lược phát triển bền vững kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế vững chắc.



Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Tập đoàn Bảo Việt, Đại hội Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt và Đại hội Đoàn Thanh niên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2025 – 2030.



Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 trong bối cảnh thị trường nhiều khó khăn, thách thức.



Tập đoàn Bảo Việt được vinh danh nhiều giải thưởng danh giá trong và ngoài nước, khẳng định thương hiệu uy tín dẫn đầu ngành bảo hiểm Việt Nam.



Hợp lực - dấu mốc 10 năm và bước chuyển sang giai đoạn mới.

Hợp lực toàn hệ thống Tập đoàn Bảo Việt suốt một thập kỷ vừa qua đã gắn kết các đơn vị, nâng cao sức mạnh tổng thể, hướng đến mục tiêu chung "Bảo Việt đồng hành phát triển cùng đất nước".

BAOVIET
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

10 dấu ấn năm 2025

Năm 2025 là một năm chuyển mình mạnh mẽ,
Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị thế của thương hiệu quốc gia trong lịch sử phát triển đầy vẻ vang 60 năm qua.



Bảo Việt ghi dấu ấn trong hành trình chuyển đổi số với ba trụ cột trong chiến lược công nghệ thông tin.



Tập đoàn Bảo Việt là đơn vị tiên phong trong hoạt động an sinh xã hội, vì cộng đồng, kịp thời bồi thường bão lũ, hỗ trợ khách hàng, cán bộ trong thiên tai; tập trung xóa đói giảm nghèo, đầu tư giáo dục cho thế hệ trẻ.



Tập đoàn Bảo Việt ra mắt hàng loạt sản phẩm, dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.



Tập đoàn Bảo Việt đồng hành cùng các sự kiện lớn của đất nước.

Tập đoàn Bảo Việt tích cực tham gia hai sự kiện triển lãm quy mô quốc gia do Thủ tướng Chính phủ chủ trì, gồm Triển lãm "80 năm Hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" và Hội chợ Mùa Thu.



Lan tỏa tinh thần học tập số, bình dân học vụ AI đến từng cán bộ, đại lý, tư vấn viên trong toàn Tập đoàn.

Các giải thưởng tiêu biểu năm 2025

Năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước ghi nhận về năng lực tài chính vững mạnh, uy tín thương hiệu bền bỉ và chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao. Sự ghi nhận đó một lần nữa góp phần khẳng định vị thế doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu, đáp ứng tốt các chuẩn mực khắt khe của thị trường trong nước và quốc tế.



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

ĐƯỢC XẾP HẠNG TRONG

TOP 50

CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025

(Forbes Việt Nam)



Các giải thưởng tiêu biểu năm 2025



Tập đoàn Bảo Việt
được vinh danh trong
TOP 50
Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2025
Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư



Tập đoàn Bảo Việt
trong danh sách
TOP 100
Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam
Brand Finance





Tập đoàn Bảo Việt
được vinh danh trong

TOP 10
Doanh nghiệp Quản trị Công ty tốt nhất

GIẢI NHÌ
Báo cáo phát triển bền vững

Được vinh danh tập thể có đóng góp cho hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2000 - 2025 (Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2025 (Vietnam Listed Company Awards - VLCA)).



Tập đoàn Bảo Việt được AM Best xếp hạng tín nhiệm cao:

Năng lực tài chính (FSR) ở mức B++ (Tốt), Năng lực tín dụng tổ chức phát hành dài hạn (ICR) ở mức "bbb+" (Tốt), Thang điểm quốc gia Việt Nam (NSR) ở mức cao nhất aaa.VN (Xuất sắc).



Ứng dụng Baoviet Direct
của Bảo hiểm Bảo Việt đạt
Giải thưởng Sao Khuê 2025



Bảo hiểm Bảo Việt trong
TOP 10
Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam 2025
Vietnam Report

Các giải thưởng tiêu biểu năm 2025



Bảo hiểm Bảo Việt được

Xếp hạng tín nhiệm Quốc tế AM Best

Xếp hạng Năng lực tài chính (FSR) ở mức B++ (Tốt);
Xếp hạng Năng lực tín dụng tổ chức phát hành dài hạn (ICR) ở mức "bbb+" (Tốt);
Xếp hạng theo Thang điểm quốc gia Việt Nam (NSR) ở mức cao nhất aaa.VN (Xuất sắc).



Bảo hiểm Bảo Việt nhận

Chứng nhận ISO 9001:2015 (giai đoạn 2025 – 2028)

Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống Quản lý Chất lượng - Quacert



Bảo hiểm Bảo Việt là

TOP 10

Công ty bảo hiểm phi nhân thọ uy tín năm 2025

Vietnam Report
(10 năm liên tiếp)



Bảo hiểm Bảo Việt là

TOP 10

Doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả Việt Nam 2025 ngành Bảo hiểm

Viet Research và Báo tài chính - Đầu tư (Bộ tài chính)



Bảo hiểm Bảo Việt là

TOP 10

Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 Ngành Bảo hiểm

Viet Research và Báo tài chính - Đầu tư (Bộ tài chính)

Các giải thưởng tiêu biểu năm 2025



Bảo Việt Nhân thọ
được vinh danh vào
TOP 10
Doanh nghiệp tiêu biểu Châu Á 2025
ASIA Award 2025



Bảo Việt Nhân thọ là
Doanh nghiệp Bảo hiểm Nhân thọ Tốt nhất, Doanh nghiệp Bảo hiểm Nhân thọ Đổi mới Toàn diện
Tạp chí Tài chính và Ngân hàng toàn cầu



Bảo Việt Nhân thọ là
Thương hiệu Truyền cảm hứng 2025, Doanh nghiệp Xuất sắc Châu Á
Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Á - Thái Bình Dương



Bảo Việt Nhân thọ
được bình chọn là
Nơi làm việc Tốt nhất Châu Á và Doanh nghiệp Quan tâm, Chăm sóc Nhân viên Tốt nhất
Tạp chí Nguồn nhân lực Châu Á

Các giải thưởng tiêu biểu năm 2025



Nhận giải thưởng Asset Management Company of the Year Vietnam 2025

Global Banking & Finance

Quản lý Quỹ Bảo Việt được vinh dự



Best Fund Management Company Vietnam 2025

Tạp chí International Finance







Chứng khoán Bảo Việt được vinh dự

TOP 10

Doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) thực hiện tốt quản trị công ty giai đoạn 2024 - 2025

TOP 10

Doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa vừa tại "Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2025

Vietnam Listed Company Awards - VLCA

Chứng khoán Bảo Việt được vinh danh là 1 trong 10 công ty có đóng góp vào sự phát triển 20 năm của HNX, đồng thời là 1 trong 10 công ty được HSX trao tặng kỷ niệm chương về sự đóng góp cho thị trường chứng khoán từ 2000 - 2025.

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

ĐVT: Tỷ đồng

HỢP NHẤT

291.806
Tổng tài sản

25.480
Vốn chủ sở hữu

59.700
Tổng Doanh thu

44.941
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm

3.554
Lợi nhuận trước thuế

2.922
Lợi nhuận sau thuế

7.423
Vốn điều lệ

11,5%
ROE

39,4%
ROCC

	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Tổng Doanh thu	Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ	ROE	ROCC
Công ty mẹ	18.756	18.531	1.828	-	1.285	1.285	7.423	6,9%	17,3%
Bảo hiểm Bảo Việt	15.863	3.488	12.920	11.077	374	300	2.900	8,6%	10,4%
Bảo việt Nhân thọ	260.746	11.028	45.260	32.640	2.669	2.168	6.000	19,7%	36,1%
Quản lý Quỹ Bảo việt	222	186	199,2	-	96,6	76,9	100	41,3%	76,9%
Đầu tư Bảo việt	292	213	236	-	12,7	10,1	200	4,8%	5,1%
Chứng Khoán Bảo việt (*)	7.033	2.657	1.032	-	240	204	722	7,7%	28,3%

(*): Số liệu của BVSC là số liệu Doanh thu/Lợi nhuận thực hiện.



ĐÓN ĐẦU XU HƯỚNG

Bảo Việt định hướng tầm nhìn đến năm 2035: **"Bền vững là Tập đoàn uy tín, lớn nhất trong lĩnh vực Tài chính - Bảo hiểm tại Việt Nam".** Với mô hình Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm đa lĩnh vực, Bảo Việt phát huy lợi thế hợp lực giữa các đơn vị thành viên, tạo nên hệ sinh thái dịch vụ toàn diện phục vụ khách hàng.



ĐÓN ĐẦU XU HƯỚNG

Bảo Việt định hướng tầm nhìn đến năm 2035: **"Bền vững là Tập đoàn uy tín, lớn nhất trong lĩnh vực Tài chính - Bảo hiểm tại Việt Nam"**. Với mô hình Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, Bảo Việt phát huy lợi thế hợp lực giữa các đơn vị thành viên, tạo nên hệ sinh thái dịch vụ toàn diện phục vụ khách hàng.

Sự kết nối giữa các lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư, quản lý quỹ, chứng khoán và dịch vụ tài chính giúp Bảo Việt tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động và mang đến những giải pháp tài chính trọn gói cho khách hàng. Chính sức mạnh hệ sinh thái đó đã góp phần củng cố vị thế của Bảo Việt trên thị trường, đồng thời tạo nền tảng vững chắc để Bảo Việt đón đầu xu hướng, thực hiện chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn.

Tầm nhìn đến năm 2035

Bền vững là Tập đoàn uy tín, lớn nhất trong lĩnh vực Tài chính - Bảo hiểm tại Việt Nam.

Mục tiêu chiến lược phát triển bền vững đến 2030

- Thuộc nhóm dẫn đầu về thị phần doanh thu phí bảo hiểm, khác biệt hoá trong cung cấp sản phẩm và dịch vụ tài chính cá nhân tại Việt Nam.
- Có hệ thống bán hàng và dịch vụ sau bán hàng đa dạng và lớn nhất tại Việt Nam.
- Đến năm 2030, đầu tư được và có lợi nhuận tốt từ chuỗi dịch vụ phụ trợ của ngành bảo hiểm hướng đến hoàn thiện hệ sinh thái Bảo Việt.
- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, nhà đầu tư và người lao động; đóng góp vào ngân sách Nhà nước thông qua nộp thuế và cổ tức, đóng góp gián tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ.
- Duy trì vị trí hàng đầu trong việc tái đầu tư trở lại nền kinh tế từ nguồn phí bảo hiểm.
- Phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh, tích cực đóng góp cho kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương tại các địa bàn Bảo Việt đang hoạt động.

Giải pháp

- Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu phát triển dài hạn trong mọi hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- Tiếp tục duy trì mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo thông lệ quốc tế, minh bạch, hiệu quả; cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Đảm bảo nguồn nhân lực đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và năng lực ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và kinh doanh.
- Tập trung đầu tư cho công nghệ thông tin, coi chuyển đổi số là con đường ngắn nhất để Bảo Việt phát triển các lĩnh vực kinh doanh ổn định và bền vững, là một trong các động lực quan trọng nhất cho sự tăng trưởng, tăng năng suất lao động.
- Thúc đẩy tăng trưởng thông qua các hoạt động hợp lực đa dạng theo chuỗi giá trị giữa các đơn vị trong Tập đoàn, tận dụng tối đa năng lực từng thành viên trong Bảo Việt, củng cố và phát triển năng lực cốt lõi, xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững.
- Tăng cường công tác quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Khai thác tối ưu, nâng cao hiệu quả kênh phân phối truyền thống đại lý (năng lực cốt lõi của Tập đoàn), tập trung nguồn lực để phát triển kênh số.
- Phát triển các sản phẩm bảo hiểm - tài chính tích hợp trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai các chương trình bảo hiểm vi mô cho người có thu nhập thấp, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm sức khỏe trong đó chú trọng bảo hiểm chuyên biệt cho các bệnh hiểm nghèo.

Môi trường kinh doanh: Cơ hội và thách thức

Cơ hội, thách thức và rủi ro đến năm 2030

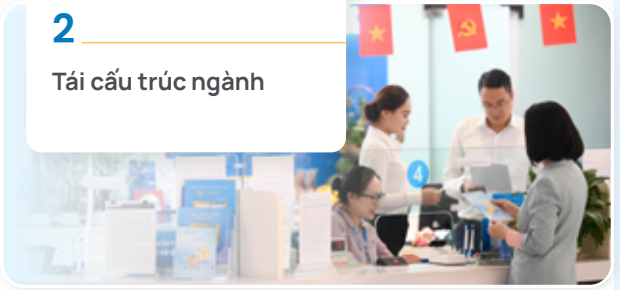
Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và thị trường tài chính biến động phức tạp, môi trường kinh doanh trong nước tiềm ẩn nhiều rủi ro (dịch bệnh, thiên tai, biến động vĩ mô...), Bảo Việt đã chủ động tăng cường công tác dự báo và phân tích nhằm nhận diện các cơ hội, thách thức và rủi ro đối với hoạt động kinh doanh trong ngắn, trung và dài hạn.

Giai đoạn đến năm 2030, rủi ro không chỉ đến từ biến động vĩ mô mà ngày càng gắn với khả năng chuyển đổi mô hình kinh doanh. Giai đoạn 2026 - 2030 không phải là cuộc đua mở rộng quy mô, mà là AI, dữ liệu cá nhân hóa.

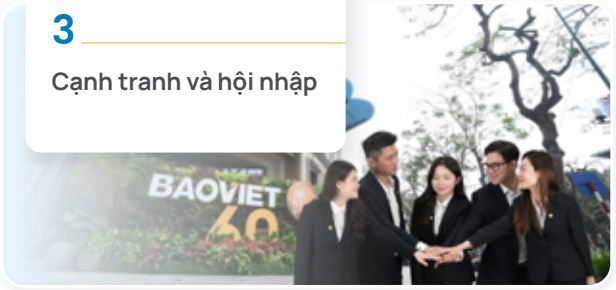
1 Vĩ mô & thị trường



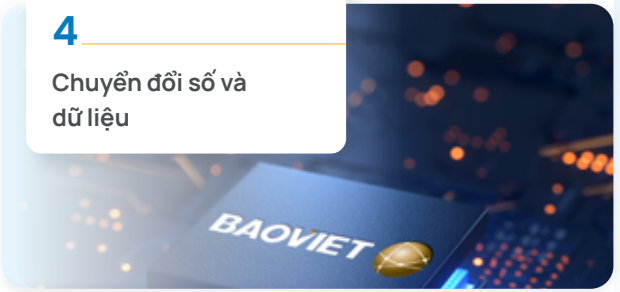
2 Tái cấu trúc ngành



3 Cạnh tranh và hội nhập



4 Chuyển đổi số và dữ liệu



5 Mô hình hệ sinh thái



6 Chăm sóc sức khỏe



7 Xã hội, dân số



Môi trường kinh doanh: Cơ hội và thách thức

Cơ hội và thách thức trong dài hạn

Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo có nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro khó đoán định. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến năm 2030 bao gồm:

Ⓒ: Cơ hội Ⓣ: thách thức

Nhóm yếu tố	Nội dung chính	Bảo hiểm	Đầu tư	Dịch vụ tài chính
Vĩ mô & thị trường	Biến động lãi suất, tỷ giá, tăng trưởng	Ⓣ	Ⓣ	Ⓣ
	Áp lực lạm phát, suy giảm kinh tế	Ⓣ	Ⓣ	Ⓣ
	Phục hồi kinh tế, tăng nhu cầu bảo vệ	Ⓒ	Ⓒ	Ⓒ
Tái cấu trúc ngành	Yêu cầu RBC, IFRS	Ⓣ	Ⓣ	Ⓣ
	Minh bạch hóa thị trường	Ⓒ	Ⓒ	Ⓒ
Cạnh tranh và hội nhập	Cạnh tranh từ doanh nghiệp nước ngoài	Ⓣ	Ⓣ	Ⓣ
	Dòng vốn FDI, mở rộng thị trường	Ⓒ	Ⓒ	Ⓒ
Chuyển đổi số và dữ liệu	Phát triển AI, dữ liệu khách hàng	Ⓒ	Ⓒ	Ⓒ
	Rủi ro an ninh mạng, dữ liệu	Ⓣ	Ⓣ	Ⓣ
Mô hình hệ sinh thái	Cạnh tranh từ Bank/BigTech/Insurtech	Ⓣ	Ⓣ	Ⓣ
	Cơ hội phát triển hệ sinh thái tích hợp	Ⓒ	Ⓒ	Ⓒ
Chăm sóc sức khỏe	Nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng mạnh	Ⓒ		Ⓒ
	Chi phí y tế tăng, rủi ro bồi thường	Ⓣ		
	Thiếu nền tảng kết nối bảo hiểm - y tế	Ⓣ		Ⓣ
Xã hội, dân số	Già hóa dân số	Ⓒ		Ⓒ
	Thay đổi hành vi khách hàng	Ⓒ	Ⓒ	Ⓒ

Môi trường kinh doanh: Cơ hội và thách thức

Các rủi ro chủ yếu

Quản lý rủi ro là một phần quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng thích ứng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh. Năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã chú trọng nhận diện, quản lý các rủi ro chủ yếu, rủi ro mới phát sinh góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hướng đến phát triển bền vững, cụ thể:

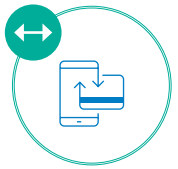


Chú thích:

Mức độ:	Xu hướng: (dự báo)
● Rủi ro cao	↑ Rủi ro tăng
● Rủi ro trung bình	↔ Rủi ro ổn định
● Rủi ro thấp	↓ Rủi ro giảm

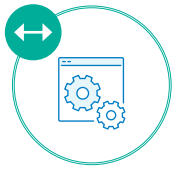
Môi trường kinh doanh: Cơ hội và thách thức

Các rủi ro chủ yếu

Rủi ro	Nhận diện	Giám sát và Quản lý rủi ro
 Rủi ro bảo hiểm	• Những thay đổi của quy định pháp luật, chính sách, kinh tế vĩ mô; • Chi phí bồi thường bảo hiểm có biến động mạnh do yếu tố lạm phát; • Các giả định tính phí chưa phù hợp dẫn đến phí bảo hiểm tính toán không bù đắp được nghĩa vụ chi trả các sự kiện bảo hiểm phát sinh; • Rủi ro định phí và rủi ro thảm họa, thiên tai, lũ lụt.	• Đánh giá rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới, khai thác, giám định và trả tiền/bồi thường bảo hiểm; đánh giá và thiết lập các hạn mức rủi ro tích tụ theo từng nghiệp vụ, nhóm sản phẩm... • Thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (bảng tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật; số liệu về tổn thất); rà soát các rủi ro chấp nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm; chuyển giao rủi ro thông qua nghiệp vụ tái bảo hiểm; • Duy trì chính sách quản lý dòng tiền, đảm bảo duy trì được thanh khoản, đáp ứng nhu cầu chi bồi thường và tận dụng tối đa nguồn tiền nhàn rỗi để sinh lợi; • Áp dụng các phương pháp, mô hình tiên tiến dự báo các chỉ số kinh tế vĩ mô, rủi ro bảo hiểm; duy trì nguồn vốn đủ mạnh và dần tiếp cận với tiêu chuẩn vốn dựa trên rủi ro (RBC) theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.
 Rủi ro tín dụng	• Rủi ro phát sinh từ việc suy giảm mức độ tín nhiệm, tình hình tài chính của các đối tác; • Rủi ro phát sinh các khoản nợ xấu hoặc các khoản đầu tư trái phiếu, tiền gửi quá hạn; • Rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động giao dịch ký quỹ.	• Xây dựng các quy định nội bộ về đánh giá tín nhiệm, thiết lập các hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro; • Đánh giá năng lực tài chính của khách hàng trước khi chấp nhận bảo hiểm, đầu tư, quản lý chặt chẽ các khoản nợ phải thu từ khách hàng, thực hiện các chính sách thu hồi nợ hiệu quả, đồng thời đầu tư vào các công cụ tài chính an toàn; • Định kỳ đánh giá tài sản đảm bảo của trái phiếu doanh nghiệp.
 Rủi ro thị trường	• Tác động của kinh tế thế giới, kinh tế vĩ mô; • Các biến động lãi suất tiền gửi, lãi suất trái phiếu Chính phủ; • Biến động giá cổ phiếu, tỷ giá và/ hoặc giá của các hàng hoá khác; • Sự gia tăng đối thủ, áp lực về giá, sản phẩm hoặc mô hình kênh phân phối mới.	• Xây dựng chính sách đầu tư an toàn và đa dạng sản phẩm, thiết lập các hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro; quy trình giám sát trước, trong và sau đầu tư; • Áp dụng mô hình phân tích, dự báo, quản lý, đo lường bằng thước đo Value at risk (VaR), phân tích độ nhạy lãi suất PVO1, phân tích kịch bản, kiểm tra áp lực; • Giám sát thông qua các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý; • Bám sát mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện dịch vụ khách hàng.
 Rủi ro thanh khoản	• Các rủi ro gây mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền để thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến trạng thái cân đối thanh khoản: tỷ lệ nợ phải trả/nguồn tiền, tỷ lệ thanh toán quá hạn tăng.... • Nguồn tài chính đáp ứng thanh khoản, thanh toán trong ngắn hạn.	• Theo dõi dòng tiền tài sản và trách nhiệm theo từng kỳ hạn, tỷ lệ tài sản thanh khoản của các tài sản; • Quản lý bằng hạn mức thanh khoản, chỉ số GAP thanh khoản, và phân tích kịch bản; • Duy trì các tài sản có khả năng thanh khoản cao để luôn đáp ứng nghĩa vụ thanh toán.

Môi trường kinh doanh: Cơ hội và thách thức

Các rủi ro chủ yếu

Rủi ro	Nhận diện	Giám sát và Quản lý rủi ro
 **Rủi ro hoạt động**	• Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh; an toàn thông tin... • Rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ; • Rủi ro từ môi trường bên ngoài, dịch bệnh, thiên tai.	• Xây dựng và diễn tập các kịch bản ứng phó với các kịch bản gián đoạn hoạt động kinh doanh; kế hoạch dự phòng đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh; • Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố rủi ro đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh; • Giám sát, theo dõi bằng các chỉ số hoạt động (KPI), báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý; • Quản lý bằng khung quản lý rủi ro hoạt động, các quy định về an ninh bảo mật, an toàn thông tin và các quy trình, thủ tục giám sát, kiểm tra kiểm soát nội bộ; • Tăng cường nhận diện, thiết lập cơ chế giám sát các rủi ro tấn công từ bên ngoài vào hệ thống công nghệ thông tin, tuân thủ quy định pháp luật về an toàn thông tin.
 **Rủi ro danh tiếng**	• Rủi ro phát sinh khi các phương tiện thông tin đại chúng đưa các thông tin bất lợi hoặc các sản phẩm, dịch vụ chưa đáp ứng kỳ vọng của khách hàng, nhà đầu tư; • Các hoạt động của doanh nghiệp, các hành vi, thái độ của nhân viên hoặc bên thứ ba làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh doanh nghiệp.	• Quản lý bằng Cẩm nang xử lý khủng hoảng truyền thông; • Giám sát, theo dõi thông qua tiếp nhận thông tin từ các cơ quan báo chí, các trang mạng xã hội, khách hàng, công chúng; • Đảm bảo tuân thủ về công bố thông tin theo quy định pháp luật, minh bạch thông tin; • Tổ chức đào tạo và truyền thông về xử lý khủng hoảng truyền thông và rủi ro danh tiếng.
 **Rủi ro chiến lược**	• Kế hoạch kinh doanh xây dựng hàng năm có thể chưa gắn kết với các mục tiêu chiến lược đã đặt ra; • Chưa dự báo, đánh giá đầy đủ các yếu tố của môi trường kinh doanh; • Ảnh hưởng của kinh tế thế giới, kinh tế vĩ mô đến hoạt động đầu tư, hoạt động bảo hiểm.	• Xây dựng chiến lược trung và dài hạn, xây dựng bộ chỉ số quản trị chiến lược; • Báo cáo phân tích hàng quý các nhân tố kinh tế vĩ mô, kết quả kinh doanh, kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược hàng năm; • Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, chính sách pháp luật, văn hóa, kinh tế... để đưa ra quyết định chiến lược phù hợp và dự báo các rủi ro có thể xảy ra; • Đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, an toàn và hiệu quả.
 **Rủi ro phát triển bền vững**	• Các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt; • Các rủi ro của môi trường, xã hội tác động đến Bảo Việt; • Các rủi ro từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động đến môi trường, xã hội.	• Chiến lược phát triển kinh doanh luôn ưu tiên các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng số, tăng trưởng xanh; • Theo dõi định kỳ các chỉ số tài chính và phi tài chính; • Quản lý bằng quy trình, quy chế; thực hiện kiểm toán nội dung phát triển bền vững bởi kiểm toán nội bộ; • Nghiên cứu các sản phẩm ứng dụng công nghệ xanh, sử dụng tài nguyên bền vững; • Hợp tác với tổ chức, chính phủ để thúc đẩy phát triển bền vững.

Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng



Trải qua 60 năm hình thành và phát triển,

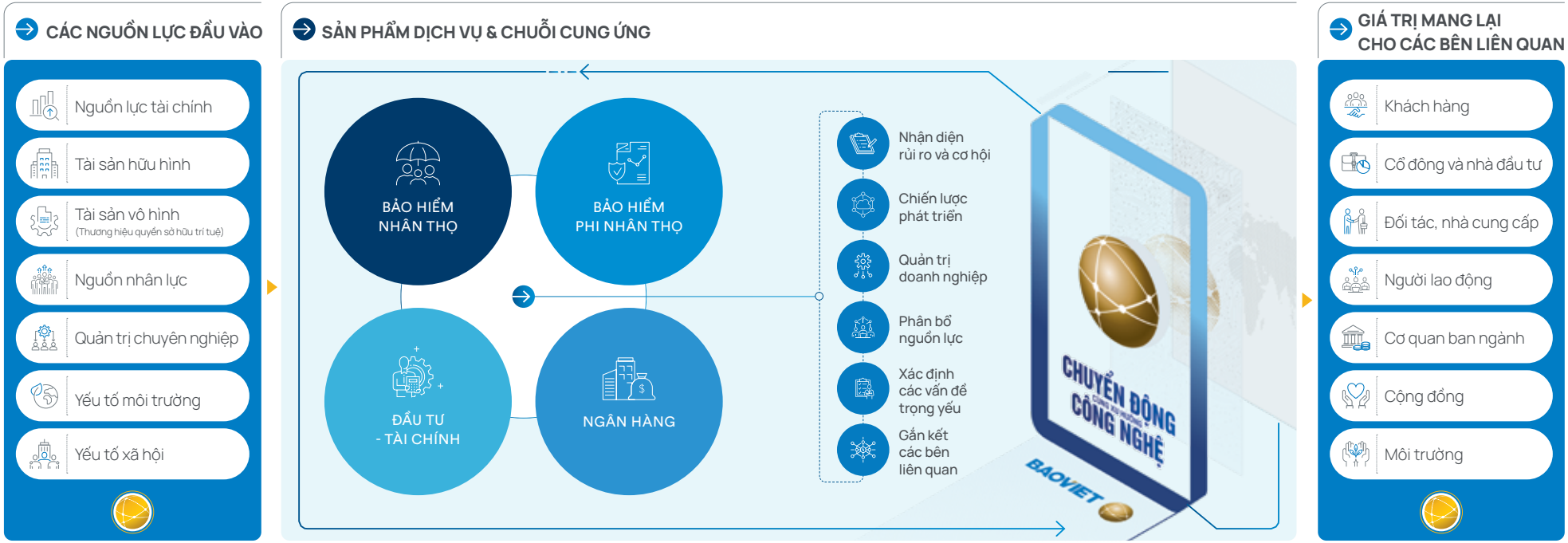
Bảo Việt luôn kiên định với định hướng phát triển bền vững, trong đó sự tăng trưởng của doanh nghiệp được xây dựng trên nền tảng hài hòa giữa hiệu quả kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của công nghệ số và các yêu cầu ngày càng cao về phát triển bền vững, Bảo Việt không ngừng đổi mới mô hình hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo dựng những giá trị dài hạn cho các bên liên quan.

Trên cơ sở nhận diện các vấn đề trọng yếu và nhu cầu của các bên liên quan, Bảo Việt xây dựng mô hình kinh doanh dựa trên việc phát huy hiệu quả các nguồn lực nội tại như nguồn nhân lực chất lượng cao, năng lực tài chính vững mạnh, nền tảng công nghệ, tri thức và uy tín thương hiệu đã được tích lũy trong suốt quá trình phát triển. Đồng thời, Tập đoàn chủ động nắm bắt các xu hướng lớn của thị trường như chuyển đổi số, phát triển bền vững, thay đổi nhân khẩu học và yêu cầu ngày càng cao về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, từ đó không ngừng hoàn thiện hệ sinh thái tài chính - bảo hiểm toàn diện.

Với định hướng **"Kiến tạo vị thế - Dẫn lối tương lai"**, Bảo Việt tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của các nguồn lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong mọi hoạt động, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vai trò tiên phong của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

Mô hình hoạt động kinh doanh



Các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

● Yếu tố nội lực ● Yếu tố bên ngoài



NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Tiềm lực tài chính vững mạnh;
Khai thác cơ hội thị trường



NGUỒN LỰC SẢN XUẤT VÀ TÀI SẢN HỮU HÌNH

Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại;
Hệ thống phân phối quy mô lớn.



TÀI SẢN VÔ HÌNH VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Năng lực phát triển sản phẩm tích hợp;
Hỗ trợ kỹ thuật từ cổ đông chiến lược.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Năng lực quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế.



YẾU TỐ XÃ HỘI

Cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững và yếu tố nhân khẩu học.



YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG

Biến đổi khí hậu và xanh hóa hoạt động kinh doanh.

Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

Tối ưu hóa các yếu tố tạo động lực tăng trưởng với Bảo Việt

Đối với mỗi doanh nghiệp, việc sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào là nhân tố quan trọng quyết định khả năng tạo ra giá trị. Những giá trị này không chỉ thể hiện ở hiệu quả kinh tế như tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông, mà còn bao gồm giá trị gia tăng cho khách hàng thông qua các sản phẩm, dịch vụ chất lượng; giá trị vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua môi trường làm việc, phúc lợi và cơ hội phát triển cũng như những lợi ích bền vững mang lại cho xã hội và môi trường.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi mạnh mẽ với sự phát triển của công nghệ và các yêu cầu ngày càng cao về phát triển bền vững, việc nhận diện đúng các yếu tố tạo động lực tăng trưởng đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định phù hợp trong việc phân bổ và khai thác nguồn lực. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn góp phần củng cố năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.



Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

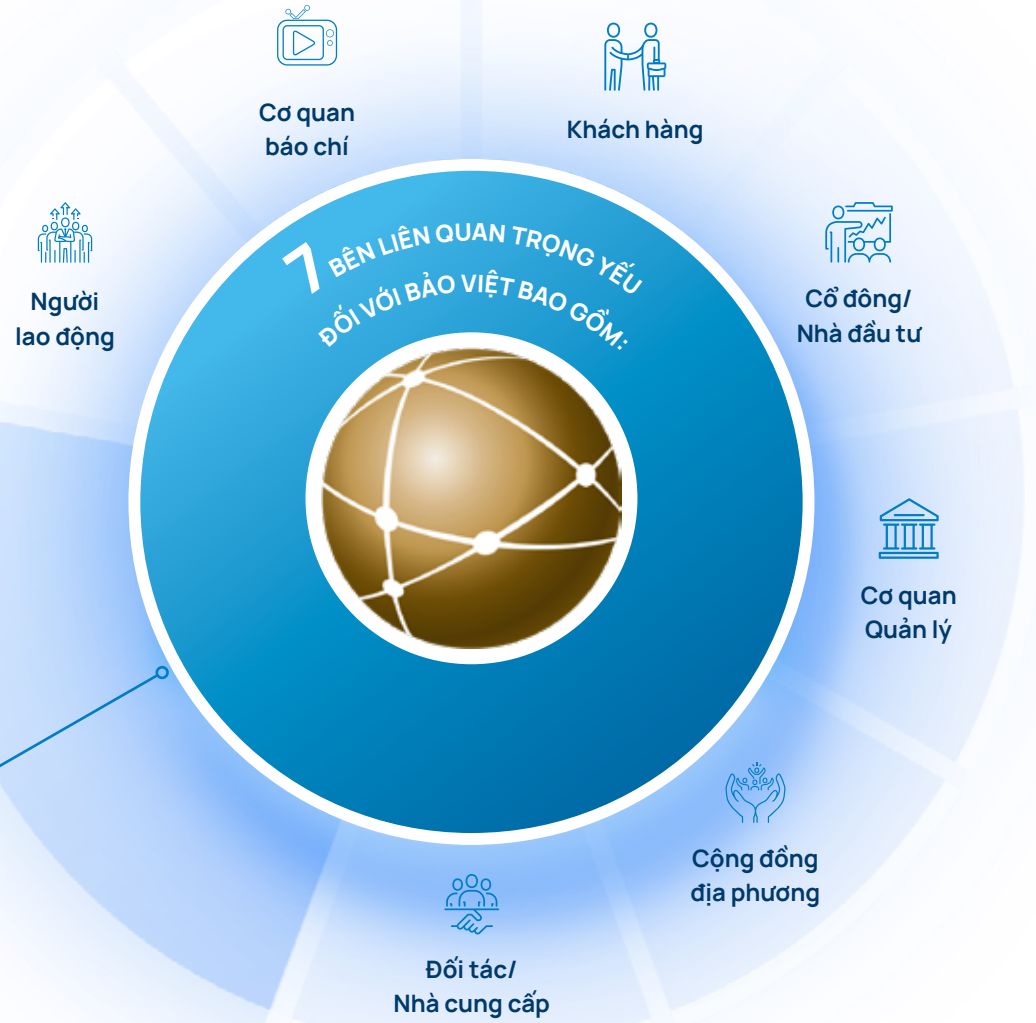
Các yếu tố đầu vào	Cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh để tạo ra giá trị	Các yếu tố đầu ra (kết quả kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ...)	Gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan
NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH • Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông); • Vốn từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm (chủ hợp đồng bảo hiểm).	• Sử dụng vốn hiệu quả thông qua việc đầu tư vào các tài sản an toàn (tỷ trọng trái phiếu Chính phủ và tiền gửi luôn chiếm trên 90% tổng danh mục đầu tư); • Tìm kiếm các kênh đầu tư mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.	• Đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc về doanh thu, lợi nhuận qua các năm; • Chi trả cổ tức với tỷ lệ 10,551%/ mệnh giá cổ phiếu; • Năng lực tài chính vững mạnh, tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế; Đóng góp trên 31.000 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước kể từ sau cổ phần hóa.	• Cổ đông/Nhà đầu tư; • Chủ hợp đồng bảo hiểm; • Khách hàng đang sử dụng các dịch vụ tài chính khác; • Cơ quan quản lý nhà nước; • Người lao động.
NGUỒN NHÂN LỰC • Cán bộ, tư vấn viên; • Văn hóa doanh nghiệp.	• Đầu tư cho hoạt động đào tạo (theo bản đồ học tập), phát triển nguồn nhân lực; • Nâng cao chất lượng của đội ngũ tư vấn viên/đại lý bảo hiểm; • Tuyển dụng và thu hút nhân tài; • Bồi dưỡng nhân tài, tăng cường sự gắn kết của người lao động; • Chính sách phúc lợi ưu việt, cơ hội thăng tiến theo năng lực.	• Xây dựng môi trường gắn kết - văn hóa vững mạnh; • Tạo được sự gắn kết người lao động trong các hoạt động doanh nghiệp; • Bổ sung nhiều chương trình phúc lợi mới (K-care, Hưu trí) nhằm mang lại quyền lợi cao hơn cho người lao động; các chương trình bảo hiểm, tiết kiệm, tích lũy và gia tăng giá trị từ đầu tư tài chính.	• Người lao động; • Đại lý, tư vấn bảo hiểm
NGUỒN LỰC SẢN XUẤT VÀ TÀI SẢN HỮU HÌNH • Dữ liệu và công nghệ; Mô hình quản trị và quy trình vận hành, thị trường và sự thay đổi hành vi khách hàng.	• Chuyển đổi số và Ứng dụng công nghệ: Triển khai các nền tảng số để nâng cao trải nghiệm khách hàng, tự động hóa quy trình xử lý bồi thường và tối ưu hoạt động bán hàng; • Phát triển sản phẩm và Cá nhân hóa dịch vụ: Sử dụng dữ liệu lớn và AI để phân tích nhu cầu khách hàng, từ đó thiết kế các sản phẩm bảo hiểm phù hợp với từng đối tượng; • Mở rộng hệ sinh thái bảo hiểm: Hợp tác với các nền tảng tài chính, y tế, ngân hàng để tạo ra các gói sản phẩm bảo hiểm tích hợp, gia tăng giá trị cho khách hàng; • Tối ưu hóa và tự động hóa quy trình nghiệp vụ: Ứng dụng RPA (Robotic Process Automation) và AI để tự động hóa các nghiệp vụ bảo hiểm như giám định, phát hành hợp đồng, giải quyết bồi thường nhằm giảm thời gian xử lý và tối ưu chi phí vận hành; • Phát triển kênh phân phối đa dạng: Áp dụng mô hình bán bảo hiểm trực tuyến, liên kết với các nền tảng thương mại điện tử, ứng dụng di động nhằm tiếp cận khách hàng hiệu quả hơn.	• Tăng trưởng doanh thu và Hiệu quả kinh doanh: Gia tăng doanh số từ sản phẩm bảo hiểm cá nhân hóa, mở rộng tệp khách hàng và nâng cao tỷ lệ giữ chân khách hàng; • Cải thiện trải nghiệm khách hàng: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhanh chóng, minh bạch, tiện lợi trên các nền tảng số, giúp khách hàng tiếp cận sản phẩm dễ dàng hơn; • Cung cấp sản phẩm và Dịch vụ mới: Xây dựng các gói bảo hiểm linh hoạt, tích hợp với các dịch vụ tài chính, y tế, đầu tư để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.	• Khách hàng; • Đối tác.

Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

Các yếu tố đầu vào	Cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh để tạo ra giá trị	Các yếu tố đầu ra (kết quả kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ...)	Gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan
TÀI SẢN VÔ HÌNH VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ • Dẫn đầu thị trường về năng lực phát triển sản phẩm; • Giá trị thương hiệu; • Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ các cổ đông chiến lược nước ngoài.	• Đầu tư phát triển sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau; • Ra mắt các sản phẩm bảo hiểm mới và nhiều sản phẩm tài chính tích hợp; • Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua các giải thưởng uy tín; • Tận dụng thế mạnh của cổ đông chiến lược để tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong quản trị, điều hành và các mảng kinh doanh cốt lõi.	• Cung cấp giỏ sản phẩm đa dạng với trên 100 sản phẩm phi nhân thọ và 74 sản phẩm nhân thọ, ra mắt các sản phẩm mới chuyên biệt, ưu việt và áp dụng công nghệ mới trong kinh doanh: Ứng dụng tích hợp quản lý giải pháp Bảo hiểm số - Baoviet Direct; ứng dụng My BVLife; MyDoc, sản phẩm "An Khang Hạnh Phúc" với các nhóm quyền lợi ưu việt; • Thương hiệu Bảo Việt nằm trong top các thương hiệu bảo hiểm tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; • Triển khai hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ, nâng cao năng lực khai thác bảo hiểm với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược Sumitomo Life.	• Cổ đông; • Khách hàng; • Đối tác
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP • Mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế; Hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được chuẩn hóa.	• Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế (Thẻ điểm quản trị ASEAN, Nguyên tắc quản trị công ty của OECD phiên bản 2023...); Cẩm nang quản trị công ty phiên bản 2025; • Tăng cường vai trò kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro tuân thủ, phát huy sức mạnh hợp lực và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành.	• Tăng cường vai trò của Công ty mẹ, tăng cường hợp lực giữa các đơn vị thành viên. Công ty Mẹ đóng vai trò điều phối, là hạt nhân của cả hệ thống Tập đoàn, chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành hoạt động toàn Tập đoàn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.	• Cổ đông; • Người lao động.
YẾU TỐ XÃ HỘI • Các mối quan hệ xã hội; • Các yếu tố nhân khẩu học; • Xu hướng phát triển bền vững; • Trách nhiệm xã hội.	• Các yếu tố nhân khẩu học (cơ cấu dân số vàng, tốc độ già hóa dân số nhanh) mở ra cơ hội phát triển các sản phẩm mới; • Nắm bắt cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững: Đầu tư có trách nhiệm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm tài chính xanh; • Thực hiện trách nhiệm xã hội: Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Phát triển cộng đồng địa phương; Tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo.	• Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện, ung thư kết hợp các lợi ích bảo vệ, tích lũy, đảm bảo sự an tâm cho người lao động khi về già; • Phát triển các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội: nhóm bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Bảo Việt Tâm Bình, An Tâm Viện phí...), Bảo hiểm cao cấp Bảo Việt Intercare, nhóm Bảo hiểm chuyên biệt như Bảo hiểm Bệnh ung thư K-Care, Bảo hiểm 37 Bệnh hiểm nghèo... Bảo hiểm Bảo Việt hiện là đơn vị bảo hiểm đang triển khai mạng lưới bảo lãnh viện phí lớn nhất thị trường với trên 250 bệnh viện/ cơ sở y tế trong và ngoài nước; • Đầu tư xây dựng trạm y tế, trường học, xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng bền vững.	
YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG • Biến đổi khí hậu; • Giảm phát thải và hiệu ứng nhà kính.	• Giảm khí thải nhà kính thông qua các dự án trồng cây xanh; • Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh; • Giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc, triển khai thực hành 5S (Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Săn sóc - Sẵn sàng).	• Triển khai hoạt động quan trắc định kỳ hàng quý tại trụ sở làm việc; • Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, giảm rác thải nhựa trong văn phòng; • Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; • Tiết giảm nước thải và tiết kiệm năng lượng.	• Môi trường kinh doanh; • Môi trường sống.

Gắn kết các bên liên quan

60 năm hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, Bảo Việt hiểu rằng các bên liên quan không chỉ là đối tác mà còn là những nhân tố đồng hành, góp phần định hình chiến lược phát triển của Bảo Việt. Chúng tôi coi phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá trong hành trình phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Với mỗi nhóm đối tượng, Bảo Việt sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau. Phản hồi từ các bên được chúng tôi thận trọng xem xét, nghiên cứu và nỗ lực để đưa vào các chính sách.



Các bên liên quan trọng yếu đối với Bảo Việt

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa trên sự quan tâm và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.

Gắn kết các bên liên quan

Nguyên tắc xác định các bên liên quan

Nguyên tắc đánh giá trọng yếu kép (Double materiality assessment) lần đầu tiên được đề xuất chính thức bởi Ủy ban Châu Âu (European Commission) trong hướng dẫn báo cáo phi tài chính: Bổ sung báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu (bản tháng 6 năm 2019). Nguyên tắc này khuyến khích các doanh nghiệp đánh giá các vấn đề trọng yếu từ hai góc độ để có cái nhìn toàn diện về tác động qua lại giữa hoạt động của mình và các yếu tố xung quanh:

Tác động bên ngoài

Tác động của các bên liên quan, vấn đề trọng yếu (bao gồm Môi trường, Xã hội) đến sự phát triển, hiệu suất và vị thế của doanh nghiệp.



NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ TRỌNG YẾU KÉP



BẢO VIỆT

MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG

Tác động trở lại

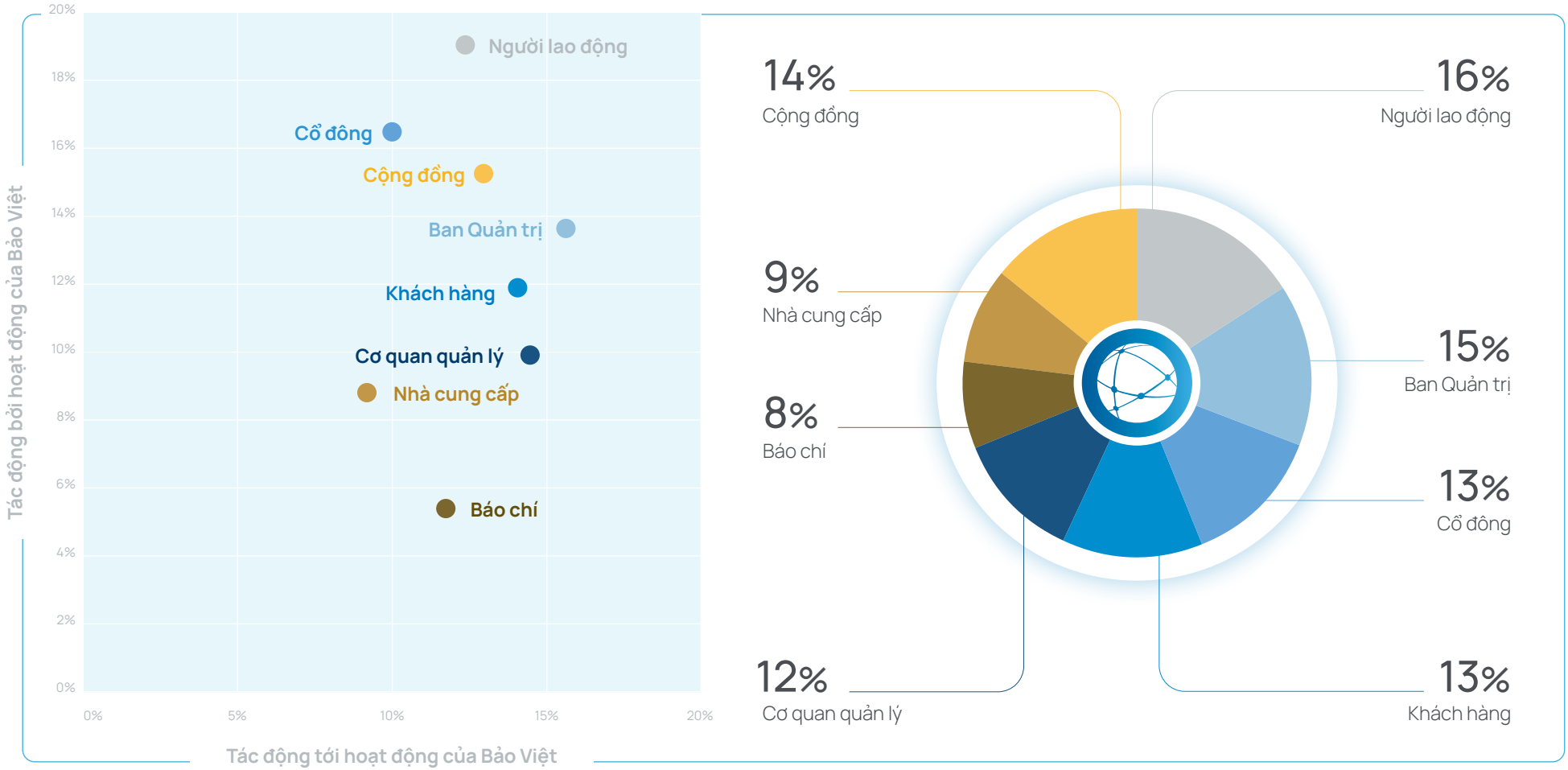
Tác động của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đến các bên liên quan, vấn đề trọng yếu (bao gồm Môi trường, Xã hội).

Căn cứ vào nguyên tắc đánh giá trọng yếu kép, Bảo Việt xác định các bên liên quan trọng yếu dựa vào mức độ ảnh hưởng thông qua hai chiều tác động: Tác động của các bên lên Bảo Việt và tác động của Bảo Việt lên các bên. Biểu đồ đầu tiên minh họa mức độ ảnh hưởng của từng nhóm đối tượng như người lao động, ban quản trị, cộng đồng, cơ quan quản lý, cổ đông, nhà cung cấp và khách hàng. Biểu đồ thứ hai cung cấp tỷ trọng mức độ ảnh hưởng của mỗi nhóm.

Gắn kết các bên liên quan

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt theo tỷ trọng và các yếu tố như sau:

Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan:



Gắn kết các bên liên quan

Hoạt động gắn kết của Bảo Việt với các bên liên quan

Bảo Việt tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều qua đó các vấn đề phát triển bền vững trong năm 2025 được Bảo Việt đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

BÊN LIÊN QUAN NỘI BỘ	Người lao động	Hội nghị người lao động thường niên, sự kiện nội bộ/ấn phẩm nội bộ: Kênh Viva Engagement, Teams, các chương trình đào tạo.
	Ban Quản trị	Liên tục trao đổi thông tin và cập nhật về hoạt động quản trị kinh doanh để đảm bảo sự thống nhất và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp với mục tiêu ngắn, trung, dài hạn của Bảo Việt.
	Cổ đông / Nhà đầu tư	Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư/ đại hội đồng cổ đông; website Bảo Việt; các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư thực hiện trực tiếp và trực tuyến.
BÊN LIÊN QUAN BÊN NGOÀI	Khách hàng	Đội ngũ cán bộ, nhân viên, đại lý, tư vấn viên tiếp xúc trực tiếp với khách hàng; trung tâm chăm sóc khách hàng và số hotline hoạt động 24/7; kênh giải đáp khách hàng tích hợp trên hệ thống website.
	Cơ quan quản lý	Tham gia các hội nghị, hội thảo do Chính phủ, Bộ tổ chức; tham gia các tổ chức, hiệp hội: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam; Hội đồng Doanh nghiệp Vì sự phát triển bền vững; Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam...
	Cơ quan báo chí	Tổ chức các hoạt động hợp tác báo chí, thông cáo báo chí về hoạt động doanh nghiệp thường xuyên trên toàn quốc.
	Cộng đồng địa phương	Phối hợp với chính quyền địa phương tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.
	Đối tác / Nhà cung cấp	Gặp gỡ trao đổi trực tiếp, bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác với nhà cung cấp.

Năm 2025, chúng tôi tiến hành lấy ý kiến rộng rãi trên mạng xã hội của Bảo Việt thông qua phiếu khảo sát về phát triển bền vững tại chuyên mục Phát triển bền vững/Khảo sát các bên liên quan. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững 2025. Đồng thời, thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề được các bên liên quan quan tâm, chúng tôi có thể đưa ra các quyết sách đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Gắn kết các bên liên quan

Sự tham gia của các bên liên quan

Cổ đông/Nhà đầu tư

Chủ đề được các bên quan tâm

- Hoạt động kinh doanh tăng trưởng hiệu quả, bền vững;
- Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông;
- Thông tin minh bạch.

Hành động của Bảo Việt năm 2025

- Nâng cao minh bạch và công bố thông tin theo chuẩn mực quốc tế (GRI, IFRS, hướng tới ISSB);
- Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ về cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết;
- Chi trả cổ tức đầy đủ, công bố thông tin minh bạch;
- Đẩy mạnh đối thoại và công bố thông tin ESG.

Kết quả

- Duy trì 4 năm liên tiếp được ghi nhận trong DJSI/CSA;
- Tổ chức 01 Đại hội đồng cổ đông trong năm 2025;
- Tổ chức các hội nghị/cuộc họp với khoảng 50 lượt nhà đầu tư;
- Tham gia 02 hội thảo với các nhà đầu tư lớn tại thị trường trong nước và quốc tế;
- Trên 100 cuộc gọi, trao đổi, gặp gỡ từ cổ đông, nhà đầu tư cá nhân được giải quyết;
- Chi trả cổ tức ổn định 10,551%/ mệnh giá cổ phiếu.

Khách hàng

Chủ đề được các bên quan tâm

- Uy tín doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
- Sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Hành động của Bảo Việt năm 2025

- Phát triển sản phẩm theo hướng cá nhân hóa, tích hợp yếu tố ESG và quản lý rủi ro tài chính;
- Ứng dụng công nghệ (AI, Machine learning trong xây dựng AdviserBot) trong nâng cao trải nghiệm khách hàng;
- Tăng cường hệ thống chăm sóc khách hàng đa kênh, khảo sát lấy ý kiến khách hàng online và tại quầy dịch vụ;
- Thành lập các nhóm nghiên cứu làm việc để cải thiện tình hình kinh doanh.

Kết quả

- Ra mắt hàng chục sản phẩm bảo hiểm mới và 02 gói tài chính cho khách hàng và doanh nghiệp cùng các chương trình ưu đãi và Customer Loyalty;
- Ra mắt 02 ứng dụng và hệ thống dịch vụ, nâng cao trải nghiệm thông qua các nền tảng số;
- Triển khai BAOVIET DigiHub - mô hình văn phòng giao dịch thế hệ mới, tích hợp đa dịch vụ Ngân hàng - Bảo hiểm - Chứng khoán tại cùng một điểm chạm;
- Tiếp nhận hơn 1.300 phản hồi tích cực từ khách hàng;
- Ra mắt Câu lạc bộ đổi mới sáng tạo.

Người lao động

Chủ đề được các bên quan tâm

- Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp;
- Gia tăng quyền lợi, phúc lợi cho người lao động;
- Chế độ đãi ngộ và cơ hội thăng tiến.

Hành động của Bảo Việt năm 2025

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực quản trị và thích ứng chuyển đổi số;
- Tăng cường chính sách phúc lợi, chăm sóc sức khỏe toàn diện;
- Xây dựng môi trường làm việc gắn kết, đa dạng và bền vững;
- Tổ chức các phong trào rèn luyện sức khỏe.

Kết quả

- Khoảng 6.500 cán bộ được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn;
- Triển khai chương trình bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm bệnh ung thư và thẻ bảo lãnh bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho người lao động;
- Xây dựng phòng tập Yoga, Zumba, thành lập câu lạc bộ chạy, xe đạp, yoga, pickleball, nhiếp ảnh, đi bộ... tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ;
- Xây dựng nhà ăn tập thể cung cấp bữa trưa và các cơ sở vật chất bếp ăn;
- Triển khai chương trình "Người Bảo Việt dùng hàng Bảo Việt" mang đến ưu đãi lớn cho người lao động khi tham gia các dịch vụ trong hệ thống Bảo Việt.

Gắn kết các bên liên quan

Cơ quan quản lý

Chủ đề được các bên quan tâm

- Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ;
- Chung tay cùng cơ quan quản lý thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của nên kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư.

Hành động của Bảo Việt năm 2025

- Chủ động triển khai các định hướng, chính sách phát triển của Chính phủ;
- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý trong việc thực thi các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, thị trường và cộng đồng dân cư.

Kết quả

- Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động tại các địa phương nơi Bảo Việt hoạt động, đặc biệt tại các khu vực còn khó khăn;
- Đồng hành cùng cơ quan quản lý trong các hoạt động vì cộng đồng và hưởng ứng các hoạt động truyền thông, phổ biến các quy định chính sách mới;

Cơ quan báo chí

Chủ đề được các bên quan tâm

- Cung cấp, chia sẻ thông tin cởi mở, chủ động, thường xuyên để báo chí có thể phản ánh chân thực, khách quan về hoạt động của doanh nghiệp đến công chúng.

Hành động của Bảo Việt năm 2025

- Tăng cường kết nối và hợp tác với các cơ quan báo chí, đảm bảo thông tin về hoạt động doanh nghiệp được truyền tải kịp thời, khách quan, chân thực;
- Đẩy mạnh truyền thông chủ động thông qua tăng cường số lượng thông tin thông cáo báo chí.

Kết quả

- Thực hiện các bài viết cung cấp thông tin về Bảo Việt đến công chúng định kỳ, chủ động, đăng tải trên các cơ quan truyền thông đại chúng uy tín;
- Khoảng 500 tin, bài viết về kết quả kinh doanh, giải thưởng, hoạt động cộng đồng, phát triển bền vững của Bảo Việt được đăng tải trên các cơ quan báo chí.

Cộng đồng địa phương

Chủ đề được các bên quan tâm

- Hỗ trợ người dân nâng cao các điều kiện sống cơ bản;
- Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.

Hành động của Bảo Việt năm 2025

- Triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng gắn với nâng cao chất lượng cuộc sống và sinh kế cho người dân;
- Lồng ghép các yếu tố môi trường trong hoạt động đầu tư và vận hành, hướng tới giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính.

Kết quả

- Tổ chức các chương trình khám chữa bệnh, trao quà và hỗ trợ giáo dục cho học sinh, sinh viên;
- Tổng giá trị đầu tư cho hoạt động an sinh xã hội đạt hàng chục tỷ đồng trong năm;
- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ tại các tòa nhà, đảm bảo tuân thủ quy định.

Đối tác/ nhà cung cấp

Chủ đề được các bên quan tâm

- Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp.

Hành động của Bảo Việt năm 2025

- Tăng cường tích hợp tiêu chí ESG trong lựa chọn và quản lý nhà cung cấp;
- Bổ sung tiêu chí đánh giá về môi trường và xã hội trong quy trình Quy trình đầu tư dự án và Quy trình đầu tư góp vốn cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt.

Kết quả

- Áp dụng bộ tiêu chí đánh giá nhà cung cấp trên 5 phương diện trong đó có yếu tố môi trường;
- Các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu về quản trị, tuân thủ pháp luật và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội.

Xác định các lĩnh vực trọng yếu

Đánh giá lĩnh vực trọng yếu là nguyên tắc yêu cầu báo cáo nhưng đồng thời là quá trình xác định nội dung trọng tâm phù hợp với chiến lược phát triển bền vững đã được xây dựng. Quá trình thực hiện đánh giá trọng yếu tại Bảo Việt được tiến hành theo đúng các bước của quy trình và phương pháp luận đánh giá lĩnh vực trọng yếu theo GRI Standards.

1.

Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt



4.

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm



2.

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

3.

Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt





Xác định các lĩnh vực trọng yếu

Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu

Trên cơ sở phân tích tác động theo các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường cho các hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi xác định các lĩnh vực trong yếu quy chiếu theo GRI Standards. Chúng tôi thực hiện tổng hợp mức độ quan tâm theo các lĩnh vực đã được xác định đối với từng bên liên quan chủ yếu dựa trên kết quả gắn kết tham vấn các bên liên quan. Sau đó, chúng tôi tổng hợp đánh giá lĩnh vực trọng yếu trên ma trận theo các kết quả đánh giá mức độ quan trọng với các bên liên quan và doanh nghiệp.

Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

- Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành;
- Phân tích thông tin báo chí;
- Đánh giá, khảo sát từ khách hàng Thông tin từ các Hiệp hội ngành;
- Các thảo luận nội bộ với người ao động;
- Các buổi tiếp xúc với lãnh đạo địa phương.

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

Sàng lọc các lĩnh vực quan trọng cần được ưu tiên;

Xác thực lĩnh vực trọng yếu từ Lãnh đạo cấp cao;

Lựa chọn các vấn đề được coi là trọng yếu với Bảo Việt.

Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

Phân tích ảnh hưởng tới các bên liên quan

- Xác định trọng số của các bên liên quan;
- Đánh giá mức ảnh hưởng của vấn đề lên các bên;
- Tính điểm trung bình theo trọng số và mức ảnh hưởng các bên.

Phân tích các ảnh hưởng đến hoạt động của Bảo Việt

- Đánh giá cho điểm ảnh hưởng lên doanh số chi phí các quy định, uy tín doanh nghiệp.

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm



Xây dựng Bộ tập hợp các vấn đề có liên quan đến phát triển bền vững (Tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI Standards)

Phân loại các lĩnh vực trọng yếu theo 3 nội dung:



Đánh giá và rà soát nội bộ

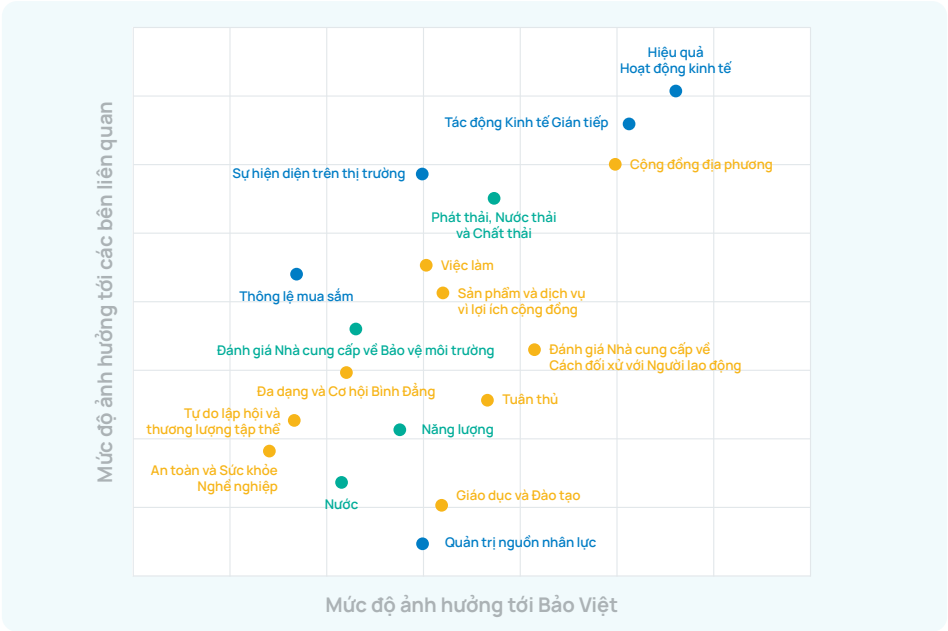


Xác định các lĩnh vực trọng yếu

Xác định lĩnh vực trọng yếu

Bảo Việt thực hiện tham khảo ý kiến của những chuyên gia trong lĩnh vực, triển khai các phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh ngành đối với các vấn đề trọng yếu mà Bảo Việt cần phải xem xét tại thời điểm hiện tại. Đồng thời, chúng tôi cũng cân nhắc đến ý kiến của các bên liên quan đối với các vấn đề đó thông qua việc rà soát các đề xuất, bình luận trên kênh nội bộ, mạng xã hội và kết quả từ Phiếu khảo sát công khai trên website.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp trong năm 2025, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các lĩnh vực trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Đánh giá về sự phù hợp của phương pháp quản trị đối với các lĩnh vực trọng yếu

Các vấn đề trọng yếu đã được nhận diện và đánh giá theo hướng tích hợp mối quan tâm của các bên liên quan và của Bảo Việt cụ thể theo 5 lĩnh vực: Kinh tế, Xã hội, Môi trường, Quản trị, An toàn và Sức khỏe khách hàng, từ đó Bảo Việt có thể phân bổ nguồn lực hợp lý, đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Nội dung liên quan đến các vấn đề trọng yếu nêu trên được phân tích và trình bày chi tiết tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt được lập theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards.

Truy cập vào website:
baoviet.com.vn/BVH_SR2025_VN

Quét mã QR code để xem báo cáo



Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt

Xu hướng công nghệ tác động đến ngành bảo hiểm



Bước sang năm 2026, ngành bảo hiểm toàn cầu tiếp tục chịu tác động mạnh mẽ của làn sóng AI thế hệ mới và kinh tế số. Theo cập nhật từ Gartner, các xu hướng nổi bật gồm: Agentic AI, Responsible AI, AI Governance Platforms, Hyperautomation, Cloud-Native Platforms và Cybersecurity Mesh Architecture.

Đáng chú ý, cùng với sự phát triển công nghệ, khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin cũng ngày càng hoàn thiện và siết chặt. Ở phạm vi quốc tế, các chuẩn mực như General Data Protection Regulation (GDPR) tiếp tục là tham chiếu quan trọng cho hoạt động quản trị dữ liệu và ứng dụng AI. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp bảo hiểm phải tích hợp yếu tố tuân thủ pháp lý ngay từ khâu thiết kế hệ thống, đồng thời tăng cường năng lực quản trị dữ liệu và bảo mật thông tin.

Sự hội tụ của các công nghệ tiên tiến cùng với yêu cầu tuân thủ pháp lý chặt chẽ đang tạo nền tảng cho mô hình "Digital Insurance Enterprise" - doanh nghiệp bảo hiểm vận hành dựa trên dữ liệu, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo, đồng thời đảm bảo an toàn, minh bạch và bền vững trong môi trường số.

Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt

Cơ hội và rủi ro từ xu hướng công nghệ đến ngành bảo hiểm và Bảo Việt

Cơ hội

Ứng dụng AI, tự động hóa và hạ tầng cloud giúp doanh nghiệp bảo hiểm nâng cao hiệu quả vận hành, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và bồi thường, tăng độ chính xác trong đánh giá rủi ro, cá nhân hóa sản phẩm - dịch vụ và mở rộng hệ sinh thái hợp tác công nghệ.

Thách thức

Song song với cơ hội là những thách thức đáng kể về công nghệ, quản trị và tuân thủ pháp lý. Khi AI tham gia trực tiếp vào các quyết định kinh doanh cốt lõi, doanh nghiệp phải đối mặt với rủi ro an ninh mạng, rò rỉ dữ liệu và yêu cầu tuân thủ pháp lý ngày càng chặt chẽ như Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật An ninh mạng và Luật Trí tuệ nhân tạo, đồng thời cần tăng cường đầu tư cho quản trị dữ liệu, kiểm soát AI và nâng cao năng lực nhân sự công nghệ.

Rủi ro

Việc phụ thuộc ngày càng lớn vào hạ tầng số và các nền tảng công nghệ cũng làm gia tăng rủi ro vận hành, bao gồm gián đoạn hệ thống, rủi ro từ bên thứ ba cung cấp dịch vụ công nghệ (cloud, nền tảng số), sai lệch hoặc thiên vị trong mô hình AI, cũng như nguy cơ mất an toàn dữ liệu trong quá trình chia sẻ và tích hợp hệ thống. Nếu không được quản trị hiệu quả, các rủi ro này có thể ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu, niềm tin của khách hàng và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt

Hành động của Bảo Việt đã thực hiện để nắm bắt xu hướng công nghệ

Trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, Bảo Việt đang chuyển mình và tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ sinh thái số nhằm tối ưu hóa dữ liệu, quy trình làm việc và gia tăng giá trị cho khách hàng, đối tác cũng như hệ thống nội bộ. Việc tận dụng công nghệ hiện đại giúp Bảo Việt tích hợp các sản phẩm, dịch vụ trên cùng một nền tảng, từ đó mở rộng quy mô và nâng cao lợi thế cạnh tranh. Các hành động trọng tâm của Bảo Việt trong chuyển đổi số toàn diện:

Nghiên cứu, xây dựng và triển khai hàng loạt các nền tảng phục vụ chuyển đổi số toàn diện

Trong năm 2025, Bảo Việt tập trung nghiên cứu và từng bước xây dựng các nền tảng công nghệ trọng điểm nhằm phục vụ lộ trình chuyển đổi số toàn diện của Tập đoàn. Trọng tâm bao gồm nghiên cứu phát triển nền tảng tự động hóa quy trình BVPM nhằm tăng tốc phát triển ứng dụng và tự động hóa các quy trình nghiệp vụ; đồng thời nghiên cứu, bắt đầu xây dựng nền tảng quản trị và khai thác dữ liệu khách hàng CRM - CDP để hỗ trợ chiến lược lấy khách hàng làm trung tâm và nâng cao hiệu quả quản lý bán hàng, chăm sóc khách hàng. Trong quá trình đó, Bảo Việt đang từng bước nghiên cứu và thiết lập nền tảng phân tích dữ liệu tập trung trên kiến trúc Big Data, hướng tới hình thành trung tâm dữ liệu hợp nhất cho toàn Tập đoàn. Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng triển khai nền tảng cộng tác số Bảo Việt Connect nhằm xây dựng môi trường làm việc số thống nhất, tăng cường kết nối và nâng cao hiệu quả phối hợp trong toàn hệ thống. Các sáng kiến này đang tiếp tục được nghiên cứu và hoàn thiện, tạo nền tảng cho việc phát triển hệ sinh thái số và thúc đẩy chuyển đổi số của Bảo Việt trong các giai đoạn tiếp theo.

Tăng cường triển khai các ứng dụng nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ và gia tăng trải nghiệm khách hàng

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các hệ thống công nghệ thông tin hiện có, đặc biệt là hệ thống các phần mềm Core, hệ thống báo cáo quản trị xuyên suốt từ Tập đoàn tới các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục triển khai giải pháp văn phòng điện tử BVOffice để trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp, quản lý tờ trình, công văn, quản lý công việc và các công tác hành chính khác nhằm số hóa phương thức quản trị văn phòng truyền thống tại Tập đoàn Bảo Việt.
- Tập trung hoàn thiện và nâng cao trải nghiệm của khách hàng trên các hệ thống dành cho khách hàng và đại lý như hệ thống Baoviet Direct, MyBVlife, bảo hiểm trực tuyến, hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ trực tuyến OFTP. Chú trọng cải thiện và nâng cấp hệ thống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng thông minh với chatbot AI, quy trình bồi thường tự động và dịch vụ trực tuyến hiện đại, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận sản phẩm bảo hiểm.
- Đẩy mạnh thương mại điện tử và cá nhân hóa sản phẩm: Mở rộng phân phối sản phẩm bảo hiểm trên nền tảng số, đồng thời thử nghiệm AI và Big Data để cá nhân hóa phí bảo hiểm và các dịch vụ đi kèm.
- Tập trung kết nối các hệ thống nhằm hoàn thiện hệ sinh thái số Bảo Việt.

Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt

Tối ưu hóa cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng công nghệ hiện đại trong vận hành hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), góp phần nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng, tối ưu quy trình triển khai và rút ngắn thời gian tích hợp các ứng dụng phục vụ hoạt động kinh doanh. Song song đó, tăng cường các giải pháp bảo mật trong quản lý ứng dụng và hạ tầng mạng, qua đó nâng cao mức độ an toàn hệ thống trước các nguy cơ an ninh mạng

Các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- **Nâng cao mô hình bảo mật:** Nghiên cứu và ứng dụng các mô hình an toàn thông tin tiên tiến như bảo vệ theo chiều sâu, Zero Trust và SecDevOps, đồng thời triển khai các giải pháp tự động hóa nhằm tăng cường năng lực phòng thủ hệ thống.
- **Tăng cường năng lực ứng phó và giám sát:** Đẩy mạnh hoạt động của đội ứng cứu sự cố, tham gia các diễn đàn chuyên môn, tổ chức diễn tập; chủ động săn tìm mối đe dọa, giám sát rủi ro, kiểm tra đánh giá hệ thống định kỳ và triển khai bảo vệ theo cấp độ đã phân loại.
- **Công tác tuân thủ bảo vệ dữ liệu cá nhân:** Nghiên cứu các văn bản pháp luật mới ban hành về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng để tiếp tục bổ sung các hoạt động triển khai tại Tập đoàn Bảo Việt nhằm tuân thủ yêu cầu mới.

Những nỗ lực trên không chỉ giúp Bảo Việt nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu trải nghiệm khách hàng mà còn tạo nền tảng vững chắc để tiếp tục đổi mới, thích ứng với sự thay đổi của thị trường và công nghệ trong tương lai.



Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt

Kế hoạch 2026 và định hướng đến 2030 đối với hoạt động công nghệ thông tin của Bảo Việt

Định hướng CNTT của Bảo Việt đến năm 2030 là trên cơ sở tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Tập đoàn ứng dụng CNTT một cách linh hoạt nhằm thích ứng với sự thay đổi liên tục về công nghệ để phát triển bền vững, triển khai các hệ thống CNTT tiên tiến, hiện đại đẩy mạnh việc chuyển đổi số toàn diện trong mọi hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt.

Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh đổi mới và ứng dụng các công nghệ hiện đại, thúc đẩy việc tăng cường tích hợp CNTT trong quy trình quản lý, điều hành của Tập đoàn Bảo Việt, tăng khả năng kết nối, liên thông, tích hợp và chia sẻ thông tin, thực sự đưa CNTT là thế mạnh của Bảo Việt nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trong thời đại mới, thời đại của cách mạng công nghiệp 4.0 với định hướng cụ thể như sau:

- Thiết lập kiến trúc CNTT thống nhất, dữ liệu tập trung và mô hình kết nối mở để toàn bộ hệ thống vận hành dựa trên một nền tảng chung, làm cơ sở cho việc phát triển hệ sinh thái số, sản phẩm tích hợp và các dịch vụ đa đơn vị.
- Phát triển năng lực công nghệ cốt lõi mang tính nền tảng: Ưu tiên hình thành các năng lực lõi mang tính dài hạn như quản trị dữ liệu, Open API, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, kiến trúc microservices... tạo năng lực cạnh tranh bền vững và khả năng mở rộng trong tương lai.
- Tập trung vào việc triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ cho 3 đối tượng: khách hàng, đại lý và đối tác. Bám sát các xu thế công nghệ có thể ứng dụng hiệu quả cho hoạt động kinh doanh, nâng cao các thế mạnh của Tập đoàn Bảo Việt.
- Xây dựng được hệ thống quản trị tập trung của toàn Tập đoàn trên nền tảng công nghệ 4.0.
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh (BCP - Business continuous plan) đồng thời ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro gián đoạn, đảm bảo tính liên tục trong vận hành và nâng cao khả năng phục hồi hệ thống trước mọi tình huống.
- Hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế, phấn đấu đến năm 2030, đạt trình độ phát triển công nghệ thuộc nhóm các công ty dẫn đầu trong ngành Tài chính - Bảo hiểm Việt Nam; đáp ứng tốt nhu cầu dịch vụ tài chính bảo hiểm của nền kinh tế.



Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt

Các ảnh hưởng từ xu hướng phát triển bền vững tới Bảo Việt

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn với những rủi ro ngày càng gia tăng như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, căng thẳng thương mại và nợ công toàn cầu, yêu cầu phát triển bền vững đang trở thành xu hướng tất yếu đối với các doanh nghiệp. Những biến động này không chỉ tác động đến môi trường kinh doanh mà còn đặt ra những thách thức mới đối với hoạt động của các tổ chức tài chính - bảo hiểm. Trên cơ sở theo dõi và đánh giá các xu hướng kinh tế, xã hội và môi trường, Bảo Việt nhận diện các rủi ro và cơ hội có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như lợi ích của các bên liên quan.



Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt

Thách thức từ biến đổi khí hậu – Việt Nam hứng chịu nhiều tác động từ thảm họa thiên nhiên



Các báo cáo khí hậu gần đây cũng cho thấy xu hướng nóng lên toàn cầu tiếp tục duy trì ở mức cao trong năm 2025, với nhiệt độ trung bình toàn cầu vẫn nằm trong nhóm cao nhất từng được ghi nhận và giai đoạn 2023 - 2025 trở thành ba năm nóng nhất trong lịch sử quan trắc.

Song song với sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu, nồng độ khí nhà kính trong khí quyển cũng tiếp tục đạt mức kỷ lục. Theo các số liệu quan trắc quốc tế, nồng độ CO_2 trong khí quyển đã đạt khoảng 430,2 ppm vào tháng 5/2025, tăng 3,5 ppm so với cùng kỳ năm 2024 và là mức cao nhất kể từ khi các phép đo chính xác được bắt đầu cách đây 67 năm.

Biến đổi khí hậu đang gây ra những tác động sâu rộng đến môi trường, kinh tế và đời sống xã hội. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, lũ lụt, sóng nhiệt, cháy rừng và bão nhiệt đới có xu hướng gia tăng cả về tần suất lẫn cường độ. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu, đặc biệt là các hiện tượng thiên tai như lũ quét, sạt lở đất và mưa lũ cực đoan tại các khu vực miền núi phía Bắc.

Các nghiên cứu dự báo cho thấy nếu nhiệt độ toàn cầu tiếp tục gia tăng, mực nước biển tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có thể tăng từ 55 - 75 cm trong thế kỷ tới, khiến khoảng 40% diện tích khu vực này có nguy cơ bị ngập, đồng thời làm gia tăng tình trạng xâm nhập mặn và ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

Trước những thách thức đó, Việt Nam đã triển khai nhiều chính sách và chương trình nhằm tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính. Các nội dung này được lồng ghép vào Luật Bảo vệ môi trường, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC). Đồng thời, Việt Nam cũng đã triển khai Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP) theo hướng dẫn của Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), tập trung vào các lĩnh vực dễ bị tổn thương như tài nguyên môi trường, nông nghiệp, hạ tầng giao thông, phát triển đô thị, du lịch, sức khỏe cộng đồng và công nghiệp.

Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt

Kinh tế tuần hoàn kiến tạo giá trị bền vững



Trong 60 năm đồng hành và phát triển cùng sự phát triển của đất nước, Bảo Việt không chỉ khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm mà còn vững vàng với sứ mệnh lan tỏa các giá trị phát triển bền vững đến cộng đồng.

Khi thế giới đang từng bước chuyển mình mạnh mẽ để đối mặt với khủng hoảng tài nguyên, biến đổi khí hậu và bất bình đẳng xã hội, kinh tế tuần hoàn là một giải pháp tất yếu, thông minh. Đây không chỉ là mô hình tái sử dụng tài nguyên, giảm phát thải, mà còn là biểu tượng của tư duy đổi mới - chuyển rác thải thành tài nguyên, chuyển thách thức thành cơ hội. Các thành phố thông minh, công nghệ sạch, fintech, proptech, di chuyển xanh... đều là minh chứng cho sự phát triển tất yếu của một nền kinh tế biết học hỏi từ tự nhiên và hoàn trả lại cho tự nhiên. Bảo Việt nhận thức rằng đổi mới vì tương lai không thể chờ đợi. Tập đoàn đã và đang tích cực ứng dụng các nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn vào chiến lược phát triển như: Số hóa quy trình để giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên; Thiết kế sản phẩm dịch vụ xanh, thân thiện với môi trường; Thúc đẩy tinh thần tiêu dùng có trách nhiệm trong nội bộ và ngoài xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, việc chuyển đổi từ kinh tế thẳng sang kinh tế tuần hoàn là thiết yếu đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, không ngoại trừ Việt Nam.

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng ta từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này.

Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt



HÀNH ĐỘNG NHỎ LỚN CHO THAY ĐỔI

Bảo Việt đồng hành cùng Việt Nam trong thực hiện mục tiêu của Hội nghị COP30

Hội nghị Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (COP) là hội nghị thường niên tổ chức trong khuôn khổ Công ước khung Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) nhằm đánh giá quá trình đương đầu với biến đổi khí hậu, Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ cùng gần 200 quốc gia thực hiện giảm thiểu sản xuất và sử dụng nhiên liệu hóa thạch như dầu khí và than đá, để đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

Trong hội nghị COP30 quy tụ hơn 190 quốc gia trong nỗ lực tìm cách chặn đà nóng lên nguy hiểm của Trái Đất. Tại COP30, mục tiêu là xây dựng lộ trình hành động cho thập kỷ 2025-2035. Kết quả có thể bao gồm cam kết về tài chính khí hậu, cơ chế thích ứng, bảo vệ rừng, chuyển đổi năng lượng sạch, và có thể nếu may mắn, lộ trình giảm dần nhiên liệu hóa thạch.

Trong năm 2025, để chủ động thích ứng và hiện thực hóa cam kết thành hành động trong việc ứng dụng công nghệ nhằm giảm phát thải trong hoạt động kinh doanh, Bảo Việt đã đã tập trung xây dựng Hệ sinh thái số, mang lại giá trị tăng thêm cho khách hàng bằng cách tối ưu hóa dữ liệu và quy trình làm việc từ các bộ phận, công cụ, hệ thống nội bộ, cũng như với khách hàng, nhà cung cấp và đối tác bên ngoài. Với những hành động cụ thể, Bảo Việt đang phát triển và hoàn thiện hệ sinh thái số của riêng mình bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ vào cùng một nền tảng từ đó giúp Bảo Việt mở rộng quy mô kinh doanh, tăng lợi thế cạnh tranh và đảm bảo giảm thiểu các tác động đến môi trường.

Biến đổi khí hậu tác động gián tiếp lên sức khỏe con người thông qua nguồn gây bệnh, làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các bệnh dịch, gây ra các rủi ro từ gói bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe của Bảo Việt. Các rủi ro về con người, tài sản cũng ảnh hưởng tới Bảo Việt với các chi phí bồi thường gia tăng.

Những thiệt hại của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế của quốc gia gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Bảo Việt xét ở khía cạnh thu nhập của người dân giảm và các ưu tiên dành cho bảo hiểm có thể được thay thế cho những nguy cơ khác cấp bách hơn của khách hàng nhằm phục vụ cho các mục tiêu ngắn hạn.

Việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề mang tính toàn cầu nhưng đây cũng có thể là cơ hội nếu biết khai thác, tận dụng. Bảo Việt nhìn nhận trách nhiệm của mình trong việc chung tay giải quyết các thách thức thông qua việc phát triển các sản phẩm chuyên biệt như One-storm - bảo hiểm bão nhiệt đới, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cây lúa... góp phần giảm nhẹ thiệt hại và hậu quả của biến đổi khí hậu.

Bảo Việt đã triển khai một loạt các giải pháp đồng bộ để nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đại lý và tư vấn viên trên cơ sở hoàn thiện nâng cấp hệ thống core, kết nối liên thông giữa các hệ thống trong nội bộ và tăng cường hợp tác với các đối tác công nghệ, đối tác thanh toán, các hệ sinh thái khác để hình thành một hệ sinh thái số hoàn chỉnh cho Tập đoàn Bảo Việt.

Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt

Gắn kết mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động của doanh nghiệp

Hưởng ứng lời kêu gọi tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững thông qua chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là các mục tiêu phát triển bền vững cho giai đoạn 2021 - 2030, theo đó các doanh nghiệp trên toàn thế giới được kêu gọi đánh giá tác động của mình, đặt ra những mục tiêu tham vọng với quyết tâm mạnh mẽ và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch.

Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc đến năm 2030

gồm 17 mục tiêu với 169 chỉ tiêu được cụ thể hóa.



Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững đến năm 2030 của doanh nghiệp. Để điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, Bảo Việt không chỉ lồng ghép các mục tiêu vào quá trình lập kế hoạch chiến lược, phát triển kinh doanh mà còn vào mọi khía cạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Việc áp dụng một phương pháp tích hợp toàn diện này sẽ mở rộng tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp, thúc đẩy các quyết định và các hoạt động của doanh nghiệp với kỳ vọng mang lại lợi ích trong dài hạn cho các bên liên quan.

Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Nhận diện các ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn, Bảo Việt đã gắn kết các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 trên cơ sở đánh giá các hoạt động đã triển khai và phân tích các tác động đối với Bảo Việt.



Định hướng

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.



Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Cam kết từ Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Chiến lược phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự cam kết và quyết định của Ban lãnh đạo. Tại Bảo Việt, việc định hướng và cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, cũng như việc gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh nhận được sự đồng thuận từ cấp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, lãnh đạo quản lý cấp trung đến cán bộ nhân viên.

Hiện thực hóa chiến lược thông qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

Bảo Việt công bố định hướng phát triển bền vững trong chiến lược phát triển của Bảo Việt với sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Trung tâm/Ban chức năng và đơn vị thành viên. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội). Tại mỗi đơn vị, định hướng chiến lược, kế hoạch hành động, mục tiêu phát triển của đơn vị được phổ biến, thống nhất tới cán bộ nhân viên thông qua các cuộc họp triển khai nhiệm vụ kinh doanh, họp hội nghị người lao động, các khóa đào tạo, phổ biến tới toàn thể cán bộ.

Theo dõi và chỉ đạo các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tại các cuộc họp này, Tổng Giám đốc, các Ủy ban trực thuộc HĐQT và các cán bộ quản lý báo cáo về các vấn đề trọng tâm liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. HĐQT sẽ xem xét và có những đánh giá, định hướng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: đánh giá tình hình kinh tế xã hội để có những sự thay đổi chiến lược kinh doanh hợp lý chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên; triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội. Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT được ban hành sau các cuộc họp.



HĐQT giám sát việc triển khai chiến lược của Bảo Việt, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. HĐQT có trách nhiệm phê duyệt chủ trương thực hiện và phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Hội đồng Quản trị giao Ban điều hành và bộ phận chịu trách nhiệm về phát triển bền vững chuẩn bị, xây dựng nội dung phù hợp với chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững và phù hợp với pháp luật, thông lệ và điều kiện Việt Nam.

Bảo Việt cũng cử đại diện tham gia Ban Điều hành Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) nhiệm kỳ 2023-2026, qua đó Bảo Việt có cơ hội cập nhật các xu hướng mới về phát triển bền vững để gắn kết trong chiến lược và hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn, đồng thời cam kết sẽ chung tay cùng Ban Điều hành VBCSD trong các hoạt động thường niên về phát triển bền vững nhằm thúc đẩy kinh doanh theo hướng phát triển bền vững; Thúc đẩy nhân rộng áp dụng bộ chỉ số bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng thành lập Tổ thường trực về phát triển bền vững gồm 45 thành viên, trong đó bao gồm Lãnh đạo Tập đoàn, Lãnh đạo các Khối/Ban chức năng/Văn phòng, có sự phân quyền rõ ràng cho các thành viên đối với từng nhóm mục tiêu căn cứ trên 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và các lĩnh vực mà Bảo Việt có thể tác động lớn nhất khi triển khai các mục tiêu đó.

Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Giải pháp phát triển bền vững ngắn – trung và dài hạn

Trong quá trình định hình các cơ hội thị trường do các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững mang lại trên nền tảng các triết lý kinh doanh dựa trên sự chia sẻ (shared value), tuần hoàn (circular economy), dịch vụ tinh gọn (smart service), dữ liệu lớn (big data) và đầu tư có trách nhiệm (responsible investment), Bảo Việt hiểu rằng thực hiện thành công các mục tiêu toàn cầu là chìa khóa mở ra cánh cửa tới phát triển kinh doanh lâu dài.



Để điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, Bảo Việt không chỉ lồng ghép các mục tiêu vào quá trình lập kế hoạch chiến lược, đổi mới phát triển kinh doanh mà còn vào mọi khía cạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, từ đầu tư, vận hành hoạt động đến marketing, truyền thông thương hiệu, quản lý và phát triển nguồn nhân lực... Việc áp dụng một phương pháp tích hợp toàn diện này sẽ mở rộng tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp, thúc đẩy các quyết định và các hoạt động đầu tư với kỳ vọng mang lại lợi ích trong dài hạn khi xu hướng phát triển bền vững trở thành xu hướng tất yếu và bước vào chu kỳ tăng tốc.

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững đến năm 2030 của doanh nghiệp bao gồm:



Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Giải pháp



1. Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu phát triển dài hạn trong mọi hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
2. Tiếp tục duy trì mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo thông lệ quốc tế, minh bạch, hiệu quả; cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
3. Đảm bảo nguồn nhân lực đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và năng lực ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và kinh doanh.
4. Tập trung đầu tư cho công nghệ thông tin, coi chuyển đổi số là con đường ngắn nhất để Bảo Việt phát triển các lĩnh vực kinh doanh ổn định và bền vững, là một trong các động lực quan trọng nhất cho sự tăng trưởng, tăng năng suất lao động.
5. Thúc đẩy tăng trưởng thông qua các hoạt động hợp lực đa dạng theo chuỗi giá trị giữa các đơn vị trong Tập đoàn, tận dụng tối đa năng lực từng thành viên trong Bảo Việt, củng cố và phát triển năng lực cốt lõi, xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững.
6. Tăng cường công tác quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
7. Khai thác tối ưu, nâng cao hiệu quả kênh phân phối truyền thống đại lý (năng lực cốt lõi của Tập đoàn), tập trung nguồn lực để phát triển kênh số.
8. Phát triển các sản phẩm bảo hiểm - tài chính tích hợp trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai các chương trình bảo hiểm vi mô cho người có thu nhập thấp, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm sức khỏe trong đó chú trọng bảo hiểm chuyên biệt cho các bệnh hiểm nghèo...

Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Tăng trưởng kinh tế bền vững



Gắn kết SDGs

Tiêu chuẩn GRI

Tăng trưởng kinh tế bền vững

Ngắn hạn (2023-2025)

- Giữ vị trí hàng đầu trên thị trường bảo hiểm;
- Đảm bảo chính sách chi trả cổ tức đều đặn, tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế;
- Chiến lược đầu tư thận trọng đảm bảo an toàn tài sản trên nguyên tắc vốn đầu tư phân bổ theo hiệu quả và khả năng sinh lời của các đơn vị;
- Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư;
- Mở rộng hoạt động kinh doanh, đóng góp cho kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương tại các địa bàn Bảo Việt đang hoạt động;
- Đẩy mạnh mô hình sản phẩm tài chính - bảo hiểm tích hợp, thúc đẩy tiêu dùng có trách nhiệm.

Dài hạn (2026 - 2030)

- Tăng cường chuyển đổi số trên nền tảng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng hỗ trợ nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Phát triển gói sản phẩm dịch vụ tài chính - bảo hiểm mới đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng;
- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận; tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt trên 8%, đảm bảo quyền lợi cổ tức cho cổ đông vượt cam kết;
- Quản lý rủi ro, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua nộp thuế và cổ tức, đóng góp gián tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ;
- Duy trì vị trí hàng đầu trong việc tái đầu tư trở lại nền kinh tế từ nguồn phí bảo hiểm.

Giải pháp

- Hoàn thiện hệ sinh thái số bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ vào cùng một nền tảng;
- Chú trọng đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, đón đầu nhu cầu thị trường;
- Triển khai ứng dụng AI trong bài toán nhận diện quang học - OCR nhằm tự động hoá một số quy trình từ đó nâng cao năng suất lao động; triển khai eKYC (định danh khách hàng điện tử);
- Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư - tài chính - ngân hàng;
- Đẩy mạnh hợp lực, bán chéo, nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Triển khai bảo hiểm hưu trí tự nguyện; bảo hiểm chuyên biệt cho bệnh hiểm nghèo, đẩy mạnh bảo hiểm vi mô cho người thu nhập thấp.

Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội



Gắn kết SDGs

Tiêu chuẩn GRI

Đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội

Ngắn hạn (2023-2025)

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư tại các địa bàn khó khăn, tập trung cho các huyện nghèo vùng cao;
- Hỗ trợ các điều kiện sống cơ bản cho người dân vùng khó khăn nhằm giúp họ tập trung lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình tốt hơn;
- Đầu tư phát triển các gói sản phẩm bảo hiểm vi mô và sản phẩm đáp ứng các nhu cầu bảo vệ cho khách hàng thông qua gói sản phẩm đa dạng với tính năng ưu việt, linh hoạt;
- Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến;
- Đầu tư cho công tác giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, góp phần xây dựng thế hệ tri thức tương lai của đất nước.

Dài hạn (2026 - 2030)

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn;
- Đầu tư hỗ trợ các huyện nghèo xây dựng cơ sở hạ tầng, từng bước đem lại điều kiện sống tốt và cuộc sống khỏe mạnh hơn cho người dân;
- Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập cho tư vấn viên để tăng sự gắn bó lâu dài;
- Đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ công tác khuyến học.

Giải pháp

- Triển khai các hoạt động xóa nghèo, đầu tư xây thêm các nhà bán trú dân nuôi, trạm y tế, trường học tại các địa phương khó khăn;
- Tổ chức các chương trình kỷ niệm dành cho nữ cán bộ nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 tại công sở nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và quyền phụ nữ
- Dành ngân sách 1% lợi nhuận sau thuế cho các hoạt động cộng đồng khác như đầu tư cho thế hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ;
- Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả;
- Gắn kết người lao động trong các hoạt động vì cộng đồng thông qua tổ chức các sự kiện mang hơi ấm tới vùng cao, trồng cây xanh, thăm hỏi gia đình có công với đất nước...

Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu chiến lược đến năm 2025

Thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2025

Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt khoảng

237,2 nghìn tỷ đồng

tăng 4% so với năm 2024

Tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt khoảng

1,1 triệu tỷ đồng

Khối bảo hiểm phi nhân thọ với doanh thu phí ước đạt

88,4 nghìn tỷ đồng

tăng 10,3% so với năm trước.

Bảo hiểm nhân thọ với doanh thu phí ước đạt

148,8 nghìn tỷ đồng

tăng khoảng 0,4% so với năm 2024.



Trong giai đoạn 2021 - 2025, thị trường bảo hiểm Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn và biến động lớn, từ đại dịch Covid-19 kéo dài, khủng hoảng niềm tin liên quan đến hoạt động phân phối bảo hiểm qua ngân hàng cho tới các rủi ro thiên tai, bão lũ và hỏa hoạn xảy ra tại nhiều địa phương. Sang năm 2025, thị trường tài chính - bảo hiểm tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định. Tuy nhiên, nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, các chính sách điều hành kinh tế linh hoạt của Chính phủ cùng với các chương trình hỗ trợ phục hồi kinh tế đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh và thúc đẩy nhu cầu bảo vệ tài chính của người dân.

Một điểm đáng chú ý của thị trường trong năm 2025 là việc tái cấu trúc sản phẩm bảo hiểm nhân thọ từ ngày 1/7/2025, hướng tới việc đơn giản hóa cấu trúc sản phẩm, tăng tính minh bạch và tập trung vào các giải pháp bảo vệ thiết thực cho khách hàng. Đồng thời, các quy định liên quan đến hoạt động phân phối bảo hiểm, đặc biệt là kênh bancassurance và hệ thống đại lý tiếp tục được siết chặt nhằm nâng cao chất lượng tư vấn và bảo vệ quyền lợi người tham gia bảo hiểm.

Thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2025 duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định với tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt khoảng 237,2 nghìn tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2024, trong khi tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt khoảng 1,1 triệu tỷ đồng. Tăng trưởng của thị trường có sự phân hóa rõ rệt giữa hai khối bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ. Khối bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của thị trường với doanh thu phí ước đạt 88,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm trước. Các nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Bảo hiểm nhân thọ ghi nhận dấu hiệu phục hồi chậm nhưng ổn định với doanh thu phí ước đạt 148,8 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 0,4% so với năm 2024. Sự phục hồi này cho thấy quá trình tái cấu trúc thị trường đang dần phát huy hiệu quả, góp phần củng cố niềm tin của khách hàng và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của ngành bảo hiểm trong thời gian tới.

Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức nhưng cũng mở ra những cơ hội mới, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục kiên định định hướng phát triển bền vững các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, trong đó Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) và Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) giữ vai trò nòng cốt và là trụ cột trong hoạt động kinh doanh truyền thống của Tập đoàn. Vì vậy, một trong những ưu tiên chiến lược của Tập đoàn là tập trung nguồn lực nhằm tăng cường năng lực tài chính cho các đơn vị này, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.



Với mô hình Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, Bảo Việt có lợi thế khác biệt so với nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khác trên thị trường nhờ khả năng cung cấp chuỗi sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chính tích hợp cho khách hàng. Hiện nay, Tập đoàn cung cấp hàng trăm sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, đồng thời phát triển các dịch vụ tài chính liên quan như ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ và đầu tư, qua đó hình thành hệ sinh thái dịch vụ tài chính đa dạng và toàn diện.

Mạng lưới hoạt động của Bảo Việt được xây dựng rộng khắp toàn quốc với 180 chi nhánh và 1.200 phòng giao dịch, cùng đội ngũ 227.000 đại lý và tư vấn viên. Hệ thống này hiện đang phục vụ khoảng 20 triệu khách hàng mỗi năm, tương đương 20% dân số Việt Nam, qua đó khẳng định vị thế và độ phủ thị trường vượt trội của Tập đoàn trong ngành bảo hiểm.

Hệ thống phân phối quy mô lớn với **180** chi nhánh và **1.200** phòng giao dịch tại các tỉnh thành trên toàn quốc

Đội ngũ **227.000** đại lý và tư vấn viên

Đang phục vụ khoảng **20 triệu** khách hàng

Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn đạt

59.700 tỷ đồng

tăng 5% so với năm 2024.

Lợi nhuận sau thuế đạt

2.922 tỷ đồng

tăng 33,2% so với năm trước.

Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt, tổng doanh thu đạt

1.828 tỷ đồng

tăng 8% so với năm 2024

Lợi nhuận sau thuế đạt

1.285 tỷ đồng

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo cùng với nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định trong năm 2025, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra. Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn đạt 59.700 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 2.922 tỷ đồng, tăng 33,2% so với năm trước. Đối với Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt, tổng doanh thu đạt 1.828 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2024, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 1.285 tỷ đồng.

Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Bảo Việt tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những nhà đầu tư tổ chức lớn nhất của nền kinh tế, với tỷ trọng đầu tư trở lại nền kinh tế chiếm khoảng 27% tổng nguồn vốn đầu tư của toàn thị trường bảo hiểm. Đồng thời, tổng số tiền bồi thường và chi trả quyền lợi bảo hiểm của Bảo Việt cũng chiếm khoảng ¼ tổng số tiền chi trả của toàn thị trường, góp phần bảo vệ quyền lợi cho tổ chức và người dân khi gặp phải rủi ro.

Bảo Việt hướng đến xây dựng hệ sinh thái số từ nền tảng hệ sinh thái hiện nay để tận dụng thế mạnh hợp lực của toàn Tập đoàn, lấy khách hàng là trung tâm trong mọi hoạt động và triển khai mô hình kinh doanh số "một khách hàng, đa sản phẩm". Với lợi thế về sản phẩm tích hợp (ngân hàng - chứng khoán - quỹ - bảo hiểm - chăm sóc sức khỏe) và dịch vụ khác biệt, mô hình "một khách hàng, đa sản phẩm" sẽ tăng cường trải nghiệm khách hàng, thúc đẩy doanh thu và chuyển dịch khách hàng hiện hữu, khách hàng mới từ offline sang online.

Về hợp lực bán chéo bảo hiểm, mục tiêu là khai thác tiềm năng và năng lực cốt lõi mà Bảo Việt có lợi thế duy nhất trên thị trường, đó là hoạt động ở cả thị trường bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ với 237.000 đại lý và tư vấn viên, mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành. Bình quân doanh thu bán chéo hàng năm đạt khoảng 1.000 tỷ đồng, góp phần tăng thu nhập cho đại lý/tư vấn viên.

Tập đoàn Bảo Việt thực hiện chi trả hơn 783 tỷ đồng cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ 10,551%. Việc chi trả cổ tức này thể hiện cam kết của Bảo Việt trong việc gia tăng giá trị cho cổ đông, đồng thời phản ánh kết quả kinh doanh tích cực của Tập đoàn trong năm 2025. Với tiềm lực tài chính mạnh, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong số các doanh nghiệp bảo hiểm, cổ phiếu BVH luôn đóng vai trò dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngành bảo hiểm. Với giá trị vốn hóa lớn và khối lượng giao dịch luôn duy trì ở mức cao đã giúp cổ phiếu BVH trở thành điểm đến của dòng tiền từ các nhà đầu tư dài hạn và các quỹ đầu tư quốc tế.

Bên cạnh việc tạo ra công ăn việc làm cho khoảng 6.500 cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống, Bảo Việt cũng tạo thêm thu nhập, công việc cho hàng trăm nghìn người là đại lý, tư vấn viên hàng năm.

Ngoài việc đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, Tập đoàn Bảo Việt còn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Tập đoàn đã dành hơn 45 tỷ đồng cho các chương trình hỗ trợ giáo dục, y tế, xóa nhà tạm, khắc phục hậu quả thiên tai và nhiều hoạt động cộng đồng khác.

Riêng trong năm 2025, Bảo Việt đã đóng góp hơn

35,9 TỶ ĐỒNG

cho các hoạt động an sinh xã hội, tập trung hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ và trao hàng nghìn suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.



Bảo Việt đã đạt được mức tăng trưởng và phát triển ổn định, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 đặt ra, tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trên cả hai mảng kinh doanh chính là bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ.

TĂNG TRƯỞNG HIỆU QUẢ

Thông qua việc phát triển các sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu thị trường, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa quy trình vận hành, Bảo Việt tiếp tục mở rộng không gian tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh.





TĂNG TRƯỞNG
HIỆU QUẢ

Thông qua việc phát triển các sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu thị trường, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa quy trình vận hành, Bảo Việt tiếp tục mở rộng không gian tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Những bước tiến này không chỉ góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh mà còn khẳng định vai trò tiên phong của Bảo Việt trong việc định hình xu hướng phát triển của ngành tài chính - bảo hiểm tại Việt Nam.



Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ ghi nhận

45.260 TỶ ĐỒNG
Tổng doanh thu

2.168 TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận sau thuế
Tăng 43,6% so với năm 2024

Tiếp tục dẫn đầu về tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ ghi dấu một năm kết quả khả quan với

12.920 TỶ ĐỒNG
Tổng doanh thu
Tăng trưởng 8,3% so cùng kỳ

Lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác

2.320+ TỶ ĐỒNG
Tổng doanh thu
Đóng góp 4% vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn

Hệ số an toàn vốn/tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo mức an toàn cao

Năm 2025, Bảo Việt chi

783+ TỶ ĐỒNG
Trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông
(tỷ lệ 10,551%
trên mệnh giá cổ phiếu)

Đây là mức cổ tức ổn định bằng tiền mặt trên thị trường.

Tập đoàn phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư, gắn kết yếu tố ESG trong hoạt động đầu tư.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Đánh giá về tình hình kinh tế thế giới, khu vực và vùng

Kinh tế vĩ mô thế giới năm 2025: Tăng trưởng GDP được duy trì nhưng dễ tổn thương

Kinh tế thế giới đã cho thấy năng lực chống chịu tốt hơn kỳ vọng trước các cú sốc địa chính trị và áp lực thuế quan mới của Mỹ nhờ sự chủ động thích ứng của các chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp và người dân; động lực tăng trưởng cũng đến từ đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu, đổi mới - sáng tạo và sự điều hành linh hoạt chính sách tài khóa, tiền tệ. Theo các tổ chức quốc tế như IMF, OECD và Ngân hàng Thế giới, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 ước đạt khoảng 3,2 - 3,3%, trong khi một số dự báo thận trọng hơn cho rằng mức tăng trưởng chỉ khoảng 2,5 - 2,7%, cho thấy xu hướng tăng trưởng chững lại của kinh tế thế giới.

Trong bối cảnh đó, một số yếu tố lớn đã tác động đáng kể đến triển vọng kinh tế toàn cầu trong năm 2025.

Căng thẳng địa chính trị và bất ổn tại Trung Đông

Căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới tiếp tục là yếu tố bất định lớn đối với kinh tế toàn cầu. Các cuộc xung đột kéo dài như chiến sự Nga - Ukraine và xung đột tại khu vực Trung Đông (Israel - Palestine) đã làm gia tăng rủi ro đối với thương mại quốc tế, chuỗi cung ứng và thị trường năng lượng.



Những xung đột này làm gia tăng biến động giá năng lượng và chi phí vận tải toàn cầu, đồng thời ảnh hưởng đến hoạt động thương mại và đầu tư giữa các khu vực. Bối cảnh địa chính trị phức tạp khiến nhiều nền kinh tế phải duy trì chính sách kinh tế thận trọng, nhằm giảm thiểu các cú sốc từ môi trường bên ngoài.

Điều chỉnh chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn

Sau giai đoạn thắt chặt tiền tệ kéo dài nhằm kiểm soát lạm phát, nhiều ngân hàng trung ương lớn bắt đầu chuyển sang xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã bắt đầu chu kỳ giảm lãi suất nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh lạm phát dần hạ nhiệt. Tại châu Âu, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cũng thực hiện các bước điều chỉnh chính sách tiền tệ nhằm kích thích đầu tư và tiêu dùng trong khu vực Eurozone.

Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục triển khai các biện pháp nới lỏng tiền tệ nhằm thúc đẩy thanh khoản trong hệ thống tài chính và hỗ trợ tiêu dùng nội địa trong bối cảnh thị trường bất động sản suy yếu và tăng trưởng kinh tế chậm lại.

Xu hướng điều chỉnh chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn đã góp phần cải thiện thanh khoản trên thị trường tài chính toàn cầu, tuy nhiên cũng làm gia tăng biến động dòng vốn quốc tế.

Lạm phát toàn cầu giảm nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro

Một điểm đáng chú ý của kinh tế toàn cầu năm 2025 là lạm phát có xu hướng giảm so với giai đoạn trước. Theo IMF, lạm phát toàn cầu năm 2025 khoảng 4,2 - 4,3%, thấp hơn mức trên 5% của năm 2024, chủ yếu do giá hàng hóa và năng lượng giảm.

Tuy nhiên, diễn biến lạm phát không đồng đều giữa các khu vực. Một số nền kinh tế phát triển vẫn duy trì mức lạm phát cao hơn mục tiêu của các ngân hàng trung ương, trong khi Trung Quốc tiếp tục đối mặt với áp lực giảm phát.

Sự phát triển nhanh của công nghệ và chuyển đổi số

Chuyển đổi số và các công nghệ của Cách mạng công nghiệp 4.0 tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây, dữ liệu lớn và tự động hóa đang thu hút dòng vốn đầu tư lớn và trở thành động lực đổi mới của nhiều ngành kinh tế.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh của công nghệ cũng góp phần thay đổi cấu trúc sản xuất và thương mại toàn cầu, thúc đẩy hình thành các mô hình kinh doanh mới và nâng cao năng suất lao động.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2025

Kinh tế toàn cầu năm 2026 được dự báo tăng trong khoảng 2,9 - 3,1%, sau đó ổn định ở mức tăng này trong năm 2027, nhờ tiêu dùng bền vững và chi tiêu vốn tăng cao. Trong ngắn hạn, hoạt động kinh tế được dự báo sẽ giảm nhẹ khi các động thái tăng thuế quan sẽ đẩy chi phí tăng dần, ảnh hưởng tiêu cực đến đầu tư và thương mại, trong bối cảnh bất ổn chính sách và địa chính trị triền miên. GDP toàn cầu được kỳ vọng sẽ tăng vững trở lại vào cuối năm 2026 khi tác động của thuế quan yếu dần, điều kiện tài chính cải thiện và lạm phát thấp sẽ hỗ trợ tăng nhu cầu, trong đó EMEs châu Á sẽ tiếp tục đóng góp chủ yếu cho xu hướng tăng này.

Có nhiều yếu tố hỗ trợ tăng trưởng GDP toàn cầu trong ngắn hạn, như các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trước cuộc bầu cử giữa kỳ 2026 tại Mỹ. Các gói kích thích tài khóa tại Trung Quốc, đầu tư tại châu Âu, tăng trưởng AI và các thỏa thuận thương mại giữa Mỹ với các bên đối tác có thể thúc đẩy kinh tế toàn cầu và mở rộng chu kỳ tăng trưởng. Những thách thức gần đây đối với tính độc lập của Fed và một số ngân hàng trung ương khác có thể tiếp tục hỗ trợ kinh tế toàn cầu trong trung hạn, mặc dù chính sách tiền tệ nới lỏng có thể làm tăng mất cân bằng dài hạn.

Dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 (%)



Tổ chức	Toàn cầu	Mỹ	Eurozone	Trung Quốc
OECD	~3,3	2,0	1,2	4,5
IMF	~3,3	2,0	1,2	4,5
Goldman Sachs	2,8	2,6	1,3	4,8
S&P Global	~3,1	2,1	1,1	4,4

Nguồn: BVH tổng hợp

Lạm phát được dự báo tiếp tục giảm về mục tiêu của các ngân hàng trung ương, mặc dù lạm phát cơ bản vẫn đứng ở mức cao tại một số khu vực.

Các xu thế tất yếu dự báo sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ đến triển vọng kinh tế thế giới giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm:

1. Xu thế cắt giảm đầu tư do cầu yếu, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc;
2. Căng thẳng địa - chính trị khó lường, nhiều rủi ro cho nền kinh tế thế giới;
3. Thay đổi nhân khẩu học: già hóa dân số, đô thị hóa và tầng lớp trung lưu gia tăng;
4. Tiến bộ công nghệ có thể làm thay đổi bản chất của thương mại, đầu tư và lao động toàn cầu, tạo cơ hội cho các nước đi sau tăng tốc phát triển nhưng cũng có thể khiến cho các khâu sản xuất có thể chuyển ngược trở lại các quốc gia phát triển, làm hạn chế dòng dịch chuyển vốn toàn cầu;
5. Biến đổi môi trường và khí hậu, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới khiến nhu cầu về thực phẩm và nước tăng cao;
6. Cơ hội kinh tế mới, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyển đổi công nghệ, năng lượng tái tạo và ứng phó với biến đổi khí hậu. Về chuyển đổi công nghệ và AI, công nghệ AI sẽ tiếp tục là động lực chính thúc đẩy sự đổi mới trong nhiều ngành công nghiệp. Cơ hội kinh tế sẽ đến từ việc ứng dụng AI trong tự động hóa sản xuất, y tế, tài chính và giao thông. Trí tuệ nhân tạo sẽ giúp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa quy trình và tạo ra sản phẩm mới.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam

Kinh tế Việt Nam 2025: Trên đà phục hồi mạnh mẽ



Năm 2025 là giai đoạn bản lề của kinh tế Việt Nam: nền kinh tế đồng thời chịu tác động từ biến động quốc tế và bước vào "kỷ nguyên phát triển mới" với định hướng chính sách chiến lược cho giai đoạn 2026 - 2030. Trong tiến trình tái thiết mô hình tăng trưởng, Việt Nam đã xác lập các khuôn khổ thể chế mang tính bước ngoặt; tiêu biểu là Nghị quyết số 57/NQ-CP về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đổi mới sáng tạo, và Nghị quyết số 68/NQ-TW về phát huy vai trò nòng cốt của khu vực kinh tế tư nhân. Trên nền tảng đó, tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt 8,02% lạm phát cơ bản được kiểm soát ở mức 3,21% so với năm trước đã phản ánh định hướng chính sách đầy quyết tâm của Chính phủ.

Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, chất lượng tăng trưởng và đời sống dân sinh được cải thiện tích cực: Quy mô nền kinh tế ước đạt 514 tỷ USD, xếp thứ 32 thế giới và thứ 4 ASEAN; GDP bình quân đầu người 5.026 USD, gấp 1,4 lần năm 2020, chính thức trở thành quốc gia thu nhập trung bình cao. Năng suất lao động tăng 6,83% (cao hơn mục tiêu 5,4%); đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 47%, vượt mục tiêu là 45%; thu nhập bình quân người lao động đạt 8,4 triệu đồng/tháng năm 2025, gấp 1,5 lần năm 2020.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Các động lực chính bao gồm:

Tiêu dùng nội địa phục hồi mạnh

Tiêu dùng nội địa tiếp tục là một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước tăng khoảng 9–9,5% so với năm 2024, đạt trên 6,4 triệu tỷ đồng. Sự cải thiện của thu nhập người dân, cùng với quá trình mở rộng tầng lớp trung lưu và đô thị hóa nhanh, đã góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Đẩy mạnh đầu tư công và phát triển hạ tầng

Đầu tư công tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2025 tăng khoảng 11,6%, trong đó vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng gần 28% so với năm trước. Việc đẩy mạnh triển khai các dự án hạ tầng lớn như hệ thống cao tốc Bắc - Nam, sân bay Long Thành và các dự án giao thông trọng điểm đã góp phần kích thích hoạt động xây dựng, sản xuất vật liệu và dịch vụ logistics.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) duy trì tích cực

Việt Nam tiếp tục thu hút dòng vốn FDI nhờ môi trường đầu tư ổn định và lợi thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tổng vốn FDI đăng ký năm 2025 ước đạt khoảng 36 - 38 tỷ USD, trong khi vốn FDI giải ngân đạt khoảng 23 - 25 tỷ USD, tăng so với năm trước. Các dự án đầu tư chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến - chế tạo, điện tử, công nghệ cao và năng lượng.

Xuất khẩu phục hồi và thương mại quốc tế cải thiện

Sau giai đoạn suy giảm trong năm 2023 - 2024, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam năm 2025 đã phục hồi tích cực. Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt khoảng 405 - 410 tỷ USD, tăng khoảng 13 - 14% so với năm trước. Các nhóm ngành xuất khẩu chủ lực như điện tử, máy móc, dệt may và nông sản tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế.

Phát triển kinh tế số và chuyển đổi công nghệ

Chuyển đổi số và sự phát triển của kinh tế số tiếp tục trở thành động lực tăng trưởng mới. Quy mô kinh tế số Việt Nam năm 2025 ước đạt khoảng 45 - 50 tỷ USD, chiếm khoảng 16 - 18% GDP. Các lĩnh vực như thương mại điện tử, công nghệ tài chính (fintech), dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo đang phát triển nhanh, góp phần nâng cao năng suất lao động và tạo ra các mô hình kinh doanh mới.



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Những thách thức của nền kinh tế Việt Nam

1

Nhiều rủi ro, thách thức vẫn hiện hữu, khó đoán định:

(i) Rủi ro địa chính trị và căng thẳng thương mại - công nghệ;

(ii) Tăng trưởng chậm lại tại nhiều nền kinh tế lớn, chủ yếu là do chính sách thuế quan của Mỹ, tác động nhiều đến Việt Nam;

(iii) Lạm phát và lãi suất toàn cầu dù giảm nhưng còn ở mức cao, làm tăng rủi ro nợ công và nợ tư;

(iv) Rủi ro an ninh phi truyền thống như an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng - dữ liệu, thiên tai và biến đổi khí hậu cực đoan, khó lường.

2

Tỷ giá dù hạ nhiệt song còn chịu sức ép: Tỷ giá USD/VND năm 2025 tăng 3,1% so với cuối năm trước với ba lý do chính:

(i) Nguồn cung ngoại tệ chậm lại khi nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu, thặng dư thương mại cả hàng hóa

(ii) Dịch vụ ít hơn 2 năm trước và khối ngoại bán ròng mạnh trên thị trường chứng khoán (khoảng 5,2 tỷ USD năm 2025), khiến cán cân tài chính thâm hụt.

(iii) Tình trạng găm giữ ngoại tệ và đầu cơ vàng còn phức tạp khi chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới vẫn ở mức cao (khoảng 15 triệu đồng/lượng).

3

Thuế quan và các biện pháp phi thuế quan đều đang được áp dụng ngày càng nhiều trong thương mại quốc tế. Điều này càng gây khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam đến thị trường lớn thế giới.

4

Tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đô thị và các rủi ro phi truyền thống ngày càng rõ nét.





Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Các chỉ số của nền kinh tế

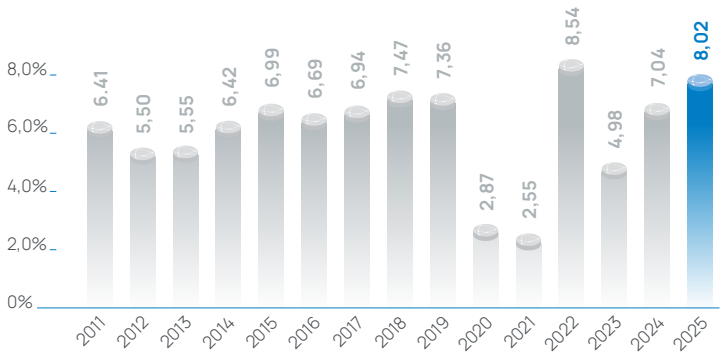
GDP

Tăng trưởng GDP 2025

⇧8,02%

so với cùng kỳ 2024

Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2025

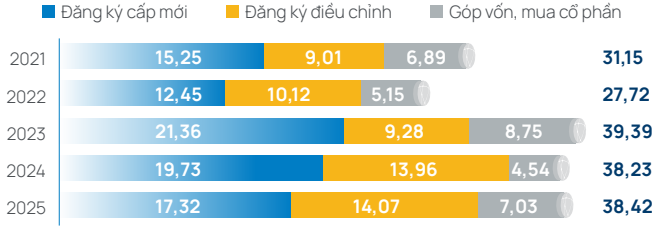


Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam trong năm 2025:

38,42 tỷ USD ⇧0,5% so với cùng kỳ 2024

Vốn FDI vào Việt Nam đến ngày 31/12 các năm 2020 - 2024 (tỷ USD)



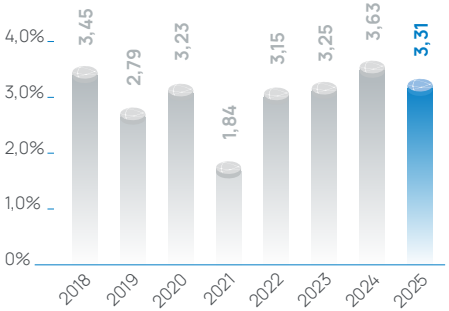
CPI

Giá tiêu dùng tháng 12/2025

⇧3,48%

so với cùng kỳ tháng 12/2024

Biến động chỉ số CPI so với cùng kỳ năm trước, từ năm 2018 đến nay





Nguồn: BVH Tổng hợp

Xuất nhập khẩu 2025

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu

930,05 tỷ USD

475,04 tỷ USD

455,01 tỷ USD



Xuất siêu

20,03 tỷ USD

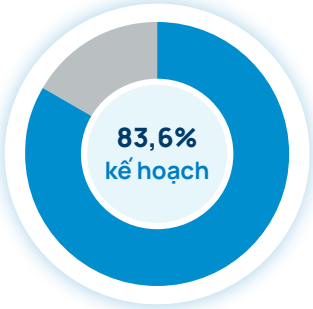
⇧17,0% so với cùng kỳ 2024

⇧19,4% so với cùng kỳ 2024

Đầu tư công 2025

850,7 nghìn tỷ đồng

⇧26,6% so với cùng kỳ 2024



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường bảo hiểm

Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thị trường bảo hiểm năm 2025 vẫn tăng trưởng

Theo Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm năm 2025 ước đạt 233,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,5% so với năm 2024, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ ước đạt 145,1 nghìn tỷ đồng, giảm 1,9%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 88 nghìn tỷ đồng, tăng 11%.

Theo Cục Thống kê, chi trả quyền lợi bảo hiểm ước đạt 91,8 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% so với năm 2024; tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt gần 959,0 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3%. Tổng tài sản thị trường bảo hiểm ước đạt 1.113,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6%; tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng 8,8%; tổng nguồn vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp bảo hiểm tăng 3,8%.

Hiện nay, thị trường bảo hiểm tại Việt Nam có 86 doanh nghiệp tham gia trong cả 2 lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ.

Tổng doanh thu phí toàn thị trường ước đạt khoảng

233,2 nghìn tỷ đồng

tăng 2,5% so với năm 2024.

Tổng tài sản toàn thị trường ước đạt

1.113,6 nghìn tỷ đồng

tăng 8,6%

Năm 2025, thị trường bảo hiểm Việt Nam tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng dù vẫn chịu tác động từ nhiều yếu tố bất lợi của môi trường kinh tế và tâm lý thị trường

Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí toàn thị trường ước đạt khoảng 233,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,5% so với năm 2024. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này diễn ra không đồng đều giữa các phân khúc. Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ước đạt 145,1 nghìn tỷ đồng, giảm 1,9%, phản ánh sự thận trọng của người dân đối với các sản phẩm bảo hiểm dài hạn sau giai đoạn thị trường điều chỉnh. Trong khi đó, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với doanh thu ước đạt khoảng 88 nghìn tỷ đồng, tăng 11%, nhờ nhu cầu bảo hiểm tài sản, sức khỏe gia tăng.

Bên cạnh doanh thu phí, các chỉ tiêu về chi trả quyền lợi và quy mô thị trường cũng cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của ngành bảo hiểm đối với nền kinh tế. Theo Cục Thống kê, tổng số tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm năm 2025 ước đạt 91,8 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% so với năm 2024, thể hiện chức năng bù đắp rủi ro và đảm bảo an sinh tài chính cho người tham gia bảo hiểm. Đồng thời, tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt gần 959 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3%, góp phần cung cấp nguồn vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế.

Quy mô tài chính của thị trường bảo hiểm tiếp tục được củng cố. Tổng tài sản toàn thị trường ước đạt 1.113,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6%; tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng 8,8%, cho thấy khả năng đảm bảo nghĩa vụ chi trả trong tương lai của các doanh nghiệp được duy trì ổn định. Bên cạnh đó, tổng nguồn vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp bảo hiểm tăng 3,8%, phản ánh nỗ lực tăng cường năng lực tài chính và đáp ứng các yêu cầu quản lý ngày càng chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước.

Tính đến năm 2025, thị trường bảo hiểm Việt Nam có khoảng 86 doanh nghiệp hoạt động trong cả hai lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ, tạo nên môi trường cạnh tranh ngày càng đa dạng. Tuy nhiên, bên cạnh cơ hội mở rộng thị trường, các doanh nghiệp bảo hiểm cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như niềm tin của khách hàng cần được củng cố, yêu cầu minh bạch thông tin ngày càng cao, cũng như áp lực chuyển đổi số và đổi mới sản phẩm. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường quản trị rủi ro và phát triển các sản phẩm bảo hiểm phù hợp với nhu cầu mới của thị trường được xem là những yếu tố quan trọng để ngành bảo hiểm duy trì đà tăng trưởng bền vững trong những năm tới.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng khả quan trong năm 2025. Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) tiếp tục duy trì vị trí thứ 2 thị trường về thị phần, tỷ lệ bồi thường tiếp tục được cải thiện

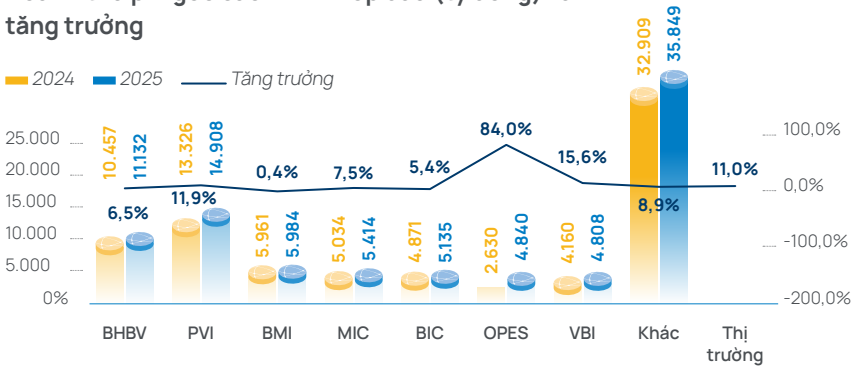
Năm 2025 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng đạt 11%. Đầu tư công được đẩy mạnh giúp mảng nghiệp vụ bảo hiểm tài sản - thiệt hại tăng trưởng tích cực (11,2%). Các nghiệp vụ bán lẻ bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới tiếp tục là động lực tăng trưởng với mức tăng lần lượt là 10,2% và 12,2% so với năm 2024.

Năm 2025 chứng kiến sự thay đổi lớn trong bảng xếp hạng thị phần các DNBH Top đầu. OPES đạt tăng trưởng cao 84%, vươn lên vị trí thứ 6 về thị phần (OPES đặt mục tiêu năm 2026 doanh thu phí gốc đạt 7.500 tỷ đồng, vào Top 3 thị phần).

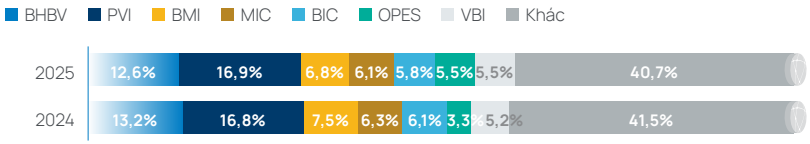
Ngoại trừ PVI, các DN Top đầu trong năm 2025 đều tăng trưởng thấp hơn bình quân thị trường. BHBV đạt tăng trưởng 6,5%, tương đương xấp xỉ 60% mức tăng bình quân của toàn thị trường, đứng thứ 2 với 12,6% thị phần. PVI tăng trưởng 11,9%, chậm lại đáng kể với cùng kỳ 2024 (21,3%). Tuy nhiên, hoạt động tái bảo hiểm của PVI tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực, trong đó tái bảo hiểm quốc tế đóng góp trên 50% lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm trong năm 2025.

Tỷ lệ bồi thường gốc toàn thị trường năm 2025 tăng nhẹ so với năm 2024. Trong các DNBH Top đầu chỉ có BHBV có tỷ lệ bồi thường gốc năm 2025 giảm so với 2024 bên cạnh OPES.

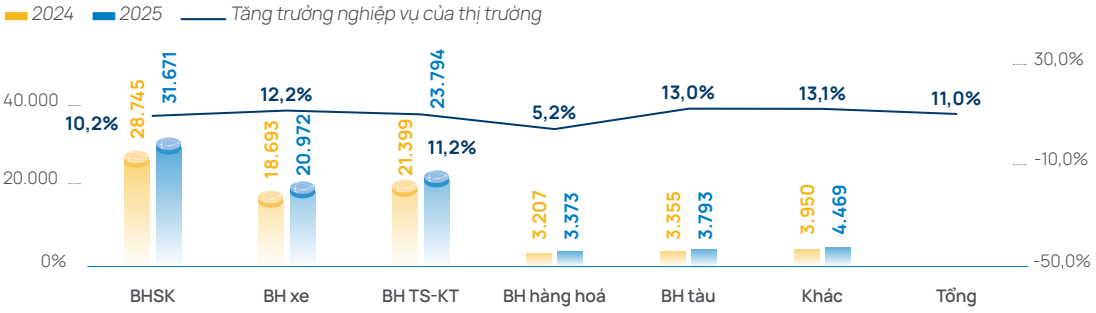
Doanh thu phí gốc các DNBH Top đầu (tỷ đồng) và tăng trưởng



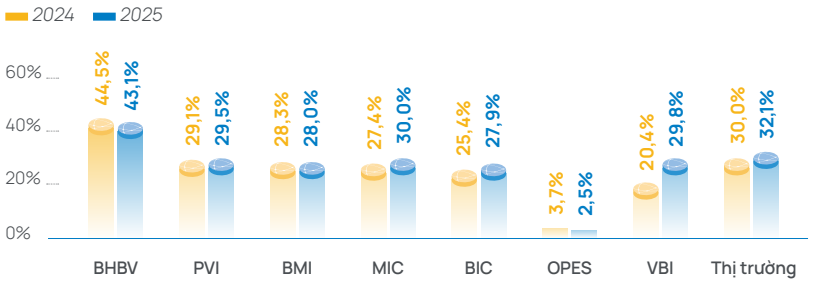
Thị phần các DNBH Top đầu



Doanh thu phí gốc theo nghiệp vụ (tỷ đồng) của thị trường và tăng trưởng



Tỷ lệ bồi thường BH gốc của các DNBH Top đầu



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

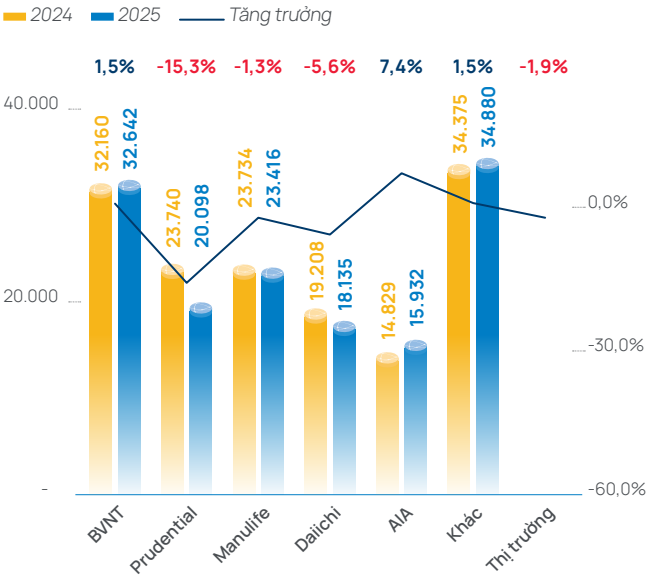
Đà giảm trưởng thị trường bảo hiểm nhân thọ đã có dấu hiệu chững lại. Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) tiếp tục đứng đầu thị trường về thị phần tổng doanh thu phí lẫn doanh thu khai thác mới.

Theo số liệu ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, năm 2025 tổng doanh thu phí toàn thị trường năm 2025 giảm -1.9% yoy. BVNT duy trì tăng trưởng 1,5% nhờ doanh thu KTM tăng trưởng tích cực (+24,8%).

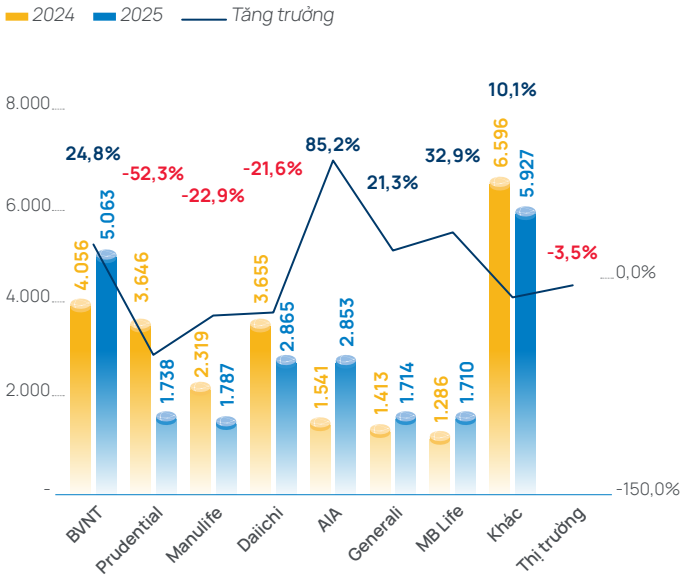
AIA tăng trưởng cao nhất trong Top 5, trong đó doanh thu KTM tăng trưởng gần gấp đôi so với cùng kỳ nhờ dòng sản phẩm đầu tư và sản phẩm bán kèm (tăng trưởng lần lượt 115,4% và 55,1% trong 9T.2025). AIA tập trung vào mô hình "Hệ sinh thái sức khỏe toàn diện" thông qua hợp tác chiến lược với bệnh viện Vinmec, Tâm Anh... thiết kế các gói bảo hiểm sức khỏe tích hợp sẵn vào các đặc quyền của thẻ tín dụng hoặc tài khoản ưu tiên của VPB, TCB, gắn kết bảo hiểm sức khỏe và chăm sóc sức khỏe thông qua chương trình Sống Khỏe (AIA Vitality), hợp tác với FPT để thúc đẩy chuyển đổi số lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe.

Prudential, Manulife và Daiichi tiếp tục tăng trưởng âm. Prudential tiếp tục giảm mạnh doanh thu KTM do thời gian qua, Prudential đóng cửa nhiều tổng đại lý (GA) ở các tỉnh thành để triển khai mô hình văn phòng tổng đại lý mới nhằm hoàn thành mục tiêu chuyển đổi toàn diện, hiện đại hóa chất lượng dịch vụ vào năm 2028, dẫn đến ảnh hưởng đến hoạt động khai thác mới.

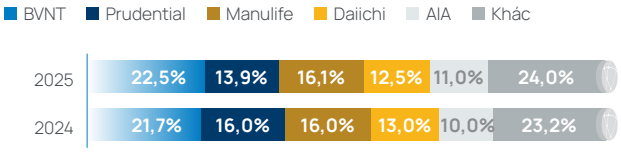
Tổng doanh thu phí (tỷ đồng) và tăng trưởng



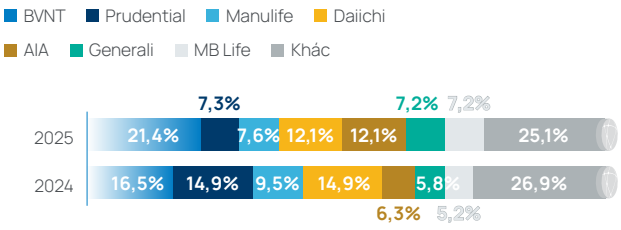
Doanh thu KTM (FYP - tỷ đồng) và tăng trưởng



Thị phần tổng doanh thu phí



Thị phần doanh thu KTM (FYP)



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường Ngân hàng – Tài chính – Tiền tệ

Trong năm 2025, Ngân hàng Nhà nước duy trì chủ động ứng phó linh hoạt với diễn biến kinh tế thế giới và trong nước để thực thi các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, phục hồi sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, an toàn hoạt động của hệ thống tổ chức tín dụng.

Tính đến hết năm 2025, tổng dư nợ tín dụng đạt hơn 18,58 triệu tỷ đồng, tăng 19,01% so với cuối năm 2024 (trong khi cả năm 2024 tăng 15,08%). Sự gia tăng nhanh này phản ánh nhu cầu vốn rất lớn từ các dự án trọng điểm và nỗ lực đẩy vốn vào sản xuất kinh doanh trong giai đoạn nước rút. Việc duy trì tốc độ mở rộng tín dụng ở mức cao là nỗ lực tạo dư địa tài chính để các doanh nghiệp ứng phó với các cú sốc bên ngoài, đặc biệt là rủi ro từ chính sách thuế quan mới của Mỹ.

Lãi suất điều hành: NHNN duy trì mặt bằng lãi suất thấp hỗ trợ thanh khoản; áp lực chính sách tiền tệ 2025 - 2026 đến từ: tỷ giá USD/VND cao, giá vàng trong nước - thế giới chênh lệch lớn, và tăng trưởng tín dụng mạnh. Sang 2026, chính sách tiền tệ được kỳ vọng duy trì linh hoạt, ưu tiên ổn định vĩ mô và kiểm soát rủi ro.

Lãi suất huy động: Trung bình lãi suất huy động 12T của các NHTM quanh mức 5,7% tại cuối T12/2025, phản ánh nhu cầu huy động vốn gia tăng nhằm đáp ứng nhu cầu tín dụng có xu hướng tăng mạnh về cuối năm theo chu kỳ mùa vụ. Lãi suất huy động được kỳ vọng đi ngang như mức hiện tại ở nửa đầu năm 2026 theo định hướng hỗ trợ của NHNN và Chính phủ.

Nguồn: BVH tổng hợp

Tỷ giá trung tâm năm 2025 về cơ bản ổn định do Ngân hàng Nhà nước điều hành tỷ giá phù hợp, can thiệp ngoại tệ linh hoạt, hạn chế áp lực biến động bất thường đối với tỷ giá thị trường, góp phần ổn định và đáp ứng nhu cầu ngoại tệ hợp pháp. Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tỷ giá trung tâm VND/USD ở mức 25.121 đồng, tăng 3,23% so với thời điểm cuối năm 2024.



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường trái phiếu

Năm 2025, thị trường trái phiếu Chính phủ Việt Nam tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc huy động nguồn vốn cho ngân sách nhà nước và tài trợ cho các chương trình đầu tư công quy mô lớn. Trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh đầu tư hạ tầng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khối lượng phát hành trái phiếu Chính phủ được duy trì ở mức cao.

Theo kế hoạch của Bộ Tài chính, tổng khối lượng phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2025 dự kiến khoảng 500 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 4% GDP, nhằm phục vụ nhu cầu chi đầu tư phát triển và tái cơ cấu nợ công.

Cơ cấu phát hành tiếp tục hướng tới kéo dài kỳ hạn danh mục nợ. Kỳ hạn phát hành bình quân trong năm 2025 đạt khoảng 9,8 năm, góp phần giảm áp lực trả nợ ngắn hạn và nâng cao tính bền vững của nợ công.

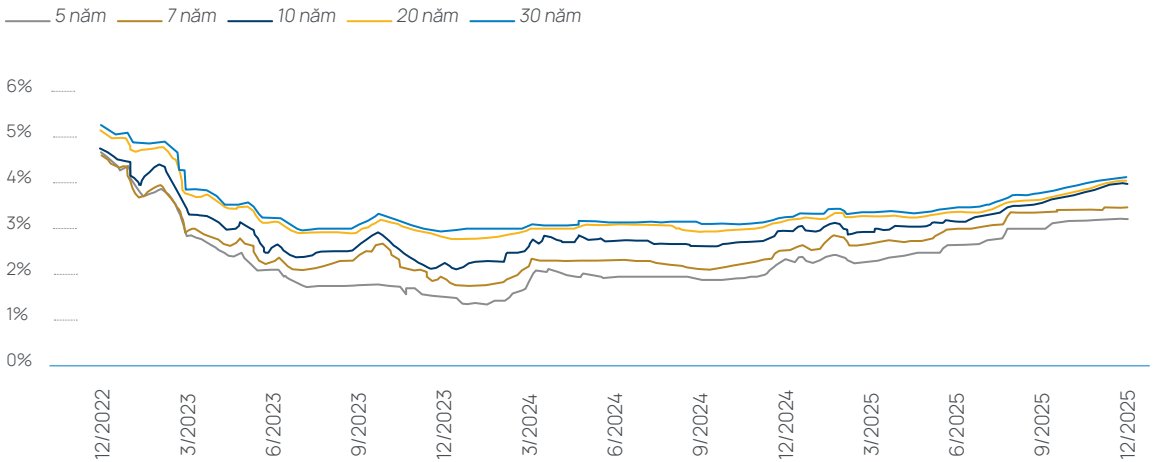
Trên thị trường thứ cấp, thanh khoản của trái phiếu Chính phủ tiếp tục được cải thiện. Giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 17.000 tỷ đồng mỗi phiên vào đầu năm 2026, tăng hơn 31% so với cuối năm 2025, cho thấy sự gia tăng của hoạt động giao dịch và nhu cầu nắm giữ tài sản an toàn từ các tổ chức tài chính.

Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm dao động quanh 4,1 - 4,3%, phản ánh mặt bằng lãi suất trong nước và điều kiện thanh khoản của hệ thống tài chính.

Nhìn chung, năm 2025 ghi nhận sự cải thiện của thị trường TPCP cả về quy mô phát hành, cơ cấu kỳ hạn và thanh khoản giao dịch, góp phần củng cố vai trò của thị trường trái phiếu trong việc cung cấp nguồn vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế.

Lãi suất trúng thầu

Diễn biến lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Nguồn: HNX, VBMA

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn phục hồi và tái cấu trúc quan trọng của thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) Việt Nam sau giai đoạn biến động mạnh từ cuối năm 2022. Nhờ các biện pháp hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường minh bạch thông tin và sự cải thiện của môi trường kinh tế vĩ mô, thị trường TPDN đã từng bước khôi phục niềm tin của nhà đầu tư và ổn định hoạt động phát hành.

Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt

575.000 **tỷ đồng**

tăng khoảng 11,3% so với năm 2024

Phát hành riêng lẻ chiếm đến

90%

tổng giá trị phát hành

Theo các số liệu tổng hợp từ Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm 2025 ước đạt khoảng 575 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 21,8 tỷ USD, tăng khoảng 11,3% so với năm 2024.



Hoạt động phát hành trái phiếu trong năm vẫn chủ yếu diễn ra theo hình thức phát hành riêng lẻ, chiếm khoảng 90% tổng giá trị phát hành, phản ánh xu hướng các doanh nghiệp ưu tiên huy động vốn từ nhóm nhà đầu tư tổ chức và các đối tác chiến lược trong bối cảnh thị trường đang trong quá trình củng cố niềm tin.

Xét theo cơ cấu ngành, các tổ chức tín dụng tiếp tục là nhóm phát hành lớn nhất, chiếm khoảng 67,7% tổng giá trị phát hành, chủ yếu nhằm tăng cường nguồn vốn trung và dài hạn phục vụ hoạt động tín dụng. Tiếp theo là nhóm doanh nghiệp bất động sản, chiếm khoảng 22,9%, trong khi các doanh nghiệp chứng khoán và các lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ hơn.

Bên cạnh hoạt động phát hành, hoạt động mua lại trái phiếu trước hạn cũng gia tăng mạnh trong năm 2025, với tổng giá trị khoảng 314,5 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm trước. Xu hướng này cho thấy nhiều doanh nghiệp đã chủ động tái cơ cấu nguồn vốn, giảm áp lực đáo hạn và củng cố bảng cân đối tài chính trong bối cảnh thị trường đang từng bước ổn định.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Đến cuối năm 2025, quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam ước đạt

1,4 triệu⁺ tỷ đồng

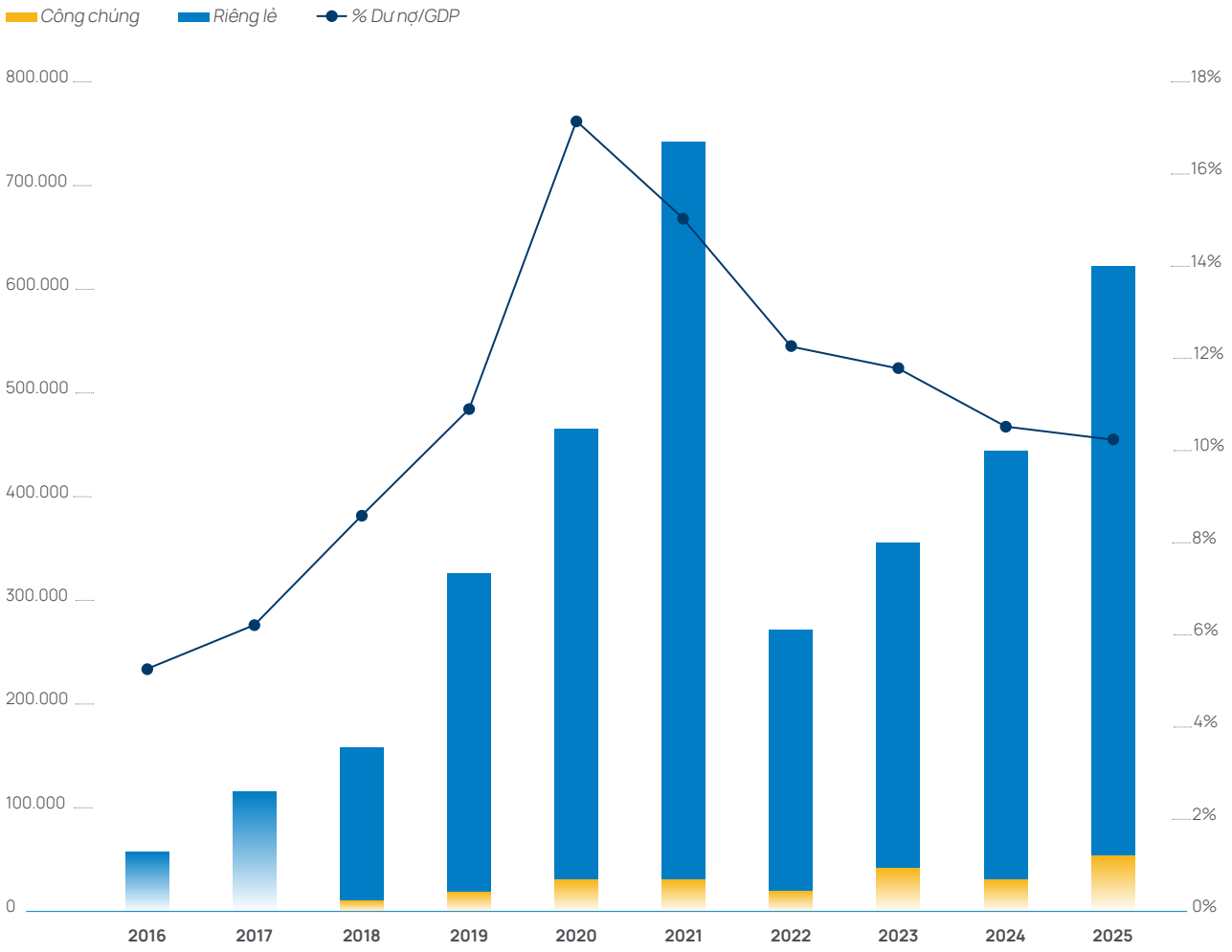
tương đương khoảng 11% GDP

Đến cuối năm 2025, quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam ước đạt trên 1,4 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 11% GDP, cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của kênh trái phiếu trong việc cung cấp vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế.

Tuy nhiên, thị trường TPDN vẫn phải đối mặt với một số thách thức. Trong năm 2025, khối lượng trái phiếu đến hạn thanh toán ước khoảng 216,7 nghìn tỷ đồng, trong đó nhóm bất động sản chiếm tỷ trọng lớn nhất. Điều này tạo áp lực nhất định đối với các doanh nghiệp phát hành trong việc đảm bảo dòng tiền và quản lý nghĩa vụ nợ.

Nhìn chung, năm 2025 được đánh giá là giai đoạn chuyển tiếp quan trọng của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, khi quy mô thị trường từng bước phục hồi và cấu trúc phát hành có sự thay đổi theo hướng thận trọng và minh bạch hơn. Các cải cách về khung pháp lý và yêu cầu công bố thông tin đang góp phần nâng cao chất lượng tín dụng của các doanh nghiệp phát hành, qua đó tạo nền tảng cho một chu kỳ tăng trưởng ổn định và bền vững hơn của thị trường TPDN trong các năm tới.

Diễn biến lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Nguồn: HNX, VBMA

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường chứng khoán



Năm 2025 được xem là một năm bước ngoặt của thị trường chứng khoán Việt Nam, ghi nhận nhiều dấu ấn quan trọng cả về quy mô thị trường, hạ tầng công nghệ và vị thế quốc tế. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô trong nước duy trì ổn định và các chính sách hỗ trợ phát triển thị trường vốn được triển khai mạnh mẽ, thị trường chứng khoán tiếp tục phát triển tích cực và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc huy động nguồn lực cho nền kinh tế.

Một trong những dấu mốc nổi bật nhất của thị trường trong năm 2025 là việc FTSE Russell chính thức công bố nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên (Frontier Market) lên thị trường mới nổi thứ cấp (Secondary Emerging Market), với thời điểm hiệu lực dự kiến từ tháng 9/2026.

Bên cạnh đó, hệ thống công nghệ thông tin mới KRX chính thức đi vào vận hành từ tháng 5/2025 đã trở thành một bước tiến quan trọng trong việc nâng cấp hạ tầng thị trường. Hệ thống này giúp nâng cao năng lực xử lý giao dịch, mở rộng quy mô thị trường và tạo điều kiện triển khai các sản phẩm tài chính mới trong tương lai.

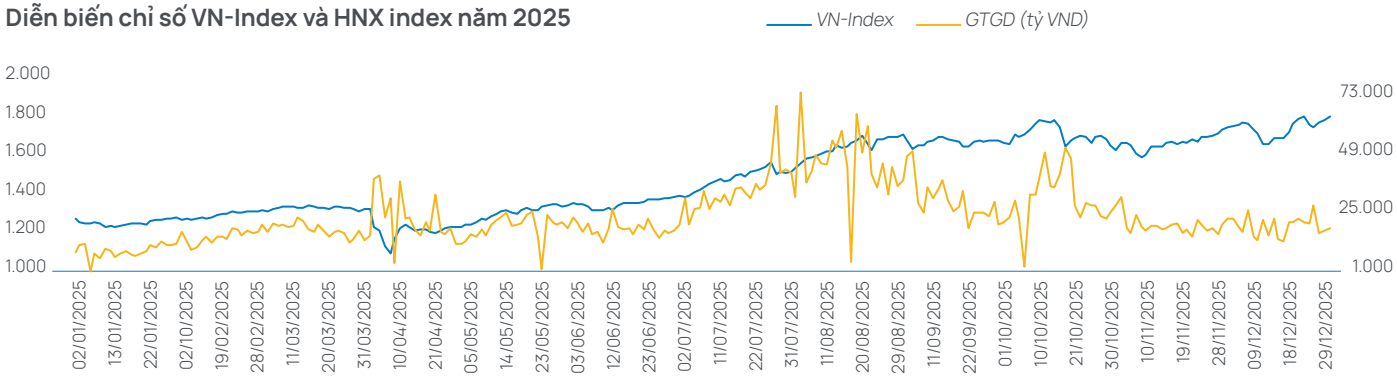
Về diễn biến thị trường, năm 2025 ghi nhận một trong những giai đoạn tăng trưởng mạnh nhất của thị trường chứng khoán Việt Nam trong nhiều năm. Chỉ số VN-Index tăng khoảng 41% trong năm và có thời điểm vượt mốc 1.800 điểm, thiết lập mức cao kỷ lục mới trong lịch sử thị trường. Đà tăng này phản ánh kỳ vọng tích cực của nhà đầu tư đối với triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế, cùng với sự cải thiện của lợi nhuận doanh nghiệp và môi trường lãi suất thuận lợi.

Thanh khoản thị trường cũng ghi nhận sự cải thiện đáng kể, với sự tham gia mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân trong nước. Bên cạnh đó, các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư và nhà đầu tư tổ chức tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chiều sâu và tính ổn định của thị trường.

Tuy nhiên, thị trường chứng khoán năm 2025 cũng ghi nhận một số biến động đáng chú ý. Trong bối cảnh dòng vốn quốc tế có xu hướng rút khỏi nhiều thị trường mới nổi và cận biên, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 136.000 tỷ đồng cổ phiếu và chứng chỉ quỹ trên thị trường Việt Nam trong năm 2025, mức cao kỷ lục trong lịch sử. Dù vậy, xu hướng này phần lớn phản ánh sự dịch chuyển dòng vốn toàn cầu và chưa làm thay đổi xu hướng phát triển dài hạn của thị trường.

Nhìn chung, năm 2025 đánh dấu một giai đoạn phát triển quan trọng của thị trường chứng khoán Việt Nam với nhiều dấu ấn mang tính cấu trúc, từ việc nâng hạng thị trường, nâng cấp hạ tầng giao dịch đến sự tăng trưởng mạnh của chỉ số và thanh khoản. Những yếu tố này đã tạo nền tảng quan trọng để thị trường bước sang một giai đoạn phát triển mới với quy mô lớn hơn, tính minh bạch cao hơn và khả năng thu hút dòng vốn quốc tế mạnh mẽ hơn trong những năm tới.

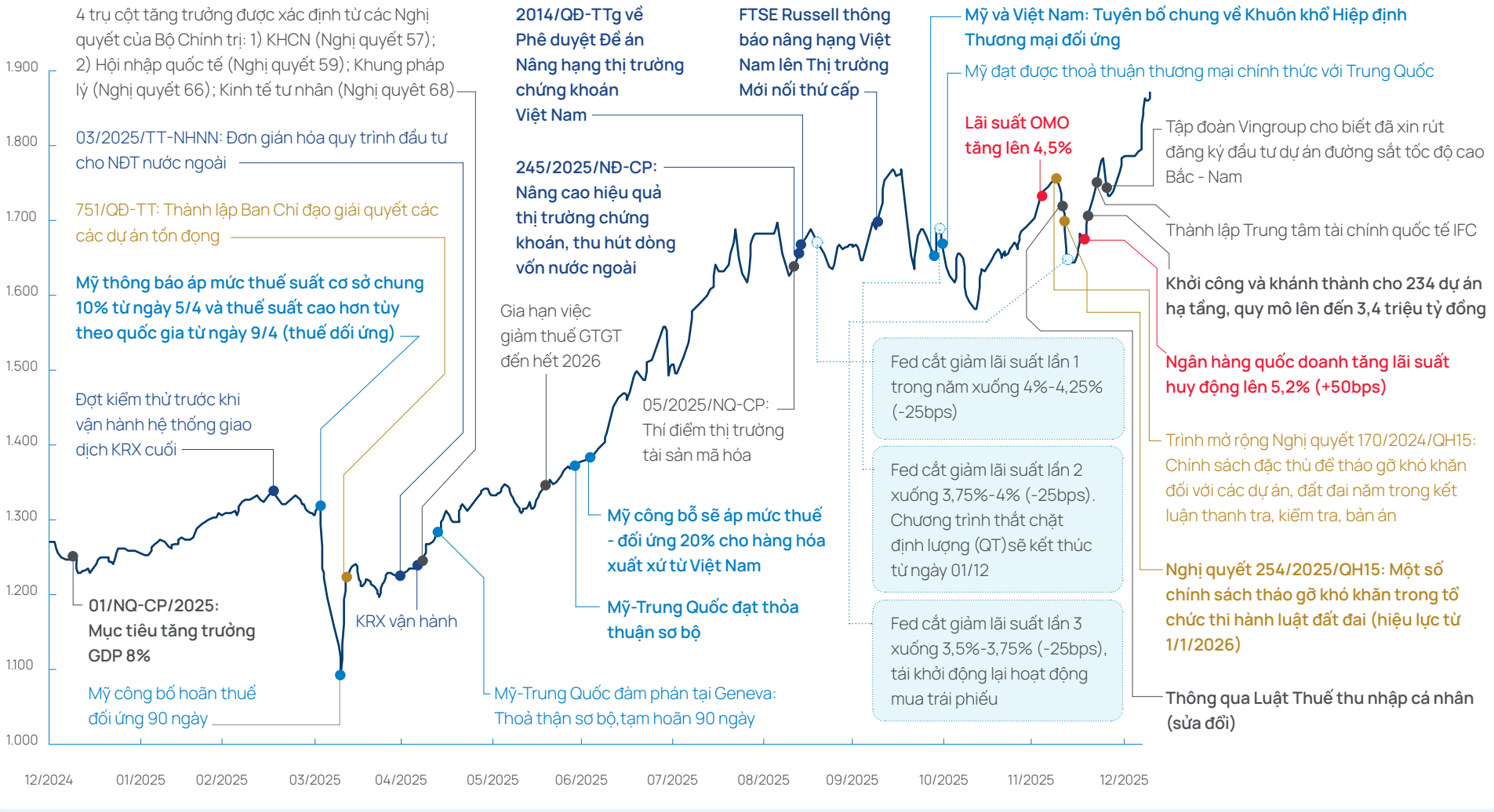
Diễn biến chỉ số VN-Index và HNX index năm 2025



Nguồn: HNX

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Những sự kiện tác động đến thị trường chứng khoán năm 2025



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường bất động sản

Năm 2025 được xem là giai đoạn bản lề của thị trường bất động sản Việt Nam, khi nhiều chính sách quan trọng liên quan đến đất đai và nhà ở bắt đầu có hiệu lực đồng bộ. Đặc biệt, ba bộ luật quan trọng gồm Luật Đất đai 2024, Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và Luật Nhà ở 2023 được triển khai từ đầu năm, cùng với nhiều nghị định và thông tư hướng dẫn, góp phần tháo gỡ các vướng mắc pháp lý tồn tại trong thời gian trước, tạo nền tảng cho thị trường vận hành minh bạch và bền vững hơn.

Sau giai đoạn điều chỉnh mạnh trong các năm trước, thị trường bất động sản năm 2025 đã ghi nhận những dấu hiệu phục hồi tích cực nhờ sự cải thiện của môi trường kinh tế vĩ mô, dòng vốn đầu tư quay trở lại và các chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Nhu cầu nhà ở thực vẫn duy trì ở mức cao, đặc biệt tại các đô thị lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, trong bối cảnh quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh và tầng lớp trung lưu tiếp tục gia tăng.

Nguồn cung bất động sản trên thị trường cũng có dấu hiệu cải thiện khi nhiều dự án được tháo gỡ vướng mắc pháp lý và triển khai trở lại. Năm 2025 ghi nhận khoảng 128.000 sản phẩm bất động sản mới được tung ra thị trường, mức cao nhất trong giai đoạn 2019 - 2025. Tuy nhiên, cơ cấu nguồn cung vẫn chưa thực sự cân đối khi phần lớn các dự án tập trung vào phân khúc trung - cao cấp, trong khi nguồn cung nhà ở giá phù hợp và nhà ở xã hội vẫn còn hạn chế.

Ở góc độ giá cả, mặt bằng giá bất động sản tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong năm 2025 do nguồn cung chưa thể phục hồi nhanh, trong khi nhu cầu nhà ở tại các đô thị lớn vẫn ở mức cao. Giá căn hộ tại một số khu vực đô thị lớn đã ghi nhận mức tăng đáng kể so với các năm trước, phản ánh sự chênh lệch giữa cung và cầu trên thị trường.



Tuy nhiên, thị trường bất động sản vẫn đối mặt với một số thách thức, bao gồm chi phí vốn cao, tiến độ phê duyệt dự án tại một số địa phương còn chậm và sự mất cân đối giữa các phân khúc sản phẩm. Bên cạnh đó, việc siết chặt quản lý hoạt động môi giới và tăng cường minh bạch thông tin cũng đang được triển khai nhằm hướng tới sự phát triển lành mạnh và bền vững của thị trường.

Nhìn chung, năm 2025 đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp của thị trường bất động sản Việt Nam từ trạng thái điều chỉnh sang phục hồi, với sự hỗ trợ từ môi trường pháp lý mới, các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô ổn định và nhu cầu nhà ở thực của người dân. Trong trung và dài hạn, thị trường được kỳ vọng tiếp tục phát triển nhờ các yếu tố nền tảng như tăng trưởng kinh tế, quá trình đô thị hóa, phát triển hạ tầng và dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Triển vọng năm 2026

Tập đoàn Bảo Việt nhận diện kinh tế vĩ mô và thị trường có tác động đến hoạt động kinh doanh của Bảo Việt như sau:

Kinh tế vĩ mô

Theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GDP NĂM 2026

Chính phủ đã ban hành **Nghị quyết 01/NQ-CP** về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Trong đó, xây dựng mục tiêu tăng trưởng GDP theo từng quý như sau:

Quy mô GDP vượt

514 tỷ USD

Tăng gấp 1,48 lần so với 2020, xếp thứ 32 thế giới (tăng 5 bậc so với năm 2020)

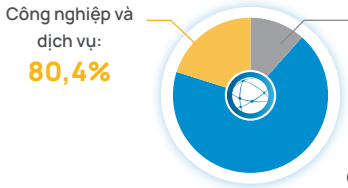
GDP bình quân đầu người đạt

5.026 USD

So với 3.552 USD (2020), tăng gấp 1,4 lần

Gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao

GNI bình quân **4.750** USD
(vượt ngưỡng ~4.496 USD của WB)



Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực

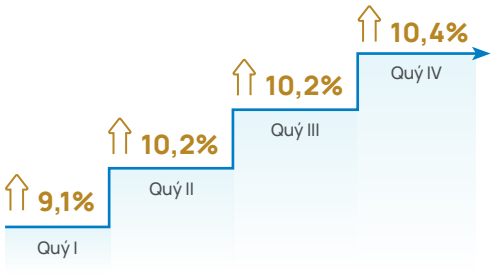
Mục tiêu Tăng trưởng năm 2026

Mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm 2026

10%

Dựa trên kịch bản Nghị quyết 01/NQ-CP (8/1/2026)

Tăng trưởng GDP theo từng quý



Động lực tăng trưởng chính

Ngành **Công nghiệp và Xây dựng** dự kiến tăng trưởng mạnh nhất

Tiếp theo là ngành **Dịch vụ**

Mục tiêu tăng trưởng ngành kinh tế trọng điểm năm 2026 (%)

Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	**10,0%**
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	**3,7%**
Công nghiệp và xây dựng	**12,0%**
Công nghiệp chế biến, chế tạo	12,2%
Xây dựng	14,5%
Dịch vụ	**10,0%**
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	12,6%
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	**9,0%**

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

GDP

Mục tiêu tăng trưởng GDP phấn đấu đạt từ

10%

hướng tới tạo nền tảng cho mức tăng trưởng hai con số trong cả giai đoạn 2026 - 2030.

Trong nước, bước sang năm 2026, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng bước vào giai đoạn tăng trưởng tăng tốc dựa trên nền tảng phục hồi vững chắc của các năm trước. Trên cơ sở kết quả tích cực của giai đoạn 2024 - 2025, năm 2026 được xác định là năm bản lề mở đầu cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu tăng trưởng GDP phấn đấu đạt từ 10%, hướng tới tạo nền tảng cho mức tăng trưởng hai con số trong cả giai đoạn 2026 - 2030. GDP bình quân đầu người dự kiến đạt khoảng 5.200 - 5.500 USD, qua đó tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của nền kinh tế Việt Nam trên trường quốc tế. Đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu nâng thứ hạng quy mô GDP lên nhóm khoảng 30 - 32 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng hiện đại, trong đó tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,5 - 25%; năng suất lao động xã hội tăng bình quân 5,5 - 6%. Đồng thời, chuyển đổi số được đẩy mạnh toàn diện, hướng tới nâng tỷ trọng kinh tế số lên khoảng 22 - 25% GDP, tạo động lực tăng trưởng mới và bền vững cho nền kinh tế trong trung và dài hạn.

Chu kỳ tăng trưởng mới: Vai trò dẫn dắt của Nhà nước và động lực từ kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân - động lực tăng trưởng quan trọng

Khu vực kinh tế tư nhân được xác định là động lực quan trọng nhất của tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn tới. Theo các định hướng chính sách mới, khu vực này được khuyến khích phát triển mạnh mẽ, với mục tiêu tăng trưởng bình quân 10 - 12% mỗi năm và đóng góp khoảng 55 - 58% GDP vào năm 2030.

Chính phủ cũng định hướng hình thành các tập đoàn tư nhân lớn có đủ năng lực tham gia vào các lĩnh vực chiến lược như hạ tầng, công nghệ cao và các ngành công nghiệp mũi nhọn.

Kinh tế nhà nước - vai trò dẫn dắt

Song song với đó, khu vực kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo và dẫn dắt trong các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Theo định hướng phát triển đến năm 2030, khu vực doanh nghiệp nhà nước sẽ tập trung vào các lĩnh vực chiến lược như năng lượng, vận tải - logistics, tài chính - ngân hàng, khoa học công nghệ và hạ tầng số.

Mục tiêu đặt ra là hình thành các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, đóng vai trò "sếu đầu đàn", có khả năng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế. Theo kế hoạch, đến năm 2030 sẽ có 50 doanh nghiệp nhà nước thuộc nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á, trong đó có 1 - 3 doanh nghiệp thuộc nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nhà nước sẽ từng bước áp dụng các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm các nguyên tắc quản trị của OECD và ứng dụng công nghệ số trong quản trị.

Khu vực FDI - thu hút có chọn lọc



Đối với khu vực đầu tư nước ngoài, định hướng chính sách trong giai đoạn tới là thu hút FDI có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và kinh tế số.

Việt Nam đặt mục tiêu tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực sản xuất của nền kinh tế.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường bảo hiểm



Sau giai đoạn điều chỉnh và tái cấu trúc mạnh mẽ trong những năm gần đây, thị trường bảo hiểm Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới với triển vọng tăng trưởng tích cực trong năm 2026. Nền tảng kinh tế vĩ mô được dự báo tiếp tục duy trì ổn định và cải thiện, với mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 ở mức hai con số, đồng thời GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.400–5.500 USD, tăng khoảng 10% so với năm 2025. Cùng với đó, Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hạ tầng, thúc đẩy giải ngân đầu tư công, thu hút nguồn vốn đầu tư tư nhân và FDI, qua đó tạo động lực lan tỏa cho các ngành kinh tế, trong đó có lĩnh vực bảo hiểm. Bên cạnh đó, xu hướng ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số ngày càng mạnh mẽ cũng được kỳ vọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí và cải thiện trải nghiệm khách hàng của các doanh nghiệp bảo hiểm.

Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng của thị trường vẫn đi kèm với nhiều rủi ro và thách thức. Những biến động khó lường của kinh tế và chính trị thế giới có thể ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh trong nước. Đồng thời, trong bối cảnh áp lực lạm phát vẫn hiện hữu, người dân có xu hướng tiếp tục thắt chặt chi tiêu, khiến nhu cầu đối với một số sản phẩm bảo hiểm, đặc biệt là các sản phẩm dài hạn, có thể phục hồi chậm. Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các doanh nghiệp bảo hiểm, cùng với rủi ro trục lợi bảo hiểm, cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về quản trị rủi ro và minh bạch trong hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, các rủi ro từ thiên tai, bão lũ, dịch bệnh tiếp tục là những yếu tố có thể tác động đáng kể đến hoạt động của thị trường bảo hiểm.

Song song với sự phát triển của thị trường, cơ quan quản lý nhà nước đang tiếp tục tăng tốc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và phát triển hạ tầng dữ liệu nhằm hỗ trợ thị trường bảo hiểm hoạt động minh bạch, an toàn và bền vững hơn. Trong đó, các quy định pháp lý và văn bản hướng dẫn tiếp tục được rà soát, hoàn thiện nhằm tạo môi trường kinh doanh minh bạch và cạnh tranh lành mạnh. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, với việc cắt giảm 22 điều kiện kinh doanh và đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính, được kỳ vọng sẽ góp phần tháo gỡ rào cản cho doanh nghiệp và thúc đẩy sự phát triển của thị trường. Đồng thời, cơ quan quản lý cũng đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường kết nối và đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm sang Trung tâm dữ liệu quốc gia, tích hợp các tiện ích trên nền tảng VNeID. Bên cạnh đó, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm tiếp tục phối hợp với Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam và các doanh nghiệp bảo hiểm triển khai xây dựng mô hình vốn trên cơ sở rủi ro (RBC), góp phần nâng cao năng lực quản trị và an toàn tài chính của toàn thị trường.

Một xu hướng đáng chú ý trong thời gian gần đây là việc các ngân hàng thương mại mở rộng tham gia vào lĩnh vực bảo hiểm nhằm hoàn thiện hệ sinh thái tài chính. Nhiều ngân hàng đã triển khai kế hoạch thành lập hoặc đầu tư vào các công ty bảo hiểm, như VPBank trình Đại hội đồng cổ đông phương án góp vốn thành lập công ty bảo hiểm nhân thọ với vốn điều lệ dự kiến 2.000 tỷ đồng; ACB được thông qua đề án thành lập Công ty TNHH MTV Bảo hiểm phi nhân thọ ACB với vốn điều lệ dự kiến 500 tỷ đồng; trong khi Techcombank cũng đã thành lập Công ty bảo hiểm nhân thọ Techcom Life trong năm 2025. Việc các ngân hàng tham gia sâu hơn vào lĩnh vực bảo hiểm không chỉ giúp mở rộng hệ sinh thái dịch vụ tài chính, mà còn tạo điều kiện để các sản phẩm bảo hiểm tiếp cận hiệu quả hơn với tệp khách hàng lớn của ngân hàng, đồng thời mang lại cho khách hàng các giải pháp tài chính - bảo vệ - tích lũy toàn diện.

Ở cấp độ doanh nghiệp, các công ty bảo hiểm tiếp tục đẩy mạnh quá trình tái cấu trúc cả về sản phẩm, kênh phân phối và mô hình vận hành. Về sản phẩm, các doanh nghiệp tập trung tái cấu trúc danh mục theo hướng đơn giản, dễ hiểu, xác định rõ phân khúc khách hàng mục tiêu, đồng thời tăng cường minh bạch về quyền lợi, chi phí và rủi ro. Nhiều sản phẩm mới được phát triển theo hướng tích hợp các giải pháp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện, kết hợp giữa bảo hiểm và đầu tư tài chính, đặc biệt là các dòng sản phẩm liên kết chung thế hệ mới.

Về kênh phân phối, xu hướng thanh lọc lực lượng đại lý tiếp tục diễn ra, các doanh nghiệp chú trọng đào tạo, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn, hướng tới mô hình đại lý đóng vai trò là nhà tư vấn tài chính chuyên nghiệp. Kênh bancassurance được kỳ vọng tiếp tục phục hồi và duy trì vai trò là một trong những động lực tăng trưởng chính của thị trường. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng tăng cường phát triển các kênh tiếp cận khách hàng thông minh thông qua hợp tác với các nền tảng fintech, thương mại điện tử và các hệ sinh thái số. Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) đang được đẩy nhanh, dần trở thành hạ tầng vận hành cốt lõi giúp các doanh nghiệp tối ưu quy trình, nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường tiền tệ – ngân hàng

Bước sang 2026, triển vọng thị trường tài chính Việt Nam được đánh giá vẫn tích cực nhưng độ bất định tăng do:

(i) Rủi ro thương mại và điều kiện tài chính toàn cầu;

(ii) Rủi ro chu kỳ tài sản (đặc biệt bất động sản);

(iii) Nhu cầu củng cố nền tảng kỷ luật thị trường vốn.

IMF trong các đánh giá 2025 nhấn mạnh rủi ro suy giảm tăng trưởng và khả năng điều kiện tài chính thắt chặt ảnh hưởng tới đầu tư-xuất khẩu, đồng thời, cảnh báo nguy cơ căng thẳng tài chính quay lại nếu điều kiện tín dụng kém thuận lợi.

Trong năm 2026, chính sách tiền tệ tại Việt Nam dự kiến tiếp tục được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn đảm bảo ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Mặt bằng lãi suất huy động có thể tăng nhẹ so với giai đoạn trước khi nhu cầu vốn của nền kinh tế gia tăng cùng với sự chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn trong hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, mức tăng dự kiến không quá lớn và vẫn duy trì trong vùng hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam dự kiến mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2026 ở mức khoảng 15%, thấp hơn so với mức thực tế năm 2025 (19,1%) nhưng phù hợp với định hướng ổn định vĩ mô. Tín dụng dự kiến tăng thêm khoảng 2,79 triệu tỷ đồng, tập trung vào sản xuất - kinh doanh, trong khi dòng vốn vào bất động sản tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ. Hệ thống ngân hàng cũng đang từng bước củng cố năng lực tài chính và nâng cao chất lượng quản trị rủi ro để đáp ứng các yêu cầu về an toàn vốn và chuẩn mực quốc tế.



Cần theo dõi chặt chẽ các yếu tố tác động đến thị trường:

1. Áp lực lạm phát;
2. Mức độ biến động tỷ giá;
3. Chính sách điều hành tiền tệ của NHNN.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường trái phiếu

Thị trường TPCP: dự báo tiếp tục duy trì vai trò quan trọng trong việc tài trợ cho các chương trình đầu tư công và hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô.

Trong bối cảnh Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào các dự án hạ tầng trọng điểm như cao tốc, sân bay, cảng biển và các dự án chuyển đổi năng lượng, nhu cầu huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ được kỳ vọng vẫn ở mức cao.

Bên cạnh đó, dư địa nợ công của Việt Nam vẫn tương đối an toàn. Tỷ lệ nợ công năm 2025 ước khoảng 36 - 37% GDP, thấp hơn đáng kể so với ngưỡng trần 60% GDP do Quốc hội quy định. Điều này cho phép Chính phủ tiếp tục sử dụng công cụ trái phiếu để huy động vốn phục vụ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong trung và dài hạn.

Trong năm 2026, cơ cấu phát hành trái phiếu Chính phủ dự kiến tiếp tục tập trung vào các kỳ hạn dài nhằm nâng cao tính bền vững của danh mục nợ công. Các kỳ hạn như 10 năm, 15 năm và 30 năm nhiều khả năng vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng khối lượng phát hành.

Tuy nhiên, thị trường trái phiếu Chính phủ trong năm 2026 vẫn có thể chịu tác động từ một số yếu tố như xu hướng biến động của lãi suất toàn cầu, chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn và nhu cầu vốn của Chính phủ. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến mặt bằng lợi suất và dòng vốn trên thị trường trái phiếu.

Thị trường TPDN: Năm 2026, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) được dự báo sẽ bước vào giai đoạn phục hồi tích cực hơn sau quá trình tái cấu trúc trong các năm trước, với nhiều yếu tố hỗ trợ từ môi trường kinh tế vĩ mô và khung pháp lý ngày càng hoàn thiện. Các tổ chức phân tích cho rằng thị trường TPDN trong năm 2026 có thể trở nên sôi động và tích cực hơn, khi chất lượng tín dụng của các doanh nghiệp phát hành được cải thiện và niềm tin của nhà đầu tư dần được củng cố.

Một trong những động lực quan trọng thúc đẩy thị trường là nhu cầu huy động vốn trung và dài hạn của doanh nghiệp ngày càng gia tăng, trong bối cảnh hệ thống ngân hàng có xu hướng thắt chặt tiêu chuẩn tín dụng và kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các lĩnh vực rủi ro. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp phải đa dạng hóa nguồn vốn và quay trở lại kênh trái phiếu để tài trợ cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp giai đoạn 2026 được dự báo sẽ phát triển theo hướng chọn lọc và thận trọng hơn. Các doanh nghiệp có nền tảng tài chính vững mạnh, minh bạch thông tin và có xếp hạng tín nhiệm tốt sẽ dễ dàng tiếp cận thị trường, trong khi các doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính cao hoặc dòng tiền yếu có thể gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn thông qua kênh trái phiếu.

Bên cạnh đó, các cải cách về khung pháp lý và hạ tầng thị trường, bao gồm việc tăng cường công bố thông tin, phát triển hệ thống xếp hạng tín nhiệm và mở rộng cơ sở nhà đầu tư tổ chức, được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch và chất lượng tín dụng của thị trường. Những yếu tố này sẽ tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong trung và dài hạn.



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì triển vọng tích cực trong năm 2026 nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, môi trường chính sách hỗ trợ tăng trưởng và sự cải thiện dần của niềm tin nhà đầu tư.



Một trong những động lực quan trọng của thị trường là triển vọng nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi. Nếu quá trình nâng hạng diễn ra theo kế hoạch, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể thu hút thêm dòng vốn đáng kể từ các quỹ đầu tư quốc tế, đặc biệt là các quỹ đầu tư thụ động theo chỉ số. Theo ước tính của các tổ chức phân tích, việc FTSE Russell đưa Việt Nam vào rổ chỉ số các thị trường mới nổi sơ cấp dự kiến vào tháng 9/2026 có thể giúp thị trường thu hút khoảng 1 tỷ USD dòng vốn từ các quỹ ETF và quỹ đầu tư thụ động.

Bên cạnh đó, hoạt động tăng vốn của các doanh nghiệp và các công ty chứng khoán đang diễn ra mạnh mẽ nhằm nâng cao năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động. Nhiều công ty chứng khoán đã triển khai các kế hoạch tăng vốn lớn nhằm tăng hạn mức cho vay ký quỹ, đầu tư công nghệ và phát triển các dịch vụ tài chính mới. Xu hướng này phản ánh kỳ vọng tích cực của các tổ chức tài chính đối với triển vọng phát triển của thị trường trong trung và dài hạn.

Thanh khoản thị trường cũng được dự báo sẽ tiếp tục cải thiện khi môi trường lãi suất duy trì ở mức hợp lý và dòng tiền trong nước gia tăng. Trong bối cảnh lãi suất tiền gửi duy trì ở mức tương đối thấp, thị trường chứng khoán tiếp tục là một trong những kênh đầu tư hấp dẫn đối với nhà đầu tư cá nhân và tổ chức.

Các công ty chứng khoán nhìn chung duy trì góc nhìn tích cực đối với triển vọng thị trường trong năm 2026, với kỳ vọng VN-Index có thể hướng tới vùng 2.000 - 2.200 điểm trong kịch bản thuận lợi. Động lực của thị trường đến từ nhiều yếu tố, bao gồm: (i) chính sách tiền tệ duy trì theo hướng hỗ trợ tăng trưởng, góp phần thúc đẩy tín dụng và dòng tiền vào thị trường tài sản; (ii) niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư dần phục hồi cùng với sự cải thiện của hoạt động sản xuất - kinh doanh; (iii) hiệu ứng lan tỏa từ các chương trình đầu tư công quy mô lớn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế và lợi nhuận doanh nghiệp; và (iv) hệ thống chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, trong đó hai trụ cột quan trọng là kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân.

Tuy nhiên, triển vọng thị trường chứng khoán vẫn cần theo dõi một số rủi ro từ môi trường kinh tế và tài chính quốc tế. Xu hướng dịch chuyển dòng vốn từ các tài sản rủi ro sang các tài sản an toàn như vàng có thể gia tăng trong bối cảnh bất ổn địa chính trị và biến động của thị trường tài chính toàn cầu. Bên cạnh đó, áp lực lạm phát tại một số nền kinh tế lớn có thể khiến việc cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) bị trì hoãn, qua đó ảnh hưởng đến dòng vốn quốc tế và tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Nhìn chung, với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, triển vọng nâng hạng thị trường và sự cải thiện của môi trường chính sách, thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2026 được kỳ vọng tiếp tục duy trì xu hướng phát triển tích cực và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc huy động vốn cho nền kinh tế.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Thị trường bất động sản

Năm 2026 được dự báo là giai đoạn mở đầu cho chu kỳ tăng trưởng mới của thị trường bất động sản, sau giai đoạn điều chỉnh và tái cấu trúc trong các năm trước. Các cải cách pháp lý quan trọng liên quan đến đất đai, nhà ở và kinh doanh bất động sản cùng với việc tháo gỡ vướng mắc pháp lý cho nhiều dự án được kỳ vọng sẽ giúp khơi thông nguồn cung trên thị trường. Thực tế, nhiều dự án bất động sản trước đây bị đình trệ do vướng mắc thủ tục và quy hoạch đang từng bước được tháo gỡ, tạo điều kiện cho nguồn cung mới gia tăng trong giai đoạn tới.

Bên cạnh yếu tố pháp lý, đầu tư hạ tầng và tăng trưởng kinh tế tiếp tục là các động lực quan trọng thúc đẩy thị trường. Việc triển khai nhiều dự án hạ tầng quy mô lớn và sự phát triển của các đô thị vệ tinh được kỳ vọng sẽ mở ra các khu vực phát triển bất động sản mới, đặc biệt tại các vùng ven của các đô thị lớn.

Tuy nhiên, thị trường bất động sản năm 2026 được dự báo sẽ phục hồi theo hướng thận trọng và có chọn lọc hơn, khi mặt bằng lãi suất vay mua nhà có xu hướng tăng trở lại và chính sách kiểm soát tín dụng bất động sản tiếp tục được duy trì.



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Việt

Năm 2025 - năm kỷ niệm 60 năm thành lập của Bảo Việt - đánh dấu một cột mốc ý nghĩa trong hành trình phát triển của Tập đoàn. Hướng tới dấu mốc này, Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống, kiên định giữ vững vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và Việt Nam còn nhiều thách thức, khi thị trường tài chính dù phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn yếu tố bất định, lĩnh vực bảo hiểm tiếp tục đối mặt với nhiều áp lực, Tập đoàn đã phát huy chiến lược kinh doanh linh hoạt, củng cố sức mạnh nội tại, triển giai toàn diện các giải pháp chuyển đổi số; đồng thời chủ động nắm bắt cơ hội, tăng cường sức mạnh hợp lực toàn hệ thống, hướng tới phát triển ổn định và lâu dài.



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Tổng quan về kết quả kinh doanh toàn Tập đoàn trong năm 2025

Năm 2025, bên cạnh những điểm sáng từ sự phục hồi của thị trường tài chính - tiền tệ, với mặt bằng lãi suất và thị trường chứng khoán có xu hướng cải thiện, môi trường kinh doanh vẫn tiềm ẩn nhiều biến động và thách thức, đặc biệt là áp lực trong lĩnh vực bảo hiểm trong giai đoạn áp dụng các quy định mới cũng như sự phục hồi của thị trường tài chính vẫn chưa thực sự đồng đều. Trong bối cảnh đó, Bảo Việt đã chủ động thích ứng, phát huy nền tảng vững chắc và triển khai hiệu quả các giải pháp kinh doanh. Nhờ đó, Tập đoàn không chỉ duy trì đà tăng trưởng mà còn hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận, tiếp tục củng cố vị thế trên thị trường, với tổng doanh thu đạt 59.700 tỷ VND, vượt 2,5% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 3.554 tỷ đồng và 2.922 tỷ đồng, vượt kế hoạch tương ứng là 25% và 27%.

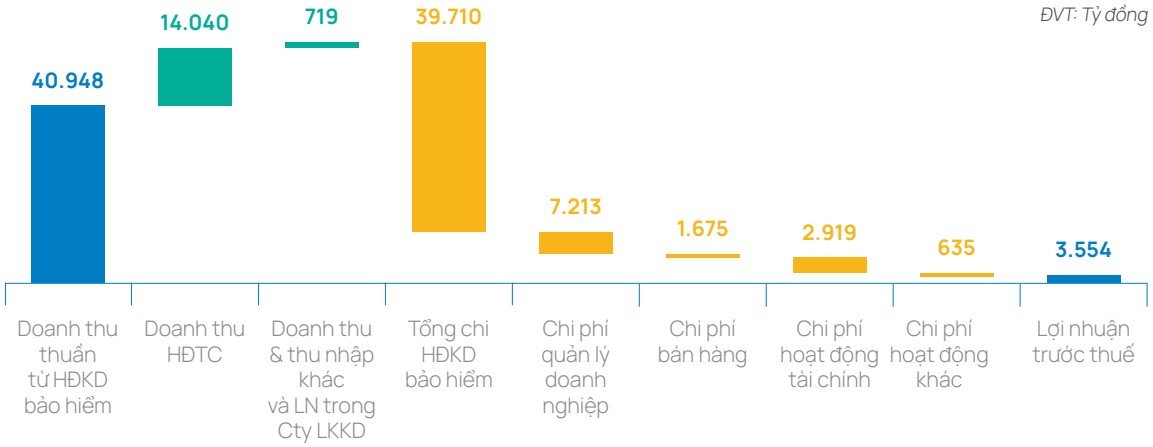
40.498 tỷ đồng
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

14.040 tỷ đồng
Doanh thu từ hoạt động tài chính

11.120 tỷ đồng
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính



Tiếp tục khẳng định vị thế là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu, Bảo Việt ghi nhận đóng góp chủ lực từ lĩnh vực bảo hiểm vào hoạt động kinh doanh, với doanh thu thuần năm 2025 đạt 40.948 tỷ đồng. Đồng thời, Tập đoàn duy trì vững chắc vị thế trong nhóm dẫn đầu trên cả hai lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ.



Bên cạnh lĩnh vực bảo hiểm, hoạt động tài chính trong năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, với doanh thu đạt 14.040 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 11.120 tỷ đồng, tăng trưởng tích cực so với năm 2024, qua đó khẳng định hiệu quả đầu tư trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Kết quả này phản ánh năng lực đầu tư được tích lũy, năng lực nắm bắt cơ hội thị trường và phát huy bề dày 60 năm phát triển của Bảo Việt, đồng thời đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh ấn tượng chung của Tập đoàn.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Kết quả kinh doanh hợp nhất toàn Tập đoàn

DOANH THU

Duy trì tăng trưởng bền vững trên các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi

Tổng doanh thu hợp nhất của toàn Tập đoàn đạt

59.700 tỷ đồng

tăng trưởng 5% so với cùng kỳ

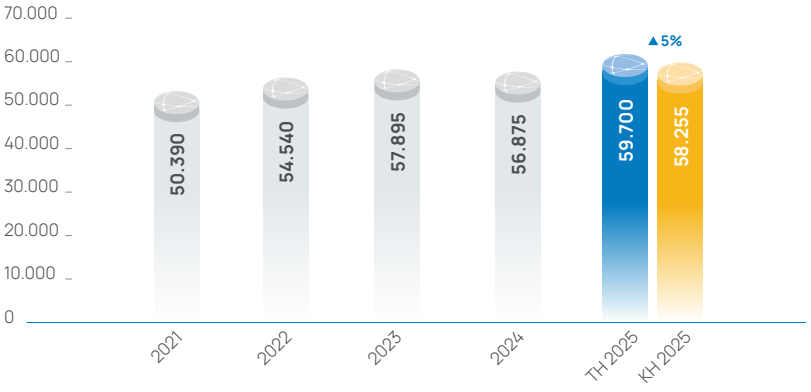
Mảng bảo hiểm phi nhân thọ đóng góp hơn

21% vào tổng doanh thu hợp nhất

của Tập đoàn trong năm 2025

Năm 2025, trong bối cảnh nền kinh tế từng bước phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, thị trường tài chính - bảo hiểm tiếp tục trải qua quá trình điều chỉnh và tái cấu trúc theo hướng minh bạch, bền vững hơn, qua đó đặt ra không ít thách thức đối với môi trường kinh doanh. Với việc chủ động nhận diện sớm các thách thức, khơi thông và tối ưu hóa các nguồn lực, cùng với khả năng thích ứng linh hoạt, Tập đoàn tiếp tục phát huy hiệu quả nền tảng công nghệ thông tin và hệ sinh thái số đã được đầu tư trong nhiều năm, triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ khách hàng và tối ưu hiệu quả các kênh phân phối. Nhờ đó, các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi đều đạt kết quả khả quan, góp phần đưa tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 59.700 tỷ đồng, vượt 2,5% kế hoạch và tăng trưởng 5% so với cùng kỳ. Cụ thể:

Doanh thu hợp nhất giai đoạn 2021-2025



Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt khép lại năm 2025 với kết quả tích cực, khi thị trường vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn kéo dài từ các năm trước. Toàn thị trường ghi nhận tổng doanh thu phí giảm khoảng 1,9% và doanh thu khai thác mới giảm 6,5% so với năm 2024. Trong bối cảnh đó, Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế số 1 thị trường với kết quả tăng trưởng ấn tượng: Tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt trên 32.640 tỷ đồng, tăng 1,5%; trong đó, doanh thu khai thác mới tăng trưởng 14% - một điểm sáng nổi bật trong khi thị trường suy giảm, phản ánh hiệu quả của chiến lược kinh doanh, chất lượng sản phẩm, hệ thống phân phối và năng lực thích ứng linh hoạt.

Song song với đó, việc tận dụng hiệu quả các cơ hội trên thị trường tài chính đã góp phần thúc đẩy doanh thu tài chính tăng trên 10% so với cùng kỳ, đóng góp tích cực vào kết quả chung. Nhờ đó, tổng doanh thu từ lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ năm 2025 đạt trên 45.260 tỷ đồng, tăng gần 4%, hoàn thành tốt kế hoạch đề ra và tiếp tục là lĩnh vực đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn với tỷ trọng trên 75%.

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ của Bảo Việt ghi nhận kết quả kinh doanh xuất sắc trong năm 2025, trong bối cảnh thị trường đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là tác động gia tăng từ thiên tai và lũ lụt. Với vị thế thuộc nhóm dẫn đầu thị trường trong nhiều năm liền, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, với tổng doanh thu đạt 12.920 tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ và vượt kế hoạch đề ra. Doanh thu phí bảo hiểm đạt trên 12.300 tỷ đồng, tăng 8,4%, phản ánh sự tăng trưởng ổn định và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những lĩnh vực kinh doanh nòng cốt của Bảo Việt, mảng bảo hiểm phi nhân thọ đóng góp hơn 21% vào tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn trong năm 2025.



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Tổng doanh thu lĩnh vực dịch vụ tài chính và các hoạt động khác đạt

>2.320 tỷ đồng

đóng góp khoảng 4% vào tổng doanh thu hợp nhất của Bảo Việt.

Tổng doanh thu hoạt động quản lý và cho thuê văn phòng, xây lắp và kinh doanh bất động sản đạt

236 tỷ đồng

góp phần vào sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Lĩnh vực dịch vụ tài chính và các hoạt động khác tiếp tục ghi nhận kết quả khả quan trong năm 2025, với tổng doanh thu đạt hơn 2.320 tỷ đồng, đóng góp khoảng 4% vào tổng doanh thu hợp nhất của Bảo Việt.

Phát huy thế mạnh và kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và chứng khoán, các đơn vị thành viên của Tập đoàn vẫn đạt kết quả kinh doanh tích cực khi thị trường còn nhiều biến động và khó lường. Lĩnh vực chứng khoán ghi nhận tổng doanh thu đạt 1.105 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ và hoàn thành 103,4% kế hoạch; trong đó, doanh thu thực hiện đạt trên 1.030 tỷ đồng, tăng 8,7%. Lĩnh vực quản lý quỹ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ấn tượng trong nhiều năm, với tổng tài sản quản lý thuần đến cuối năm 2025 đạt 155.704 tỷ đồng, tăng 11% so với cuối năm 2024; doanh thu đạt 199 tỷ đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ, qua đó tiếp tục khẳng định uy tín và vị thế của Bảo Việt trong lĩnh vực quản lý tài sản.

Bên cạnh đó, hoạt động quản lý và cho thuê văn phòng, xây lắp và kinh doanh bất động sản tiếp tục duy trì ổn định, đóng vai trò hỗ trợ trong cơ cấu hoạt động đa ngành, với tổng doanh thu đạt 236 tỷ đồng, góp phần vào sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Doanh thu theo các lĩnh vực cốt lõi năm 2024-2025

(ĐVT: %)

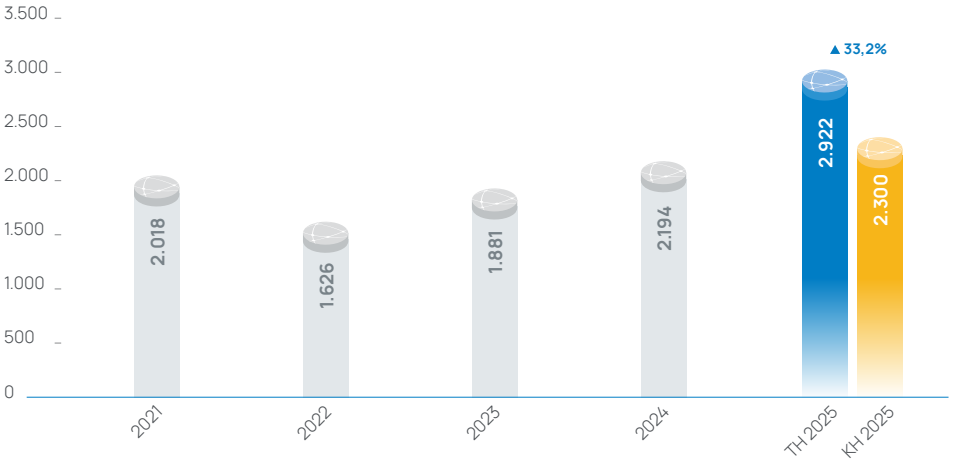


Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

BỨT PHÁ LỢI NHUẬN, VỮNG VÀNG NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.922 tỷ đồng
tăng trưởng 33,2% so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giai đoạn 2020-2024



Năm 2025, trong bối cảnh thị trường tài chính - bảo hiểm từng bước phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, Bảo Việt không chỉ duy trì vị thế dẫn dắt thị trường mà còn ghi nhận bước tăng trưởng bứt phá về lợi nhuận, nhờ chủ động thích ứng, phát huy hiệu quả nền tảng đã được xây dựng trong nhiều năm. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.922 tỷ đồng, tăng trưởng 33,2% so với cùng kỳ, với đóng góp tích cực từ tất cả các lĩnh vực kinh doanh nòng cốt. Kết quả này khẳng định hiệu quả của chiến lược phát triển bền vững và năng lực điều hành linh hoạt của Tập đoàn.

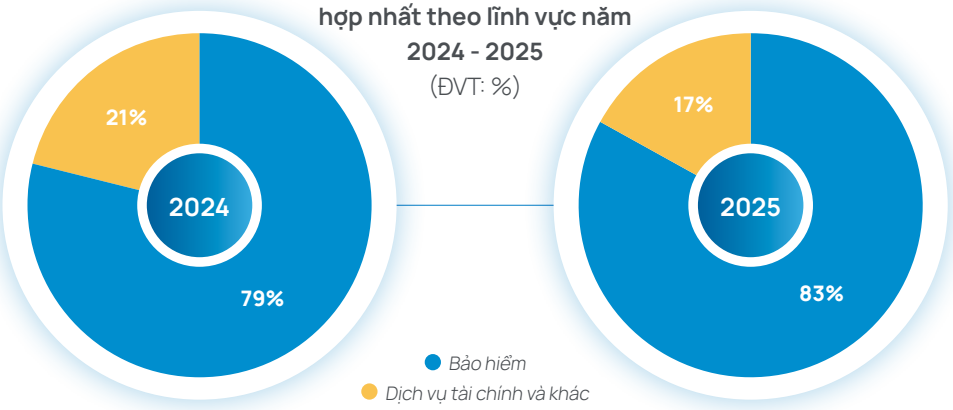
Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

- **Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt** tiếp tục ghi nhận kết quả lợi nhuận ấn tượng trong năm 2025. Phát huy hiệu quả hệ sinh thái số và hạ tầng công nghệ được đầu tư trong nhiều năm, cùng với năng lực quản trị điều hành linh hoạt, Tập đoàn đã tận dụng tốt các cơ hội trên thị trường tài chính, nâng cao hiệu quả nghiệp vụ, qua đó tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận.

  Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt mức lợi nhuận ấn tượng 2.168 tỷ đồng, tăng trưởng tích cực và vượt xa kế hoạch đề ra; trong khi đó, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đóng góp 300 tỷ đồng lợi nhuận. Qua đó, lĩnh vực bảo hiểm tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột trong cơ cấu lợi nhuận của Tập đoàn, đóng góp 83% vào lợi nhuận hợp nhất.

- **Lĩnh vực dịch vụ tài chính và các hoạt động khác** mang lại kết quả lợi nhuận tích cực cho Bảo Việt, với lợi nhuận sau thuế đạt 500 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ và đóng góp 17% vào lợi nhuận hợp nhất năm 2025. Kết quả này tiếp tục khẳng định hiệu quả trong công tác quản lý và tối ưu hóa danh mục đầu tư tài chính của Tập đoàn.

Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo lĩnh vực năm 2024 - 2025
(ĐVT: %)



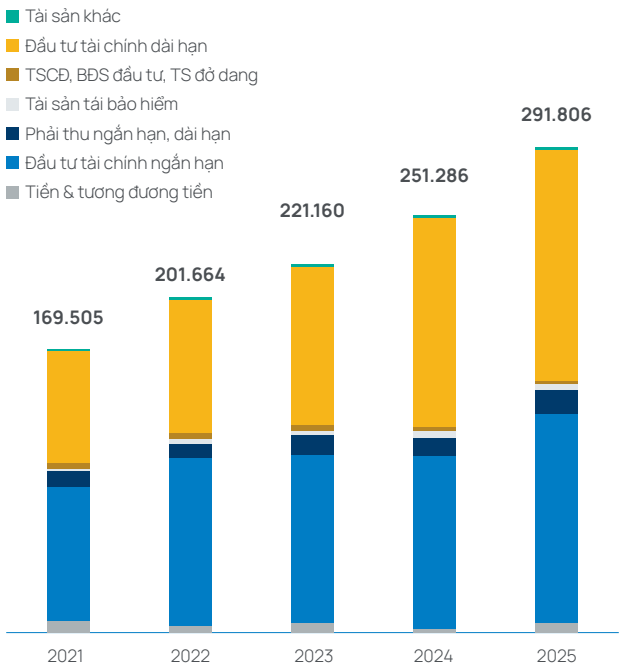
Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

TÀI SẢN HỢP NHẤT

Năm 2025, tổng tài sản hợp nhất của toàn Tập đoàn đạt 291.806 tỷ đồng. Danh mục đầu tư tiếp tục được duy trì theo định hướng tập trung vào các kênh chủ đạo tiền gửi và trái phiếu, giúp Tập đoàn chủ động tận dụng diễn biến của thị trường tài chính, đồng thời đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ dài hạn của doanh nghiệp bảo hiểm.

Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2021-2025

Đơn vị: tỷ đồng



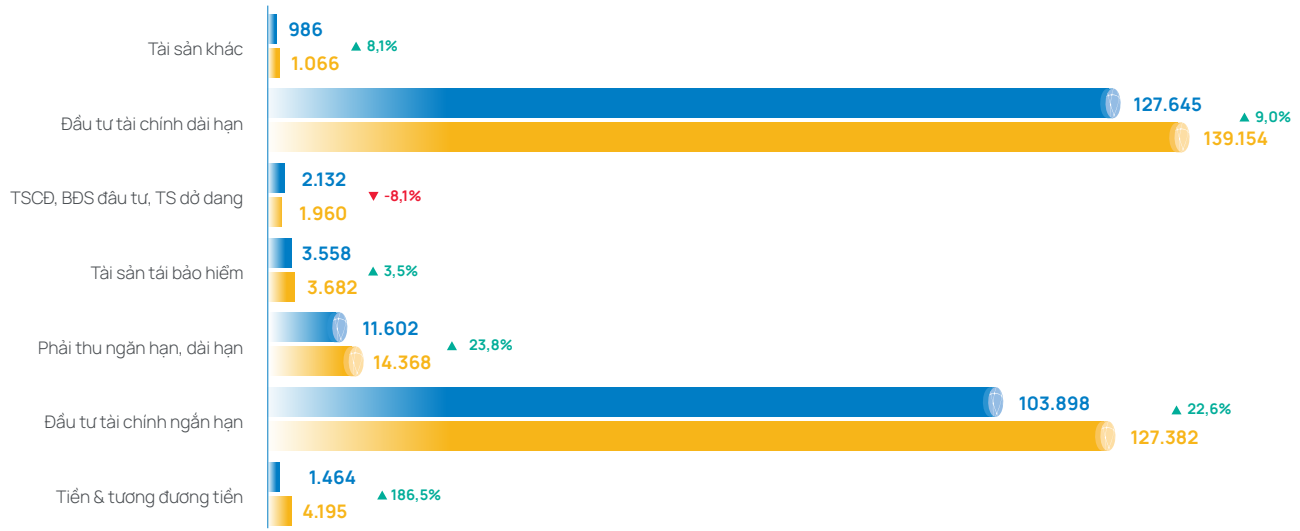
Quy mô tài sản hợp nhất:

So với năm 2024, Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2025 tăng 40.519 tỷ đồng (tương ứng với 16,1%), chủ yếu đến từ dòng tiền tích lũy từ hoạt động bảo hiểm. Phần tài sản gia tăng chủ yếu tập trung ở danh mục đầu tư tài chính với quy mô đạt hơn 266.536 tỷ đồng, tăng 34.992 tỷ đồng so với năm 2024, tương đương mức tăng 15,1%.

Đối với danh mục đầu tư tài chính dài hạn, nhằm đảm bảo cân đối giữa nghĩa vụ bảo hiểm và quyền lợi của người được bảo hiểm - đặc thù trong hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm - trái phiếu dài hạn tiếp tục được duy trì là kênh đầu tư trọng yếu. Tính đến cuối năm 2025, quy mô danh mục này đạt 107.862 tỷ đồng, tăng hơn 12.574 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng mức tăng 13,2%.

Đối với danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn, tiền gửi tiếp tục được xác định là kênh đầu tư quan trọng với quy mô tăng mạnh so với năm 2024, phù hợp với diễn biến thị trường. Trong năm 2025, khi mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng trở lại vào cuối năm trong khi kênh trái phiếu ít biến động, Tập đoàn đã chủ động điều chỉnh cơ cấu danh mục theo hướng gia tăng tỷ trọng tiền gửi nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư ngắn hạn, đồng thời vẫn đảm bảo khả năng đáp ứng đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ chi trả quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng.

Tài sản hợp nhất 2025 theo khoản mục chính



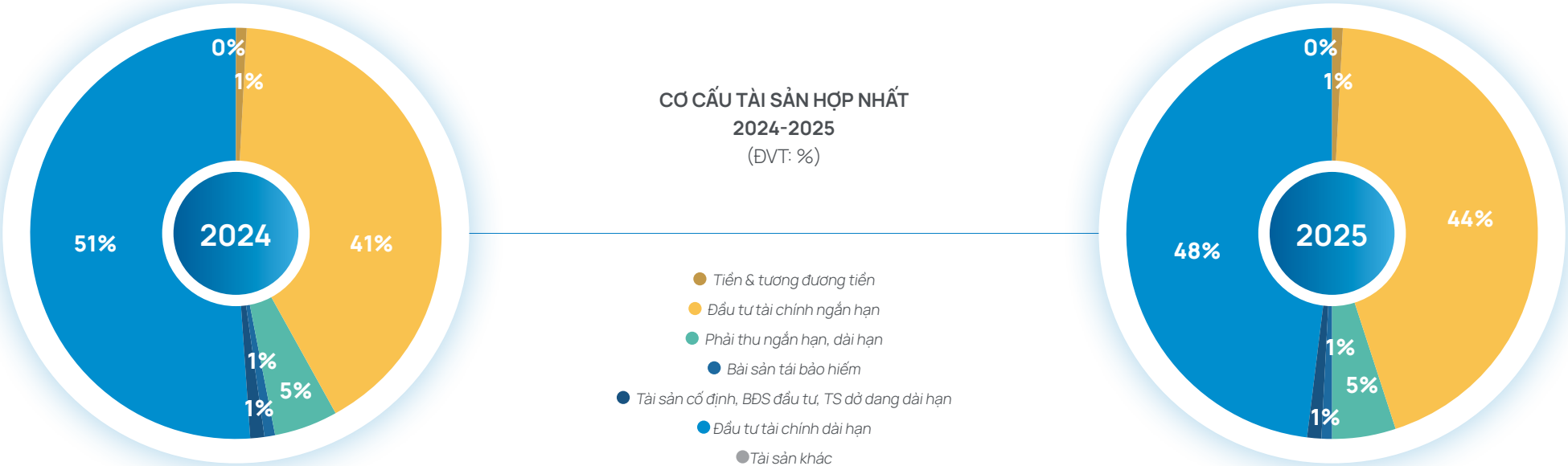
Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Cơ cấu tài sản hợp nhất



Cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2025 nhìn chung không có biến động lớn so với năm 2024, trong đó các khoản đầu tư tài chính tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo. Trước diễn biến của thị trường, cơ cấu đầu tư ghi nhận sự dịch chuyển nhẹ theo hướng gia tăng tỷ trọng đầu tư tài chính ngắn hạn và giảm tương ứng ở danh mục dài hạn: tỷ trọng đầu tư ngắn hạn tăng từ 41% lên 44%, trong khi đầu tư dài hạn giảm từ 51% xuống 48%. Sự điều chỉnh này phù hợp với xu hướng mặt bằng lãi suất tăng trở lại vào cuối năm 2025, qua đó giúp tối ưu hóa hiệu quả đầu tư trong ngắn hạn, đồng thời phản ánh sự chủ động điều chỉnh cơ cấu danh mục theo diễn biến thị trường của Tập đoàn.

Sự điều chỉnh và chuyển dịch cơ cấu danh mục nhằm tối ưu hóa cơ hội sinh lời cho thấy khả năng thích ứng linh hoạt của Tập đoàn trước biến động thị trường, đồng thời khẳng định sự chủ động trong việc nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội đầu tư trong bối cảnh còn nhiều yếu tố kém thuận lợi.



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

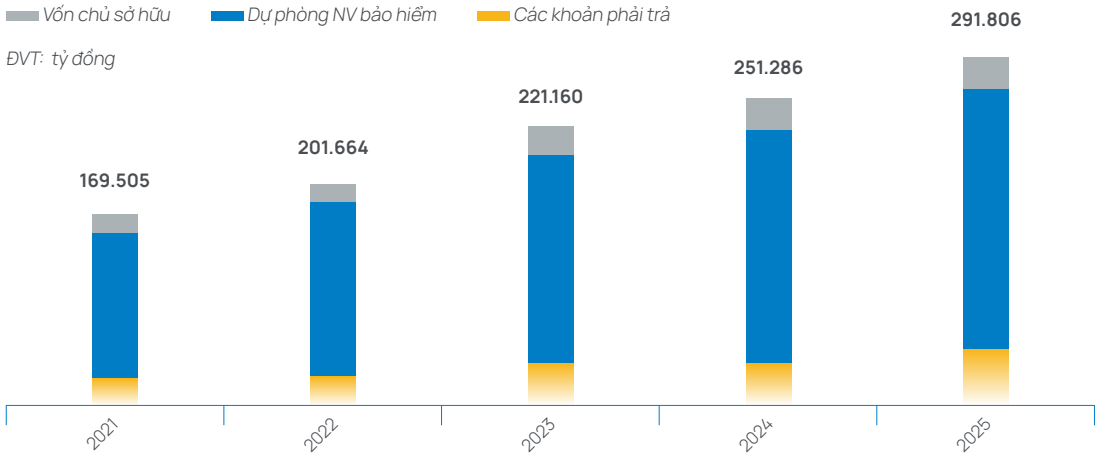
Quy mô Nguồn vốn

Tương tự, năm 2025 tổng nguồn vốn hợp nhất đạt 291.806 tỷ đồng, tăng 16,1% so với năm 2024. Trong đó, quy mô quỹ dự phòng nghiệp vụ tiếp tục tăng 15.108 tỷ đồng, tương ứng 8,1%; riêng tại Bảo Việt Nhân thọ, quỹ dự phòng tăng 14.567 tỷ đồng *(8,3%)*, phù hợp với mức tăng của doanh thu bảo hiểm. Việc quỹ dự phòng nghiệp vụ duy trì đà tăng trưởng không chỉ thể hiện cam kết đối với các nghĩa vụ bảo hiểm mà còn góp phần củng cố năng lực tài chính, giảm thiểu tác động từ các rủi ro có thể phát sinh trong tương lai

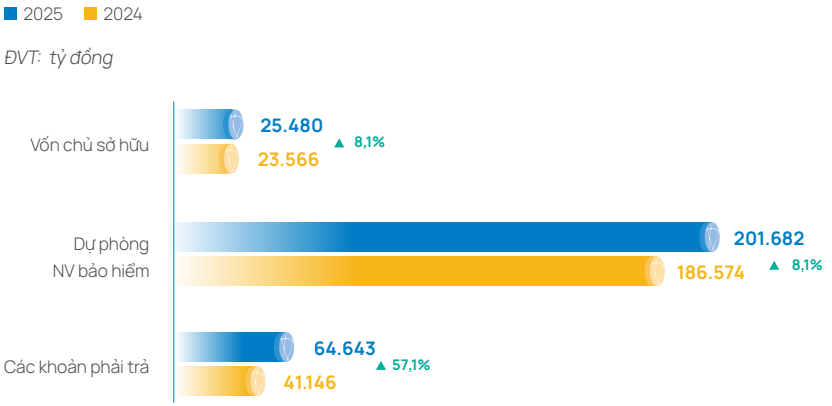
Bên cạnh đó, các khoản phải trả tăng 23.496 tỷ đồng *(tương đương 57,1%)*, chủ yếu phát sinh từ các giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ với mức tăng hơn 21.000 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu cũng ghi nhận mức tăng 1.914 tỷ đồng *(8,7%)* so với năm 2024, chủ yếu từ Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, qua đó đóng góp tích cực vào mức tăng chung của tổng nguồn vốn.



NGUỒN VỐN HỢP NHẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025



NGUỒN VỐN HỢP NHẤT THEO CÁC KHOẢN MỤC CHÍNH



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Cơ cấu Nguồn vốn

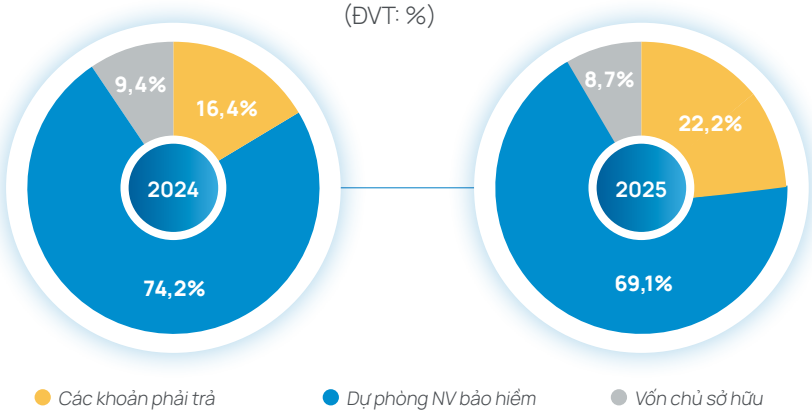
Cơ cấu nguồn vốn năm 2025 ghi nhận một số biến động nhẹ so với năm 2024: tỷ trọng các khoản phải trả tăng đáng kể từ 16,4% lên 22,2%, chủ yếu do các giao dịch repo trái phiếu gia tăng mạnh vào cuối năm.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tiếp tục là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất, ở mức 69,1% tổng nguồn vốn, qua đó thể hiện nền tảng tài chính vững mạnh và xu hướng gia tăng ổn định, đồng thời khẳng định cam kết bền vững trong việc đảm bảo quyền lợi dài hạn cho khách hàng của Bảo Việt.

Trong khi đó, tỷ trọng vốn chủ sở hữu giảm nhẹ từ 9,4% xuống 8,7%, chủ yếu do quy mô tổng nguồn vốn tăng trưởng mạnh trong kỳ.

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn được duy trì theo hướng an toàn, linh hoạt và phù hợp với đặc thù hoạt động bảo hiểm, qua đó đảm bảo cân đối giữa hiệu quả sử dụng vốn và năng lực thực hiện các nghĩa vụ tài chính dài hạn, đồng thời khẳng định nền tảng tài chính vững chắc và năng lực quản trị vốn hiệu quả của Tập đoàn.

Cơ cấu nguồn vốn
2024-2025
(ĐVT: %)



Chủ động duy trì năng lực thanh toán ở mức cao, luôn vượt yêu cầu quy định

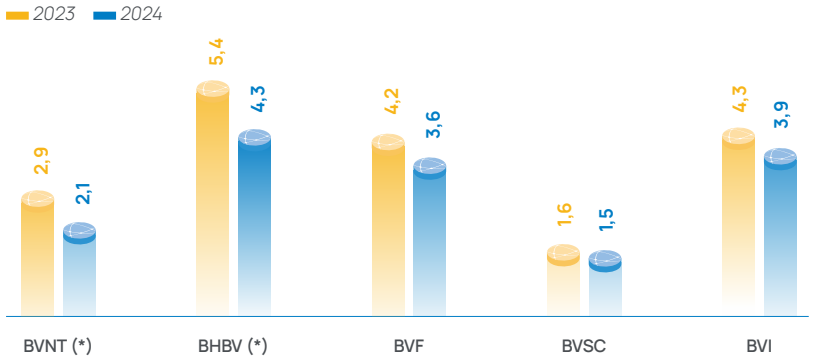
với năm 2024 song vẫn đảm bảo khả năng đáp ứng chủ động, vững chắc và kịp thời các nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn khi đến hạn.

Việc mở rộng của hoạt động mua bán lại trái phiếu Chính phủ trong năm 2025 của Bảo Việt Nhân thọ phù hợp với diễn biến thị trường nhưng đã dẫn đến sự gia tăng tạm thời của nợ ngắn hạn tăng so với năm 2024. Điều này khiến hệ số thanh toán tại cuối năm 2025 giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức an toàn cao.

Tại ngày 31/12/2025, hệ số an toàn vốn và tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn tiếp tục được duy trì ở mức cao, tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật. Đáng chú ý, Công ty Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt ghi nhận tỷ lệ an toàn vốn khả dụng lần lượt đạt 576% và 408%, vượt xa ngưỡng quy định 180%.

Bên cạnh đó, tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt đạt 141% và của Bảo Việt Nhân thọ đạt 107% tại thời điểm cuối năm, đều cao hơn mức yêu cầu 100% theo quy định của Bộ Tài chính, qua đó tiếp tục khẳng định nền tảng tài chính an toàn và vững chắc của Tập đoàn.

Hệ số thanh toán năm 2025 (lần)



(*): Đối với Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, nợ ngắn hạn dùng để tính hệ số thanh toán đã loại trừ Dự phòng nghiệp vụ.

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

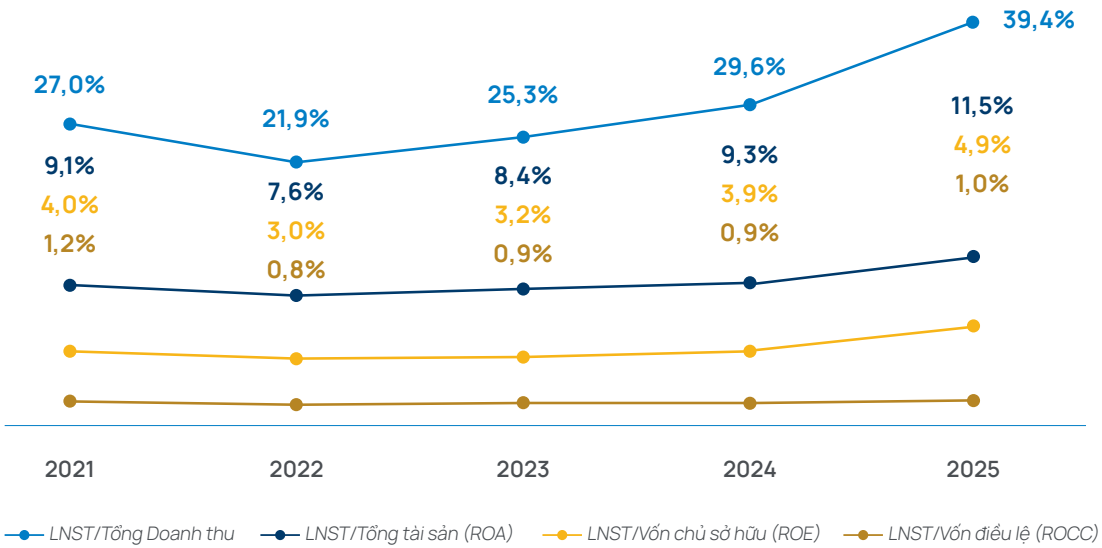


Vượt qua những thách thức của thị trường, Bảo Việt tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động thông qua việc tối ưu nguồn lực và khai thác hiệu quả các cơ hội

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2025 tiếp tục diễn biến phức tạp, Tập đoàn Bảo Việt đã chủ động thích ứng, linh hoạt nắm bắt cơ hội và phát huy sức mạnh hợp lực trên toàn hệ thống. Thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, Tập đoàn từng bước vượt qua thách thức, tối ưu hóa hệ thống quản trị nội bộ, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Nhìn chung, các chỉ số sinh lời của Tập đoàn tiếp tục được duy trì ở mức cao và có xu hướng cải thiện rõ rệt qua các năm. Sau khi ghi nhận mức tăng tích cực trong năm 2024, các chỉ số này tiếp tục bứt phá trong năm 2025, trong đó nổi bật là chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt 39,4% - mức cao nhất trong giai đoạn 2021 - 2025, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn ngày càng được nâng cao.

Đồng thời, các chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) và Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) cũng ghi nhận xu hướng cải thiện tích cực, cho thấy hiệu quả khai thác vốn và tài sản của Tập đoàn tiếp tục được củng cố.



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

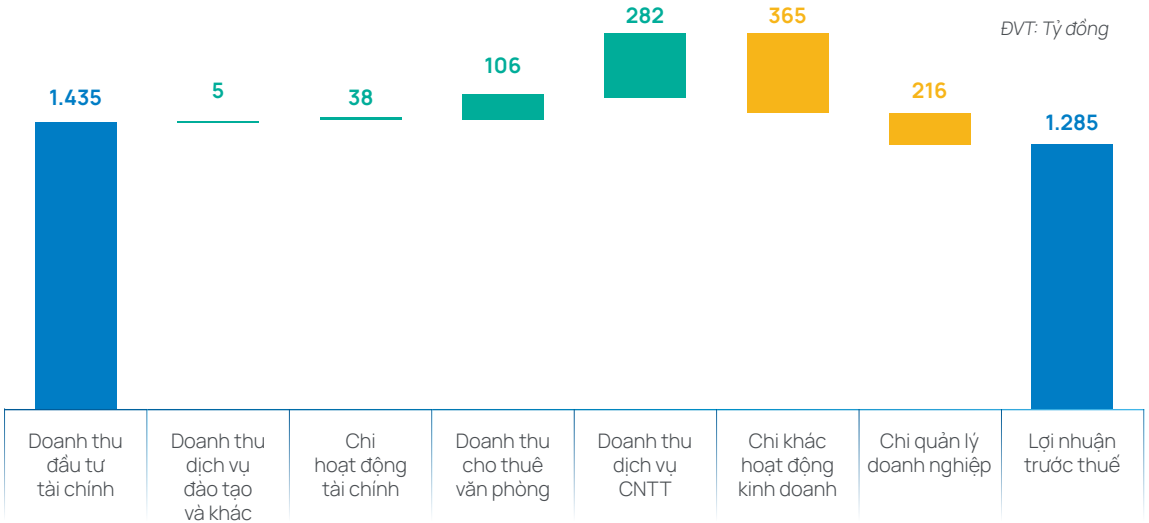
Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ

Tổng quan về kết quả kinh doanh Công ty Mẹ trong năm 2025

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận sự phục hồi của thị trường tài chính - tiền tệ, với mặt bằng lãi suất và chỉ số VN-Index có xu hướng tăng trở lại. Thị trường bảo hiểm tiếp tục mở rộng trên nền tảng niềm tin dần được củng cố cùng với những cải cách về khung pháp lý. Trong bối cảnh đó, chủ động tận dụng cơ hội thị trường và phát huy nội lực, Công ty Mẹ ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực, với các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều hoàn thành kế hoạch và tăng trưởng tốt so với năm 2024.

Tổng doanh thu năm 2025 đạt 1.828 tỷ, hoàn thành kế hoạch tăng trưởng 8% được giao, tăng trưởng tốt 8,0% so với năm trước. Trong đó, doanh thu tài chính đóng góp mức lớn nhất (79%) đạt 1.435 tỷ, tăng trưởng tốt 7,4% so với năm trước, tiếp tục duy trì mức tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng doanh thu.

Nhận thức rõ vai trò then chốt của chuyển đổi số, Công ty Mẹ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tối ưu chi phí, góp phần củng cố nền tảng tăng trưởng bền vững và đóng góp tích cực vào kết quả chung của Tập đoàn. Kết thúc năm, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2025 được giao với 1.285 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng trưởng tốt gần 9% so với năm trước.

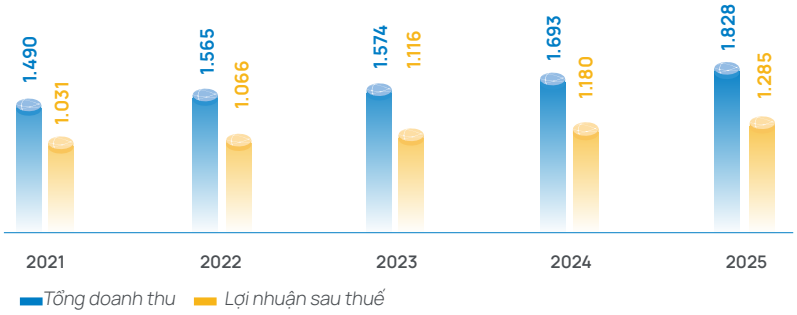


Chủ động nắm bắt cơ hội thị trường, phát huy nội lực, doanh thu và lợi nhuận năm 2025 hoàn thành kế hoạch, tiếp tục tăng trưởng tích cực

Thị trường tài chính - tiền tệ năm 2025 ghi nhận sự phục hồi trên các phân khúc chủ chốt, dù mức độ lan tỏa còn chưa đồng đều. Thị trường chứng khoán bứt phá về điểm số song vẫn chịu tác động từ các yếu tố biến động bất lợi của môi trường bên ngoài, khiến diễn biến thị trường còn tiềm ẩn nhiều khó khăn; thị trường trái phiếu dần ổn định; tín dụng tăng trưởng mạnh nhưng tiềm ẩn áp lực thanh khoản và rủi ro từ bất động sản; trong khi đó, thị trường bảo hiểm tiếp tục mở rộng trên nền tảng niềm tin được củng cố và hành lang pháp lý từng bước hoàn thiện, dù tăng trưởng phí bảo hiểm nhân thọ vẫn trong giai đoạn điều chỉnh và tái cấu trúc. Trong bối cảnh đó, Bảo Việt đã chủ động nắm bắt cơ hội thị trường, đồng thời phát huy hiệu quả các nguồn lực nội tại của Công ty Mẹ cũng như các đơn vị thành viên, nhờ đó ghi nhận kết quả kinh doanh khởi sắc trong năm 2025, với Tổng doanh thu và Lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 1.828 tỷ đồng và 1.285 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch và tăng trưởng tương ứng 8% và 8,9% so với năm trước.

Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin, nhằm tối ưu hóa hoạt động kinh doanh cốt lõi. Doanh thu từ dịch vụ công nghệ thông tin tiếp tục là một trong những trụ cột quan trọng, chiếm tỷ trọng 15% và đứng thứ hai trong cơ cấu doanh thu của Tập đoàn, chỉ sau doanh thu từ hoạt động tài chính (79%).

Tổng Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế Công ty Mẹ giai đoạn 2021-2025



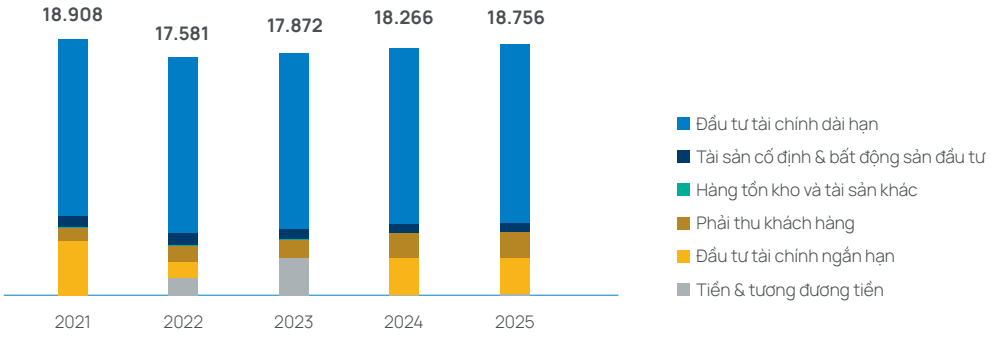
Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Quy mô tài sản Công ty Mẹ

Tổng tài sản năm 2025 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng so với năm 2024 (gần 500 tỷ đồng), tập trung chủ yếu ở danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn. Sự gia tăng này phản ánh việc Tập đoàn chủ động điều chỉnh cơ cấu danh mục theo hướng gia tăng tỷ trọng các khoản đầu tư ngắn hạn, nhằm tận dụng xu hướng mặt bằng lãi suất tăng trở lại từ cuối năm 2025, đồng thời đáp ứng linh hoạt nhu cầu thanh khoản và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư trong ngắn hạn.

Mặc dù danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn ghi nhận mức tăng đáng kể trong năm 2025 nhằm tận dụng diễn biến thuận lợi của thị trường, các khoản đầu tư tài chính dài hạn vẫn tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu tài sản của Công ty Mẹ. Với vai trò trung tâm trong cấu trúc tài chính của Tập đoàn, Công ty Mẹ duy trì tỷ trọng lớn ở các khoản đầu tư tài chính dài hạn *(chiếm 69,4%)*, chủ yếu vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, qua đó đảm bảo tính an toàn cho danh mục tài sản cũng như duy trì nền tảng vốn vững chắc cho toàn hệ thống.

Tổng tài sản - Công ty mẹ



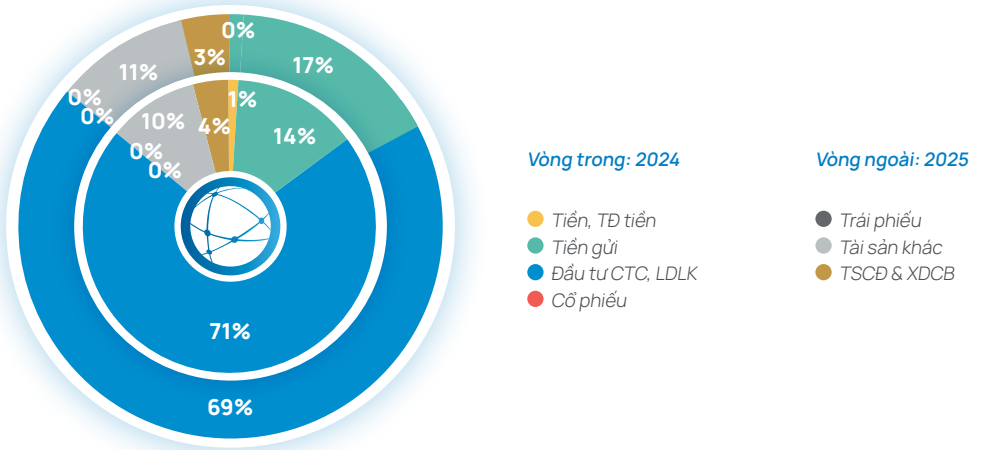
(*): Năm 2022, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện chi trả cổ tức hơn 2.246 tỷ đồng bằng tiền, khiến quy mô tài sản từ năm 2022 giảm nhẹ so với các năm trước.

Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ

Theo kỳ hạn, tài sản dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty Mẹ, ở mức 72,2%, trong đó phần lớn là các khoản đầu tư tài chính dài hạn *(đầu tư vào công ty con và các công ty liên doanh và liên kết)*.

Theo danh mục đầu tư, các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết vẫn giữ vai trò chủ lực, đứng đầu về quy mô và tỷ trọng với gần 13.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 69% tổng tài sản.

Trong năm 2025, cơ cấu tài sản ghi nhận sự điều chỉnh linh hoạt với việc gia tăng tỷ trọng tiền gửi, phù hợp với xu hướng mặt bằng lãi suất tăng trở lại vào cuối năm, qua đó góp phần tối ưu hóa hiệu quả đầu tư trong ngắn hạn, đồng thời đảm bảo cân đối dòng tiền và khả năng thanh khoản của Công ty Mẹ, trong khi vẫn duy trì nhất quán định hướng đầu tư dài hạn.



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

NGUỒN VỐN

Nền tảng tài chính tiếp tục được củng cố vững chắc, bảo đảm năng lực thực hiện cam kết dài hạn và duy trì sự ổn định bền vững.

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường tài chính - bảo hiểm vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục củng cố sức mạnh tài chính, duy trì tỷ lệ Vốn chủ sở hữu ở mức cao trong cơ cấu vốn. Tại 31/12/2025, tổng nguồn vốn của Công ty Mẹ đạt 18.756 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu chiếm 98,8%.

Các khoản nợ *(bao gồm nợ ngắn hạn và dài hạn)* tiếp tục được kiểm soát ở mức rất thấp và có xu hướng giảm qua các năm. Tính đến 31/12/2025, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn ở mức 1,2%, phản ánh tiềm lực tài chính vững mạnh và nền tảng vốn ngày càng được củng cố của Công ty Mẹ.

Chủ động duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn cao

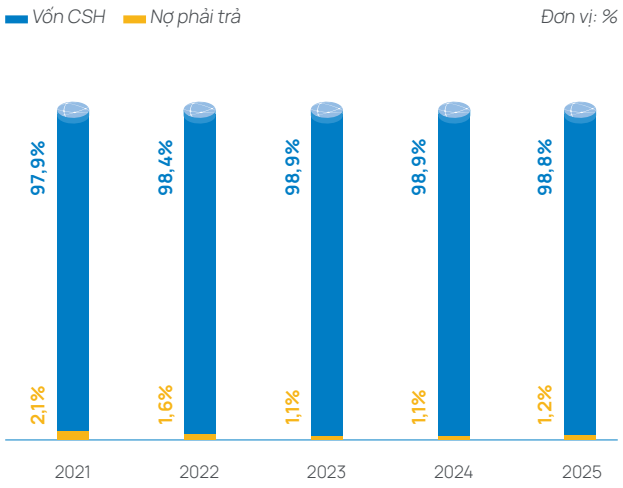
Nợ ngắn hạn của Công ty Mẹ được duy trì ở mức thấp, chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn, trong khi quy mô tài sản ngắn hạn liên tục tăng trưởng qua các năm. Nhờ đó, hệ số thanh toán luôn được duy trì ổn định ở mức cao, đảm bảo tốt khả năng đáp ứng đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn.

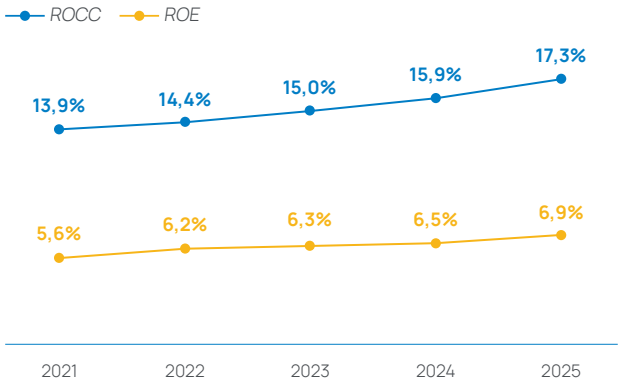
Các tỷ suất sinh lời tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực

Cùng với Tập đoàn, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty Mẹ Bảo Việt tiếp tục duy trì ở mức cao và ghi nhận xu hướng cải thiện tích cực qua các năm. Trong bối cảnh kinh tế năm 2025 còn nhiều biến động phức tạp và kém thuận lợi, Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tốt so với năm 2024, nhờ đó các tỷ suất sinh lời được nâng cao rõ rệt, trong đó ROCC đạt 17,3% và ROE đạt 6,9% - mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại. Đáng chú ý, tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (ROCC) tiếp tục vượt mức giai đoạn trước tăng vốn năm 2019 (15%), cho thấy hiệu quả sử dụng vốn ngày càng được nâng cao. Kết quả này khẳng định năng lực duy trì hiệu quả kinh doanh ổn định, bền vững của Công ty Mẹ ngay cả trong điều kiện thị trường nhiều thách thức.

Khép lại năm 2025 - dấu mốc 60 năm hình thành và phát triển, với sự đồng lòng, nỗ lực không ngừng trên toàn hệ thống và sự lan tỏa thông điệp năm "Kiến tạo vị thế, dẫn lối tương lai", Bảo Việt tiếp tục vượt qua những biến động và thách thức của nền kinh tế để khẳng định vai trò dẫn dắt trên thị trường Tài chính - Bảo hiểm Việt Nam. Tập đoàn không chỉ duy trì vững chắc vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm mà còn ghi nhận kết quả tích cực ở các lĩnh vực đầu tư và chứng khoán nhờ chủ động nắm bắt hiệu quả các cơ hội thị trường. Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, những kết quả đạt được trong năm là nền tảng quan trọng, tạo đà cho Tập đoàn tiếp tục phát triển bền vững và kiến tạo những giá trị dài hạn trong chặng đường phía trước.

Cơ cấu nguồn vốn Công ty Mẹ giai đoạn 2021-2025





Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Ảnh hưởng từ chênh lệch tỷ giá đến hoạt động kinh doanh

Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Năm 2025, với giả định các yếu tố khác không đổi, tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác biến động khoảng (+/-) 10% thì lợi nhuận trước thuế hợp nhất biến động khoảng (+/-) 24 tỷ đồng.

Báo cáo thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Ngày	Nội dung	Chủ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	15/10/2007	Hoàn thành cổ phần hóa	Bộ Tài chính	444.300.000	77,54%
			HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	57.302.661	10,00%
			Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	20.400.000	3,56%
			Các cổ đông khác	51.023.944	8,90%
				573.026.605	***100%***
2	19/01/2010	Phát hành riêng lẻ cho HSBC	Bộ Tài chính	444.300.000	70,89%
			HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	112.807.635	18,00%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	20.400.000	3,26%
			Các cổ đông khác	49.201.444	7,85%
				626.709.079	***100%***
3	14/01/2011	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Bộ Tài chính	482.509.800	70,91%
			HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	122.509.091	18,00%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	3,26%
			Các cổ đông khác	53.298.143	7,83%
				680.471.434	***100%***
4	26/06/2018	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	Bộ Tài chính	482.509.800	68,84%
			Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life) [2]	122.509.091	17,48%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	3,16%
			Các cổ đông khác	73.713.143	10,52%
				700.886.434	***100%***
5	18/12/2019	Phát hành riêng lẻ	Bộ Tài chính	482.509.800	65,00%
			Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life)	163.945.421	22,09%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	2,98%
			Các cổ đông khác	73.713.143	9,93%
				742.322.764	***100%***

[1]: Ngày 23/09/2009, ĐHĐCĐ Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua việc chuyển giao cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam tại Bảo Việt cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

[2]: Ngày 26/03/2013, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life) đã hoàn tất việc mua 18% số cổ phần từ HSBC và trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của Tập đoàn Bảo Việt với tỷ lệ sở hữu là 18% vốn điều lệ.

Đánh giá về tình hình đầu tư tài chính

Năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021 - 2025, phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn thông qua các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư và quản lý rủi ro nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ Tập đoàn, đáp ứng yêu cầu kinh doanh khi thị trường biến động. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng, từ đó đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH TOÀN TẬP ĐOÀN 2025

Tại 31/12/2025, tổng nguồn vốn đầu tư toàn Tập đoàn đạt

270.807 TỶ ĐỒNG

tăng 16,2% so với thời điểm 31/12/2024.

Trong đó:

Đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) đạt

258.258 tỷ đồng

chiếm 95,4% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 16,7% so với năm 2024.

Đầu tư cổ phần, góp vốn đạt

8.343 tỷ đồng

chiếm 3,1% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 7,7% so với năm 2024.

Đầu tư tài chính khác đạt

4.206 tỷ đồng

chiếm 1,6% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 1,9% so với năm 2024.

Đánh giá về tình hình đầu tư tài chính

Cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn tại 31/12/2025

ĐVT: Tỷ đồng

	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2025		Tại 31/12/2024		So sánh 2025/2024
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I.	**Đầu tư lãi suất cố định**	**258.258**	**95,4%**	**221.223**	**94,9%**	**16,7%**
1.	Tiền gửi	150.230	55,5%	125.854	54,0%	19,4%
2.	Trái phiếu	108.028	39,9%	95.369	40,9%	13,3%
II.	**Đầu tư cổ phần, góp vốn**	**8.343**	**3,1%**	**7.743**	**3,3%**	**7,7%**
III.	**Đầu tư tài chính khác**	**4.206**	**1,6%**	**4.129**	**1,8%**	**1,9%**
	Tổng cộng	**270.807**	**100%**	**233.095**	**100%**	**16,2%**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025



Đánh giá về tình hình đầu tư tài chính

Tình hình đầu tư tài chính Công ty Mẹ 2025



Tại 31/12/2025,
tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ là

16.278 tỷ đồng

tăng 3% so với 31/12/2024.

Tổng doanh thu hoạt động đầu tư năm 2025 đạt

1.435 tỷ đồng

Trong năm Công ty Mẹ đã thực hiện chi trả hơn

783 tỷ đồng

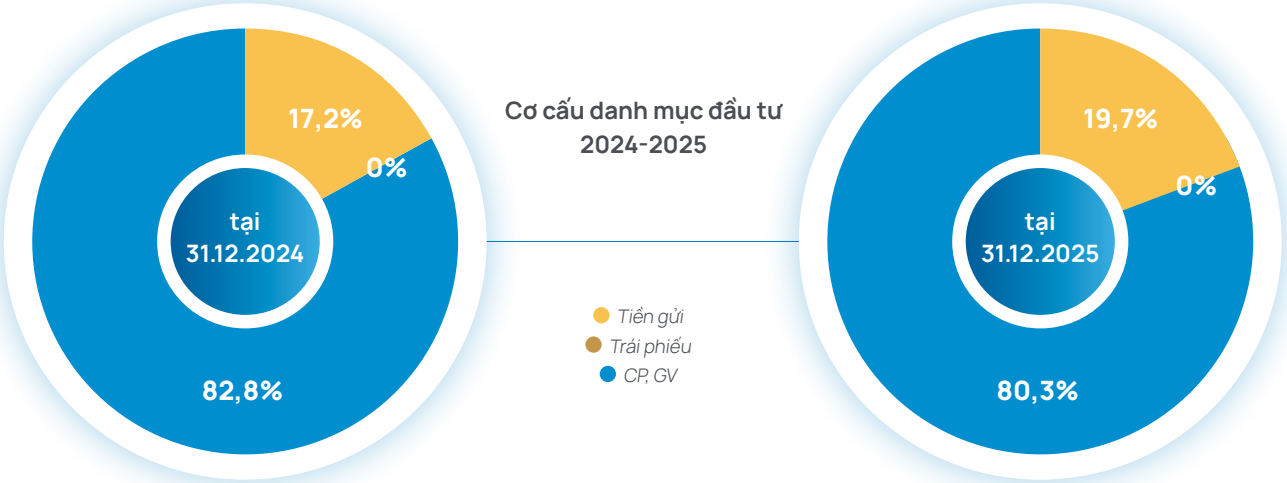
cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10,551% trên mệnh giá cổ phiếu.

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ tại 31/12/2025

ĐVT: Tỷ đồng

	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2025		Tại 31/12/2024		So sánh 2025/2024
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I.	Đầu tư lãi suất cố định	3.208	19,7%	2.724	17,2%	17,7%
1.	Tiền gửi	3.208	19,7%	2.724	17,2%	17,7%
2.	Trái phiếu	0	0,0%	0	0,0%	
II.	Đầu tư cổ phần, góp vốn	13.070	80,3%	13.074	82,8%	0%
	Tổng cộng	16.278	100%	15.798	100%	3,0%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025



Đánh giá về tình hình đầu tư tài chính

Hoạt động đầu tư vào 04 Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ: Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

Tập đoàn tiếp tục ưu tiên tập trung vào các ngành nghề cốt lõi. Tính đến 31/12/2025, tổng giá trị đầu tư vào 04 Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ đạt 9.201 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 56,5% tổng nguồn vốn đầu tư của công ty Mẹ. Giá trị đầu tư vào từng công ty con cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bảo Việt
Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
6.000	2.900	100	201

TỔNG CỘNG	Giá trị đầu tư	9.201

Năm 2025, Bảo Việt vinh dự đạt Top 3 Thương hiệu mạnh nhất Việt Nam do Brand Finance - Công ty định giá thương hiệu hàng đầu thế giới tại Việt Nam xếp hạng với điểm số BSI đạt 92,8/100. Bảo Việt là thương hiệu bảo hiểm - tài chính duy nhất nằm trong nhóm dẫn đầu, khẳng định vị thế vững chắc của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam;

Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục lần thứ 9 là đơn vị dẫn đầu TOP 10 Công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín Việt Nam 2025 theo đánh giá của Vietnam Report và tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu với cú đúp giải thưởng "Doanh nghiệp xuất sắc 2025" và "Thương hiệu truyền cảm hứng 2025" tại Lễ trao giải Doanh nghiệp Châu Á - Thái Bình Dương. Năm 2025 đánh dấu hành trình 7 năm Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ được Tạp chí Nguồn Nhân lực Châu Á tôn vinh và xếp hạng là doanh nghiệp Việt có môi trường làm việc chuẩn quốc tế.

Tháng 12/2025, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được vinh danh với giải thưởng "Best Insurance Customer Care & Support Vietnam 2025" - Doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu Việt Nam về đồng hành và hỗ trợ khách hàng 2025 trao bởi Global Banking & Finance Awards. Giải thưởng này đã trở thành thước đo quốc tế nhằm tôn vinh các tổ chức tài chính xuất sắc, sở hữu chiến lược đột phá và cam kết bền vững về giá trị khách hàng.

Danh mục các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2025



Các dự án góp vốn của Công ty mẹ tập trung vào những nhóm ngành chính là bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán và quản lý quỹ; chiếm tỷ trọng 91,5% danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn.

ĐVT: Tỷ đồng

Ngành	Vốn góp		Tỷ trọng	
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024
Bảo hiểm	9.117	9.117	69,8%	69,7%
Ngân hàng	1.560	1.564	11,9%	12,0%
CK, QLQ	1.277	1.277	9,8%	9,8%
BĐS	426	426	3,3%	3,3%
Khác	691	691	5,3%	5,3%
Tổng cộng	**13.070**	**13.074**	**100%**	**100%**

Đánh giá về tình hình đầu tư tài chính

Kết quả đầu tư Công ty mẹ tại 31/12/2025



Hoạt động đầu tư tự doanh: Vượt kế hoạch

Năm 2025, hoạt động đầu tư tự doanh của Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được những kết quả tích cực, với mức tăng trưởng cao về doanh thu, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2025

Hoạt động đầu tư lãi suất cố định

- Tập đoàn đã bám sát diễn biến lãi suất thị trường, kế hoạch dòng tiền để thực hiện tái đầu tư nguồn vốn nhàn rỗi với kỳ hạn phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư;
- Doanh thu đầu tư lãi suất cố định đạt 143 tỷ đồng, vượt 41,6% kế hoạch năm 2025.

Hoạt động đầu tư cổ phần, góp vốn

Doanh thu đầu tư cổ phần, góp vốn đạt 167 tỷ đồng, vượt 5,5% kế hoạch năm 2025

Lợi nhuận được nhận từ 04 công ty con năm 2025 đạt

1.125 tỷ đồng

Tập đoàn phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư

Trong năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư và quản lý rủi ro nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ Tập đoàn, đồng thời đáp ứng yêu cầu kinh doanh khi thị trường biến động. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính và triển khai mô hình đầu tư theo chuỗi giá trị nhằm tận dụng được thế mạnh của từng đơn vị và lợi thế quy mô nguồn vốn của toàn Tập đoàn, phát huy lợi thế cạnh tranh của Bảo Việt.

Đánh giá về tình hình đầu tư tài chính

Gắn kết yếu tố ESG trong hoạt động đầu tư

Là doanh nghiệp tiên phong trong phát triển bền vững, Bảo Việt tin rằng phát triển bền vững không chỉ đơn thuần là việc cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường mà còn là nền tảng cho sự thịnh vượng ổn định và lâu dài cho cả cộng đồng và các thế hệ tương lai. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, Bảo Việt cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi rà soát các dự án đầu tư vốn lớn.

Bảo Việt tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi với 91,5% danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Đây cũng là những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong năm qua, Bảo Việt luôn tuân thủ các tiêu chí liên quan đến vấn đề Quản trị - Xã hội - Môi trường trong quá trình quản lý dự án đầu tư và đầu tư cổ phần, góp vốn.

Với quy mô tổng tài sản hàng đầu trên thị trường bảo hiểm, Tập đoàn Bảo Việt tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế với định hướng tuân thủ nguyên tắc an toàn, hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và các bên liên quan.



Năm 2025 là năm thứ 10 liên tiếp Tập đoàn Bảo Việt được vinh danh "Top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững lĩnh vực thương mại dịch vụ". Việc tham gia và đạt thứ hạng cao tại bảng xếp hạng 10 năm liên tiếp đã phản ánh những đóng góp liên tục của Tập đoàn Bảo Việt trong việc chung tay cùng cộng đồng doanh nghiệp thúc đẩy phát triển bền vững tại Việt Nam. Bảo Việt còn được nhận danh hiệu Ngôi sao CSI (Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI chủ trì) giai đoạn 2016-2025 vì những đóng góp nổi bật và nỗ lực triển khai các hoạt động phát triển bền vững.

Bảo Việt là doanh nghiệp Việt đầu tiên 4 năm liên tiếp được công nhận và xếp hạng doanh nghiệp bền vững trong nhóm Chỉ số Dow Jones Sustainability Indices - DJSI, cũng như được công nhận trong Bảng xếp hạng tính bền vững doanh nghiệp toàn cầu (CSA) do S&P Global thực hiện. Để được đánh giá trong bảng xếp hạng DJSI, Bảo Việt cần đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt trên nhiều yếu tố như: sức khỏe tài chính doanh nghiệp, giá trị cổ phiếu, tính minh bạch, hoạt động bền vững của doanh nghiệp...

Trong thời gian tới, Bảo Việt tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi - vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của Bảo Việt, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường.

05 nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm mà Bảo Việt đang áp dụng cho các dự án đầu tư bao gồm:

1. Gắn kết vấn đề ESG trong các quy trình phân tích đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư
2. Gắn kết ESG trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi của chủ đầu tư
3. Xây dựng quy chế công bố thông tin phù hợp đối với vấn đề ESG tại các doanh nghiệp mà Bảo Việt đầu tư
4. Hợp tác với các tổ chức tài chính khác để đẩy mạnh hiệu quả triển khai
5. Thực hiện báo cáo các hoạt động triển khai

Đánh giá về tình hình đầu tư tài chính

Thị trường vốn xanh

Nhận diện thị trường vốn xanh

Tăng trưởng xanh được xác định là điểm nhấn quan trọng trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Không đứng ngoài nỗ lực này, thị trường tài chính Việt Nam đang nỗ lực nghiên cứu chính sách, tìm kiếm các giải pháp khả thi nhằm thúc đẩy phát triển thị trường vốn xanh. Sự chuyển dịch từ các thị trường vốn truyền thống sang thị trường vốn xanh được xem là bước tiến quan trọng, nhằm tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam và hướng tới phát triển bền vững.

Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp lớn tiên phong nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội hỗ trợ về tài chính hướng đến tăng trưởng xanh thông qua việc cắt giảm khí phát thải nhà kính, ô nhiễm môi trường, sản xuất xanh...

Bảo Việt và thị trường vốn xanh

Hoạt động đầu tư tại Bảo Việt tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về đầu tư có trách nhiệm của Liên hợp quốc (không đầu tư vào các dự án gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, các dự án sử dụng lao động trẻ em...), lựa chọn đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết được HoSE công bố có chỉ số đo lường phát triển bền vững theo VNSI đạt điểm cao.

Bảo Việt mong muốn tham gia cùng Ủy ban Chứng khoán và các bên liên quan xây dựng và triển khai được một khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh cho các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, để doanh nghiệp vừa duy trì được hoạt động kinh doanh hiệu quả, vừa đảm bảo lợi ích môi trường và xã hội. Trên cơ sở đó giúp thị trường vốn xanh phát triển bền vững.

Với tư cách là thành viên trong Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), Bảo Việt cam kết tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, hội thảo liên quan đến thị trường trái phiếu xanh và mong muốn cộng tác cùng các bên liên quan nghiên cứu sửa đổi các chính sách để thị trường trái phiếu xanh ngày càng phát triển hơn.

ĐỊNH HƯỚNG 2026

Năm 2026, Bảo Việt tiếp tục định hướng tham gia tích cực vào thị trường vốn xanh thông qua việc cân nhắc lựa chọn các sản phẩm, công cụ tài chính xanh như: đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết được HoSE công bố có chỉ số đo lường phát triển bền vững theo VNSI đạt điểm cao, đầu tư xây dựng các tòa nhà xanh, tập trung phát triển các sản phẩm bảo hiểm/ đầu tư xanh, các sản phẩm dịch vụ trực tuyến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình vận hành... Định hướng này nhằm khẳng định mạnh mẽ cam kết của Bảo Việt trong việc đồng hành cùng khách hàng, cổ đông và cộng đồng trên hành trình xây dựng một tương lai bền vững cho tất cả. Bảo Việt không chỉ là người bảo vệ tài chính, mà còn là người kết nối giữa cộng đồng và thiên nhiên, cùng nhau lan tỏa ý thức gìn giữ bản sắc tự nhiên, gìn giữ môi trường vì một cộng đồng khỏe mạnh, vì một hành tinh xanh.

Báo cáo phát triển nguồn nhân lực

Triết lý và điểm nhấn quản trị năm 2025

Trong bối cảnh thị trường tài chính - bảo hiểm hội nhập sâu rộng và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, Tập đoàn Bảo Việt kiên định với triết lý: ***"Nguồn nhân lực là tài sản chiến lược cốt lõi, giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển bền vững".***

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình toàn diện của bộ máy tổ chức nhân sự Bảo Việt từ vai trò quản trị hành chính truyền thống sang mô hình **Đối tác Chiến lược (HR Business Partner)**. Mọi chính sách nhân sự trong năm qua đều được thiết kế nhằm kiến tạo một môi trường làm việc năng động, minh bạch; lồng ghép khắt khe các tiêu chuẩn **DEI (Đa dạng, Công bằng, Bao trùm)** và gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu **ESG** của Tập đoàn.

Tổng quy mô nhân sự của Tập đoàn Bảo Việt đạt **6.492** người

Tỷ lệ nhân sự có trình độ Đại học và Trên Đại học chiếm **92%**

Nguồn nhân lực là tài sản chiến lược cốt lõi, giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển bền vững

Tỷ lệ cán bộ quản lý đạt **29,6%**

Tỷ lệ nhân viên đạt **70,4%**



Bức tranh nguồn nhân lực 2025: tinh gọn, chất lượng cao và đa dạng

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng quy mô nhân sự của Tập đoàn Bảo Việt đạt 6.492 người. Bức tranh lao động năm qua phản ánh rõ nét nỗ lực tối ưu hóa tổ chức, hướng tới một bộ máy tinh gọn, đa dạng và có hàm lượng tri thức cao.

Chất lượng chuyên môn và Cơ cấu bộ máy

- **Hàm lượng tri thức xuất sắc:** Tỷ lệ nhân sự có trình độ Đại học và Trên Đại học chiếm tới 92% (trong đó Trên Đại học chiếm 9%, Đại học chiếm 83%); lực lượng trình độ Cao đẳng và Khác chỉ chiếm 8%. Điều này tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu về chất lượng chuyên môn của Bảo Việt trong ngành tài chính.
- **Cơ cấu quản lý hiệu quả:** Bộ máy được duy trì theo mô hình "tổ chức phẳng" với tỷ lệ cán bộ quản lý đạt 29,6% (gồm: 38 Quản lý cấp cao, 536 Quản lý cấp trung, 1.345 Quản lý cấp thấp) và 70,4% là Nhân viên (4.570 người).

Báo cáo phát triển nguồn nhân lực

Đa dạng, Công bằng và Bao trùm (DEI)

- **Bình đẳng giới:** Môi trường làm việc tôn trọng sự đa dạng với 51% Nam (3.310 người) và 49% Nữ (3.182 người), đảm bảo sự cân bằng lý tưởng.
- **Đa thế hệ:** Lực lượng nòng cốt từ 30-50 tuổi chiếm ưu thế với 72,2% (4.683 người), đảm bảo sự chín muồi về kinh nghiệm. Lực lượng trẻ Gen Z (Dưới 30 tuổi) chiếm 11,0% (713 người) tạo luồng gió mới đổi mới sáng tạo, cùng với 16,8% (1.088 người) trên 50 tuổi đóng vai trò chuyên gia dẫn dắt.

Kiến tạo "Thị trường nhân sự nội bộ" và phát triển kế cận

Điểm nhấn đột phá nhất trong quản trị nhân sự năm 2025 là việc vận hành thành công "Thị trường nhân sự nội bộ", giúp phá vỡ tư duy cục bộ, thúc đẩy chia sẻ nguồn lực chất lượng cao giữa các đơn vị trong toàn Tập đoàn.

- **Luân chuyển và điều động:** Đã có 411 lượt cán bộ được điều động, luân chuyển trong năm 2025 (trong đó lực lượng nòng cốt 30-50 tuổi chiếm 299 lượt). Đây là minh chứng cho sự linh hoạt của tổ chức trong việc phân bổ lại nguồn lực cho các dự án "Hợp lực" trọng điểm.
- **Quy hoạch và bổ nhiệm nội bộ:** Tập đoàn đã thực hiện 266 quyết định bổ nhiệm cán bộ. Đáng chú ý, trong số 367 nhân sự được tuyển vào các vị trí mới, có tới 50 nhân sự (13,6%) được luân chuyển, để bạt từ chính nguồn nội bộ. Việc này không chỉ tiết giảm chi phí tuyển dụng mà còn tạo lộ trình thăng tiến rõ ràng cho người lao động.

Thu hút tài năng và duy trì sự gắn kết

Năm 2025, tỷ lệ thôi việc (Turnover rate) của Bảo Việt được kiểm soát ở mức cực kỳ ổn định là 5,43% (với 352 nhân sự thôi việc). Đặc biệt, tỷ lệ nghỉ việc ở nhóm Gen Z (<30 tuổi) chỉ chiếm số lượng rất nhỏ (42 người), cho thấy sự thành công của các chính sách giữ chân nhân tài và môi trường làm việc hạnh phúc.

Song song đó, Tập đoàn đã chào đón 367 nhân sự mới gia nhập hệ thống:

- **Chiến lược "Trẻ hóa":** Hơn một nửa số nhân sự tuyển mới (56,7%, tương đương 208 người) thuộc nhóm dưới 30 tuổi.
- **Cam kết bao trùm:** 45,5% nhân sự mới là Nữ giới (167 người) và Tập đoàn tiếp tục tuyển dụng các nhân sự là đồng bào dân tộc thiểu số (10 người).
- **Tuyển dụng tập trung cho chuyên môn:** Lực lượng nhân viên chiếm 81% (298 người) tổng số lượng tuyển mới, phần còn lại bổ sung cho các cấp quản lý từ thấp đến cao.



Báo cáo phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo và phát triển năng lực: dấu ấn từ thực tiễn công ty con

Năm 2025, triết lý xây dựng **"Tổ chức học tập"** của Tập đoàn đã được lan tỏa mạnh mẽ xuống các đơn vị thành viên. Các hoạt động quản lý và phát triển nguồn nhân lực tại các Công ty con không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật và Công ty Mẹ mà còn tạo ra những sáng kiến mang tính đột phá.

Thực tiễn điển hình tại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVL): Điểm sáng nổi bật nhất trong năm 2025 tại BVL là việc triển khai thành công chuỗi chương trình đào tạo chiến lược mang tên **"Thúc đẩy Chuyển đổi số toàn diện: Văn hóa, Công nghệ và Trải nghiệm khách hàng".** Chương trình này bám sát định hướng chuyển đổi số toàn diện giai đoạn 2025 - 2030 của Tập đoàn, tạo ra sự cộng hưởng to lớn về tư duy và hành động



- **Quy mô và bao phủ**: Thu hút sự tham gia của 1.208 cán bộ, chương trình đã trang bị hệ thống kiến thức, mô hình và công cụ thực hành hiện đại nhất về quản trị trải nghiệm khách hàng, đại lý và nhân viên.
- **Đào tạo qua Dự án thực chiến (Project-based Learning):** Điểm khác biệt cốt lõi của chuỗi đào tạo là việc tổ chức các nhóm học viên liên chức năng (Cross-functional teams) bao gồm Lãnh đạo, quản lý và cán bộ nhân viên để trực tiếp xây dựng các Dự án sáng kiến về chuyển đổi số và trải nghiệm khách hàng. Các dự án này đều bám sát thực tiễn, có mục tiêu, giải pháp cụ thể và tính khả thi cao trong điều kiện vận hành hiện hữu của BVL.
- **Thẩm định chuyên sâu**: Nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra, các dự án sáng kiến đều được các chuyên gia từ Viện Sáng kiến Việt Nam đánh giá chuyên sâu dựa trên bộ tiêu chí thống nhất về tính phù hợp, mức độ đổi mới, khả năng ứng dụng và tác động thực tế đối với hoạt động quản trị, kinh doanh.
- **Tác động chiến lược:** Chuỗi đào tạo không chỉ thúc đẩy tư duy đổi mới, tinh thần chủ động đề xuất giải pháp mà còn giúp đội ngũ nhân sự nòng cốt tiếp cận các phương pháp, công cụ cụ thể để từng bước chuyển hóa tri thức thành hành động. Qua đó, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục củng cố vững chắc nền tảng năng lực số, làm chủ phương châm "lấy khách hàng làm trung tâm, công nghệ làm nền tảng", thúc đẩy chuyển đổi số đồng bộ và nâng tầm năng lực cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam.

Báo cáo phát triển nguồn nhân lực

Thực tiễn điển hình tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BVGI):

Năm 2025, công tác đào tạo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BVGI) được triển khai với quy mô rộng và bao phủ toàn hệ thống, ghi nhận 33 khóa đào tạo với 2.782 lượt cán bộ tham gia. Các chương trình được thiết kế theo hướng đa tầng, đáp ứng đồng thời nhu cầu hội nhập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và phát triển năng lực quản lý, qua đó góp phần chuẩn hóa mặt bằng năng lực và tạo nền tảng phát triển đồng bộ cho toàn Tổng Công ty.

Điểm nhấn nổi bật là sự chuyển dịch rõ nét từ đào tạo lý thuyết sang đào tạo gắn với thực tiễn công việc, trong đó nhiều chương trình đã trực tiếp tạo ra giá trị vận hành. Tiêu biểu như chương trình ứng dụng KPI đã hỗ trợ xây dựng hệ thống đánh giá hiệu suất tại các CTTV, hay các khóa đào tạo về Power BI và năng lực số giúp cán bộ quản lý nâng cao khả năng phân tích dữ liệu và ra quyết định hiệu quả hơn.

Song song với đó, BVGI đẩy mạnh mô hình đào tạo nội bộ và chia sẻ tri thức trong hệ thống, phát huy vai trò của các Ban nghiệp vụ và đội ngũ chuyên gia nội bộ trong việc xây dựng và triển khai chương trình. Cách tiếp cận này không chỉ giúp tối ưu chi phí mà còn nâng cao tính thực tiễn, đồng thời hình thành văn hóa học tập liên tục và tăng cường sự kết nối giữa các đơn vị trong toàn hệ thống.

Với cách thức tiếp cận đa phương thức đào tạo, các chương trình được triển khai với hiệu quả cao so với nguồn lực đầu tư. Kết quả đào tạo được phản ánh rõ qua việc cải thiện năng suất lao động, nâng cao chất lượng quản trị và rút ngắn thời gian hội nhập của nhân sự mới, cho thấy BVGI đã từng bước chuyển từ tư duy "chi phí đào tạo" sang "đầu tư phát triển năng lực".

Trên nền tảng đó, năm 2026, BVGI định hướng tiếp tục nâng cấp công tác đào tạo theo hướng hiện đại và linh hoạt hơn, tập trung vào ba trụ cột chính gồm năng lực số, năng lực quản trị và năng lực kinh doanh. Việc tăng cường ứng dụng AI, học tập số và cá nhân hóa lộ trình đào tạo sẽ góp phần hình thành hệ sinh thái học tập toàn diện, giúp đội ngũ nhân sự thích ứng nhanh với chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững của Tổng Công ty.

Chính sách đãi ngộ: trả lương theo giá trị thực chất

Chiến lược đãi ngộ của Bảo Việt trong năm 2025 được vận hành theo nguyên tắc **"Pay-for-Performance"** (Trả lương theo hiệu suất) và duy trì tính cạnh tranh cao so với mặt bằng chung của thị trường tài chính - bảo hiểm.

- **Ghi nhận xứng đáng:** Trong năm qua, toàn Tập đoàn đã có 973 cán bộ, nhân viên được nâng lương.
- **Phân bổ công bằng:** Việc nâng lương được trải đều ở mọi cấp bậc, giới tính và vùng miền. Cụ thể: 515 lao động Nữ và 458 lao động Nam được tăng lương; tập trung lớn nhất vào lực lượng nòng cốt 30-50 tuổi với 790 người.
- Bên cạnh các khoản thu nhập trực tiếp, hệ thống phúc lợi (Total Rewards) tiếp tục được nâng cấp với các gói bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Healthcare), bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm bệnh ung thư hướng tới việc chăm lo toàn diện cả về sức khỏe thể chất, tinh thần (Well-being) và an toàn tài chính cho người lao động.

Trong năm qua, toàn Tập đoàn có

973 cán bộ nhân viên

được nâng lương

Báo cáo phát triển nguồn nhân lực

Bảo Việt áp dụng chính sách nghỉ thai sản đối với người lao động (cả nam và nữ) tuân thủ quy định của pháp luật lao động và vận dụng chính sách khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm sức khỏe và các loại bảo hiểm gia tăng khác; đồng thời người lao động vẫn được bình xét thi đua hằng năm, xét nâng lương định kỳ và được đánh giá hiệu quả làm việc làm cơ sở xét thưởng hiệu quả làm việc hằng năm và các chế độ phúc lợi có liên quan.

Chế độ nghỉ thai sản dành cho người lao động



Năm 2025, số lao động thực tế nghỉ thai sản là 561 người, trong đó: lao động Nam có vợ sinh con được nghỉ thai sản là 395 người, lao động Nữ nghỉ sinh con là 166 người. Ngoài việc đảm bảo cho người lao động yên tâm nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe sau khi sinh và để có đủ sức khỏe cần thiết để tiếp tục làm việc theo yêu cầu của tổ chức sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản, chính sách nghỉ thai sản còn giúp người lao động yên tâm về tài chính và tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ người lao động chăm sóc con cái. Bên cạnh đó, để tạo điều kiện tối đa cho người lao động có thời gian chăm sóc con cái, sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản và đi làm lại, lao động nữ được Bảo Việt tạo điều kiện rút ngắn thời gian làm việc 1 giờ/ngày so với các lao động khác đến khi nuôi con đủ 12 tháng tuổi. Lao động nữ có thể đăng ký đi làm muộn hoặc về sớm so với thời gian làm việc tiêu chuẩn theo quy định của Bảo Việt và đảm bảo rằng tổng số giờ đi muộn và/hoặc về sớm không vượt quá 1 giờ theo quy định của Bảo Việt và pháp luật lao động.

Đánh giá của hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của Bảo Việt



Năm 2025, Hội đồng Quản trị tiếp tục sát sao chỉ đạo việc hiện thực hóa Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2035, đưa Tập đoàn Bảo Việt vững vàng vượt qua thách thức để khẳng định vị thế Thương hiệu Quốc gia số 1 trên thị trường. Bằng tinh thần hợp lực mạnh mẽ và tư duy đổi mới, HĐQT đã thúc đẩy quá trình chuyển đổi số sâu rộng và lồng ghép các tiêu chuẩn phát triển bền vững (ESG) vào giá trị cốt lõi, qua đó không ngừng nâng cao uy tín và tầm vóc của Bảo Việt trên trường quốc tế. Song song với mục tiêu tăng trưởng, công tác quản trị doanh nghiệp luôn được thực thi nghiêm túc theo chuẩn mực hiện đại và quy định pháp lý, đảm bảo lợi ích tối ưu cho cổ đông và nền tảng vững chắc cho lộ trình vươn tầm toàn cầu.



Đánh giá của hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của Bảo Việt

Đánh giá công tác điều hành hoạt động kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025

Về kết quả kinh doanh hợp nhất

Tổng doanh thu hợp nhất của TĐBV đạt

59.700 tỷ đồng

hoàn thành 102,5% kế hoạch

Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất đạt

3.554 tỷ đồng

hoàn thành 124,9% kế hoạch năm, tăng trưởng 33,5%

lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất đạt

2.922 tỷ đồng

hoàn thành 127,0% kế hoạch năm, tăng 33,2% so năm 2024.

Tổng doanh thu hợp nhất của TĐBV đạt 59.700 tỷ đồng, hoàn thành 102,5% kế hoạch, trong đó doanh thu hoạt động bảo hiểm đạt 44.941 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm, tăng trưởng 3,3% so với năm 2024; doanh thu hoạt động tài chính đạt 14.040 tỷ đồng, hoàn thành 106,4% kế hoạch năm, tăng trưởng 10,6% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất đạt 3.554 tỷ đồng, hoàn thành 124,9% kế hoạch năm, tăng trưởng 33,5% và lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất đạt 2.922 tỷ đồng, hoàn thành 127,0% kế hoạch năm, tăng 33,2% so năm 2024.



Đánh giá của hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của Bảo Việt

Về kết quả kinh doanh Công ty Mẹ



Tổng doanh thu Công ty Mẹ đạt

1.828 tỷ đồng

hoàn thành kế hoạch năm, tăng trưởng 8,0% so với năm 2024

LNTT và LNST đạt

1.285 tỷ đồng

hoàn thành 100,8% kế hoạch năm, tăng trưởng 8,9% so cùng kỳ

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt

17,3%

Tổng doanh thu Công ty Mẹ đạt 1.828 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm, tăng trưởng 8,0% so với năm 2024; LNTT và LNST đạt 1.285 tỷ đồng, hoàn thành 100,8% kế hoạch năm, tăng trưởng 8,9% so cùng kỳ; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 17,3%. Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đều hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được giao. Cụ thể:

Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) đạt 45.260 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm; tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 32.640 tỷ đồng, tiếp tục dẫn đầu về thị phần doanh thu phí bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm nhân thọ. LNST đạt 2.168 tỷ đồng, tăng trưởng 43,6% so cùng kỳ năm 2024, hoàn thành 127,5% kế hoạch năm.

Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) đạt 12.920 tỷ đồng, hoàn thành tốt kế hoạch năm, tăng trưởng 8,3% so cùng kỳ. LNST đạt 300 tỷ đồng, hoàn thành 150,2% kế hoạch năm.

Trong lĩnh vực đầu tư:

- Tổng doanh thu của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF) đạt 199 tỷ đồng, hoàn thành 104,9% kế hoạch năm, tăng trưởng 13,3% so cùng kỳ; LNST đạt 76,9 tỷ đồng, hoàn thành 102,5% kế hoạch năm, tăng trưởng 6% so cùng kỳ.
- Tổng doanh thu thực hiện của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đạt 1.032 tỷ đồng, hoàn thành tốt kế hoạch năm, tăng trưởng 8,7% so cùng kỳ; LNST thực hiện đạt 204 tỷ đồng, hoàn thành 113,6% kế hoạch năm.

Trong lĩnh vực đầu tư và quản lý bất động sản:

- Doanh thu của Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt (BVI) đạt 236 tỷ đồng, hoàn thành 105,6% kế hoạch năm; LNST đạt 10,1 tỷ đồng, hoàn thành 114,7% kế hoạch năm, tăng 15,5% so với năm 2024.

Năm 2025, tình hình kinh tế chính trị thế giới diễn biến vô cùng phức tạp, tình hình kinh tế trong nước nói chung và thị trường tài chính - bảo hiểm nói riêng tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là tình hình bão lũ nghiêm trọng bất thường tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. Trong bối cảnh đó, nhờ kịp thời triển khai các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng phù hợp, Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã ghi nhận kết quả kinh doanh tương đối khả quan, tăng trưởng so cùng kỳ. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm tiếp tục thuộc top dẫn đầu về thị phần tổng doanh thu phí cả lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ.

Đánh giá của hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của Bảo Việt

Bên cạnh những kết quả ấn tượng về chỉ tiêu kinh doanh, năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt đã quyết liệt triển khai các giải pháp chiến lược nhằm tối ưu hóa hiệu quả các lĩnh vực cốt lõi, thắt chặt sự hợp tác nội bộ và nâng cao tính chuyên nghiệp, qua đó khẳng định vững chắc vị thế thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong năm 2025

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 cụ thể như sau:

Hoàn thành các mục tiêu chiến lược: Thực hiện thành công các nhiệm vụ trọng tâm theo định hướng hiệu quả và bền vững; đồng thời tăng cường năng lực tài chính cho Tập đoàn cũng như các đơn vị thành viên.

- **Phát huy tối đa sức mạnh hợp lực:** Đề án hợp lực với trọng tâm là các dự án bán chéo, cung ứng sản phẩm - dịch vụ nội bộ, hệ thống trụ sở dùng chung và truyền thông thương hiệu đã phát huy hiệu quả tích cực, đóng góp thiết thực vào kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống.
- **Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ:** Chủ động thích ứng với cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, Bảo Việt đã hiện đại hóa hệ thống tương tác khách hàng trên nền tảng số, tạo ra sự khác biệt vượt trội về dịch vụ. Công tác quản trị và điều hành được tối ưu hóa thông qua việc liên tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin.
- **Nâng tầm giá trị thương hiệu:** Hoạt động truyền thông và marketing đã hỗ trợ đắc lực cho công tác bán hàng và kiểm soát hiệu quả rủi ro truyền thông. Uy tín của Tập đoàn cùng các đơn vị thành viên tiếp tục được khẳng định qua nhiều giải thưởng danh giá trong và ngoài nước.
- **Kiện toàn bộ máy và nguồn nhân lực:** Hệ thống tổ chức được hoàn thiện theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Chất lượng nguồn nhân lực không ngừng được nâng cao thông qua cơ chế đánh giá KPI hiện đại cùng chính sách lương, thưởng công bằng, tạo động lực thúc đẩy năng suất lao động.
- **Đa dạng hóa sản phẩm và kênh phân phối:** Phát huy thế mạnh các kênh phân phối truyền thống song song với việc đẩy mạnh các kênh hiện đại như trực tuyến, thương mại điện tử, telesales và bán chéo; không ngừng mở rộng mạng lưới nhằm cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và khác biệt cho khách hàng.



Đánh giá của hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của Bảo Việt

Định hướng hoạt động trong năm 2026



Bước sang năm 2026, với tâm thế chủ động trước những vận hội mới, Hội đồng Quản trị (HĐQT) cam kết duy trì nhịp độ làm việc chuyên nghiệp thông qua các phiên họp định kỳ và cơ chế lấy ý kiến linh hoạt. Chúng tôi đặt mục tiêu dẫn dắt Bảo Việt hiện thực hóa các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông năm 2026 với những trọng tâm chiến lược sau:

1. **Hiện thực hóa khát vọng tăng trưởng:** Không chỉ dừng lại ở việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2026, HĐQT sẽ dành sự tập trung cao độ để đảm bảo mỗi bước đi của Tập đoàn đều bám sát lộ trình chiến lược 2021-2030 và tầm nhìn dài hạn đến năm 2035. Chúng tôi hiểu rằng, mỗi con số tăng trưởng đều phải gắn liền với giá trị bền vững.

2. **Đột phá bằng tư duy đổi mới và công nghệ:** Trên nền tảng những di sản quý báu đã xây dựng, năm 2026 sẽ là năm của sự quyết liệt trong chuyển đổi.

3. **Tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng thông qua chuyển đổi số:** Lấy khách hàng làm trung tâm của mọi hoạt động số hóa, Bảo Việt tập trung hiện đại hóa các điểm chạm dịch vụ, kiến tạo sự khác biệt bằng hệ sinh thái trực tuyến thông minh.

4. **Quản trị nhân sự bằng sự thấu hiểu và công bằng:** HĐQT ưu tiên công tác quy hoạch, luân chuyển nội bộ để khơi thông sức sáng tạo của đội ngũ. Chúng tôi tin rằng, khi năng lực được đánh giá bằng KPI minh bạch và sự ghi nhận xứng đáng, mỗi cán bộ nhân viên sẽ là một đại sứ cho thương hiệu Bảo Việt.

5. **Sản phẩm là giá trị khác biệt:** Đa dạng hóa kênh phân phối và mạng lưới để mang dịch vụ chuyên nghiệp nhất tới mọi miền Tổ quốc.

6. **Quản trị bằng sự minh bạch và thông lệ quốc tế:** Chúng tôi tiếp tục tinh chỉnh bộ máy quản trị theo các chuẩn mực quốc tế cao nhất. Mục tiêu không chỉ là tối ưu hóa nguồn lực mà còn nhằm tạo ra một thực thể doanh nghiệp hấp dẫn, tin cậy trong mắt các nhà đầu tư chiến lược.

7. **Gắn kết trách nhiệm với sự phồn vinh của quốc gia:** Bảo Việt sẽ luôn là người bạn đồng hành tin cậy của các cơ quan quản lý trong việc xây dựng hành lang pháp lý và phát triển thị trường. Chúng tôi kiên định với sứ mệnh "Doanh nghiệp vì cộng đồng", tiên phong trong các hoạt động an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, để sắc xanh của Bảo Việt luôn gắn liền với sự phát triển bền vững của Việt Nam.



ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN – DẤU ẤN 2025



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Vị thế doanh nghiệp trụ cột thị trường

Giữ vững vị thế số 1 thị phần mảng bảo hiểm bán lẻ và thuộc Top đầu thị phần tổng ngành bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam, tổng doanh thu đạt mức tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của khu vực tài chính - ngân hàng - bảo hiểm.

Tăng trưởng cân bằng

Được xây dựng trên cơ cấu kinh doanh cân bằng giữa các mảng bảo hiểm bán lẻ & bảo hiểm doanh nghiệp, đồng hành cùng các dự án trọng điểm quốc gia trong các lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng và nghiên cứu – phát triển.

Cải tiến sản phẩm toàn diện, bám sát thực tiễn và nhu cầu khách hàng

Cập nhật và triển khai mới 21 sản phẩm bảo hiểm y tế, con người, vi mô và xe cơ giới trong tháng 7/2025.

Đa dạng kênh phân phối, tập trung khai thác theo chiều sâu

Phát triển và khai thác theo chiều sâu các kênh đại lý tổ chức B2B, mở rộng độ phủ tại các hệ sinh thái showroom, ngân hàng, hãng xe..., qua đó gia tăng hiệu quả khai thác và giá trị hợp tác dài hạn.

Tăng tốc chuyển đổi số và nâng tầm trải nghiệm khách hàng

Nhiều dự án chuyển đổi số quan trọng đã được triển khai đồng bộ, bám sát thực tiễn hoạt động, nâng cao hiệu quả quản trị và vận hành.

Đồng hành quản trị rủi ro & bồi thường bão lũ, kịp thời hỗ trợ khách hàng trong thiên tai

Chi trả bồi thường thiên tai khoảng 180 tỷ đồng, khẳng định vai trò điểm tựa tài chính vững vàng trước rủi ro.

Quản trị hệ thống hiệu quả

Kiểm soát tốt hiệu quả hoạt động trong bối cảnh nhiều biến động mà còn đạt mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây, lợi nhuận vượt mức được giao.

Lan tỏa giá trị xã hội

Được ghi nhận với Giải thưởng "Doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu về đồng hành và hỗ trợ khách hàng"



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	KH 2026
Chỉ tiêu chung				
Tổng doanh thu	11.772	11.928	12.920	13.700
Lợi nhuận trước thuế	360	363	385	335
Lợi nhuận sau thuế	289	298	310	
Vốn điều lệ	2.900	2.900	2.900	2.900
Chỉ tiêu đặc thù theo từng đơn vị				
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	10,0%	10,3%	10,7%	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,6%	8,8%	8,5%	
Thị phần	14,3%	13,1%	12,6%	14,0%
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	10.162	10.435	11.077	11.750

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch: **79 công ty thành viên**
- Số lượng văn phòng khu vực: **trên 800 văn phòng khu vực**
- Số lượng đại lý/ tư vấn viên: **37.089 đại lý** bảo hiểm phi nhân thọ. Ngoài ra, **32.500 tư vấn viên** của Bảo Việt Nhân thọ tham gia bán chéo sản phẩm của Bảo hiểm Bảo Việt và gần 1.500 cán bộ / đại lý của BHBV tham gia bán chéo sản phẩm BVNT.
- Số lượng sản phẩm: **trên 100 sản phẩm**
- Số lượng khách hàng: **hơn 10 triệu khách hàng**
- Năm thành lập: **1964**



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên

Báo cáo hoạt động của
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT



> Khẳng định vai trò là nhà bảo hiểm phi nhân thọ lâu đời và luôn dẫn đầu thị trường, Bảo hiểm Bảo Việt tiên phong trong việc xây dựng các chiến lược kinh doanh dài hạn, hiệu quả và định hướng xu thế. Trong năm 2025, doanh nghiệp được tín nhiệm lựa chọn là nhà bảo hiểm triển khai các dự án trọng điểm quốc gia thuộc lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng và nghiên cứu – phát triển. Với định hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hiệu quả vận hành, Bảo hiểm Bảo Việt đang từng bước hoàn thiện hệ sinh thái bảo hiểm hiện đại, gia tăng khả năng kết nối và đồng hành cùng khách hàng để giữ vững uy tín, tốc độ tăng trưởng, tính bền vững và khả năng dẫn dắt thị trường.

Ông **Đoàn Việt Trang**
Tổng Giám đốc

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CỦA MỘT NHÀ BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt là đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, với tiền thân là Công ty Bảo hiểm Việt Nam được thành lập vào tháng 12 năm 1964 và chính thức triển khai hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ từ tháng 01 năm 1965. Trong suốt chặng đường phát triển hơn 60, doanh nghiệp luôn kiên định với sứ mệnh mang đến các giải pháp bảo vệ tài chính tin cậy, đồng thời đóng góp tích cực vào sự ổn định và phát triển của của nền kinh tế đất nước nói chung, cũng như của thị trường bảo hiểm Việt Nam nói riêng.



Năm 2025, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục ghi dấu ấn đậm nét với nhiều thành tựu nổi bật về tăng trưởng doanh thu, hiệu quả kinh doanh và sự bứt phá trong vai trò dẫn dắt thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam. Tại phân khúc bảo hiểm bán lẻ - thị trường trọng tâm, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu, vượt trội xét trên cả quy mô khách hàng và độ phủ dịch vụ trên toàn quốc; đồng thời đứng trong Top dẫn đầu thị phần tổng trên thị trường ngành, khẳng định quy mô, sức ảnh hưởng và uy tín của thương hiệu bảo hiểm Việt Nam đối với người dân và doanh nghiệp trên cả nước.

Bảo hiểm Bảo Việt cũng ghi nhận tổng doanh thu đạt mức tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng của hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025 do Cục Thống kê công bố. Kết quả này khẳng định sự chuyển biến thực chất về năng lực quản trị, chất lượng vận hành và hiệu quả tăng trưởng của doanh nghiệp.

Cùng với đó, uy tín và sức mạnh thương hiệu của Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao. Doanh nghiệp được AM Best xếp hạng tín nhiệm với năng lực tài chính ở mức B++ (Tốt), năng lực tín dụng tổ chức phát hành dài hạn ở mức "bbb+" (Tốt) và thang điểm quốc gia Việt Nam ở mức cao nhất aaa.VN (Xuất sắc); ứng dụng Baoviet Direct đạt Giải thưởng Sao Khuê 2025; nằm trong Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam năm 2025, cùng nhiều danh hiệu và bằng khen quan trọng khác từ Chính phủ. Những ghi nhận này tiếp tục củng cố vị thế doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đồng thời khẳng định uy tín thực chứng của Bảo hiểm Bảo Việt trong việc đàm phán, thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với các khách hàng, đối tác lớn.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Hoạt động kinh doanh năm 2025

Năm 2025, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục ghi dấu ấn đậm nét với nhiều thành tựu nổi bật về tăng trưởng doanh thu, hiệu quả kinh doanh và sự bứt phá trong vai trò dẫn dắt thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam. Tại phân khúc bảo hiểm bán lẻ - thị trường trọng tâm, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu, vượt trội xét trên cả quy mô khách hàng và độ phủ dịch vụ trên toàn quốc; đồng thời đứng trong Top dẫn đầu thị phần tổng trên thị trường ngành, khẳng định quy mô, sức ảnh hưởng và uy tín của thương hiệu bảo hiểm Việt Nam đối với người dân và doanh nghiệp trên cả nước.

Tổng doanh thu đạt
Đơn vị: Tỷ đồng
12.920

Doanh thu phí bảo hiểm gốc
Đơn vị: Tỷ đồng
11.077

Doanh thu tài chính
Đơn vị: Tỷ đồng
583

Lợi nhuận trước thuế
Đơn vị: Tỷ đồng
374

Lợi nhuận sau thuế
Đơn vị: Tỷ đồng
300

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ
Đơn vị: %
10,4

Thị phần
Đơn vị: %
12,6

Bảo hiểm Bảo Việt cũng ghi nhận tổng doanh thu đạt mức tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng của hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025 do Cục Thống kê công bố. Kết quả này khẳng định sự chuyển biến thực chất về năng lực quản trị, chất lượng vận hành và hiệu quả tăng trưởng của doanh nghiệp.

Cùng với đó, uy tín và sức mạnh thương hiệu của Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao. Doanh nghiệp được AM Best xếp hạng tín nhiệm với năng lực tài chính ở mức B++ (Tốt), năng lực tín dụng tổ chức phát hành dài hạn ở mức "bbb+" (Tốt) và thang điểm quốc gia Việt Nam ở mức cao nhất aaa.VN (Xuất sắc); ứng dụng Baoviet Direct đạt Giải thưởng Sao Khuê 2025; nằm trong Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam năm 2025, cùng nhiều danh hiệu và bằng khen quan trọng khác từ Chính phủ. Những ghi nhận này tiếp tục củng cố vị thế doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đồng thời khẳng định uy tín thực chứng của Bảo hiểm Bảo Việt trong việc đàm phán, thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với các khách hàng, đối tác lớn.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Giữ vững vị thế doanh nghiệp trụ cột của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, số 1 thị phần mảng bảo hiểm bán lẻ

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục giữ vai trò doanh nghiệp dẫn dắt thị trường, đứng đầu mảng bảo hiểm bán lẻ xét trên quy mô khách hàng và độ phủ dịch vụ toàn quốc, đồng thời thuộc nhóm doanh nghiệp có thị phần lớn nhất thị trường. Năm 2025, tổng doanh thu đạt tăng trưởng vượt kế hoạch do Bộ Tài chính giao, và là mức tăng cao nhất trong 5 năm trở lại đây; đồng thời cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của khu vực tài chính - ngân hàng - bảo hiểm.

Song song với tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trước thuế vượt chỉ tiêu được giao, cho thấy hiệu quả điều hành và năng lực quản trị được nâng cao rõ rệt.

Cơ cấu doanh thu tăng trưởng cân bằng, bền vững

Năm 2025, cơ cấu tăng trưởng doanh thu của Bảo hiểm Bảo Việt được xây dựng trên cơ cấu cân bằng và bền vững giữa bảo hiểm bán lẻ, bảo hiểm doanh nghiệp.

- Ở mảng bán lẻ, doanh nghiệp tiếp tục giữ vị trí số 1 thị phần với nhiều nghiệp vụ tăng trưởng cao, nổi bật là bảo hiểm y tế và bảo hiểm xe cơ giới

- Ở mảng doanh nghiệp, Bảo hiểm Bảo Việt tăng trưởng cao ở các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản, kỹ thuật, và dẫn đầu thị trường ở nghiệp vụ tàu thuỷ, hàng không . Đặc biệt, nghiệp vụ bảo hiểm hàng không lấy lại vị thế số 1 khi doanh nghiệp được tín nhiệm giữ vai trò đứng đầu trong liên danh bảo hiểm cho các hãng hàng không lớn trong nước. Song song, Bảo hiểm Dự án liên tục được tin tưởng triển khai cho nhiều dự án trọng điểm quốc gia trong các lĩnh vực hạ tầng giao thông, cảng hàng không, năng lượng, và các công trình nghiên cứu - phát triển; qua đó khẳng định năng lực tài chính, kỹ thuật và vai trò trụ cột trong bảo vệ hạ tầng chiến lược.

Những kết quả tích cực này cho thấy Bảo hiểm Bảo Việt đã chủ động quán triệt và triển khai hiệu quả các chủ trương, định hướng điều hành của Chính phủ và Bộ Tài chính, kịp thời chuyển hóa thành chiến lược kinh doanh phù hợp, điều hành cân bằng cơ cấu danh mục nghiệp vụ, lựa chọn phân khúc trọng tâm và kiểm soát chặt chẽ chất lượng khai thác trong bối cảnh thị trường chịu nhiều áp lực về giá, biên lợi nhuận và rủi ro bồi thường.

Cải tiến sản phẩm toàn diện, bám sát thực tiễn và nhu cầu khách hàng

Danh mục sản phẩm được Bảo hiểm Bảo Việt chủ động rà soát, cập nhật và ban hành kịp thời theo sát thực tiễn thị trường, bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ Tài chính, qua đó không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh và duy trì ổn định nhịp khai thác, đà tăng trưởng của doanh nghiệp. Riêng trong tháng 7/2025, Bảo hiểm Bảo Việt đã triển khai cập nhật và ban hành mới 11 sản phẩm bảo hiểm y tế, 7 sản phẩm bảo hiểm con người, 2 sản phẩm bảo hiểm vi mô và sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới; đồng thời điều chỉnh quyền lợi và biểu phí dành riêng cho nhóm sản phẩm bán chéo. Đây được xem là bước đi quan trọng nhằm gia tăng giá trị tổng thể cho khách hàng, nâng cao hiệu quả khai thác trên mỗi hợp đồng và tiếp tục củng cố lợi thế cạnh tranh của Bảo hiểm Bảo Việt trong bối cảnh thị trường ngày càng ưu tiên các giải pháp bảo vệ toàn diện.



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Đa dạng kênh phân phối, tập trung khai thác theo chiều sâu

Năm 2025 cũng là dấu mốc 10 năm Hợp lực bán chéo, với các dấu ấn rõ nét về hiệu quả khai thác và chất lượng dịch vụ, nổi bật như chuỗi roadshow toàn hệ thống, mở rộng danh mục sản phẩm và áp dụng luồng bồi thường riêng cho bán chéo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Đây là kênh phân phối thế mạnh của hệ thống Bảo Việt và cũng đóng góp doanh thu đáng kể trong tổng doanh thu.

Bảo hiểm Bảo Việt tập trung phát triển và khai thác theo chiều sâu các kênh đại lý tổ chức B2B, mở rộng độ phủ tại các hệ sinh thái showroom, ngân hàng, hãng xe..., qua đó gia tăng hiệu quả khai thác và giá trị hợp tác dài hạn.

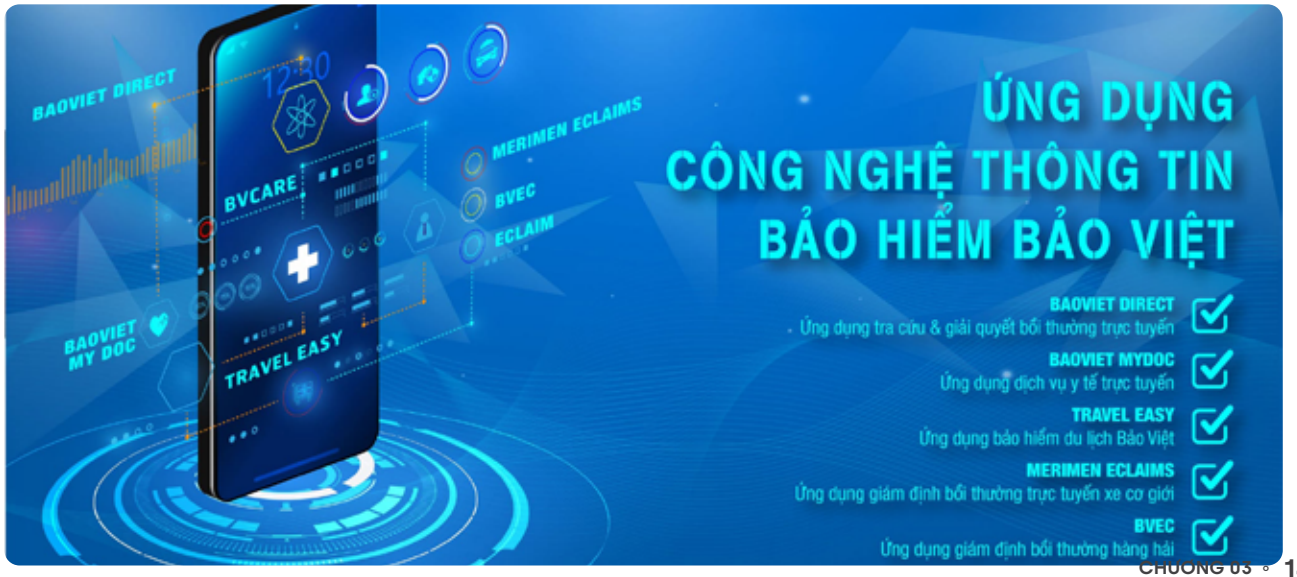
Các kênh truyền thống tiếp tục được củng cố về chất lượng khai thác và hiệu quả vận hành; kênh Bancassurance được phát triển tập trung vào khai thác tệp khách hàng ngân hàng, chuẩn hóa sản phẩm, quy trình và ứng dụng công nghệ số, với toàn bộ sản phẩm cá nhân được cấp đơn online 100% và quản lý thanh toán phí theo thời gian thực. Hệ thống được thiết kế mở, cho phép tùy chỉnh linh hoạt theo từng ngân hàng và từng mô hình vận hành, nhằm đưa sản phẩm của Bảo hiểm Bảo Việt trở nên gần gũi, thân thiện với cán bộ ngân hàng.

Tăng tốc chuyển đổi số và nâng tầm trải nghiệm khách hàng

Trong thời gian qua, Tổng Công ty đã triển khai chuyển đổi số theo cách tiếp cận bài bản, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát thực tiễn hoạt động và ưu tiên các khâu còn thủ công, phân tán nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và vận hành. Nhiều dự án chuyển đổi số quan trọng đã được triển khai đồng bộ, bao gồm:

- Số hóa chức năng đồng bảo hiểm và phân chia doanh thu phối hợp; đưa vào vận hành công cụ in hóa đơn tự động gắn trực tiếp với quy trình cấp đơn;
- Xây dựng công cụ phân tích phí giúp tự động khớp sổ phụ ngân hàng, theo dõi công nợ và hỗ trợ bồi thường, tái bảo hiểm;
- Triển khai hệ thống E-Claim cho nghiệp vụ tài sản - kỹ thuật và hàng hải;
- Phát triển phần mềm quản lý tái bảo hiểm kết nối xuyên suốt với các hệ thống nghiệp vụ, bồi thường và kế toán như InsureJ/BVCare, E-claim, MIS.

Từng bước hình thành mô hình kế toán số và kế toán tập trung với việc triển khai "kế toán một số", tự động hóa luồng dữ liệu từ nghiệp vụ sang kế toán, hạch toán tập trung và lưu trữ điện tử, qua đó nâng cao tính chính xác, kịp thời của số liệu, giảm thao tác thủ công, tăng cường minh bạch tài chính và tạo nền tảng vững chắc cho quản trị rủi ro và phát triển bền vững.



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Bồi thường bão lũ, kịp thời hỗ trợ khách hàng trong thiên tai

Trong bối cảnh nhiều đợt bão lũ gây thiệt hại nghiêm trọng trong năm 2025, Bảo hiểm Bảo Việt triển khai đồng bộ công tác ứng phó và bồi thường theo cả ba giai đoạn trước, trong và sau thiên tai, với trọng tâm là giám định tập trung và chi trả kịp thời. Doanh nghiệp chủ động xây dựng kịch bản, bố trí nguồn lực từ sớm và nhanh chóng tiếp cận hiện trường khi rủi ro xảy ra, hướng dẫn các biện pháp giảm thiểu thiệt hại và tiếp nhận hồ sơ ngay từ giai đoạn đầu.

Sự phối hợp chặt chẽ, xuyên suốt đã góp phần đẩy nhanh tiến độ bồi thường và hỗ trợ sau thiên tai, giúp khách hàng sớm ổn định sinh hoạt và sản xuất, đồng thời khẳng định vai trò doanh nghiệp bảo hiểm luôn hiện diện khi khách hàng cần nhất.

Tổng số tiền bồi thường bão lũ trong năm ước khoảng 180 tỷ đồng, cao nhất trong nhiều năm trở lại đây, qua đó khẳng định vai trò đồng hành và năng lực tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm trụ cột.



Quản trị hệ thống hiệu quả

Công tác quản trị hệ thống của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt trong năm 2025 ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng chặt chẽ và hiệu quả, đặc biệt trong quản trị tài chính thông qua việc đánh giá toàn diện hiệu quả từng nghiệp vụ, từng danh mục kinh doanh.

Tổng Công ty đã triển khai đồng bộ các mô hình quản trị toàn diện và hiệu quả:

- Chính sách khai thác
- Quản lý bồi thường và giám định theo hướng tập trung, chuyên nghiệp;
- Đẩy mạnh mô hình bồi thường tập trung đối với nghiệp vụ tài sản - kỹ thuật và hàng hải,
- Tổ chức giám định phân tán theo khu vực, vùng miền nhằm rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao trải nghiệm khách hàng;
- Kiểm soát hiệu quả chi phí bán hàng, hài hòa giữa tăng trưởng, hiệu quả kinh doanh và quản lý rủi ro, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp



Công tác trích lập dự phòng được thực hiện đầy đủ, thận trọng và chủ động, thể hiện rõ năng lực quản trị rủi ro và kỷ luật tài chính của doanh nghiệp. Đây là nền tảng quan trọng giúp Tổng Công ty củng cố an toàn tài chính, tạo dư địa vững chắc cho tăng trưởng ổn định và bền vững trong các giai đoạn tiếp theo. Xét riêng trong năm 2025, Tổng Công ty không chỉ kiểm soát tốt hiệu quả hoạt động trong bối cảnh nhiều biến động mà còn đạt mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây, lợi nhuận vượt mức được giao, khẳng định rõ vai trò của quản trị hệ thống là trụ cột quan trọng tạo nên kết quả tăng trưởng bền vững và hiệu quả.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Thúc đẩy kinh doanh quy mô lớn, lan tỏa giá trị xã hội và khẳng định uy tín thương hiệu

Thúc đẩy kinh doanh quy mô lớn

Trong năm bản lề 2025 - giai đoạn đất nước bước vào quỹ đạo phát triển mới - Bảo hiểm Bảo Việt đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh quy mô lớn thông qua việc tham gia các sự kiện trọng điểm quốc gia do Thủ tướng Chính phủ chủ trì, tiêu biểu là Triển lãm "80 năm Hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" và Hội chợ Mùa thu. Những đóng góp tích cực này đã được Bộ Tài chính ghi nhận bằng "Bằng khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong tổ chức và tham gia Triển lãm Thành tựu Đất nước chào mừng 80 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Song song với các hoạt động sự kiện, Bảo hiểm Bảo Việt triển khai đồng bộ nhiều chương trình khuyến mãi khách hàng trên toàn quốc. Các chương trình không chỉ đóng vai trò thúc đẩy tăng trưởng ngắn hạn mà còn góp phần xây dựng nền tảng khách hàng bền vững, gia tăng giá trị trên mỗi hợp đồng và củng cố vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Lan tỏa giá trị xã hội

Bên cạnh mục tiêu kinh doanh, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ trách nhiệm xã hội và các giá trị nhân văn của bảo hiểm thông qua nhiều hoạt động hỗ trợ cộng đồng và chăm lo nội bộ, đặc biệt trong bối cảnh thiên tai diễn biến phức tạp. Bảo hiểm Bảo Việt đã phối hợp cùng Tập đoàn triển khai các chương trình ủng hộ, trao tặng nhà tình nghĩa, học bổng cho học sinh vùng lũ, đồng thời kịp thời hỗ trợ cán bộ nhân viên tại các địa bàn chịu ảnh hưởng, góp phần ổn định đời sống, tinh thần và tạo điều kiện để người lao động nhanh chóng trở lại công việc. Tính đến hết tháng 12/2025, tổng kinh phí an sinh xã hội cho các hoạt động là 15,4 tỷ đồng. Những nỗ lực bền bỉ và nhất quán này đã được ghi nhận bằng Giải thưởng "Doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu về đồng hành và hỗ trợ khách hàng" do Global Banking & Finance Awards trao tặng.

Khẳng định uy tín thương hiệu

Cùng với đó, uy tín và sức mạnh thương hiệu của Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao. Doanh nghiệp được AM Best xếp hạng tín nhiệm với năng lực tài chính ở mức B++ (Tốt), năng lực tín dụng tổ chức phát hành dài hạn ở mức "bbb+" (Tốt) và thang điểm quốc gia Việt Nam ở mức cao nhất aaa.VN (Xuất sắc); ứng dụng quản lý bảo hiểm số Baoviet Direct đạt Giải thưởng Sao Khuê 2025; nằm trong Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam năm 2025, cùng nhiều danh hiệu và bằng khen quan trọng khác. Những ghi nhận này tiếp tục củng cố vị thế doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đồng thời khẳng định uy tín thực chứng của Bảo hiểm Bảo Việt trong việc đàm phán, thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với các khách hàng, đối tác lớn.

Hướng tới chặng đường phát triển mới

Năm 2025 khép lại với nhiều dấu ấn quan trọng, góp phần củng cố nền tảng tài chính, năng lực quản trị và hệ sinh thái kinh doanh của Bảo hiểm Bảo Việt. Những kết quả đạt được trong năm không chỉ phản ánh nỗ lực của toàn hệ thống mà còn tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Với nền tảng hơn 60 năm kinh nghiệm, cùng tinh thần đổi mới và khát vọng phát triển, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, qua đó mang đến những giải pháp bảo vệ tài chính ngày càng toàn diện cho khách hàng và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam.



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2026

Mục tiêu kinh doanh năm 2026

Trong kỷ nguyên phát triển mới của quốc gia, Bảo hiểm Bảo Việt chọn thông điệp **"Tư duy mở - Quản trị vững - Tăng trưởng bền"** làm trọng tâm cho năm 2026. Chúng tôi quyết tâm giữ vững vị thế người dẫn dắt thông qua việc triển khai hiệu quả các nghiệp vụ bảo hiểm then chốt.

- **Vị thế & Lợi thế:** Tận dụng tối đa nguồn lực của doanh nghiệp đầu ngành để thấu hiểu và thích ứng với nhu cầu khách hàng.
- **Giá trị cốt lõi:** Kiên định mục tiêu "Khách hàng là trung tâm" - lấy sự hài lòng và an tâm của khách hàng làm thước đo cho mọi sản phẩm, dịch vụ.
- **Động lực tăng trưởng:** Kết hợp hài hòa giữa mục tiêu doanh thu và lợi nhuận. Ứng dụng công nghệ thông tin làm đòn bẩy để tối ưu hóa chất lượng dịch vụ sau bán, mang đến hệ sinh thái bảo hiểm hiện đại và uy tín nhất Việt Nam.

Tổng doanh thu đạt

Đơn vị: Tỷ đồng

13.700

Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị: Tỷ đồng

385

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026

Để đạt các mục tiêu trên, năm 2026 BHBV xây dựng các giải pháp đồng bộ và xuyên suốt, cụ thể như sau:

Quản lý tập trung, quản trị rủi ro

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý tập trung dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời rà soát, điều chỉnh các quy trình, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro. Công tác giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật được tăng cường, nâng cao tính minh bạch và kỷ luật trong hoạt động kinh doanh. BHBV tiếp tục phát triển hệ thống quản lý tái bảo hiểm và các công cụ phân tích hiệu quả nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực quản trị danh mục bảo hiểm và kiểm soát rủi ro. Các công cụ phân tích dữ liệu giúp hỗ trợ công tác ra quyết định dựa trên dữ liệu, đồng thời tăng cường khả năng đánh giá hiệu quả kinh doanh theo từng sản phẩm và chương trình tái bảo hiểm

Công tác tài chính - kế toán linh hoạt, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ

BHBV triển khai hệ thống kế toán 1 sổ kế toán, tích hợp với hệ thống nghiệp vụ bảo hiểm, góp phần đồng bộ hóa dữ liệu và nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, thực hiện giao và điều chỉnh định mức chi phí bán hàng theo từng sản phẩm, tính toán hiệu quả kinh doanh theo từng nghiệp vụ. Công tác quản lý tài chính được siết chặt với việc đôn đốc xử lý công nợ, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngoài bồi thường như chi phí hoạt động, quản lý và bán hàng. Bên cạnh đó, BHBV luôn rà soát danh mục đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư, đồng thời tìm kiếm và triển khai các giải pháp tài chính tối ưu nhằm gia tăng lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Phát triển kinh doanh - Quản lý và nâng cao hiệu quả nghiệp vụ, lấy khách hàng làm trung tâm

BHBV tiếp tục triển khai các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác và quản lý nghiệp vụ bảo hiểm. Các công cụ hỗ trợ phân tích phí bảo hiểm, quản lý đồng bảo hiểm và tính toán hoa hồng đang được phát triển và từng bước đưa vào vận hành, góp phần tăng cường tính minh bạch trong quản lý doanh thu và hoa hồng, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Tổng Công ty hoàn thiện các ứng dụng trực tuyến để nâng cao trải nghiệm khách hàng trên toàn bộ hành trình sử dụng dịch vụ. Việc phát triển và cải tiến các sản phẩm bán lẻ, đặc biệt là nhóm khách hàng cá nhân có hiệu quả cao, được đẩy mạnh, đồng thời điều chỉnh sản phẩm phù hợp với từng kênh phân phối. Bên cạnh đó, các cơ chế, chính sách nghiệp vụ tiếp tục được ban hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác, đặc biệt là các sản phẩm bảo hiểm hiệu quả, sản phẩm mới và kênh phân phối mới.

Giám định bồi thường - Quản lý hiệu quả

Mô hình giám định tại chỗ và bồi thường tập trung tiếp tục được điều chỉnh để nâng cao hiệu quả phối hợp và sử dụng nguồn lực, đảm bảo chất lượng dịch vụ, tăng cường nhằm kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ chi bồi thường và giảm thiểu trục lợi bảo hiểm. Hệ thống bồi thường điện tử (Eclaim) cho một số nghiệp vụ bảo hiểm sẽ giúp quy trình xử lý hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết bồi thường và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Quy trình phối hợp giữa các công ty thành viên trong hoạt động giám định bồi thường được rà soát, đảm bảo sự thống nhất về chất lượng dịch vụ trên toàn hệ thống. Công tác rà soát và đàm phán định kỳ với các nhà cung cấp dịch vụ phụ trợ cũng được chú trọng nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ với chi phí hợp lý.

Kênh phân phối

Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng củng cố kênh đại lý chuyên nghiệp phi nhân thọ thông qua các chương trình đào tạo, thi đua và ứng dụng phần mềm quản lý đại lý. Đồng thời, công ty tăng cường kiểm soát, cảnh báo kịp thời các hoạt động không tuân thủ quy định của đại lý. Kênh bán chéo tiếp tục được đẩy mạnh với các điều chỉnh về sản phẩm, quy trình giải quyết quyền lợi bảo hiểm và chi phí nhằm tối ưu hiệu quả. Ngoài ra, công ty tập trung phát triển các kênh có tiềm năng lớn như môi giới, Bancassurance, kênh trực tuyến, telesales, đồng thời mở rộng các kênh phân phối mới như kênh đối tác, kênh vi mô. Đặc biệt, công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ vào việc phát triển và tối ưu hóa các kênh phân phối này.

Công nghệ thông tin

Trong thời gian tới, BHBV sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cho nền tảng công nghệ, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm gồm: hiện đại hóa hệ thống lõi, tăng cường tích hợp dữ liệu, phát triển các công cụ phân tích và mở rộng các ứng dụng số phục vụ khách hàng và đối tác. Việc xây dựng nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn và linh hoạt được xác định là một trong những yếu tố then chốt giúp BHBV nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong kỷ nguyên số.

Phát triển nguồn nhân lực

Năm 2026, Tổng Công ty định hướng phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn - chất lượng cao - thích ứng chuyển đổi số, trong đó tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực hoạch định chiến lược, am hiểu nghiệp vụ bảo hiểm và làm chủ các công cụ công nghệ/AI trong quản trị nhân sự. Đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo theo năng lực (competency-based), chuẩn hóa khung năng lực cho từng vị trí, đồng thời tăng cường luân chuyển, phát triển đội ngũ kế cận nhằm đảm bảo tính liên tục và bền vững trong quản trị nguồn nhân lực toàn hệ thống.

Môi trường làm việc

Định hướng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp - minh bạch - gắn kết - hiệu suất cao, trong đó lấy người lao động làm trung tâm và dữ liệu làm nền tảng quản trị. Tập trung hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả công việc gắn với kết quả đầu ra, thúc đẩy văn hóa hợp tác, đổi mới sáng tạo và trách nhiệm giải trình; đồng thời ứng dụng mạnh mẽ các nền tảng số trong quản trị điều hành để nâng cao trải nghiệm nhân viên, tăng tính kết nối nội bộ và tối ưu hiệu quả vận hành của toàn hệ thống.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Marketing tích hợp và chuyển đổi số mạnh mẽ - mở rộng trải nghiệm khách hàng trong một hệ sinh thái dịch vụ ngày càng kết nối và liền mạch

Thúc đẩy tăng trưởng khách hàng

Bảo hiểm Bảo Việt triển khai chiến lược marketing theo định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, với thông điệp xuyên suốt "Sẵn sàng từng bước tiến". Thông điệp này thể hiện cam kết của doanh nghiệp trong việc đồng hành cùng khách hàng trong mọi hành trình phát triển, từ nhu cầu bảo vệ sức khỏe, gia đình, tài sản đến các hoạt động sản xuất – kinh doanh và các dự án quy mô lớn của doanh nghiệp. Cùng với đó nhiều chương trình ưu đãi khách hàng sẽ được thiết kế linh hoạt nhằm gia tăng giá trị cho khách hàng và thúc đẩy khả năng tiếp cận sản phẩm bảo hiểm.

Bảo hiểm Bảo Việt đồng thời đẩy mạnh mở rộng tệp khách hàng doanh nghiệp thông qua các hoạt động kết nối, hội thảo chuyên ngành và diễn đàn kinh tế. Việc chủ động tiếp cận và đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp góp phần nâng cao vị thế thương hiệu và mở rộng cơ hội cung cấp các giải pháp bảo hiểm chuyên biệt cho từng lĩnh vực hoạt động.

Song song với việc phát triển khách hàng mới, doanh nghiệp tiếp tục chú trọng nâng cao trải nghiệm và sự gắn kết của khách hàng hiện hữu thông qua các chương trình chăm sóc, tri ân và chính sách ưu đãi tái tục.

Hoạt động marketing cũng được triển khai đồng bộ với lực lượng kinh doanh trên toàn hệ thống. Các chương trình thúc đẩy bán hàng, hoạt động bán chéo sản phẩm và sự phối hợp giữa các đơn vị trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt sẽ góp phần mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng và nâng cao hiệu quả khai thác thị trường.

Phát triển thương hiệu và chuyển đổi số marketing

Song song với hoạt động thúc đẩy kinh doanh, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục triển khai chiến lược truyền thông thương hiệu theo hướng hiện đại và đa nền tảng, nhằm củng cố vị thế dẫn đầu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.

Chiến lược truyền thông được xây dựng theo mô hình 360 độ, kết hợp giữa các kênh truyền thông truyền thống và nền tảng số. Các kênh báo chí, truyền hình và quảng cáo ngoài trời tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng độ nhận diện thương hiệu, trong khi các nền tảng digital được đẩy mạnh nhằm mở rộng khả năng tiếp cận và tương tác với khách hàng.

Trên môi trường số, Bảo hiểm Bảo Việt tập trung phát triển hệ sinh thái nội dung đa kênh, kết hợp các hoạt động tối ưu hóa công cụ tìm kiếm, quảng cáo số và truyền thông mạng xã hội nhằm gia tăng hiệu quả tiếp cận khách hàng. Các hoạt động marketing và truyền thông được triển khai nhất quán giữa môi trường trực tuyến và trực tiếp, nền tảng mua và quản lý bảo hiểm trực tuyến tiếp tục được cải tiến, tạo nên hành trình khách hàng liền mạch; từ đó giúp quá trình



tìm hiểu, lựa chọn và tham gia bảo hiểm trở nên thuận tiện, minh bạch và hiệu quả hơn, tối ưu hóa hành trình trải nghiệm dịch vụ của khách hàng.

Việc kết hợp giữa các chiến dịch truyền thông số, hoạt động tại điểm bán và các sự kiện trực tiếp không chỉ giúp lan tỏa mạnh mẽ thông điệp thương hiệu mà còn góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh bền vững và củng cố vị thế của Bảo hiểm Bảo Việt trên thị trường.

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Đồng hành cùng các sự kiện lớn của đất nước

Lễ chào cờ, hát Quốc ca tại Cột mốc Km0 - Đường Hồ Chí Minh, Cao Bằng của 500 học sinh, đồng hành tổ chức nhiều sự kiện. Từ triển lãm nghệ thuật "Bài ca thống nhất", "Những ngày tháng lịch sử" đến khối biểu tượng "Trái tim Tình yêu Việt Nam" tại Công viên Thống Nhất, Hà Nội



- Giữ vị trí số 1 về thị phần, tăng trưởng trong bối cảnh thị trường sụt giảm
- Giữ vững vị trí số 1 toàn ngành về tuyển dụng đại lý mới
- Ngày 23/12/2025, BAOVIET DigiHub - văn phòng thế hệ mới đầu tiên chính thức ra mắt tại 83 Lý Thường Kiệt, Hà Nội. Đây là bước khởi đầu quan trọng trong lộ trình xây dựng mô hình văn phòng thế hệ mới gắn với chiến lược phát triển hệ sinh thái Bảo hiểm - Tài chính - Chăm sóc sức khỏe của Tập đoàn Bảo Việt
- Mô hình văn phòng thế hệ mới - BAOVIET NewGen, được định vị là Trung tâm Giải pháp Tài chính toàn diện và hệ sinh thái
- Chính thức triển khai 10 sản phẩm mới, một trong những doanh nghiệp triển khai nhiều sản phẩm mới nhất thị trường, góp phần hoàn thiện giải pháp bảo vệ toàn diện, khẳng định uy tín của một thương hiệu bảo hiểm Việt luôn đổi mới vì khách hàng
- Chủ động đẩy mạnh chuyển đổi số một cách thực chất và đồng bộ trên toàn hệ thống. Hơn 2.500 lượt cán bộ tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu, nhiều dự án cải tiến được triển khai và vinh danh - khẳng định tinh thần "học thật - làm thật"
- Đạt nhiều giải thưởng quốc tế uy tín
- Đồng hành cùng cộng đồng qua các hoạt động an sinh xã hội, lan tỏa tinh thần vì người Việt

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	KH 2026
Chỉ tiêu chung				
Tổng doanh thu	44.718	43.551	45.260	44.961
Lợi nhuận trước thuế	1.382	1.851	2.669	
Lợi nhuận sau thuế	1.129	1.510	2.168	
Vốn điều lệ	6.000	6.000	6.000	6.000
Chỉ tiêu đặc thù theo từng đơn vị				
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	18,8%	25,2%	36,1%	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,7%	15,4%	19,7%	
Thị phần	20,7%	21,7%	22,5%	
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	32.493	32.160	32.642	32.520

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch: **77 chi nhánh/công ty thành viên**
- Số lượng văn phòng khu vực: **368 văn phòng**
- Số lượng đại lý/ tư vấn viên: **156 nghìn**
- Số lượng sản phẩm đang triển khai bán mới: **10**
- Số lượng khách hàng: **2,6 triệu (số lượng hợp đồng có hiệu lực)**
- Năm thành lập: **1996**



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên

Báo cáo hoạt động của

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Năm 2025 là dấu mốc đặc biệt với nhiều sự kiện trọng đại của đất nước: 80 năm thành lập nước, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Đây cũng là năm ghi dấu những cột mốc ý nghĩa của thương hiệu Bảo Việt - kỷ niệm 60 năm thành lập Bảo Việt và hướng tới 30 năm thành lập Bảo Việt Nhân thọ. Trên hành trình gần ba thập kỷ tiên phong, khai mở thị trường, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục giữ vững vị thế doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu thị trường, khẳng định vai trò Thương hiệu Quốc gia, doanh nghiệp Việt, phục vụ vì lợi ích người Việt. Chúng tôi tự hào là điểm tựa tài chính vững chắc cho hàng triệu gia đình trên khắp mọi miền đất nước. Bằng danh mục sản phẩm được thiết kế chuyên biệt theo từng nhu cầu của khách hàng, cùng đội ngũ cán bộ và tư vấn viên giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, Bảo Việt Nhân thọ mang đến sự an tâm để khách hàng tận hưởng và hoạch định một tương lai vững bền. Không chỉ dừng lại ở việc thực hiện cam kết bảo vệ tài chính, chúng tôi không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ, để mỗi hợp đồng trao đi không chỉ là một lời hứa, mà là sự cam kết đồng hành dài lâu trong cuộc sống của khách hàng. Mục tiêu của chúng tôi là lan tỏa những giá trị nhân văn của bảo hiểm nhân thọ, xây dựng những mối quan hệ gắn bó lâu dài dựa trên nền tảng tin cậy, minh bạch và tôn trọng đối với khách hàng, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng xã hội và đồng hành cùng kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Ông **Nguyễn Quang Phi**
Tổng Giám đốc



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Giới thiệu tổng quan



Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) là Công ty con 100% vốn của Tập đoàn Bảo Việt - Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, tự hào là thương hiệu quốc gia Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, BVNT luôn tiên phong mở đường trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam, từng bước gây dựng tiềm lực tài chính ổn định, vững mạnh và trở thành công ty bảo hiểm nhân thọ duy nhất trên thị trường sở hữu hệ thống mạng lưới các chi nhánh, các văn phòng khu vực trải dài khắp toàn quốc, luôn là thương hiệu uy tín, tin cậy của người dân Việt Nam.

Quy mô mạng lưới phân phối

- Số lượng chi nhánh: 77
- Số lượng văn phòng khu vực: 368
- Số lượng đại lý/Tư vấn viên: trên 156 nghìn tư vấn viên

Được thành lập năm 1996, qua gần ba thập kỷ hình thành và phát triển, BVNT không ngừng khẳng định vị thế dẫn đầu. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam trải qua nhiều biến động lớn, thử thách sự bền vững và năng lực thích ứng của toàn ngành, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục khẳng định vị trí số 1, tiếp tục đứng đầu về doanh thu khai thác mới cũng như tổng doanh thu phí bảo hiểm.

Kiên tâm với sứ mệnh "Bảo vệ gia đình Việt - Bảo vệ lợi ích Việt", nhưng đồng thời mang khát vọng đổi mới, phát triển, đồng hành cùng kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, BVNT luôn trung thành với triết lý lấy khách hàng làm trọng tâm, không ngừng nỗ lực nhằm mang đến cho khách hàng những lợi ích và trải nghiệm tốt nhất, góp phần xây dựng một cộng đồng khỏe mạnh, an lành và thịnh vượng. Để làm được điều đó, BVNT thấu hiểu sự đổi mới nội tại, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là mục tiêu tất yếu. Với sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng nghỉ vì lợi ích của khách hàng, vì mục tiêu phát triển bền vững của xã hội, trong năm 2025 BVNT đã được các tổ chức trong, ngoài nước ghi nhận và trao tặng những giải thưởng, danh hiệu uy tín như:

- Dẫn đầu Danh sách Top 10 Doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả 2025 - Ngành Bảo hiểm - Nhóm Bảo hiểm nhân thọ" do Viet Research phối hợp với Báo Tài chính - Đầu tư (Bộ Tài chính) công bố.
- Giải thưởng Top 10 "Thương hiệu tiêu biểu châu Á" 2025 do Hiệp hội Doanh nghiệp Đầu tư Nước ngoài (VAFIE), Tạp chí Thời đại thuộc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Trung tâm Phát triển Doanh nghiệp và Thương hiệu và các cơ quan khác phối hợp tổ chức.
- Giải thưởng "Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tốt nhất và Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đổi mới toàn diện nhất" - do Tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn.
- Trong danh sách "Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 Ngành Bảo hiểm" trong khuôn khổ Chương trình Nghiên cứu toàn quốc về việc cam kết và thực hiện ESG và Top 100 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 do Viet Research phối hợp với Báo Tài chính - Đầu tư (Bộ Tài chính) công bố.
- Giải thưởng "Nơi làm việc Tốt nhất Châu Á" và "Doanh nghiệp quan tâm, chăm sóc nhân viên tốt nhất" - do HR Asia bình chọn.
- Giải thưởng "Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á 2025" và "Thương hiệu truyền cảm hứng 2025".
- Lần thứ 9 liên tiếp dẫn đầu danh sách "Top 10 Công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín" do Vietnam Report công bố.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Hoạt động kinh doanh năm 2025

Năm 2025 thị trường bảo hiểm nhân thọ đang trong giai đoạn phục hồi, tuy nhiên tốc độ phục hồi của thị trường còn chậm, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường giảm 2% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh đó, BVNT tiếp tục trung thành với triết lý kinh doanh lấy khách hàng là trọng tâm, không ngừng đổi mới, phát triển, hướng tới mục tiêu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững. Với định hướng kinh doanh vững vàng, BVNT đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh, giữ vững vị trí trên thị trường. Cụ thể:

Tổng doanh thu năm 2025 đạt
45.260 tỷ đồng

Trong đó:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 32.642 tỷ đồng, tăng trưởng 1,5% so với cùng kỳ 2024, BVNT tiếp tục duy trì vị trí DẪN ĐẦU thị trường về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm với 22,5% thị phần.

Doanh thu khai thác mới đạt 4.405 tỷ đồng, tăng trưởng 14%, DẪN ĐẦU thị trường với 20,3% thị phần. Đặc biệt hơn, trong tháng 6 năm 2025, BVNT đã xác lập kỷ lục doanh thu khai thác mới trong 1 tháng cao nhất lịch sử với khai thác mới vượt mốc 850 tỷ đồng vào tháng 6 năm 2025.

Doanh thu tài chính đạt 12.562 tỷ đồng, hoàn thành 106,7% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt
2.669 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế đạt
2.168 tỷ đồng

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt
36,1%

Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu đạt
19,7%



Để đạt được kết quả trên, BVNT đã nỗ lực phát huy toàn diện các thế mạnh của một thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp Việt, phục vụ vì lợi ích người Việt, kiên tâm với tầm nhìn, sứ mệnh kinh doanh đồng thời thực hiện trách nhiệm xã hội. Không chỉ mang đến những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cho khách hàng, BVNT luôn quan tâm, xây dựng một môi trường làm việc hạnh phúc cho đội ngũ nhân viên và đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Phát triển hệ thống mạng lưới kinh doanh và chăm sóc khách hàng

BVNT tự hào là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có hệ thống phân phối đa kênh với đại lý truyền thống là kênh phân phối mũi nhọn. Với sự tin tưởng của khách hàng, mạng lưới kinh doanh của BVNT tiếp tục được mở rộng. Tính đến hết 31/12/2025, BVNT sở hữu hệ thống 77 công ty thành viên, 368 văn phòng khu vực trải rộng khắp 34 tỉnh thành. Mạng lưới kinh doanh và chăm sóc khách hàng trên luôn là cầu nối giữa BVNT và khách hàng để sẵn sàng phục vụ, đem lại trải nghiệm với chất lượng cao nhất. Đặc biệt hơn, Bảo Việt Nhân thọ đã nghiên cứu và triển khai mô hình văn phòng khu vực thế hệ mới và khai trương văn phòng đầu tiên tại 83B Lý Thường Kiệt, Hà Nội với không gian được thiết kế hiện đại, ứng dụng các công nghệ tiên tiến và trí tuệ nhân tạo. Tại đây, khách hàng có thể được trải nghiệm trọn vẹn hệ sinh thái tích hợp bảo hiểm - tài chính của Tập đoàn Bảo Việt kết hợp với không gian chăm sóc sức khỏe với sự phối hợp với đối tác y tế của Bảo Việt Nhân thọ. Đây là dấu ấn khác biệt cho thấy nỗ lực của BVNT trong việc từng bước mở rộng vai trò từ "Người chi trả" sang "Người đồng hành bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tài chính, thể chất cho người Việt".

Giữ vững vị trí doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tiên phong và khai mở thị trường, cùng với định hướng phát triển kênh đại lý truyền thống là kênh phân phối chủ đạo, BVNT đã tập trung nguồn lực nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ tư vấn viên lớn mạnh với các kỹ năng ngày càng được nâng cao. Tính đến thời điểm cuối năm 2025, BVNT đứng đầu thị trường về tuyển dụng tư vấn viên mới với hơn 19.000 lượt tuyển dụng, nâng tổng số tư vấn viên toàn hệ thống đạt hơn 156.000 người, sẵn sàng tư vấn, hoạch định kế hoạch bảo vệ tài chính phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng để khách hàng luôn yên tâm, tận hưởng cuộc sống an khang, như ý.

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống, BVNT cũng liên tục đẩy mạnh khai thác thông qua hệ thống phân phối đa kênh: bancassurance, telesales, digital sales, online, các tổ chức tài chính và phi tài chính... nhằm đa dạng hóa hình thức bán hàng cũng như tăng cường tư vấn cho các khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Tính đến thời điểm hiện tại, BVNT đang hợp tác với hơn 10 ngân hàng và các tổ chức phi tín dụng khác, hứa hẹn mở ra cơ hội để BVNT tiếp cận và mang đến nhiều lợi ích hơn cho khách hàng.

Đặc biệt hơn, với thế mạnh là đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, BVNT hợp tác chặt chẽ với các đơn vị khác trong Tập đoàn Bảo Việt, phát huy tinh thần đoàn kết và sức mạnh thương hiệu Bảo Việt để hướng đến xây dựng một hệ sinh thái dịch vụ tài chính, chăm sóc sức khỏe chủ động toàn diện cho khách hàng. Khi sử dụng dịch vụ của BVNT, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Ngân hàng Bảo Việt, khách hàng đều có thể đồng thời tiếp cận với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng theo nhu cầu cá nhân, đem lại sự thuận tiện tối đa cho khách hàng.





Phát triển sản phẩm, chuyên biệt hóa, phù hợp với nhu cầu của khách hàng

Trong năm 2025, Bảo Việt Nhân thọ chính thức ra mắt 10 sản phẩm mới, trở thành một trong những doanh nghiệp triển khai nhiều sản phẩm mới nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam. Nổi bật trong đó là ba sản phẩm chính bao gồm: **An Tâm Hoạch Định, An Khang Như Ý và An Lộc Vững Bền**, cùng 07 sản phẩm bán kèm đa dạng, góp phần hoàn thiện hệ giải pháp bảo vệ toàn diện và linh hoạt. Các sản phẩm được thiết kế theo hướng cá nhân hóa, đáp ứng nhu cầu khác biệt của từng phân khúc khách hàng, tiếp tục khẳng định uy tín và năng lực đổi mới của thương hiệu bảo hiểm Việt luôn lấy khách hàng làm trọng tâm.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, ứng dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh

Thực hiện tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, BVNT hiểu rõ rằng chuyển đổi số và phát triển bền vững là ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới và năm 2025 là năm bản lề để BVNT chuẩn bị cho một quá trình số hóa toàn diện và thực chất. Với việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào mọi hoạt động, từ quản lý nội bộ đến chăm sóc khách hàng. BVNT không chỉ nâng cao hiệu quả vận hành mà còn cam kết giảm thiểu tác động môi trường, hướng tới phát triển xanh, phát triển bền vững. Với chiến lược đổi mới mạnh mẽ, BVNT tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong ngành bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.

Nghiên cứu, đào tạo, truyền thông và xây dựng văn hóa số

BVNT xác định nghiên cứu, đào tạo và truyền thông là nền tảng trọng yếu để hình thành và lan tỏa văn hóa số trong toàn hệ thống. Doanh nghiệp đặc biệt coi trọng việc nâng cao nhận thức, trang bị tư duy số và năng lực công nghệ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, xem đây là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy chuyển đổi số bền vững. Trong năm 2025, BVNT đã tổ chức chuỗi chương trình đào tạo chuyên sâu với chủ đề "Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện: Văn hóa, Công nghệ và Trải nghiệm khách hàng", tập trung vào việc thay đổi tư duy, cập nhật xu hướng công nghệ mới và nâng cao năng lực thiết kế hành trình khách hàng trong môi trường số.

Song song với hoạt động đào tạo, Công ty tổ chức các hội thảo trình bày sáng kiến và dự án của các nhóm học viên nhằm đánh giá tính khả thi, lựa chọn các giải pháp phù hợp để nghiên cứu, triển khai vào thực tiễn, góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng. BVNT cũng duy trì truyền thông nội bộ thường xuyên, khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, xây dựng môi trường làm việc chủ động, linh hoạt, từng bước hình thành văn hóa đổi mới sáng tạo và văn hóa số đặc trưng của doanh nghiệp.

Trong công tác phát triển kinh doanh

Trong năm 2025, Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới nhằm gia tăng tính thuận tiện cho cả đại lý và khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng và tốc độ tư vấn sản phẩm bảo hiểm. Theo đó BVNT đã:

- Tiếp tục nâng cấp, cải thiện hiệu năng hệ thống quản lý kênh phân phối mới trên nền tảng điện toán đám mây, đáp ứng nhu cầu quản trị đa dạng và linh hoạt của doanh nghiệp. Hệ thống cho phép quản lý đa kênh, thiết lập mô hình quản trị linh hoạt và xây dựng chính sách thù lao đa dạng, đồng thời cung cấp các công cụ hỗ trợ đại lý hiệu quả hơn, góp phần gia tăng trải nghiệm gắn kết và duy trì tỷ lệ hoạt động bền vững.

- Ứng dụng công nghệ định danh điện tử bằng OCR và liveness eKYC, rút ngắn đáng kể thời gian phát hành hợp đồng và tuyển dụng đại lý, nâng cao trải nghiệm khách hàng và ứng viên, đồng thời tăng cường bảo mật và đảm bảo quyền lợi người tham gia bảo hiểm.

- Triển khai hợp đồng bảo hiểm điện tử và hợp đồng đại lý điện tử bên cạnh bản cứng theo quy định pháp luật, góp phần tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành, đảm bảo minh bạch và an toàn thông tin.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Trong công tác vận hành quản trị

BVNT tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa hoạt động quản trị thông qua việc mở rộng triển khai hệ thống văn phòng điện tử BVOffice. Hệ thống này giúp giảm thiểu tối đa việc sử dụng hồ sơ giấy tờ, góp phần bảo vệ môi trường và xây dựng một môi trường làm việc xanh, hiệu quả. Nhờ ứng dụng công nghệ tiên tiến, toàn bộ quy trình xử lý tài liệu, phê duyệt và lưu trữ được thực hiện trực tuyến, đảm bảo tính bảo mật, nhanh chóng và chính xác. Đồng thời, hệ thống giúp nâng cao khả năng phối hợp giữa các phòng ban, tối ưu hóa thời gian xử lý công việc và tăng cường hiệu suất làm việc.

Song song đó, BVNT triển khai tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) đối với các tác vụ có khối lượng lớn, tính chất lặp lại, qua đó tiết kiệm chi phí nhân công, duy trì ổn định chất lượng và tiến độ xử lý công việc. Các quy trình nghiệp vụ cũng được điện tử hóa và mở rộng trên môi trường trực tuyến, lược giản thao tác thủ công, nâng cao độ chính xác. Đồng thời, doanh nghiệp đẩy mạnh sử dụng các dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây, bao gồm cả mô hình PaaS và SaaS, nhằm tối ưu chi phí đầu tư và tăng tính linh hoạt trong đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Trong công tác dịch vụ khách hàng

Kiên định định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, BVNT tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm và gia tăng sự hài lòng cho khách hàng, cán bộ và đội ngũ tư vấn viên. Doanh nghiệp không ngừng đầu tư, tối ưu hóa quy trình vận hành và hoạt động kinh doanh, hướng tới sự thuận tiện, minh bạch và nhanh chóng trong từng điểm chạm dịch vụ.



Trong năm 2025, bên cạnh việc hoàn thiện các tiện ích hiện hữu, BVNT đã chủ động cải tiến quy trình và phát triển nhiều giải pháp mới theo hướng đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý:

- Cổng thông tin khách hàng MyBVLife được nâng cấp với nhiều tính năng gia tăng, giúp khách hàng dễ dàng tra cứu, quản lý hợp đồng và thực hiện các yêu cầu trực tuyến.
- Số hóa các quy trình từ khai thác, thẩm định rủi ro, phát hành, quản lý hợp đồng đến giải quyết quyền lợi bảo hiểm, nâng cao hiệu quả, giảm thiểu thao tác thủ công và đảm bảo tính chính xác.
- Ứng dụng AI trong đánh giá hồ sơ chi trả bảo hiểm tiếp tục góp phần tăng tốc độ xử lý và tối ưu trải nghiệm khách hàng.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ



Truyền thông, gia tăng sức mạnh thương hiệu

Trong năm 2025 - năm của nhiều dấu mốc lịch sử, Bảo Việt Nhân thọ tự hào đồng hành cùng các sự kiện lớn của đất nước, lan tỏa tinh thần Hào khí Việt. Dấu ấn tiêu biểu là Lễ chào cờ, hát Quốc ca tại Cột mốc Km0 - Đường Hồ Chí Minh, Cao Bằng của 500 học sinh, tạo nên khoảnh khắc lịch sử được xác lập Kỷ lục Việt Nam, khơi dậy niềm tự hào dân tộc và ý thức chủ quyền trong thế hệ trẻ. Cũng tại đây, 2.000 lá cờ Tổ quốc được trao gửi tới bà con vùng biên, để sắc đỏ sao vàng chủ quyền đất nước hiện diện trên từng mái nhà.

Tinh thần Hào khí Việt tiếp tục được Bảo Việt Nhân thọ lan tỏa thông qua việc đồng hành tổ chức nhiều sự kiện. Từ triển lãm nghệ thuật "Bài ca thống nhất", "Những ngày tháng lịch sử" đến khối biểu tượng "Trái tim Tình yêu Việt Nam" tại Công viên Thống Nhất, Hà Nội. Tất cả cùng góp phần tôn vinh niềm tin, sự gắn kết và sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh đó, nhằm gửi lời cảm ơn chân thành tới khách hàng và đặc biệt hướng tới kỷ niệm 30 năm thành lập, BVNT triển khai hàng loạt chương trình khuyến mại, tri ân khách hàng trên toàn quốc cùng với thông điệp khẳng định vai trò của một thương hiệu quốc gia, thương hiệu Việt, phục vụ vì lợi ích người Việt. Thông qua các sản phẩm bảo hiểm, BVNT vinh hạnh trao đi sự thấu hiểu, sẻ chia để mỗi gia đình khách hàng đều được bảo vệ trọn vẹn. Thông qua chất lượng dịch vụ, BVNT trao đến khách hàng sự tận tâm, trung thực và nhiệt thành, thông qua các chương trình tri ân khách hàng, BVNT muốn bày tỏ mong muốn được cùng đồng hành với khách hàng qua mọi chặng đường trong cuộc sống:

- Chương trình khuyến mại gắn với các sự kiện đặc biệt trong năm: Chương trình quà tặng, tôn vinh phụ nữ nhân dịp Ngày 8/3, 20/10 với quà tặng là phụ kiện thể thao, áo dài liên hoa dành riêng cho khách hàng nữ, chương trình khuyến mại nhân dịp Tết Nguyên Đán với quà tặng gồm 30.000 lá bồ đề và 4.000 bộ gối sofa cao cấp.
- Các chương trình khuyến mại hợp lực với quà tặng là các sản phẩm bảo hiểm cứu hộ xe máy "Vi vu hè mới, quà tới rộn ràng", quà tặng là 20.000 thẻ dịch vụ cứu hộ xe máy Tâm An và bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe máy; 2.800 chiếc túi thời trang đa năng.
- Chương trình khuyến mại nhân dịp ra mắt sản phẩm mới "Bảo vệ vẹn toàn, Đón hè bình An" với 5.000 bộ quà tặng, combo Hành trang Yêu thương, "Sạc trọn yêu thương - Vững đường hạnh phúc". Chương trình khuyến mại ra mắt sản phẩm bán kèm "An Vui Sống khỏe, Khởi sự Bình An".
- Chương trình khuyến mại nhân dịp sinh nhật 29 năm BVNT "Tri ân niềm tin Việt" quay thưởng cho khách hàng toàn quốc nhân dịp sinh nhật 29 năm và triển khai chương trình khuyến mại quà tặng thẻ sức khỏe Bảo Việt An Gia, Bảo Việt Tâm Bình kịp thời trong giai đoạn thị trường bảo hiểm gặp khó khăn, BVNT chưa hoàn thiện giỏ sản phẩm bán kèm
- Chương trình quà tặng thẻ khám bệnh tại đối tác cơ sở y tế của BVNT cho khách hàng thân thiết.

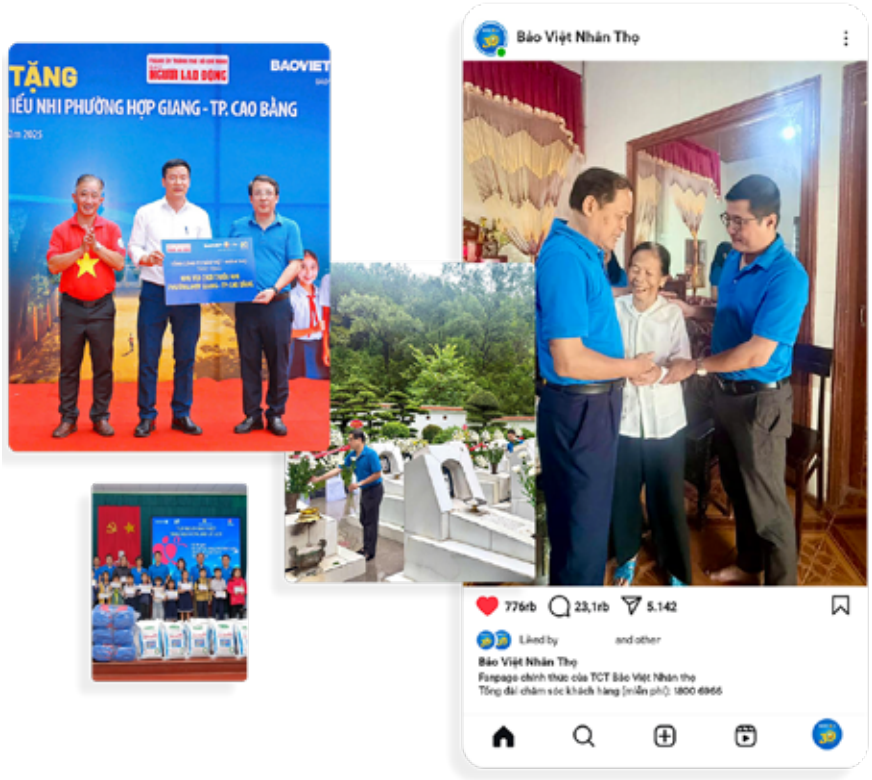
Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Các hoạt động cộng đồng xã hội

Bên cạnh việc duy trì tăng trưởng kinh doanh ổn định và bền vững, BVNT luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội như một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển dài hạn. Chúng tôi tích cực triển khai các chương trình cộng đồng ý nghĩa trong lĩnh vực giáo dục, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe, hướng tới hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và lan tỏa giá trị nhân văn. Thông qua những hoạt động thiết thực, BVNT góp phần kiến tạo một xã hội nhân ái, bền vững và xây dựng tương lai tốt đẹp hơn cho các thế hệ mai sau.

Trong năm 2025, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục khẳng định trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu thông qua chuỗi hoạt động an sinh quy mô toàn quốc, lan tỏa sâu rộng tinh thần sẻ chia và cam kết "Bảo vệ giá trị Việt". Nổi bật là chương trình trao học bổng "An sinh giáo dục" được triển khai đồng loạt tại các công ty thành viên nhân dịp khai giảng năm học mới, trao tặng hơn 6.000 cặp sách cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tạo nên "Ngày hội tới trường cùng Bảo Việt Nhân thọ" đầy ý nghĩa. Song song đó, chương trình "Quỹ xe đạp chở ước mơ" đã trao gần 2.280 xe đạp với tổng kinh phí hơn 4,3 tỷ đồng, tiếp thêm động lực cho các em trên hành trình học tập.

Doanh nghiệp cũng đầu tư xây dựng các công trình thiết thực như "Bếp ăn điểm trường Nà Niệc", sân chơi thiếu nhi tại Cao Bằng và nhà tình thương cho hộ nghèo, góp phần cải thiện điều kiện sống, học tập và phát triển cho cộng đồng. Hoạt động tri ân nhân Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7 được tổ chức trang trọng trên toàn quốc, thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" và sự trân trọng các giá trị lịch sử dân tộc.



Bên cạnh đó, BVNT triển khai chương trình khám sức khỏe miễn phí, trao quà cho hộ khó khăn, cứu trợ 25 tấn gạo và 1,6 tỷ đồng cho đồng bào vùng bão lũ, đồng thời hỗ trợ cán bộ, tư vấn viên bị ảnh hưởng với tổng kinh phí gần 4 tỷ đồng. Trong năm của nhiều dấu mốc lịch sử, doanh nghiệp còn đồng hành cùng các sự kiện lớn của đất nước, lan tỏa tinh thần "Hào khí Việt", góp phần nuôi dưỡng niềm tự hào và khát vọng phát triển bền vững cho cộng đồng.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Công tác giám định bồi thường

Trong từng giai đoạn của cuộc đời, BVNT luôn ở bên, cùng khách hàng xây dựng các giải pháp tài chính linh hoạt và vững chắc để bảo vệ bản thân và những người thân yêu. Với tinh thần "Niềm tin vững chắc - Cam kết vững bền", BVNT luôn kịp thời thực hiện trách nhiệm đã cam kết với khách hàng. Năm 2025, BVNT đã thực hiện chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm với số tiền lên tới hơn 16.800 tỷ đồng, trong đó chi trả quyền lợi rủi ro là 1.352 tỷ đồng và chi trả quyền lợi đáo hạn là 3.473 tỷ đồng.

Môi trường làm việc

Với triết lý con người là tài sản vô giá, BVNT không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách đãi ngộ, phúc lợi toàn diện để tạo ra môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiện đại và cơ hội phát triển cho cán bộ nhân viên của BVNT. Bên cạnh đó, BVNT đặc biệt chú trọng xây dựng lộ trình đào tạo bài bản trong và ngoài bản đồ học tập để nâng cao kỹ năng của từng cán bộ, nhân viên, tư vấn viên, đồng hành phát triển sự nghiệp cùng BVNT.

100% cán bộ nhân viên của BVNT được đại diện bởi tổ chức Công đoàn và được đóng góp ý kiến đối với Thỏa ước lao động tập thể, các chính sách lao động, điều kiện lao động của BVNT. Nhờ đó, lợi ích của người lao động luôn được đảm bảo, BVNT luôn lắng nghe ý kiến của cán bộ nhân viên để cải thiện môi trường và tăng cường toàn lao động.

Trong năm 2025, theo kết quả khảo sát độc lập của Tạp chí Nguồn nhân lực Châu Á, Bảo Việt Nhân thọ đã xuất sắc đạt điểm số vượt trội ở cả ba nhóm tiêu chí quan trọng:

- Tiêu chí cốt lõi (tập trung vào các yếu tố tạo dựng sự gắn kết): 4,87 điểm, so với mức trung bình 3,86
- Tiêu chí cá nhân (tập trung vào các yếu tố tạo động lực cho Người lao động trong công việc): 4,91 điểm, so với mức trung bình 3,95
- Tiêu chí tập thể (tập trung vào các yếu tố đề cao tính kết nối, văn hóa làm việc nhóm trong doanh nghiệp): 4,94 điểm, so với mức trung bình 4,04

Những con số ấn tượng này không chỉ khẳng định môi trường làm việc chuyên nghiệp và nhân văn, mà còn cho thấy sức mạnh gắn kết tập thể - nền tảng để doanh nghiệp vươn tầm khu vực.





Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2026

Mục tiêu kinh doanh năm 2026

Tổng doanh thu
44.961 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
2.303 tỷ đồng

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ
38,4%

Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu
18%

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026

Để đạt các mục tiêu trên, BVNT xây dựng các giải pháp đồng bộ và xuyên suốt dựa trên phát huy truyền thống của doanh nghiệp Việt Nam tiên phong khai mở thị trường nhân thọ Việt Nam và nền tảng Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể: Để đạt các mục tiêu trên, BVNT xây dựng các giải pháp đồng bộ và xuyên suốt dựa trên phát huy truyền thống của doanh nghiệp Việt Nam tiên phong khai mở thị trường nhân thọ Việt Nam và nền tảng Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể:

Định hướng Quản lý



Năm 2025, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV đã diễn ra thành công tốt đẹp, đưa ra và quán triệt những định hướng chiến lược cho phát triển kinh tế trong kỷ nguyên mới, tạo môi trường và khuôn khổ thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp. Trên nền tảng bộ ba Nghị quyết: Nghị quyết số 57 về thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 72 về phát triển y tế và bảo hiểm y tế toàn dân, toàn diện, cùng Nghị quyết số 79 về phát triển kinh tế Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước, Bảo Việt Nhân thọ đã xây dựng định hướng kinh doanh năm 2026 gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế vĩ mô và chiến lược chung của Tập đoàn Bảo Việt.

Theo đó, BVNT tập trung phát huy sức mạnh hợp lực của toàn Tập đoàn Bảo Việt với tinh thần "Một Bảo Việt", khẳng định vai trò thương hiệu quốc gia và từng bước kiến tạo hệ sinh thái dịch vụ Tài chính – Bảo hiểm – Chăm sóc sức khỏe chủ động, toàn diện. Trên nền tảng này, BVNT hướng tới cung cấp cho khách hàng các giải pháp tài chính đồng bộ, tích hợp bảo hiểm với dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ và chăm sóc sức khỏe, trở thành người bạn đồng hành tin cậy trong suốt hành trình cuộc sống. Đồng thời, BVNT tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số một cách thực chất, đổi mới mô hình quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo động lực tăng trưởng bền vững trong giai đoạn phát triển mới

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Củng cố và mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển hệ thống phân phối đa kênh

Năm 2025, BVNT đặt mục tiêu Phát triển hệ thống phân phối đa kênh trong đó kênh đại lý truyền thống tiếp tục là kênh chủ đạo, tiếp tục định hướng đầu tư phát triển các kênh phân phối khác một cách hợp lý; phát triển các kênh phân phối mới và hợp tác với các tổ chức, đối tác mới:





- Kênh đại lý truyền thống: Nâng cao năng lực tư vấn cho đội ngũ đại lý hướng đến tiệm cận/đạt chuẩn Tư vấn tài chính (FA). Thúc đẩy tuyển dụng đại lý và tư vấn viên mới hoạt động, duy trì, kéo dài vòng đời hoạt động cho đại lý, đặc biệt là đại lý mới, nâng cao năng lực quản lý nhóm hiệu quả cho cấp quản lý. Thúc đẩy hoạt động, nâng cao năng lực thực chiến cho lực lượng cán bộ phát triển kinh doanh. Tập trung các chương trình thi đua cho đội ngũ cán bộ và TVV toàn quốc, gắn với sự kiện 30 năm của BVNT. Nâng cấp số hóa Văn phòng khu vực kiểu mẫu, duy trì Văn phòng khu vực thế hệ mới hiệu quả, tạo mô hình hệ sinh thái tài chính Bảo Việt.
- Các kênh phân phối khác (Bancassurance, Digital sales, Online...): Duy trì các quan hệ đối tác, tiếp tục tìm kiếm và ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác mới, thí điểm các mô hình kinh doanh mới để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Phát triển sản phẩm mới



Phát triển danh mục sản phẩm theo hướng đa dạng, đơn giản và dễ hiểu, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận và lựa chọn giải pháp phù hợp với nhu cầu. Năm 2026, BVNT tập trung cá nhân hóa và cá biệt hóa sản phẩm theo từng kênh phân phối, thị trường mục tiêu, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng. Đặc biệt nghiên cứu và ra mắt gói sản phẩm đặc biệt kỷ niệm 30 năm thành lập BVNT. Các sản phẩm sẽ được thiết kế linh hoạt, nhu cầu tài chính của từng nhóm khách hàng khác nhau. Đồng thời, BVNT tận dụng công nghệ để phân tích dữ liệu, từ đó cung cấp sản phẩm phù hợp với từng đối tượng qua các kênh đại lý, bancassurance hay nền tảng số. Với chiến lược này, BVNT không chỉ nâng cao tính cạnh tranh mà còn mang đến giải pháp bảo hiểm toàn diện, tối ưu lợi ích cho khách hàng.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Hoạt động Đầu tư

BVNT sẽ thực hiện chiến lược đầu tư linh hoạt, tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư với các diễn biến của thị trường tài chính để mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đảm bảo cam kết với chủ hợp đồng. Đồng thời, để tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam, BVNT cũng tích cực đầu tư trở lại nền kinh tế và tham gia vào thị trường trái phiếu chính phủ. Chú trọng xây dựng và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm đầu tư hiệu quả; thiết lập mạng lưới thông tin, hợp tác đồng bộ, có hệ thống, phát huy sức mạnh tập thể trong Tập đoàn Bảo Việt, đảm bảo hiệu quả danh mục đầu tư.

Tối ưu hóa ứng dụng Công nghệ hiện đại

Đồng hành cùng Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, BVNT cam kết đẩy mạnh chuyển đổi số thực chất và toàn diện, lấy khách hàng làm trọng tâm. Việc triển khai hệ thống văn phòng điện tử và các nền tảng công nghệ tiên tiến giúp BVNT tối ưu hóa quy trình vận hành, giảm thiểu hồ sơ giấy tờ, góp phần bảo vệ môi trường. Đồng thời, BVNT không ngừng đổi mới để nâng cao trải nghiệm khách hàng, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý. Với chiến lược số hóa toàn diện, BVNT cam kết đồng hành cùng cộng đồng xây dựng tương lai bền vững.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, tập trung nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua các tiện ích, ứng dụng công nghệ và số hóa quy trình để đơn giản hóa các thủ tục, gia tăng tiện ích cho khách hàng. BVNT tiếp tục nâng cao chất lượng công tác DVKH thông qua đảm bảo các chỉ tiêu về tỷ lệ duy trì, thu phí và tái tục. Phối hợp quản lý sản phẩm, nghiệp vụ, quy trình đối với các kênh và mô hình kinh doanh mới theo chiến lược đa kênh, sản phẩm tích hợp của BVNT, trong đó trọng tâm là mô hình tích hợp bảo hiểm – chăm sóc sức khỏe. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và số hóa các quy trình nghiệp vụ, nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng và tiến độ phục vụ khách hàng, phấn đấu tỷ lệ ứng dụng công nghệ đạt ≥55%. Triển khai hiệu quả chuỗi chương trình CSKH dịp kỷ niệm 30 năm thành lập BVNT. Nâng cao chất lượng các mảng công tác nghiệp vụ.



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Công tác an sinh xã hội

Hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững, BVNT tin rằng sứ mệnh của một doanh nghiệp không chỉ là tạo ra lợi nhuận mà còn là thúc đẩy sự phát triển bền vững cho xã hội. BVNT sẽ tiếp tục quyết tâm đẩy mạnh hoạt động cộng đồng, bằng cách hỗ trợ các dự án và chương trình xã hội, thúc đẩy giáo dục, y tế, môi trường và các lĩnh vực khác để tạo ra một tương lai tốt đẹp cho người dân Việt Nam.

Cụ thể, trong năm 2026, BVNT dự kiến tổ chức các chương trình an sinh cụ thể như:

- Chương trình an sinh xã hội điểm nhấn trọng tâm tại một số tỉnh thành đồng hành quảng bá 30 năm BVNT cũng như hỗ trợ các tỉnh khó khăn đột xuất cần hỗ trợ trong năm (ảnh hưởng bão lũ, thiên tai,...)

- Chương trình An sinh giáo dục phân bổ toàn hệ thống 77 CTTV/chi nhánh BVNT dự kiến bao gồm 2500 suất học bổng xe đạp để các đơn vị tổ chức trao tặng tháng 6 - Tháng hành động vì trẻ em & hơn 6000 suất học bổng cặp sách để các đơn vị tổ chức trao tặng đúng dịp khai giảng năm học mới tại các cơ sở giáo dục toàn quốc.

Các chương trình truyền thông, thương hiệu

Hướng tới dấu mốc 30 năm thành lập, Bảo Việt Nhân thọ triển khai chuỗi hoạt động truyền thông và khuyến mại quy mô lớn trong năm 2026 nhằm tri ân khách hàng và lan tỏa hình ảnh thương hiệu bảo hiểm nhân thọ quốc gia:

- Tiếp tục mở rộng Chương trình chăm sóc sức khỏe dành cho khách hàng thân thiết.

- Triển khai các chiến dịch truyền thông ra mắt sản phẩm mới gắn với thông điệp bảo vệ toàn diện và chủ động.

- Dự kiến trong năm 2026, BVNT tổ chức tổng cộng 07 chương trình khuyến mại quy mô toàn quốc. Trong đó gồm: 04 chương trình nhân dịp ra mắt 04 sản phẩm mới (mỗi chương trình từ 2.000–7.000 quà tặng), 02 chương trình truyền thống vào dịp 8/3 và Noel – Tết Dương lịch (1.000–5.000 quà tặng/chương trình) và 01 chương trình trọng điểm nhân dịp sinh nhật 30 năm (tháng 6–8) kết hợp ra mắt sản phẩm mới với 09 xe ô tô cùng 3.000–4.000 quà tặng giá trị.

- Song song đó, BVNT triển khai chiến dịch truyền thông chăm sóc sức khỏe toàn dân và hợp tác truyền thông tại 14 giải thể thao cộng đồng trên toàn quốc





Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Công tác giám định bồi thường

BVNT, cam kết mạnh mẽ đến với quý khách hàng rằng sẽ luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ cam kết bồi thường theo điều khoản hợp đồng, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và minh bạch, đảm bảo khách hàng nhận được sự hỗ trợ tốt nhất trong mọi tình huống. Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và sự cam kết không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, BVNT luôn sẵn lòng và nhanh chóng giải quyết mọi yêu cầu giải quyết quyền lợi của khách hàng, giúp khách hàng an tâm và tin tưởng vào sự lựa chọn của mình.



Công tác phát triển nguồn nhân lực, xây dựng môi trường làm việc

Bảo Việt Nhân thọ thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực theo hướng đồng bộ, hiện đại và tuân thủ pháp luật. Doanh nghiệp thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định và quy trình về tổ chức, nhân sự nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động kinh doanh. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong công tác nhân sự để nâng cao hiệu quả quản lý và cải thiện trải nghiệm của người lao động thông qua các hệ thống quản lý nhân sự, khảo sát, đào tạo và phát triển. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp triển khai đồng bộ các giải pháp nhân sự nhằm gia tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực nội bộ, đồng thời thu hút và duy trì đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. BVNT đặt mục tiêu thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ để tạo động lực cho sự phát triển của doanh nghiệp. Trọng tâm là công tác xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong từng lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt, 20 năm khẳng định vị thế trên thị trường tài chính Việt Nam

Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, kết quả đầu tư vượt trội, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng



- Quy mô tổng tài sản quản lý tăng trưởng ấn tượng (~11,03%), đạt 155.704 tỷ đồng *(tương đương khoảng 6 tỷ USD)*.
- Quỹ BVFED đạt mức tăng trưởng 36,8%, dẫn đầu thị trường.
- Nâng tầm trải nghiệm của nhà đầu tư qua ứng dụng BVF Mobile và nền tảng giao dịch chứng chỉ quỹ
- Đạt giải thưởng **"Best Asset Management Company of the Year Vietnam 2025"** và **"Best Fund Management Vietnam 2025"** (Công ty quản lý quỹ Tốt nhất Việt Nam 2025) do Tạp chí International Finance và Global Banking & Finance Review trao tặng

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	KH 2026
Chỉ tiêu chung				
Tổng doanh thu	157,3	175,8	199,2	216
Lợi nhuận trước thuế	80,0	90,8	96,6	102
Lợi nhuận sau thuế	63,9	72,6	76,9	81,5
Vốn điều lệ	100	100	100	100
Chỉ tiêu đặc thù theo từng đơn vị				
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	61,3%	72,6%	76,9%	81,5%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	35,0%	40%	41,3%	42,6%

- Số lượng Chi nhánh: **01 Trụ sở chính tại Hà Nội, 01 văn phòng đại diện tại TP. HCM**
- Số lượng Quỹ: **03 quỹ mở, 01 quỹ ETF, 01 quỹ đóng**
- Số lượng nhà đầu tư (có số dư): **9.475**
- Năm thành lập: **2005**

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên

Báo cáo hoạt động

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT



> Năm 2025 ghi dấu cột mốc 20 năm thành lập của Baoviet Fund, đồng thời khẳng định một tầm vóc mới về quy mô và vị thế. Kết thúc năm, tổng tài sản quản lý của chúng tôi đã chinh phục mốc 155.704 tỷ đồng (tương đương gần 6 tỷ USD). Thành tựu này không chỉ phản ánh niềm tin mà thị trường và nhà đầu tư dành cho năng lực quản trị chuyên nghiệp của chúng tôi, mà còn là sự khẳng định cho vai trò trụ cột của Baoviet Fund trong hệ sinh thái của Tập đoàn Bảo Việt. Đây là động lực và nền tảng vững chắc để chúng tôi tiếp tục hành trình kiến tạo những giá trị vượt trội trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Ông **Nguyễn Thừa Nhật**
Tổng Giám đốc

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

Giới thiệu tổng quan

Tổng tài sản quản lý đạt

155.704 tỷ đồng

tương đương gần 6 tỷ USD

Là một trong những định chế quản lý quỹ chuyên nghiệp với lịch sử hoạt động gần hai thập kỷ, Baoviet Fund đã khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường, vận hành với sứ mệnh mang lại hiệu quả đầu tư vượt trội theo các chuẩn mực quốc tế. Năng lực của chúng tôi được thể hiện qua quy mô tổng tài sản quản lý đạt 155.704 tỷ đồng (tương đương gần 6 tỷ USD)

Nền tảng cho sự tăng trưởng ấn tượng này là một danh mục sản phẩm đa dạng, bao gồm 05 danh mục đầu tư, 03 quỹ mở, 01 quỹ ETF và 01 quỹ thành viên. Mỗi sản phẩm đều được thiết kế để đáp ứng các khẩu vị rủi ro và mục tiêu tài chính khác nhau của nhà đầu tư. Hướng tới tương lai, chúng tôi cam kết không ngừng nghiên cứu và phát triển các giải pháp đầu tư mới, đón đầu xu hướng và nhu cầu của thị trường.

Năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của Baoviet Fund đã được cộng đồng tài chính quốc tế ghi nhận qua các giải thưởng danh giá từ những tổ chức uy tín như Global Banking & Finance, Alpha Southeast Asia và International Finance Magazine.



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

Hoạt động kinh doanh năm 2025

CHỈ TIÊU CHUNG

Tổng doanh thu

Đơn vị: Tỷ đồng

199,2

Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị: Tỷ đồng

96,6

Lợi nhuận sau thuế

Đơn vị: Tỷ đồng

76,9

Vốn điều lệ

Đơn vị: Tỷ đồng

100

CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ THEO TỪNG ĐƠN VỊ

Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ

Đơn vị: %

76,9

Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu

Đơn vị: %

41,3





Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2026

Mục tiêu kinh doanh năm 2026

Tổng doanh thu
216 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
81,5 tỷ đồng

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ
81,5%

Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu
42,6%

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026

1. **Về Vị thế & Quy mô:** Kiên định mục tiêu tăng trưởng quy mô tổng tài sản quản lý, củng cố vững chắc vị thế tiên phong của Baoviet Fund trên thị trường.

2. **Về Sản phẩm:** Duy trì và nâng cao hiệu quả vận hành các quỹ hiện hữu, song song với việc nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm mới mang tính đặc thù dựa trên hệ sinh thái và lợi thế cạnh tranh của Bảo Việt

3. **Về khách hàng:** Tập trung khai thác nhóm khách hàng tổ chức chiến lược (các Tập đoàn, Tổng Công ty) có năng lực tài chính vững mạnh và dòng tiền ổn định. Đồng thời, tối ưu hóa sức mạnh hợp lực với các đơn vị thành viên thông qua mạng lưới tư vấn viên và cơ sở dữ liệu khách hàng sẵn có để mở rộng mạnh mẽ phân khúc khách hàng cá nhân. Bên cạnh đó tối ưu hóa hành trình khách hàng thông qua việc hoàn thiện hệ sinh thái giao dịch số (website công ty, website và app giao dịch chứng chỉ quỹ), mang lại trải nghiệm thuận tiện và liền mạch

4. **Về Nền tảng nội tại:** Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong quy trình vận hành, kết hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên nghiệp và hiện đại.

5. **Về công tác Hợp lực trong hệ thống Bảo Việt:** Khai thác triệt để lợi thế cạnh tranh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên để mở rộng kênh bán, đóng gói sản phẩm tích hợp và thống nhất hình ảnh thương hiệu, nhằm cung cấp trải nghiệm tài chính trọn vẹn cho khách hàng.

6. **Về Kênh phân phối:** Mở rộng mạng lưới phân phối theo chiều sâu, ưu tiên thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác có năng lực vượt trội.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Quản lý và vận hành các toà nhà của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt trên cả nước

Khai thác, phát triển nguồn lực bất động sản của Tập đoàn Bảo Việt

Thi công xây lắp, quản lý các công trình, dự án

Hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư trong lĩnh vực bất động sản



ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	KH 2026
Chỉ tiêu chung				
Tổng doanh thu	367	272	236	255
Lợi nhuận trước thuế	12,7	11,4	12,7	12,0
Lợi nhuận sau thuế	10,1	8,8	10,1	10,2
Vốn điều lệ	200	200	200	200
Chỉ tiêu đặc thù theo từng đơn vị				
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	5,1%	4,4%	5,1%	5,1%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,8%	4,2%	4,8%	4,8%

- Sản phẩm dịch vụ: **Đầu tư bất động sản, khai thác và dịch vụ quản lý bất động sản, thương mại dịch vụ, thi công xây lắp và quản lý dự án**
- Số lượng chi nhánh: **03**
- Năm thành lập: **2009**

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên

Báo cáo hoạt động

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT



> Công ty Đầu tư Bảo Việt (ĐTBV, BVI) được thành lập trên cơ sở tổng hợp các nguồn lực tài chính, con người, chức năng, nhiệm vụ và những thành tựu to lớn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng của Tập đoàn bảo Việt với bề dày lịch sử 60 năm qua. Với mục tiêu chuyên nghiệp hóa quản lý, khai thác, đầu tư bất động sản để phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của một tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu trong nền kinh tế quốc dân.

Ông **Nguyễn Anh Tuấn**
Q. Tổng Giám đốc

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt

Giới thiệu tổng quan hoạt động kinh doanh 2025

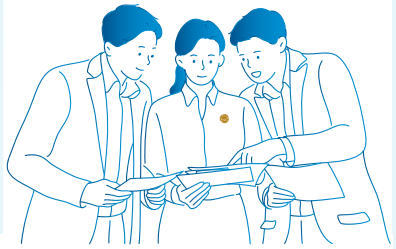
Tổng doanh thu
Đơn vị: Tỷ đồng
236

Lợi nhuận trước thuế
Đơn vị: Tỷ đồng
12,7

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ
Đơn vị: %
5,1

Lợi nhuận sau thuế
Đơn vị: Tỷ đồng
10,1

Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu
Đơn vị: %
4,8



Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2026

Mục tiêu kinh doanh năm 2026

Tổng doanh thu
Đơn vị: Tỷ đồng
255

Lợi nhuận trước thuế
Đơn vị: Tỷ đồng
12



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026

ĐỔI MỚI, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ



1. Tập đoàn chỉ đạo các đơn vị thành viên tiếp tục tăng cường các đề án hợp lực, trong đó ưu tiên sử dụng các dịch vụ BVI có thể cung cấp, cụ thể: Dịch vụ quản lý, khai thác vận hành các Tòa nhà trụ sở văn phòng trong hệ thống Bảo Việt trên toàn quốc;

2. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai đề án hợp lực trụ sở văn phòng dùng chung trong đó BVI làm đầu mối nghiên cứu các tòa nhà văn phòng, lô đất của các đơn vị hoặc tìm kiếm, đầu tư các lô đất để triển khai xây dựng trụ sở văn phòng dùng chung cho các đơn vị trong toàn hệ thống, phù hợp với định hướng, nhu cầu của các đơn vị nhất là định hướng của BVNT và BHBV triển khai mô hình văn phòng khu vực mới tại các tỉnh thành, trong năm 2026 trước mắt, BVI sẽ phối hợp với BVNT và BHBV tập trung nghiên cứu hợp tác đầu tư tìm cứu nghiên cứu 17 lô đất mà BVNT đang thuê và có nhu cầu; dự án trụ sở hợp lực tại 368 Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội và kế hoạch triển khai văn phòng khu vực mới của BVNT (BVI sẽ báo cáo chi tiết sau);

3. BVI cung cấp dịch vụ tư vấn hoàn thiện thủ tục pháp lý, hồ sơ các bất động sản thuộc quyền sử dụng của hai Tổng Công ty, đặc biệt Tổng Công ty BHBV;

4. Tham gia xây dựng, cải tạo, sửa chữa, cung cấp lắp đặt nội thất các tòa nhà văn phòng của Tập đoàn và các đơn vị thành viên BVNT và BHBV;

5. Kinh doanh thương mại, cung cấp các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như vé máy bay, tổ chức sự kiện, in ấn, quảng cáo, kho lưu trữ, quà tặng và các dịch vụ khác có liên quan mà BVI có khả năng cung cấp;

6. Tập đoàn đồng ý cho BVI tìm kiếm mở rộng kinh doanh ký kết Hợp đồng thương mại cung cấp các sảm phẩm, hàng hóa,... bên ngoài Tập đoàn trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và tuân thủ đúng quy định của pháp luật;

7. Tập đoàn ủng hộ chủ trương hướng tới tòa nhà văn phòng xanh, sử dụng năng lượng sạch theo đó tạo điều kiện cho BVI đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái để cấp điện vận hành cho các tòa nhà văn phòng của hai Tổng Công ty phù hợp với quy định pháp luật. Việc sử dụng điện mặt trời giúp bảo vệ môi trường đồng thời giúp các đơn vị tiết kiệm chi phí điện năng (theo nghiên cứu cập nhật sơ bộ của BVI nếu các tòa nhà văn phòng sử dụng điện mặt trời sẽ tiết kiệm được từ 15%-20% chi phí điện so với sử dụng toàn bộ điện lưới như hiện nay);

8. Tập đoàn báo cáo đề xuất với Bộ Tài chính tháo gỡ khó khăn bằng cách xem xét phê duyệt cho Tập đoàn và BVI được tiếp tục thực hiện đầu tư kinh doanh bất động sản trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo hiệu quả vì đây là hoạt động chính của BVI;

9. Tập đoàn sớm có chỉ đạo chủ trương cho BVI tăng vốn điều lệ và nghiên cứu chuyển đổi mô hình Công ty cổ phần, tiến tới niêm yết cổ phiếu trên thị trường Upcom và HoSE khi đủ điều kiện để tham gia kênh huy động vốn, thị trường tài chính để linh hoạt chủ động trong hoạt động kinh doanh (theo dự thảo các phương án cổ phần hóa đã báo cáo Tập đoàn).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Hoàn thành và vượt mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2025, duy trì tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định.

Đổi mới cách tiếp cận thị trường, đẩy mạnh truyền thông và cung cấp thông tin trên nền tảng số nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận nhà đầu tư.

Tăng cường phát triển tệp khách hàng trẻ thông qua các chương trình đào tạo tại trường đại học và các hoạt động marketing trực tiếp

Tiếp tục được ghi nhận về chất lượng quản trị và phát triển bền vững với nhiều giải thưởng uy tín.



ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	KH 2026
Chỉ tiêu chung				
Tổng doanh thu và thu nhập khác	935,9	993,4	1.104,7	1.043,5
Doanh thu thực hiện	869,9	949,3	1.032,3	1.000
Lợi nhuận trước thuế	237,9	240,9	265,1	279,7
Lợi nhuận sau thuế, trong đó:	197,9	200,0	224,5	223,7
Lợi nhuận sau thuế thực hiện	159,8	206,4	204,4	210
Vốn điều lệ	722	722	722	722
Chỉ tiêu đặc thù theo từng đơn vị				
Lợi nhuận sau thuế thực hiện/ Vốn điều lệ	22,1%	28,6%	28,3%	29,08%
Lợi nhuận sau thuế thực hiện/Vốn chủ sở hữu	6,9%	8,3%	7,97%	7,58%
Thị phần	2,45%	2,18%	1,86%	2,00%

- Số lượng chi nhánh: **01**
- Số lượng phòng giao dịch: **08**
- Số tài khoản giao dịch chứng khoán: **92.750**
- Năm thành lập: **1999**

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên

Báo cáo hoạt động của
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam. Công ty cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Ông **Nhữ Đình Hòa**
Tổng Giám đốc

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Giới thiệu tổng quan

Với sứ mệnh trao "Niềm tin vững chắc" cho nhà đầu tư, doanh nghiệp bằng "Cam kết vững bền", trong suốt 26 năm qua, BVSC đã liên tục củng cố hoạt động, đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống công nghệ thông tin, con người và nâng cao chất lượng dịch vụ để duy trì vị thế là công ty chứng khoán uy tín trên thị trường.

Hiện nay, BVSC có mạng lưới hoạt động tại 02 thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP. HCM với 01 Chi nhánh và 08 phòng giao dịch. BVSC luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán.

Trong những năm qua, BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá cao của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước và của các Cơ quan quản lý.

Hoạt động kinh doanh năm 2025

Trong năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam chịu tác động đan xen từ các yếu tố quốc tế và trong nước. Đầu tháng 4/2025, việc Mỹ công bố áp thuế đối ứng cao đối với nhiều đối tác thương mại, trong đó mức thuế dự kiến đối với Việt Nam lên tới 46%, đã gây ra cú sốc ngắn hạn đối với thị trường tài chính toàn cầu và khiến thị trường chứng khoán trong nước điều chỉnh mạnh. Tuy nhiên sau đó Mỹ đã tạm hoãn thời gian áp thuế để các quốc gia tiến hành đàm phán và mức thuế áp dụng đối với Việt Nam được điều chỉnh giảm xuống khoảng 20%, qua đó góp phần giảm bớt áp lực lên thị trường. Bên cạnh đó, dòng vốn ngoại tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng mạnh, với giá trị bán ròng hơn 135 nghìn tỷ đồng trên cả ba sàn.

Ở chiều ngược lại, nền kinh tế trong nước duy trì tăng trưởng tích cực, với GDP ước đạt 8,02%, các định hướng phát triển rõ ràng, mặt bằng lãi suất trong nước trong những tháng đầu năm tiếp tục được duy trì ở mức thấp cùng với tăng trưởng tín dụng có sự cải thiện tốt đã giúp dòng tiền trong nước duy trì ổn định và trở thành động lực nâng đỡ thị trường. Ngoài ra, hệ thống giao dịch KRX chính thức đi vào vận hành từ tháng 5/2025 và FTSE Russell công bố nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ nhóm thị trường cận biên lên nhóm thị trường mới nổi thứ cấp vào tháng 10/2025, tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển của thị trường trong trung và dài hạn.



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt



Trong bối cảnh trên, thị trường chứng khoán Việt Nam duy trì xu hướng tăng mạnh, song đi kèm nhiều nhịp biến động đáng kể. Sau nhịp điều chỉnh mạnh vào đầu tháng 4 do tác động từ thông tin thuế đối ứng của Mỹ, thị trường nhanh chóng phục hồi và bước vào xu hướng tăng rõ rệt trong các tháng tiếp theo. VN-Index liên tục thiết lập các mức cao mới và có thời điểm chạm mốc 1.800 điểm, chủ yếu nhờ sự dẫn dắt của một số nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như như Vingroup, Gex, nhóm cổ phiếu Ngân hàng, trong khi nếu loại trừ sự ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu này thì thực chất chỉ số chỉ tăng trưởng khoảng 12%. Kết thúc năm 2025, VN-Index đóng cửa tại mức 1.784,49 điểm, tăng 517,71 điểm, tương đương 40,9% so với cuối năm 2024. HNX-Index đạt 248,77 điểm, tăng 21,34 điểm, tương đương 9,4%.

Về thanh khoản, giá trị giao dịch trong năm 2025 cũng ghi nhận sự cải thiện đáng kể so với năm trước, đồng thời có sự biến động rõ rệt giữa các giai đoạn trong năm. Giá trị giao dịch bình quân phiên trên cả ba sàn đạt khoảng 21,3 nghìn tỷ đồng/phiên trong 6 tháng đầu năm, sau đó tăng mạnh lên khoảng 44 nghìn tỷ đồng/phiên trong Quý III, trước khi điều chỉnh về khoảng 29,5 nghìn tỷ đồng/phiên trong quý IV. Tính chung cả năm 2025, giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 29,3 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 40% so với mức bình quân của năm 2024.

Trước các cơ hội và thách thức từ thị trường, cũng như áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành về chính sách phí môi giới, lãi suất và chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ môi giới, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp linh hoạt về nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm – dịch vụ và quản trị rủi ro nhằm thực hiện kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao. Kết quả đạt được như sau:

Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt

1.104,7 tỷ đồng

bằng 103,4% so với kế hoạch và 111,2% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó doanh thu thực hiện là 1.032,3 tỷ đồng bằng 100,7% so với kế hoạch và bằng 108,7% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế đạt

265 tỷ đồng

bằng 108,9% so với kế hoạch và 110% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó, lợi nhuận trước thuế thực hiện là 240,5 tỷ đồng bằng 106,9% so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế đạt

224,5 tỷ đồng

bằng 115,3% so với kế hoạch và bằng 112,3% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 204,4 tỷ đồng, bằng 113,6% kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/ Vốn điều lệ đạt

28,3%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/ Vốn chủ sở hữu đạt

7,7%



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Một số hoạt động nổi bật trong năm 2025



Năm 2025 đánh dấu việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025 của BVSC.

Trong 5 năm qua, Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu thực hiện bình quân là 14,8%/năm và lợi nhuận sau thuế thực hiện bình quân 14,2%/năm; ROE bình quân đạt 9,4%/năm, đều vượt các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kết quả này phản ánh sự nhất quán trong định hướng phát triển, năng lực thực thi chiến lược và khả năng thích ứng của Công ty trước những biến động của thị trường.



Bên cạnh kết quả tài chính, năm 2025 cũng ghi nhận những đổi mới trong cách tiếp cận thị trường và phát triển khách hàng của BVSC.

Trên nền tảng số, Công ty từng bước đổi mới cách thức phát triển nội dung và cung cấp thông tin tới nhà đầu tư theo hướng trực quan, kịp thời và tăng tính tương tác, thông qua các chuỗi video chuyên đề như "Giải mã KRX" và "Giải mã Thị trường" trên Facebook và YouTube, kết hợp với các chương trình livestream và hội thảo trực tuyến thu hút hơn 50.000 lượt xem trên các nền tảng nhằm cập nhật diễn biến thị trường và tăng cường trao đổi và kết nối với khách hàng, nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, hoạt động marketing và truyền thông được triển khai theo hướng gắn trực tiếp với mục tiêu kinh doanh, thông qua các sự kiện chuyên ngành, sự kiện triển lãm A80, hội chợ việc làm và chuỗi chương trình đào tạo "Từ Giảng đường đến Thị trường" tại 6 trường đại học. Qua đó, BVSC tiếp cận hiệu quả phân khúc nhà đầu tư trẻ, đặc biệt là thế hệ Gen Z, với hơn 1.600 tài khoản giao dịch mở mới trong năm, trong đó riêng các chương trình tại các trường đại học đóng góp khoảng 250 tài khoản.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt



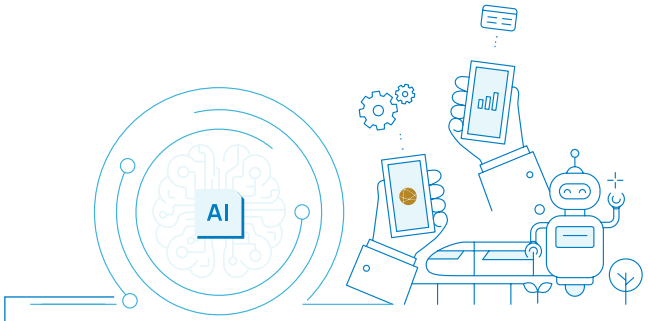


Song song với hoạt động kinh doanh, BVSC tiếp tục được ghi nhận về chất lượng quản trị công ty và việc thực thi các mục tiêu phát triển bền vững.

Trong năm, Công ty duy trì các chuẩn mực quản trị theo hướng minh bạch, tăng cường công bố thông tin bằng cả tiếng việt và tiếng anh, củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro theo thông lệ tốt. Trên cơ sở đó, năm 2025 BVSC lần thứ 8 được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững do VCCI công bố; được HNX ghi nhận trong Top 10 doanh nghiệp niêm yết thực hiện tốt quản trị công ty giai đoạn 2024–2025; và lần đầu tiên được vinh danh trong Top 10 Doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất – nhóm vốn hóa vừa tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2025 do HOSE tổ chức. Những ghi nhận này phản ánh nỗ lực duy trì chuẩn mực quản trị minh bạch và định hướng phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.

Trong năm 2025, BVSC từng bước thúc đẩy việc đưa trí tuệ nhân tạo (AI) vào môi trường làm việc nhằm nâng cao năng suất nội bộ và gia tăng hàm lượng công nghệ trong hoạt động của Công ty,

Công ty đã tổ chức khóa đào tạo "Ứng dụng AI nâng cao hiệu suất công việc trong doanh nghiệp" dành cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, từng bước triển khai các công cụ AI đi vào thực tiễn thông qua việc áp dụng Copilot AI cho các cán bộ chủ chốt và AI Agent hỗ trợ hoạt động nhân sự, tổng hợp báo cáo, sản xuất nội dung truyền thông quảng cáo, thiết kế, hỗ trợ các tác vụ văn phòng, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc. Năng lực này tiếp tục được ghi nhận qua việc tham gia cuộc thi "Sáng tạo AI – Tương lai bền vững" do Tập đoàn Bảo Việt tổ chức, với kết quả đạt 02 giải cá nhân và 02 giải tập thể, từ các dự án tiêu biểu như "AI Agent hướng dẫn quy trình nghiệp vụ nội bộ



tại BVSC", "AutoAI Enterprise Hub", "Ứng dụng AI trong chăm sóc khách hàng tại CTCP Chứng khoán Bảo Việt" và "Tự động hóa phân tích cổ phiếu và tìm kiếm cơ hội đầu tư tiềm năng bằng AI"; qua đó thể hiện tinh thần chủ động đổi mới, sáng tạo và khả năng đưa AI vào thực tiễn của đội ngũ cán bộ nhân viên BVSC.

Song song với việc tăng cường ứng dụng công nghệ, BVSC tiếp tục chú trọng củng cố năng lực quản trị trong bối cảnh thị trường chứng khoán bước sang giai đoạn vận hành hệ thống KRX, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với tính ổn định và bảo mật của hạ tầng công nghệ thông tin. Trong năm, Công ty đã tổ chức 7 khóa đào tạo về an toàn thông tin cho toàn bộ cán bộ nhân viên, xây dựng văn hóa cam kết tuân thủ nghiêm các quy định và nguyên tắc bảo mật thông tin. Bên cạnh đó, BVSC đã hoàn thành triển khai hệ thống dự phòng và khôi phục sau thảm họa (DR) phối hợp với đối tác FPT, tổ chức diễn tập Kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục (BCP) vào tháng 11/2025, đồng thời hoàn thiện bộ quy trình an toàn thông tin làm nền tảng cho việc từng bước triển khai các tiêu chuẩn ISO về an toàn thông tin và quản lý liên tục hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2026

Mục tiêu kinh doanh năm 2026

Tổng doanh thu
1.043,5 tỷ đồng

Doanh thu thực hiện
1.000 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
223,7 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế thực hiện
210 tỷ đồng

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026

Đẩy mạnh hoạt động môi giới

Trong năm 2026, hoạt động môi giới của BVSC tập trung mở rộng tệp khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ. Công ty đẩy mạnh phát triển khách hàng mới thông qua các kênh số và hệ thống eKYC, đồng thời tăng cường khai thác nhóm khách hàng tổ chức, nhà đầu tư có giá trị giao dịch lớn và mở rộng tiếp cận các quỹ đầu tư nước ngoài tại Thái Lan, Singapore và Hong Kong. Bên cạnh đó, BVSC tiếp tục hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ đầu tư và triển khai chính sách phí, lãi suất margin linh hoạt theo từng phân khúc khách hàng. Công ty cũng chú trọng phát triển đội ngũ môi giới thông qua chương trình đào tạo Next Gen, đồng thời tăng cường năng lực tài chính và hợp tác với các ngân hàng thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu vay margin và ứng trước của khách hàng trên cơ sở quản trị rủi ro chặt chẽ. Song song với đó, BVSC tiếp tục tăng cường khai thác tệp khách hàng trong hệ sinh thái Bảo Việt thông qua các chương trình hợp lực với các đơn vị thành viên.



Tập trung tìm kiếm các hợp đồng tư vấn có giá trị cao như IPO, đại chúng hóa kết hợp niêm yết; tăng cường tư vấn thu xếp vốn, mua bán doanh nghiệp… đồng thời triển khai tư vấn và làm đại lý phát hành trái phiếu có chọn lọc, xem xét các loại trái phiếu mới như trái phiếu xanh, trái phiếu công trình. BVSC cũng đẩy mạnh công tác phối hợp với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bảo Việt để không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng, kết hợp bán chéo sản phẩm.



Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt



Thực thi chiến lược đầu tư linh hoạt trong hoạt động tự doanh.

Năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán bằng chiến lược đầu tư linh hoạt, bám sát diễn biến của thị trường và dòng tiền để đưa ra các thời điểm giải ngân phù hợp, mang lại hiệu quả cho danh mục đầu tư. Bên cạnh đó, BVSC tiếp tục triển khai dịch vụ hỗ trợ các công ty quản lý quỹ trong hoạt động tái cơ cấu danh mục ETF, đặc biệt là giao dịch redemption/creation nhằm hỗ trợ khách hàng chuyển đổi nắm giữ giữa các chứng chỉ quỹ ETF; đồng thời triển khai dịch vụ môi giới chứng chỉ quỹ với các quỹ đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, BVSC tìm kiếm cơ hội đầu tư mới vào Trái phiếu Doanh nghiệp có trái tức tốt và đáp ứng được các tiêu chí quản trị rủi ro của BVSC.



Trong năm 2026, Công ty tiếp tục đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các hoạt động kinh doanh và quản trị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và hiệu quả vận hành

Trọng tâm là ứng dụng AI trong các hoạt động tiếp cận và chăm sóc khách hàng thông qua giải pháp AI Marketing Driven trên website, cho phép phân tích hành vi người dùng, cá nhân hóa nội dung và tối ưu trải nghiệm nhằm nâng cao tỷ lệ chuyển đổi. Đồng thời, Công ty từng bước triển khai AI Agent dựa trên hệ thống quy trình và tài liệu nghiệp vụ đã được chuẩn hóa, hình thành kho tri thức thống nhất để hỗ trợ nhân viên trong quá trình tác nghiệp và thúc đẩy tự động hóa một số quy trình nội bộ như quản lý hợp đồng và chứng từ kế toán trên nền tảng MS365. Bên cạnh đó, BVSC tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng AI-first, khuyến khích nhân viên chủ động ứng dụng AI trong công việc nhằm nâng cao hiệu suất và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Báo cáo hoạt động đơn vị thành viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt



Phát triển nguồn nhân lực: Chương trình Next Gen năm 2026

Tiếp nối sự thành công của Chương trình Next Gen năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai chương trình Next Gen 2026 tại cả Hà Nội và TP.HCM. Chương trình hướng đến hoạch định nguồn cung nhân sự toàn diện tại tất cả các vị trí trong Công ty được tuyển chọn và đào tạo kỹ lưỡng có chất lượng, có khả năng thích ứng và chuyển đổi nhằm tạo nên một thế hệ nhân sự kế cận đáp ứng nhu cầu hiện tại và chiến lược phát triển lâu dài của công ty.



Đẩy mạnh các chương trình hợp lực với các thành viên trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2025, BVSC tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp lực với các đơn vị thành viên trong hệ sinh thái Bảo Việt nhằm khai thác hiệu quả tệp khách hàng chung và gia tăng giá trị cung cấp dịch vụ tài chính. Một số chương trình tiêu biểu như "60 năm giữ trọn niềm tin – Người Bảo Việt ưu tiên dùng hàng Bảo Việt" dành cho nhóm khách hàng nội bộ toàn hệ thống và chương trình "Giao dịch vững vàng – Voucher ngập tràn" phối hợp với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, theo đó khách hàng giao dịch chứng khoán được tặng voucher mua bảo hiểm phi nhân thọ. Các chương trình này góp phần tăng cường kết nối khách hàng và thúc đẩy khai thác chéo sản phẩm, dịch vụ trong hệ sinh thái.

Trên nền tảng đó, năm 2026 BVSC tiếp tục mở rộng hợp lực với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, đồng thời phát triển hợp tác theo chiều sâu với Bảo Việt Nhân thọ thông qua các chương trình chăm sóc khách hàng VIP của các bên, qua đó mở rộng cơ hội sử dụng và bán chéo dịch vụ. Đây là bước tiếp theo nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị hợp lực trong hệ sinh thái, tối đa hóa khai thác tệp khách hàng chung và nâng cao hiệu quả kinh doanh liên đơn vị.



CƠ HỘI BỨT PHÁ

Sự bứt phá của thị trường vốn Việt Nam trên hành trình nâng hạng đặt ra yêu cầu và thách thức lớn trong quản trị doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp cần chuyển đổi từ tuân thủ truyền thống sang tuân thủ chủ động, hướng tới quản trị hiệu quả theo các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế. Quản trị hiệu quả sẽ tạo cơ hội bứt phá cho doanh nghiệp niêm yết.



CƠ HỘI BỨT PHÁ

Sự bứt phá của thị trường vốn Việt Nam trên hành trình nâng hạng đặt ra yêu cầu và thách thức lớn trong quản trị doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp cần chuyển đổi từ tuân thủ truyền thống sang tuân thủ chủ động, hướng tới quản trị hiệu quả theo các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế. Quản trị hiệu quả sẽ tạo cơ hội bứt phá cho doanh nghiệp niêm yết.

Hệ thống quản trị của Tập đoàn được xây dựng trên nền tảng các thông lệ quản trị tiên tiến, tuân thủ các chuẩn mực quốc tế và các quy định pháp luật hiện hành. Việc nâng cao hiệu quả quản trị không chỉ giúp tăng cường năng lực kiểm soát rủi ro, bảo vệ quyền lợi của cổ đông mà còn tạo ra giá trị bền vững cho toàn bộ hệ sinh thái của Bảo Việt.

Tiêu chuẩn quản trị tại Cẩm nang quản trị công ty phiên bản 2025 sẽ trở thành nền tảng quan trọng của thị trường vốn Việt Nam, đóng vai trò là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế liên tục của đất nước. Cụ thể là tăng cường minh bạch và báo cáo tài chính và phi tài chính; tăng cường quản lý rủi ro và tuân thủ quy định; nâng cao tiêu chuẩn quản trị và phát triển bền vững.

Các nguyên tắc quản trị công ty mới nhất của OECD



Bộ nguyên tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) (G20/OECD Principles of Corporate Governance) được cập nhật vào năm 2023 và tiếp tục được triển khai rộng rãi trong giai đoạn 2024 - 2025 như một chuẩn mực quốc tế quan trọng đối với quản trị công ty, đặc biệt đối với các doanh nghiệp niêm yết. Các nguyên tắc này cung cấp khuôn khổ định hướng cho việc xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm, góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư và nâng cao tính ổn định của thị trường vốn.



Phiên bản cập nhật nhấn mạnh vai trò của quản trị công ty trong việc nâng cao khả năng chống chịu của doanh nghiệp trước các biến động kinh tế, công nghệ và môi trường. Lần đầu tiên, OECD bổ sung nội dung về bền vững và khả năng chống chịu của doanh nghiệp, khuyến nghị các công ty tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào chiến lược, quản trị rủi ro và hệ thống ra quyết định nhằm quản lý tốt hơn các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, chuỗi cung ứng và các vấn đề xã hội.

Bên cạnh đó, các nguyên tắc cũng nhấn mạnh việc tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình, thông qua việc nâng cao chất lượng công bố thông tin tài chính và phi tài chính, đặc biệt là các thông tin liên quan đến chiến lược phát triển bền vững và quản trị rủi ro. Các doanh nghiệp được khuyến khích xây dựng cơ chế quản trị hiệu quả, tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng quản trị và bảo đảm quyền lợi của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, OECD cũng khuyến nghị các doanh nghiệp tận dụng công nghệ số trong quản trị công ty, bao gồm việc tổ chức các cuộc họp cổ đông trực tuyến hoặc kết hợp (hybrid), tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của cổ đông và nâng cao mức độ tham gia của các nhà đầu tư tổ chức trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Đến năm 2025, khoảng 85% các thị trường cho phép tổ chức đại hội cổ đông trực tuyến hoàn toàn và 94% cho phép mô hình kết hợp, phản ánh xu hướng số hóa mạnh mẽ trong quản trị doanh nghiệp toàn cầu.

Những cập nhật này tiếp tục củng cố vai trò của các nguyên tắc OECD như một chuẩn mực toàn cầu về quản trị công ty, góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường niềm tin của nhà đầu tư và hướng tới phát triển bền vững trong dài hạn.

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Quản trị công ty theo thông lệ tốt là điều kiện không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển bền vững; do đó Bảo Việt tiên phong áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy và tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh.

1. Tính bền vững và khả năng chống chịu



2. Tích hợp các tiêu chuẩn ESG

3. Sử dụng Công nghệ Kỹ thuật số

4. Khung khổ Pháp lý và Quy định

5. Vai trò của các nhà đầu tư tổ chức



6. Cấu trúc nguyên tắc

7. Quy trình xem xét và cập nhật

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Bảo Việt khởi động chuỗi hoạt động nghiên cứu, quản trị và chuyển đổi số trong giai đoạn mới



Tập đoàn Bảo Việt phối hợp với Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức Hội thảo chuyên đề **"Nâng tầm quản trị chuẩn mực và đột phá chuyển đổi số tại Tập đoàn Bảo Việt"**.

Hội thảo có sự tham dự của Ông **Nguyễn Thừa Nhật** - Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Ông **Nguyễn Quang Phi** - Thành viên Hội đồng Quản trị, Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt; các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Tập đoàn, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Lãnh đạo các Khối/Ban/Chi nhánh/Trung tâm Tập đoàn và lãnh đạo các đơn vị thành viên. Về phía Trường Đại học Kinh tế Quốc dân có GS.TS. **Trần Thọ Đạt** - Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo. Hội thảo có sự tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực quản trị, tài chính, dữ liệu, AI, ESG và chuyển đổi số: Ông **Lê Trung Hải** - Phó trưởng Ban Giám sát Công ty đại chúng - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Ông **Hoàng Đức Hùng** - Chủ tịch Viện Kiểm toán viên Nội bộ Việt Nam (IIA Việt Nam), Phó Chủ tịch Hội Thành viên Độc lập HĐQT Việt Nam (VNIDA), Chủ tịch kiêm Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản trị Công ty VNIDA (VNICG); Ông **Nguyễn Quang Thuân** - Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc FiinGroup; GS.TS **Hồ Tú Bảo** - Giám đốc phòng thí nghiệm Khoa học dữ liệu - Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán ở Việt Nam; TS. **Nguyễn Quang Huy** - Hiệu trưởng Trường Công nghệ - Đại học Kinh tế Quốc dân; Ông **Nguyễn Việt Long** - Phó Tổng Giám đốc, Tư vấn, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hội thảo được tổ chức nhằm tạo diễn đàn trao đổi chiến lược cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và đội ngũ lãnh đạo Bảo Việt trong việc nhìn nhận các yêu cầu mới về quản trị công ty, minh bạch, quản trị rủi ro, dữ liệu, AI và mô hình kinh doanh trong kỷ nguyên số. Trọng tâm của Hội thảo không chỉ là cập nhật kiến thức, mà còn gợi mở các vấn đề nền tảng cho quá trình nghiên cứu, hoạch định và triển khai chuyển đổi số tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Thông qua các chuyên đề chuyên sâu, Hội thảo đã kết nối nhiều góc nhìn quan trọng như khung quản trị doanh nghiệp theo VN CG Code 2026 và thông lệ quốc tế; định vị chiến lược tài chính và vai trò của Hội đồng Quản trị; quản trị rủi ro phi tài chính và ESG; chuyển đổi số và AI trong doanh nghiệp tài chính; mô hình kinh doanh bảo hiểm số, tài chính nhúng; chuẩn mực minh bạch, yêu cầu của nhà đầu tư quốc tế và phát triển năng lực đội ngũ trong kỷ nguyên AI.

Điểm nhấn của chương trình là phiên tọa đàm cấp cao về định vị chiến lược phát triển Tập đoàn Bảo Việt trong kỷ nguyên số. Phiên tọa đàm có sự tham gia trao đổi trực tiếp của Ông **Nguyễn Quang Phi** - Thành viên Hội đồng Quản trị, Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt; Ông **Dương Trí Thành** - Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt cùng các chuyên gia, diễn giả tham gia Hội thảo.



Phiên tọa đàm đã tạo không gian đối thoại sâu sắc, thực tiễn giữa Lãnh đạo Tập đoàn và các chuyên gia về vai trò của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong giám sát chiến lược, phân bổ nguồn lực, quản trị dữ liệu, công nghệ, AI và chuyển đổi mô hình hoạt động. Các trao đổi tại phiên tọa đàm nhấn mạnh rằng chuyển đổi số không chỉ là công cụ hỗ trợ, mà là phương thức sản xuất mới; để tạo đột phá cần có cam kết mạnh mẽ về nguồn lực, cơ chế điều phối hiệu quả, tư duy hệ thống và quyết tâm vượt qua tình trạng phân tán dữ liệu, quy trình giữa các đơn vị.

Hội thảo là bước khởi động quan trọng cho chuỗi hoạt động nghiên cứu, đào tạo và trao đổi chuyên sâu tiếp theo về quản trị và chuyển đổi số tại Tập đoàn Bảo Việt trong giai đoạn phát triển mới. Trên cơ sở các nội dung đã được thảo luận, Bảo Việt sẽ tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hóa các chủ đề trọng tâm, từng bước hình thành các chương trình và sáng kiến phù hợp nhằm nâng cao năng lực quản trị, năng lực số và năng lực thích ứng của toàn hệ thống.

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt



Nguyên tắc và giá trị cốt lõi của quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị (HĐQT), Tập đoàn Bảo Việt đã áp dụng bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các Công ty đại chúng tại Việt Nam và cập nhật các tiêu chí theo phiên bản 2025, như một kim chỉ nam nhằm xác định một lộ trình cải thiện các chuẩn mực và thông lệ quản trị, giảm thiểu rủi ro và hướng đến sự phát triển bền vững và thịnh vượng lâu dài của doanh nghiệp.

Tập đoàn Bảo Việt chủ động tham chiếu bộ nguyên tắc quản trị công ty 2025 trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy, tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn.



Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Theo nguyên tắc quản trị công ty mới nhất của OECD, Tập đoàn Bảo Việt đã bổ sung các tiêu chí và hoạt động phù hợp với bản cập nhật của các nguyên tắc quản trị công ty mới nhất trong đó tập trung phân tích bổ sung các vấn đề về:

1. **Tính bền vững và khả năng chống chịu:** Trong đó có một chương tập trung vào việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội, cũng như khả năng chống chịu của các công ty. Chương này phản ánh sự gia tăng của các thách thức mà các công ty phải đối mặt trong việc quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu và các vấn đề bền vững khác.

2. **Tích hợp các tiêu chuẩn ESG:** Các nguyên tắc hiện nay tích hợp các vấn đề liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) vào khuôn khổ quản trị công ty, nhằm giúp Bảo Việt quản lý rủi ro và cơ hội một cách hiệu quả hơn.

3. **Sử dụng công nghệ kỹ thuật số:** Ứng dụng kỹ thuật số cho các cuộc họp cổ đông: Phiên bản mới khuyến khích việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tăng cường sự tham gia của cổ đông và minh bạch trong các cuộc họp cổ đông.

4. **Khung khổ pháp lý và quy định:** Cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: Các nguyên tắc nhấn mạnh việc cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị công ty, bao gồm cả việc công bố thông tin một cách đầy đủ và chính xác.



5. **Vai trò của các nhà đầu tư tổ chức:** Khuyến khích các nhà đầu tư tổ chức thực hiện vai trò của mình một cách có trách nhiệm hơn trong việc thúc đẩy quản trị công ty tốt.

6. **Cấu trúc nguyên tắc:** Cấu trúc của các nguyên tắc vẫn được giữ nguyên, nhưng có nhiều khuyến nghị mới được tích hợp vào các chương hiện có.

7. **Quy trình xem xét và cập nhật:** Quá trình cập nhật các nguyên tắc này đã được thực hiện thông qua một quá trình tham vấn rộng rãi, bao gồm cả các cuộc tham vấn công khai và tham gia của các chuyên gia từ các tổ chức quốc tế.

Tóm lại, Bảo Việt tiên phong áp dụng phiên bản mới của các nguyên tắc quản trị công ty OECD tập trung vào việc tăng cường khả năng chống chịu của Bảo Việt, quản lý rủi ro bền vững và sử dụng công nghệ kỹ thuật số để cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Các nguyên tắc quản trị tại Tập đoàn Bảo Việt



Nguyên tắc 3
Vai trò các nhà đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các trung gian khác

Nguyên tắc 2
Quyền của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản

Nguyên tắc 1
Bảo đảm cơ sở cho một khung quản trị công ty hiệu quả

Nguyên tắc 4
Công bố thông tin và minh bạch

Nguyên tắc 5
Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Nguyên tắc 6
Phát triển bền vững và bền bỉ

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

1

Trách nhiệm của HĐQT

- Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT
- Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp
- Đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT
- Thiết lập các ủy ban trực thuộc HĐQT
- Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT
- Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức Bảo Việt

2

Môi trường kiểm soát

- Thiết lập khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh

3

Công bố thông tin và minh bạch

- Tăng cường hoạt động công bố thông tin của Bảo Việt

4

Quyền của cổ đông

- Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông

5

Quan hệ với các bên liên quan

- Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan

6

Phát triển bền vững và bền bỉ

- Cung cấp các động lực để các công ty và nhà đầu tư đưa ra quyết định và quản lý rủi ro theo cách có thể góp phần vào sự phát triển bền vững và khả năng chống chịu của doanh nghiệp



Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA BẢO VIỆT ĐƯỢC THỰC HIỆN DỰA TRÊN 5 giá trị cốt lõi

MINH BẠCH

Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác

TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo duy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của Bảo Việt.

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT trước công ty và các cổ đông

CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.

BỀN VỮNG

Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội và môi trường

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT ĐƯỢC THỰC HIỆN DỰA TRÊN SỰ KẾT HỢP HÀI HÒA GIỮA CÁC YẾU TỐ SAU:

Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc

Cơ cấu quản trị của Bảo Việt có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành...).

Chuẩn mực quản trị quốc tế

Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài.

Phù hợp thông lệ và Pháp luật Việt Nam

Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam.

Áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn

Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Khung quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt

bao gồm các cấu phần sau:



1

Thành phần & Cơ cấu của HĐQT

- Thành phần và tổ chức
- Hướng dẫn và đào tạo
- Thù lao cho HĐQT
- Kế hoạch kế nhiệm

(Tham chiếu Nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát)



2

Hoạt động & Hiệu quả của HĐQT

- Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên HĐQT
- Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ-Tài sản Có (ALCO)
- Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm
- Ủy ban Chiến lược và Đầu tư
- Ủy ban Kiểm toán



3

Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát

- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh
- Giám sát hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và hiệu quả quản trị
- Chiến lược CNTT
- Quản lý nhân lực



4

Các quy trình quản lý rủi ro & Tuân thủ hiệu quả

- Hệ thống quản lý rủi ro
- Hệ thống kiểm soát nội bộ

(Tham chiếu nội dung Chương IV: Hệ thống kiểm soát nội bộ)



5

Minh bạch & Công bố thông tin

- Báo cáo tài chính và phi tài chính
- Tăng cường công tác báo cáo

(Tham chiếu nội dung tại Chương VI Báo cáo thường niên)



6

Trách nhiệm của Tập đoàn (xã hội, đạo đức & môi trường)

- Quy tắc ứng xử
- Đạo đức kinh doanh
- Quan hệ giữa các nhân viên/ An toàn và sức khỏe
- Trách nhiệm xã hội

(Tham chiếu nội dung tại Chương V Báo cáo thường niên)

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Tích hợp ESG trong quản trị hướng đến phát triển bền vững

Trước sự gia tăng của các hiện tượng thời tiết cực đoan, biến động kinh tế - xã hội và yêu cầu minh bạch ngày càng cao từ thị trường, Bảo Việt xác định ESG là một trụ cột quan trọng trong quản trị doanh nghiệp và tạo lập giá trị dài hạn. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng và đầu tư, Tập đoàn nhận thức rõ các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị không chỉ tác động đến hiệu quả vận hành, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực chống chịu rủi ro, chất lượng danh mục đầu tư và niềm tin của các bên liên quan.



Bảo Việt từng bước bổ sung các tiêu chí ESG vào hoạt động quản trị và vận hành kinh doanh, qua đó hướng tới mục tiêu tăng trưởng gắn với phát triển bền vững. Việc tiếp tục triển khai báo cáo tích hợp theo thông lệ quốc tế cũng thể hiện nỗ lực kết nối thông tin tài chính và phi tài chính trong một cách tiếp cận tổng thể, nhằm tạo ra giá trị cho doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Vai trò trách nhiệm của các bên trong vấn đề phát triển bền vững

Trong định hướng phát triển bền vững, Bảo Việt đã tuyên bố sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao (từ cấp HĐQT, Ban Điều hành) về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu Quản trị - Xã hội và Môi trường (**ESG**) trong Chiến lược phát triển của Bảo Việt. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Ban chức năng và đơn vị thành viên. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội).



MÔI TRƯỜNG

Bảo Việt lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu vào hoạt động quản trị và vận hành kinh doanh. Định hướng này giúp Tập đoàn chủ động nhận diện tác động của các yếu tố môi trường đối với hoạt động kinh doanh, đồng thời nâng cao khả năng thích ứng trước các rủi ro khí hậu trong dài hạn.

XÃ HỘI

Bảo Việt định hướng tạo ra giá trị hài hòa cho cổ đông, người lao động, khách hàng và cộng đồng. Các mục tiêu xã hội được gắn với chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn, qua đó góp phần tăng cường trách nhiệm doanh nghiệp, củng cố niềm tin của các bên liên quan và thúc đẩy phát triển bao trùm.

QUẢN TRỊ

Bảo Việt đưa các tiêu chí quản trị thận trọng, minh bạch thông tin, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và tuân thủ vào cơ chế điều hành. Tập đoàn cũng nhận định các danh mục đầu tư theo định hướng ESG có khả năng giảm thiểu rủi ro trước các biến động môi trường - xã hội, đồng thời hỗ trợ tạo lập giá trị dài hạn.

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Đánh giá năng lực và phương thức triển khai phát triển bền vững

Bảo Việt triển khai định hướng phát triển bền vững một cách xuyên suốt từ cấp lãnh đạo cao nhất đến các ban chức năng và đơn vị thành viên, thông qua hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và cơ chế báo cáo lên Hội đồng Quản trị. Cách tiếp cận này góp phần gắn kết chặt chẽ hơn hoạt động kinh doanh với các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị, đồng thời nâng cao tính nhất quán trong tổ chức thực hiện trên toàn hệ thống.

Các định hướng chiến lược và kế hoạch hành động liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trên cơ sở các nghị quyết đã được thông qua, Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai trong toàn Tập đoàn; Ban Điều hành chỉ đạo cụ thể hóa thành chương trình hành động tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên; các Lãnh đạo Ban chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện trong phạm vi chức năng được giao.

Rà soát các tác động, rủi ro và cơ hội liên quan đến các yếu tố Kinh tế – Xã hội – Môi trường

Trong công tác chỉ đạo điều hành, Hội đồng Quản trị thường xuyên yêu cầu Ban Điều hành tăng cường năng lực dự báo, cập nhật và theo dõi sát các diễn biến thực tiễn của môi trường kinh doanh, bao gồm các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Tập đoàn. Trên cơ sở đó, Bảo Việt chủ động rà soát các tác động, rủi ro và cơ hội liên quan, kịp thời điều chỉnh định hướng điều hành, quyết sách quản trị và giải pháp thực hiện nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động, hoàn thành kế hoạch kinh doanh và nâng cao năng lực thích ứng trong dài hạn.

Song song với hoạt động rà soát, Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Tập đoàn liên quan đến phát triển bền vững, bảo đảm các yêu cầu về môi trường, xã hội và quản trị được lồng ghép nhất quán trong quá trình thực thi.



Chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển bền vững và lập báo cáo phát triển bền vững

Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát việc triển khai chiến lược của Bảo Việt, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. Đồng thời, Hội đồng Quản trị phê duyệt chủ trương thực hiện, phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi Ban Kiểm soát thẩm định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua theo quy định.

Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị giao Ban Điều hành và bộ phận phụ trách tổ chức xây dựng Báo cáo phát triển bền vững, bảo đảm nội dung được chuẩn bị trên cơ sở phù hợp với thông lệ quốc tế, yêu cầu minh bạch thông tin và điều kiện thực tiễn tại Việt Nam. Qua đó, báo cáo không chỉ phản ánh kết quả thực hiện, mà còn là công cụ hỗ trợ nâng cao chất lượng quản trị, củng cố niềm tin của cổ đông và các bên liên quan.

Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Giá trị tạo ra cho doanh nghiệp và các bên liên quan

Việc tích hợp ESG từng bước giúp Bảo Việt củng cố nền tảng vận hành có trách nhiệm, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng cường tính minh bạch và hướng tới tạo giá trị bền vững cho doanh nghiệp cùng các bên liên quan.



1 **Cam kết thực hiện quản trị, môi trường và xã hội theo các chuẩn mực tốt**

Cam kết của lãnh đạo và cổ đông được thể hiện qua việc áp dụng các chuẩn mực cao về quản trị, đồng thời thúc đẩy chính sách và thủ tục liên quan đến môi trường và xã hội trong toàn hệ thống.

2 **Cơ cấu và chức năng hoạt động của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị được tổ chức với cơ cấu phù hợp để định hướng chiến lược, giám sát Ban Điều hành và bảo đảm hiệu quả quản trị của doanh nghiệp.

3 **Môi trường kiểm soát**

Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và tuân thủ được duy trì nhằm bảo vệ tài sản, nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm tính chính xác của báo cáo.

4 **Công bố và minh bạch thông tin**

Thông tin tài chính và phi tài chính được công bố theo hướng trung thực, kịp thời, phù hợp với nhu cầu của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

5 **Đối xử với cổ đông thiểu số**

Quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông thiểu số được tôn trọng, bảo đảm trên nguyên tắc công bằng, minh bạch và đúng quy định.

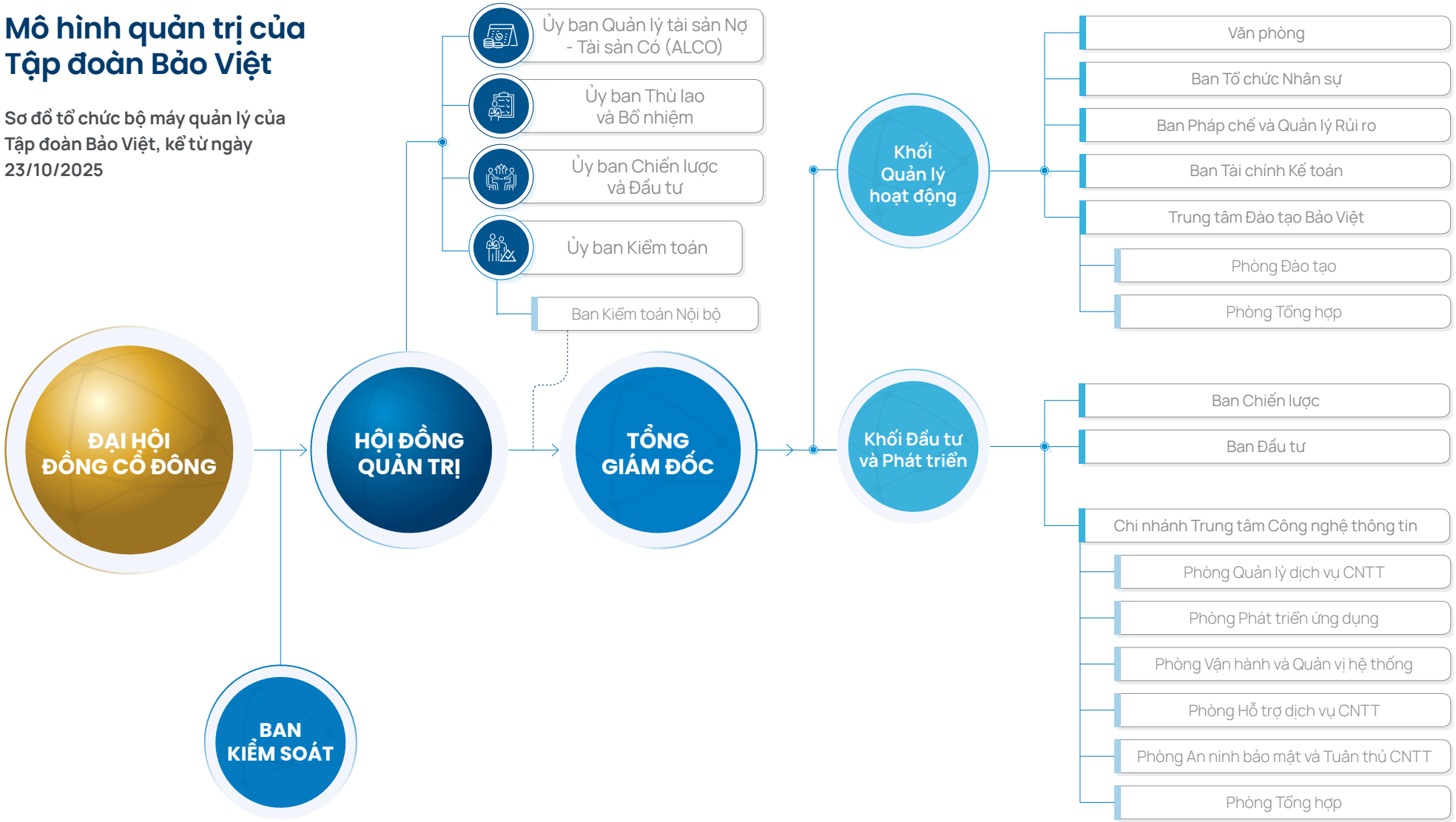
6 **Quản trị mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan**

Các bên liên quan được nhận diện, phân loại, quản trị trên cơ sở chính sách rõ ràng, cùng cơ chế tiếp nhận và xử lý phản hồi phù hợp.

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Mô hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Tập đoàn Bảo Việt, kể từ ngày 23/10/2025



Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

(Tại thời điểm 31/3/2026)

Ông NGUYỄN THỪA NHẬT

Q. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1988

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật và Cử nhân Kinh tế; Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Kinh nghiệm: 15 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, ngân hàng.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Q. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 10/02/2026)
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 01/07/2025)
- Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

Chức vụ công tác đã qua:

- Q. Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành Ngân hàng Bảo Việt
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc khối Quản lý rủi ro Ngân hàng Bảo Việt
- Giám đốc điều hành, phụ trách Khối Pháp chế và tuân thủ Ngân hàng Bảo Việt
- Giám đốc Khối Văn phòng và Quản trị hoạt động Ngân hàng Bảo Việt
- Chánh Văn phòng HĐQT Ngân hàng Bảo Việt
- Phó Chánh Văn phòng Ban điều hành Ngân hàng Bảo Việt
- Trợ lý HĐQT - Văn phòng HĐQT Ngân hàng Bảo Việt
- Chuyên viên chính - Trung tâm tác nghiệp tín dụng Ngân hàng Bảo Việt
- Trợ lý Kiểm toán - Phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng Bảo Việt
- Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng Bảo Việt



Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 10/02/2026)
- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Q. Chủ tịch, phụ trách Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán Nội bộ/Giám đốc Khối Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng phòng Phát triển thị trường, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính
- Trưởng phòng Quản lý, giám sát bảo hiểm phi nhân thọ, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

(Tại thời điểm 31/3/2026)



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại

Kinh nghiệm: 31 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tài chính, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 10/02/2026)
- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua:

- Q. Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc/quyền Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng 2, Khối Công nghệ thông tin (nay là Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin), Tập đoàn Bảo Việt.

Ông NGUYỄN QUANG PHI

Thành viên Hội đồng quản trị,
Q. Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế bảo hiểm

Kinh nghiệm: 30 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Q. Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 10/02/2026)
- Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Giám đốc Ban Trù bị thành lập Công ty Bảo hiểm sức khỏe Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng: Bảo hiểm Tàu thủy, Marketing - Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc PJICO, PTI

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

(Tại thời điểm 31/3/2026)



Ông NGUYỄN ĐÌNH AN

Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý; Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Kinh nghiệm: 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024 đến 01/07/2025)
- Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
- Trưởng Ban Thư ký - Tổng hợp, Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.



Ông RYOTA INAMI

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành lịch sử hiện đại

Kinh nghiệm: trên 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
- Ủy viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ nhiệm Hội đồng Chiến lược và đầu tư, Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

Chức vụ công tác đã qua tại Sumitomo Life:

- Phó giám đốc Khối Kế hoạch doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng Kế hoạch vốn
- Trợ lý cao cấp của Giám đốc Khối Kế hoạch doanh nghiệp
- Trợ lý cao cấp của Giám đốc Khối Quan hệ đối ngoại và công bố thông tin
- Trợ lý của Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế (làm việc tại Hà Nội)
- Trợ lý của Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế và Ủy ban xúc tiến kinh doanh tại Trung Quốc
- Trợ lý của Trưởng bộ phận Kinh doanh quốc tế
- SLI Europe (làm việc tại London)
- Merrill Lynch Investment Managers (làm việc tại London)
- Phòng đầu tư vốn
- Chi nhánh Hakata.

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

(Tại thời điểm 31/3/2026)



Ông IGARASHI TAKAFUMI

Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1967

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương Mại

Kinh nghiệm: trên 25 năm trong lĩnh vực bảo hiểm và ngân hàng

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Bảo hiểm nhân thọ PT BNI (công ty liên kết của Sumitomo Life tại Indonesia)
- Cố vấn cấp cao (GBF) Khối kinh doanh quốc tế, Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo Life

Chức vụ công tác đã qua tại Sumitomo Life:

- Giám đốc điều hành khu vực Viễn Đông, Công ty Reviti Limited for Philip Morris International Inc
- Giám đốc Công ty AIG Japan Holdings KK
- Giám đốc Khối kinh doanh Quốc tế
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Công ty American Home Assurance and AIG Fuji Life.



Bà NGÔ THỊ THU TRANG

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1963

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 40 năm trong lĩnh vực quản trị, điều hành tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Ủy viên Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- Giám đốc Điều hành Dự án, Giám đốc Điều hành Tài chính, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng thuộc Công ty cổ phần Sữa Việt Nam
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kế toán thống kê thuộc Công ty cổ phần Sữa Việt Nam.

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

(Tại thời điểm 31/3/2026)



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1961

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị khai thác hàng không

Kinh nghiệm: 35 năm trong lĩnh vực quản trị, điều hành ngành hàng không.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024).
- Ủy viên Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên HĐQT, Cố vấn cao cấp Ban điều hành thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Phó Tổng Giám đốc thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Giám đốc Văn phòng khu vực miền Nam thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Trưởng ban Tiếp thị hành khách thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Phó Trưởng ban Kế hoạch thị trường thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam.



Ông TRỊNH HỒNG QUANG

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1963

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 33 năm trong lĩnh vực quản trị, điều hành ngành hàng không.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công ty CP Hàng không Jestar Pacific Airlines
- Phó Tổng Giám đốc thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tiếp thị hành khách, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tin học Viễn thông hàng không, Chủ tịch Công ty CP Dịch vụ hàng không Sân bay Nội Bài thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Phó trưởng, quyền Trưởng ban, Trưởng ban Tiếp thị hành khách thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt

(Tại thời điểm 31/3/2026)



Ông NGUYỄN QUANG PHI

Thành viên Hội đồng quản trị, Q. Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế bảo hiểm

Kinh nghiệm: 30 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Q. Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 10/02/2026)
- Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Giám đốc Ban Trù bị thành lập Công ty Bảo hiểm sức khỏe Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng: Bảo hiểm Tàu thủy, Marketing - Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc PJICO, PTI

Ông NGUYỄN XUÂN HÒA

Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 24 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Giám đốc Khối



Ông **PHẠM VIỆT HÙNG**

Giám đốc Khối Đầu tư và Phát triển Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật

Kinh nghiệm: 12 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.



Bà **ĐÀO LINH PHƯƠNG**

Q. Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1986

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Kinh nghiệm: 10 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt

(Tại thời điểm 31/3/2026)



Ông VŨ THANH HẢI

Trưởng Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kiểm toán, Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính

Kinh nghiệm: 18 năm trong lĩnh vực kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Trưởng nhóm Kiểm toán bảo hiểm phi nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng nhóm Kiểm toán bảo hiểm phi nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2019)
- Kiểm toán viên Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Kiểm toán viên, trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - chi nhánh Hà Nội.



Ông ĐINH HOÀI LINH

Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm: 18 năm trong lĩnh vực kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024-2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Phó Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2021-2023 (từ ngày 29/6/2021)
- Phó Trưởng ban Kiểm toán bảo hiểm nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban nghiệp vụ, Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Đà Lạt
- Trưởng nhóm kiểm toán, Công ty TNHH Honda Việt Nam.



Bà DƯƠNG THỊ THU THỦY

Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1989

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán, kiểm toán và phân tích; Cử nhân Luật Chứng chỉ kiểm toán viên, Bộ Tài chính; Chứng chỉ Kiểm toán viên nội bộ công chứng (CIA), ACCA

Kinh nghiệm: Trên 14 năm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Phó trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, Tập đoàn Bảo Việt
- Phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ tại Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Chuyên viên Ban Kiểm toán Đầu tư, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO, hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên của các Hội đồng Ủy ban

(Tại thời điểm 31/3/2026)

Ủy ban Kiểm toán



Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG

Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, kiểm toán.



Ông NGUYỄN QUANG VINH

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm: 36 năm trong lĩnh vực thanh tra tài chính, kiểm toán và bảo hiểm.



Ông RYOTA INAMI

Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Lịch sử hiện đại

Kinh nghiệm: hơn 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm



Bà NGÔ THỊ THU TRANG

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán

Kinh nghiệm: 35 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên của các Hội đồng Ủy ban

(Tại thời điểm 31/3/2026)

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT

Chủ nhiệm Ủy ban
từ 20/8/2019

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế,
Kỹ sư Công nghệ Chế tạo máy

Kinh nghiệm: 31 năm trong lĩnh vực tài chính – bảo hiểm.



Ông TRẦN NHUẬN AN

Ủy viên
từ 14/05/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 26 năm trong lĩnh vực quản trị nhân sự.



Ông NGUYỄN CÔNG NGHĨA

Ủy viên
từ 08/03/2024

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Tin học

Kinh nghiệm: 32 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng.



Bà ĐÀO LINH PHƯƠNG

Ủy viên
từ 08/03/2024

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân

Kinh nghiệm: 11 năm trong lĩnh vực quản trị nhân sự.



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH

Ủy viên
từ 18/04/2025

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ quản trị khai thác hàng không

Kinh nghiệm: 31 năm trong lĩnh vực hàng không

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Thành viên của các Hội đồng Ủy ban

(Tại thời điểm 31/3/2026)

Ủy ban Chiến Lược và Đầu tư



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ

Kinh nghiệm: gần 25 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán



Ông RYOTA INAMI

Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Lịch sử hiện đại

Kinh nghiệm: hơn 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm



Ông TRỊNH HỒNG QUANG

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: dày dạn trong lĩnh vực kỹ thuật hàng không và lĩnh vực quản trị kinh doanh

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Người phụ trách quản trị Tập đoàn

(Tại thời điểm 31/3/2026)



Bà NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Người phụ trách Quản trị Công ty/Thư ký Công ty

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính, Cử nhân kinh tế đối ngoại

Kinh nghiệm: 20 năm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng
- Người Phụ trách quản trị Tập đoàn kiêm Thư ký Tập đoàn

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng Tập đoàn
- Phó trưởng ban Chiến lược Tập đoàn
- Phó trưởng ban Dự án Chiến lược Tập đoàn
- Phó Trưởng Ban Thư ký - Tổng hợp Tập đoàn
- Chuyên viên Ban Dự án TSCTA/Ban Nghiên cứu và Phát triển thị trường Tập đoàn.



Bà NGUYỄN THANH HOA

Người phụ trách Quản trị Công ty

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Ngân hàng-tài chính, Cử nhân tiếng Anh thương mại

Kinh nghiệm: Hơn 20 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, thư ký công ty

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó chánh Văn phòng/ Giám đốc Truyền thông
- Người phụ trách quản trị công ty

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Ban Truyền thông - Thương hiệu, Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 04/2014 -9/2023) kiêm Người phụ trách quản trị Công ty (từ 11/07/2021)
- Trưởng Ban Thư ký Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Trưởng Ban Thư ký Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt.



Bà TRẦN THỊ THUY ANH

Người phụ trách Quản trị Công ty

Năm sinh: 1978

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật

Kinh nghiệm: Hơn 20 năm trong lĩnh vực tài chính, quản trị doanh nghiệp, công ty đại chúng và đặc biệt là các giao dịch M&A, cấu trúc vốn và các vấn đề pháp lý có liên quan đến các công ty đại chúng, công ty niêm yết

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Trưởng Ban phụ trách Ban Pháp chế và Quản lý rủi ro
- Người phụ trách quản trị công ty

Chức vụ công tác đã qua:

- Ngân hàng Sumitomo Mitsuit Banking Corporation
- Công ty Chứng khoán MB
- Công ty Chứng khoán IB
- Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX)
- Tập đoàn GTNfoods
- Công ty Chứng khoán SSI.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Khẳng định bản lĩnh dẫn dắt và hiện thực hóa mục tiêu chiến lược năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt, chỉ đạo sát sao việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh và lộ trình chiến lược giai đoạn 2021 – 2030 bám sát định hướng của Bộ Tài chính.

Bằng việc tăng cường hợp tác nội bộ và tối ưu hóa quản trị điều hành, Tập đoàn đã phát huy tối đa sức mạnh tổng thể để vượt qua thách thức thị trường. Đây là nền tảng quan trọng giúp Bảo Việt kiên định với chiến lược tăng trưởng bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và trách nhiệm với cộng đồng.



Báo cáo của Hội đồng Quản trị

CƠ CẤU THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tại thời điểm 31/3/2026

STT	Họ và tên	Chức danh	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty Cổ phần khác tại Việt Nam
1	**Ông Nguyễn Thừa Nhật**	Q. Chủ tịch HĐQT	Không chuyên trách	**18%** (Trong đó: Sở hữu phần vốn NN: 133.618.098 Sở hữu cá nhân: 0)	Không có
2	**Bà Trần Thị Diệu Hằng**	Phó Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	**7%** (Trong đó: Sở hữu phần vốn NN: 51.962.594 Sở hữu cá nhân: 0)	Không có
3	**Ông Nguyễn Xuân Việt**	Phó Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	**7%** (Trong đó: Sở hữu phần vốn NN: 51.962.594 Sở hữu cá nhân: 83.955)	Không có
4	**Nguyễn Quang Phi**	Thành viên HĐQT	Điều hành	**16%** (Trong đó: Sở hữu phần vốn NN: 118.771.643 Sở hữu cá nhân: 20.000)	Không có
5	**Ông Nguyễn Đình An**	Thành viên HĐQT	Chuyên trách	**10%** (Trong đó: Sở hữu phần vốn NN: 74.232.277 Sở hữu cá nhân: 9.960)	Không có
6	**Ông Inami Ryota**	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**11,04%** (Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 81.972.710 cổ phần Sở hữu cá nhân: 0)	Không có
7	**Ông Igarashi Takafumi**	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**11,04%** (Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 81.972.711 cổ phần Sở hữu cá nhân: 0)	Không có
8	**Bà Ngô Thị Thu Trang**	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành	**0%**	Không có
9	**Ông Trịnh Hồng Quang**	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành	**0%**	Không có
10	**Ông Dương Trí Thành**	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành	**0%**	Không có

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hoạt động của HĐQT năm 2025

Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt ("Đại hội"):

Năm 2025, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã triệu tập 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 21/6/2025. Đại hội đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Báo cáo của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Tờ trình về việc chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên năm tài chính 2024 và đề xuất mức thù lao năm tài chính 2025;
- Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt.



Đại hội đã diễn ra theo đúng trình tự các bước quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt cũng như các quy định khác đối với công ty niêm yết. Trước khi tổ chức Đại hội, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện việc công bố thông tin về việc tổ chức Đại hội, thông báo chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội; thông báo mời họp; công bố các tài liệu sẽ trình tại Đại hội và thực hiện công bố Báo cáo tài chính theo đúng quy định.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025, HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Tổ chức các cuộc họp định kỳ của HĐQT nhằm đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra các định hướng phát triển của Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2025, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã duy trì việc họp định kỳ hằng quý, thực hiện đầy đủ và trách nhiệm vai trò định hướng, giám sát hoạt động hệ thống, nghiêm túc tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

HĐQT đã tổ chức 04 (bốn) kỳ họp định kỳ nhằm thảo luận, thống nhất và ban hành các quyết sách quan trọng về chiến lược kinh doanh, quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy vận hành và triển khai các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra. Các phiên họp được thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp lý, đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả trong công tác chỉ đạo điều hành.

Với tinh thần trách nhiệm cao, các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp hoặc ủy quyền dự họp và thực hiện quyền biểu quyết theo đúng quy định cụ thể như sau:

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong năm 2025

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	**Ông Nguyễn Thừa Nhật**	03/04	75%	Bận công việc khác của Tập đoàn, đã ủy quyền cho bà Trần Thị Diệu Hằng tham dự cuộc họp.
2	**Bà Trần Thị Diệu Hằng**	04/04	100%	
3	**Ông Nguyễn Đình An**	04/04	100%	
4	**Ông Nguyễn Xuân Việt**	04/04	100%	
5	**Ông Nguyễn Quang Phi**	04/04	100%	
6	**Ông Inami Ryota**	04/04	100%	
7	**Ông Igarashi Takafumi**	04/04	100%	
8	**Ông Dương Trí Thành**	03/04	75%	Bận do công tác ngoài Tập đoàn và đã ủy quyền cho ông Trịnh Hồng Quang - thành viên độc lập HĐQT tham dự, biểu quyết
9	**Bà Ngô Thị Thu Trang**	03/04	75%	Bận do công tác ngoài Tập đoàn và đã ủy quyền cho ông Trịnh Hồng Quang thành viên độc lập HĐQT tham dự, biểu quyết.
10	**Ông Trịnh Hồng Quang**	04/04	100%	

HĐQT đã chỉ đạo sát sao, quyết liệt trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông và triển khai kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống Bảo Việt. Các Nghị quyết do Hội đồng Quản trị ban hành đóng vai trò nền tảng, không chỉ cụ thể hóa các quyết sách từ Đại hội đồng cổ đông mà còn xác lập khung quản trị và hành lang pháp lý vững chắc, tạo điều kiện tối ưu để Ban Điều hành triển khai quyết liệt các nhiệm vụ trọng tâm. Sự nhất quán và xuyên suốt trong chỉ đạo của Hội đồng Quản trị chính là động lực then chốt thúc đẩy toàn hệ thống hoàn thành tốt các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kinh doanh đã đặt ra.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Các thành viên HĐQT cho ý kiến bằng văn bản thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT



Trong năm 2025, HĐQT đã vận hành linh hoạt cơ chế lấy ý kiến bằng văn bản song hành cùng các kỳ họp trực tiếp, đảm bảo tính kịp thời và chuẩn xác trong việc điều hành hệ thống. Với 123 xin ý kiến bằng văn bản được thực hiện, HĐQT đã tạo ra những chuyển biến mang tính chiến lược trong các mảng hoạt động cốt lõi:

- Kiện toàn bộ máy và nguồn nhân lực: kiện toàn nhân sự cấp cao tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, từ đó, củng cố năng lực điều hành và tạo động lực mới cho bộ máy quản trị trên toàn hệ thống.
- Tối ưu hóa nền tảng quản trị: Quyết liệt chỉ đạo công tác rà soát, cập nhật và đồng bộ hóa hệ thống quy chế nội bộ theo các thay đổi của Luật và quy định pháp luật hiện hành. Việc duy trì khung quản trị nghiêm túc và minh bạch này là nền tảng cốt lõi để bảo đảm tính tuân thủ và nâng cao hiệu quả vận hành trên toàn hệ thống Tập đoàn.
- Định hướng đầu tư chiến lược: Thống nhất chủ trương đầu tư tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và các ngành nghề kinh doanh hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi trong hệ sinh thái của Bảo Việt, ưu tiên tối ưu hóa nguồn lực nhằm phát huy tối đa giá trị cộng hưởng trong hệ sinh thái Bảo Việt.
- Các văn bản được HĐQT thông qua đều được ban hành trên tinh thần trách nhiệm cao nhất, dựa trên sự xem xét toàn diện và thận trọng. Đây là cam kết xuyên suốt của HĐQT trong việc bảo vệ lợi ích tối ưu của Cổ đông, hài hòa lợi ích của các bên liên quan và định hướng cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Các nghị quyết HĐQT Tập đoàn Bảo Việt ban hành trong năm 2025

(Bao gồm các Nghị quyết được thông qua tại các kỳ họp HĐQT định kỳ hàng Quý và các Nghị quyết thông qua theo phương thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản)

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/2025/NQ-HĐQT	2/1/2025	Công tác nhân sự tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
2	02/2025/NQ-HĐQT	8/1/2025	Phê duyệt chủ trương các hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2025
3	03/2025/NQ-HĐQT	8/1/2025	Phiên Họp Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt Quý IV năm 2024
4	04/2025/NQ-HĐQT	9/1/2025	Phê duyệt chủ trương các hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2025
5	05/2025/NQ-HĐQT	13/01/2025	Xếp lương đối với Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
6	06/2025/NQ-HĐQT	14/01/2025	Phê duyệt chủ trương các hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2025
7	07/2025/NQ-HĐQT	15/01/2025	Công tác cán bộ tại Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
8	08/2025/NQ-HĐQT	16/01/2025	Công tác cán bộ tại Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
10	09/2025/NQ-HĐQT	22/01/2025	Điều chỉnh kế hoạch và phân bổ kinh phí an sinh xã hội từ nguồn chi phí năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt
11	10/2025/NQ-HĐQT	7/2/2025	Tổ chức ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
12	11/2025/NQ-HĐQT	7/2/2025	Phê duyệt chủ trương thuê đơn vị tư vấn thực hiện thẩm định/thẩm tra đối với dự án đầu tư Công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị
13	12/2025/NQ-HĐQT	13/02/2025	Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt
14	13/2025/NQ-HĐQT	24/02/2025	Phê duyệt thực hiện 01 bước và 02 bước đối với các dự án đầu tư CNTT thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị
15	14/2025/NQ-HĐQT	24/02/2025	Phê duyệt kế hoạch kinh phí an sinh xã hội năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt
16	15/2025/NQ-HĐQT	25/02/2025	Công tác nhân sự tại Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam
17	16/2025/NQ-HĐQT	4/3/2025	Phân loại đầu tư chiến lược và đầu tư tài chính
18	17/2025/NQ-HĐQT	7/3/2025	Phê duyệt quy hoạch chức danh Giám đốc Khối Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021 - 2026
19	18/2025/NQ-HĐQT	12/3/2025	Kiện toàn Người phụ trách quản trị Tập đoàn, Thư ký Tập đoàn
20	19/2025/NQ-HĐQT	12/3/2025	Công tác nhân sự tại Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam
21	20/2025/NQ-HĐQT	18/03/2025	Phê duyệt chủ trương giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt và người có liên quan năm 2025 đối với Hợp đồng bảo hiểm các Tòa nhà của Tập đoàn Bảo Việt
22	21/2025/NQ-HĐQT	21/03/2025	Xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2025
23	22/2025/NQ-HĐQT	21/03/2025	Tạm quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt
24	23/2025/NQ-HĐQT	25/03/2025	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
25	24/2025/NQ-HĐQT	25/03/2025	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
26	25/2025/NQ-HĐQT	25/03/2025	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt
27	26/2025/NQ-HĐQT	27/03/2025	Phê duyệt số lượng chứng thư số tổ chức của Tập đoàn Bảo Việt
28	27/2025/NQ-HĐQT	28/03/2025	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
29	28/2025/NQ-HĐQT	28/03/2025	Bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
30	29/2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm tài chính 2024 của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được kiểm toán
31	30/2025/NQ-HĐQT	1/4/2025	Công tác cán bộ trong Ban điều hành giữa Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
32	31/2025/NQ-HĐQT	1/4/2025	Công tác nhân sự tại Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
33	32/2025/NQ-HĐQT	1/4/2025	Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt nhiệm kỳ 2025 - 2030
34	33/2025/NQ-HĐQT	1/4/2025	Công tác cán bộ tại Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
35	34/2025/NQ-HĐQT	4/4/2025	Tổ chức ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
36	35/2025/NQ-HĐQT	4/4/2025	Kiện toàn nhân sự Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
37	36/2025/NQ-HĐQT	18/04/2025	Công tác cán bộ tại Tập đoàn Bảo Việt

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
38	37/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	Phiên Họp Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt Quý I năm 2025
39	38/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt
40	39/2025/NQ-HĐQT	28/04/2025	Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn Bảo Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS")
41	40/2025/NQ-HĐQT	29/04/2025	Công tác cán bộ tại Chứng khoán Bảo Việt
42	41/2025/NQ-HĐQT	29/04/2025	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt
43	42/2025/NQ-HĐQT	13/05/2025	Phê duyệt chủ trương chuyển văn phòng làm việc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
44	43/2025/NQ-HĐQT	15/05/2025	Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 03 tháng kết thúc ngày 31/03/2025 và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước (sau soát xét) của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
45	44/2025/NQ-HĐQT	21/05/2025	Phê duyệt phương án phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2024, tổng quỹ thù lao năm 2024 cho Hội đồng thành viên của các Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
46	45/2025/NQ-HĐQT	22/05/2025	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt
47	46/2025/NQ-HĐQT	26/05/2025	Phê duyệt điều chỉnh giá trị dự kiến của Hợp đồng cung cấp dịch vụ đào tạo năm 2025 giữa Tập đoàn Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
48	48/2025/NQ-HĐQT	27/05/2025	Phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
49	49/2025/NQ-HĐQT	5/6/2025	Nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của BVSC
50	50/2025/NQ-HĐQT	30/06/2025	Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất tóm lược giữa niên độ cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn Bảo Việt Quý 1 năm 2025 được lập dựa theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS")
51	51/2025/NQ-HĐQT	1/7/2025	Công tác cán bộ tại Tập đoàn Bảo Việt
52	52/2025/NQ-HĐQT	2/7/2025	Phê duyệt phương án sử dụng diện tích văn phòng tại Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ và giao dịch với người có liên quan
53	53/2025/NQ-HĐQT	2/7/2025	Công tác cán bộ tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt
54	54/2025/NQ-HĐQT	4/7/2025	Công tác nhân sự tại Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc
55	55/2025/NQ-HĐQT	4/7/2025	Phiên Họp Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt Quý II năm 2025
56	57/2025/NQ-HĐQT		Trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt
57	58/2025/NQ-HĐQT	14/07/2025	Phê duyệt chủ trương hợp đồng giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan
58	59/2025/NQ-HĐQT	31/07/2025	Triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh tại Công ty Mẹ và các Công ty Con
59	60/2025/NQ-HĐQT	22/08/2025	Tổ chức ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
60	61/2025/NQ-HĐQT	29/08/2025	Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
61	62/2025/NQ-HĐQT	17/09/2025	Thông qua việc giao đơn giá tiền lương năm 2025 đối với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
62	63/2025/NQ-HĐQT	30/09/2025	Thông qua chủ trương bổ sung ngành nghề kinh doanh và chủ trương sửa đổi điều lệ của Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt (BVI)
63	64/2025/NQ-HĐQT	30/09/2025	Phê duyệt chủ trương các Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan (Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt - BVF) về việc cung cấp dịch vụ đào tạo năm 2025
64	65/2025/NQ-HĐQT	30/09/2025	Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất tóm lược giữa niên độ cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn Bảo Việt 6 tháng đầu năm 2025 được lập dựa theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS")
65	66/2025/NQ-HĐQT	10/10/2025	Phê duyệt Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giữa Tập đoàn Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo giai đoạn 13
66	67/2025/NQ-HĐQT	15/10/2025	Phê duyệt kế hoạch bổ sung kinh phí an sinh xã hội năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt để sửa chữa, nâng cấp nhà ăn tập thể tại tầng mái tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
67	68/2025/NQ-HĐQT	15/10/2025	Phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối/Chi nhánh của Tập đoàn Bảo Việt
68	69/2025/NQ-HĐQT	21/10/2025	Phê duyệt chủ trương hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan về việc cung cấp bộ ấn phẩm lịch Xuân Bính Ngọ 2026 cho Tập đoàn Bảo Việt
69	70/2025/NQ-HĐQT	31/10/2025	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
70	71/2025/NQ-HĐQT	4/11/2025	Phê duyệt Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt
71	72/2025/NQ-HĐQT	14/11/2025	Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2025 theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) đã soát xét của Tập đoàn Bảo Việt
72	73/2025/NQ-HĐQT	14/11/2025	Công tác cán bộ tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt
73	74/2025/NQ-HĐQT	18/11/2025	Phê duyệt chủ trương giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt về việc ủy thác chi trả cổ tức năm 2024
74	75/2025/NQ-HĐQT	19/11/2025	Nội dung phiên họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo Việt – Âu Lạc
75	76/2025/NQ-HĐQT	20/11/2025	Phiên Họp Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt Quý III năm 2025
76	77/2025/NQ-HĐQT	27/11/2025	Kiện toàn nhân sự HĐTV BHBV
77	78/2025/NQ-HĐQT	27/11/2025	Kiện toàn Tổng Giám đốc TCT BHBV
78	79/2025/NQ-HĐQT	05/12/2025	Công tác nhân sự tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt
79	80/2025/NQ-HĐQT	05/12/2025	Công tác nhân sự tại Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
80	81/2025/NQ-HĐQT	05/12/2025	Công tác nhân sự tại Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt
81	82/2025/NQ-HĐQT	05/12/2025	Công tác nhân sự tại Tổng Công ty BHBV
82	83/2025/NQ-HĐQT	05/12/2025	Công tác nhân sự tại Tổng Công ty BVNT
83	84/2025/NQ-HĐQT	18/12/2025	Thông qua việc triển khai các thủ tục thanh hoán cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (HIPT)
84	84a/2025/NQ-HĐQT	19/12/2025	Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt năm 2025
85	85/2025/NQ-HĐQT	23/12/2025	Kiện toàn Kiểm soát viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
86	86/2025/NQ-HĐQT	23/12/2025	Phê duyệt các Hợp đồng, giao dịch năm 2026 giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan
87	87/2025/NQ-HĐQT	29/12/2025	Phê duyệt các Hợp đồng, giao dịch năm 2026 giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan
88	88/2025/NQ-HĐQT	29/12/2025	Phê duyệt phương án sử dụng diện tích văn phòng tại Tòa nhà số 71 Ngô Sỹ Liên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội
89	89/2025/NQ-HĐQT	30/12/2025	Chấp thuận chủ trương hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan đối với các hợp đồng mua ngoại tệ thanh toán và chi phí dịch vụ chuyển tiền
90	90/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Phê duyệt chủ trương các Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2026
91	91/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất tóm lược giữa niên độ cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn Bảo Việt 9 tháng đầu năm 2025 được lập dựa theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS")

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp thông qua việc đánh giá hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT trong năm 2025 theo các Thông lệ tốt về quản trị công ty

Với mục tiêu tiệm cận các thông lệ quản trị tốt nhất thế giới và khu vực, trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã chuẩn hóa công tác đánh giá hoạt động, triển khai các Quy trình và Tiêu chí đánh giá định lượng chi tiết đối với HĐQT, các thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT, cụ thể:

Đánh giá tập thể HĐQT: Tập trung vào việc thực thi trách nhiệm chiến lược; tính hợp lý trong cơ cấu thành viên; quy trình vận hành đảm bảo sự minh bạch; hiệu quả thực tế của các Ủy ban chuyên môn; và đặc biệt là năng lực hiện thực hóa các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Đánh giá cá nhân Thành viên HĐQT: Chú trọng vào chất lượng và chiều sâu của các ý kiến đóng góp; mức độ tương tác, phối hợp giữa các thành viên; tinh thần trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao và vai trò dẫn dắt chiến lược của Chủ tịch HĐQT.

Hệ thống tiêu chí đánh giá được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế uy tín như Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN (ACGS), nguyên tắc quản trị của OECD và các mô hình quản trị tiên tiến. Việc áp dụng các khung tham chiếu này không chỉ bảo đảm tính khoa học, khách quan mà còn khẳng định sự minh bạch và chuyên nghiệp trong công tác điều hành của Tập đoàn.

Trong năm 2025, với sự tham mưu từ Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm và Thư ký Công ty, HĐQT đã hoàn thành công tác đánh giá hiệu quả hoạt động cho cả năm tài chính 2025. Quá trình đánh giá được thực hiện khách quan, nghiêm túc, giúp nhận diện rõ nét những giá trị đã đạt được và các dư địa cần cải thiện. Kết quả cụ thể như sau:

Kết quả đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT trong năm 2025

Căn cứ các tiêu chí đánh giá về:

i. Mức độ tương tác của các thành viên HĐQT;

ii. Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT;

iii. Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT đã tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời đánh giá chéo hoạt động của các thành viên HĐQT khác.

10/10 các thành viên HĐQT đã thực hiện đánh giá hoạt động của cá nhân, của các thành viên HĐQT còn lại và hoạt động của HĐQT nói chung trong năm 2025.

Kết quả đánh giá: 10/10 thành viên HĐQT được đánh giá ở mức **"Tốt"**, trong đó: mức cao nhất là 4,9 điểm, mức thấp nhất là 4,5 điểm.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Kết quả đánh giá hoạt động pHĐQT và các ủy ban của HĐQT

Yếu *TB/ Cần cải thiện* *Khá* *Tốt* *Rất tốt*

TT	Nội dung đánh giá	Điểm TB	Xếp loại	Vấn đề cần cải thiện
1	**Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT**	4,7	■	
2	**Thành phần và cơ cấu HĐQT**	4,9	■	Tính độc lập giữa thành viên HĐQT với Ban Điều hành và cổ đông lớn của Tập đoàn
3	**Quy trình HĐQT**	4,5	■	
	3.1. Họp và tham dự họp HĐQT	4,6	■	
	3.2. Tiếp cận thông tin	4,5	■	
	3.3. Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	4,2	■	
	3.4. Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT (nếu có)	4,6	■	
4	**Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT**	4,3	■	
	4.1. Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm	4,2	■	• Thành viên trong Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%). • Chủ tịch Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là thành viên HĐQT độc lập
	4.2. Ủy ban Kiểm toán	4,2	■	• Ủy ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên HĐQT độc lập. • Chủ nhiệm của Ủy ban Kiểm toán là thành viên HĐQT độc lập
	4.3. Ủy ban Chiến lược & Đầu tư	4,5	■	
	4.4. Ủy ban Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO)	4,4	■	
5	**Đánh giá thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và kế hoạch kinh doanh hàng năm**	4,7	■	

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá chung về kết quả hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT trong năm 2025:



Trong năm tài chính 2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã khẳng định năng lực điều hành và quản trị thông qua các kết quả cụ thể sau:

- Về vai trò và trách nhiệm quản trị: HĐQT đã phát huy tối đa vai trò chủ đạo trong công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo mọi hoạt động của Tập đoàn được vận hành nhất quán, tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế quản trị hiện hành.

- Về thực thi Nghị quyết và Kế hoạch kinh doanh: Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã chỉ đạo triển khai quyết liệt và hoàn thành xuất sắc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, đồng thời, hiện thực hóa thành công các chỉ tiêu tại kế hoạch kinh doanh năm 2025.

- Về hoạt động của các Ủy ban trực thuộc: Các Ủy ban thuộc HĐQT đã khẳng định vai trò là cơ quan tham mưu nòng cốt, đóng góp những ý kiến chuyên sâu và kịp thời trong các lĩnh vực trọng yếu như: hoạch định chiến lược, quản trị đầu tư, nhân sự cấp cao, chính sách thù lao, kiểm toán và quản trị tài sản nợ - tài sản có (ALCO).

- Về năng lực thực thi của thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT đã thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin minh bạch, hiệu quả; chủ động đưa ra các phân tích sắc sảo về các vấn đề thuộc thẩm quyền. Mỗi thành viên luôn hành động dựa trên nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, ưu tiên bảo vệ lợi ích tối cao của Cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

- Về vai trò chủ tọa và điều hành của Chủ tịch HĐQT: Lãnh đạo HĐQT đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, xây dựng môi trường thảo luận cởi mở, khuyến khích các thành viên đóng góp đa dạng góc nhìn. Công tác tổ chức được thực hiện chuyên nghiệp, kế hoạch hoạt động năm được xây dựng khoa học; tài liệu họp và nội dung lấy ý kiến luôn được cung cấp đầy đủ tới các thành viên trước ít nhất 05 ngày, đảm bảo chất lượng cho công tác ra quyết định.

Định hướng nâng cao năng lực quản trị Công ty theo các chuẩn mực và thông lệ tốt Quốc tế

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Tập đoàn Bảo Việt luôn tuân thủ pháp luật Việt Nam, đồng thời, chủ động áp dụng các thông lệ quốc tế để cải thiện thực tiễn quản trị và nâng cao nhận thức hệ thống.

Trong giai đoạn 2018–2024, việc tham chiếu Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN (ACGS) đã giúp Tập đoàn Bảo Việt đạt những bước tiến rõ rệt:

1. Nâng cao tính độc lập của HĐQT với các thành viên mới nhiệm kỳ 2024–2029;

2. Kiện toàn nhân sự Ban Kiểm soát đảm bảo cân bằng giới tính và chuyên môn;

3. Hiện đại hóa website để minh bạch hóa thông tin cho nhà đầu tư.

4. Tăng cường mạnh mẽ các tuyến về Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro và Tuân thủ nhằm bảo vệ nguồn vốn và kiến tạo giá trị bền vững.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị



Những kết quả khả quan và khuyến nghị từ Dow Jones đã thúc đẩy Tập đoàn rà soát, đổi mới toàn diện từ cơ cấu lãnh đạo đến năng lực kiểm soát chuyên sâu, tạo lộ trình phát triển thương hiệu tích cực. Trong thời gian tới, Tập đoàn Bảo Việt cam kết hoàn thiện văn hóa quản trị minh bạch và trách nhiệm thông qua việc không ngừng cải tiến hệ thống dựa trên các chuẩn mực khắt khe nhất của CSA Ratings, đồng thời, tập trung tối ưu hóa quy trình đánh giá định kỳ, thiết lập hệ thống giám sát liên tục và phấn đấu duy trì các chứng nhận uy tín toàn cầu, đảm bảo sự phát triển ổn định và hài hòa lợi ích của các bên liên quan trong dài hạn.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về ESGs

Tại Bảo Việt, Hội đồng quản trị hiểu rõ tầm quan trọng của ESG đối với doanh nghiệp. Việc triển khai ESG từ cấp cao nhất xuống toàn hệ thống giúp cho việc truyền cảm hứng đến cán bộ, đối tác, cộng đồng và tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh.

1. Hội đồng quản trị đưa ra chiến lược ESG, đánh giá kế hoạch triển khai hàng năm của Hội đồng quản trị
2. Cam kết giảm thải các bon, tiết kiệm nhiên liệu
3. Đưa chức năng liên quan tới ESG trong các Ủy ban
4. Hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng được cơ cấu lại, đảm bảo hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh



Việc triển khai ESG tại Bảo Việt được triển khai xuyên suốt từ chiến lược, xây dựng kế hoạch, tới hoạt động của các ủy ban, triển khai tới hoạt động của các công ty thành viên. Trong năm 2025 vừa qua, Bảo Việt đã thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động; chuyển đổi từ kinh doanh truyền thống sang kinh doanh có trách nhiệm, tập trung 5 lĩnh vực ưu tiên gồm:

Đầu tư có chọn lọc: Đầu tư gắn với hài hoà lợi ích cộng đồng; đầu tư gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đầu tư tạo việc làm và chất lượng việc làm

Lao động: Quan hệ lao động, điều kiện lao động, lao động phi chính thức, lao động trẻ em

Bảo vệ quyền nhóm dễ bị tổn thương

Bảo vệ môi trường: ô nhiễm môi trường và trách nhiệm xử lý sự cố môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, công khai thông tin môi trường

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ đối với người tiêu dùng, đặc biệt là các sản phẩm ảnh hưởng tới trẻ em và sức khoẻ của người tiêu dùng và các thông tin để kêu gọi người tiêu dùng có trách nhiệm với một số chỉ tiêu phát triển bền vững, bất cập trong quy định về bảo hành hàng hóa, bảo vệ thông tin người tiêu dùng, hoạt động kinh doanh trực tuyến, cơ chế khắc phục.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị, đại diện cổ đông chiến lược SUMITOMO LIFE về các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt

Quản trị doanh nghiệp ngày càng trở nên quan trọng hơn trên toàn thế giới. Với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời là đại diện của Sumitomo Life, đối tác chiến lược nước ngoài của Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi đánh giá cao hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt. Sumitomo Life ngưỡng mộ và đánh giá cao nỗ lực của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và toàn thể các thành viên trong việc xây dựng Tập đoàn Bảo Việt trở thành một trong những định chế tài chính tốt nhất khu vực, không chỉ về hiệu quả kinh doanh mà còn về hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Về quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và tuân thủ, chúng tôi đánh giá như sau:



Ông IGARASHI TAKAFUMI
Thành viên Hội đồng quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Quản trị doanh nghiệp

Thực hành quản trị doanh nghiệp hiệu quả, góp phần vào sự tăng trưởng bền vững của công ty và nâng cao giá trị doanh nghiệp trong trung và dài hạn. Trong những năm gần đây, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang trở thành một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng các thông lệ tốt nhất về Quản trị doanh nghiệp, điều này cũng đã được công nhận từ bên ngoài thông qua các giải thưởng như Top 10 Doanh nghiệp Quản trị Doanh nghiệp Tốt nhất tại Giải thưởng Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam (VLCA) 2025. Các sáng kiến đáng chú ý gần đây bao gồm việc tăng cường khuôn khổ quản trị phù hợp với Bộ nguyên tắc Quản trị doanh nghiệp của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế ("OECD") và Thẻ điểm Quản trị doanh nghiệp khu vực ASEAN, và Cẩm nang Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam, cũng như việc tăng cường tính độc lập của hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm các thành viên hội đồng quản trị độc lập. Tập đoàn Bảo Việt đã và đang nỗ lực đào tạo các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Thư ký thông qua các khóa đào tạo, huấn luyện về Thẻ điểm quản trị doanh nghiệp ASEAN. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đã liên tục thực hiện đánh giá lẫn nhau giữa các thành viên Hội đồng quản trị, và sử dụng hiệu quả trong việc xác định các vấn đề và cải tiến công tác quản trị doanh nghiệp. Tập đoàn Bảo Việt cũng quan tâm đầy đủ đến tính minh bạch đối với các bên liên quan nước ngoài bằng cách chuẩn bị chương trình nghị sự, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên không chỉ bằng tiếng Việt mà còn bằng tiếng Anh, đăng tải trên trang web của công ty. Chúng tôi tin rằng những nỗ lực đó đã cải thiện rõ rệt công tác quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt.

Quản lý rủi ro và tuân thủ

Trong thời gian qua, Tập đoàn Bảo Việt đã không ngừng hoàn thiện chiến lược, chính sách và phương pháp quản trị rủi ro. Đối với lĩnh vực bảo hiểm, việc sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm đòi hỏi các phương pháp và hệ thống quản lý rủi ro tiên tiến hơn, và Tập đoàn Bảo Việt cũng đang đẩy mạnh nghiên cứu cho mục đích này. Tập đoàn Bảo Việt liên tục lập kế hoạch, cập nhật và rà soát các quy định ở cấp Tập đoàn và các công ty nhằm đảm bảo tính phù hợp trong việc thực hiện tuân thủ trên phạm vi toàn Tập đoàn. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức về tuân thủ của cán bộ nhân viên, Tập đoàn đã phối hợp với Trung tâm đào tạo triển khai đào tạo về tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro, đồng thời nâng cấp nội dung cho phù hợp. Sumitomo Life hài lòng với những thành tựu này và mong muốn cải thiện hơn nữa trong tương lai. Sumitomo Life đã và đang hỗ trợ Tập đoàn Bảo Việt trong các lĩnh vực này bằng cách cung cấp kiến thức và kinh nghiệm của chúng tôi, đồng thời sẽ tiếp tục hỗ trợ các sáng kiến của Bảo Việt để trở thành một công ty có hoạt động quản trị doanh nghiệp xuất sắc được công nhận trên toàn cầu

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2026



Bước sang năm 2026, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt cam kết duy trì chuẩn mực điều hành chuyên nghiệp thông qua việc kết hợp chặt chẽ giữa các kỳ họp định kỳ và cơ chế lấy ý kiến linh hoạt, bảo đảm tính kịp thời trong mọi quyết sách. Hội đồng Quản trị xác định mục tiêu trọng tâm là dẫn dắt toàn hệ thống hiện thực hóa các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2026, tập trung vào các định hướng chiến lược sau:

- Hiện thực hóa khát vọng tăng trưởng: Không chỉ dừng lại ở việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2026, HĐQT sẽ dành sự tập trung cao độ để đảm bảo mỗi bước đi của Tập đoàn đều bám sát lộ trình chiến lược 2021-2030 và tầm nhìn dài hạn đến năm 2035. Chúng tôi hiểu rằng, mỗi con số tăng trưởng đều phải gắn liền với giá trị bền vững.

- Đột phá bằng tư duy đổi mới và công nghệ: Trên nền tảng những di sản quý báu đã xây dựng, năm 2026 sẽ là năm của sự quyết liệt trong chuyển đổi:

- Trải nghiệm khách hàng là trái tim của chuyển đổi số: Chúng tôi sẽ hiện đại hóa mọi điểm chạm, tạo ra sự khác biệt từ những dịch vụ trực tuyến thông minh, giúp Bảo Việt luôn đồng hành cùng khách hàng mọi lúc, mọi nơi.

- Quản trị nhân sự bằng sự thấu hiểu và công bằng: HĐQT ưu tiên công tác quy hoạch, luân chuyển nội bộ để khơi thông sức sáng tạo của đội ngũ. Chúng tôi tin rằng, khi năng lực được đánh giá bằng KPI minh bạch và sự ghi nhận xứng đáng, mỗi cán bộ nhân viên sẽ là một đại sứ cho thương hiệu Bảo Việt.

- Sản phẩm là giá trị khác biệt: Đa dạng hóa kênh phân phối và mạng lưới để mang dịch vụ chuyên nghiệp nhất tới mọi miền Tổ quốc.

- Quản trị bằng sự minh bạch và thông lệ quốc tế: Chúng tôi tiếp tục tinh chỉnh bộ máy quản trị theo các chuẩn mực quốc tế cao nhất. Mục tiêu không chỉ là tối ưu hóa nguồn lực mà còn nhằm tạo ra một thực thể doanh nghiệp hấp dẫn, tin cậy trong mắt các nhà đầu tư chiến lược.

- Gắn kết trách nhiệm với sự phồn vinh của quốc gia: Bảo Việt sẽ luôn là người bạn đồng hành tin cậy của các cơ quan quản lý trong việc xây dựng hành lang pháp lý và phát triển thị trường. Chúng tôi kiên định với sứ mệnh "doanh nghiệp vì cộng đồng", tiên phong trong các hoạt động an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, để sắc xanh của Bảo Việt luôn gắn liền với sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty

Bà Trần Thị Diệu Hằng

Phó Chủ tịch HĐQT

Tham gia khóa đào tạo

Chương trình thạc sĩ Ủy ban Kiểm toán (Chứng chỉ QTCT 2015);

Chứng nhận Thành viên HĐQT (DCP) (Chứng chỉ VIOD);

Chứng chỉ Quản trị công ty (UBCKNN).

Ông Nguyễn Xuân Việt

Thành viên HĐQT,
Phó Chủ tịch HĐQT

Tham gia khóa đào tạo và được cấp

Chứng chỉ QTCT 2015;

Chứng nhận Thành viên HĐQT (DCP) (Chứng chỉ VIOD);

Chứng chỉ Quản trị công ty (UBCKNN).

Ông Nguyễn Đình An

Thành viên HĐQT

Tham gia khóa đào tạo

Chứng nhận Thành viên HĐQT (DCP) (Chứng chỉ VIOD);

Chứng chỉ Quản trị công ty (UBCKNN).

Các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Lãnh đạo Tập đoàn và các đơn vị thành viên, Người quản trị công ty đều được tham dự khóa đào tạo về Quản trị Công ty và được cấp chứng chỉ Quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tập đoàn đang tích cực triển khai kế hoạch đào tạo Quản trị Công ty theo tiêu chuẩn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho đội ngũ lãnh đạo cấp cao, nhằm cập nhật các quy định mới nhất và tiệm cận những xu hướng quản trị tiên tiến theo thông lệ quốc tế.

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban



ỦY BAN KIỂM TOÁN



ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM



ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ



ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban



Ủy ban Kiểm toán

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT), do HĐQT quyết định thành lập từ năm 2008. Đến nay, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của UBKT được sửa đổi phù hợp hơn với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ủy ban.

Theo đó, UBKT có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc:

- Đảm bảo có được hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài (gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn) thông qua việc đánh giá các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (hoặc soát xét).
- Quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB), bao gồm: việc xây dựng Kế hoạch kiểm toán hàng năm; các vấn đề về nghiệp vụ của KTNB trong báo cáo kết quả kiểm toán; Kiểm tra và giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ; Xem xét các kết quả trọng yếu thu được từ việc kiểm toán nội bộ và các phản hồi từ Tổng Giám đốc Tập đoàn, Lãnh đạo các Ban chức năng/Trung tâm của Tập đoàn và các Tổng Giám đốc Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn.
- Đề xuất với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để đảm bảo KTNB có đủ nguồn lực tổ chức thực hiện việc kiểm toán.
- Đánh giá các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt hàng năm và giữa niên độ về việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán, các quy định về niêm yết và các yêu cầu của pháp luật liên quan đến báo cáo tài chính trình Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt. Thực hiện việc phối hợp với Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt về công tác liên quan đến lập báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập.

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban

Thành phần Ủy ban Kiểm toán

Năm 2025, UBKT hoạt động với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm và 03 Ủy viên. Trong đó, Chủ nhiệm Ủy ban là Q. Chủ tịch HĐQT; 01 Ủy viên là thành viên HĐQT, đại diện của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life; 01 Ủy viên là thành viên độc lập HĐQT, 01 Ủy viên thường trực là Phó Giám đốc Khối Đầu tư - Phát triển. Các Ủy viên UBKT đều có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư.

Nhân sự Ủy ban Kiểm toán tại thời điểm 31/3/2026



Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG

Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, kiểm toán.



Ông NGUYỄN QUANG VINH

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm: 36 năm trong lĩnh vực thanh tra tài chính, kiểm toán và bảo hiểm.



Ông RYOTA INAMI

Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Lịch sử hiện đại

Kinh nghiệm: hơn 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm



Bà NGÔ THỊ THU TRANG

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán

Kinh nghiệm: 35 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2025

Năm 2025, UBKT đã tiến hành 27 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện các công việc chính theo chức năng và quyền hạn của mình như sau:

- Tham gia chỉ đạo việc lập kế hoạch KTNB và chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Ban KTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành 100% kế hoạch KTNB năm 2025 được HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo Ban KTNB Tập đoàn thực hiện 33 cuộc kiểm toán, gồm 7 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, 9 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ, 7 cuộc kiểm toán hoạt động Đầu tư. Các cuộc kiểm toán nội bộ đã phát hiện kịp thời những điểm yếu trong việc thực hiện các quy định nội bộ của Tập đoàn; quy chế, quy trình nghiệp vụ của các Tổng Công ty/Công ty, đưa ra các khuyến nghị phù hợp, khả thi. Bên cạnh đó KTNB còn có những đánh giá về việc thực hiện các quy định của nhà nước trong các lĩnh vực kinh doanh, giúp các đơn vị được kiểm toán tăng cường tính tuân thủ pháp luật. Thông qua kết quả kiểm toán, HĐQT/ Tổng Giám đốc Tập đoàn đã có những chỉ đạo kịp thời nhằm tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả quản lý.
- **Công tác soát xét Báo cáo tài chính:** Trong năm 2025, UBKT đã thực hiện phối hợp với Ban Kiểm soát, Công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young đảm bảo các BCTC tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết. Đồng thời, UBKT tiến hành đánh giá/ tư vấn ý kiến lưu ý và trình HĐQT phê duyệt đối với các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Mẹ và Hợp nhất của Tập đoàn năm 2025 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS).
- UBKT đưa ra ý kiến về một số báo cáo/tờ trình của Ban KTNB nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KTNB.
- Tham gia ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tập đoàn đối với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của UBKT.
- Triển khai các hoạt động phối hợp của UBKT với các bộ phận của Công ty mẹ trong các công việc: tham gia ý kiến đối với các văn bản của Tập đoàn; tham gia ý kiến trong các cuộc họp RMC, ALCO và các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.



Định hướng hoạt động năm 2026

Năm 2026, với nền tảng kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư, UBKT tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT với mục đích:

- Đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả;
- Chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban KTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2026 do HĐQT giao;
- Thực hiện tốt nhiệm vụ liên quan đến Báo cáo tài chính và tổ chức kiểm toán độc lập;
- Chỉ đạo công tác đảm bảo chất lượng KTNB: rà soát, cập nhật các văn bản quy định, quy trình đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Tập đoàn;
- Phối hợp với các bộ phận của Công ty mẹ tham gia ý kiến trong các cuộc họp RMC, ALCO và các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

UBKT tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2026 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của UBKT trong việc tư vấn đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn.

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban



Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do Hội đồng Quản trị Tập đoàn quyết định thành lập để thực hiện các chức năng chính:

1. Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt

2. Kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt những vấn đề cơ bản về:

- Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị doanh nghiệp
- Chính sách quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn
- Chính sách quản lý cán bộ của Tập đoàn
- Những vấn đề liên quan đến tiền lương, tiền thưởng, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, kiện toàn nhân sự do Hội đồng Quản trị quản lý...



Báo cáo hoạt động của các Ủy ban

Thành phần Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm (tại thời điểm 31/3/2026)



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT

Chủ nhiệm Ủy ban từ 20/8/2019

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Công nghệ Chế tạo máy

Kinh nghiệm: 31 năm trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm



Ông TRẦN NHUẬN AN

Ủy viên từ 14/05/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 26 năm trong lĩnh vực quản trị nhân sự



Ông NGUYỄN CÔNG NGHĨA

Ủy viên từ 08/03/2024

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kĩ sư tin học

Kinh nghiệm: 32 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng



Bà ĐÀO LINH PHƯƠNG

Ủy viên từ 08/03/2024

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Kinh nghiệm: 11 năm trong lĩnh vực quản trị nhân sự



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH

Ủy viên từ 18/04/2025

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị khai thác hàng không

Kinh nghiệm: 31 năm trong lĩnh vực hàng không

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban

Hoạt động của Ủy ban năm 2025

Trong năm 2025, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm đã tiến hành 40 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thẩm định, đánh giá các đề xuất của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, để đề xuất Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cấp cao gồm:

1 Công tác tổ chức cán bộ:

- Cho ý kiến kiện toàn các Ủy ban của Hội đồng quản trị;
- Cho ý kiến tham mưu Hội đồng quản trị trong công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời hạn bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo từ cấp Kế toán trưởng trở lên tại Tập đoàn và các Công ty con.

2 Công tác lương thưởng

- Cho ý kiến tư vấn, tham mưu Hội đồng quản trị trong việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách tiền lương của Tập đoàn; công tác xây dựng kế hoạch tiền lương, quyết toán tiền lương, xây dựng dải lương của Tập đoàn và các Công ty con;
- Cho ý kiến tư vấn, tham mưu Hội đồng quản trị trong việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tập đoàn.





Định hướng hoạt động năm 2026

Năm 2026, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục quan tâm đến chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tư vấn tham mưu cho Hội đồng Quản trị chính sách về quản trị nhân sự trong phạm vi toàn Tập đoàn.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục chức năng và nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoàn thiện các chính sách chế độ, quy trình, quy định liên quan đến công tác quản trị nhân sự cấp cao, phù hợp với các quy định mới của Đảng và nhà nước trong đó có:

- Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh Lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021 - 2026; quy hoạch giai đoạn 2026 -2031.
- Kiện toàn nhân sự Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban



Ủy ban Chiến lược và Đầu tư

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là hỗ trợ cho Hội đồng quản trị Tập đoàn thông qua tư vấn và tham mưu các nội dung liên quan đến chiến lược và đầu tư, cụ thể:

1. Tham mưu, tư vấn các vấn đề về chiến lược phát triển và chiến lược kinh doanh của toàn Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con

2. Tham mưu, tư vấn các vấn đề về chiến lược đầu tư, xây dựng chính sách và nguyên tắc đầu tư ngắn, trung và dài hạn; chiến lược, chính sách về quản lý rủi ro đầu tư; nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Thành viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trong năm 2025 hoạt động với 01 Chủ nhiệm - là thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, thành viên Hội đồng Thành Viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ, 01 Ủy viên là đại diện của cổ đông Sumitomo Life; 01 Ủy viên là Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt và 01 Ủy viên là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt. Các thành viên Ủy Ban đều có kinh nghiệm chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực xây dựng và quản trị chiến lược, triển khai thực hiện các dự án đầu tư, nâng cao vai trò tham mưu, tư vấn đề xuất HĐQT trong các quyết định liên quan tới chiến lược phát triển và các hoạt động đầu tư của Tập đoàn.



Báo cáo hoạt động của các Ủy ban

Nhân sự Ủy ban Chiến lược và Đầu tư (tại thời điểm 31/3/2026)



Ông NGUYỄN QUANG PHI

Chủ nhiệm Ủy ban
Chiến lược và Đầu tư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng

Kinh nghiệm: 30 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ

Kinh nghiệm: gần 25 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán



Ông RYOTA INAMI

Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Lịch sử hiện đại

Kinh nghiệm: hơn 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Ông TRỊNH HỒNG QUANG

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: dày dạn trong lĩnh vực kỹ thuật hàng không và lĩnh vực quản trị kinh doanh

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban

Hoạt động của Ủy ban năm 2025

Trong năm 2025, Ủy ban đã tiến hành 11 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản liên quan đến các nội dung sau:

1. Cho ý kiến về kế hoạch đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con nhằm đảm bảo tuân thủ các quy chế, quy định nội bộ trong hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn.

2. Cho ý kiến đối với các khoản đầu tư chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt, các hoạt động thanh hoán, thoái vốn, ủy thác của Tập đoàn và công ty con.

3. Cho ý kiến về báo cáo rà soát chiến lược giai đoạn 2026 - 2030 của Tập đoàn Bảo Việt,

4. Cho ý kiến về các hoạt động đầu tư khác liên quan đến hiệu quả hoạt động của các công ty con, các loại hình đầu tư theo thẩm quyền của HĐQT Tập đoàn...



Định hướng hoạt động năm 2026

Với vai trò là Ủy ban tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến chiến lược và đầu tư. Năm 2026, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư sẽ tiếp tục tham mưu, cho ý kiến trong công tác đánh giá, rà soát việc triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 của toàn Tập đoàn và các đơn vị; cho ý kiến tư vấn đối với các khoản đầu tư chiến lược của Tập đoàn thuộc phân cấp của HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, cho ý kiến tham mưu đối với các hoạt động đầu tư, thanh hoán, thoái vốn, ủy thác, các hoạt động sửa đổi Quy chế, Điều lệ thuộc phân cấp của HĐQT theo quy định pháp luật và Tập đoàn Bảo Việt.

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban



Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài Sản có (ALCO)

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy Ban ALCO có chức năng tham mưu và tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc:

1. Đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính và việc phát triển kinh doanh, quản lý và phát triển vốn và tài sản tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.

2. Đánh giá và khuyến nghị các chính sách, biện pháp quản lý hiệu quả cơ cấu, tính cân đối và tốc độ tăng trưởng của Tài sản Nợ và Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con với mục đích phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn của doanh nghiệp cũng như đảm bảo các quy định về Biên khả năng thanh toán.

3. Theo dõi môi trường bên ngoài và xác định tác động lên mức độ sinh lợi, Bảng Cân đối Kế toán và khả năng thanh toán theo các tình huống giả định.

4. Đánh giá và đưa ra các biện pháp triển khai thực hiện quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới Bảng Cân đối Kế toán và kết quả kinh doanh tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty con.

Ủy ban ALCO thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Khuyến nghị về các chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có, quản lý rủi ro liên quan đến Tài sản Nợ, Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con cho từng thời kỳ khác nhau.

- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có và cân đối tốc độ tăng trưởng của Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu.

- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị về hiệu quả sử dụng Tài sản Nợ, Tài sản Có nhằm mục đích tối ưu hoá lợi nhuận và cân đối với rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.

- Phân tích và đánh giá khả năng thanh toán của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con theo thực tế, theo quy định của Tập đoàn Bảo Việt và của pháp luật (nếu có), bao gồm đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của đơn vị; đánh giá tình hình đảm bảo an toàn vốn, cân đối giữa tài sản và trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.

- Đánh giá và khuyến nghị các giải pháp quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con. Khuyến nghị về các hạn mức đầu tư, hạn mức sinh lời, hạn mức rủi ro và các chỉ tiêu khác đối với các cấp tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban



Thành phần Ủy ban ALCO

Cơ cấu thành viên của Ủy ban ALCO bao gồm: 01 Chủ nhiệm Ủy ban, 01 Thường trực Ủy ban, các Thành viên Ủy ban và Thư ký Ủy ban. Các thành viên Ủy ban đến từ các Khối/Ban chức năng trong Tập đoàn và đại diện của các đơn vị thành viên, trong đó mỗi công ty thành viên có ít nhất 01 đại diện *(Chủ nhiệm Ủy ban ALCO tại đơn vị)*.

Hoạt động của Ủy ban ALCO năm 2025

Trong năm 2025, báo cáo ALCO tiếp tục được triển khai dưới hình thức định kỳ trên Power PI, với nội dung chính là đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tập đoàn và các Công ty Con, các biến động liên quan đến Bảng Cân đối Kế toán, cơ cấu và tình hình Tài sản Nợ, Tài sản Có; đồng thời đánh giá các rủi ro thanh khoản và các rủi ro có thể ảnh hưởng tới sự phù hợp giữa Tài sản Nợ và Tài sản Có; đưa ra khuyến nghị nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản tại Công ty Mẹ và các Công ty con.

Các báo cáo nhìn chung cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho công tác quản lý Tài sản Nợ - Có của Tập đoàn, hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh cho các cấp Lãnh đạo.

Định hướng hoạt động năm 2026

Năm 2026, Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt định hướng tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản, các khoản nợ của toàn Tập đoàn và tại các đơn vị thông qua việc cung cấp các thông tin quản trị đa dạng, hiệu quả, nhanh chóng và tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận có liên quan, cụ thể:

- Đa dạng hóa các thông tin, nội dung báo cáo, đánh giá, cân đối tài sản Nợ - tài sản Có tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên trên nhiều báo cáo quản trị khác nhau;
- Nâng cao hiệu quả của các báo cáo thông qua việc sử dụng dữ liệu báo cáo trên cơ sở hệ thống dữ liệu chung của Tập đoàn, đảm bảo các số liệu là thống nhất và cập nhật, đồng thời rút ngắn thời gian thu thập/cập nhật dữ liệu.
- Các Khối/Ban chức năng, đơn vị có liên quan thường xuyên trao đổi trực tiếp hoặc trực tuyến, hợp lực thực hiện các đánh giá và đề xuất khuyến nghị về chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cho từng thời kỳ khác nhau; trên cơ sở xem xét, cập nhật các thay đổi trong kinh tế vĩ mô cũng như môi trường kinh doanh và tình hình thực tế tại đơn vị;
- Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên Bảng Cân đối Kế toán đảm bảo trách nhiệm với khách hàng, phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh bền vững của Tập đoàn;

Ủy ban ALCO tăng cường thực hiện đa dạng hóa các phương thức thông tin trao đổi; thảo luận, xin ý kiến qua thư điện tử, Teams, hệ thống mạng nội bộ...; tiếp tục và tăng cường việc ứng dụng Power BI và các báo cáo tương tác khác vào công tác theo dõi, phân tích đánh giá và xây dựng báo cáo ALCO, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và ra quyết định.

Báo cáo Ban Kiểm soát

Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là nhiệm vụ trọng tâm của Ban Kiểm soát. Xác định được trọng trách của mình, Ban Kiểm soát đã không ngừng hoàn thiện các hoạt động để đáp ứng sự mong đợi của cổ đông và nhà đầu tư.



1 Ông VŨ THANH HẢI

2 Ông ĐINH HOÀI LINH

3 Bà DƯƠNG THỊ THU THỦY

Báo cáo Ban Kiểm soát

Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp, được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt bầu ra, hoạt động tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật, quy định nội bộ có liên quan.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế hoạt động của BKS, BKS có các quyền và nghĩa vụ chính như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc/Q. Tổng giám đốc, người quản lý khác của Tập đoàn trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.
- Thực hiện giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và việc lập các BCTC.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, BCTC hàng năm và sáu tháng của Tập đoàn; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn.
- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của Tập đoàn.

Nhân sự của Ban Kiểm soát

Nhân sự của Ban kiểm soát trong năm 2025 gồm các thành viên sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bầu Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu BVH
1	**Ông Vũ Thanh Hải**	Trưởng ban kiểm soát	Ngày 29/06/2019 được bầu Kiểm soát viên Ngày 26/12/2024 được bầu lại Kiểm soát viên Ngày 26/12/2024 được bầu là Trưởng ban kiểm soát.	0%
2	**Ông Đinh Hoài Linh**	Kiểm soát viên	Ngày 29/06/2021 được bầu Kiểm soát viên Ngày 26/12/2024 được bầu lại Kiểm soát viên	0%
3	**Bà Dương Thị Thu Thủy**	Kiểm soát viên	Ngày 26/12/2024 được bầu Kiểm soát viên	0%

BKS có 03 kiểm soát viên, các kiểm soát viên đều đủ tư cách và đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (Trưởng BKS và các kiểm soát viên đều có bằng tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo chuyên ngành kế toán, kiểm toán). Các kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không phải là người quản lý Tập đoàn, không làm việc tại bộ phận kế toán của Tập đoàn hoặc kiểm toán viên độc lập kiểm toán BCTC của Tập đoàn, không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tập đoàn, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn.

Báo cáo Ban Kiểm soát

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ đã được quy định và kế hoạch hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐTN 2025 của Tập đoàn Bảo Việt thông qua, hoạt động của BKS trong năm 2025 đã đạt được các kết quả như sau:

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát: BKS đã tổ chức 02 phiên họp định kỳ với các nội dung chính như sau:

Ngày họp	Nội dung	Số KSV tham dự	Tỷ lệ
25/02/2025	**Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS từ ngày 18/12/2024 đến tháng 25/02/2025 với một số nội dung, kết quả chính như sau:** • Phối hợp với Ban điều hành thực hiện các công việc để phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 26/12/2024; • Tổ chức họp BKS, bầu Trưởng ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2024-2029; • Kết quả thực hiện các công việc khác phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các Quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan (bao gồm công việc nghiên cứu và tham gia ý kiến đối với các nội dung, Tờ trình xin ý kiến... liên quan đến hoạt động của HĐQT, TGĐ được gửi tới BKS). **Thông qua một số nhiệm vụ trọng tâm trong các quý năm 2025, gồm các nội dung hoạt động chính như sau:** • Phân công nhiệm vụ trong BKS nhiệm kỳ 2024 – 2029; • Tham gia chuẩn bị nội dung liên quan đến BKS tại Báo cáo Quản trị, Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững năm 2024; • Phối hợp với ban ban Kế toán, đơn vị Kiểm toán độc lập đôn đốc việc thực hiện lập và kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2024, bán niên 2025 và các Quý trong năm 2025; • Thẩm định Dự thảo BCTC riêng và hợp nhất năm 2024, bán niên 2025 đã được kiểm toán/soát xét bởi đơn vị kiểm toán độc lập của Tập đoàn Bảo Việt; • Phối hợp với Ban tổ chức ĐHĐCĐTN 2025 chuẩn bị tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐTN 2025, rà soát, hoàn thiện các khâu công việc chuẩn bị tốt cho kỳ họp ĐHĐCĐTN năm 2025; • Tham gia họp và trình Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐTN năm 2025; • Thực hiện các công việc khác phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các Quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định của pháp luật có liên quan (bao gồm công việc nghiên cứu và tham gia ý kiến đối với các nội dung công việc, Tờ trình xin ý kiến...liên quan đến hoạt động của HĐQT, TGĐ được gửi tới BKS); • Theo dõi, giám sát việc thực hiện kiến nghị của BKS tại các văn bản liên quan đến việc nhận xét đánh giá của BKS đối với BCTC riêng và hợp nhất đã phát hành và các nội dung kiến nghị khác (nếu có).	3/3	100%

Báo cáo Ban Kiểm soát

Ngày họp	Nội dung	Số KSV tham dự	Tỷ lệ
23/12/2025	**Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của BKS từ ngày 26/02/2025 đến tháng 12/2025 với một số nội dung, kết quả chính như sau:** • Thực hiện trao đổi và ban hành Quyết định phân công công việc trong BKS; • Phối hợp với Ban Tài chính Kế toán, Kiểm toán độc lập đôn đốc việc thực hiện lập và kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2024, bán niên 2025; • Ban hành công văn về một số nhận xét, đánh giá của Ban Kiểm soát đối với Dự thảo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024, bán niên năm 2025 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán độc lập của Tập đoàn Bảo Việt; • Giám sát việc thực hiện Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 21/06/2025 của ĐHĐCĐTN năm 2025; • Kết quả thực hiện các công việc khác phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các Quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định của pháp luật có liên quan (bao gồm công việc nghiên cứu và tham gia ý kiến đối với các nội dung công việc, Tờ trình xin ý kiến...liên quan đến hoạt động của HĐQT, TGĐ được gửi tới BKS). **Thông qua một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý I và quý II năm 2026, gồm các nội dung hoạt động chính như sau:** • Phối hợp với Ban Tài chính Kế toán, Kiểm toán độc lập đôn đốc việc thực hiện lập và kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2025, bán niên 2026 và các quý khác trong năm 2026; • Thẩm định Dự thảo BCTC riêng và hợp nhất năm 2025, bán niên 2026 đã được soát xét bởi Kiểm toán độc lập của Tập đoàn Bảo Việt; • Tham gia chuẩn bị nội dung liên quan đến BKS tại Báo cáo Quản trị, Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững năm 2025; • Phối hợp với Ban tổ chức ĐHĐCĐTN 2026 chuẩn bị tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐTN 2026, rà soát, hoàn thiện các khâu công việc chuẩn bị tốt cho kỳ họp ĐHĐCĐTN năm 2025; • Tham gia họp và trình Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐTN năm 2026; • Thực hiện các công việc khác phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các Quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định của pháp luật có liên quan (bao gồm công việc nghiên cứu và tham gia ý kiến đối với các nội dung công việc, Tờ trình xin ý kiến...liên quan đến hoạt động của HĐQT, TGĐ được gửi tới BKS); • Theo dõi, giám sát việc thực hiện kiến nghị của BKS tại các văn bản liên quan đến việc nhận xét đánh giá của BKS đối với BCTC riêng và hợp nhất đã phát hành và các nội dung kiến nghị khác (nếu có).	3/3	100%

Trong các cuộc họp, các kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế hoạt động của BKS và các văn bản quản lý nội bộ khác có liên quan.

Bên cạnh đó, để thực hiện các công việc khác của BKS, ngoài các cuộc họp trực tiếp, Trưởng BKS đã tổ chức lấy ý kiến của các kiểm soát viên qua thư điện tử, hệ thống Teams của Tập đoàn để kịp thời tham gia ý kiến với HĐQT, TGĐ và Ban điều hành.

Báo cáo Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Q. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành năm 2025

Trên cơ sở quyền hạn và nghĩa vụ được quy định, BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, Q. Tổng Giám đốc và Những người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn, cụ thể:

- Giám sát việc tổ chức các phiên họp của HĐQT, việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2025.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2025.
- Giám sát việc phê duyệt các hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc tạm giao và giao kế hoạch kinh doanh chính thức năm 2025 cho Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con, việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty mẹ Tập đoàn.
- Giám sát các hoạt động khác của HĐQT, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2025.

Qua công tác giám sát, BKS thấy:

- Trong năm 2025, nền kinh tế đã phục hồi, chính sách vĩ mô ổn định. Tuy nhiên, năm 2025 cũng ghi nhận sự phân hóa rõ nét trong diễn biến thị trường bảo hiểm do chịu ảnh hưởng chính từ việc thực thi Luật kinh doanh bảo hiểm mới, chi bồi thường bảo hiểm do thiên tai tăng cao nhưng HĐQT, Ban Điều hành đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để hoàn thành tốt trách nhiệm của mình trong công tác quản trị điều hành. Cụ thể:
  - » Năm 2025, kết quả kinh doanh đã đạt được như sau: Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt đạt 59.700 tỷ đồng, hoàn thành 102,5% kế hoạch, tăng 5,0% so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.922 tỷ đồng, hoàn thành 127,0% kế hoạch năm, tăng 33,2% so với năm 2024. Riêng Công ty Mẹ, doanh thu đạt 1.828 tỷ đồng, hoàn thành 100,1% kế hoạch năm, tăng trưởng 8,0% so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế đạt 1.285 tỷ đồng, hoàn thành 100,8% kế hoạch năm, tăng trưởng 8,9% so với năm 2024; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 17,3%;
  - » Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đều cơ bản hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được giao.
- Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT, quyền Tổng Giám đốc được ban hành phù hợp với các quy định quản trị nội bộ của Tập đoàn và pháp luật, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ.



Giám sát quá trình tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2025 và việc thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2025

Qua công tác giám sát, BKS thấy rằng việc tổ chức họp ĐHĐCĐTN và thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2025 tại Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2025

Tập đoàn đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2025 với các nội dung như sau:

- Năm 2025, Tập đoàn đã thực hiện vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐTN 2025 thông qua như các nội dung đã trình bày ở trên.
- Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2024 theo tỷ lệ 10,551%/mệnh giá cổ phiếu tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng với tổng số tiền đã chi trả là 783.224.748.303 đồng, đã trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ -TĐBV ngày 21/06/2025 của ĐHĐCĐTN 2025.

Báo cáo Ban Kiểm soát

Thẩm định báo cáo tài chính và báo cáo tình hình kinh doanh

Năm 2025, BKS đã thường xuyên trao đổi, phối hợp tốt với Ban Tài chính Kế toán, đơn vị kiểm toán độc lập và các bộ phận có liên quan để thẩm định việc lập, kiểm toán/soát xét BCTC riêng của Công ty Mẹ và BCTC hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2024 và bán niên 2025.

Qua thẩm định các BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2024 và bán niên 2025 của Tập đoàn đã được soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam, BKS nhận thấy: 1) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 và bán niên 2025 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và phù hợp các quy định, các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 2) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 và bán niên 2025 đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện theo chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 3) BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 và bán niên 2025 đã được soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán; 4) BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 và bán niên 2025 của Tập đoàn đã được EY Việt Nam soát xét, kiểm toán.

Sự phối hợp của Ban Kiểm soát

BKS với HĐQT, Q. Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn và cổ đông, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và quy định nội bộ.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: Ủy ban Kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ và các Khối/Ban/Văn phòng/Chi nhánh/Trung tâm của Tập đoàn để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Q. Tổng Giám đốc.

Về đánh giá hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ

Trên cơ sở các thông tin, tài liệu được tiếp cận, BKS nhận thấy về cơ bản hệ thống quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn đã được thiết kế và vận hành một cách hiệu quả, phù hợp với quy mô, đặc thù hoạt động kinh doanh và các quy định pháp luật hiện hành, đáp ứng mục tiêu bảo vệ tài sản, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

Phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026

Để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao năng lực trong quản trị, điều hành, nâng cao tính minh bạch nhằm mang lại quyền lợi hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông, trong năm 2026 BKS sẽ tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của BKS theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS và các quy chế nội bộ của Tập đoàn, trong đó tập trung công tác giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn.
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, đề xuất, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Tiếp tục phối hợp tốt với HĐQT, Tổng Giám đốc/Q. Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và các Khối/Ban/Văn phòng/Chi nhánh/Trung tâm của Tập đoàn để kịp thời nắm bắt thông tin, tham gia ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành của Tập đoàn Bảo Việt.

Với trọng trách được cổ đông giao phó, mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với đội ngũ Lãnh đạo cấp cao có trình độ, giàu kinh nghiệm và năng lực trong quản trị, điều hành và nhiệt huyết, sáng tạo trong công việc cùng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự năng động, quyết liệt của Ban điều hành, năm 2025 Tập đoàn đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã giao. Trên cơ sở kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2025, BKS tin tưởng rằng HĐQT, Tổng Giám đốc/Q. Tổng Giám đốc và Ban điều hành sẽ tiếp tục lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch mà ĐHĐCĐTN 2026 thông qua.

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát



Về chế độ tiền lương

Tiền lương của Thành viên chuyên trách Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được xác định theo quy định của Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ.

Về chế độ tiền thưởng của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát

Tiền thưởng năm 2025 của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả từ nguồn quỹ khen thưởng của người quản lý Tập đoàn. Quỹ khen thưởng của người quản lý Tập đoàn được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được ĐHĐCĐ thông qua tại nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 21/6/2025, bằng: 539,030 triệu đồng, tương đương 0,05% lợi nhuận sau thuế.

Về các chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Chế độ sử dụng ô tô của Tập đoàn

Thành viên HĐQT, kiểm soát viên và Ban điều hành được sử dụng ô tô của Tập đoàn để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên tương ứng.

Thành viên chuyên trách HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát được trang bị thẻ Taxi và/hoặc được cấp tài khoản Taxi công nghệ để phụ vụ đi lại giao dịch công tác theo định mức quy định của Tập đoàn

Chế độ sử dụng điện thoại

Tập đoàn trang bị điện thoại di động, thanh lý cước điện thoại di động và khoán cước điện thoại theo mức quy định của Tập đoàn.

Chế độ khám sức khỏe định kỳ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo quy định của Tập đoàn.

Chế độ công tác phí

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên khi đi công tác (trong nước hoặc quốc tế) được thanh toán chi phí sử dụng phương tiện đi lại (ô tô hoặc máy bay) và nghỉ tại khách sạn theo hạn mức quy định tại quy chế nội bộ của Tập đoàn.

Ngoài các khoản chi phí nêu trên, Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên đi công tác được hưởng thêm phụ cấp lưu trú để hỗ trợ thêm theo quy định tại quy chế nội bộ của Tập đoàn.

Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác

Ngoài tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát còn được tham gia Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm bệnh Ung thư, Bảo hiểm nhân thọ An Phát trọn đời, Hưu trí Tự nguyện, và bảo hiểm An nghiệp thành công.

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Nguyên tắc chi trả thù lao

Việc chi trả thù lao hằng tháng đối với thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm của Tập đoàn Bảo Việt.

Quỹ thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát của Tập đoàn Bảo Việt do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt cụ thể như sau:

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban Kiểm soát: 17,2 triệu đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của thành viên Kiểm soát viên: 12 triệu đồng/người/tháng.

Quỹ thù lao thực hiện năm 2025 được xác định trên cơ sở số thành viên Hội đồng Quản trị, kiểm soát viên không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc thực tế của từng thành viên và mức thù lao đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 20% mức tiền lương tương ứng của thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách theo hướng dẫn Nghị định 248/2025 bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách Tập đoàn theo quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ.

- Đối với mức thù lao của thành viên độc lập HĐQT: không vượt quá 3,5 lần mức thù lao của thành viên HĐQT là người đại diện vốn nhà nước tại Tập đoàn.

Thù lao chi trả trong năm 2025

Trong năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện chi trả thù lao và các khoản phúc lợi khác cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 21/6/2025, cụ thể như sau:

Thù lao HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao theo tháng (VNĐ/tháng)	Số tháng/ ngày	Tổng số tiền bao gồm thuế TNCN (VNĐ)
1	**Inami Ryota**	TV HĐQT	17.200.000	12 tháng	206.400.000
2	**Igarashi Takafumi**	TV HĐQT	17.200.000	12 tháng	206.400.000
3	**Nguyễn Xuân Việt**	TV HĐQT	17.200.000	12 tháng	206.400.000
4	**Nguyễn Quang Phi**	TV HĐQT	17.200.000	12 tháng	206.400.000
5	**Nguyễn Thừa Nhật**	TV HĐQT	17.200.000	12 tháng	206.400.000
6	**Ngô Thị Thu Trang**	TV HĐQT	60.000.000	12 tháng	720.000.000
7	**Dương Trí Thành**	TV HĐQT	60.000.000	12 tháng	720.000.000
8	**Trịnh Hồng Quang**	TV HĐQT	60.000.000	12 tháng	720.000.000
	Tổng cộng:				**3.192.000.000**

Thù lao Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao theo tháng (VNĐ/tháng)	Số tháng/ ngày	Tổng số tiền bao gồm thuế TNCN (VNĐ)
1	**Vũ Thanh Hải**	Kiểm soát viên	17.200.000	12 tháng	206.400.000
2	**Đinh Hoài Linh**	Kiểm soát viên	12.000.000	12 tháng	144.000.000
3	**Dương Thị Thu Thủy**	Kiểm soát viên	12.000.000	12 tháng	144.000.000
	Tổng cộng:				**494.400.000**

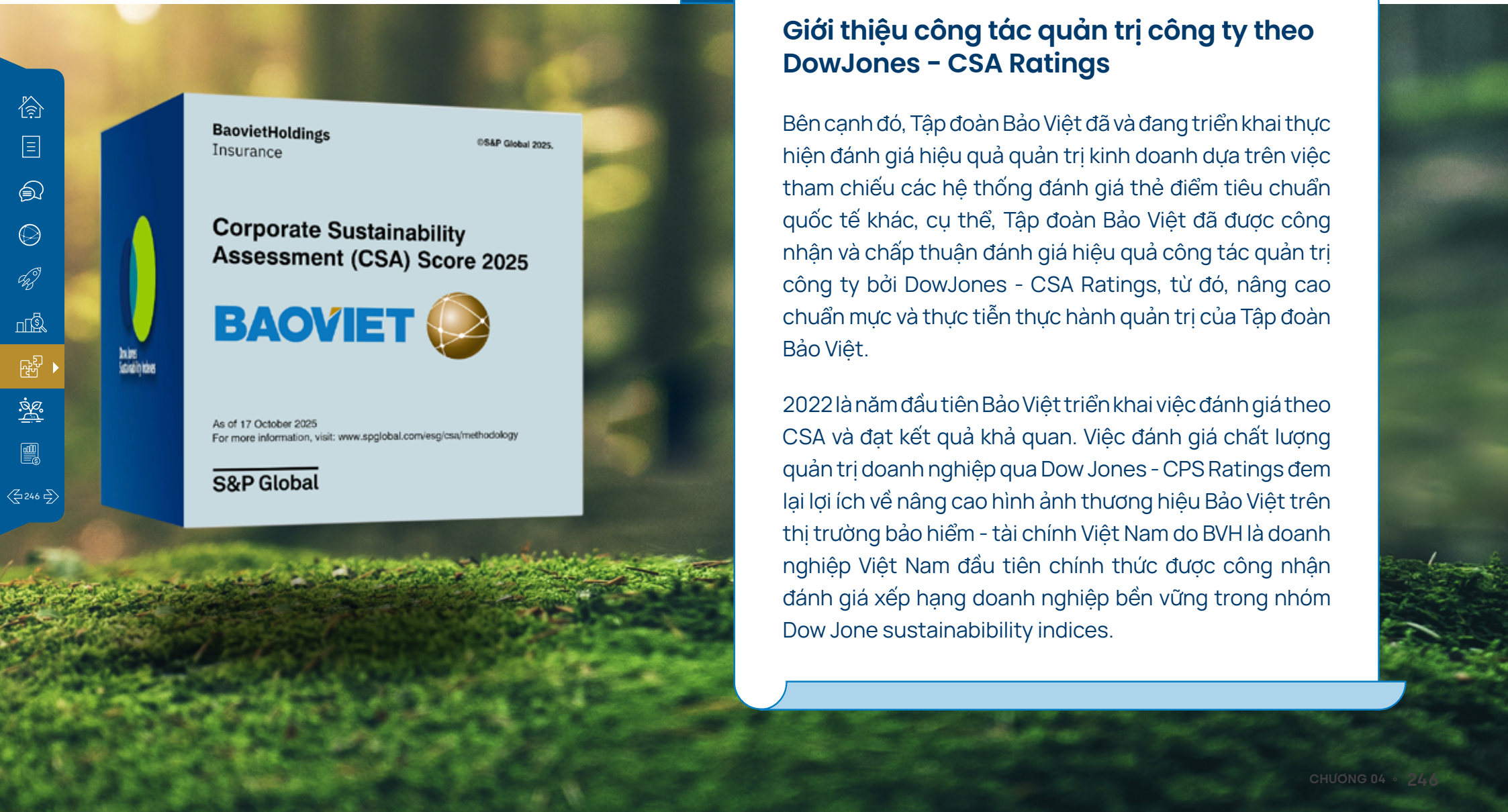
Chế độ công tác phí

Ngoài các khoản thù lao nêu trên, Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và kiểm soát viên được hưởng chế độ di chuyển, lưu trú và phụ cấp tại nơi công tác theo quy định của Tập đoàn, nhằm hỗ trợ các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Chế độ khám sức khỏe định kỳ

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ hằng năm tại cơ sở y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo quy định của Tập đoàn.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp



Giới thiệu công tác quản trị công ty theo DowJones – CSA Ratings

Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang triển khai thực hiện đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh dựa trên việc tham chiếu các hệ thống đánh giá thẻ điểm tiêu chuẩn quốc tế khác, cụ thể, Tập đoàn Bảo Việt đã được công nhận và chấp thuận đánh giá hiệu quả công tác quản trị công ty bởi DowJones - CSA Ratings, từ đó, nâng cao chuẩn mực và thực tiễn thực hành quản trị của Tập đoàn Bảo Việt.

2022 là năm đầu tiên Bảo Việt triển khai việc đánh giá theo CSA và đạt kết quả khả quan. Việc đánh giá chất lượng quản trị doanh nghiệp qua Dow Jones - CPS Ratings đem lại lợi ích về nâng cao hình ảnh thương hiệu Bảo Việt trên thị trường bảo hiểm - tài chính Việt Nam do BVH là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên chính thức được công nhận đánh giá xếp hạng doanh nghiệp bền vững trong nhóm Dow Jone sustainabibility indices.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Dow Jones Sustainability Indexes

Trong các năm vừa qua, tiếp thu những khuyến nghị và đề xuất của Dow Jones, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai rà soát, đổi mới và thực hiện được nhiều phát triển vượt trội về quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những đánh giá này thể hiện được một lộ trình phát triển, đi lên nâng cao giá trị thương hiệu và chất lượng quản trị công ty vô cùng tích cực, cụ thể:

- Bổ sung thành viên độc lập HĐQT vào đội ngũ quản trị, lãnh đạo của Tập đoàn;
- Tỷ lệ lãnh đạo nữ và lãnh đạo nam trong HĐQT được cải thiện so với mọi năm;
- Ban Kiểm soát được tăng cường nguồn nhân lực, tiếp tục duy trì tỷ lệ kiểm soát viên nam và nữ trong nội bộ.

Với mong muốn tiếp tục phát triển và hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, mục tiêu phấn đấu của Tập đoàn Bảo Việt trong việc triển khai đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh có thể được xác định như sau:

Nâng cao nhận thức về quản trị doanh nghiệp: Tập đoàn Bảo Việt sẽ tăng cường công tác truyền thông, đào tạo và nâng cao nhận thức của toàn bộ cán bộ và nhân viên về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp hiệu quả.

Cải tiến hệ thống quản trị chất lượng: Dựa trên các tiêu chí của DowJones - CSA Ratings và các hệ thống thẻ điểm quốc tế, Tập đoàn sẽ không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo đáp ứng các chuẩn mực cao nhất trong quản trị.

Tối ưu hóa quy trình đánh giá hiệu quả: Tập đoàn sẽ triển khai các biện pháp hiệu quả để thực hiện đánh giá định kỳ về hiệu quả quản trị, từ đó định hướng điều chỉnh chính sách và chiến lược kinh doanh phù hợp.

Tăng cường đạt được các chứng nhận quốc tế: Tập đoàn phấn đấu đạt được và duy trì các chứng nhận quốc tế khác liên quan đến quản trị doanh nghiệp, đảm bảo điều này trở thành một phần của văn hóa doanh nghiệp.

Đảm bảo minh bạch và trách nhiệm: Tập đoàn sẽ cải thiện tính minh bạch trong quản trị, nâng cao trách nhiệm với các bên liên quan thông qua việc công bố thông tin và báo cáo định kỳ về hiệu quả quản trị.

Theo dõi và đánh giá hiệu quả liên tục: Tập đoàn sẽ thiết lập một hệ thống theo dõi và đánh giá liên tục để đảm bảo các mục tiêu quản trị và kinh doanh được thực hiện hiệu quả, từ đó cải tiến liên tục các quy trình và hoạt động.

Bằng việc thực hiện những mục tiêu này, Tập đoàn Bảo Việt không chỉ nâng cao chuẩn mực và hiệu quả quản trị mà còn góp phần tạo dựng uy tín và niềm tin trong mắt các cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Đánh giá hiệu suất CSA của Tập đoàn Bảo Việt

Trong giai đoạn 2023 - 2025, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang triển khai đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh thông qua việc tham chiếu các hệ thống thẻ điểm tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt, Bảo Việt đã được công nhận và chấp thuận đánh giá hiệu quả công tác quản trị công ty bởi Dow Jones - CSA Ratings, khẳng định cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp bền vững theo thông lệ quốc tế. Việc tham gia hệ thống đánh giá này không chỉ giúp Tập đoàn nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình mà còn tạo nền tảng vững chắc để cải thiện hiệu suất hoạt động, đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư và các bên liên quan.





Các vấn đề được đánh giá cao bởi Dow Jones – CSA Ratings

Trong quá trình đánh giá theo chỉ số CSA, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được nhiều điểm số tích cực ở các lĩnh vực trọng yếu, thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với quản trị doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Đặc biệt, các tiêu chí liên quan đến minh bạch thông tin, quản trị rủi ro và báo cáo khí nhà kính được đánh giá cao, phản ánh sự nỗ lực của Bảo Việt trong việc áp dụng các thông lệ quốc tế và nâng cao tiêu chuẩn hoạt động. Dưới đây là các vấn đề nổi bật theo từng nhóm tiêu chí chính của Tập đoàn Bảo Việt được Dow Jones - CSA Ratings đánh giá cao:

Quản trị doanh nghiệp và Quản trị kinh doanh

Minh bạch thông tin và Báo cáo tài chính

- Hệ thống báo cáo tài chính của Bảo Việt đã tuân thủ chuẩn mực IFRS và GRI Standards.
- Bảo Việt đã công bố đầy đủ dữ liệu ESG, nâng cao điểm số về minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Quản trị rủi ro và tuân thủ

- Hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) của Bảo Việt được tích hợp vào mô hình kinh doanh.
- Bảo Việt phát hành và công bố thông tin chính sách chống tham nhũng, bảo vệ cổ đông thiểu số, kiểm soát nội bộ được đánh giá cao.

Quản trị môi trường làm việc

Quản lý phát thải khí nhà kính (GHG) và báo cáo Carbon

- Bảo Việt đã công bố số liệu phát thải Phạm vi 1, 2, có chính sách giảm phát thải.
- Bước đầu áp dụng mô hình văn phòng xanh, tiết kiệm năng lượng.

Hiệu quả sử dụng tài nguyên

- Bảo Việt đã từng bước tiến hành chiến lược chuyển đổi số giúp giảm tiêu thụ giấy, điện năng trong hoạt động.
- Lan tỏa phong trào trong nội bộ và toàn hệ thống đơn vị thành viên về việc tiết kiệm tài nguyên điện và nước.

Quản trị nhân lực và hoạt động cộng đồng

Chính sách nhân sự và phúc lợi tốt

- Bảo Việt đã có các chương trình đào tạo, phát triển nhân sự bài bản.
- Bảo Việt cung cấp các chính sách bảo hiểm, khám sức khỏe, chế độ đãi ngộ cho nhân viên ở mức cao.

Hoạt động cộng đồng và CSR

- Bảo Việt đã thực hiện các chương trình đầu tư cho giáo dục thế hệ trẻ, hỗ trợ khám và chữa bệnh và các chương trình xóa nghèo cho các gia đình chính sách đã đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của cộng đồng

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Các vấn đề cần cải thiện theo khuyến nghị của Dow Jones – CSA Ratings

Trước những thành tựu đạt được, Tập đoàn Bảo Việt cũng nhận diện rõ những lĩnh vực cần tiếp tục cải thiện để nâng cao xếp hạng CSA trong các năm tiếp theo. Một số hạn chế trong chiến lược ESG, quản trị chuỗi cung ứng và cam kết Net Zero vẫn cần có các biện pháp khắc phục mạnh mẽ. Dưới đây là bảng phân tích chi tiết các điểm còn hạn chế và các giải pháp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

Khía cạnh	Điểm cần cải thiện	Giải pháp cải thiện
Quản trị doanh nghiệp và Quản trị kinh doanh	• Báo cáo Phát triển bền vững có chiến lược về ESGs nhưng chưa tích hợp sâu vào chiến lược kinh doanh • Hiện chưa có tiêu chí ESG bắt buộc đối với nhà cung cấp • Công nghệ InsurTech, AI, Big Data vẫn còn rất nhiều khía cạnh chưa được khai thác và ứng dụng triệt để trong hoạt động kinh doanh	• Công bố lộ trình ESG dài hạn, gắn kết với chiến lược doanh nghiệp • Áp dụng tiêu chí đánh giá ESG vào quy trình chọn nhà cung cấp • Đầu tư mạnh vào chuyển đổi số, tối ưu hóa quy trình vận hành
Quản trị môi trường làm việc	• Lộ trình Net Zero của Bảo Việt hiện chưa có cam kết trung hòa carbon vào năm cụ thể • Tỷ trọng đầu tư vào danh mục tài chính xanh chưa cao. • Hiện chưa có chính sách về tái chế, giảm rác thải cụ thể.	• Xây dựng kế hoạch giảm phát thải dài hạn, công bố mục tiêu Net Zero đến 2050 • Đặt mục tiêu tăng tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu xanh, quỹ ESG • Áp dụng chính sách Zero Waste, tăng cường tái chế và sử dụng tài nguyên tuần hoàn.
Quản trị nhân lực và hoạt động cộng đồng	• Tỷ lệ nữ giới trong HĐQT, Ban điều hành còn thấp. • Chưa có báo cáo chi tiết về tai nạn lao động, sức khỏe nhân viên.	• Đặt mục tiêu rõ ràng về tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, có lộ trình cụ thể. • Công khai dữ liệu Lost Time Injury Rate (LTIR), triển khai chương trình an toàn lao động theo tiêu chuẩn quốc tế.

Từ các kết quả đánh giá của Dow Jones - CSA Ratings, bên cạnh việc doanh nghiệp đạt điểm cao ở các lĩnh vực như minh bạch thông tin, quản trị rủi ro và báo cáo khí nhà kính, Bảo Việt nhận thức rõ và đặt mục tiêu tập trung vào các vấn đề sau để cải thiện hoạt động của doanh nghiệp như:

- Tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh cùng KPIs cụ thể.
- Quản trị chuỗi cung ứng bền vững, bổ sung yêu cầu nhà cung cấp tuân thủ ESG.
- Xây dựng lộ trình Net Zero, làm rõ mục tiêu và cam kết giảm phát thải.
- Tăng đầu tư vào tài chính xanh, mở rộng danh mục đầu tư ESG.
- Nâng cao bình đẳng giới trong lãnh đạo, đặt mục tiêu cụ thể.

Trong những năm tới, Bảo Việt sẽ tập trung cải thiện các yếu tố trên nhằm nâng cao xếp hạng CSA, tăng tính cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính và bảo hiểm bền vững.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Bảo Việt áp dụng Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN (ACGS)

Thẻ điểm Quản trị Doanh nghiệp ASEAN (ACGS) là sáng kiến của Diễn đàn Thị trường Vốn ASEAN nhằm cải thiện tiêu chuẩn và thực hành quản trị doanh nghiệp của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán trong khu vực ASEAN, đồng thời nâng cao khả năng hiện diện quốc tế của các công ty ASEAN được quản trị tốt.



Trong giai đoạn 2018 – 2025, các chuẩn mực về Quản trị công ty theo quy định tại ACGS đã được Bảo Việt tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp của mình. Tập đoàn Bảo Việt đã cải thiện tích cực ở các tiêu chí sau:

1. Về tính độc lập của hội đồng quản trị thông qua việc bổ sung thành viên độc lập Hội Đồng Quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029 nhằm tiệm cận/đạt được yêu cầu về tỷ lệ thành viên độc lập trong HĐQT theo thông lệ quản trị tốt nhất và quy định pháp luật Việt Nam,

2. Kiện toàn nhân sự Ban Kiểm soát, đảm bảo sự cân bằng về kinh nghiệm, giới tính, vv. giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát.

3. Sự đổi mới website Bảo Việt với giao diện và tính năng thân thiện hơn để cập nhật, công bố đầy đủ các thông tin cho các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận.

4. Bảo Việt nỗ lực kiện toàn và tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro và Tuân thủ trong khung quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt với mục tiêu

   (i) Đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác

   (ii) Góp phần quan trọng trong nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp

   (iii) Là các tuyếnbảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo các giá trị bền vững trong dài hạn cho cổ đông.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang triển khai thực hiện đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh dựa trên việc tham chiếu các hệ thống đánh giá thẻ điểm tiêu chuẩn quốc tế khác, cụ thể, Tập đoàn Bảo Việt đã được công nhận và chấp thuận đánh giá hiệu quả công tác quản trị công ty bởi DowJones - CSA Ratings, từ đó, nâng cao chuẩn mực và thực tiễn thực hành quản trị của Tập đoàn Bảo Việt.

2022 là năm đầu tiên Bảo Việt triển khai việc đánh giá theo CSA và đạt kết quả khả quan. Việc đánh giá chất lượng quản trị doanh nghiệp qua Dow Jones - CPS Ratings đem lại lợi ích về nâng cao hình ảnh thương hiệu Bảo Việt trên thị trường bảo hiểm - tài chính Việt Nam do BVH là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên chính thức được công nhận đánh giá xếp hạng Doanh nghiệp bền vững trong nhóm Dow Jone sustainabibility indices.



Trong các năm vừa qua, tiếp thu những khuyến nghị và đề xuất của Dow Jones, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai rà soát, đổi mới và thực hiện được nhiều phát triển vượt trội về quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những đánh giá này thể hiện được một lộ trình phát triển, đi lên nâng cao giá trị thương hiệu và chất lượng quản trị công ty vô cùng tích cực. Cụ thể:

- Bổ sung thành viên độc lập HĐQT vào đội ngũ quản trị, lãnh đạo của Tập đoàn;
- Tỷ lệ lãnh đạo nữ và lãnh đạo nam trong HĐQT được cải thiện so với mọi năm;
- Ban Kiểm soát được tăng cường nguồn nhân lực, tiếp tục duy trì tỷ lệ kiểm soát viên nam và nữ trong nội bộ

Với mong muốn tiếp tục phát triển và hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, mục tiêu phấn đấu của Tập đoàn Bảo Việt trong việc triển khai đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh có thể được xác định như sau:

- **Nâng cao nhận thức về quản trị doanh nghiệp:** Tập đoàn Bảo Việt sẽ tăng cường công tác truyền thông, đào tạo và nâng cao nhận thức của toàn bộ cán bộ và nhân viên về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp hiệu quả.
- **Cải tiến hệ thống quản trị chất lượng:** Dựa trên các tiêu chí của DowJones – CSA Ratings và các hệ thống thẻ điểm quốc tế, Tập đoàn sẽ không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo đáp ứng các chuẩn mực cao nhất trong quản trị.
- **Tối ưu hóa quy trình đánh giá hiệu quả:** Tập đoàn sẽ triển khai các biện pháp hiệu quả để thực hiện đánh giá định kỳ về hiệu quả quản trị, từ đó định hướng điều chỉnh chính sách và chiến lược kinh doanh phù hợp.
- **Tăng cường đạt được các chứng nhận quốc tế:** Tập đoàn phấn đấu đạt được và duy trì các chứng nhận quốc tế khác liên quan đến quản trị doanh nghiệp, đảm bảo điều này trở thành một phần của văn hóa doanh nghiệp.
- **Đảm bảo minh bạch và trách nhiệm:** Tập đoàn sẽ cải thiện tính minh bạch trong quản trị, nâng cao trách nhiệm với các bên liên quan thông qua việc công bố thông tin và báo cáo định kỳ về hiệu quả quản trị.
- **Theo dõi và đánh giá hiệu quả liên tục:** Tập đoàn sẽ thiết lập một hệ thống theo dõi và đánh giá liên tục để đảm bảo các mục tiêu quản trị và kinh doanh được thực hiện hiệu quả, từ đó cải tiến liên tục các quy trình và hoạt động.

Bằng việc thực hiện những mục tiêu này, Tập đoàn Bảo Việt không chỉ nâng cao chuẩn mực và hiệu quả quản trị mà còn góp phần tạo dựng uy tín và niềm tin trong mắt các cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Đánh giá chung về thực hành quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt

Thực hành tốt *Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện*

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG		
Quyền của cổ đông		Cổ đông được tham gia vào quá trình phê duyệt và thông qua Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt; phát hành cổ phiếu của Tập đoàn; bầu HĐQT và Kiểm soát viên; thông qua các vấn đề nghị sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
Biểu quyết vắng mặt		Cổ đông căn cứu các tài liệu Đại hội được đăng tải trên website để biểu quyết các vấn đề có liên quan và gửi về Tập đoàn Bảo Việt trước Đại hội, các biểu quyết này của cổ đông được coi là hợp lệ và được tính vào số phiếu tán thành/không tán thành/không có ý kiến khi kiểm phiếu tại Đại hội;
Chi trả cổ tức cho cổ đông		Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày HĐQT ra Nghị quyết về chi trả cổ tức và trong vòng 06 tháng kể từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.
Cung cấp Thông báo họp và Tài liệu họp ĐHĐCĐ		Đã cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong tài liệu ĐHĐCĐ
Đề cử và bầu cử thành viên HĐQT		Cổ đông có quyền đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị bất kể là cổ đông lớn hay cổ đông thiểu số
Tham dự ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và cổ đông		Biên bản ĐHĐCĐ công bố đầy đủ về sự tham gia của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát. Tập đoàn Bảo Việt cũng khuyến khích sự tham gia của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức
Công bố Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ		• Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin song ngữ Anh - Việt trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc Đại hội; Biên bản ghi nhận tất cả các câu hỏi của cổ đông và trả lời của Chủ tịch Đoàn trong phần thảo luận tại Đại hội; • Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm đầy đủ các nội dung kết quả biểu quyết: số phiếu thông qua, phản đối và phiếu trống cho mỗi nội dung nghị quyết.
Thời hạn công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ		Tài liệu họp ĐHĐCĐ đã được công bố đầy đủ 21 ngày trước ngày họp

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Thực hành tốt *Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện*

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG		
Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ		• Công bố thông báo họp và các tài liệu liên quan song ngữ Anh – Việt trên website của Bảo Việt; • Cung cấp đầy đủ cơ sở, thông tin và giải trình cho các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội;
Công bố thông tin về ứng viên HĐQT, chính sách chi trả cổ tức		Công bố đầy đủ trong tài liệu ĐHĐCĐ và Báo cáo thường niên
Chất lượng và thời gian công bố tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Anh		Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất đã được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu tiếng Việt.
Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.		Công ty chưa có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông.
		Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích trong Điều lệ, Quy chế nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT
		Công ty quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Thực hành tốt *Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện*

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN		
Báo cáo phát triển bền vững		Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục triển khai kiểm toán/đảm bảo Báo cáo Báo cáo phát triển bền vững 08 năm liên tiếp (từ năm 2016-2024) bởi Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn. Các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ đã được cải thiện qua các năm, đảm bảo độ tin cậy của thông tin cung cấp trong báo cáo.
Tương tác với cộng đồng, trách nhiệm xã hội, và chính sách cho nhân viên		• Tập đoàn công bố chính sách và thực hành trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động, bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường và phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững. • Công bố chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, phúc lợi và chương trình đào tạo cho nhân viên.
Thông tin liên lạc cho cổ đông		Tập đoàn cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty và Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (như: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ.
Hệ thống /quy trình khiếu nại về hành vi không hợp pháp (Whistle-blowing system)		Bảo Việt đã xây dựng, ban hành, và công bố trên website Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, Quy chế phòng chống tham nhũng để định hướng văn hóa doanh nghiệp, chống các hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức. Ban Tổ chức Nhân sự, Khối Quản lý Hoạt động là đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận các khiếu nại về các hành vi này.
Các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu, bảo vệ quyền lợi của chủ nợ		Đã xây dựng và công bố chi tiết trong Báo cáo phát triển bền vững hàng năm
Chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn		Tập đoàn đã thực hiện phát hành ESOP cho cán bộ nhân viên với thời gian hạn chế chuyển nhượng trong 03 năm (05/2018-05/2021), tăng cường sự gắn kết của Người lao động và tri ân sự đóng góp của Người lao động đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Thực hành tốt *Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện*

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH		
Báo cáo thường niên		• Bảo Việt cung cấp đầy đủ các thông tin về cổ đông, về cấu trúc sở hữu của Công ty, hệ thống công ty con, công ty liên kết của Bảo Việt và các thông tin tài chính và phi tài chính trên Báo cáo thường niên của Bảo Việt. • Chất lượng của Báo cáo thường niên: cung cấp đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, đạt nhiều giải trong nước và quốc tế về bình chọn Báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
Công bố thông tin về GDBLQ và giao dịch cổ phiếu của người trong công ty thực hiện		Đã cung cấp thông tin chi tiết đối với các giao dịch bên liên quan trọng yếu và giao dịch cổ phiếu của người trong Tập đoàn tại các thời điểm phát sinh hợp đồng/giao dịch theo Nghị quyết của HĐQT trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị công ty và trên Báo cáo thường niên.
Website		• Đăng tải các thông tin cập nhật song ngữ Anh – Việt. • Cung cấp thông tin định kỳ và bất thường (trong vòng 24 giờ kể từ khi phát sinh) cho các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước về tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên có thể được tải về, báo cáo và tài liệu ĐHĐCĐ, tài liệu về quản trị công ty (Điều lệ, Quy chế Quản trị, Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp).
Họp báo và thông cáo báo chí		Đã tổ chức các cuộc họp báo và công bố các thông báo cáo chí có liên quan đến chiến lược và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Thực hành tốt *Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện*

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT		
Vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT và quy định về quản trị công ty		• Quy định chi tiết tại Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty.
Vai trò thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp niêm yết khác		• Tập đoàn quy định giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác tại Quy chế Quản trị Tập đoàn. • Tập đoàn không có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài Tập đoàn
Cuộc họp HĐQT		• HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trong năm 2025. • Tài liệu họp HĐQT được cung cấp cho các thành viên HĐQT 5 ngày trước ngày họp • Đã công bố thông tin về việc tham dự họp HĐQT của từng thành viên HĐQT trên báo cáo thường niên.
Tính độc lập của thành viên HĐQT		• Kiện toàn nhân sự thành viên độc lập HĐQT từ thời điểm 26/12/2024 (Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai kiện toàn 03 thành viên độc lập HĐQT). • Chủ tịch HĐQT không phải thành viên độc lập HĐQT. • Không tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Thực hành tốt *Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện*

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT		
Các Ủy ban trực thuộc HĐQT		• Đã thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT theo khuyến nghị của ACGS (bao gồm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm, Ủy ban Kiểm toán), thành lập Ban Kiểm toán nội bộ. • Quy chế hoạt động của các Ủy ban và tình hình tham dự cuộc họp của các thành viên Ủy ban được công bố trong Báo cáo thường niên.
		• Chủ nhiệm các Ủy ban thuộc HĐQT không phải là thành viên độc lập HĐQT. • Các Ủy ban họp chủ yếu thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản, không tiến hành họp trực tiếp.
Đánh giá thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT		• Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm và HĐQT đã thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, Ủy ban thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT dựa trên các tiêu được HĐQT thông qua tại Quy chế hoạt động của HĐQT. • Các thành viên độc lập HĐQT thực hiện đánh giá hoạt động của thành viên độc lập HĐQT, báo cáo độc lập về hoạt động của HĐQT theo quy định. • Kết quả đánh giá đã được công bố trên Báo cáo thường niên.
Chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới và quy hoạch các vị trí lãnh đạo cấp cao		• Tiếp tục xây dựng, tham gia các chương trình định hướng và đào tạo về công tác Quản trị Công ty dành riêng cho thành viên HĐQT, Chủ nhiệm các ủy ban, Thư ký Công ty.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Một số điểm Bảo Việt cần tiếp tục cải thiện để nâng cao thực hành quản trị công ty

Với mục tiêu tiên phong áp dụng và từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới Bảo Việt cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến quản trị công ty:

KẾ HOẠCH NGẮN HẠN:
cải thiện các chuẩn mực liên quan đến "Công bố thông tin và minh bạch", và tăng cường "Vai trò của các Bên liên quan", cụ thể:

- Tiếp tục duy trì việc tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2015/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng và các chuẩn mực tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, gia tăng tính minh bạch bằng việc công bố thông tin song ngữ theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/01/2026; phấn đấu thực hiện tốt hơn các chuẩn mực quy định tại các quy định hiện hành và thông lệ quốc tế để cung cấp các thông tin đến cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu xây dựng chính sách, quy trình tố giác/khiếu nại sai phạm của Công ty ngoài các vấn đề chung đã được quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Bảo Việt.
- Xây dựng kế hoạch kế nhiệm, các chương trình định hướng và đào tạo dành cho các thành viên HĐQT mới và các thành viên đương nhiệm để đảm bảo duy trì đội ngũ lãnh đạo kế cận của Bảo Việt có đủ kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết đảm nhận nhiệm vụ.
- Tăng cường các cuộc họp HĐQT mở rộng ngoài các cuộc họp định kỳ để thảo luận các vấn đề trọng yếu liên quan đến định hướng hoạt động kinh doanh và giải pháp trọng tâm;

KẾ HOẠCH TRUNG VÀ DÀI HẠN:
tăng cường Trách nhiệm của HĐQT

- Tăng cường sự tham gia của các thành viên độc lập trong các Ủy ban thuộc HĐQT nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban để tư vấn, tham mưu cho HĐQT; tăng cường tính độc lập của các Ủy ban thuộc HĐQT.
- Nghiên cứu xây dựng/quy định một số chính sách liên quan đến phê duyệt của HĐQT đối với giao dịch với người có liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn, cụ thể:
  - » Chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm Thành viên độc lập HĐQT rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông;
  - » Chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu;
  - » Chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.
- Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị trên thế giới.
- Về việc tổ chức Họp và tham gia Họp HĐQT: Xây dựng cơ chế có ít nhất một cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Đánh giá chi tiết về thực hành quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt theo Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN

Bảng đánh giá chi tiết về thực hành quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt theo Thẻ điểm quản trị công ty tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ◐ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* N/A *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

A QUYỀN CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.1	**Quyền cơ bản của cổ đông**		
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	✓	
A.2	**Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty**		
A.2.1	Sửa đổi quy chế (Điều lệ) công ty?	✓	Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	✓	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	✓	
A.3	**Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, và phải được thông tin về quy định họp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết**		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành	✓	Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ thường niên đều thể hiện nội dung này.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

A QUYỀN CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên HĐQT?	✓	Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên HĐQT.	✓	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT quy định thể lệ bầu cử rõ ràng cho cổ đông.
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành	✓	Công bố tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ trước ngày Đại hội và trước khi Đại hội được tiến hành
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại ĐHĐCĐ.	✓	Bảo Việt đã ghi nhận và công bố các câu hỏi và trả lời trong phần thảo luận trong Biên bản ĐHĐCĐ Công bố Biên bản họp bằng tiếng Việt và tiếng Anh
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Công bố đầy đủ tại Nghị quyết ĐHĐCĐ
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGĐ có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	✓	Ghi nhận tại Điều lệ và Quy chế tổ chức Đại hội
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	✓	Công bố tại Quy chế tổ chức Đại hội.
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	✓	Công bố tại ĐHĐCĐ, thể hiện trong Biên bản ĐHĐCĐ
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

A QUYỀN CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	✓	
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	✓	Tài liệu tại ĐHĐCĐ của Bảo Việt đã cung cấp đầy đủ thông tin và cơ sở về các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua. Đã công bố các tài liệu bằng tiếng Anh.
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	✓	Cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi cho Hội đồng Quản trị, kể cả câu hỏi liên quan tới kiểm toán độc lập hàng năm, kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, và đề xuất các giải pháp trong giới hạn hợp lý. Ghi nhận trong Biên bản ĐHĐCĐ.
A.4	**Thị trường giao dịch thâu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch**		
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	N/A	Tại Bảo Việt chưa xảy ra trường hợp này.
A.5	**Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức**		
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	✓	Bảo Việt đã công bố rất chi tiết nội dung này trên báo cáo thường niên (mục quan hệ cổ đông, các chính sách về việc khuyến khích cổ đông thực hiện các quyền của mình, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự bỏ phiếu, biểu quyết các vấn đề quan trọng).

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

B

ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.1	**Cổ phiếu và quyền biểu quyết**		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết	✓	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	✓	Bảo Việt công bố rõ nội dung "công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường" trong thông báo chốt danh sách, website Bảo Việt, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên.
B.2	**Thông báo của ĐHĐCĐ**		
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung.	✓	
B.2.2	Tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt.	✓	
	Thông báo của ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:		
B.2.3	Tài liệu ĐHĐCĐ có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho HĐQT (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và các vị trí HĐQT đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác).	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố SYLL của ứng viên.
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	✓	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này theo Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập.
B.2.5	Giấy ủy quyền ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng	✓	Đính kèm Thông báo Họp ĐHĐCĐ gửi cổ đông và up lên website Bảo Việt
B.3	**Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân**		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài	✓	Quy định tại Quy chế quản trị công ty và Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* N/A *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

B

ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.3.2	Thành viên HĐQT được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc.	✓	
B.4	**Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao**		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	✓	Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên độc lập HĐQT rà soát GDBLQ (giao dịch bên liên quan) trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	✓	
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	✓	
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường	✓	Theo quy định tại Khoản 4 Điều 40 của Điều lệ hiện hành, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

B ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.5	**Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng**		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	✓	Bảo Việt có nêu chính sách về việc đảm bảo công bằng và minh bạch trong giao dịch với các bên liên quan tại Báo cáo thường niên.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	✓	Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên.

C VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
C.1	**Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng**		
	Công ty có công bố chính sách và thực hành về:		
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng.	✓	Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	✓	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này, chi tiết nêu trong báo cáo phát triển bền vững
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	✓	Bảo Việt đã công bố chính sách này trong Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	✓	Bảo Việt đã công bố chiến lược và chính sách rõ ràng liên quan đến nội dung này trong Báo cáo phát triển bền vững
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	✓	Bảo Việt đã ban hành Quy tắc ứng xử và Quy chế Phòng chống rửa tiền. Đã ban hành bản tiếng Anh và tiếng Việt quy chế trên website.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

C

VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	*N/A*	Bảo Việt sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu cho các hoạt động kinh doanh.
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	✓	Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững
C.2	**Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm**		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ	✓	Bảo Việt đã nêu rõ đầu mối liên lạc và bộ phận Quan hệ cổ đông trên Báo cáo thường niên và website Tập đoàn.
C.3	**Cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng**		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	✓	
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	✓	
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	✓	
C.4	**Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.**		
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?	✓	Được quy định tại Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của TĐBV ban hành kèm theo Quyết định số 126/2016/QĐ-TĐBV ngày 18/01/2016 của TGĐ Tập đoàn Bảo Việt
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức ?	✓	

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

D

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.1	**Cấu trúc sở hữu minh bạch**		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo tóm tắt danh sách cổ đông gửi HOSE (sau mỗi lần chốt danh sách cổ đông); Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà cổ đông lớn nắm giữ	✓	
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị nắm giữ	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên ban điều hành nắm giữ	✓	
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh: cả tên và số cổ phần mà công ty nắm giữ ở các công ty này	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên
D.2	**Chất lượng của báo cáo thường niên**		
	Báo cáo thường niên có công bố:		
D.2.1	Mục tiêu của công ty	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững, đăng tải trên website của Tập đoàn Bảo Việt
D.2.2	Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu căn bản sau: ROI, ROS, ROE và EPS	✓	
D.2.3	Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng	✓	
D.2.4	Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến	✓	
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	✓	

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

D

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	✓	Công bố trong chương Quản trị doanh nghiệp của Báo cáo thường niên
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	✓	
	Tuyên bố khẳng định về quản trị công ty		
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	✓	Bảo Việt đã tuyên bố thực thi các quy định về quản trị công ty trong phần Báo cáo quản trị/Báo cáo thường niên.
D.3	**Công bố giao dịch bên liên quan**		
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/ quan trọng?	✓	Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên và nội dung nghị quyết giao dịch với bên liên quan trong vòng 24 giờ từ khi Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	✓	
D.4	**Thành viên HĐQT và giao dịch cổ phiếu của công ty**		
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	✓	Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên
D.5	**Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán**		
	Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phí phi kiểm toán		
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?		
D.5.1.1	Phí kiểm toán có được công bố công khai?	✓	
D.5.1.2	Phí phi kiểm toán có được công bố công khai?	*N/A*	Bảo Việt không có phí phi kiểm toán
D.5.2	Công ty có phí phi kiểm toán nhiều hơn phí kiểm toán	*N/A*	Bảo Việt không có phí phi kiểm toán

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

D

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.6	**Phương tiện truyền thông**		
	Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:		
D.6.1	Báo cáo quý	✓	Bảo Việt công bố rất đầy đủ
D.6.2	Trang web công ty	✓	Bảo Việt đã bổ sung các nội dung tiếng Anh tại website của Công ty song song với các nội dung tiếng Việt
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	✓	Đã thực hiện 02 Hội nghị, và hơn 10 buổi làm việc với các chuyên gia phân tích trong năm 2025
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/họp báo.	✓	Bảo Việt đã quảng bá thông tin về doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng
D.7	**Nộp/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn**		
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	✓	Bảo Việt thực hiện công bố báo cáo trong vòng 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	✓	Bảo Việt thực hiện công bố báo cáo trong vòng 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ HĐQT và các cá nhân liên quan	✓	Cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên
D.8	**Website của Công ty** **Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:**		
	Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:		
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quí gần nhất)	✓	Cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	✓	
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	✓	
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓	
D.8.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓	Bảo Việt đã công bố trên BCTN và website Công ty

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.1	**Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT**		
	Trách nhiệm của HĐQT và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng		
E.1.1	Công ty có công bố Quy chế Quản trị công ty, điều lệ hoạt động HĐQT	✓	Bảo Việt đã công bố Quy chế quản trị công ty lên website (Tiếng Việt và tiếng Anh)
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai	✓	Các Nghị quyết của HĐQT định được công bố công khai theo luật định, đồng thời báo cáo tại Báo cáo tại Báo cáo quản trị Công ty và Báo cáo thường niên
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng	✓	Quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và báo cáo hàng năm tại Báo cáo thường niên.
	Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty		
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật	✓	Bảo Việt có công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên.
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	✓	HĐQT Tập đoàn thực hiện rà soát chiến lược định kỳ hàng năm và được trình bày trong Báo cáo thường niên
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	✓	Bảo Việt tuân thủ nội dung này, HĐQT chỉ đạo việc xây dựng chiến lược và giám sát việc thực hiện, rà soát chiến lược định kỳ tại các kỳ họp HĐQT.
E.2	**Cơ cấu HĐQT**		
	Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc ứng xử		
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức	✓	
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: tất cả HĐQT, thành viên Ban điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	✓	Bảo Việt đã công bố nội dung Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website (tiếng Anh và tiếng Việt)
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	✓	

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
	Thành phần và cơ cấu của HĐQT		
E.2.4	HĐQT có tối thiểu 50% thành viên độc lập	✓	HĐQT có 03 thành viên độc lập HĐQT, tuân thủ về số lượng tối thiệu về thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập?	✓	Đã được quy định tại Điều 26.2 Điều lệ hiện hành của TĐBV, theo đó, Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	✓	Đã được quy định tại Điều 11.3 Quy chế Quản trị hiện hành của TĐBV, theo đó, Thành viên HĐQT của Tập đoàn không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác.
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn	✗	Công ty không có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở công ty niêm yết khác ngoài TĐ
	Tiểu ban Nhân sự		
E.2.8	Công ty có tiểu ban nhân sự	✓	Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.9	Thành viên trong Tiểu ban nhân sự phần lớn là thành viên độc lập HĐQT (hơn 50%)	✓	01 Thành viên độc lập HĐQT tham gia là thành viên của Tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.10	Chủ tịch tiểu ban nhân sự là thành viên độc lập HĐQT	✗	Thành viên độc lập HĐQT tham gia Tiểu ban nhưng không phải là chủ tịch tiểu ban
E.2.11	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban nhân sự	✓	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.12	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban nhân sự	✓	

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
	Tiểu ban Thù lao/ Tiểu ban Lương thưởng		
E.2.13	Công ty có tiểu ban lương thưởng	✓	Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.14	Thành viên trong Tiểu ban lương thưởng phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)	✓	01 Thành viên độc lập HĐQT tham gia là thành viên của Tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.15	Chủ tịch tiểu ban lương thưởng là thành viên HĐQT độc lập	✗	Thành viên độc lập HĐQT tham gia Tiểu ban nhưng không phải là chủ tịch tiểu ban
E.2.16	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban lương thưởng	✓	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này trong Báo cáo thường niên.
E.2.17	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban lương thưởng	✓	
	Tiểu ban Kiểm toán [1]		
E.2.18	Công ty có Tiểu ban kiểm toán	✓	Bảo Việt có Ban Kiểm soát
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có bao gồm toàn bộ thành viên không điều hành với đa số thành viên/ủy viên độc lập	✓	01 Thành viên độc lập HĐQT tham gia là thành viên của Tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán/ Ban Kiểm soát có phải là thành viên độc lập	✗	Thành viên độc lập HĐQT tham gia Tiểu ban nhưng không phải là chủ tịch tiểu ban
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	✓	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.22	Có ít nhất 1 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)	✓	Cả 3 kiểm soát viên đều có chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên

[1] *Tiêu chí này áp dụng cho Ban Kiểm soát đối với Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS (Theo tư vấn của Chuyên gia đánh giá ACGS của ASEAN)*

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.2.23	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/ Ban Kiểm soát	✓	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có nhiệm vụ chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập	✓	
E.3	**Quy trình HĐQT**		
	Họp và tham dự họp HĐQT		
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước năm tài chính	✓	HĐQT đã thực hiện lập kế hoạch hoạt động, bao gồm lịch họp HĐQT trong năm trước năm tài chính kế tiếp
E.3.2	HĐQT họp ít nhất 6 lần trong năm	✓	Năm 2025, HĐQT Bảo Việt thực hiện 04 cuộc họp HĐQT trực tiếp và 123 lần xin ý kiến HĐQT bằng văn bản
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp HĐQT trong năm đánh giá	✓	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.3.4	Công ty có yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 trong các quyết định của HĐQT?	✓	Hiện tại Bảo Việt đang thực hiện theo nguyên tắc đa số tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ,
E.3.5	Có ít nhất 1 cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá	✗	Bảo Việt chưa thực hiện quy định này.
	Tiếp cận thông tin		
E.3.6	Tài liệu họp HĐQT được gửi tới các thành viên tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra	✓	Bảo Việt tuân thủ quy định này, cung cấp các tài liệu bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện vai trò của mình	✓	Bảo Việt đã nêu rõ trong Điều lệ và BCTN

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	✓	Bảo Việt đảm bảo yêu cầu này
	Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT		
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên HĐQT mới	✓	Theo thông báo của HĐQT về việc bầu thành viên HĐQT mới tại các kỳ họp ĐHĐCĐ
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới	✓	Bảo Việt có đưa ra quy chế bầu thành viên HĐQT
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? *(Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị ASEAN vào năm 2011)*	✓	Nhiệm kỳ thành viên HĐQT tại Tập đoàn Bảo Việt là 05 năm
	Các vấn đề thù lao		
E.3.12	Công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với t/v HĐQT điều hành và TGĐ.	✓	Bảo Việt cung cấp các vấn đề thù lao tại Báo cáo thường niên
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên HĐQT không điều hành	✓	
E.3.14	Cổ đông và HĐQT có thông qua thù lao của ban điều hành	✓	HĐQT thông qua mức lương thưởng của Ban Điều hành ĐHĐCĐ phê duyệt quỹ thưởng hoàn thành Kế hoạch kinh doanh cho Ban Điều hành

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* N/A *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?		Việc chi trả thù lao căn cứ theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP, Nghị định 248/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước, theo tinh thần của Luật Quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp 68/2025/QH15 và không có các điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại
	Kiểm toán nội bộ		
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt	✓	Bảo Việt thành lập Ban Kiểm toán nội bộ từ trước năm 2010
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	✓	Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này trong Báo cáo thường niên - công bố Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, đồng thời đã thực hiện công bố thông tin lý lịch của Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ.
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán	✓	Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này đối với việc bổ nhiệm Lãnh đạo thuộc Kiểm toán nội bộ.
	Giám sát rủi ro		
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp	✓	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này tại Báo cáo thường niên
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	✓	
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	✓	

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ✗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.3.22	BCTN của công ty có lời xác nhận từ HĐQT hoặc BKS về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	✓	Cung cấp tại Báo cáo thường niên (Phần Hệ thống kiểm soát nội bộ)
E.4	**Nhân sự trong HĐQT**		
	Chủ tịch HĐQT		
E.4.1	Chủ tịch HĐQT và TGĐ không cùng 1 người đảm nhiệm	✓	
E.4.2	Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập	✗	Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên độc lập
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	✓	
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT	✓	Bảo Việt công bố tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và Báo cáo thường niên
	Trưởng Thành viên HĐQT độc lập		
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	*N/A*	Các thành viên độc lập HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ độc lập.
	Kỹ năng và năng lực		
E.4.6	Công ty có thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty	✓	

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

✓ *Thực hiện tốt thông lệ* ✓ *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* ⊗ *Chưa thực hiện theo thông lệ* *N/A* *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.5	**Hiệu quả HĐQT**		
	Phát triển thành viên HĐQT		
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới	✓	Bảo Việt đã có bản đồ học tập cho từng vị trí chuyên môn, và hiện đang rà soát cập nhật bổ sung các chương trình dành cho t/v HĐQT mới và các chương trình đạo tạo dành riêng cho t/v HĐQT
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn/quản trị cao hơn	✓	
	Bổ nhiệm và hiệu quả của TGĐ/Ban điều hành		
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	✓	
E.5.4	HĐQT có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với TGĐ	✓	
	Đánh giá HĐQT		*Quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của HĐQT, đã báo cáo kết quả đánh giá tại phần Báo cáo hoạt động của HĐQT tại BCTN 2020*
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	✓	Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên
	Đánh giá thành viên HĐQT		
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	✓	Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên
	Đánh giá thành viên HĐQT		
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	✓	Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Đánh giá tác động của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155), Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155 (Nghị định 245) và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155 (Thông tư 116) đối với quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể như sau:

1. Việc quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (Nghị định 155), Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155 (Nghị định 245) và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155 (Thông tư 116) và các quy định khác của pháp luật có liên quan theo các nguyên tắc sau: cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông; bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông; bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty; tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty; công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

2. **Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

   Tập đoàn đã xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua tuân thủ theo quy định Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155, Nghị định 245 và Thông tư số 116 và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

   Phù hợp với quy định của Nghị định 155, hàng năm, Tập đoàn đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

4. Về tư cách và số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại Tập đoàn đã đáp ứng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Nghị định 155, Nghị định 245.

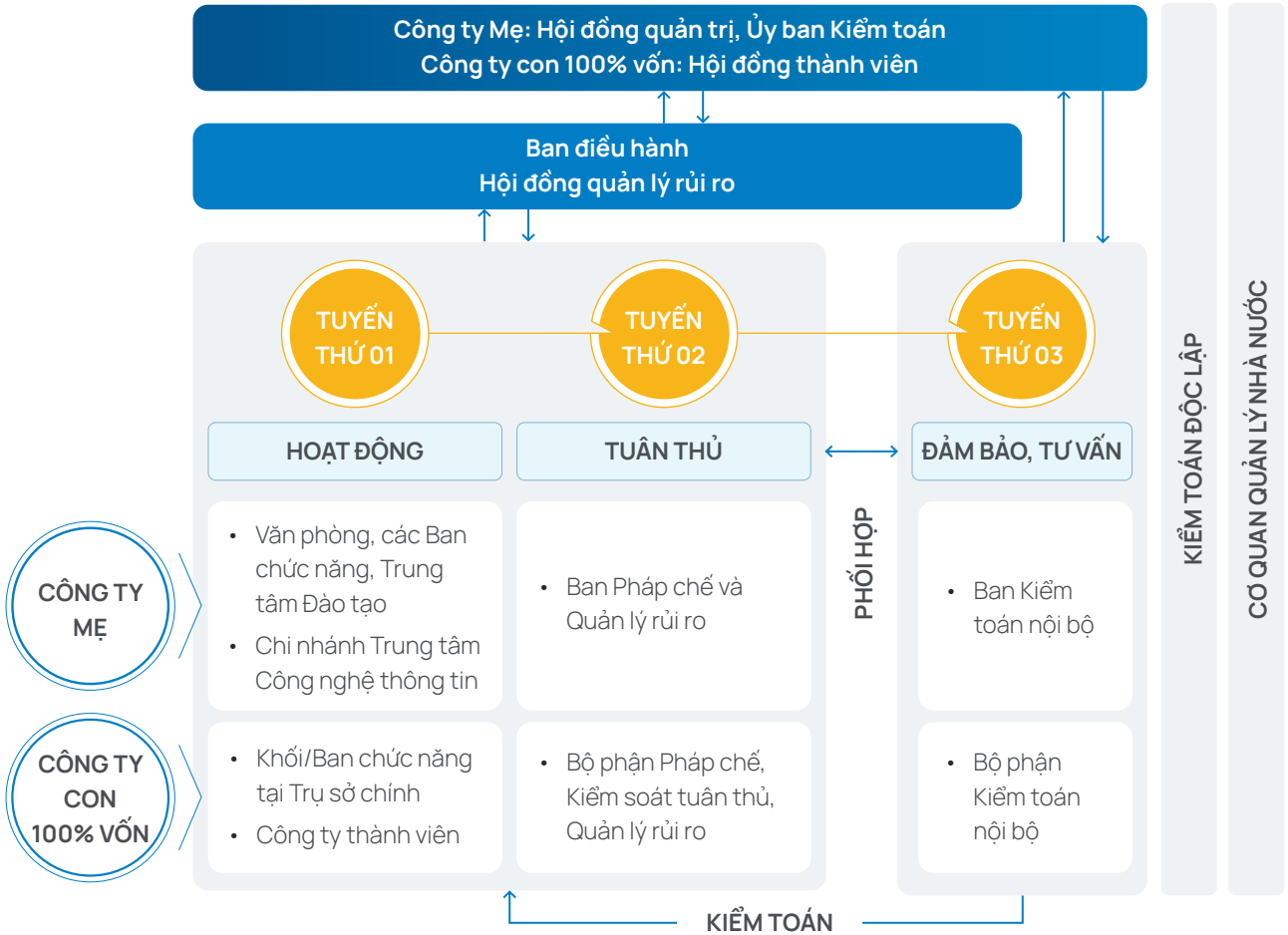
5. **Các báo cáo quản trị công ty đại chúng**

   - Tập đoàn đã báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (bao gồm các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, ...) và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
   - Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

6. Tránh xung đột lợi ích: giao dịch giữa Tập đoàn với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp, Người quản lý doanh nghiệp khác hoặc với những người có liên quan của các đối tượng này được trình Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Tập đoàn thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết về giao dịch liên quan trên cơ sở theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Tập đoàn Bảo Việt áp dụng mô hình "Ba tuyến" để đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro được vận hành một cách hiệu quả và chặt chẽ:



Chú thích:

↑ *Trách nhiệm giải trình, báo cáo*
↓ *Ủy quyền, định hướng, giám sát*
↔ *Phối hợp*

Tuyến thứ nhất là các bộ phận tác nghiệp, kinh doanh trực tiếp. Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác; bảo vệ lợi ích của đơn vị thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của biện pháp quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Tuyến thứ hai là bộ phận pháp chế, kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro. Nhiệm vụ của tuyến này là xây dựng chính sách và hướng dẫn về quản lý rủi ro và kiểm soát tuân thủ, cung cấp tư vấn, phản biện độc lập khách quan đối với Tuyến thứ nhất; quản lý rủi ro thông qua việc thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức, xây dựng quy trình/hướng dẫn, theo dõi, cảnh báo sớm, quản lý danh mục rủi ro; thực hiện giám sát và kiểm tra tính tuân thủ thông qua hệ thống khung tuân thủ và biểu đồ tuân thủ của đơn vị.

Tuyến thứ ba là bộ phận Kiểm toán nội bộ. Đây là bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty Mẹ/ Hội đồng thành viên Công ty con 100% vốn, có nhiệm vụ kiểm tra độc lập, khách quan đối với tuyến thứ 1 và thứ 2 nhằm hỗ trợ các tuyến này cải thiện hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, qua đó, hỗ trợ Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, Ban điều hành cải thiện công tác quản trị doanh nghiệp, bảo vệ tài sản, danh tiếng và sự bền vững của Tập đoàn/ Công ty con.

Các bộ phận Kiểm toán nội bộ, kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro, pháp chế tại Công ty Mẹ và các Công ty con là trợ thủ đắc lực của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban điều hành trong việc đảm bảo cho hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động một cách gắn kết, hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn.

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ



Khái niệm

Theo Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, kiểm soát nội bộ (KSNB) là quy trình do Tập đoàn Bảo Việt ban hành, được áp dụng trong phạm vi Tập đoàn Bảo Việt, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt.

Mục tiêu

HOẠT ĐỘNG

Hiệu quả và hiệu suất hoạt động, bao gồm kết quả hoạt động và kết quả tài chính, tài sản được bảo vệ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ PHI TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính và phi tài chính tin cậy, kịp thời, minh bạch

TUÂN THỦ

Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan và quy định nội bộ Tập đoàn

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt và đánh giá của các Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo tất cả các cấp độ dựa trên 17 nguyên tắc tương ứng với 05 cấu phần của khung kiểm soát nội bộ COSO 2013.

(Bảng dưới đây mô tả phương pháp đánh giá của Ban Kiểm toán nội bộ. Kết quả đánh giá chỉ có tính chất minh họa)

Hiệu lực *Khu vực cải thiện tiềm năng* *Có tồn tại/hiệu quả*

Cấu phần và nguyên tắc			Đánh giá của Ban Kiểm toán nội bộ		
	Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
TÊN CẤU PHẦN: MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT					
1	Cam kết về tính chính trực và các giá trị đạo đức	Đã ban hành Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp	✓	✓	Hiệu lực
2	Hội đồng quản trị độc lập với Ban điều hành và thực hiện giám sát việc xây dựng, triển khai và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ	Quy định rõ và thống nhất trách nhiệm kiểm soát nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận, cá nhân trong Quy chế quản trị và các quy định có liên quan khác.	✓	✓	Hiệu lực
3	Ban điều hành, dưới sự giám sát của Hội đồng quản trị, thiết lập cơ cấu tổ chức, cơ chế báo cáo và phân định quyền hạn, trách nhiệm trong việc thực hiện mục tiêu		✓	✓	Khu vực cải thiện tiềm năng
4	Cam kết thu hút, phát triển và duy trì các cán bộ có năng lực phù hợp với mục tiêu của Tập đoàn	Ban hành và thống nhất áp dụng Quy chế tuyển dụng nhân sự, Quy chế đào tạo, Quy chế Quản lý cán bộ, Quy chế trả lương, Quy định về quản lý hiệu quả làm việc...	✓	✓	Hiệu lực
5	Đảm bảo các cá nhân chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ trong việc thực hiện mục tiêu	Tham chiếu nguyên tắc 2 và 3.	✓	✓	Hiệu lực

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Hiệu lực *Khu vực cải thiện tiềm năng* *Có tồn tại/hiệu quả*

Cấu phần và nguyên tắc			Đánh giá của Ban Kiểm toán nội bộ		
	Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
TÊN CẤU PHẦN: ĐÁNH GIÁ RỦI RO					
6	Xác định rõ các mục tiêu, làm cơ sở cho việc nhận diện và đánh giá các rủi ro liên quan đến mục tiêu	Ban hành Chiến lược quản lý rủi ro và thiết lập mục tiêu quản lý rủi ro hàng năm xuyên suốt từ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo hỗ trợ cho việc nhận diện, đánh giá, xử lý các rủi ro và đảm bảo tính gắn kết giữa mục tiêu và rủi ro ở mọi cấp độ (chiến lược, hàng năm, toàn Tập đoàn, từng đơn vị thành viên, từng bộ phận, quy trình, cá nhân).	✓	✓	🛡
7	Nhận diện rủi ro liên quan đến việc hoàn thành mục tiêu xuyên suốt toàn Tập đoàn và phân tích rủi ro làm cơ sở cho việc xác định cách thức quản lý rủi ro	Ban hành Quy chế quản lý rủi ro nhằm nhận diện, kiểm soát và báo cáo về các rủi ro chính, bao gồm: rủi ro bảo hiểm, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro danh tiếng, rủi ro chiến lược, rủi ro phát triển bền vững; Quy chế quản lý rủi ro quy định rõ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp trong công tác quản lý rủi ro; cách thức nhận diện các rủi ro trọng yếu và các chuẩn mực quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con Ban hành Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro chủ yếu của Tập đoàn Bảo Việt cho từng thời kỳ.	✓	✓	🛡
8	Xem xét nguy cơ gian lận khi đánh giá rủi ro liên quan đến việc hoàn thành các mục tiêu	Rủi ro gian lận là một trong số các loại rủi ro được nhận diện, đánh giá trong Quy chế quản lý rủi ro, Chính sách quản lý rủi ro.	✓	✓	🛡
9	Nhận diện và đánh giá các thay đổi có thể ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống kiểm soát nội bộ	Các vấn đề liên quan đến rủi ro (ví dụ: các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài như chính sách, cơ chế, chính trị...) được phản ánh trong các Báo cáo Ban điều hành đồng thời được phân tích, đánh giá và xử lý tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) và Ủy ban Tài sản Nợ - Tài sản có (ALCO).	✓	✓	🛡

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Hiệu lực *Khu vực cải thiện tiềm năng* *Có tồn tại/hiệu quả*

Cấu phần và nguyên tắc			Đánh giá của Ban Kiểm toán nội bộ		
	Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
TÊN CẤU PHẦN: HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT					
10	Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro ở mức độ có thể chấp nhận được	Các biện pháp kiểm soát được thiết lập và vận hành đối với mọi hoạt động tại tất cả các cấp, được lồng ghép trong các tác nghiệp hàng ngày ở tất cả các quy trình nghiệp vụ.	✓	✓	Hiệu lực
11	Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát chung về công nghệ thông tin để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu	Các loại hình kiểm soát chính bao gồm: Kiểm soát định hướng, Kiểm soát phòng ngừa, Kiểm soát phát hiện; Kiểm soát thủ công, Kiểm soát tự động. Trong đó kiểm soát tự động thông qua hệ thống CNTT đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế sai sót và tác động của con người tới hiệu quả của kiểm toán.	✓	✓	Khu vực cải thiện tiềm năng
12	Triển khai các hoạt động kiểm soát thông qua các chính sách và thủ tục	Các biện pháp kiểm soát chính bao gồm: rà soát kết quả hoạt động của Ban điều hành cấp cao, từng phòng ban; thẩm định, phê duyệt; phân tích các chỉ số KPIs...	✓	✓	Hiệu lực
TÊN CẤU PHẦN: THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
13	Thu thập, tạo lập và sử dụng những thông tin thích hợp và có chất lượng để hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	Các thông tin bên ngoài có liên quan hoặc ảnh hưởng đến Tập đoàn Bảo Việt được thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý tại bộ phận Truyền thông - Thương hiệu.	✓	✓	Hiệu lực
14	Truyền thông trong nội bộ Tập đoàn các thông tin cần thiết, bao gồm thông tin về mục tiêu và trách nhiệm của các cá nhân đối với KSNB, nhằm hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	Ban điều hành xây dựng một mạng xã hội chung (Viva Engage, Teams) trong toàn hệ thống Bảo Việt đảm bảo trao đổi thông tin cởi mở. Các thông tin cần thiết được truyền đạt một cách thông suốt, kịp thời và hiệu quả giữa các cấp, bộ phận và cá nhân có liên quan.	✓	✓	Khu vực cải thiện tiềm năng

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Hiệu lực *Khu vực cải thiện tiềm năng* *Có tồn tại/hiệu quả*

Cấu phần và nguyên tắc			Đánh giá của Ban Kiểm toán nội bộ		
	Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
15	Truyền thông với các bên liên quan bên ngoài Tập đoàn về những vấn đề ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát nội bộ	Các thông tin cung cấp ra bên ngoài cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua Người được ủy quyền Công bố thông tin của Tập đoàn Bảo Việt.	✓	✓	Khu vực cải thiện tiềm năng
TÊN CẤU PHẦN: GIÁM SÁT					
16	Lựa chọn, phát triển và thực hiện đánh giá liên tục và/hoặc độc lập để xác nhận sự hiện hữu và sự vận hành của các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ	Giám sát thường xuyên: lãnh đạo các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động kiểm soát của cán bộ, nhân viên dưới quyền trong các tác nghiệp hàng ngày. Xây dựng và triển khai hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo đầu tư real-time để giám sát thường xuyên tình hình kinh doanh và hoạt động đầu tư của Công ty Mẹ và các công ty con trong toàn hệ thống, hỗ trợ Ban điều hành trong việc ra quyết định.	✓	✓	Hiệu lực
17	Đánh giá và truyền thông kịp thời các điểm yếu của hệ thống kiểm soát nội bộ tới các bên chịu trách nhiệm thực hiện hành động khắc phục, bao gồm Ban điều hành và Hội đồng quản trị, nếu phù hợp	Giám sát độc lập/định kỳ: Việc giám sát định kỳ được thực hiện thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cung cấp cho Hội đồng quản trị các đánh giá về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn, của bộ phận Kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Đơn vị thành viên, và của Kiểm toán độc lập.	✓	✓	Khu vực cải thiện tiềm năng

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Hoạt động kiểm toán nội bộ



Năm 2025, Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán thông qua việc mở rộng áp dụng phương pháp kiểm toán liên tục trên nhiều lĩnh vực, song song với việc duy trì các cuộc kiểm toán theo phương pháp truyền thống. Các ứng dụng phân tích dữ liệu được triển khai ngày càng đa dạng, chuyên sâu và có hệ thống, tận dụng hiệu quả các nguồn dữ liệu đã được thu thập, chuẩn hóa và kết nối từ các phần mềm quản lý nghiệp vụ tại các đơn vị được kiểm toán. Bên cạnh việc tiếp tục sử dụng Power BI tại tất cả các lĩnh vực kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ từng bước tiếp cận và áp dụng các phương pháp kiểm toán hiện đại dựa trên dữ liệu và rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng phân tích, đánh giá xu hướng hoạt động kinh doanh của các đơn vị qua các năm. Qua đó, công tác đánh giá rủi ro, lựa chọn đơn vị và phạm vi kiểm toán, cũng như việc đưa ra các cảnh báo và khuyến nghị được thực hiện kịp thời, hiệu quả và có cơ sở hơn, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật trong nước, các chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế và thông lệ nghề nghiệp tốt nhất.

Chức năng, nhiệm vụ

Cung cấp cho Hội đồng Quản trị, Uỷ ban Kiểm toán những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán dựa trên hoạt động đảm bảo và tư vấn nhằm hỗ trợ Tập đoàn trong việc đạt được các mục tiêu.

Nguyên tắc hoạt động

ĐỘC LẬP

Xây dựng, đề xuất với Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị phê chuẩn việc lựa chọn quy trình kiểm toán, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán, tần suất kiểm toán, thời điểm kiểm toán

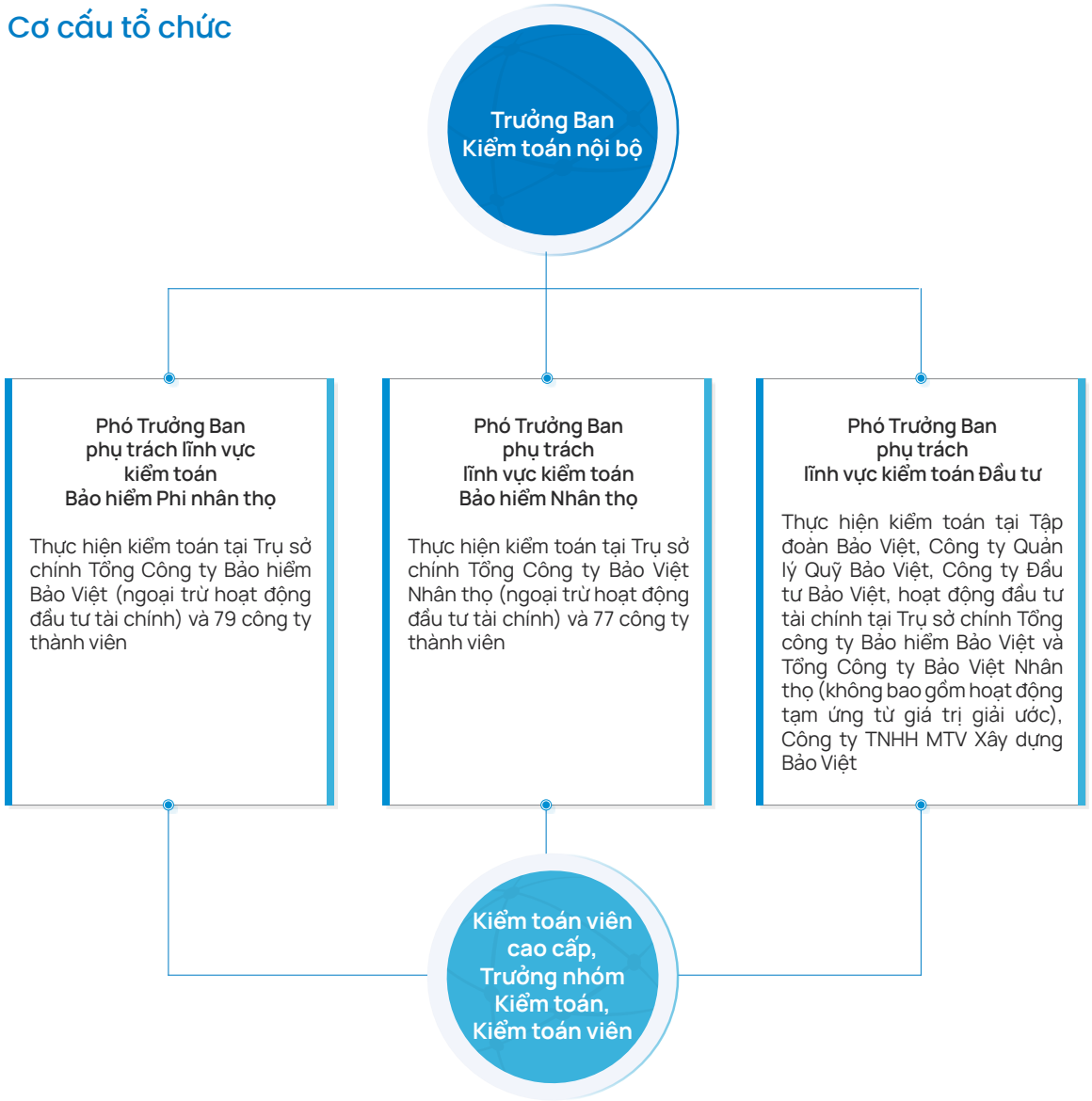
Thực thi hoạt động kiểm toán, đưa ra các phát hiện, kết luận, phát hành báo cáo kiểm toán

KHÁCH QUAN

Trung thực, công bằng, không định kiến khi thực hiện nhiệm vụ

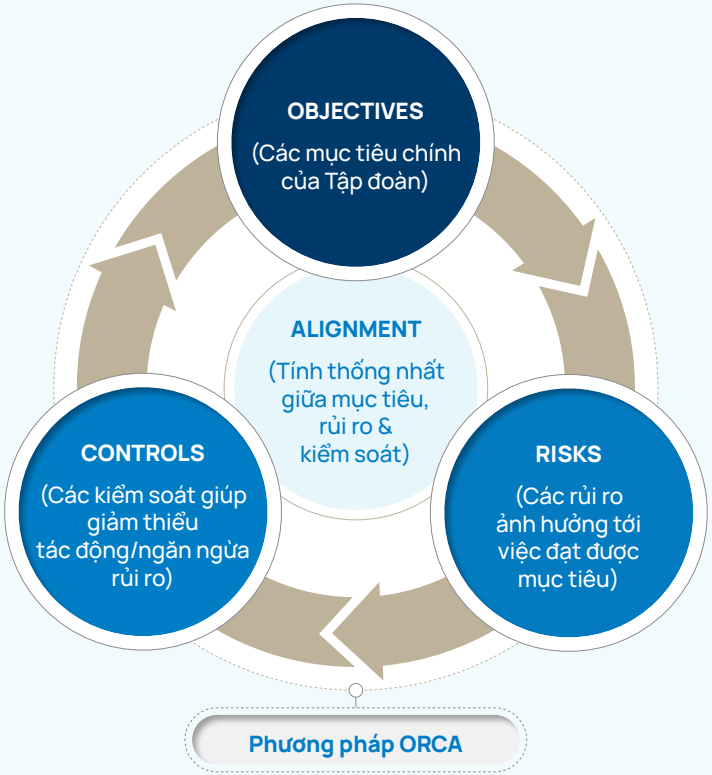
Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Cơ cấu tổ chức



Phương pháp tiếp cận

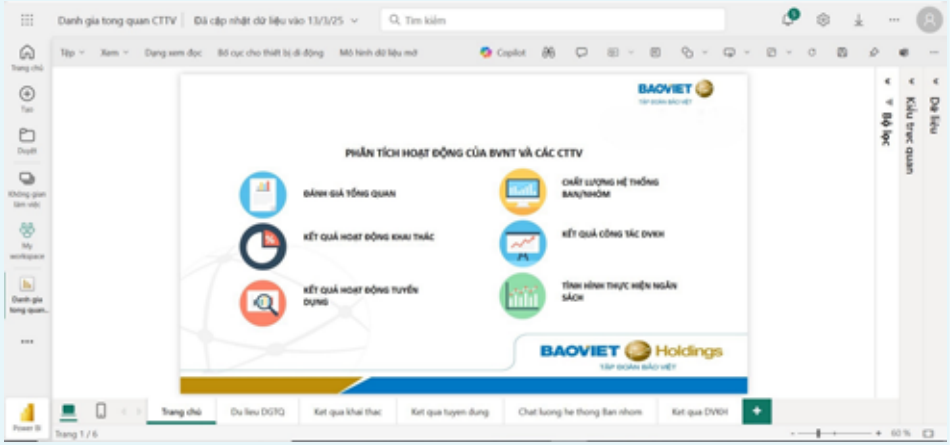
Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để thực hiện các hoạt động kiểm toán, theo đó Ban Kiểm toán nội bộ căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro để xác định mục tiêu, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán và cách thức thực hiện kiểm toán.



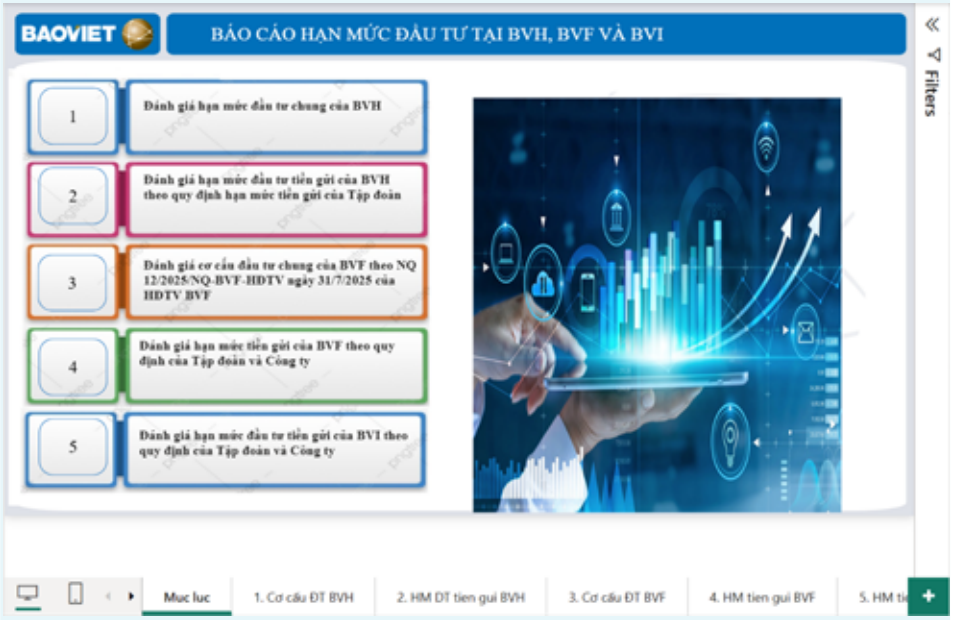
Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Dựa trên phương pháp ORCA, Ban Kiểm toán nội bộ sử dụng phần mềm Power BI để tổng hợp và phân tích thông tin các đơn vị, phục vụ việc đánh giá rủi ro tổng thể, lập kế hoạch kiểm toán hàng năm, đánh giá tổng quan đối tượng kiểm toán và hạn mức đầu tư. Ứng dụng này hỗ trợ thống kê số liệu qua nhiều năm, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và khoa học về các đơn vị kiểm toán, qua đó nâng cao hiệu quả nhận diện rủi ro, lựa chọn đơn vị và xác định phạm vi kiểm toán.

Báo cáo đánh giá tổng quan tất cả các đơn vị thuộc đối tượng kiểm toán



Báo cáo hạn mức đầu tư

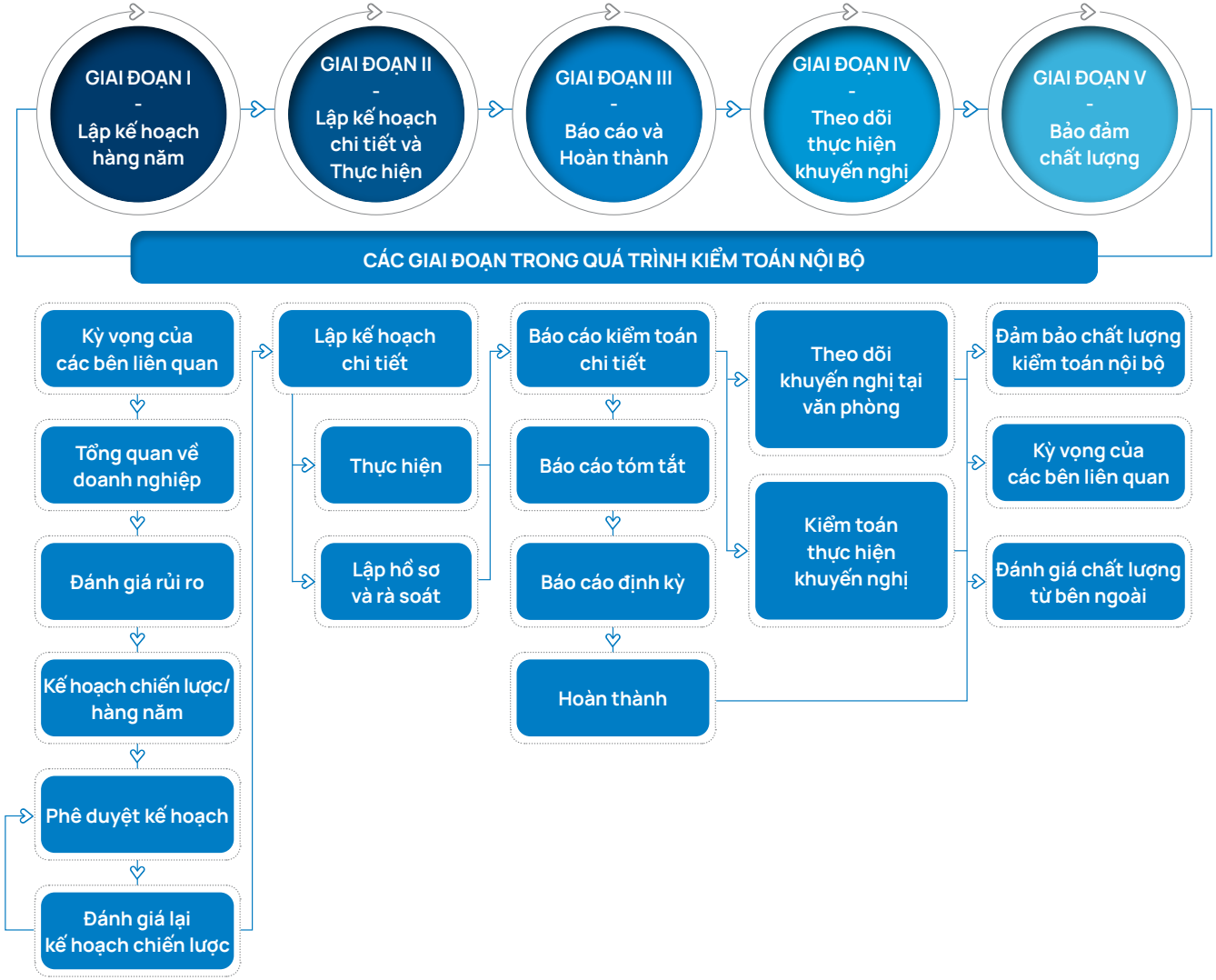


Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

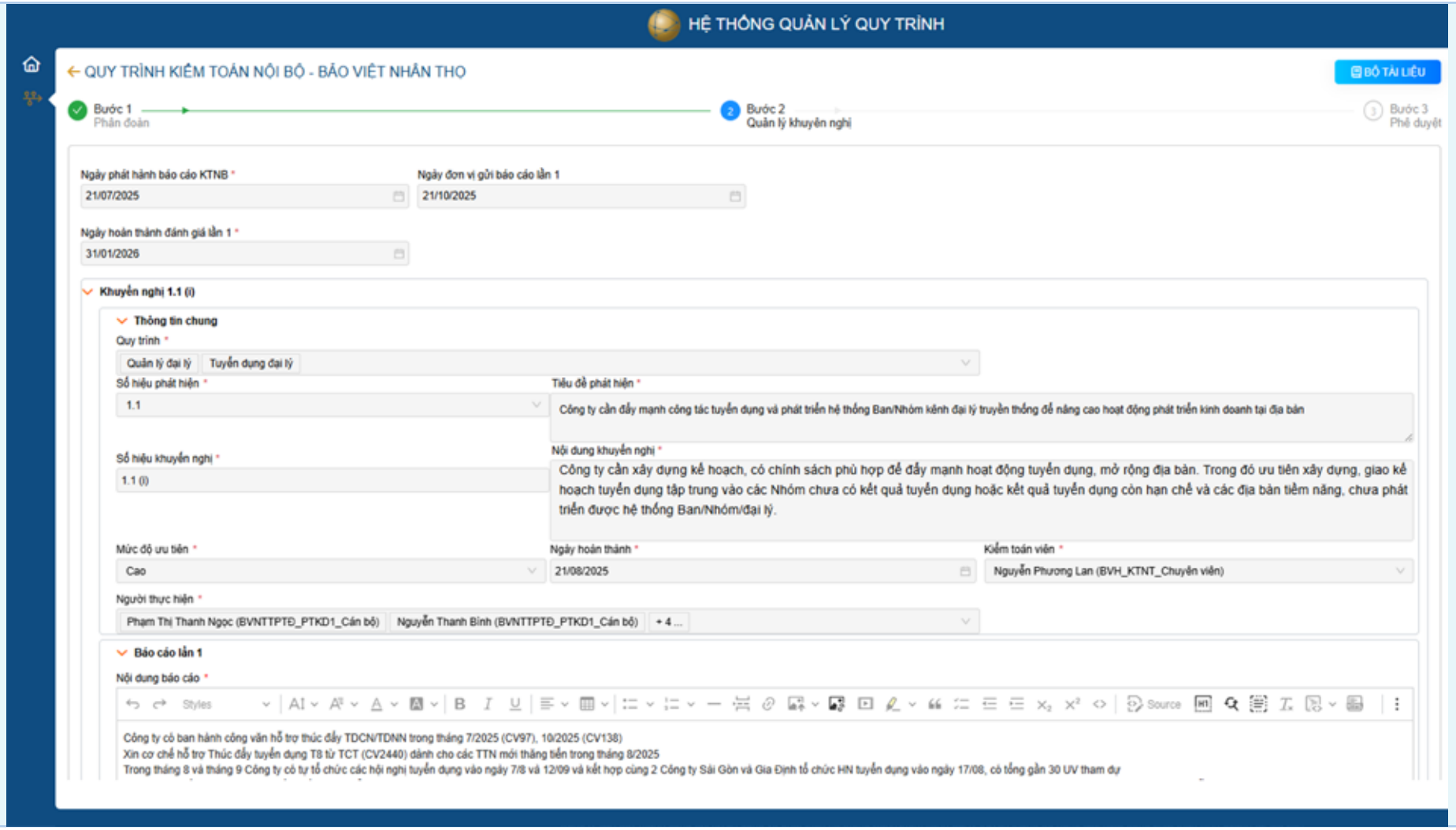
Quy trình kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ định hướng tập trung vào loại hình kiểm toán hoạt động song song với kiểm toán tuân thủ. Để thích ứng với xu thế kiểm toán nội bộ 3.0 (Đảm bảo. Tư vấn. Dự báo rủi ro) và phù hợp với chiến lược số hóa của Tập đoàn, Ban đã nghiên cứu, sửa đổi và ban hành quy trình kiểm toán từ xa kết hợp với kiểm toán thực địa, đồng thời tiếp tục hoàn thiện quy trình theo dõi và đánh giá trực tuyến tình hình thực hiện khuyến nghị trên nền tảng BVPM.

Bên cạnh đó, Ban tiếp tục tiến hành sửa đổi và bổ sung quy trình đánh giá việc thực hiện các khuyến nghị trong các Báo cáo kiểm toán đã phát hành hướng đến việc tăng cường tự rà soát và đánh giá của các đơn vị được kiểm toán nhằm nâng cao nhận thức của các tuyến thứ nhất và thứ hai trong công tác kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.



Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ



Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Chuẩn mực hoạt động

Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, hướng tới việc tuân thủ Khung thực hành nghề quốc tế chuyên nghiệp (International Professional Practices Framework - IPPF) của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ (The Institute of Internal Auditors - IIA).

Hầu hết các chuẩn mực kiểm toán nội bộ được quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 đã được thực hiện bởi Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Dưới đây là minh họa việc thực hiện một số chuẩn mực:

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1000	**Mục đích, quyền hạn, và trách nhiệm**	Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt do Hội đồng quản trị ban hành đã quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đối tượng và phạm vi kiểm toán, nguyên tắc hoạt động (tính độc lập và tính khách quan), trách nhiệm báo cáo, tiêu chuẩn cho hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ.
1110	**Tính độc lập về tổ chức**	• Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và các chức danh quản lý của Ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. • Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp tới cấp quản trị cao nhất của Tập đoàn – Hội đồng quản trị. • Kế hoạch kiểm toán, kế hoạch ngân sách, kế hoạch nguồn lực của Ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị phê duyệt.
1120	**Tính khách quan của người làm công tác kiểm toán nội bộ**	• Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành và Chuẩn mực đạo đức của Kiểm toán viên nội bộ do Ủy ban Kiểm toán ban hành đã quy định rõ về tính khách quan của Kiểm toán viên. • Tính khách quan của Kiểm toán viên được quản lý và giám sát chặt chẽ thông qua việc đào tạo nâng cao nhận thức và bố trí sắp xếp nhân sự cho các cuộc kiểm toán.

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1210	Năng lực chuyên môn	• Bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ của Ban Kiểm toán nội bộ được xây dựng và triển khai trên cơ sở tham khảo Khung năng lực Kiểm toán nội bộ toàn cầu của IIA. • Các hình thức đạo tạo cho đội ngũ Kiểm toán viên nội bộ: » Đào tạo theo Bản đồ học tập chung của Tập đoàn; » Đào tạo thường xuyên 1-1 trên công việc; » Đào tạo tập trung cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ với các đối tác tư vấn, đào tạo uy tín thuộc các cơ quan quản lý nhà nước và Big 4. » Đào tạo thông qua các chứng chỉ nghề nghiệp (CIA, ANZIIF, LOMA, ACCA, CPIA, CPA Việt Nam…). » Tự đào tạo nội bộ cập nhật các rủi ro mới nổi, các xu hướng mới trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực thuộc phạm vi kiểm toán của Ban Kiểm toán nội bộ.
1300	Chương trình đảm bảo và cải tiến chất lượng	• Đánh giá nội bộ thường xuyên thông qua tự đánh giá rút kinh nghiệm và khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị được kiểm toán sau mỗi cuộc kiểm toán. • Đánh giá nội bộ định kỳ thông qua việc rà soát, báo cáo kết quả hoạt động hàng quý tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng quản trị.
2010	Lập kế hoạch	Kế hoạch kiểm toán thường niên và kế hoạch kiểm toán chi tiết (cho từng cuộc kiểm toán) được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tổng thể và kết quả đánh giá rủi ro chi tiết đối với từng đơn vị được kiểm toán có gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển trung và dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, danh mục rủi ro trọng yếu của Tập đoàn và đơn vị được kiểm toán
2050	Phối hợp với các bộ phận đảm bảo nội bộ và đảm bảo độc lập	• Quy chế phối hợp giữa Ban Kiểm toán nội bộ với các bộ phận đảm bảo khác trong Tập đoàn (bao gồm Ban Kiểm soát, Ban Pháp chế và Quản lý rủi ro tại Công ty Mẹ; bộ phận Kiểm toán nội bộ tại các Công ty con 100% vốn; các Kiểm soát viên của Công ty Mẹ tại các Công ty con 100% vốn) đã được ban hành và triển khai. • Ban Kiểm toán nội bộ trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán độc lập của Tập đoàn.

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
2060	Báo cáo Hội đồng quản trị và bộ phận quản lý cấp cao	• Báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán được phát hành tới Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn. • Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý báo cáo tình hình hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn trong các phiên họp Hội đồng quản trị. • Các hạn chế về nguồn lực ảnh hưởng tới hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ được báo cáo tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng quản trị.

Ông NGUYỄN MINH HOÀNG
Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán, Chứng chỉ đào tạo chuyên ngành bảo hiểm kết hợp với chính phủ Pháp và trường Đại học Tài chính - Kế toán

Kinh nghiệm công tác: 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm, kế toán, kiểm toán nội bộ

Chức vụ công tác đã qua:

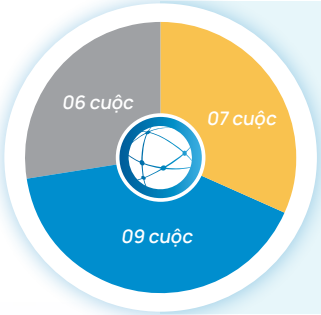
- Phó trưởng Ban Kiểm toán nội bộ phụ trách lĩnh vực nhân thọ
- Trưởng Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm nhân thọ, Kiểm soát viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.



Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Kết quả hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2025

Năm 2025, tiếp tục áp dụng phương pháp kiểm toán kết hợp, Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành 105% kế hoạch kiểm toán được Hội đồng quản trị giao với chất lượng được đảm bảo, tiết kiệm nguồn lực về thời gian và chi phí.



22 cuộc kiểm toán

HOÀN THÀNH **105%** KẾ HOẠCH ĐƯỢC HĐQT PHÊ DUYỆT

\+ **04** báo cáo đánh giá hạn mức đầu tư

Phi nhân thọ *Nhân thọ* *Đầu tư*

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm toán nội bộ tiếp tục nâng cao vai trò tư vấn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến cho các văn bản quy định pháp luật và các quy chế, quy trình, văn bản nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

1

- Hoàn thiện và trình Uỷ ban Kiểm toán, Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Ban Kiểm toán Nội bộ (Quyết định số 168/2025/QĐ-HĐQT)
- Dự thảo Quy chế tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 2); Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt; Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt; Quy chế quản lý tài chính; Dự thảo quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn Bảo Việt, sửa đổi tạm thời quy chế rủi ro.

Trên 65 văn bản có ý kiến tham gia của Ban Kiểm toán nội bộ

2

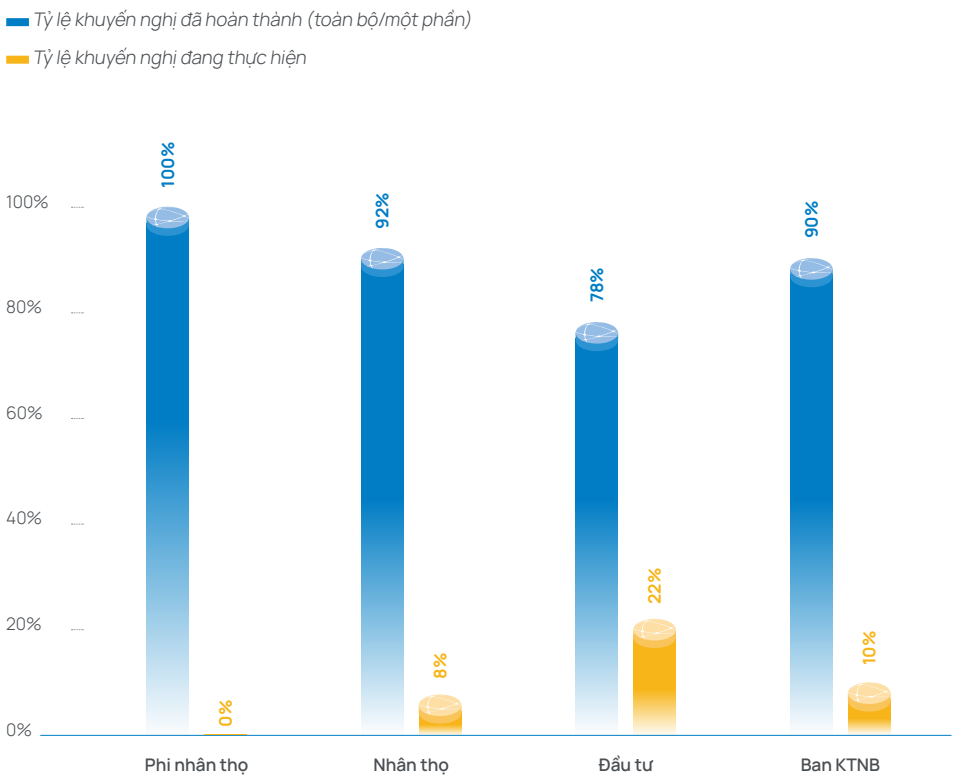
- Dự thảo quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động đối với Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng Quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, Người phụ trách Quản trị Tập đoàn, Tổng Giám đốc và chế độ tiền thưởng đối với Những Người quản lý Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi lần 6)
- Các Tờ trình, báo cáo Hội đồng Quản trị trong năm 2025

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Tình hình thực hiện khuyến nghị của đơn vị được kiểm toán:

90%

các khuyến nghị của Ban Kiểm toán Nội bộ đã được hoàn thành, góp phần ngăn chặn/ giảm thiểu các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị



CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN

(Tổng số Kiểm toán viên đã hoàn thành hoặc đang theo học)

- 03 — Certified Internal Auditor
- 04 — CPA (Certified Public Accountant)
- 04 — ANZIIF
- 02 — ACCA
- 01 — CPIA The Certified Professional Internal Auditor
- 01 — LOMA

Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

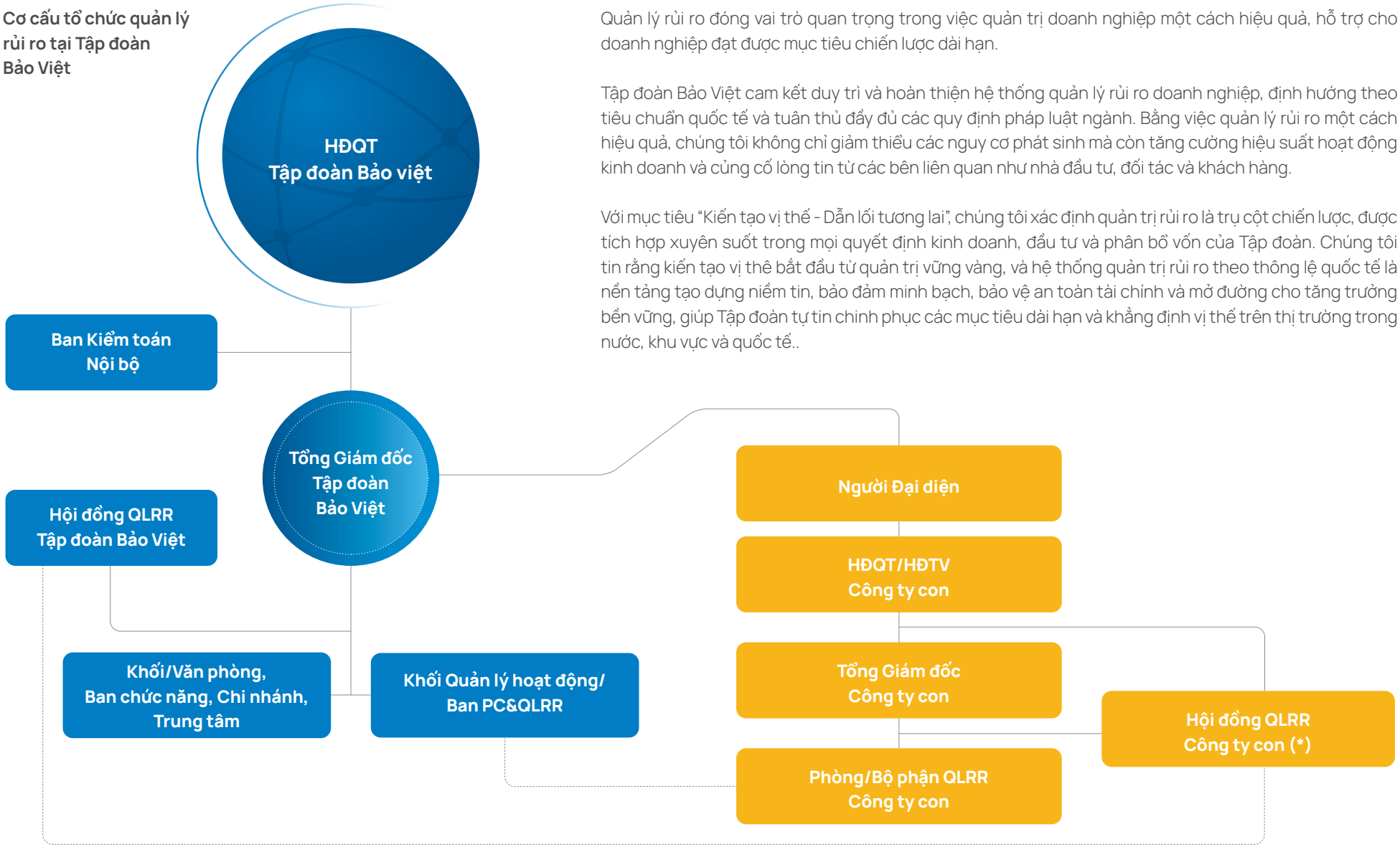
Kế hoạch hoạt động năm 2026



- Hoàn thành kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 được Hội đồng Quản trị giao, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động kiểm toán.
- Tăng cường giám sát liên tục dữ liệu kinh doanh của các đơn vị thuộc lĩnh vực phi nhân thọ và nhân thọ nhằm kịp thời cung cấp các cảnh báo tới Lãnh đạo Tập đoàn và Lãnh đạo các Công ty con, góp phần nâng cao vai trò tư vấn, gia tăng sự hiện diện và giá trị gia tăng của kiểm toán nội bộ.
- Phối hợp với Trung tâm đào tạo của Tập đoàn và các Công ty tư vấn bên ngoài để đẩy mạnh đào tạo, mở rộng và nâng cao năng lực cho đội ngũ kiểm toán viên.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản, quy trình hướng dẫn hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Tiếp tục phối hợp với Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin của Tập đoàn để nâng cấp, hoàn thiện hệ thống phần mềm và đẩy nhanh tiến độ dự án chuyển đổi số của Ban.

Quản lý rủi ro

Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt



Quản lý rủi ro đóng vai trò quan trọng trong việc quản trị doanh nghiệp một cách hiệu quả, hỗ trợ cho doanh nghiệp đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn.

Tập đoàn Bảo Việt cam kết duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp, định hướng theo tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật ngành. Bằng việc quản lý rủi ro một cách hiệu quả, chúng tôi không chỉ giảm thiểu các nguy cơ phát sinh mà còn tăng cường hiệu suất hoạt động kinh doanh và củng cố lòng tin từ các bên liên quan như nhà đầu tư, đối tác và khách hàng.

Với mục tiêu "Kiến tạo vị thế - Dẫn lối tương lai", chúng tôi xác định quản trị rủi ro là trụ cột chiến lược, được tích hợp xuyên suốt trong mọi quyết định kinh doanh, đầu tư và phân bổ vốn của Tập đoàn. Chúng tôi tin rằng kiến tạo vị thê bắt đầu từ quản trị vững vàng, và hệ thống quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế là nền tảng tạo dựng niềm tin, bảo đảm minh bạch, bảo vệ an toàn tài chính và mở đường cho tăng trưởng bền vững, giúp Tập đoàn tự tin chinh phục các mục tiêu dài hạn và khẳng định vị thế trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế..

Ghi chú: (*) tùy theo cơ cấu tổ chức QLRR của các Công ty con, Hội đồng QLRR công ty con có thể trực thuộc HĐQT/HĐTV hoặc trực thuộc Tổng Giám đốc.

Quản lý rủi ro

Nhiệm vụ quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt:

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt (RMC) là cơ quan giúp việc cho Tổng Giám đốc để triển khai công tác quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt, giám sát hoạt động quản lý rủi ro tại Công ty con và các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt.

Chủ tịch RMC là Tổng Giám đốc, các thành viên là các Lãnh đạo Khối, Ban chức năng của Tập đoàn Bảo Việt và Chủ tịch RMC của các Công ty con. RMC tổ chức họp hàng quý theo kế hoạch được thông qua từ đầu năm.

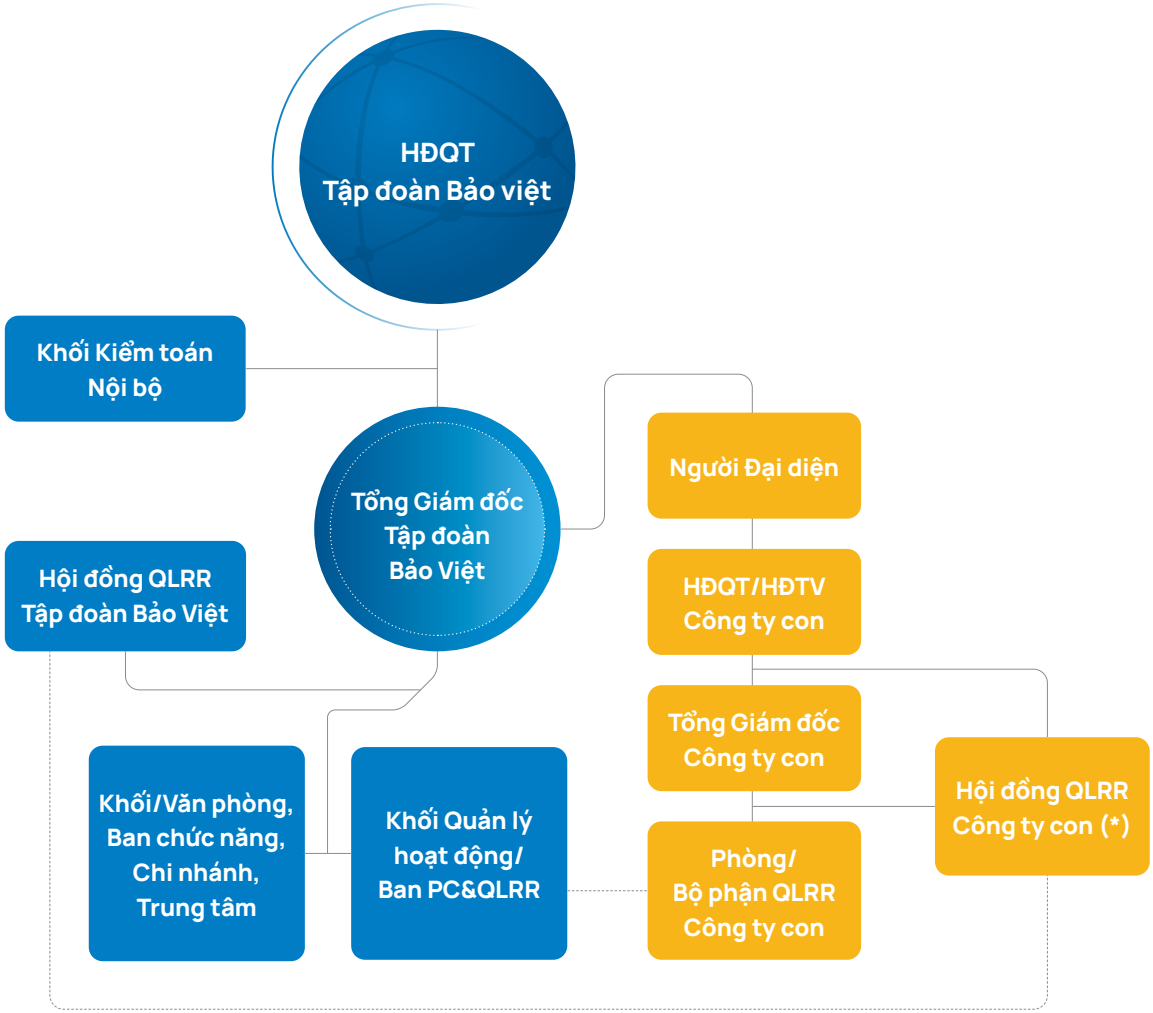
Ban Pháp chế và Quản lý rủi ro (thuộc Khối Quản lý Hoạt động) tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc thực hiện công tác quản lý rủi ro, tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt; hỗ trợ công tác quản lý rủi ro, tuân thủ tại các Công ty con; là đầu mối xử lý báo cáo quản lý rủi ro từ các Hội đồng Quản lý rủi ro Công ty con.

Mô hình các tuyến quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt

Tập đoàn Bảo Việt thực hiện mô hình ba (03) tuyến quản lý rủi ro, bao gồm:

- Tuyến thứ nhất chịu trách nhiệm nhận diện, đánh giá, quản lý và kiểm soát rủi ro trực tiếp hoặc gián tiếp khi tiến hành các hoạt động, tác nghiệp của mình.
- Tuyến thứ hai gồm các bộ phận thực hiện chức năng kiểm soát, gồm quản lý rủi ro, tuân thủ.
- Tuyến thứ ba là Ban Kiểm toán nội bộ.

Quy trình Quản lý Rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt



Quản lý rủi ro

Kết quả nổi bật của hoạt động quản lý rủi ro năm 2025

1

Bộ máy tổ chức Quản lý rủi ro

- Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con đã thiết lập bộ phận quản lý rủi ro độc lập với nhân sự có kinh nghiệm, chứng chỉ về quản lý rủi ro.
- Hệ thống bộ máy quản lý rủi ro được xây dựng thống nhất giữa Tập đoàn và các công ty con với 3 tầng phòng thủ độc lập.

2

Ban hành các văn bản nội bộ về Quản lý rủi ro

- Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con rà soát, sửa đổi bổ sung Quy chế Quản lý rủi ro, Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro chủ yếu.
- Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi, bổ sung Quy định về chấm điểm, phân loại ngân hàng thương mại và hạn mức đầu tư tiền gửi; Quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.
- Xây dựng Hồ sơ rủi ro, chấm điểm rủi ro hợp nhất toàn Tập đoàn.
- BHBV và BVNT ban hành các văn bản về QLRR, Khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro; Kế hoạch dự phòng đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh; thực hiện báo cáo rủi ro định kỳ đến cơ quan quản lý Nhà nước, báo cáo Tập đoàn và HĐTV.

3

Hội đồng Quản lý rủi ro của Tập đoàn và các Công ty con

- Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con hàng quý theo kế hoạch phê duyệt.
- Hội đồng Quản lý rủi ro tham mưu cho Tổng Giám đốc Tập đoàn trong việc xây dựng các văn bản quy định quản lý rủi ro, hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro, xử lý, giảm thiểu các rủi ro.
- Biên bản các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro được báo cáo kịp thời đến Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên.

4

Quản lý các rủi ro chủ yếu

- Quản lý rủi ro bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, kiểm soát các rủi ro, hạn chế tổn thất phát sinh do thiên tai gây ra.
- Triển khai và giám sát thực hiện chính sách an ninh bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân và giải pháp an toàn hệ thống công nghệ thông tin, nhận diện và phòng ngừa các rủi ro an ninh mạng từ bên ngoài.
- Mô hình chấm điểm, phân loại ngân hàng được cập nhật, rà soát, tiếp cận với thông lệ quốc tế và Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước về việc quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tính toán, theo dõi, giám sát các chỉ số đo lường rủi ro, theo dõi tình hình tuân thủ hạn mức rủi ro, hạn mức đầu tư.

5

Hệ thống báo cáo rủi ro

- Báo cáo rủi ro, Bảng Đánh giá rủi ro được gửi đến Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, Lãnh đạo các Công ty con hàng tháng, quý.
- Các rủi ro được nhận diện, đánh giá và báo cáo để có phương án xử lý kịp thời.

6

Kiểm toán hoạt động QLRR

- Năm 2025, Tập đoàn đã thực hiện kiểm toán hoạt động QLRR, đánh giá mức độ trưởng thành hoạt động QLRR của Công ty Mẹ, làm cơ sở để tiếp tục hoàn thiện mô hình QLRR theo thông lệ quốc tế, tuân thủ quy định pháp luật.

Quản lý rủi ro

Hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt

Năm 2025, RMC Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã tổ chức 04 cuộc họp hàng quý theo kế hoạch phê duyệt.

RMC đã tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc đánh giá, giám sát thực hiện quản lý rủi ro trong toàn hệ thống, xây dựng các văn bản quy định về quản lý rủi ro, nhận diện, xử lý các rủi ro chủ yếu bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

Các vấn đề chủ yếu được đề cập, xử lý, thông qua tại cuộc họp RMC, bao gồm:

- RMC thảo luận nội dung mang tính chiến lược như: Quy chế Quản lý rủi ro, Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và các Hạn mức rủi ro chủ yếu...
- RMC thông qua khẩu vị rủi ro, hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro, các công cụ/ mô hình đo lường rủi ro trước khi cấp có thẩm quyền ban hành.
- RMC rà soát, phân tích, đánh giá các rủi ro chủ yếu và đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp đối với rủi ro bảo hiểm, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro chiến lược, rủi ro danh tiếng và một số rủi ro mới phát sinh.

Hoạt động kiểm soát rủi ro cũng được thực hiện thông qua việc phối hợp chặt chẽ giữa RMC với các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con.

Phối hợp với Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trao đổi thông tin, số liệu và đưa ra các kiến nghị, giải pháp liên quan đến quản lý rủi ro trong lĩnh vực chiến lược và đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt;

Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán rà soát các rủi ro trọng yếu tiềm ẩn, đặc biệt là những rủi ro liên quan đến tuân thủ chính sách, chuẩn mực, quy trình và các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời đưa ra phương án xử lý phù hợp; phối hợp xây dựng hệ thống chỉ số đo lường rủi ro.

Phối hợp với Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) để trao đổi thông tin về rủi ro liên quan đến cân đối Tài sản Nợ - Tài sản Có tại các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro. Đại diện Hội đồng Quản lý rủi ro đã tham dự các cuộc họp định kỳ của ALCO để tham gia ý kiến và đưa ra các khuyến cáo về các rủi ro liên quan.

Thành viên thường trực Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro các công ty con để hỗ trợ, tư vấn chuyên môn về quản lý rủi ro tại các đơn vị, đảm bảo hoạt động quản lý rủi ro thống nhất, hiệu quả trong toàn Tập đoàn.

Ngoài ra, công tác quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con nhận được hỗ trợ tư vấn từ đối tác cổ đông chiến lược Sumitomo Life trong hoạt động đầu tư, quản lý rủi ro...

Trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng và mức độ kết nối ngày càng cao, các doanh nghiệp bảo hiểm đang chịu áp lực mạnh mẽ phải thực hiện chuyển đổi số toàn diện để duy trì và củng cố năng lực cạnh tranh. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến không chỉ giúp nâng cao hiệu suất hoạt động, tối ưu chi phí mà còn tạo ra trải nghiệm cá nhân hóa tốt hơn cho khách hàng và mở ra các cơ hội tăng trưởng mới.

Quản lý rủi ro

Bảo Việt đang tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái số nhằm tối ưu hóa dữ liệu, quy trình vận hành và gia tăng giá trị cho khách hàng, đối tác cũng như hệ thống nội bộ. Các sản phẩm, dịch vụ được tích hợp trên cùng một nền tảng công nghệ, tạo điều kiện mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số cũng đặt ra nhiều thách thức và rủi ro cần được quản trị chặt chẽ. Doanh nghiệp phải cân nhắc lựa chọn chiến lược số hóa phù hợp về tốc độ và quy mô, vì việc liên tục thay đổi công nghệ gây áp lực chi phí lớn, nhưng nếu chậm đổi mới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, hệ thống công nghệ cần đảm bảo tính linh hoạt, khả năng nâng cấp liên tục, an toàn thông tin và bảo vệ toàn vẹn dữ liệu. Chuyển đổi số không chỉ là áp dụng công nghệ mới mà còn đòi hỏi xây dựng mô hình quản trị hiện đại, khác biệt với phương thức truyền thống.

Một yêu cầu quan trọng khác là sự đồng bộ giữa các hệ thống: từ hệ thống nghiệp vụ lõi, phần mềm kinh doanh, quản lý đại lý, quản lý khách hàng đến các công nghệ nhận diện khách hàng, thu thập dữ liệu, máy học và trí tuệ nhân tạo. Sự thiếu đồng bộ có thể làm giảm hiệu quả chuyển đổi và làm gia tăng rủi ro vận hành.

Đặc biệt, rủi ro an ninh mạng ngày càng phức tạp khi các đối tượng tấn công khai thác công nghệ AI, AI Agent, mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) và AI tạo sinh để thực hiện các cuộc tấn công tinh vi, tự động hóa cao và khó phát hiện. Các nguy cơ bao gồm rò rỉ dữ liệu khi sử dụng nền tảng AI bên thứ ba; mở rộng bề mặt tấn công khi tích hợp AI vào hệ thống nội bộ; lừa đảo, giả mạo bằng deepfake; và tự động hóa dò quét lỗ hổng, tấn công từ chối dịch vụ hoặc đánh cắp dữ liệu. Những rủi ro này có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về tài chính và uy tín doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc triển khai các công nghệ mới như AI, blockchain còn gặp khó khăn do khung pháp lý liên quan đến chuyển đổi số, dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân đang trong quá trình hoàn thiện, thiếu hướng dẫn chi tiết, ảnh hưởng đến quá trình áp dụng và tuân thủ.

Vì vậy, chuyển đổi số cần được thực hiện theo chiến lược bài bản, đồng bộ giữa công nghệ - quản trị - kiểm soát rủi ro, nhằm đảm bảo phát triển bền vững, an toàn và duy trì niềm tin của khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.



Trong năm 2025, cùng với quá trình chuyển đổi số, Tập đoàn Bảo Việt cũng chủ động bảo vệ hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và cơ sở hạ tầng không gian mạng:

- Ứng dụng nền tảng SOAR và AI để chuyển từ phòng thủ thụ động sang phòng thủ chủ động, tăng cường giám sát, cảnh báo sớm; áp dụng bản sao số, tự động hóa phân tích - phản ứng và quản trị bề mặt tấn công nhằm giảm thiểu rủi ro, rút ngắn thời gian xử lý sự cố và nâng cao hiệu quả vận hành.
- Ban hành quy định và triển khai giải pháp bảo mật khi sử dụng AI, bao gồm quản lý bề mặt tấn công, kiểm soát – ngăn chặn rò rỉ dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu cá nhân trên các hệ thống AI.
- Thường xuyên rà soát, phân loại và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu pháp lý về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.
- Tham gia diễn tập thực chiến (CYSEEX) để nâng cao năng lực ứng phó sự cố.
- Chủ động săn lùng mối đe dọa, giám sát rò rỉ thông tin trên không gian mạng và kiểm tra, đánh giá hệ thống định kỳ để kịp thời khắc phục lỗ hổng bảo mật.

Quản lý rủi ro

Ngoài ra, Tập đoàn Bảo Việt nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc đánh giá và quản lý rủi ro từ biến đổi khí hậu và môi trường đối với hoạt động kinh doanh. Bảo Việt hiểu rằng các rủi ro từ biến đổi khí hậu và môi trường không chỉ ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên mà còn có tác động đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong trung và dài hạn, đặc biệt thông qua ảnh hưởng đến xu hướng tử vong, bệnh tật, sức khỏe cộng đồng và điều kiện kinh tế – xã hội và ngược lại. Các rủi ro này có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt, từ sự thiệt hại về tài sản đến ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của công ty. Chúng tôi đã thực hiện các biện pháp như đánh giá rủi ro, phát triển sản phẩm bảo hiểm phù hợp, thúc đẩy ý thức và giáo dục, áp dụng công nghệ và phương pháp hiện đại, hợp tác với các bên liên quan, và đổi mới tích hợp bền vững để đảm bảo không chỉ đối phó với rủi ro mà còn đóng góp vào sự bền vững của môi trường và cộng đồng.

Trong năm 2025, tại các công ty con thuộc lĩnh vực bảo hiểm của Tập đoàn đã thực hiện theo dõi, thống kê các hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm liên quan đến thiên tai, đồng thời tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước và đánh giá thiệt hại phát sinh từ các hiện tượng như bão, lũ lụt, giông lốc. Với đặc thù sản phẩm bảo hiểm và tệp khách hàng phân tán theo độ tuổi, địa lý, chúng tôi duy trì mức độ phân tán rủi ro phù hợp, qua đó hạn chế rủi ro tập trung từ các yếu tố môi trường và khí hậu.

Tập đoàn Bảo Việt cũng nhận thức rằng hoạt động kinh doanh của mình có thể góp phần vào sự biến đổi khí hậu và tác động đến môi trường, do đó việc quản lý rủi ro và hành động bảo vệ môi trường là điều cần thiết và không thể thiếu. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi và đánh giá xu hướng gia tăng của rủi ro môi trường và biến đổi khí hậu nhằm kịp thời nhận diện các tác động tiềm ẩn đến hoạt động kinh doanh, qua đó, chủ động bảo vệ an toàn tài chính và duy trì năng lực vốn bền vững trong dài hạn...



Quản lý rủi ro

Dự báo các rủi ro có mức độ tác động lớn trên phạm vi toàn cầu trong thời gian tới:

1

Xung đột kinh tế

Với các bất ổn gia tăng về chính sách thương mại, sử dụng leo thang các công cụ kinh tế và chính trị khác từ các biện pháp trừng phạt và quy định đến các hạn chế vốn và vũ khí hóa chuỗi cung ứng.

2

Xung đột vũ trang giữa các quốc gia

Việc sử dụng vũ lực song phương hoặc đa phương giữa các quốc gia biểu hiện dưới hình thức chiến tranh nóng và/hoặc bạo lực có tổ chức, kéo dài.

3

Biến đổi khí hậu và hiện tượng thời tiết cực đoan

Thiệt hại về người, hệ sinh thái bị tổn hại, tài sản bị phá hủy và/hoặc thiệt hại về tài chính do biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

4

Sự phân cực xã hội

Những chia rẽ về tư tưởng và văn hóa hiện tại hoặc được nhận thức trong và giữa các cộng đồng dẫn đến sự suy giảm ổn định xã hội; gián đoạn kinh tế; và sự phân cực chính trị ngày càng gia tăng.

5

Các thông tin sai lệch

(cố ý hoặc không) được lan truyền rộng rãi qua các mạng truyền thông, làm thay đổi dư luận. Các hậu quả tiêu cực của AI thể hiện xu hướng rõ rệt nhất, phản ánh sự lo ngại về những tác động đối với thị trường lao động, xã hội và an ninh.



Quản lý rủi ro



1. Quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được triển khai tại hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ). Bảo hiểm là một trong những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn.



Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đóng góp doanh thu chủ yếu cho toàn toàn hệ thống, Chính vì vậy, công tác quản lý rủi ro tại Bảo Việt Nhân thọ được chú trọng trong lĩnh vực bảo hiểm và đầu tư.

Hệ thống khung quản lý rủi ro tại Bảo Việt Nhân thọ được xây dựng thống nhất với hệ thống các văn bản, quy định nội bộ của Tập đoàn. Cụ thể: ban hành Quy chế Quản lý rủi ro (bao gồm cơ chế hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro), Chính sách Quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro chủ yếu, Hệ thống các báo cáo định kỳ.

Bảo Việt Nhân thọ luôn chú trọng nhận diện, đo lường và giám sát rủi ro bảo hiểm trong quá trình hoạt động kinh doanh; sử dụng các mô hình, giả định actuary tiên tiến để đo lường, theo dõi và so sánh kết quả thực tế với giả định để xác định phạm vi và mức độ rủi ro bảo hiểm, thực hiện thử nghiệm các mô hình định phí dựa trên các giả định khác nhau, phân tích độ nhạy của các ước tính trách nhiệm bảo hiểm đối với từng thay đổi cụ thể, thường xuyên theo dõi diễn biến, tác động của các thảm họa tới tỷ lệ tử vong, bệnh tật.

Bảo Việt Nhân thọ thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kết quả triển khai; định kỳ đánh giá doanh số, lợi nhuận sản phẩm; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác biệt nhiều với giả định.

Ngoài ra, Bảo Việt Nhân thọ xây dựng các hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình phê duyệt các giao dịch liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức được ban hành một cách cụ thể và chặt chẽ; đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ và xác định nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và thực hiện chia sẻ rủi ro.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và quản lý rủi ro bảo hiểm. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp kiểm tra sức chịu đựng (stress testing). Các lý thuyết xác suất thống kê và toán học được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quản lý rủi ro

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ



Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ là một trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Bảo Việt, doanh thu lĩnh vực này đến từ Bảo hiểm Bảo Việt.

Hệ thống khung quản lý rủi ro tại Bảo hiểm Bảo Việt được thiết lập đồng bộ và thống nhất với Tập đoàn bằng hệ thống các văn bản gồm Quy chế Quản lý rủi ro, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro, Chính sách Quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro, hệ thống các báo cáo định kỳ...

Hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt được thực hiện thông qua việc áp dụng các nguyên tắc và tuân thủ các quy trình trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trong đó tập trung vào các công tác: rà soát các giả định quan trọng; rà soát các rủi ro nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm hợp lý đảm bảo hiệu quả; theo dõi các rủi ro có khả năng xảy ra cao, nguy cơ trục lợi bảo hiểm; đánh giá, điều chỉnh chương trình tái bảo hiểm hàng năm; theo dõi, đánh giá các rủi ro tích tụ.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2025, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục áp dụng tính phí bảo hiểm theo từng nhóm rủi ro dựa trên lịch sử tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính.

Năm 2025, Bảo hiểm Bảo Việt luôn theo dõi sát sao để kiểm soát rủi ro bảo hiểm và các yếu tố tác động đến tỷ lệ chi phí kết hợp để duy trì hiệu quả kinh doanh.

Quản lý rủi ro



2. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro Tín dụng

- Đầu tư tiền gửi
- Đầu tư trái phiếu
- Bảo hiểm
- Giao dịch ký quỹ

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi được quản lý rủi ro bằng quy định chấm điểm, phân loại và xác định hạn mức đầu tư tiền gửi đối với các ngân hàng thương mại và công ty tài chính, hoạt động này được rà soát định kỳ 2 lần/năm.

Việc thực hiện hạn mức đầu tư tiền gửi tại Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con giúp hạn chế rủi ro tín dụng phù hợp với tình hình kinh tế, tài chính, chính sách vĩ mô và các quy định của pháp luật.

Rủi ro tín dụng được theo dõi, đánh giá thường xuyên và định kỳ trong các Báo cáo rủi ro để đưa ra hành động kịp thời khi đối tác xuất hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư trái phiếu

Trong hoạt động đầu tư trái phiếu, rủi ro tín dụng chủ yếu xuất phát từ danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên, trái phiếu Chính phủ vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro thấp.

Tập đoàn Bảo Việt xây dựng quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản.

Quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động bảo hiểm

Rủi ro tín dụng trong hoạt động bảo hiểm chủ yếu phát sinh tại Bảo hiểm Bảo Việt. Để quản lý rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành các quy định, hướng dẫn và yêu cầu các bên liên quan tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về nợ phí bảo hiểm.

Để quản lý rủi ro tín dụng đối với các nhà nhận tái bảo hiểm, việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động giao dịch ký quỹ

- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành.
- Lựa chọn danh mục chứng khoán được vay ký quỹ theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các sở giao dịch chứng khoán. Thường xuyên cập nhật thông tin cổ phiếu trên thị trường để sớm nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, thực hiện công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và tiến hành công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho BVSC trong quá trình cho vay ký quỹ.

Quản lý rủi ro



3. Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro Thị trường

- Lãi suất
- Giá cổ phiếu
- Tỷ giá ngoại tệ
- Giá chứng chỉ quỹ

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG	Lãi suất I Giá cổ phiếu I Tỷ giá hối đoái I Giá trị NAV chứng chỉ quỹ
CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG	Giá trị rủi ro ("VaR") I Phân tích độ nhạy (Sensitivity) I Phân tích kịch bản (Stress test)

Rủi ro lãi suất

Lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính. Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai.

Năm 2025, mặt bằng lãi suất đi ngang trong hầu hết các tháng và bắt đầu tăng nhẹ ở tháng cuối năm.

Tập đoàn Bảo Việt sử dụng các thước đo thời gian đáo hạn bình quân gia quyền (Duration) và Độ nhạy trên một điểm cơ bản (PVO1) để đánh giá độ nhạy của danh mục tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu đối với lãi suất. Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Tập đoàn Bảo Việt chú trọng công tác dự báo lãi suất thị trường, thường xuyên rà soát và lựa chọn chiến lược đầu tư, kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn bảo đảm mục tiêu lợi nhuận và bảo đảm tính thanh khoản của Tập đoàn và các Công ty con.

Trong năm 2025, không có thay đổi trọng yếu đối với chính sách và thông lệ áp dụng trong việc quản lý rủi ro thị trường tại Tập đoàn Bảo Việt. Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với khẩu vị rủi ro của Tập đoàn. Chúng tôi sử dụng nhiều công cụ để giám sát và giảm thiểu rủi ro thị trường bao gồm phân tích độ nhạy, VaR và kiểm tra sức chịu đựng.



Quản lý rủi ro

Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường chứng khoán.

Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết cũng có thể thay đổi theo điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp đầu tư. Danh mục cổ phiếu của Tập đoàn được đầu tư đa dạng hóa theo các ngành, lĩnh vực khác nhau đảm bảo theo quy định Tập đoàn về hạn mức đầu tư vào một ngành, một công ty hoặc nhóm công ty. Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tỷ trọng cổ phiếu chiếm 2% danh mục đầu tư tài chính toàn Tập đoàn.

Đối với danh mục cổ phiếu niêm yết, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%) và phương pháp phân tích kịch bản "stress-testing" để mô phỏng tác động của các tình huống thị trường đối với danh mục.

Đối với danh mục cổ phiếu chưa niêm yết (OTC), Tập đoàn sử dụng phương pháp phân tích cơ bản, theo dõi, giám sát tình hình tài chính và phi tài chính của các doanh nghiệpmà Tập đoàn góp vốn đầu tư thông qua những Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp đó.

Các thước đo/phương pháp nêu trên sẽ được cập nhật trong Báo cáo rủi ro hàng tháng, là cơ sở giúp Ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kịp thời.



Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của rủi ro này là thấp.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng Đô la Mỹ. Hình thức thanh toán được áp dụng chủ yếu là thanh toán bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch. Vì vậy, mức độ ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với kết quả kinh doanh của Bảo hiểm Bảo Việt là không đáng kể.

Rủi ro biến động giá trị NAV chứng chỉ quỹ

Các chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các Công ty con đầu tư chủ yếu được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt và được rà soát, đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng (NAV) trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh tùy từng thời điểm trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu mà Quỹ đã đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán của chứng chỉ quỹ nếu thực hiện thanh hoán hoặc có thể phải trích lập dự phòng/dự phòng bổ sung khi duy trì nắm giữ trong danh mục.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua các nghiên cứu, thẩm định thận trọng và tuân thủ tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt luôn theo dõi chặt chẽ những biến động và xu hướng của nền kinh tế, cập nhật thường xuyên kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để xác định những chiến lược đầu tư hiệu quả.

Quản lý rủi ro



4.

Quản lý rủi ro thanh khoản, biên khả năng thanh toán

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con quản lý cân đối các nguồn lực tài chính để duy trì biên khả năng thanh toán ở mức phù hợp, đáp ứng quy định hiện hành và nhu cầu kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tiến hành phân tích dòng tiền ước tính, các nhu cầu thanh toán trong quá khứ để phát hiện những biến động và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ rà soát và báo cáo Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) nhằm đưa ra các biện pháp phù hợp.

Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt luôn duy trì biên khả năng thanh toán tuân thủ quy định tại Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ và Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của Bộ Tài chính.



Quản lý rủi ro



5. Quản lý rủi ro tích tụ

Rủi ro Tích tụ

- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm
- Hoạt động đầu tư tài chính

Rủi ro tích tụ có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính.

- Rủi ro tích tụ được đo lường bằng cơ cấu tài sản, tổng giá trị đầu tư, doanh thu phí bảo hiểm, giá trị chi trả/ bồi thường theo đối tượng khách hàng, theo địa bàn và/ hoặc lĩnh vực kinh doanh.
- Rủi ro tích tụ được giám sát bằng hệ thống báo cáo từ bộ phận kinh doanh tới Ban điều hành, RMC Tập đoàn và RMC Công ty con.
- Rủi ro tích tụ được quản lý bằng các hạn mức đầu tư, quy trình nghiệp vụ và thẩm quyền quyết định đầu tư.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Rủi ro tích tụ tại Bảo hiểm Bảo Việt có thể phát sinh từ các nghiệp vụ như bảo hiểm hàng hóa, thân tàu thủy, hàng không, năng lượng, tài sản, tai nạn con người, kỹ thuật, ...). Rủi ro tích tụ không chỉ từ cùng nhóm rủi ro, mà còn từ các nhóm rủi ro có liên quan, chẳng hạn như nhóm rủi ro tàu và hàng hóa, rủi ro tài sản và tai nạn con người,... Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện các chính sách, quy trình khai thác để quản lý rủi ro tích tụ và duy trì các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm của mình trước các rủi ro tích tụ.Chiến lược bán hàng của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đảm bảo rằng những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả các ngành, vùng lãnh thổ, sử dụng các đánh giá y tế để đảm bảo rằng việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp của những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định phí các sản phẩm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác bảo hiểm được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động đầu tư tài chính

Tập đoàn và các Công ty Con quản lý rủi ro tập trung bằng các hạn mức rủi ro, được cập nhật hàng năm. Nhằm giảm thiểu rủi ro tích tụ trong đầu tư, chiến lược đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục đầu tư:

- Đa dạng hóa với nhiều loại tài sản đầu tư (ví dụ như đầu tư vào: cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi, chứng chỉ quỹ...);
- Đa dạng hóa với một loại tài sản (ví dụ đầu tư trái phiếu bao gồm: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp hoặc trái phiếu chính quyền địa phương...);
- Đa dạng hóa ngành nghề: mở rộng phạm vi đầu tư vào các công ty, lĩnh vực không có sự liên kết, sở hữu chéo với nhau...;
- Đa dạng hóa theo vốn hóa thị trường: Phân bổ danh mục đầu tư vào các cổ phiếu của công ty có quy mô khác nhau.

Quản lý rủi ro



6. Quản lý rủi ro hoạt động



Rủi ro hoạt động được ghi nhận và báo cáo thông qua bảng đánh giá rủi ro tại các cuộc họp RMC Tập đoàn và RMC Công ty con. Các tiêu chí nhận diện, đánh giá và xử lý rủi ro hoạt động được thực hiện để giảm thiểu tổn thất từ rủi ro này. Cụ thể:

1. Thiết lập các hạn mức rủi ro hoạt động, giám sát, báo cáo định kỳ hàng tháng/ quý tại RMC Tập đoàn và/hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn.

2. Rà soát, cập nhật các quy định mới để đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.

3. Đảm bảo các chính sách, quy trình và hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập và thực thi một cách hiệu quả.

4. Theo dõi thường xuyên các phần mềm mới đưa vào sử dụng để xử lý kịp thời các rủi ro có thể phát sinh.

5. Tăng cường bảo mật dữ liệu và an toàn hệ thống thông tin. Đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, hiệu quả nhằm theo kịp xu hướng phát triển và nhu cầu hội nhập quốc tế.

6. Truyền thông, hướng dẫn người sử dụng và quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001 và áp dụng mô hình bảo mật Zero trust, đảm bảo hệ thống thông tin được bảo vệ trước các mối đe dọa mạng, giảm thiểu rủi ro rò rỉ dữ liệu và nâng cao nhận thức về bảo mật.

Quản lý rủi ro



7. Quản lý rủi ro danh tiếng

Tập đoàn Bảo Việt quản lý các rủi ro danh tiếng thông qua việc theo dõi thái độ, phản ứng của các bên liên quan gồm cơ quan quản lý, khách hàng, cơ quan truyền thông, báo chí và người lao động đối với uy tín, thương hiệu của Tập đoàn;

Rà soát, điều chỉnh các quy định nội bộ bảo đảm tuân thủ pháp luật và phù hợp với thực tiễn kinh doanh; xây dựng các biện pháp quản lý, kiểm soát an toàn hệ thống CNTT.

Tổ chức đào tạo và truyền thông trong Tập đoàn về Xử lý khủng hoảng truyền thông và các khóa đào tạo chuyên đề về quản lý rủi ro danh tiếng.



8. Quản lý rủi ro chiến lược

Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro chiến lược linh hoạt, chủ động và toàn diện để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tăng cường công tác nghiên cứu chiến lược, rà soát, cập nhật thường xuyên các yếu tố có thể tác động đến việc thực hiện chiến lược của Tập đoàn để kịp thời đề xuất các giải pháp phù hợp.

Xây dựng các mục tiêu chiến lược cụ thể để giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng quản trị rủi ro của doanh nghiệp.

Tăng cường và bảo toàn vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con.

Rủi ro chiến lược được theo dõi, giám sát định kỳ hàng quý tại cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro của Tập đoàn và các Công ty con.

Quản lý rủi ro



Mục tiêu hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt năm 2026

- Tổ chức triển khai công tác quản lý rủi ro theo quy định pháp luật chuyên ngành và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt;
- Hoàn thiện các văn bản nội bộ về quản lý rủi ro, tổ chức triển khai công tác quản lý rủi ro tại các công ty con đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Quy chế Quản lý rủi ro của Tập đoàn;
- Tăng cường phối hợp hoạt động quản lý rủi ro giữa Tập đoàn và các Công ty con để nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro toàn Tập đoàn;
- Tổ chức các cuộc họp RMC tại Tập đoàn và các Công ty con hàng quý theo kế hoạch;
- Duy trì và nâng cao hiệu quả của hệ thống báo cáo rủi ro để tham mưu, tư vấn cho Ban Điều hành ra quyết định trong hoạt động kinh doanh; bảo đảm các rủi ro trọng yếu được quản lý và xử lý kịp thời.
- Tập trung quản lý các rủi ro chủ yếu, nhận diện các rủi ro mới phát sinh, xây dựng các kịch bản ứng phó; tăng cường đào tạo nâng cao nhận thức, văn hóa quản lý rủi ro trên toàn hệ thống.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ AI trong hoạt động QLRR để nâng cao hiệu quả quản trị.

Pháp chế và tuân thủ



Pháp chế và tuân thủ là một cấu phần quan trọng giúp tối ưu hóa hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua việc xây dựng và thực thi các cơ chế để doanh nghiệp có thể kiểm soát và giảm thiểu các nguy cơ phát sinh rủi ro trong quá trình tổ chức, điều hành mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp.

Bộ phận pháp chế và tuân thủ có vai trò là tuyếnthứ hai có trách nhiệm hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong hoạt động quản lý và kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt trong việc tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Tập đoàn.

Pháp chế và tuân thủ

Chức năng và nhiệm vụ

Công tác pháp chế:

- Tham mưu với lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn trong các lĩnh vực đầu tư, bất động sản, hoạt động đấu thầu và các hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn.
- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn, quy chế, quy định, hướng dẫn của Tập đoàn liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban Pháp chế và Quản lý rủi ro; thẩm định pháp lý đối với các văn bản quy phạm nội bộ của Tập đoàn trước khi trình Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị ban hành.
- Chủ trì hoặc/và phối hợp soạn thảo các mẫu hợp đồng quan trọng liên quan đến hoạt động quản lý, kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt; tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng và/hoặc có ý kiến về mặt pháp lý đối với các giao dịch do các đơn vị thuộc Tập đoàn soạn thảo trước khi trình Lãnh đạo Tập đoàn.
- Chủ trì trình Tổng Giám đốc và/hoặc Hội đồng Quản trị Tập đoàn đối với Điều lệ của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ theo quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt và quy định pháp luật.
- Chủ trì, phối hợp các bộ phận liên quan tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức gửi xin ý kiến; tổng kết, đánh giá pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể của Tập đoàn Bảo Việt phổ biến, tuyên truyền pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho người lao động.
- Tham gia giải quyết tranh chấp, khiếu kiện, tham gia tố tụng hoặc tham mưu thuê luật sư tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Tập đoàn.
- Xây dựng bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế chuyên nghiệp, có trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm đáp ứng các yêu cầu của Tập đoàn và các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

Công tác tuân thủ:

- Xây dựng, trình Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị ban hành các quy định về công tác tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt, đầu mối có ý kiến đối với Quy chế tuân thủ của các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Trình kế hoạch tuân thủ hàng năm của Tập đoàn, lập báo cáo về tình hình triển khai công tác tuân thủ theo định kỳ và/hoặc đột xuất, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Phối hợp để tổ chức đào tạo cho người lao động về tuân thủ.
- Cập nhật thường xuyên các quy định của pháp luật hiện hành để hoàn thiện hệ thống Khung tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt; Phối hợp với các đơn vị thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật liên quan để các Đơn vị kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt và để bổ sung, sửa đổi hệ thống khung tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám sát các đơn vị trong Tập đoàn và các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ trong công tác tuân thủ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro pháp lý và tính tuân thủ trong quản lý và kinh doanh theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.



Pháp chế và tuân thủ

Công tác pháp chế và tuân thủ năm 2025

Với chức năng, nhiệm vụ như trên, trong năm 2025, Ban Pháp chế và Quản lý rủi ro, đã hoàn thành các nhiệm vụ pháp chế, tuân thủ chủ yếu như sau:

1

Về công tác pháp chế

- Là đầu mối công tác văn bản với việc tham gia dự thảo hoặc thẩm định pháp lý văn bản và giao dịch, trong đó có những văn bản quan trọng như Điều lệ Tập đoàn, Điều lệ Công ty con, Quy chế Đầu tư, Quy chế Người đại diện vốn, Quy chế lựa chọn nhà thầu và các quy chế, quy định khác...
- Tham mưu với lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn trong các lĩnh vực đầu tư, bất động sản, hoạt động đấu thầu và các hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn.
- Hỗ trợ về pháp lý, phối hợp công việc với các Khối/Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng của Tập đoàn Bảo Việt, giải quyết yêu cầu công việc, sự vụ tư vấn pháp lý, kịp thời, đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn theo chức năng nhiệm vụ của Ban.
- Rà soát các Hợp đồng, giao dịch của Tập đoàn đảm bảo hạn chế tối đa các rủi ro tài chính như phạt hành chính, phạt vi phạm hợp đồng.
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các quy định, chính sách mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng trước các vấn đề phát sinh.

2

Về công tác tuân thủ

- Xây dựng, ban hành, cập nhật các văn bản phục vụ việc triển khai công tác tuân thủ tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con trong năm 2025, bao gồm:

i. Báo cáo tình hình triển khai công tác tuân thủ năm 2024 và trình Tổng Giám đốc phê duyệt kế hoạch tuân thủ, khung tuân thủ năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt.

ii. Tiếp nhận báo cáo và kế hoạch tuân thủ từ các Công ty con.

iii. Cập nhật khung tuân thủ, xây dựng, tiếp nhận và có ý kiến đối với Bảng kiểm tuân thủ của các Khối/Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng tại Tập đoàn.

- Tiếp nhận và giải quyết các báo cáo về tuân thủ của các đơn vị trong Tập đoàn theo Quy chế tuân thủ hiện hành.
- Ban hành các bản tin pháp lý và truyền thông đến các cán bộ nhân viên Tập đoàn Bảo Việt thông qua Teams, Viva Engage.

Pháp chế và tuân thủ

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

Trong năm 2026 sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Phối hợp với các Khối/Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng của Tập đoàn Bảo Việt có liên quan trong việc hoàn thiện và ban hành đối với các văn bản quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt như Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt và các quy chế, quy định nội bộ của Tập đoàn thuộc Kế hoạch rà soát ban hành văn bản năm 2026 do các Công ty con, các Khối/Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng /Tổ Dự án gửi xin ý kiến.

Tham mưu với lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn trong các lĩnh vực đầu tư, bất động sản, hoạt động đấu thầu và các hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn.

Cập nhật kịp thời các quy định, chính sách mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, Khối/Ban/Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng trước các vấn đề pháp lý phát sinh; thực hiện đào tạo pháp lý và tuân thủ.





Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông



Với lịch sử 60 năm hình thành và phát triển, Bảo Việt luôn bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư, coi đây là một trong những vấn đề cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp. Bảo Việt luôn định hướng hoạt động quan hệ cổ đông hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các qui định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông. Tiềm lực tài chính mạnh, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong các doanh nghiệp bảo hiểm, Bảo Việt luôn thực hiện các cam kết với cổ đông, gia tăng giá trị cho nhà đầu tư.

Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

Chuẩn hóa quy trình tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành và các thông lệ quốc tế

Trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty hiện nay như Thẻ điểm quản trị quản trị Công ty, Nguyên tắc quản trị công ty của OECD và IFC, Bảo Việt tiếp tục chuẩn hóa quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bố trí thời gian và địa điểm họp ở trung tâm, thuận tiện cho giao thông, đồng thời công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website trước khi tổ chức họp 21 ngày và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông tại Đại hội.

Bên cạnh đó, Bảo Việt luôn khuyến khích các cổ đông ý thức hơn về các quyền của mình bao gồm Quyền biểu quyết, quyền nhận cổ tức, quyền được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyền tiếp cận các thông tin về hoạt động của Bảo Việt.

Đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư

Thông tin là nền tảng của mọi quyết định đầu tư vì vậy Bảo Việt luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời về định hướng chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp...

Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Bảo Việt còn chủ động công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

Các hoạt động cung cấp thông tin, bao gồm các thông tin về thời gian và tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết.... luôn được Bảo Việt coi trọng và thực hiện đầy đủ theo đúng quy định.

Duy trì chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn qua các năm

Bảo Việt hiểu rằng một trong những quyền quan trọng nhất của cổ đông là quyền được nhận cổ tức. Thông qua chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn kể từ khi niêm yết, Bảo Việt mong muốn đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và đảm bảo thu nhập ổn định cho cổ đông. Năm 2025, với việc dành hơn 783 tỷ đồng chi trả cổ tức đã nâng tổng số tiền cổ tức Bảo Việt đã chi trả cho cổ đông kể từ khi niêm yết đến nay lên đến hơn 13.923 tỷ đồng, thể hiện sức khỏe tài chính của Bảo Việt.

Bên cạnh đó, Bảo Việt đã thực hiện chuẩn hóa quy trình chi trả cổ tức với thủ tục đơn giản, cung cấp đầy đủ thông tin giúp cổ đông hiểu rõ thủ tục chi trả cổ tức, sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp làm dịch vụ chi trả cổ tức nhanh và đúng hạn đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận qua chuyển khoản với thủ tục đơn giản.

Quy trình chi trả cổ tức tại Tập đoàn Bảo Việt

Bảo Việt đã thực hiện chuẩn hóa quy trình chi trả cổ tức với thủ tục đơn giản, cung cấp đầy đủ thông tin giúp cổ đông hiểu rõ các thủ tục chi trả cổ tứ, sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp làm dịch vụ chi trả cổ tức nhanh và đúng hạn đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông nhận cổ tức với thủ tục đơn giản nhất.

1. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua mức cổ tức chi trả
2. HĐQT ra nghị quyết và công bố về mức chi trả
3. Lập danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức (chốt danh sách với TTLKCK
4. Thực hiện chi trả cổ tức (30 ngày kể từ ngày chốt danh sách cổ đông)

Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

Nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin cung cấp ra thị trường

Nhằm nâng cao mức độ tin cậy của số liệu, Bảo Việt đã duy trì việc lập Báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Bên cạnh việc tuân thủ quy định về việc lập và soát xét đối với Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm, Bảo Việt còn thực hiện soát xét đối với báo cáo quý để đảm bảo mức độ tin cậy của các số liệu cung cấp ra thị trường.

Không chỉ thực hiện kiểm toán các thông tin tài chính - điều mà hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đang làm, Bảo Việt còn tiên phong thực hiện kiểm toán đối với các chỉ tiêu phi tài chính để nâng cao mức độ tin cậy của thông tin khi được đảm bảo bởi Kiểm toán nội bộ.

Các hoạt động IR đã triển khai trong năm 2025 nhằm nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin

Nâng cao mức độ tin cậy của số liệu

- Duy trì việc lập BCTC theo hai chuẩn mực VAS và IFRS
- Soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm
- Thực hiện soát xét đối với báo cáo quý

Công bố thông tin chủ động, minh bạch

- CBTT theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC
- Công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư
- Thường xuyên cập nhật chuyên mục dành riêng cho cổ đông trên website bằng tiếng Anh và tiếng Việt

Tăng cường đối thoại với nhà đầu tư

- Tăng cường gặp gỡ và tìm hiểu nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư;
- Giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm

Là cổ phiếu bluechip niêm yết trên sàn HoSE, BVH luôn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trọng yếu về công bố thông tin và thực thi các chính sách quan hệ cổ đông hiệu quả, kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định, dẫn đầu thị trường bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Tập đoàn Bảo Việt **vươn tầm khu vực, trở thành doanh nghiệp Việt đại diện cho ngành bảo hiểm trong Top 50 Doanh nghiệp giá trị nhất Việt Nam** (Brand Finance Vietnam). Ngoài ra Bảo Việt tiếp tục được bình chọn 13 năm liên tiếp trong TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2025 (Forbes), **Thương hiệu bảo hiểm duy nhất liên tiếp đạt Thương hiệu quốc gia, thể hiện vị thế của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam**



BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Số 7 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Email: thongtin@baoviet.com.vn; congbothongtin@baoviet.com.vn

Điện thoại: 02439289999

Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

Thông tin cổ phiếu

Tính đến ngày 31/12/2025:



Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

Cơ cấu sở hữu

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước (*)	504.664.200	67,98%	2	2	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (**)	482.509.800	65,00%	1	1	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên) (***)	646.455.221	87,09%	2	2	0
4	Công đoàn Công ty	244.370	0,03%	1	1	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0
6	Cổ đông khác	73.468.773	9,90%	10.231	135	10.096
Tổng cộng		**742.322.764**	**100,00%**	**10.235**	**139**	**10.096**
Trong đó:	*- Trong nước*	*542.637.476*	*73,10%*	*9.601*	*65*	*9.536*
	- Nước ngoài	*199.685.288*	*26,90%*	*634*	*74*	*560*

Ghi chú:
(*): bao gồm Bộ Tài chính, SCIC (**): bao gồm Bộ Tài chính (***): bao gồm Bộ Tài chính và Sumitomo Life

Công bố tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài của Tập đoàn Bảo Việt: không quá 49% cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	**Phạm Long**	Chủ tịch Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt	231,556	0.03119%	244,370	0.03292%	Mua

Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

Giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với người có liên quan và cổ đông lớn của Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm các công ty con của Tập đoàn Bảo Việt thông qua hoạt động đầu tư, và cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ. Thông tin về các giao dịch được trình bày cụ thể tại bảng sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số tiền giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
1	**Bộ Tài chính**	Cổ đông lớn		Số 28 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Hà Nội	(509.096.089.980)	Trả cổ tức năm 2024
2	**Sumitomo Life Insurance**	Cổ đông lớn		Số 8 Lê Thái Tổ, P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	488.160.000	Doanh thu cho thuê VP
					(172.978.813.697)	Trả cổ tức năm 2024
3	**Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)**	Cổ đông lớn	0101992921	Số 117 đường Trần Duy Hưng, phường Cầu Giấy, Hà Nội	(23.375.107.440)	Trả cổ tức năm 2024
4	**Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt (BVI)**	Công ty con	0103193730 cấp ngày 09/10/2025 thay đổi lần thứ 11 bởi Sở Tài chính Thành phố Hà Nội	71 Ngô Sỹ Liên, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	8.685.000.000	Lợi nhuận được nhận
					48.000.000	Doanh thu dịch vụ CNTT
					73.063.651.228	Doanh thu cho thuê văn phòng và khai thác bãi xe
					(7.328.856.770)	CP quản lý tòa nhà và chi phí tư vấn tiếp thị
					(2.063.798.008)	Chi phí năng lượng
					(20.198.114.546)	Chi phí sửa chữa và dịch vụ khác

Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số tiền giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
5	**Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BVGI)**	Công ty con	45/GPĐC15/KDBH cấp ngày 29/3/2019 bởi Bộ Tài chính	07 Lý Thường Kiệt, P. Cửa Nam, Hà Nội	106.280.000.000	Lợi nhuận được nhận
					83.829.003.070	Doanh thu dịch vụ CNTT
					11.692.034.784	Doanh thu cho thuê VP
					505.500.000	Doanh thu dịch vụ Đào tạo
					(8.811.080.960)	Chi phí thuê văn phòng
					(5.021.910.626)	Phí mua bảo hiểm
6	**Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVL)**	Công ty con	46/GPDC9/KDBH cấp ngày 13/04/2021 tại Hà Nội bởi Bộ Tài chính	Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, P. Từ Liêm, Hà Nội	937.379.000.000	Lợi nhuận được nhận
					195.395.477.485	Doanh thu dịch vụ CNTT
					2.671.760.474	Doanh thu phí Đào tạo
					3.303.216.000	Doanh thu cho thuê văn phòng
					(7.483.015.360)	Phí mua bảo hiểm
7	**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)**	Công ty con	08/GPĐC-UBCK cấp ngày 17/01/2022 tại Hà Nội bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Số 8, Lê Thái Tổ, P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	73.583.000.000	Lợi nhuận được nhận
					1.190.797.517	Doanh thu dịch vụ CNTT
					809.140.000	Doanh thu phí Đào tạo
					2.539.110.000	Doanh thu cho thuê văn phòng

Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số tiền giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
5	**Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BVGI)**	Công ty con	45/GPĐC15/KDBH cấp ngày 29/3/2019 bởi Bộ Tài chính	07 Lý Thường Kiệt, P. Cửa Nam, Hà Nội	106.280.000.000	Lợi nhuận được nhận
					83.829.003.070	Doanh thu dịch vụ CNTT
					11.692.034.784	Doanh thu cho thuê VP
					505.500.000	Doanh thu dịch vụ Đào tạo
					(8.811.080.960)	Chi phí thuê văn phòng
					(5.021.910.626)	Phí mua bảo hiểm
6	**Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVL)**	Công ty con	46/GPDC9/KDBH cấp ngày 13/04/2021 tại Hà Nội bởi Bộ Tài chính	Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, P. Từ Liêm, Hà Nội	937.379.000.000	Lợi nhuận được nhận
					195.395.477.485	Doanh thu dịch vụ CNTT
					2.671.760.474	Doanh thu phí Đào tạo
					3.303.216.000	Doanh thu cho thuê văn phòng
					(7.483.015.360)	Phí mua bảo hiểm
7	**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)**	Công ty con	08/GPĐC-UBCK cấp ngày 17/01/2022 tại Hà Nội bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Số 8, Lê Thái Tổ, P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	73.583.000.000	Lợi nhuận được nhận
					1.190.797.517	Doanh thu dịch vụ CNTT
					809.140.000	Doanh thu phí Đào tạo
					2.539.110.000	Doanh thu cho thuê văn phòng

Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số tiền giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
8	**Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)**	Công ty con	03/GPĐC-UBCK cấp ngày 10/01/2022 cấp bởi UBCKNN	Số 8, Lê Thái Tổ, P. Hoàn Kiếm, Hà Nội	68.719.541	Doanh thu dịch vụ CNTT Revenue from IT services
					9.785.696.400	Doanh thu cho thuê văn phòng
					34.624.954.400	Cổ tức được nhận
					(516.770.421)	Các chi phí tư vấn, quản lý cổ đông, lưu ký CK, phí mua bán CK, vv.
9	**Quỹ đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)**	Công ty con	273/GCN-UBCK	Số 8 Lê Thái Tổ, p. Hoàn Kiếm, Hà Nội	21.000.000.000	Cổ tức được nhận
10	**Công ty TNHH Bảo Việt Âu Lạc (BVAL)**	Công ty con			0	Không phát sinh giao dịch
11	**Ngân hàng TMCP Bảo Việt**	Công ty liên kết	328/GP-NHNN	Tầng 5, Tòa nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, Hà Nội	34.150.114.831	Doanh thu lãi tiền gửi
					1.298.374.807	Doanh thu dịch vụ CNTT
					4.572.432.000	Doanh thu cho thuê văn phòng
12	**Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam (TMIV)**	Công ty liên doanh	65/GP/KDBH	23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	56.850.335.136	Cổ tức được nhận
13	**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt**	Công ty liên kết	0101358899	Khu biệt thự Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	0	Không phát sinh giao dịch
14	**Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc**	Công ty liên kết	1701893515	Tổ 1, ấp Dương Tơ, Xã Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang, Việt Nam	0	Không phát sinh giao dịch
15	**Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin PLT**	Công ty liên kết	0312087510	64 Vũ Tông Phan, Thủ Đức, TP HCM	0	Không phát sinh giao dịch
16	**Công ty cổ phần Đầu tư SCIC - Bảo Việt/ SCIC**	Công ty liên kết	0103946624	Số 220 Trần Duy Hưng, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội	0	Không phát sinh giao dịch

DẪN LỐI TƯƠNG LAI

Đối với Bảo Việt, phát triển bền vững không chỉ là một cam kết dài hạn mà còn là cách tiếp cận nhằm tạo dựng giá trị ổn định và lâu dài cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không chỉ hướng tới hiệu quả kinh tế mà còn chú trọng đến việc tạo ra những tác động tích cực đối với xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, môi trường và cộng đồng trong tương lai.



DẪN LỐI TƯƠNG LAI

Đối với Bảo Việt, phát triển bền vững không chỉ là một cam kết dài hạn mà còn là cách tiếp cận nhằm tạo dựng giá trị ổn định và lâu dài cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không chỉ hướng tới hiệu quả kinh tế mà còn chú trọng đến việc tạo ra những tác động tích cực đối với xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, môi trường và cộng đồng trong tương lai.

Trong những năm gần đây, Bảo Việt từng bước tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào chiến lược phát triển, đồng thời triển khai nhiều sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và giảm thiểu tác động đến môi trường. Bảo Việt cũng tích cực tham gia vào các sáng kiến và chương trình phát triển bền vững, gắn kết hoạt động kinh doanh với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị bền vững theo các chuẩn mực quốc tế.

- Cam kết đóng góp vào mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 của quốc gia
- Tuân thủ 3 yếu tố "Môi trường", "Xã hội" và "Quản trị" (ESG) trong quản trị doanh nghiệp
- Được đảm bảo bởi Kiểm toán nội bộ các chỉ tiêu phi tài chính
- Gắn kết 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) trong hoạt động doanh nghiệp
- Áp dụng Bộ chỉ số GRI Standards trong triển khai Báo cáo Phát triển bền vững
- Tổng hợp chỉ số phát triển bền vững thường niên theo chuẩn S&P Global CSA





BÁO CÁO

Phát triển bền vững 2025

Các thông tin về phát triển bền vững của Bảo Việt được thể hiện chi tiết và đầy đủ trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025

- **Integrated Reporting**
  Báo cáo Tích hợp theo chuẩn mực IIRC Quốc tế
- Ứng dụng **Power BI**
  Giải pháp phân tích kinh doanh cho phép trực quan hoá dữ liệu
- Tích hợp **ESG trong Chiến lược, Quản trị, và điều hành**,
  hướng tới mục tiêu phát triển bền vững
- Gắn kết **17 mục tiêu Phát triển bền vững**
  của Thế giới vào Hoạt động của Bảo Việt
- **CSI - Bộ tiêu chuẩn đánh giá,**
  xếp hạnh Doanh nghiệp bền vững Việt Nam
- **QR code**
  Nâng cao trải nghiệm người đọc trên ứng dụng đa nền tảng
- **GRI Standards,**
  Bộ chỉ tiêu lập Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu
- Báo cáo được phát hành dưới dạng **PDF tương tác,** cho phép người đọc dễ dàng truy cập thông tin thông qua hệ thống mục lục liên kết. Tối ưu hóa trải nghiệm người đọc trên **nhiều nền tảng thiết bị**.

Truy cập vào website: baoviet.com.vn/BVH_SR2025_VN
Chúng tôi mong muốn lắng nghe ý kiến từ các Quý vị để nâng cao chất lượng nội dung báo cáo.

Vui lòng liên hệ Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư
E/ thongtin@baoviet.com.vn
T/ (+84) 24 3928 9999

Scan để xem phiên bản trực tuyến

BẢO VIỆT – DUY TRÌ VỊ THẾ DOANH NGHIỆP VIỆT TRONG BẢNG XẾP HẠNG DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG

DOW JONES SUSTAINABILITY INDICES (DJSI)

Bảo Việt là doanh nghiệp Việt Nam với 4 năm liên tiếp được công nhận và xếp hạng Doanh nghiệp bền vững trong nhóm Chỉ số Dow Jones Sustainability Indices (DJSI) và tiếp tục được công nhận trong bảng xếp hạng tính bền vững của doanh nghiệp toàn cầu (Corporate Sustainability Assessment - CSA) của S&P Global.



Bảo Việt cũng là doanh nghiệp duy nhất trong nhóm ngành bảo hiểm của Việt Nam được công nhận trong bộ chỉ số uy tín này.

Tính chung cuộc, các nỗ lực cải thiện tính bền vững năm 2025 đã giúp Bảo Việt cải thiện thứ hạng trong bảng điểm đánh giá và đạt điểm cao hơn 51% so với các doanh nghiệp khác trong nhóm ngành bảo hiểm (gồm 239 doanh nghiệp toàn cầu đủ điều kiện tham gia).

Kết quả này tiếp tục khẳng định cam kết của Bảo Việt trong việc không ngừng nâng cao năng lực quản trị bền vững, đồng thời củng cố vị thế của một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Việt Nam trên hành trình hội nhập với các chuẩn mực phát triển bền vững quốc tế.

VINH DANH NỖ LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CUP NGÔI SAO CSI
Giai đoạn 2016 - 2025
VBCSD

TOP 1
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN và PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
tốt nhất Việt Nam

XẾP HẠNG 25/100
BÁO CÁO
tốt nhất thế giới

XẾP HẠNG 9/10
BÁO CÁO
tốt nhất Châu Á
Nhóm Tài chính – Bảo hiểm

TOP 50
Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam
VIOD

TOP 10
Doanh nghiệp bền vững Việt Nam 2025
Lĩnh vực Thương mại – Dịch vụ
VBCSD

TOP 50
Doanh nghiệp Phát triển bền vững
Nhịp cầu Đầu tư

GIẢI BẠCH KIM
Báo cáo thường niên và Phát triển bền vững

GIẢI BẠCH KIM
Báo cáo phát triển bền vững xuất bản nội bộ

GIẢI VÀNG
Báo cáo tích hợp
xuất sắc nhất Châu Á

GIẢI VÀNG
Báo cáo thường niên xuất bản nội bộ

GIẢI NHÌ
Báo cáo phát triển bền vững 2025

GIẢI BẠC
Báo cáo có sự cải thiện vượt bậc

GIẢI XUẤT SẮC
Báo cáo thường niên ứng dụng công nghệ
Nhóm doanh nghiệp Nhà nước

Tổng quan hoạt động phát triển bền vững tại Bảo Việt

Thông qua quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan, phân tích các tác động của Bảo Việt, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững, từ đó Bảo Việt đã hoàn thiện mô hình phát triển bền vững với tầm nhìn đến năm 2050.

Bảo Việt định hướng phát triển dựa trên ba trụ cột: **Tăng trưởng kinh tế – Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm xã hội**, coi đây là nền tảng cho sự phát triển ổn định và lâu dài của doanh nghiệp. Trong đó, tăng trưởng kinh tế bền vững giữ vai trò nền tảng để Bảo Việt có thể triển khai hiệu quả các sáng kiến bảo vệ môi trường và hoạt động trách nhiệm xã hội, đồng thời tạo ra giá trị hài hòa cho cộng đồng và các bên liên quan.





Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Cam kết và định hướng từ ban lãnh đạo

Nhằm đảm bảo thực hiện định hướng chiến lược về phát triển bền vững của Bảo Việt, trong năm 2024, Ban điều hành đã tiếp tục bám sát theo chỉ đạo và định hướng của Hội đồng Quản trị, tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và an sinh xã hội nhằm tối đa hóa giá trị mang lại cho con người và môi trường tại các địa phương nơi Bảo Việt đang đẩy mạnh phát triển kinh doanh.

Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng ta từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, Bảo Việt cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.

Bảo Việt luôn chú trọng thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và giàu có là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Bảo Việt có thể phát triển và phục vụ lâu dài.



TÁC ĐỘNG đối với KINH TẾ

1. Đóng góp cho nền kinh tế chung
2. Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương
3. Tiên phong triển khai chủ trương của Nhà nước



TÁC ĐỘNG đối với XÃ HỘI

1. Cải thiện chất lượng cuộc sống người dân địa phương
2. Phát triển sản phẩm vì lợi ích cộng đồng
3. Chung tay hỗ trợ phát triển cộng đồng

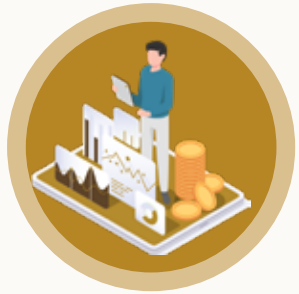


TÁC ĐỘNG đối với MÔI TRƯỜNG

1. Giảm thiểu tác động từ phát thải khí nhà kính
2. Xanh hóa hoạt động kinh doanh
3. Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ



235.000
Lao động

1.200+
Phòng giao dịch

180
Chi nhánh

34
Tỉnh thành

1 Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung

Hoạt động trong các lĩnh vực Bảo hiểm – Đầu tư – Tài chính – Ngân hàng, sự tăng trưởng của Bảo Việt đóng góp tích cực cho sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam cũng như nền kinh tế quốc gia.

2 Tiên phong triển khai các sản phẩm mang tính xã hội

Bảo Việt luôn đi đầu trong việc thực hiện các chủ trương chính sách vì cộng đồng của Nhà nước, triển khai các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội như: Bảo hiểm nông nghiệp, Bảo hiểm hưu trí, Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, Bảo hiểm khai thác thủy sản, Bảo hiểm rủi ro thiên tai, Bảo hiểm vi mô, Bảo hiểm học sinh, v.v... Những chương trình này góp phần mở rộng khả năng tiếp cận các giải pháp bảo hiểm cho người dân và doanh nghiệp.

3 Góp phần phát triển kinh tế địa phương

Với 235.000 lao động, trên 180 chi nhánh và hơn 1.200 phòng giao dịch của bảo hiểm trên 63 tỉnh thành, bên cạnh việc cung cấp các sản phẩm Bảo hiểm – Tài chính cho người dân cả nước, Bảo Việt còn góp phần hỗ trợ giảm thiểu rủi ro cho tài sản, hoạt động kinh doanh sản xuất của người dân, đồng thời tạo công ăn việc làm cho cộng đồng, đóng góp cho sự tăng trưởng của các nhà cung cấp và cho ngân sách địa phương



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG



Cường độ phát thải khí nhà kính tại Bảo Việt

(Tấn CO_2/1 tỷ đồng doanh thu)

0,025	0,020	0,015	0,018	0,016
Năm 2021	⇩11% năm 2022	⇩22% năm 2023	⇩15% năm 2024	⇩11% năm 2025

1 Giảm thiểu tác động từ xả thải và tiêu thụ năng lượng

Là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm – đầu tư - tài chính - ngân hàng cũng như 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của Bảo Việt tập trung vào các ngành như trên - những ngành nghề thân thiện với môi trường, do vậy, các tác động từ hoạt động kinh doanh đến môi trường của Bảo Việt chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các tòa nhà trụ sở, chi nhánh và phòng giao dịch, v.v... Theo đó, Bảo Việt đã tiến hành lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý tại tòa nhà văn phòng làm việc của Bảo Việt nhằm kiểm soát xử lý nước thải và rác thải, đồng thời tối ưu hệ thống tiêu thụ điện năng trong tòa nhà, đưa ra các giải pháp hệ thống giúp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải, các biện pháp xử lý rác thải và khí thải phát sinh xung quanh tòa nhà.

2 Xanh hóa hoạt động kinh doanh

Nhận thức được tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, từ năm 2022, Bảo Việt đã triển khai các dự án xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và số hóa các quy trình thủ tục nội bộ hướng tới một Bảo Việt không giấy tờ (paperless). Cho tới nay, Bảo Việt đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống quản lý thông tin nhân sự nội bộ Baoviet Histaff hay hệ thống văn phòng nội bộ Baoviet Office tích hợp trình ký, kế toán điện tử, văn thư, chấm công, lịch họp online, v.v... kết hợp cùng các quy định sử dụng hai mặt giấy in, số hóa toàn bộ tài liệu nội bộ đã giúp lượng giấy lưu trữ và sử dụng tại văn phòng giảm thiểu rõ rệt. Năm 2025, các vấn đề Quản trị - Xã hội và Môi trường được Bảo Việt tiếp tục được chú trọng lồng ghép trong hoạt động đánh giá chuỗi cung ứng, rủi ro hoạt động và gắn kết các ràng buộc trách nhiệm trong các dự án đầu tư, các quy trình quản lý đầu tư dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần.

3 Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, Bảo Việt đã đẩy mạnh truyền thông trong toàn hệ thống thông qua các kênh thông tin: poster, bản tin điện tử, bản tin nội bộ. Đồng thời, tổ chức các hoạt động vì môi trường có sự tham gia của cán bộ nhân viên.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI XÃ HỘI



498,9 TỶ ĐỒNG

Bảo Việt đầu tư cho các hoạt động an sinh xã hội



1 Cải thiện chất lượng cuộc sống người dân địa phương

Với hoạt động rộng khắp cả nước, Bảo Việt góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Đồng thời, với các chương trình đào tạo được triển khai một cách chuyên nghiệp với bộ phận đào tạo chuyên trách sẽ góp phần giúp mặt bằng chất lượng nhân lực địa phương được nâng cao và tăng tính cạnh tranh hơn trên thị trường lao động địa phương nói riêng và toàn quốc nói chung.

2 Phát triển sản phẩm vì lợi ích cộng đồng

Với cơ sở 18 triệu khách hàng, Bảo Việt cung cấp các sản phẩm Bảo hiểm - Tài chính đa dạng, đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống cũng như tích lũy tài chính phục vụ kế hoạch hưu trí tương lai. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm vi mô – nhóm sản phẩm phi lợi nhuận như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm xe cơ giới, v.v... vẫn được Bảo Việt triển khai hàng năm nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp ở các khu vực kinh tế chưa phát triển có thể tiếp cận các lợi ích từ bảo hiểm phục vụ cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp, từ đó hỗ trợ giảm bớt áp lực về ngân sách bảo hiểm xã hội cho Nhà nước.

3 Chung tay hỗ trợ phát triển cộng đồng

Tính từ năm 2009 đến nay, Bảo Việt đầu tư hơn 498,9 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội theo Nghị quyết 30A/2008/NQ-CP, tập trung cho công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào tại địa bàn khó khăn; đầu tư xây dựng trường học, các chương trình học bổng dành cho trẻ em nghèo hiếu học. Với hành động thiết thực, Bảo Việt mong muốn chung tay cùng cộng đồng doanh nghiệp, các bộ, ngành triển khai tích cực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, hoàn thành các chỉ tiêu đã được Quốc hội giao.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, các tác động trực tiếp đến môi trường trong quá trình vận hành của Bảo Việt là không đáng kể. Tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng việc giám sát quá trình sử dụng nguồn năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng công nghệ giảm thiểu tác động đến môi trường và triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu là những hành động nhỏ nhưng vô cùng cần thiết giúp xanh hóa hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường chung của cộng đồng, vì một tương lai xanh, phát triển bền vững

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại thế kỷ 21. Theo các chuyên gia, cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong ứng phó biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhận thức về biến đổi khí hậu của các doanh nghiệp còn hạn chế, chưa đồng đều gây ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng xanh. Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ tài chính nên Bảo Việt tác động không đáng kể đến môi trường, tuy nhiên chúng tôi luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường và cộng đồng.

Trong quá trình hoạt động, Bảo Việt hiểu rằng khi doanh nghiệp thay đổi, cân đối các nguồn năng lượng do doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp tiêu thụ có thể giúp giảm thiểu tác động môi trường.

Chúng tôi tin rằng, mục tiêu môi trường của Bảo Việt sẽ trở nên dễ dàng hơn khi các bên liên quan, đặc biệt là các bên nằm trong chuỗi giá trị của Bảo Việt cùng tham gia thực hiện gắn kết mục tiêu môi trường trong các hoạt động kinh doanh. Từ đó giảm thiểu sử dụng các nguồn năng lượng, tài nguyên, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.



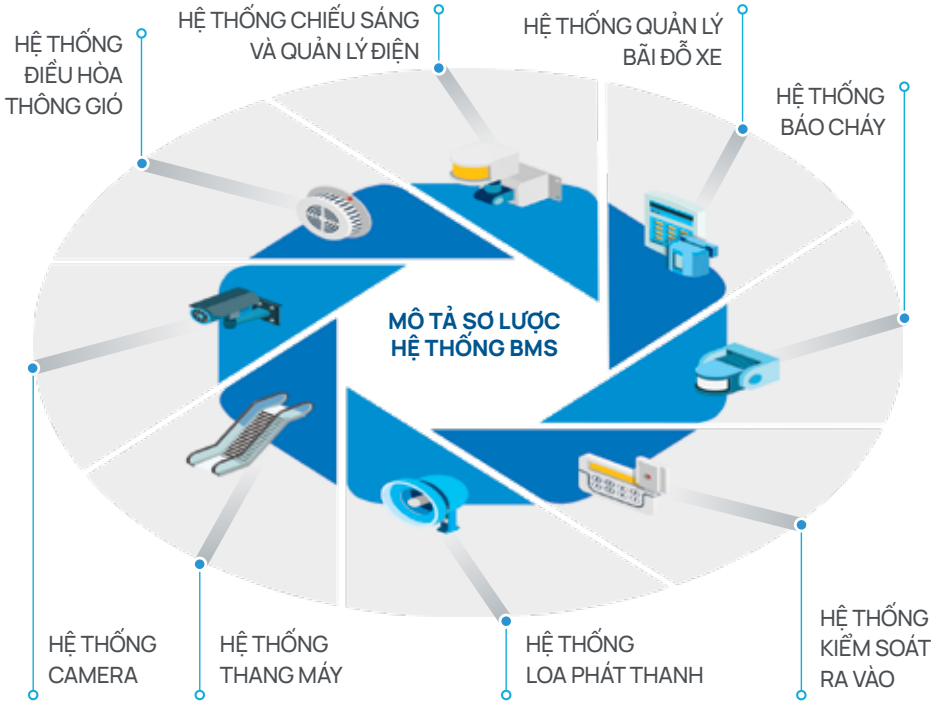
Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Giải pháp giám sát và kiểm soát tiêu thụ năng lượng

Nhận thức được những tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, Bảo Việt đã tăng cường truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên thông qua việc tiết kiệm năng lượng tiêu thụ tại trụ sở chính và các chi nhánh trong toàn hệ thống. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm số hóa các giao dịch hoạt động, giảm lượng giấy thải ra môi trường và để thích ứng với tình hình kinh tế và các hình thức kinh doanh mới.

Tại các Tòa nhà Bảo Việt hiện đang áp dụng và phát huy hiệu năng của hệ thống BMS (Building Management System) - một hệ thống đồng bộ cho phép điều khiển và quản lý mọi hệ thống kỹ thuật trong toà nhà như hệ thống điện, hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, điều hoà thông gió, cảnh báo môi trường, an ninh, báo cháy - chữa cháy v.v..., đảm bảo cho việc vận hành các thiết bị trong tòa nhà được chính xác, kịp thời.

Về không gian làm việc, các phòng làm việc tại Bảo Việt đều có khả năng mở cửa sổ kính hợp lý kết hợp các hình thức che nắng để vừa được thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên và hạn chế nóng khi cần, hạn chế được ảnh hưởng của bức xạ mặt trời, vừa chống mất nhiệt khi có điều hòa không khí. Khi tiến hành cải tạo các khu vực văn phòng, Bảo Việt đều yêu cầu đơn vị thi công cung cấp giải pháp hạn chế tăng nhiệt độ trong nhà do hiệu ứng nhà kính gây ra khi có mảng kính lớn, hoặc kết cấu bao che chủ yếu bằng kính.



Nhận thức rằng nhiều khu vực trong văn phòng làm việc khi không có người ở hay không sử dụng nếu vẫn dùng thiết bị điện cho tất cả các khu vực này sẽ làm tăng tổng chi phí, vì vậy lắp cảm biến sẽ khắc phục được tình trạng này. Vì vậy Bảo Việt đã lắp đặt cảm biến cho một số khu vực tại hành lang, khu vệ sinh...tại văn phòng trụ sở chính. Cảm biến phòng và khu vực có thể đảm nhận cả việc ngắt điện, tắt nước khi không cần thiết.

Trong các toà nhà, thành phần tiêu thụ điện năng chủ yếu gồm hệ thống điều hoà không khí và các thiết bị phụ trợ (bơm nước, quạt gió), hệ thống chiếu sáng, hệ thống thiết bị văn phòng, hệ thống thang máy và các thiết bị văn phòng. Theo đó, tiềm năng tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà đến từ các thiết bị sẽ tạo ra tính tối ưu trong sử dụng năng lượng, chi phí vận hành, dự kiến khoảng 10 - 40% chi phí.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Giải pháp **tiết kiệm năng lượng** trong quá trình **vận hành** tòa nhà

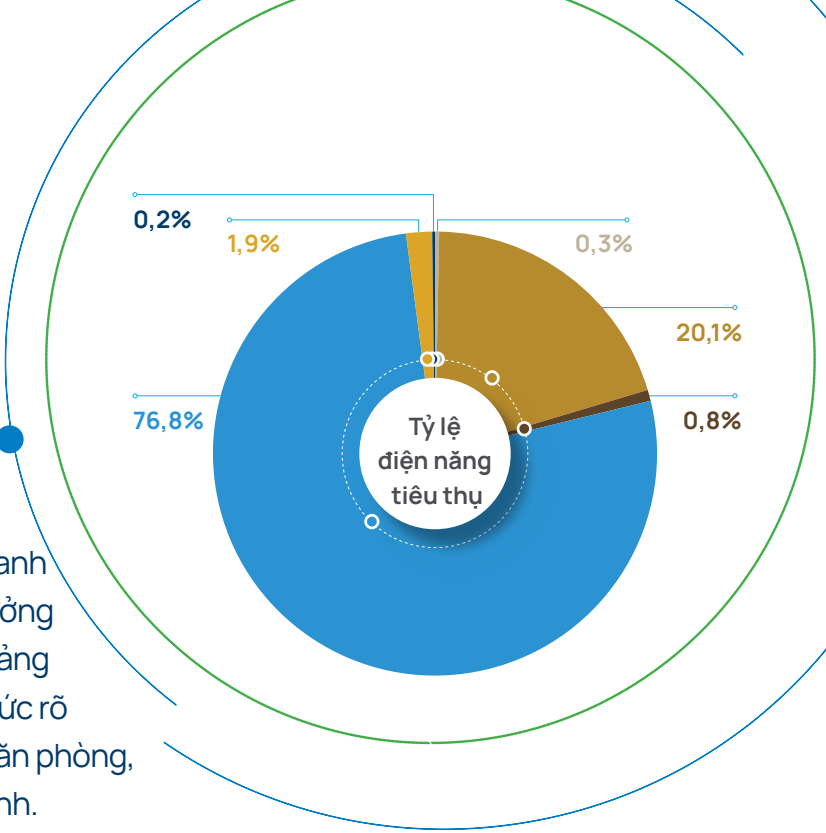


1. Tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì hợp lý theo nhu cầu sử dụng
2. Giảm mức tiêu thụ điện năng của hệ thống điều hoà bằng cách thay thế máy điều hoà cục bộ công suất thấp bằng máy điều hoà hiện đại, dùng công nghệ biến tần, lắp đặt rèm che, tấm dán kính hoặc dùng kính cách nhiệt
3. Kiểm soát phụ tải ổ cắm, lắp cảm biến cho các căn phòng/khu vực
4. Định kỳ làm vệ sinh các dàn trao đổi nhiệt, đặc biệt các giàn nóng giải nhiệt gió không để bám bụi bẩn làm giảm khả năng trao đổi nhiệt của giàn
5. Đảm bảo chất lượng nước mềm cho các hệ thống máy lạnh giải nhiệt nước (water chiller)
6. Duy tu, sửa chữa các hỏng hóc kịp thời để tránh tổn thất năng lượng cho hệ thống
7. Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp để quản lý và vận hành một cách đúng đắn, khoa học hệ thống điều hòa không khí và thông gió trong các công trình, mang lại hiệu quả cao về tiết kiệm năng lượng

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Giải pháp **tiết kiệm năng lượng**

trong quá trình **sử dụng** tòa nhà



Theo số liệu Báo cáo tóm tắt về sử dụng năng lượng hợp lý tại các tòa nhà của Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững thế giới, trong năm 2025, nhóm các tòa nhà văn phòng, xưởng và nhà máy tiếp tục là một trong những nhóm tiêu thụ năng lượng điện lớn nhất, chiếm khoảng 35%–40% tổng năng lượng toàn cầu, đóng góp đáng kể vào phát thải khí nhà kính. Nhận thức rõ điều này, Tập đoàn Bảo Việt đã đẩy mạnh các giải pháp tiết kiệm điện tại hệ thống tòa nhà văn phòng, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm phát thải trong hoạt động vận hành.

Hệ thống điều hoà không khí
(70,8% điện năng)

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27°C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà, bố trí các phòng lạnh tiếp xúc trực tiếp với các bức xạ mặt trời...
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30.

Hệ thống chiếu sáng
(0,1% điện năng)

- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).
- Điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sang của môi trường...).

Hệ thống thang máy
(0,5% điện năng)

- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 20h.
- Bố trí lễ tân điều phối thang máy.

Hệ thống an ninh
(27,5% điện năng)

- Bố trí lực lượng bảo vệ 24h để tăng cường an ninh và sử dụng hệ thống hiệu quả.
- Bảo trì theo quý và thường niên.
- Thay thế các dòng thiết bị mới tiết kiệm năng lượng và hiện đại 5 năm/lần.

Hệ thống máy làm lạnh
(0,9% điện năng)

- Bố trí tủ lạnh và tủ cấp đông tại các tầng để phục vụ công tác chuẩn bị cơm trưa, lưu trữ đồ ăn trưa cho cán bộ
- Bảo trì và vệ sinh thường niên.

Hệ thống bơm và đun nước
(0,2% điện năng)

- Thay thế việc sử dụng các bình đun nước nóng cục bộ bằng việc sử dụng các trung tâm cấp nước nóng sử dụng dầu D.O cấp nước nóng cho toàn bộ toà nhà.
- Tắt hệ thống đun nước nóng và máy bơm tăng áp sau 17h30 để tiết kiệm và đảm bảo an toàn cháy nổ.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Theo dõi và kiểm soát lượng khí thải nhà kính

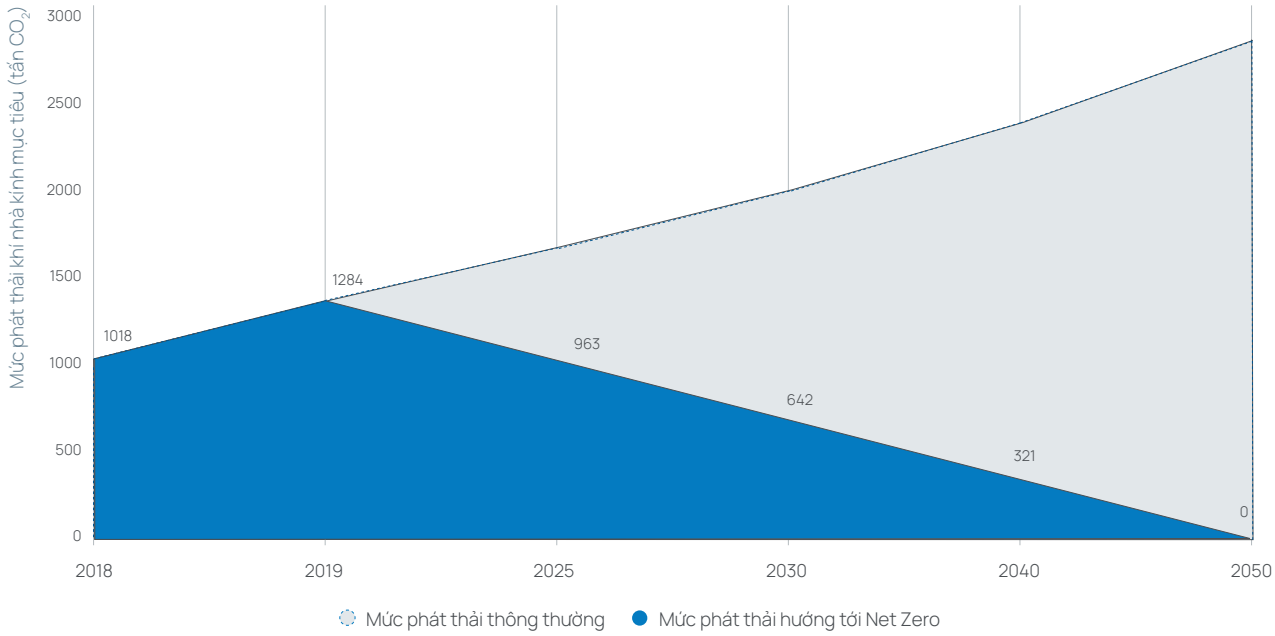
Là doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính, hoạt động kinh doanh Bảo Việt không sản sinh nhiều lượng khí thải nhà kính cũng như gây ra các tác động đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên với các trụ sở làm việc, các Tòa nhà do Bảo Việt quản lý và sử dụng, việc kiểm soát lượng khí thải, chất thải, nước thải từ các Tòa nhà Bảo Việt là biện pháp bảo vệ môi trường tiếp theo sẽ được Bảo Việt triển khai. Hiện tại, Bảo Việt cũng đang xây dựng quy chế quản lý các nguồn phát thải khí nhà kính căn cứ theo Giao thức báo cáo Khí nhà kính (GHG Protocol).

Lộ trình hướng tới mục tiêu Net Zero

Trong quá trình phát triển, Bảo Việt nhận thức rằng khi quy mô và hoạt động doanh nghiệp ngày càng được mở rộng, đồng nghĩa với việc phát thải ra môi trường sẽ có xu hướng gia tăng. Hiểu rõ điều này, Bảo Việt đã đặt ra lộ trình hướng tới tới Net Zero dựa trên mức phát thải cơ sở năm 2018. Với lộ trình cụ thể đến năm 2050, Bảo Việt sẽ tập trung giảm thiểu phát thải từ trụ sở, phương tiện và tiêu thụ năng lượng, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và môi trường, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài.

Dựa trên dữ liệu lượng phát thải GHG (khí nhà kính) từ năm 2018 đến 2023, Bảo Việt đặt ra lộ trình hướng tới mục tiêu đạt Net Zero vào năm 2050, với các cột mốc được tính toán và cân nhắc phù hợp cho một doanh nghiệp trong lĩnh vực Dịch vụ Tài chính - Bảo hiểm, nơi lượng phát thải CO_2 của doanh nghiệp chủ yếu đến từ hoạt động của các tòa nhà trụ sở:

Lộ trình hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050



Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Giai đoạn tới 2025:

Giảm

-20%

lượng phát thải CO_2

Đã hoàn thành

Mục tiêu

Giảm 20% lượng phát thải từ các hoạt động vận hành vào năm 2025

Biện pháp

- Triển khai các hệ thống quản lý năng lượng thông minh nhằm tối ưu hóa hiệu suất.
- Sử dụng thiết bị điện, đèn LED tiết kiệm năng lượng và cải tiến hệ thống điều hòa không khí để giảm mức tiêu thụ năng lượng.
- Khuyến khích nhân viên sử dụng xe đạp, xe điện hoặc phương tiện giao thông công cộng.
- Lắp đặt hệ thống lưu trữ năng lượng tại các tòa nhà để tối ưu hóa việc sử dụng điện từ các nguồn tái tạo.
- Giảm sử dụng giấy in, thúc đẩy tài liệu điện tử, thu gom và tái chế rác thải giấy.
- Triển khai chương trình trồng cây xanh tại các khu vực xung quanh trụ sở.

Giai đoạn tới 2025-2030:

Giảm

-50%

lượng phát thải CO_2

Mục tiêu

Giảm 50% lượng phát thải thông qua việc tối ưu hóa sử dụng năng lượng và phương tiện di chuyển vào năm 2030.

Biện pháp

- Sử dụng xe điện cho mọi hoạt động giao thông nội bộ và dịch vụ.
- Đầu tư vào các giải pháp kiến trúc xanh và cải tiến hệ thống cách nhiệt để giảm tiêu thụ năng lượng.
- Lắp đặt hệ thống tái chế rác thải hoặc tái sử dụng nhằm giảm tác động lên môi trường.
- 50% tòa nhà lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo và giảm thiểu sử dụng năng lượng không tái tạo.
- Khuyến khích sử dụng văn phòng phẩm làm từ vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường
- Tạo không gian xanh tại các văn phòng và trồng cây xanh.

Giai đoạn tới 2030-2040:

Giảm

-70%

lượng phát thải CO_2

Mục tiêu

Giảm 70% lượng phát thải, tập trung vào việc loại bỏ hoàn toàn các nguồn phát thải từ năng lượng hóa thạch vào năm 2040.

Biện pháp

- 100% hệ thống và thiết bị vận hành chạy hoàn toàn bằng năng lượng tái tạo hoặc điện sạch.
- Triển khai các dự án trồng rừng và dự án môi trường để bù đắp lượng carbon không thể tránh khỏi.
- Sử dụng các công nghệ tiên tiến để thu hồi và xử lý lượng CO_2 phát sinh từ hoạt động vận hành.
- Chỉ hợp tác với các nhà cung cấp và đối tác có cam kết bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Loại bỏ hoàn toàn nhiên liệu hóa thạch trong vận hành.

Giai đoạn tới 2040-2050:

Đạt

NET ZERO

Mục tiêu

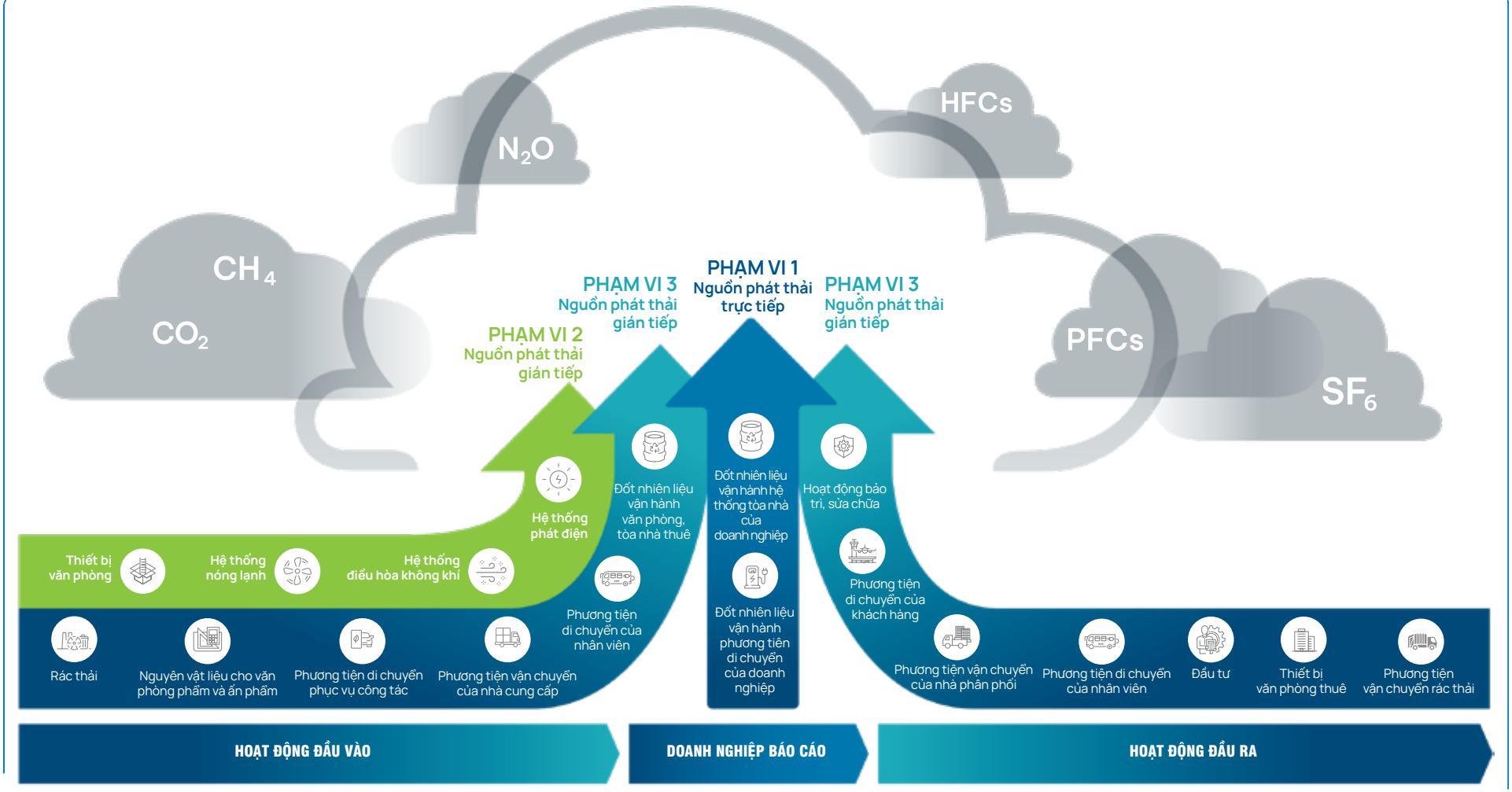
Loại bỏ hoàn toàn lượng phát thải CO_2 và đạt Net Zero vào năm 2050.

Biện pháp

- Sử dụng 100% năng lượng tái tạo.
- Tham gia vào thị trường mua bán tín chỉ Carbon để lượng carbon không thể tránh khỏi.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Nguồn phát thải khí nhà kính tại các tòa nhà Bảo Việt



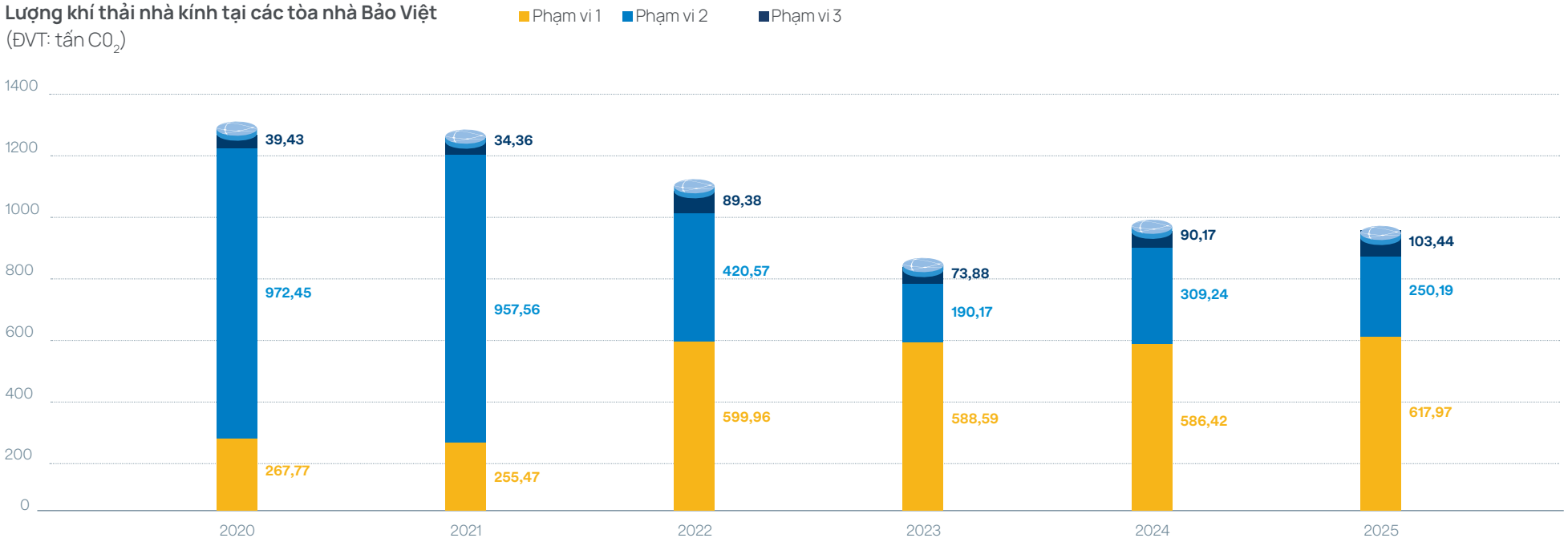
Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Báo cáo Khí thải nhà kính (GHG Protocol) tại các tòa nhà Bảo Việt

Giao thức báo cáo Khí nhà kính (GHG Protocol) là công cụ kiểm đếm được sử dụng rộng rãi trên thế giới để định lượng, nắm bắt và quản lý phát thải Khí nhà kính do Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp thế giới về phát triển bền vững (WBCSD) xây dựng. Báo cáo Khí nhà kính phân biệt 3 "phạm vi" (Scope) phát thải mà hiện nay được các hệ thống trên thế giới sử dụng, bao gồm:

- **Phạm vi 1:** Phát thải trực tiếp - là các phát thải từ các nguồn tại cơ sở thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty.
- **Phạm vi 2:** Phát thải gián tiếp - là các phát thải từ nguồn phát điện mua bên ngoài được tiêu dùng tại cơ sở sản xuất thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của công ty.
- **Phạm vi 3:** Phát thải gián tiếp khác của công ty, phát thải từ các nguồn không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty.

Lượng khí thải nhà kính tại các tòa nhà Bảo Việt
(ĐVT: tấn CO_2)



Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Phạm vi	Hoạt động	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Phạm vi 1	Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống	19,23	16,16	21,17	22,09	22,36	21,65 ⇩
	Đốt nhiên liệu vận hành phương tiện di chuyển của doanh nghiệp	41,71	41,13	98,56	86,27	88,17	86,89 ⇩
	Phát thải từ điều hòa không khí	206,83	198,18	480,23	480,23	475,90	509,42 ⇧
	Phạm vi 1 – Tổng	**267,77**	**255,47**	**599,96**	**588,59**	**586,42**	**617,97⇧**
Phạm vi 2	Điện tiêu thụ cho hệ thống phát điện, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng	962,26	947,36	409,88	179,48	298,54	240,38 ⇩
	Điện tiêu thụ cho hệ thống nước nóng lạnh	10,20	10,20	10,69	10,69	10,69	9,80 ⇩
	Phạm vi 2 – Tổng	**972,45**	**957,56**	**420,57**	**190,17**	**309,24**	**250,19⇩**
Phạm vi 3(*)	Sử dụng phương tiện di chuyển phục vụ công tác	0,09	0,07	0,02	0,02	0,02	0,06⇧
	Xử lý chất thải, khí thải, nước thải trong tòa nhà	25,65	21,45	47,56	39,52	47,64	49,47 ⇧
	Sử dụng phương tiện di chuyển phục vụ vận chuyển sản phẩm	13,53	12,85	30,34	34,17	42,31	53,91 ⇧
	Sử dụng phương tiện di chuyển phục vụ đưa đón nhân viên	0,16	0,00	11,46	0,16	0,21	0,00 ⇩
	Phạm vi 3 – Tổng	**39,43**	**34,36**	**89,38**	**73,88**	**90,17**	**103,44⇧**
Tổng		**1279,66**	**1247,39**	**1109,91**	**863,33**	**996,52**	**981,41 ⇩**



Đối với lộ trình giảm phát thải hướng tới mục tiêu Net Zero, năm 2025 Bảo Việt ghi nhận mức phát thải 981,41 tấn CO_2, giảm so với 996,52 tấn CO_2 năm 2024, cho thấy những cải thiện nhất định trong hiệu quả sử dụng năng lượng và tối ưu vận hành. Mặc dù chưa đạt mức mục tiêu 963 tấn CO_2 theo kịch bản lộ trình, chênh lệch này chủ yếu xuất phát từ các yếu tố khách quan như gia tăng hoạt động kinh doanh ngắn hạn, nhu cầu sửa chữa và cải tạo tòa nhà, mở rộng quy mô vận hành, cũng như biến động nhu cầu sử dụng năng lượng trong bối cảnh thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu.

Trong thời gian tới, Bảo Việt sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp tiết giảm năng lượng, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản trị nhằm từng bước thu hẹp khoảng cách và bám sát lộ trình giảm phát thải đã đề ra.

(*) Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện rà soát các danh mục phát thải Phạm vi 3 theo hướng dẫn của GHG Protocol. Với đặc thù danh mục đầu tư hiện tại chỉ bao gồm tiền gửi ngân hàng và trái phiếu Chính phủ, Tập đoàn Bảo Việt không phát sinh phát thải tài trợ (financed emissions) theo tiêu chuẩn PCAF.

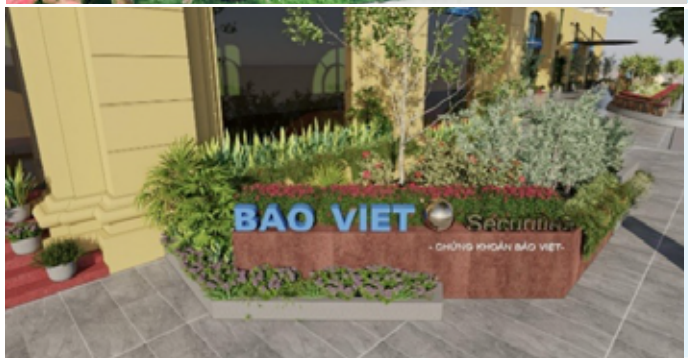
Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động



Chuyển đổi số tối ưu hóa vận hành đồng thời giảm tiêu thụ giấy in và phát thải CO_2, Bảo Việt triển khai Baoviet Office - hệ thống văn phòng điện tử tích hợp nhiều tính năng trong một như trình ký điện tử, kế toán điện tử, quản lý văn thư, chấm công, nghỉ phép và lịch họp online. Cùng với chủ trương số hóa 8/16 loại tài liệu nội bộ, quy định in hai mặt giấy và loại bỏ dần hồ sơ giấy không cần thiết, Bảo Việt đã thành công giảm đáng kể lượng giấy in văn phòng, từ đó hỗ trợ giảm tải phát thải từ các khâu sản xuất và xử lý rác thải giấy.



Mở rộng không gian xanh gia tăng chuyển đổi khí CO_2 thành khí O_2 trong các văn phòng làm việc. Điển hình như 50m² cây xanh tại Trung tâm Công nghệ thông tin tại 71 Ngô Sỹ Liên, 140m² tại Tòa nhà Bảo Việt số 8 Lê Thái Tổ và hơn 300m² mảng xanh tại Tòa nhà Trung tâm tài chính Bảo Việt 233 Đồng Khởi. Không gian xanh không chỉ tạo môi trường làm việc trong lành mà còn đóng vai trò như hệ thống lọc khí tự nhiên, kết hợp không gian mở tối đa ánh sáng, khuyến khích sáng tạo và nâng cao hiệu suất làm việc.



Thúc đẩy hoạt động phát triển kinh doanh bền vững cùng với việc tối ưu các chương trình công tác bên ngoài, tăng cường hoạt động kinh doanh online trong năm 2025 và ưu tiên sử dụng phương tiện di chuyển công tác bằng các loại xe thân thiện với môi trường cũng đã giúp tiết kiệm chi phí nhiên liệu, đồng thời giảm đáng kể phát thải khí CO_2 ra môi trường từ các phương tiện di chuyển.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Thúc đẩy chuyển đổi xanh và giảm phát thải khí nhà kính thông qua hợp tác chiến lược với VinFast



Hướng tới thực hiện các cam kết quốc gia về phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 và thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi xanh của cả hai bên.

Trong năm 2025, hợp tác này tiếp tục tập trung thúc đẩy sử dụng phương tiện không phát thải, góp phần giảm phát thải khí nhà kính Phạm vi 3 (Scope 3) thông qua các hoạt động như: truyền thông chính sách ưu đãi xe điện, mở rộng sử dụng dịch vụ taxi điện Xanh SM cho công tác, nghiên cứu thuê xe điện tại các đơn vị thành viên và đánh giá khả năng lắp đặt trạm sạc tại các tòa nhà.

Song song với đó, Bảo Việt Nhân thọ cũng đã triển khai hợp tác với đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển xanh Xanh SM, từng bước thay thế phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong hoạt động nội bộ.

Các sáng kiến này thể hiện định hướng nhất quán của Bảo Việt trong việc tích hợp yếu tố môi trường vào hoạt động kinh doanh, góp phần giảm phát thải trong chuỗi giá trị và hướng tới mô hình doanh nghiệp phát triển bền vững.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Trong năm 2025, cường độ phát thải khí nhà kính của Tập đoàn Bảo Việt đạt 0,016 tấn CO_2 trên 01 tỷ đồng doanh thu, phản ánh mức phát thải thấp trên mỗi đơn vị doanh thu tạo ra. Dù tiếp tục mở rộng kinh doanh, gia tăng hợp tác đầu tư và duy trì quy mô hoạt động trên toàn hệ thống, chỉ số này vẫn duy trì mức giảm khoảng 11,1% so với năm 2024. Kết quả đó cho thấy hiệu quả của các giải pháp tiết kiệm năng lượng, tối ưu vận hành và định hướng phát triển bền vững được triển khai đồng bộ. Đáng chú ý, mức phát thải này chỉ tương đương khoảng 0,03% cường độ phát thải khí nhà kính trung bình của Việt Nam trong năm 2025 ước khoảng 56,52 tấn CO_2/01 tỷ đồng GDP.



Cường độ phát thải khí nhà kính trung bình Việt Nam

56,52

Tấn CO_2/1 tỷ đồng GDP

Cường độ phát thải khí nhà kính trung bình của mỗi người

7,10

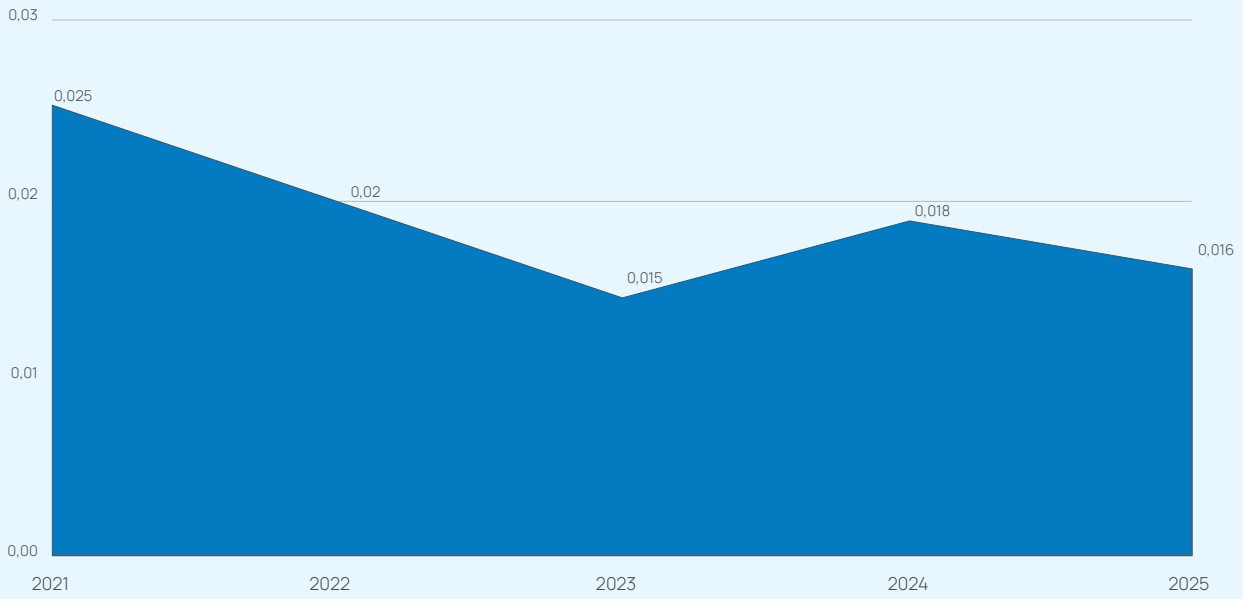
Tấn CO_2/người dân Việt Nam

6,49

Tấn CO_2/người dân thế giới

Lượng khí thải nhà kính tại các tòa nhà Bảo Việt

(tấn CO_2/1 tỷ đồng doanh thu)



Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

BIỆN PHÁP XỬ LÝ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Để xử lý các nguồn chất thải, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện các giải pháp tại tòa nhà trụ sở chính:

- Bổ sung hệ thống khử trùng nước thải sau xử lý cho hệ thống cũng như nuôi cấy vi sinh cho các bể hiếu khí để nâng cao quá trình xử lý hiếu khí
- Khử trùng nước bằng clorin trước khi thải ra môi trường
- Vệ sinh bể chứa nước sạch để đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho các tòa nhà
- Lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường
- Thực hiện phân tích lượng nước thải định kỳ hàng quý tại các tòa nhà để có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện có chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn quy định.

THU GOM VÀ XỬ LÝ PIN THẢI HÀNH ĐỘNG NHỎ, TÁC ĐỘNG LỚN



Nhận thức rõ tác hại của rác thải nguy hại đối với môi trường, tại các tòa nhà trụ sở, tập thể cán bộ Bảo Việt đã tuyên truyền và tự giác triển khai hoạt động thu gom và phân loại pin đã qua sử dụng tại các văn phòng làm việc. Thay vì vứt bỏ cùng rác thải thông thường, pin sẽ được tập trung tại các điểm thu gom để đưa đến đơn vị xử lý chuyên biệt, đảm bảo an toàn cho môi trường và sức khỏe con người.

Pin thải chứa kim loại nặng như chì, thủy ngân, cadmium... nếu chôn lấp không đúng cách có thể gây ô nhiễm nguồn nước và đất trong hàng chục năm. Với mỗi viên pin, lượng thủy ngân rò rỉ có thể làm ô nhiễm tới 500 lít nước hoặc 1 mét khối đất trong 50 năm.

Bằng những hành động thiết thực, Bảo Việt không ngừng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nội bộ doanh nghiệp, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững và lan tỏa trách nhiệm tới cộng đồng.



Đề án bảo vệ môi trường của Bảo Việt được tiếp tục triển khai tại các tòa nhà, bao gồm việc sử dụng điện tiết kiệm, sử dụng nước hợp lý, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thông qua việc bổ sung các chế phẩm vi sinh, vệ sinh hệ thống cống thoát nước, xử lý rác thải hàng ngày, vệ sinh hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng, kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, rác thải.



Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường

Trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt, bao gồm các công ty thành viên không ghi nhận các biên bản/thông báo nào liên quan đến việc vi phạm các điều Luật và Quy định về môi trường. Việc xác nhận không có trường hợp vi phạm cũng được Bảo Việt căn cứ dựa trên các thông tin dữ liệu từ kết quả kiểm toán (không ghi nhận số tiền phạt), các thông tin ghi nhận từ hệ thống giám sát tuân thủ, pháp chế và kết quả từ các cuộc quan trắc môi trường.

Hằng năm, báo cáo quan trắc môi trường của các tòa nhà trụ sở chính Bảo Việt cũng đã được được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ về một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Thông tư số 10/2021/TT/BTNMT quy định kỹ thuật quan trắc môi trường.
- Đơn vị tham gia quan trắc và phát hành chứng nhận kết quả có giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERTS 006 và Chứng chỉ công nhận Vilas số hiệu Vilas 372.

Đánh giá kết quả quan trắc và kiến nghị của đoàn kiểm tra

Môi trường không khí

CÁC KHÍ ĐỘC: Giá trị nồng độ các khí độc tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/BYT-QĐ, QCVN 05:2013/BTNMT.

NỒNG ĐỘ BỤI: Giá trị nồng độ bụi tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/BYT-QĐ và QCVN 05:2013/BTNMT.

Môi trường nước

Giá trị hàm lượng các chỉ tiêu đã phân tích trong mẫu nước thải tại đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT.

Môi trường tiếng ồn

Giá trị nồng độ ồn tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT.

Các kiến nghị

Kiến nghị tiếp tục duy trì hệ thống kiểm soát, giảm thiểu tác động để đảm bảo chất lượng môi trường theo các quy định.

Cùng với các hoạt động gìn giữ và bảo vệ môi trường thực hiện bởi cá nhân doanh nghiệp, Bảo Việt còn phối hợp với các nhà cung cấp để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường một cách có hệ thống và chuyên nghiệp hơn. Trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt vẫn tiếp tục duy trì đầu tư hơn 4,4 tỷ đồng ký kết các hợp đồng quan trắc, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và các hợp đồng bảo trì hệ thống đảm bảo an toàn lao động và sử dụng hiệu quả nguồn điện năng tại các tòa nhà trụ sở. Các hợp đồng với nhà cung cấp môi trường đã được Bảo Việt thực hiện hằng năm và sẽ được tiếp tục mở rộng trong các năm tiếp theo.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

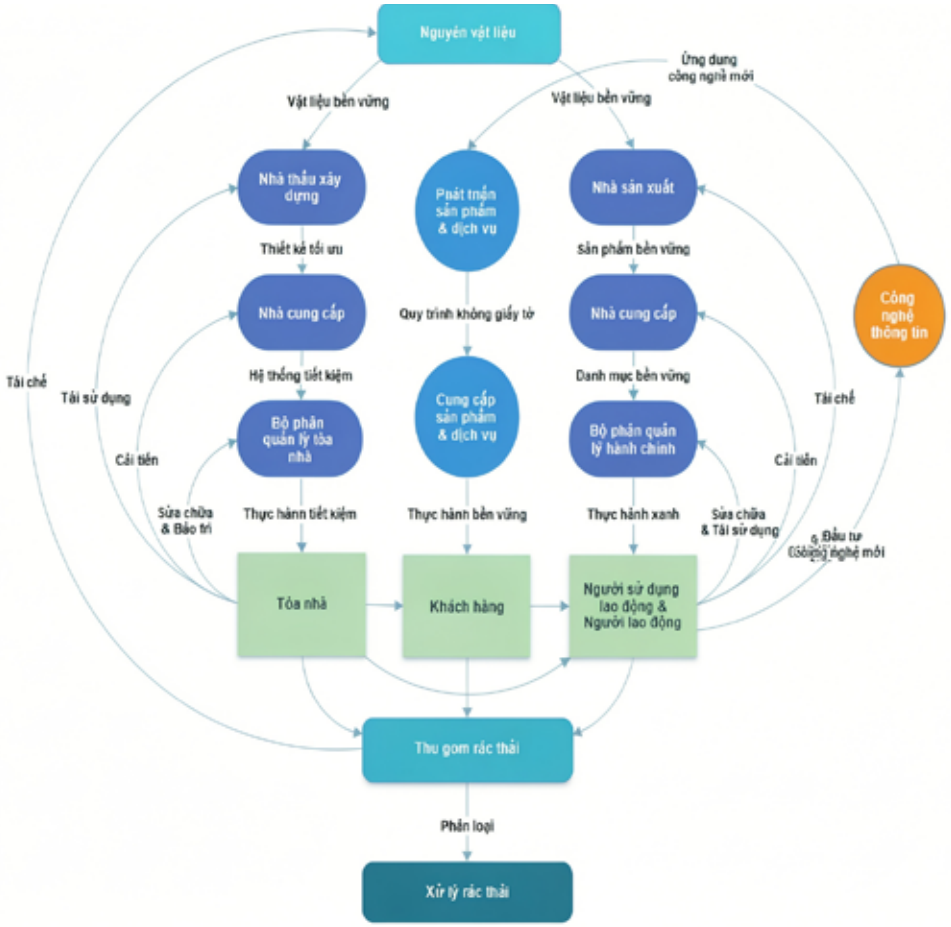
Lồng ghép tính bền vững trong chuỗi cung ứng và quy trình lựa chọn nhà cung cấp

Xây dựng chuỗi cung ứng theo chuẩn kinh tế tuần hoàn

Là một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo hiểm và tài chính, Bảo Việt không phải đối mặt với những thách thức về phát thải công nghiệp như các doanh nghiệp sản xuất. Thay vào đó, tác động môi trường của Bảo Việt tập trung chủ yếu từ hoạt động của các tòa nhà văn phòng và không gian làm việc. Trong bối cảnh phát triển bền vững trở thành yêu cầu cấp thiết, Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt đã và đang nỗ lực xây dựng chuỗi cung ứng tuần hoàn nhằm đáp ứng các tiêu chí bảo vệ môi trường và tối đa hóa tính hiệu quả trong vận hành doanh nghiệp.

Chuỗi cung ứng tuần hoàn của Bảo Việt thể hiện cách tiếp cận toàn diện từ việc chọn nguồn cung ứng bền vững, thiết kế văn phòng thân thiện với môi trường, đến tối ưu hóa sử dụng năng lượng, thu gom, tái chế, tái sử dụng và sửa chữa thiết bị, v.v... không chỉ giúp giảm thiểu rác thải và phát thải carbon, mà còn nâng cao hiệu quả vận hành của doanh nghiệp. Đây là một chu trình khép kín, nơi mỗi giai đoạn đều cần sự liên kết chặt chẽ với nhau, từ đó tái đầu tư vào các công nghệ không giấy tờ tiên tiến và mang đến giá trị dài hạn cho cả doanh nghiệp, khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng.

Với tầm nhìn dài hạn và cam kết mạnh mẽ, Bảo Việt hi vọng việc triển khai mô hình chuỗi cung ứng tuần hoàn sẽ mang lại lợi ích kinh tế và đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của xã hội. Đây là minh chứng rõ ràng cho việc một doanh nghiệp dịch vụ tài chính có thể tích cực tham gia vào xu hướng xanh hóa nền kinh tế, đồng thời giữ vững cam kết với cộng đồng và môi trường.

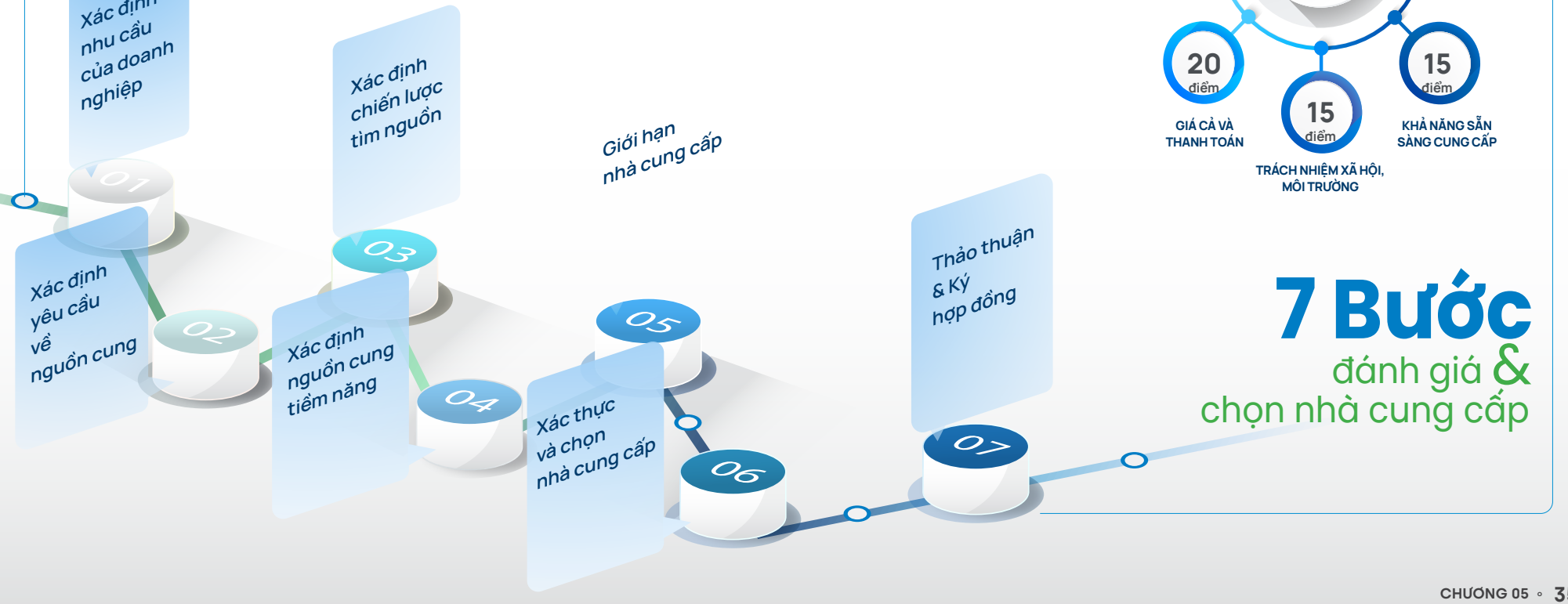


Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Quy trình lựa chọn nhà cung cấp

Để đảm bảo yếu tố bền vững, ngay từ yếu tố đầu vào, Bảo Việt đã lựa chọn những nhà cung ứng tuân thủ đầy đủ yêu cầu luật pháp, có ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, có đạo đức kinh doanh. Việc đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị trong chuỗi cung ứng không chỉ quan trọng với Bảo Việt mà còn với nhà đầu tư và khách hàng của chúng tôi.

Bảo Việt tin rằng việc triển khai quy trình đánh giá nhà cung cấp rõ ràng, phù hợp và chuẩn xác ngay từ đầu sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm được đáng kể thời gian, nỗ lực và loại trừ đi các chi phí rủi ro không đáng có. Quy trình đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp tại Bảo Việt bao gồm 07 bước:



7 Bước
đánh giá &
chọn nhà cung cấp

Tại bước Xác thực và chọn nhà cung cấp, Bảo Việt đã xây dựng bổ sung Bảng điểm cụ thể Đánh giá nhà cung cấp, với đầy đủ các tiêu chí 05 phương diện:



Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Quy trình lựa chọn nhà cung cấp

Cơ sở đánh giá		Các tiêu chí chấm điểm	Thang điểm
CHẤT LƯỢNG	• Nguồn gốc hàng hóa (nếu có) • Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế • Bản mẫu sản phẩm test đạt yêu cầu • Xác suất sản phẩm/dịch vụ bị hỏng, lỗi • Tuổi thọ trung bình của sản phẩm • Khả năng nâng cao, cải tiến sản phẩm theo yêu cầu • Chính sách bảo hành đối với hàng hóa cung cấp • Sự phù hợp của sản phẩm cung cấp với nhu cầu của Bảo Việt • Sản phẩm không gây ô nhiễm môi trường • Sản phẩm không có thành phần nguy hại đối với người sử dụng	• Đáp ứng hoàn toàn • Có thể chấp nhận được • Đáp ứng một phần • Không đáp ứng	30 25 15 0
UY TÍN & TUÂN THỦ	• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh • Thông tin tự tìm hiểu • Giới thiệu của các đơn vị trung gian • Hồ sơ pháp lý, tình hình tuân thủ pháp luật trong quá khứ • Mối quan hệ đã có với Công ty • Bản giới thiệu năng lực từ nhà cung cấp	• Có uy tín cao • Hồ sơ pháp lý đầy đủ • Đáp ứng một phần • Không đáp ứng	20 15 5 0
GIÁ CẢ & THANH TOÁN	• Báo giá của các đơn vị • Tìm hiểu và so sánh giá trên thị trường • Tính ổn định và chính xác của giá cả • Phương thức và thời gian thanh toán minh bạch	• Tối ưu • Có thể chấp nhận được • Không hợp lý	20 10 0
HIỆU SUẤT CUNG CẤP & GIAO HÀNG	• Cam kết của nhà cung cấp về: thời gian, địa điểm giao hàng, khả năng cung cấp và phương tiện vận chuyển • Các dịch vụ hỗ trợ trước, trong, sau bán hàng • Khả năng linh hoạt xử lý các phát sinh (nếu có) • Khả năng tự đổi mới hoàn thiện, ứng dụng công nghệ 4.0	• Đáp ứng hoàn toàn • Có thể chấp nhận được • Đáp ứng một phần • Không đáp ứng	15 10 5 0
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG	• Các hoạt động cộng đồng (nếu có) mà nhà cung cấp đã và đang thực hiện • Đánh giá của nhà cung cấp với tác động có thể có từ hoạt động của doanh nghiệp tới môi trường, xã hội, người lao động • Cam kết của nhà cung cấp đối với các trách nhiệm về người lao động, xã hội và môi trường	• Đáp ứng hoàn toàn • Có thể chấp nhận được • Đáp ứng một phần • Không đáp ứng	15 10 5 0
		TỔNG	100

Các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để Bảo Việt đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn nhà cung cấp.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Tỷ lệ chi tiêu cho các sản phẩm, dịch vụ từ nhà cung cấp địa phương

Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì định hướng ưu tiên hợp tác với các nhà cung cấp trong nước như một phần quan trọng trong hoạt động mua sắm và quản trị doanh nghiệp. Cách tiếp cận này không chỉ góp phần bảo đảm hiệu quả vận hành, tối ưu chi phí mà còn tạo động lực thúc đẩy kinh tế địa phương và gia tăng giá trị lan tỏa trong chuỗi cung ứng.

Trong năm 2025, tổng chi phí quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt đạt khoảng 7.213 tỷ đồng, trong đó chi tiêu cho các sản phẩm, dịch vụ từ nhà cung cấp địa phương đạt khoảng 4.602 tỷ đồng, tương đương 63,8%. Tỷ trọng này tăng đáng kể so với năm 2024, phản ánh xu hướng đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong nước và tăng cường giá trị lan tỏa tới nền kinh tế địa phương.



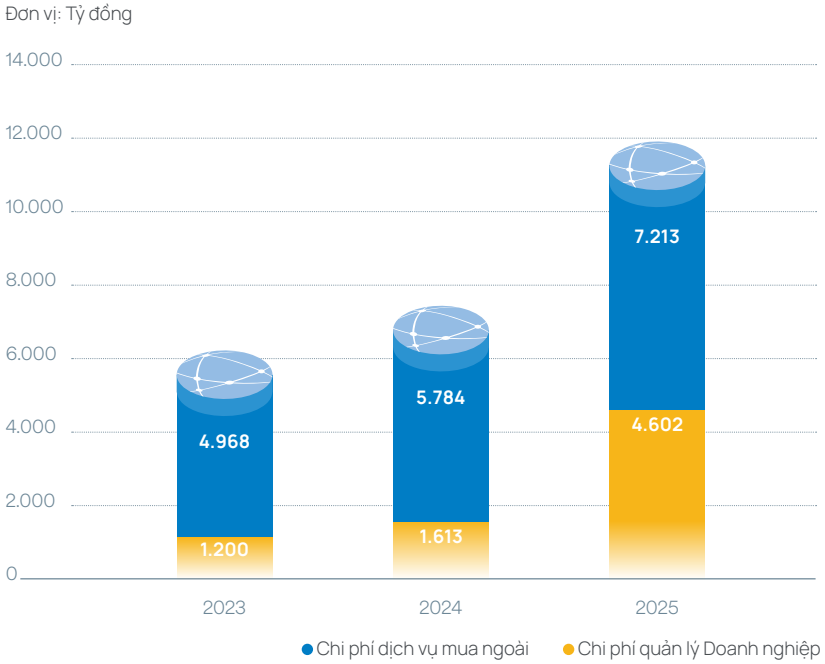
Tổng giá trị chi tiêu quản lý

7.213 TỶ ĐỒNG

Chi tiêu dành cho cho các sản phẩm, dịch vụ từ nhà cung cấp địa phương chiếm khoảng

4.602 TỶ ĐỒNG

tương đương **63,8%**



Việc ưu tiên chi tiêu cho nhà cung cấp địa phương thể hiện nỗ lực của Bảo Việt trong việc gắn hoạt động mua sắm với mục tiêu phát triển bền vững. Qua đó, Tập đoàn góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trong nước, tăng cường liên kết với cộng đồng và tạo giá trị lan tỏa tại các địa bàn hoạt động.

Trong thời gian tới, Bảo Việt tiếp tục xây dựng chuỗi cung ứng minh bạch, hiệu quả và bền vững, ưu tiên các nhà cung cấp địa phương đáp ứng yêu cầu về năng lực và chất lượng. Đây là cơ sở để Tập đoàn thực hiện cam kết hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm xã hội.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Gắn kết cán bộ trong các hoạt động xanh hóa hoạt động kinh doanh

Gắn kết cán bộ trong các hoạt động xanh hoá hoạt đông kinh doanh

Triển khai chương trình 5S nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tác động tới môi trường



Ý thức bảo vệ môi trường cần xuất phát từ việc xây dựng môi trường sạch sẽ, không gian thông thoáng tại nơi làm việc. Do đó, Bảo Việt đã phối hợp với Trung tâm Năng suất Việt Nam trong việc đào tạo, hướng dẫn và tiến hành kiểm tra định kì công tác lưu trữ, sắp xếp, giữ gìn không gian làm việc tại các Tòa nhà trên hệ thống.

SÀNG LỌC
Là xem xét, phân loại, chọn và loại bỏ những thứ không cần thiết tại nơi làm việc

SẮP XẾP
Tổ chức, sắp xếp lại các vật dụng theo tiêu chí dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy, dễ trả lại. Mọi thứ cần được đặt đúng chỗ để tiện lợi khi cần sử dụng

SẠCH SẼ
Thường xuyên vệ sinh, lau chùi, dọn dẹp mọi thứ gây bẩn tại nơi làm việc

SĂN SÓC
Là tiếp tục duy trì các tiêu chuẩn 3s ở trên và thực hiện chúng một cách liên tục

SẴN SÀNG
Rèn luyện, tạo ra thói quen tự giác, duy trì nề nếp, tác phong. 5s còn cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại nơi làm việc

Dự án **"Thực hành tốt 5S"** được tổ chức nhằm bảo đảm hệ thống hồ sơ, tài liệu được **"Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ – Săn sóc – Sẵn sàng"**, lưu trữ một cách khoa học giúp giảm thiểu tối đa thời gian tìm kiếm, góp phần nâng cao hiệu quả công việc đồng thời cũng tránh được những lãng phí không cần thiết về giấy tờ, vật phẩm văn phòng tiêu thụ, ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường.

Việc triển khai 5S tại Bảo Việt đã giúp tạo ra một môi trường làm việc khoa học, an toàn, sạch sẽ, thuận lợi cho công việc và quan trọng hơn là giúp thay đổi cách suy nghĩ, hình thành thói quen làm việc cũng như ý thức kỷ luật, khơi nguồn sáng tạo của mỗi cá nhân trong doanh nghiệp.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Hệ thống biển hiệu tuyên truyền và hướng dẫn tại tòa nhà

Trong năm 2023, bên cạnh các hoạt động đã triển khai theo Đề án Bảo vệ môi trường, Tập đoàn Bảo Việt cũng đã thực hiện một số giải pháp bổ sung tại các tòa nhà trụ sở chính, bao gồm:

- Bổ sung lịch vệ sinh bể chứa nước sạch để đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho Tòa nhà.
- Lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở hai Tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường từ các Tòa nhà.
- Cải tạo hệ thống xử lý nước thải tòa nhà 233 Đồng Khởi theo kế hoạch cải tạo sửa chữa lớn do tòa nhà đã đi vào vận hành được 10 năm.
- Phát động phong trào sử dụng nước tiết kiệm tại các văn phòng trên toàn hệ thống.
- Bổ sung kịch bản rủi ro về xả thải, đào tạo và diễn tập ứng phó khi xảy ra sự cố xả thải tại Tòa nhà.



Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Lan tỏa lối sống xanh với các hoạt động trồng cây

Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ "Trồng 1 tỷ cây xanh cho Việt Nam", từ năm 2022, Bảo Việt đã khởi động 02 chiến dịch "Hành trình Việt Nam xanh" và "Bảo Việt vì một Việt Nam xanh" do Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt tổ chức thường niên nhằm lan tỏa lối sống xanh và hành động bảo vệ môi trường trong hệ thống Bảo Việt và cộng đồng địa phương, thu hút hàng trăm cán bộ nhân viên, tư vấn viên của Bảo Việt từ khắp 34 tỉnh, thành trên cả nước trực tiếp tham gia.

Tính đến nay, hơn

5.900 CÂY

bao gồm

2.500

Cây gỗ bản địa đầu tiên trên 5ha đất tại Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, Thừa Thiên Huế

và hơn

3.400

Cây xanh đã được trồng trên toàn quốc



Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động







1.800 CÂY

được trồng góp phần cải thiện môi trường địa phương

Đoàn Thanh niên Tập đoàn Bảo Việt phối hợp cùng các đơn vị triển khai hoạt động trồng 1.800 cây mai anh đào tại xã Lùng Phình (Lào Cai) và xã Nấm Dẩn (Tuyên Quang). Hoạt động góp phần cải thiện cảnh quan môi trường, nâng cao điều kiện đi lại và tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - du lịch tại địa phương.

5.900 CÂY XANH ĐƯỢC TRỒNG

Sẽ hấp thụ

126,4

TẤN CO_2/NĂM

Tái tạo

580

TẤN O_2/NĂM

Đặt mục tiêu

100.000 CÂY

hưởng ứng Tết trồng cây "Đời đời nhớ ơn Bác Hồ"

Trong khuôn khổ Tháng Thanh niên 2026, Đoàn Thanh niên Tập đoàn Bảo Việt phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Tài chính và Đoàn Thanh niên Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam tổ chức chương trình Tết trồng cây với mục tiêu cam kết trồng 100.000 cây xanh. Chương trình là hoạt động ý nghĩa nhằm phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện của đoàn viên, thanh niên ngành Tài chính trong các hoạt động vì cộng đồng, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Hoạt động thu hút sự tham gia của đông đảo đoàn viên, góp phần nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, thúc đẩy mô hình tài chính xanh và lan tỏa thông điệp phát triển bền vững trong toàn hệ thống.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

100

cây xanh được trồng tại Trường THCS Long Bình và chùa Bửu Long, TP. Thủ Đức

Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt - Ban nữ công Công đoàn Tập đoàn cùng đại diện các Công đoàn đơn vị khu vực TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức thành công chương trình Bảo Việt – Vì một Việt Nam xanh tại Trường THCS Long Bình và chùa Bửu Long, TP. Thủ Đức. Hàng trăm cây xanh đã được trồng cùng các phần quà ý nghĩa đã được trao tặng học sinh có hoàn cảnh khó khăn của trường.

20

cây xanh được trồng đầu xuân lan tỏa lối sống xanh tại Đồng Nai

Hưởng ứng định hướng phát triển bền vững, Bảo Việt Nhân thọ Đồng Nai tổ chức chương trình "Tết trồng cây – Vì một Việt Nam xanh" với sự tham gia của cán bộ, nhân viên và tư vấn viên tại địa phương. Hoạt động được triển khai tại Văn miếu Trấn Biên, góp phần cải thiện cảnh quan và lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

Những hoạt động trên thể hiện khát vọng và cam kết đóng góp dài lâu của Bảo Việt cho những hoạt động phát triển bền vững, là lời kêu gọi mạnh mẽ đến cộng đồng, cùng lan tỏa lối sống xanh, bảo vệ môi trường sống, vì một tương lai trong lành và khỏe mạnh cho các thế hệ mai sau.















Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Tích cực tuyên truyền sử dụng năng lượng hiệu quả

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, Bảo Việt đã đẩy mạnh truyền thông trong toàn hệ thống thông qua các kênh thông tin: poster, bản tin điện tử, bản tin nội bộ.



Với thông điệp **"Tạo thói quen nhỏ, cho hiệu quả lớn"** nhằm thay đổi nhận thức và thói quen của cán bộ trong việc sử dụng các nguồn năng lượng hợp lý.

"Tắt đèn bật tương lai"

Là thông điệp được Bảo Việt sử dụng để truyền thông trong hệ thống nhằm hưởng ứng Chương trình giờ Trái Đất bởi chúng tôi hiểu rằng, bảo vệ môi trường cần sự chung tay của cả cộng đồng và phát triển bền vững là trách nhiệm của toàn xã hội chứ không của riêng một cá nhân hay tổ chức nào. Cán bộ Bảo Việt tham gia chương trình cùng nhau cam kết:

- **Không săn bắt, nuôi nhốt, sử dụng các sản phẩm được sản xuất từ động vật hoang dã bất hợp pháp**
- **Hạn chế sử dụng nhựa 1 lần**
- **Tắt các thiết bị điện từ 20h30 – 21h30**

Hiện nay, Bảo Việt đã dừng phát hành bản tin, tạp chí nội bộ bản giấy; thay vào đó là ấn bản điện tử Viva Engage, Teams, từ đó giảm 100% số lượng bản tin và tạp chí giấy để góp phần bảo vệ môi trường.



ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG

GRI 413-1

CHỈ TIÊU CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm 2025, Bảo Việt đóng góp **35,9** TỶ ĐỒNG ⇧**10,9%** so với năm 2024
cho sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương thông qua việc ưu tiên đầu tư cho các dự án thuộc phạm vi:

15,6 TỶ ĐỒNG
Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ
Chiếm tỷ trọng 43,6%



5,2 TỶ ĐỒNG
Xóa đói giảm nghèo và hỗ trợ y tế
Chiếm tỷ trọng 14,6%



14,1 TỶ ĐỒNG
Khắc phục hậu quả thiên tai và môi trường
Chiếm tỷ trọng 39,2%



950 TRIỆU ĐỒNG
Tri ân anh hùng, gia đình liệt sỹ có công với đất nước
Chiếm tỷ trọng 2,6%



Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng

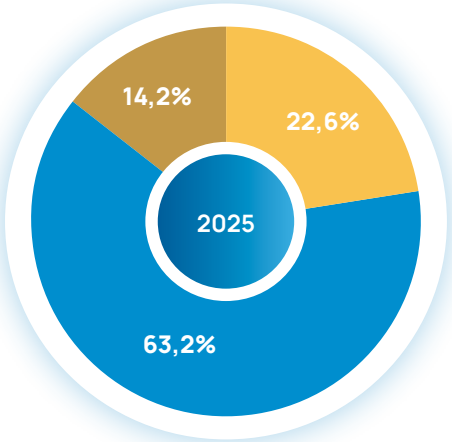
Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2025

Trong cơ cấu lợi nhuận, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm luôn duy trì tỷ trọng đầu tư đóng góp cho cộng đồng lớn nhất do lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ có sự tăng trưởng bứt phá trong những năm gần đây. Theo đó, trong tổng ngân sách đầu tư cho hoạt động cộng đồng năm 2025, nhóm đơn vị thành viên thuộc lĩnh vực bảo hiểm chiếm tỷ trọng 63,2%; lĩnh vực đầu tư chiếm 22,6% và dịch vụ tài chính đóng góp 14,2%.

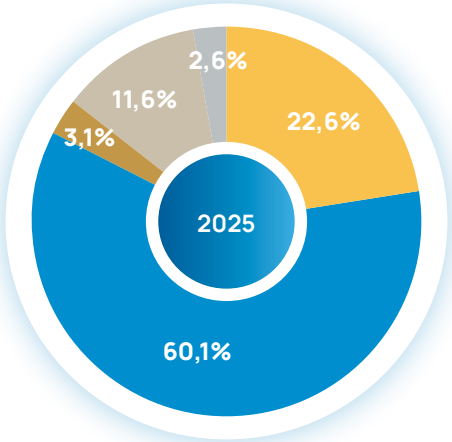
Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng theo đơn vị năm 2025 (bao gồm chi phí An sinh xã hội từ nguồn chi phí kinh doanh của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt (TĐBV) phân bổ cho các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, nguồn từ lợi nhuận sau thuế (LNST) của Công ty mẹ TĐBV, nguồn chi phí kinh doanh và LNST của các Công ty con, nguồn khác của Công ty mẹ TĐBV và các Công ty con) được trình bày tại bảng sau:



Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng của Bảo Việt theo lĩnh vực kinh doanh



Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng của Bảo Việt theo đơn vị

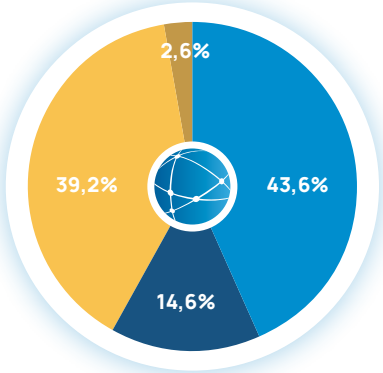


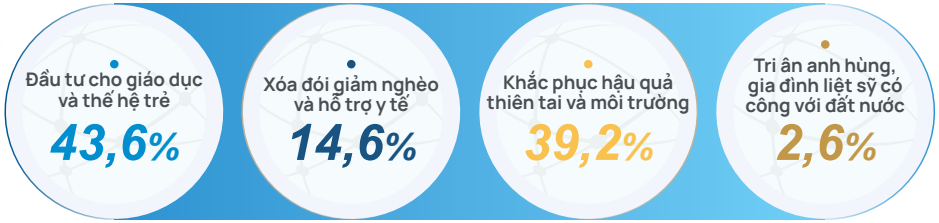
Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng

Đơn vị: Đồng	Thực chi tập trung tại BVH			Thực chi từ nguồn riêng của các đơn vị			Tổng cộng	Tỷ trọng
	Nguồn chi phí	Nguồn LNST	Nguồn khác (*)	Nguồn chi phí	Nguồn LNST	Nguồn khác (*)		
Lĩnh vực đầu tư	**920.000.000**	**2.005.953.670**	**5.184.635.351**	**-**	**-**	**-**	**8.110.589.021**	**22,6%**
BVH	920.000.000	2.005.953.670	5.184.635.351	-	-	-	8.110.589.021	22,6%
Lĩnh vực bảo hiểm	**2.680.000.000**	**-**	**1.500.000.000**	**15.817.239.739**	**2.178.414.726**	**543.995.423**	**22.719.649.888**	**63,2%**
BVL	1.840.000.000	-	1.500.000.000	15.739.239.739	2.178.414.726	353.100.000	21.610.754.465	60,1%
BVGI	840.000.000	-	-	78.000.000	-	190.895.423	1.108.895.423	3,1%
Lĩnh vực dịch vụ tài chính	**1.000.000.000**	**-**	**3.300.000.000**	**755.378.288**	**-**	**50.600.000**	**5.105.978.288**	**14,2%**
BVF	1.000.000.000	-	3.000.000.000	165.535.488	-	-	4.165.535.488	11,6%
BVSC		-	300.000.000	589.842.800	-	50.600.000	940.442.800	2,6%
TỔNG	**4.600.000.000**	**2,005,953,670**	**9.984.635.351**	**16.572.618.027**	**2.178.414.726**	**594.595.423**	**35.936.217.197**	**100,0%**

(*) Nguồn khác bao gồm nguồn từ quỹ công đoàn, quỹ đoàn thanh niên... của các đơn vị (bao gồm: Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt - BVH, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ - BVL, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt - BVGI, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt - BVF, Công ty Đầu tư Bảo Việt - BVI, Công ty Chứng khoán Bảo Việt – BVSC).

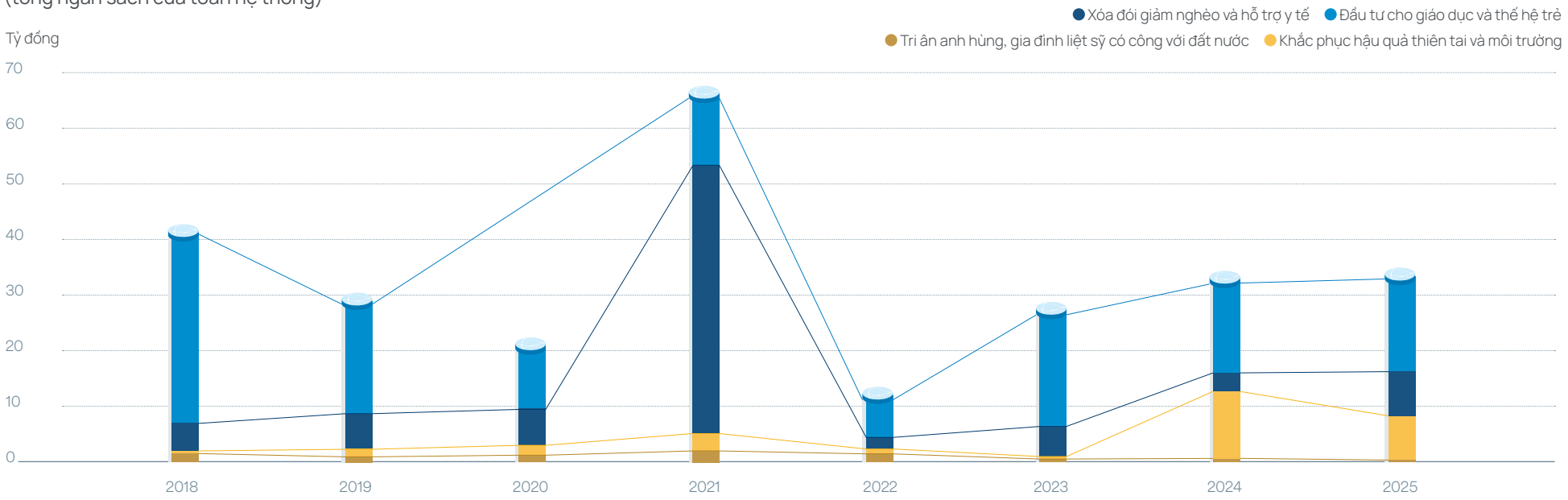
Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2025
(tổng ngân sách của toàn hệ thống)





Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2018 - 2025 (Tỷ đồng)
(tổng ngân sách của toàn hệ thống)



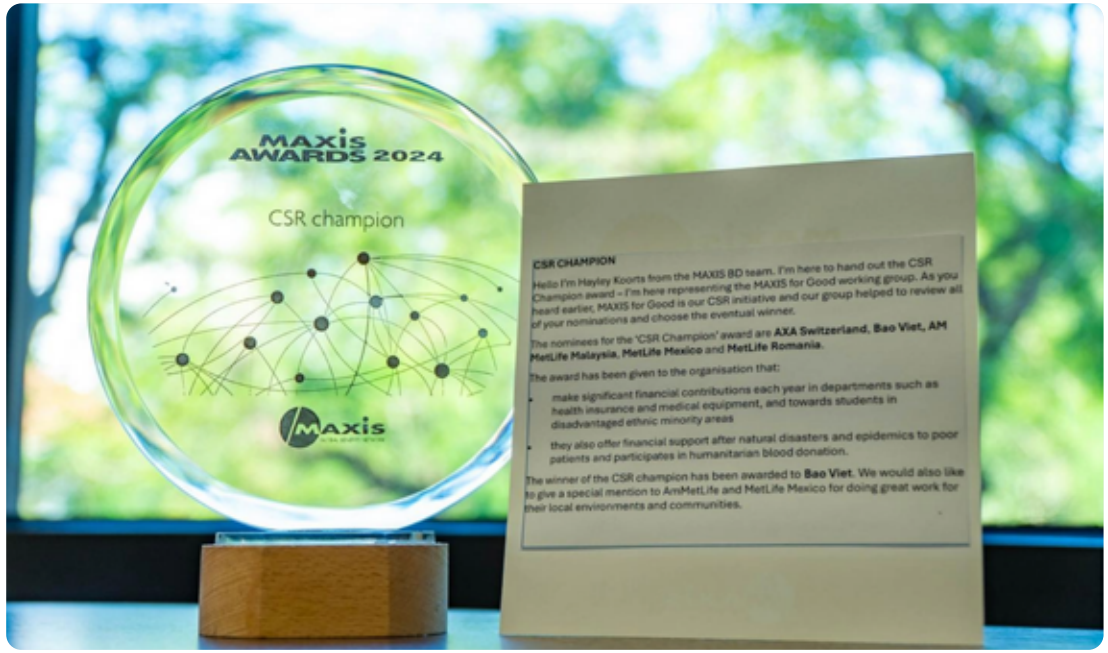
Bên cạnh việc xác định trọng tâm và tập trung ưu tiên vào các lĩnh vực cụ thể, Bảo Việt còn khuyến khích sự tham gia của cán bộ nhân viên trong hệ thống trong quá trình hiện thực hóa các mục tiêu đầu tư phát triển cộng đồng. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, nữ công của Tập đoàn và các đơn vị thành viên hàng năm đều triển khai thực hiện rất tốt hàng trăm chương trình an sinh xã hội với số tiền hàng tỷ đồng như chăm sóc Mẹ Việt Nam Anh hùng, thăm và tặng quà gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, mái ấm biên cương, nhà đại đoàn kết...

Thông tin chi tiết cùng các chỉ số về hoạt động cộng đồng của Bảo Việt trong năm 2025, được trình bày chi tiết và đầy đủ hơn trong **Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025**.

Truy cập vào website: baoviet.com.vn/BVH_SR2025_VN
hoặc Quét mã QR để xem báo cáo

Trong 60 năm qua, Tập đoàn Bảo Việt đã đồng hành cùng người dân trên cả nước chia sẻ gánh nặng tài chính trong cuộc sống và thực hiện đúng cam kết, chia sẻ và gánh vác trách nhiệm với cộng đồng để cùng chung tay "Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng."

Sản phẩm vì cộng đồng



Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính nên vấn đề an toàn và sức khỏe của cộng đồng cũng như khách hàng được Bảo Việt quan tâm hàng đầu và lồng ghép ngay từ khâu nghiên cứu, thiết kế sản phẩm nhằm mang đến cho cộng đồng những giải pháp bảo vệ toàn diện nhất.

Sự ra đời liên tục của các sản phẩm bảo hiểm với mức phí đóng thấp đáp ứng nhu cầu của nhóm đối tượng phổ thông và được ưu tiên trong xã hội như học sinh, sinh viên, người già, người tàn tật, kém may mắn, người nông dân có năng lực tài chính thấp, v.v... là cách để Bảo Việt hỗ trợ cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương, đồng thời đây cũng là cách Bảo Việt chia sẻ sức ép về ngân sách với quỹ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế của Nhà nước.

Các sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt và các công ty con của Bảo Việt được thiết kế nhằm đem lại một lợi ích xã hội cụ thể, đáp ứng nhu cầu của nhóm đối tượng được ưu tiên trong xã hội như học sinh, sinh viên, người già, người tàn tật, kém may mắn, người nông dân có năng lực tài chính thấp...

Một số loại sản phẩm và dịch vụ đem lại lợi ích cho xã hội và các đối tượng ưu tiên trong xã hội của Bảo Việt gồm:

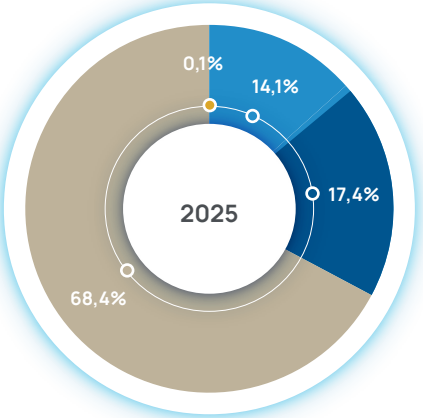
- **Tín dụng vi mô:** Sản phẩm của ngân hàng cung cấp tín dụng, tài dụng, tài chính cho các đối tượng có thu nhập thấp
- **Bảo hiểm vi mô:** Sản phẩm bảo hiểm cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp
- **Sản phẩm, dịch vụ dành cho học sinh, sinh viên;**
- **Sản phẩm, dịch vụ dành cho đối tượng được ưu tiên trong xã hội** (nông dân, nông dân có nguồn tài chính thấp, người lao động có thu nhập thấp, trẻ em, người già, v.v...).

Sản phẩm vì cộng đồng

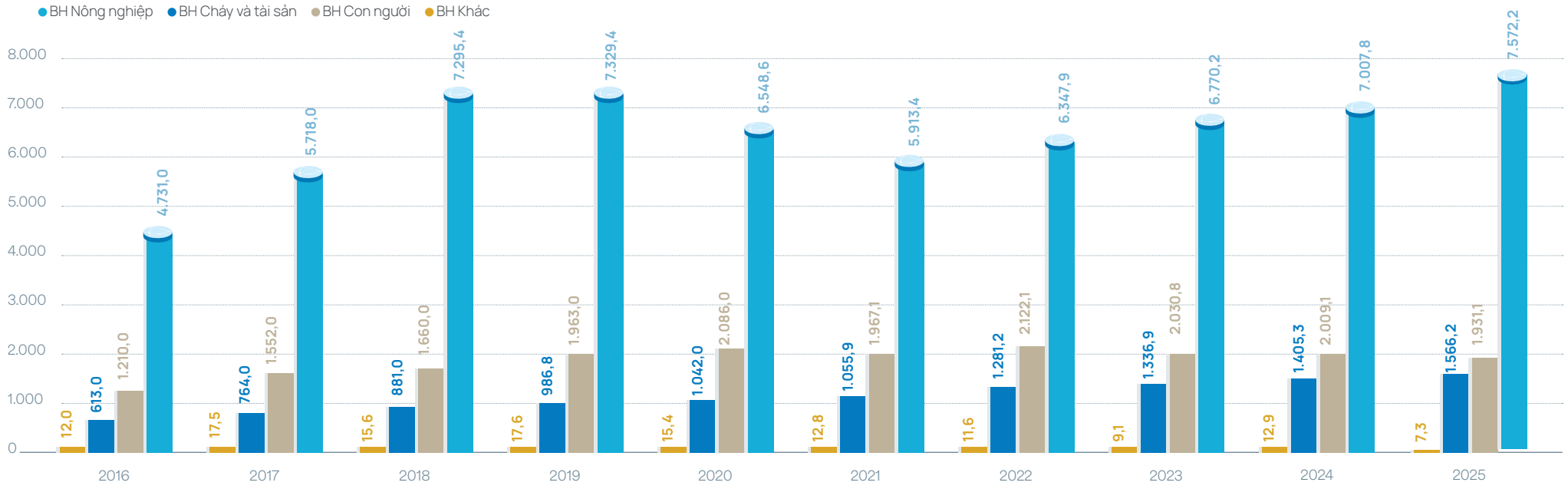
Các sản phẩm, dịch vụ đem lại lợi ích xã hội thuộc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) là công ty con 100% vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ. BHBV là đơn vị dẫn đầu trên thị trường Việt Nam trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ với nhiều sản phẩm đa dạng và vượt trội cho nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội, đem lại lợi ích thiết thực dài hạn, nâng cao đời sống xã hội như sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm con người, bảo hiểm bảo vệ tài sản. Giá trị và tỷ trọng của các sản phẩm đó trong doanh thu lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ cụ thể như sau:

Cơ cấu sản phẩm phi nhân thọ



Doanh thu bảo hiểm gốc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ theo sản phẩm (tỷ đồng)



Sản phẩm vì cộng đồng

Một số sản phẩm đặc trưng mang lại giá trị cho lợi ích cộng đồng, cho những đối tượng trên bình diện rộng của xã hội và có thu nhập hạn chế, cụ thể như sau:



Bảo hiểm Nông nghiệp

Việt Nam là nước nông nghiệp nhưng mỗi năm thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại lớn, ước khoảng 1,5% GDP. Bảo hiểm nông nghiệp vì vậy trở thành điểm tựa cần thiết, giúp người dân và doanh nghiệp bảo vệ thành quả lao động, giảm bớt tổn thất và có nguồn vốn tái sản xuất khi rủi ro xảy ra. Trong lĩnh vực này, Bảo hiểm Bảo Việt là doanh nghiệp tiên phong triển khai các giải pháp bảo vệ sản xuất nông nghiệp.

Sản phẩm tiêu biểu

Bảo hiểm cây lúa: Bảo hiểm cây lúa: là sản phẩm bảo hiểm giúp người sản xuất lúa giảm bớt gánh nặng tài chính khi năng suất sụt giảm do thiên tai, sâu bệnh hoặc dịch bệnh trong thời hạn bảo hiểm

- Người được bảo hiểm được bồi thường khi sụt giảm năng suất lúa do các rủi ro thiên tai và/hoặc sâu bệnh, bệnh, dịch bệnh gây ra.
- Sản phẩm góp phần hỗ trợ người dân ổn định sản xuất, giảm thiểu tổn thất và có điều kiện tái đầu tư sau rủi ro.
- Sản phẩm hiện được áp dụng tại các địa phương: Bình Thuận, Đồng Tháp, Nghệ An, Thái Bình.

Bảo hiểm vật nuôi: là sản phẩm bảo hiểm giúp người chăn nuôi chủ động bảo vệ tài sản, giảm thiểu thiệt hại tài chính khi vật nuôi gặp rủi ro trong quá trình sản xuất.

- Người được bảo hiểm được bồi thường khi vật nuôi bị chết do các nguyên nhân trực tiếp từ thiên tai, dịch bệnh hoặc phải tiêu hủy theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- Sản phẩm góp phần tạo điểm tựa tài chính để người chăn nuôi sớm khôi phục hoạt động sản xuất sau rủi ro.
- Sản phẩm hiện được áp dụng tại các tỉnh/thành phố: Bắc Ninh, Đồng Nai, Hà Nội, Nghệ An, Vĩnh Phúc.

Bảo hiểm cây công nghiệp: là sản phẩm bảo hiểm giúp bảo vệ giá trị sản xuất và hỗ trợ người trồng cây công nghiệp trước những tổn thất bất ngờ do các yếu tố khách quan gây ra.

- Người được bảo hiểm được bồi thường khi cây công nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, cháy, sét đánh và các rủi ro được bảo hiểm khác.
- Sản phẩm góp phần giúp người sản xuất duy trì nguồn vốn, ổn định hoạt động và yên tâm đầu tư dài hạn.
- Sản phẩm đã được triển khai tại một số khu vực sản xuất lớn ở Bình Phước và khu vực Tây Nguyên.

Bảo hiểm nông nghiệp: là chương trình bảo hiểm được triển khai theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ, nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp giảm bớt thiệt hại trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn.

- Người được bảo hiểm được bồi thường khi xảy ra các rủi ro phát sinh gắn liền với cây trồng, vật nuôi, vật tư, hàng hóa, nguyên liệu và nhà xưởng trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Chương trình góp phần tạo điểm tựa tài chính, hỗ trợ phục hồi sản xuất và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.
- Dù vẫn đang trong quá trình thí điểm, Bảo Việt tiếp tục duy trì triển khai chương trình nhằm đồng hành cùng sự phát triển chung của nền nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn mới.

Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm **7,3** TỶ ĐỒNG **Năm 2025, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp chiếm 0,1% cơ cấu tổng doanh thu**

Sản phẩm vì cộng đồng



Bảo hiểm con người là giải pháp bảo vệ sức khỏe, tính mạng và khả năng lao động trước các rủi ro như ốm đau, bệnh tật, tai nạn. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, người tham gia được chi trả quyền lợi và trợ cấp theo hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm con người phi nhân thọ thường có mức phí hợp lý, thời hạn bảo hiểm ngắn, phổ biến là 1 năm, và có thể tái tục theo nhu cầu của khách hàng.

Bảo hiểm Con người

Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Doanh thu từ sản phẩm con người chiếm **17,4%** cơ cấu tổng doanh thu, đạt

1.931 TỶ ĐỒNG năm 2025

Sản phẩm tiêu biểu

Bảo hiểm Kết hợp con người: là sản phẩm bảo hiểm dành cho cá nhân và tập thể có nhu cầu bảo vệ trước các rủi ro trong cuộc sống như tai nạn, ốm đau, bệnh tật và thai sản, với mức phí phù hợp cho nhiều nhóm khách hàng.

- Người được bảo hiểm được bảo vệ trước các rủi ro liên quan đến sức khỏe và thân thể, góp phần giảm bớt gánh nặng tài chính khi sự cố xảy ra.
- Sản phẩm có mức phí hợp lý, phù hợp với nhiều đối tượng, đặc biệt là nhóm khách hàng có điều kiện tài chính từ thấp đến trung bình.
- Đối tượng bảo hiểm là công dân Việt Nam và người nước ngoài đang công tác, học tập tại Việt Nam từ 16 đến 65 tuổi, tối đa đến 70 tuổi nếu tham gia liên tục từ năm 65 tuổi.

Bảo hiểm Tai nạn: là sản phẩm bảo hiểm giúp khách hàng chủ động bảo vệ tài chính trước những tai nạn bất ngờ có thể xảy ra trong lao động, sinh hoạt và đi lại hằng ngày.

- Người được bảo hiểm được chi trả quyền lợi khi gặp các rủi ro từ tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn sinh hoạt và các tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Sản phẩm được triển khai trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và có thể mở rộng ra nước ngoài theo nhu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm phù hợp với nhiều nhóm khách hàng từ cá nhân đến tổ chức, với số tiền bảo hiểm đa dạng, từ mức cơ bản đến hàng tỷ đồng, dành cho người tham gia đến 70 tuổi.

Bảo hiểm Toàn diện học sinh, sinh viên: là sản phẩm bảo hiểm giúp bảo vệ học sinh, sinh viên trước các rủi ro về sức khỏe và tai nạn, góp phần chia sẻ gánh nặng tài chính với gia đình và nhà trường.

- Người được bảo hiểm được chi trả quyền lợi trong trường hợp ốm đau, bệnh tật, tai nạn dẫn tới thương tật, nằm viện, phẫu thuật hoặc tử vong.
- Đối tượng bảo hiểm là học sinh, sinh viên đang theo học tại các cấp nhà trẻ, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề.
- Sản phẩm có ý nghĩa xã hội thiết thực nhờ phạm vi bảo vệ rộng, hướng tới nhóm đối tượng là trẻ em và người còn phụ thuộc – những đối tượng cần được ưu tiên chăm sóc trong cộng đồng.

Sản phẩm vì cộng đồng

Bảo hiểm Tài sản

Bảo hiểm tài sản giúp doanh nghiệp yên tâm phát triển kinh doanh nhờ được bảo vệ trước các rủi ro đối với tài sản. Trong bối cảnh cháy nổ diễn biến ngày càng phức tạp, đặc biệt tại các chung cư cao tầng và khu dân cư mật độ lớn, nhu cầu bảo hiểm cháy nổ ngày càng cấp thiết. Các sản phẩm này không chỉ hỗ trợ giảm thiểu thiệt hại tài chính mà còn đặc biệt hữu ích với những khu vực có nguy cơ rủi ro cao.

Sản phẩm tiêu biểu

Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: là sản phẩm bảo hiểm giúp doanh nghiệp, tổ chức và chủ sở hữu tài sản tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời chủ động bảo vệ tài sản trước rủi ro cháy, nổ.

- Sản phẩm được triển khai theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP và Nghị định 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ.
- Tài sản được bảo vệ trước các tổn thất do cháy, nổ thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Sản phẩm góp phần giảm bớt thiệt hại tài chính, hỗ trợ khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh sau sự cố.

Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản: là sản phẩm bảo hiểm giúp bảo vệ toàn diện tài sản của doanh nghiệp trước nhiều rủi ro bất ngờ có thể phát sinh trong quá trình hoạt động.

- Nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị, vật tư hàng hóa, nguyên vật liệu, kho hàng, trụ sở và văn phòng làm việc được bảo vệ trước các rủi ro thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Sản phẩm hỗ trợ doanh nghiệp giảm thiểu tổn thất tài chính và yên tâm triển khai các kế hoạch phát triển kinh doanh.
- Đây là giải pháp phù hợp với các đơn vị có nhu cầu bảo vệ tài sản với phạm vi rộng và tính chủ động cao.

Bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt: là sản phẩm bảo hiểm giúp khách hàng tăng cường bảo vệ tài sản trước rủi ro cháy, nổ và các rủi ro đặc biệt khác như thiên tai theo phạm vi bảo hiểm.

- Tài sản được bảo vệ trước các tổn thất do cháy, nổ, thiên tai và các rủi ro được bảo hiểm khác.
- Sản phẩm góp phần bảo đảm an toàn tài chính cho chủ sở hữu tài sản khi xảy ra sự cố bất ngờ.
- Đây là giải pháp phù hợp cho doanh nghiệp, tổ chức và các cơ sở có tài sản giá trị cần được bảo vệ ổn định, lâu dài.

Bảo hiểm Nhà tư nhân: là sản phẩm bảo hiểm giúp chủ sở hữu nhà ở chủ động bảo vệ tài sản trước các rủi ro cháy, nổ và những tổn thất bất ngờ trong cuộc sống.

- Nhà ở và tài sản gắn liền với nhà được bảo vệ trước các rủi ro cháy, nổ và các rủi ro thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Sản phẩm giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho khách hàng khi xảy ra sự cố, đặc biệt tại các khu dân cư có mật độ cao.
- Đây là giải pháp thiết thực giúp mỗi gia đình nâng cao sự an tâm và chủ động hơn trong việc bảo vệ tài sản.

Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Năm 2025, Bảo hiểm Tài sản chiếm **14,1%** tỷ trọng doanh thu, đạt **1.566** TỶ ĐỒNG doanh thu

Sản phẩm vì cộng đồng

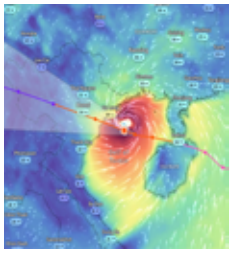
Bảo hiểm Bảo Việt chi trả gần 119 tỷ đồng hỗ trợ khách hàng sau Bão số 3 (Wipha)

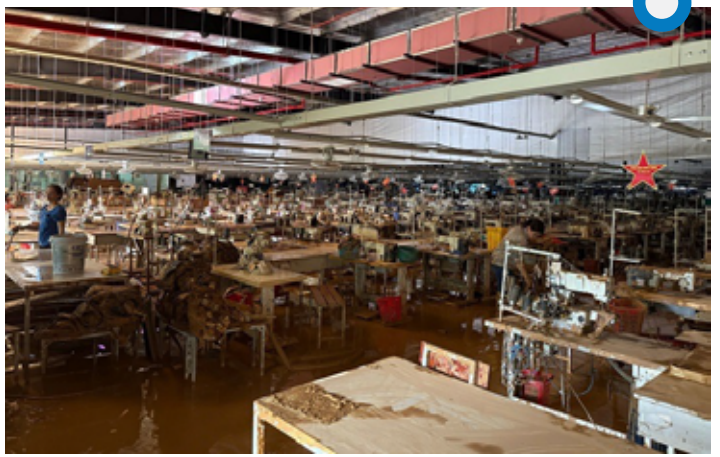
Trước diễn biến phức tạp của bão số 3 (Wipha) và các đợt mưa lũ liên tiếp trong năm 2025, Bảo hiểm Bảo Việt đã chủ động kích hoạt kế hoạch ứng phó khẩn cấp trên toàn hệ thống, huy động nguồn lực nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi khách hàng, giảm thiểu tổn thất tài sản và hỗ trợ cộng đồng sớm ổn định cuộc sống. Các đoàn công tác được triển khai tới những khu vực trọng điểm trước và sau bão để phối hợp cùng khách hàng kiểm tra hiện trạng, gia cố tài sản, triển khai phương án phòng chống ngập, đồng thời trực tiếp giám định tổn thất và hướng dẫn thủ tục bồi thường nhanh chóng. Tổng đài chăm sóc khách hàng 1800 1118 cùng hệ thống hỗ trợ bồi thường được duy trì hoạt động 24/7, bảo đảm tiếp nhận và xử lý thông tin kịp thời.

Theo thống kê, tính đến ngày 08/10/2025, Bảo hiểm Bảo Việt đã ghi nhận 372 vụ tổn thất, với số tiền bồi thường khẩn cấp ước tính 119 tỷ đồng. Các thiệt hại tập trung chủ yếu ở nhóm bảo hiểm tài sản, công trình xây dựng và xe cơ giới tại nhiều địa phương khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ như Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Nội, Thái Nguyên, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Ninh và Bắc Giang.

Quy mô bồi thường khẩn cấp ước tính 119 tỷ đồng không chỉ cho thấy mức độ thiệt hại lớn do thiên tai gây ra, mà còn khẳng định năng lực tài chính, khả năng ứng phó nhanh và cam kết đồng hành của Bảo hiểm Bảo Việt với khách hàng trong những thời điểm khó khăn nhất. Việc chủ động giám định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ và triển khai bồi thường kịp thời đã góp phần giúp khách hàng sớm khắc phục hậu quả, ổn định đời sống và khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh sau bão lũ.

Truy cập
baovietonline.com.vn
đăng ký bảo hiểm
ngay hôm nay!
1800 1188
024.35730505





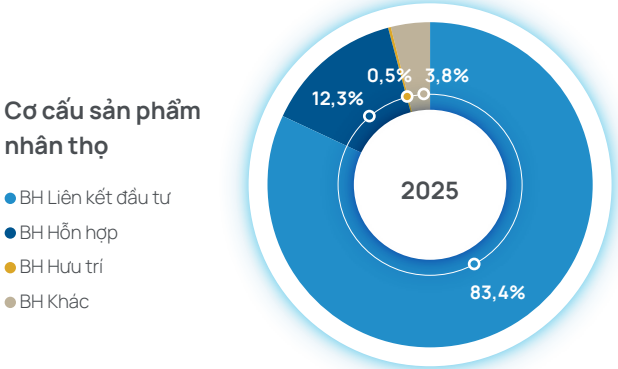


Sản phẩm vì cộng đồng

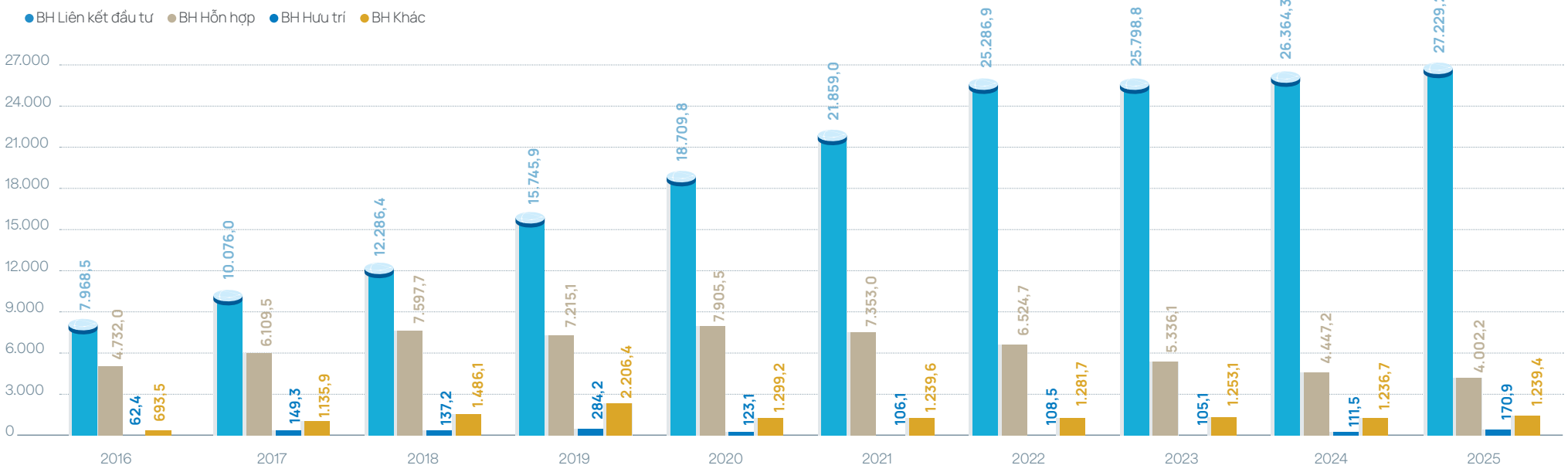
Các sản phẩm, dịch vụ đem lại lợi ích xã hội thuộc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) là công ty con 100% vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. Là doanh nghiệp đứng đầu trong ngành bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, BVNT thực hiện sứ mệnh Bảo vệ Gia đình Việt - Bảo vệ giá trị Việt, mang đến những giải pháp tài chính đảm bảo, sự bảo vệ chắc chắn và cuộc sống khỏe mạnh, an bình thịnh vượng đến các gia đình Việt Nam. BVNT không ngừng phát triển những sản phẩm ưu việt, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ cuộc sống đa dạng của mọi phân khúc khách hàng. Giá trị và tỷ trọng của các sản phẩm đó trong doanh thu lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ cụ thể như sau:

Cơ cấu sản phẩm nhân thọ



Doanh thu bảo hiểm gốc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ theo sản phẩm (tỷ đồng)



Sản phẩm vì cộng đồng

Một số nhóm sản phẩm và sản phẩm đem lại lợi ích cụ thể cho xã hội (chủ yếu đối tượng là trẻ em và người già) gồm: bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm hưu trí với giá trị và tỷ trọng trong doanh thu lĩnh vực BHNT cụ thể như sau:trong doanh thu lĩnh vực BHNT cụ thể như sau:



Bảo hiểm hỗn hợp

Được thiết kế với các quyền lợi đặc trưng kết hợp giữa yếu tố "bảo hiểm" và yếu tố "tiết kiệm tích lũy tài chính", các sản phẩm hỗn hợp của Bảo Việt Nhân Thọ đem đến cho các gia đình và trẻ em sự bảo vệ toàn diện trước các rủi ro, giúp các gia đình ổn định cuộc sống và hoạch định kế hoạch tài chính hiệu quả cho tương lai.

Sản phẩm tiêu biểu

Bảo hiểm An Lộc vững bền:

Lá chắn tài chính vững vàng trước rủi ro tử vong và bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối, đồng thời giúp khách hàng tích lũy tài chính an toàn, hiệu quả. Sản phẩm linh hoạt để khách hàng có thể tự thiết kế bộ giải pháp phù hợp với kế hoạch tài chính của mình:

- Giai đoạn khởi nghiệp: bảo vệ cơ bản và tích lũy đều đặn.
- Khi lập gia đình: bổ sung quyền lợi cho vợ/chồng hoặc con nhỏ từ giỏ sản phẩm bán kèm.
- Giai đoạn trung niên: tăng phần tích lũy, đảm bảo tài chính cho tuổi hưu.

Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Doanh thu dòng sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp năm 2025 đạt 4.002 TỶ ĐỒNG chiếm 12,3% tỷ trọng doanh thu

Sản phẩm vì cộng đồng

Bảo hiểm Hưu trí tự nguyện

Sản phẩm hưu trí tự nguyện được thiết kế nhằm bổ sung phúc lợi cho người lao động, giúp chủ động nguồn tài chính khi về già, nhất là trong bối cảnh chính sách lương hưu và bảo hiểm xã hội có thể thay đổi. Sản phẩm không chỉ bảo vệ trước rủi ro trong cuộc sống mà còn chi trả lương hưu định kỳ, qua đó bổ sung cho bảo hiểm hưu trí bắt buộc, góp phần hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa dạng, toàn diện hơn.



Sản phẩm tiêu biểu

Bảo hiểm Hưu Trí Vững Nghiệp (dành cho khách hàng nhóm): là chương trình bảo hiểm giúp gia tăng phúc lợi cho người lao động và giúp Doanh nghiệp thu hút, giữ chân người lao động.

- Người lao động được đảm bảo cuộc sống hưu trí an nhàn, độc lập về tài chính do có thêm thu nhập bổ sung định kỳ từ Quỹ hưu trí.
- Người lao động được bảo hiểm trước rủi ro trong thời gian làm việc tại Doanh nghiệp; yên tâm gắn bó làm việc lâu dài.
- Là giải pháp phúc lợi được khuyến khích, ưu đãi thuế cho cả Doanh nghiệp và người lao động.

Bảo hiểm Hưu Trí An Khang (dành cho khách hàng cá nhân): là chương trình bảo hiểm giúp các cá nhân chủ động lên kế hoạch cho tuổi hưu an nhàn, thảnh thơi với mức lương hưu mong muốn:

- Người lao động được tự chọn mức lương hưu như mong muốn.
- Tích lũy đầu tư cùng Quỹ hưu trí an toàn, minh bạch và hiệu quả.
- Được bảo vệ và đảm bảo tài chính trước rủi ro trong cuộc sống.
- Được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân.



Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Doanh thu dòng sản phẩm bảo hiểm hưu trí năm 2025 đạt 171 TỶ ĐỒNG chiếm 0,5% tỷ trọng doanh thu

Sản phẩm vì cộng đồng



Bảo hiểm Liên kết đầu tư

Các sản phẩm liên kết đầu tư của Bảo Việt Nhân thọ kết hợp hài hòa giữa bảo hiểm, tiết kiệm và đầu tư, mang đến giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng. Không chỉ giúp bảo vệ trước rủi ro, dòng sản phẩm này còn hỗ trợ thực hiện các kế hoạch quan trọng như học vấn cho con, mua sắm tài sản, du lịch, hưu trí hay để lại di sản. Sản phẩm nổi bật nhờ tính linh hoạt, minh bạch, quyền lợi đa dạng và thời hạn bảo vệ dài lâu.

Sản phẩm tiêu biểu

Bảo hiểm An Khang Như Ý: là sản phẩm bảo hiểm giúp khách hàng chủ động xây dựng kế hoạch bảo vệ và tích lũy tài chính cho bản thân, gia đình với giải pháp linh hoạt, toàn diện:

- Bảo vệ trước rủi ro tử vong với quyền lợi lên đến 300 lần phí bảo hiểm cơ bản, tối đa 25 tỷ đồng; đồng thời bảo vệ trước rủi ro thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
- Có thể kết hợp cùng các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ để gia tăng chăm sóc sức khỏe và bảo vệ tài chính trong cùng một hợp đồng.
- Linh hoạt điều chỉnh mức phí đóng từ năm thứ 5 và thay đổi số tiền bảo hiểm theo từng giai đoạn cuộc sống.
- Vẫn bảo đảm quyền lợi tích lũy đầu tư, với 100% giá trị đáo hạn nếu không phát sinh chi trả quyền lợi bảo vệ đến cuối hợp đồng.

Bảo hiểm An Tâm Hoạch định: sản phẩm bảo hiểm nhân thọ kết hợp giữa quyền lợi bảo vệ và đầu tư. Sản phẩm bao gồm quyền lợi bảo vệ trước các rủi ro tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn, đồng thời cung cấp nhiều quyền lợi đầu tư hấp dẫn và khác biệt để gia tăng sự tích lũy cao trong dài hạn:

- Sản phẩm là một giải pháp giúp đem đến cho Khách hàng sự vững vàng tài chính, tuổi hưu an nhàn với nhiều quyền lợi hấp dẫn;
- Linh hoạt đầu tư và hưởng nhiều ưu đãi với quyền lợi thưởng hấp dẫn;
- Linh hoạt đóng phí và thay đổi điều kiện hợp đồng
- Chi trả Quyền lợi bảo vệ lên đến 25 tỷ đồng;
- Bội số Số tiền bảo hiểm/Phí bảo hiểm định kỳ quy năm linh hoạt cho Khách hàng lựa chọn theo nhu cầu;
- Bảo vệ khách hàng tới 90 tuổi;
- Có thể kết hợp với nhiều sản phẩm bán kèm đa dạng (nhóm sản phẩm chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ thanh toán viện phí, phẫu thuật; nhóm sản phẩm hỗ trợ đóng phí; nhóm sản phẩm bảo vệ trước các rủi ro tai nạn) để gia tăng quyền lợi bảo vệ cho bản thân và gia đình.

Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Doanh thu dòng sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư năm 2025 đạt 27.229 TỶ ĐỒNG chiếm 83% tỷ trọng doanh thu

Sản phẩm vì cộng đồng

Duy trì sản phẩm bảo hiểm vi mô và bảo hiểm đại chúng cho người lao động phổ thông

Trong bối cảnh nhu cầu bảo vệ tài chính của người lao động phổ thông, hộ gia đình thu nhập trung bình và thấp, cũng như các nhóm dễ bị tổn thương vẫn ở mức cao, Bảo Việt tiếp tục duy trì các sản phẩm bảo hiểm đại chúng và bảo hiểm vi mô theo hướng đơn giản, thiết thực và dễ tiếp cận hơn, qua đó góp phần mở rộng mạng lưới bảo vệ cho cộng đồng trong năm 2025.





Sản phẩm vì cộng đồng

Nhóm sản phẩm bảo hiểm đại chúng

	Bảo hiểm toàn diện học sinh - sinh viên	Bảo hiểm xe cơ giới	Bảo hiểm nông nghiệp
Sản phẩm	Sản phẩm bảo hiểm đại chúng được tiếp tục triển khai rộng tại các trường học, nhằm hỗ trợ học sinh, sinh viên và gia đình giảm bớt gánh nặng tài chính khi phát sinh tai nạn học đường và các rủi ro liên quan. Trong bối cảnh bảo vệ trẻ em và duy trì cơ hội học tập bền vững tiếp tục là một yêu cầu xã hội quan trọng, sản phẩm này được duy trì với định hướng nhân văn, gắn với công tác khuyến học và hỗ trợ các nhóm học sinh có hoàn cảnh khó khăn.	Sản phẩm bảo hiểm đại chúng được duy trì nhằm hỗ trợ người dân giảm thiểu tác động tài chính từ các rủi ro trong quá trình tham gia giao thông, bao gồm thiệt hại vật chất, trách nhiệm dân sự và tai nạn đối với người ngồi trên xe. Trong quý I/2025, toàn quốc xảy ra 4.760 vụ tai nạn giao thông, làm chết 2.615 người và bị thương 3.186 người. Bảo hiểm xe cơ giới là lớp bảo vệ thiết thực đối với nhóm lao động phổ thông sử dụng xe máy, ô tô để đi làm, mưu sinh và phục vụ sinh hoạt hằng ngày.	Sản phẩm được tiếp tục duy trì nhằm hỗ trợ người dân và tổ chức sản xuất nông nghiệp giảm thiểu tổn thất tài chính do thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro đặc thù của lĩnh vực nông nghiệp. Trong bối cảnh thời tiết cực đoan và rủi ro sản xuất ngày càng phức tạp, năm 2025, thiên tai làm 519 người chết, mất tích và bị thương trên phạm vi cả nước, thiệt hại về tài sản ước tính hơn 119,9 nghìn tỷ đồng tương đương khoảng 0,8% GDP, việc duy trì các giải pháp bảo vệ cho cây trồng, vật nuôi và mô hình nông nghiệp công nghệ cao tiếp tục có ý nghĩa lớn đối với khu vực nông thôn.
Quyền lợi nổi bật	• Duy trì một giải pháp bảo hiểm có độ phủ rộng trong môi trường học đường • Hỗ trợ chi trả khi phát sinh tai nạn, góp phần giảm áp lực tài chính cho gia đình và nhà trường • Gắn với chính sách miễn phí hoặc giảm phí cho một số nhóm học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt	• Bao phủ các nhu cầu bảo vệ cơ bản và phổ biến của người tham gia giao thông • Kết hợp giữa bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc, cháy nổ và tai nạn người ngồi trên xe • Gắn với các hoạt động truyền thông, phòng ngừa rủi ro và nâng cao nhận thức cộng đồng về an toàn giao thông	• Duy trì các giải pháp bảo vệ cho vật nuôi, cây trồng, nông nghiệp công nghệ cao và một số trách nhiệm dân sự đặc thù • Hỗ trợ người sản xuất nông nghiệp ổn định đời sống và có điều kiện tái sản xuất sau tổn thất • Phù hợp với nhu cầu tăng cường khả năng chống chịu trước thiên tai, dịch bệnh và biến động khí hậu
Giá trị đối với khách hàng/ cộng đồng	• Góp phần bảo đảm tính liên tục của việc học tập khi gia đình phát sinh chi phí do tai nạn học đường • Hỗ trợ nhóm học sinh, sinh viên dễ bị tổn thương tiếp cận giải pháp bảo vệ với chi phí phù hợp hơn • Thể hiện vai trò của doanh nghiệp bảo hiểm trong việc đồng hành cùng giáo dục và an sinh xã hội	• Giúp người dân, đặc biệt là nhóm lao động sử dụng phương tiện cá nhân hằng ngày, giảm bớt gánh nặng tài chính khi rủi ro xảy ra • Mở rộng tiếp cận giải pháp bảo hiểm thiết yếu cho nhóm khách hàng đại chúng • Góp phần nâng cao ý thức phòng ngừa rủi ro và an toàn giao thông trong cộng đồng	• Góp phần giảm bớt tác động tài chính của thiên tai, dịch bệnh đối với nông hộ và đơn vị sản xuất • Hỗ trợ duy trì sinh kế, ổn định đời sống và khả năng tái đầu tư sau tổn thất • Tăng cường năng lực chống chịu của cộng đồng nông thôn trước các rủi ro khí hậu và sản xuất

Sản phẩm vì cộng đồng

Nhóm sản phẩm bảo hiểm vi mô

Bảo hiểm vi mô là các chương trình bảo hiểm được thiết kế và triển khai cho đối tượng người nghèo, người có thu nhập thấp với các đặc điểm như: phí bảo hiểm thấp, số tiền bảo hiểm nhỏ, sản phẩm đơn giản dễ hiểu. Đối thị trường nói chung, việc phân phối bảo hiểm vi mô yêu cầu đơn vị bảo hiểm phải đầu tư mạng lưới phân phối quy mô lớn để có thể tiếp cận được nhiều nhất các đối tượng bảo hiểm được ưu tiên.

Bên cạnh đó, theo **Nghị định 21/2023/NĐ-CP**, phí bảo hiểm năm của từng hợp đồng bảo hiểm vi mô không vượt quá **5%** thu nhập bình quân đầu người hằng năm của chuẩn hộ cận nghèo khu vực thành thị, do với giá trị kinh tế đem lại cho các nhà bảo hiểm không lớn nên hiện tại kênh bảo hiểm vi mô chưa có sản phẩm thiết kế đặc thù tại thị trường bảo hiểm Việt Nam.

	An Bình Yên Vui	Bảo Tín An Tâm
Sản phẩm	Sản phẩm bảo hiểm vi mô được duy trì dành cho nhóm khách hàng cần một giải pháp bảo vệ có chi phí thấp, thủ tục đơn giản và khả năng tham gia linh hoạt. Sản phẩm được thiết kế để hỗ trợ các nhu cầu bảo vệ cơ bản trước những rủi ro sức khỏe và tai nạn thường gặp trong cuộc sống hằng ngày, phù hợp hơn với người lao động phổ thông, hộ gia đình thu nhập thấp và các khách hàng chưa có điều kiện tiếp cận sâu với các sản phẩm bảo hiểm truyền thống.	Sản phẩm bảo hiểm vi mô được duy trì theo định hướng hỗ trợ ổn định tài chính cho gia đình khi thành viên trong hộ, đặc biệt là người trụ cột, gặp rủi ro. Theo công bố của cơ quan BHXH Việt Nam dẫn nguồn Tổng cục Thống kê, **quý IV/2025** cả nước có khoảng **32,7 triệu lao động phi chính thức**, chiếm **61,9%** tổng số lao động có việc làm. Sản phẩm phù hợp với các hộ gia đình có nhu cầu bảo vệ thiết thực, mong muốn tiếp cận một giải pháp chính thống với chi phí phù hợp và điều kiện tham gia đơn giản hơn.
Quyền lợi nổi bật	• Mức phí từ **44.000 đồng/người/năm**, tương đương khoảng **3.600 đồng/tháng** • Độ tuổi tham gia rộng, **từ 15 ngày tuổi đến 70 tuổi** • Trẻ em có thể tham gia **độc lập**, không bắt buộc đi kèm cha mẹ • Tập trung vào khả năng tiếp cận dễ dàng đối với nhóm khách hàng phổ thông	• Mức phí khởi điểm từ **140.000 đồng/người/năm** • Độ tuổi tham gia **15 tuổi** đến **60 tuổi** và có thể **tái tục đến 65 tuổi** • Hướng nhiều hơn tới nhu cầu bảo vệ sự ổn định tài chính của hộ gia đình • Phù hợp với các gia đình cần một giải pháp bảo vệ thiết thực, dễ tiếp cận • Bổ sung lựa chọn bảo hiểm chính thống cho nhóm khách hàng thu nhập trung bình và thấp
Giá trị đối với khách hàng/ cộng đồng	• Mở rộng cơ hội tham gia bảo hiểm cho nhóm khách hàng có thu nhập thấp • Hỗ trợ hình thành lớp bảo vệ tài chính cơ bản với chi phí phù hợp • Góp phần đưa bảo hiểm đến gần hơn với các hộ gia đình lao động phổ thông	• Tăng thêm lựa chọn bảo hiểm chính thống cho các hộ gia đình có nhu cầu bảo vệ thiết thực • Hỗ trợ duy trì sự ổn định tài chính gia đình khi phát sinh biến cố • Góp phần mở rộng độ bao phủ bảo hiểm đối với khu vực lao động phi chính thức

Việc duy trì các sản phẩm bảo hiểm vi mô trong năm 2025 tiếp tục cho thấy nỗ lực của Bảo Việt trong việc phát triển các giải pháp bảo vệ có tính bao trùm, chi phí phù hợp và khả năng tiếp cận rộng, qua đó góp phần hỗ trợ an sinh xã hội, củng cố an toàn tài chính và tăng khả năng chống chịu rủi ro cho cộng đồng.

Sản phẩm vì cộng đồng

Phát triển sản phẩm tích hợp và chuyên biệt, mang đến giải pháp tài chính toàn diện cho cộng đồng

Trong năm 2025, Bảo Việt tiếp tục phát triển các giải pháp bảo hiểm tích hợp và chuyên biệt, với tổng cộng **10 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ mới gồm 03 sản phẩm bảo hiểm chính và 07 sản phẩm bán kèm**, qua đó mở rộng khả năng bảo vệ tài chính, chăm sóc sức khỏe và tích lũy dài hạn cho cộng đồng.

Nhóm sản phẩm chính

	An Khang Như Ý	An Tâm Hoạch Định	An Lộc Vững Bền
Sản phẩm	Ra mắt ngày **12/02/2025, An Khang Như Ý** là sản phẩm **bảo hiểm liên kết chung** được phát triển nhằm tăng cường lớp bảo vệ tài chính trước rủi ro tử vong cho khách hàng và gia đình. Sản phẩm góp phần giúp khách hàng chủ động xây dựng nền tảng an toàn tài chính dài hạn, đồng thời mở rộng thêm lựa chọn bảo vệ ở quy mô lớn hơn trong danh mục sản phẩm năm 2025.	Cũng được ra mắt ngày **12/02/2025, An Tâm Hoạch Định** là sản phẩm **bảo hiểm liên kết chung** hỗ trợ khách hàng chủ động lập kế hoạch tài chính dài hạn, kết hợp giữa bảo vệ và tích lũy trong cùng một giải pháp. Sản phẩm được thiết kế để đồng hành với khách hàng trong nhiều giai đoạn cuộc sống, qua đó góp phần thúc đẩy thói quen chuẩn bị nguồn lực tài chính bền vững cho tương lai.	Ra mắt ngày **15/11/2025, An Lộc Vững Bền** là sản phẩm **bảo hiểm hỗn hợp** mới, được phát triển theo định hướng vừa bảo vệ vừa tích lũy bền vững cho khách hàng. Việc bổ sung sản phẩm này vào danh mục năm 2025 giúp Bảo Việt Nhân thọ hoàn thiện thêm nhóm giải pháp tài chính có tính cân bằng giữa nhu cầu bảo vệ hiện tại và mục tiêu tích lũy cho tương lai.
Thông tin	Thời điểm ra mắt: **12/02/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm liên kết chung**	Thời điểm ra mắt: **12/02/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm liên kết chung**	Thời điểm ra mắt: **15/11/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm hỗn hợp**
Quyền lợi nổi bật	• Quyền lợi bảo hiểm tử vong lên tới **25 tỷ đồng** • Tăng cường lớp bảo vệ tài chính trước các biến cố lớn • Hỗ trợ khách hàng xây dựng nền tảng bảo vệ dài hạn cho gia đình	• Hỗ trợ hoạch định tài chính dài hạn đến **90 tuổi** • Kết hợp bảo vệ và tích lũy trong cùng một giải pháp • Phù hợp với nhu cầu chuẩn bị nguồn lực tài chính cho tương lai	• Giải pháp **bảo vệ kết hợp tích lũy** trong cùng một sản phẩm • Hỗ trợ khách hàng xây dựng kế hoạch tài chính trung và dài hạn • Mở rộng lựa chọn cho nhu cầu vừa bảo vệ vừa tích lũy bền vững
Giá trị đối với khách hàng/ cộng đồng	• Góp phần nâng cao khả năng ứng phó trước các rủi ro lớn trong cuộc sống • Củng cố năng lực chống chịu tài chính cho khách hàng và gia đình • Mở rộng tiếp cận giải pháp bảo vệ tài chính có giá trị cao cho cộng đồng	• Hỗ trợ khách hàng chủ động xây dựng kế hoạch tài chính bền vững • Mở rộng khả năng tiếp cận giải pháp tài chính dài hạn cho gia đình • Góp phần nâng cao an toàn tài chính trong trung và dài hạn cho cộng đồng	• Đáp ứng nhu cầu tích lũy ổn định gắn với bảo vệ tài chính • Tăng thêm lựa chọn giải pháp cân bằng cho khách hàng và gia đình • Góp phần củng cố nền tảng tài chính dài hạn cho cộng đồng

Sản phẩm vì cộng đồng

Nhóm sản phẩm bán kèm

	Bảo hiểm Bệnh nan y	Bảo hiểm Tử vong và Thương tật nghiêm trọng do tai nạn	Bảo hiểm Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn 2.0	Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng toàn diện
Sản phẩm	Được triển khai từ ngày **01/07/2025, Bảo hiểm Bệnh nan y** là sản phẩm **bảo hiểm bán kèm** chuyên biệt giúp gia tăng khả năng bảo vệ tài chính trước các bệnh lý nghiêm trọng như **ung thư, đột quỵ, nhồi máu cơ tim**. Sản phẩm được bổ sung nhằm mở rộng độ phủ của các giải pháp chăm sóc sức khỏe chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu bảo vệ trước những rủi ro y tế có thể gây tác động lớn tới tài chính gia đình.	Cũng được triển khai từ ngày **01/07/2025, Bảo hiểm Tử vong và Thương tật nghiêm trọng do tai nạn** là sản phẩm **bảo hiểm bán kèm** cung cấp lớp bảo vệ chuyên biệt trước các rủi ro tai nạn nghiêm trọng. Với mức quyền lợi cao và phạm vi bảo vệ rộng, sản phẩm giúp khách hàng gia tăng mức độ an toàn tài chính trong trường hợp xảy ra những biến cố bất ngờ có ảnh hưởng lớn tới sức khỏe và nguồn thu nhập của gia đình.	Được triển khai từ ngày **01/07/2025** như một sản phẩm **bảo hiểm bán kèm** nhằm mở rộng độ phủ bảo vệ trước các rủi ro tai nạn trong cuộc sống. Sản phẩm tập trung vào các tình huống thương tật bộ phận vĩnh viễn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, khả năng lao động và sự ổn định tài chính của khách hàng và gia đình.	Được triển khai từ ngày 15/11/2025, Sản phẩm Bảo hiểm sức khỏe, thân thể - Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng toàn diện là sản phẩm bảo hiểm bán kèm chuyên biệt giúp gia tăng khả năng bảo vệ tài chính trước 115 bệnh lý nghiêm trọng, bao gồm nhiều rủi ro sức khỏe phổ biến như ung thư, đột quỵ, tim mạch... Sản phẩm được thiết kế để đồng hành trong những tình huống khó lường, giúp khách hàng chủ động hơn trong việc điều trị, giảm áp lực chi phí và bảo toàn kế hoạch cuộc sống.
Thông tin	Thời điểm triển khai: **01/07/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm sức khỏe, thân thể**	Thời điểm triển khai: **01/07/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm sức khỏe, thân thể**	Thời điểm triển khai: **01/07/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm sức khỏe, thân thể**	Thời điểm triển khai: **15/11/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm sức khỏe, thân thể**
Quyền lợi nổi bật	• Quyền lợi bảo hiểm lên tới **3 tỷ đồng** • Bảo vệ trước các bệnh lý nghiêm trọng như **ung thư, đột quỵ, nhồi máu cơ tim** • Tăng cường lớp bảo vệ sức khỏe chuyên biệt trong hợp đồng chính	• Quyền lợi chi trả tối đa lên tới **10 tỷ đồng** • **Phạm vi bảo vệ toàn cầu** • Bổ sung lớp bảo vệ chuyên biệt trước rủi ro tai nạn nghiêm trọng	• Quyền lợi bảo hiểm lên đến **500 triệu đồng** • Bảo vệ theo **danh mục thương tật bộ phận vĩnh viễn** • Tăng độ phủ bảo vệ trước rủi ro tai nạn trong cuộc sống	• Phạm vi bảo hiểm tới 115 bệnh lý nghiêm trọng • Quyền lợi bảo hiểm lên tới 3 tỷ đồng • Hỗ trợ chi trả sớm 500 triệu đồng cho bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu • Chi trả đến 100 triệu đồng cho điều trị nội trú từ giai đoạn đầu của bệnh
Giá trị đối với khách hàng/ cộng đồng	• Giảm áp lực tài chính khi phát sinh rủi ro sức khỏe lớn • Mở rộng khả năng tiếp cận giải pháp bảo vệ bệnh lý nghiêm trọng • Góp phần nâng cao an toàn sức khỏe và tài chính cho cộng đồng	• Gia tăng an toàn tài chính trước các biến cố tai nạn lớn • Mở rộng độ phủ bảo vệ cho khách hàng trong nhiều hoàn cảnh sống và làm việc • Góp phần tăng khả năng ứng phó rủi ro cho cộng đồng	• Hỗ trợ giảm thiểu tác động tài chính khi không may gặp tai nạn • Bổ sung lớp bảo vệ chuyên biệt cho rủi ro ảnh hưởng đến khả năng lao động • Góp phần hoàn thiện hệ giải pháp bảo vệ đa lớp cho cộng đồng	• Giảm áp lực tài chính khi phát sinh rủi ro sức khỏe lớn • Mở rộng khả năng tiếp cận giải pháp bảo vệ bệnh lý nghiêm trọng • Góp phần nâng cao an toàn sức khỏe và tài chính cho cộng đồng

Sản phẩm vì cộng đồng

Nhóm sản phẩm bán kèm

	Hỗ trợ Đóng phí bảo hiểm do Tử vong	Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do bệnh lý nghiêm trọng cho Người được bảo hiểm	Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do bệnh lý nghiêm trọng cho Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối
Sản phẩm	Triển khai từ ngày 01/07/2025, Hỗ trợ Đóng phí bảo hiểm do Tử vong là sản phẩm bảo hiểm bán kèm được thiết kế nhằm duy trì hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm chính nếu người được bảo hiểm không may qua đời. Sản phẩm mang tính hỗ trợ bền vững, giúp kế hoạch bảo vệ và tích lũy của gia đình tiếp tục được duy trì ngay cả khi xảy ra biến cố lớn.	Cũng được triển khai từ ngày 15/11/2025, Sản phẩm Bảo hiểm sức khỏe, thân thể - Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do bệnh lý nghiêm trọng cho Người được bảo hiểm là sản phẩm bảo hiểm bán kèm hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của sản phẩm chính khi người được bảo hiểm mắc Bệnh lý nghiêm trọng theo quy định, giúp hợp đồng được duy trì trọn vẹn để bảo vệ gia đình không bị gián đoạn.	Được triển khai từ ngày 15/11/2025 như một sản phẩm bảo hiểm bán kèm nhằm giải quyết đúng mối lo biến cố sức khỏe nghiêm trọng xảy ra với Bên mua bảo hiểm hoặc Người hôn phối, giúp duy trì phí của sản phẩm chính khi người đứng ra đảm bảo tài chính hoặc người đồng hành cùng họ mắc Bệnh lý nghiêm trọng.
Thông tin	Thời điểm triển khai: **01/07/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm tử kỳ** Cơ chế hỗ trợ: **Đóng phí thay cho sản phẩm chính** Đối tượng hỗ trợ: **Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối**	Thời điểm triển khai: **15/11/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm sức khỏe, thân thể** Cơ chế hỗ trợ: **Đóng phí thay cho sản phẩm chính** Đối tượng hỗ trợ: **Người được bảo hiểm**	Thời điểm triển khai: **15/11/2025** Dòng sản phẩm: **Bảo hiểm sức khỏe, thân thể** Cơ chế hỗ trợ: **Đóng phí thay cho sản phẩm chính** Đối tượng hỗ trợ: **Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối**
Quyền lợi nổi bật	• Hỗ trợ tiếp tục đóng phí cho sản phẩm chính khi người được bảo hiểm tử vong • Giúp hợp đồng chính duy trì hiệu lực và quyền lợi dài hạn • Hạn chế gián đoạn kế hoạch bảo vệ và tích lũy của gia đình	• Hỗ trợ đóng 100% phí bảo hiểm định kỳ năm/phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính • Áp dụng khi người được bảo hiểm mắc bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu hoặc giai đoạn cuối • Giúp hợp đồng chính tiếp tục duy trì hiệu lực bảo hiểm • Hạn chế gián đoạn kế hoạch bảo vệ tài chính của gia đình	• Hỗ trợ đóng 100% phí bảo hiểm định kỳ năm/phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính • Áp dụng khi Bên mua bảo hiểm hoặc Người hôn phối mắc bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu hoặc giai đoạn cuối • Mở rộng phạm vi bảo vệ sang người đóng phí và người hôn phối • Giúp duy trì hiệu lực hợp đồng và quyền lợi bảo hiểm cho gia đình
Giá trị đối với khách hàng/ cộng đồng	• Bảo đảm quyền lợi bảo hiểm dài hạn cho người thân • Củng cố tính ổn định của kế hoạch tài chính gia đình • Tăng giá trị bảo vệ bền vững trong hệ giải pháp dành cho cộng đồng	• Gia tăng bảo vệ tài chính trước rủi ro bệnh lý nghiêm trọng • Giúp duy trì hợp đồng bảo hiểm khi khách hàng gặp khó khăn về đóng phí • Củng cố tính bền vững của kế hoạch tài chính gia đình	• Gia tăng bảo vệ tài chính trước rủi ro bệnh lý nghiêm trọng • Mở rộng lớp bảo vệ cho cả người mua bảo hiểm và người hôn phối • Hỗ trợ duy trì ổn định tài chính gia đình khi phát sinh biến cố sức khỏe

Việc ra mắt đồng thời **10 sản phẩm mới** trong năm 2025 tiếp tục cho thấy nỗ lực của Bảo Việt trong việc phát triển các giải pháp bảo hiểm tích hợp và chuyên biệt, góp phần nâng cao an toàn tài chính, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và tăng khả năng ứng phó rủi ro cho cộng đồng.

MINH BẠCH CHUẨN MỰC

Niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng luôn được xây dựng trên nền tảng của sự minh bạch và trách nhiệm giải trình. Trong suốt hành trình phát triển, Bảo Việt luôn đặt yếu tố minh bạch trong quản trị và công bố thông tin lên hàng đầu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



THÔNG TIN CHUNG

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 15 lần với lần thứ 15 được thực hiện vào ngày 12 tháng 7 năm 2022 (*).

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội (**)
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
Vốn điều lệ:	7.423.227.640.000 VND
Số cổ phần đã đăng ký:	742.322.764 cổ phần

(*) Tập đoàn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

(**) Địa chỉ căn cứ theo việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thừa Nhật	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
	Phó Chủ tịch	Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025
	Quyền Chủ tịch	Từ ngày 10 tháng 02 năm 2026
Bà Trần Thị Diệu Hằng	Thành viên	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2018
	Quyền Chủ tịch	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2024
	Phó Chủ tịch	Từ ngày 10 tháng 02 năm 2026
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2020
	Phó Chủ tịch	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2024
	Thành viên	Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2018
	Phó Chủ tịch	Từ ngày 10 tháng 02 năm 2026
Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Inami Ryota	Thành viên	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2022
Ông Igarashi Takafumi	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Dương Trí Thành	Thành viên độc lập	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Trịnh Hồng Quang	Thành viên độc lập	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Thanh Hải	Kiểm soát viên	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2019
	Trưởng Ban Kiểm soát	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Đinh Hoài Linh	Kiểm soát viên	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2021
Bà Dương Thị Thu Thủy	Kiểm soát viên	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Phi	Quyền Tổng Giám đốc	Từ ngày 10 tháng 02 năm 2026
Ông Nguyễn Xuân Việt	Quyền Tổng Giám đốc	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2024 đến ngày 10 tháng 02 năm 2026
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán Trưởng	Từ ngày 13 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 10 tháng 02 năm 2026 là Ông Nguyễn Xuân Việt - Quyền Tổng Giám đốc.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, Hội đồng Quản trị ban hành Quyết định số 248/2026/QĐ-HĐQT về việc giao Quyền Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Bảo Việt đối với ông Nguyễn Quang Phi, thành viên Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt ("Ban Điều hành") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu (nếu có) so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 11623354/E-68737085-HN

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 386 đến trang 439, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2023-004-1

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**150.363.051.574.128**	**121.226.741.291.519**
110	*I. Tiền và các khoản tương đương tiền*	*5*	*4.194.682.648.364*	*1.464.088.127.113*
111	1. Tiền		1.302.431.953.192	1.274.088.127.113
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.892.250.695.172	190.000.000.000
120	*II. Đầu tư tài chính ngắn hạn*		*127.381.983.413.999*	*103.898.039.030.526*
121	1. Chứng khoán kinh doanh	14.1	4.083.129.427.724	3.660.368.511.864
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(169.920.276.247)	(202.979.291.840)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	123.468.774.262.522	100.440.649.810.502
130	*III. Các khoản phải thu ngắn hạn*	*6.1*	*14.292.369.235.960*	*11.535.416.562.019*
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		9.601.934.425.230	7.892.192.217.650
131.1	*1.1 Phải thu về hoạt động bảo hiểm*		*1.243.599.853.284*	*1.265.479.668.075*
131.2	*1.2 Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính*		*8.358.334.571.946*	*6.626.712.549.575*
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		30.991.819.968	32.063.030.043
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		4.610.569.630.646	3.547.995.002.349
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		593.582.502.481	310.909.954.613
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(544.823.774.050)	(247.913.748.321)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		114.631.685	170.105.685
140	*IV. Hàng tồn kho*	*7*	*68.010.867.539*	*100.479.759.917*
150	*V. Tài sản ngắn hạn khác*		*743.595.209.649*	*670.583.415.267*
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		731.394.413.243	660.538.154.184
151.1	*1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*	*8*	*619.813.322.942*	*581.867.688.103*
151.2	*1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác*	*9*	*111.581.090.301*	*78.670.466.081*
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		39.931.055	36.415.365
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	9.014.490.097	4.809.122.226
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		3.146.375.254	5.199.723.492
190	*VI. Tài sản tái bảo hiểm*		*3.682.410.198.617*	*3.558.134.396.677*
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	24	1.890.740.497.412	1.686.897.782.968
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	24	1.791.669.701.205	1.871.236.613.709

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**141.442.600.516.098**	**130.059.585.546.605**
210	*I. Các khoản phải thu dài hạn*	*6.2*	*75.345.866.505*	*66.916.382.934*
216	1. Phải thu dài hạn khác		75.345.866.505	66.916.382.934
220	*II. Tài sản cố định*		*1.710.867.803.238*	*1.890.638.249.670*
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	793.037.340.532	872.417.228.022
222	*Nguyên giá*		*2.758.411.713.643*	*2.726.029.379.554*
223	*Giá trị khấu hao luỹ kế*		*(1.965.374.373.111)*	*(1.853.612.151.532)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	917.830.462.706	1.018.221.021.648
228	*Nguyên giá*		*1.843.480.920.591*	*1.840.590.207.970*
229	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(925.650.457.885)*	*(822.369.186.322)*
230	*III. Bất động sản đầu tư*	*12*	*102.471.736.442*	*109.961.268.939*
231	*Nguyên giá*		*189.606.396.559*	*191.327.232.874*
232	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(87.134.660.117)*	*(81.365.963.935)*
240	*IV. Tài sản dở dang dài hạn*		*146.304.263.191*	*131.645.367.989*
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	146.304.263.191	131.645.367.989
250	*V. Đầu tư tài chính dài hạn*		*139.153.581.916.804*	*127.645.423.169.640*
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.3.1	2.925.861.993.328	2.884.915.841.223
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3.2	1.499.836.683.418	1.279.365.243.151
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(85.404.841.184)	(62.506.533.483)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	134.813.288.081.242	123.543.648.618.749
260	*VI. Tài sản dài hạn khác*		*254.028.929.918*	*215.001.107.433*
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	204.421.165.904	181.047.015.237
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16.2.1	10.342.773.452	7.855.743.207
268	3. Tài sản dài hạn khác		39.264.990.562	26.098.348.989
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**291.805.652.090.226**	**251.286.326.838.124**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**266.325.310.635.901**	**227.720.439.778.201**
310	*I.*	*Nợ ngắn hạn*		*64.332.654.684.300*	*40.840.468.409.215*
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.705.805.497.909	2.433.962.486.735
311.1	*1.1*	*Phải trả hoạt động bảo hiểm*		*2.633.429.910.790*	*2.370.393.614.148*
311.3	*1.2*	*Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ*		*72.375.587.119*	*63.568.872.587*
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.044.580.000	21.186.000.000
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	344.317.471.858	211.453.081.628
314	4.	Phải trả người lao động		2.356.235.994.956	1.702.090.155.645
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		162.034.704.999	141.601.337.253
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	282.160.265.889	258.502.574.731
318.1	7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	18.1	422.050.433.228	382.055.501.051
319	8.	Phải trả ngắn hạn khác	19	437.567.941.149	395.628.174.229
320	9.	Vay ngắn hạn	20	4.072.040.955.884	2.910.226.356.811
322	10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	317.326.013.092	260.153.881.426
324	11.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu	22	53.229.070.825.336	32.123.608.859.706
330	*II.*	*Nợ dài hạn*		*201.992.655.951.601*	*186.879.971.368.986*
337	1.	Phải trả dài hạn khác	23	306.562.119.206	303.139.567.653
338	2.	Vay dài hạn	20	754.000.000	-
341	3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16.2.2	2.854.332.922	2.731.324.749
344	4.	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	24	201.682.485.499.473	186.574.100.476.584
344.1	*4.1*	*Dự phòng toán học*		*171.409.330.097.570*	*157.148.585.024.401*
344.2	*4.2*	*Dự phòng phí chưa được hưởng*		*5.839.617.690.184*	*5.451.808.363.226*
344.3	*4.3*	*Dự phòng bồi thường*		*3.223.554.162.529*	*3.111.784.684.450*
344.4	*4.4*	*Dự phòng chia lãi*		*3.974.183.128.108*	*3.521.002.598.958*
344.5	*4.5*	*Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu*		*16.544.350.410.061*	*16.741.736.693.139*
344.6	*4.6*	*Dự phòng đảm bảo cân đối*		*518.558.175.557*	*412.275.456.267*
344.7	*4.7*	*Dự phòng dao động lớn*		*172.891.835.464*	*186.907.656.143*

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**25.480.341.454.325**	**23.565.887.059.923**
410	*I.*	*Vốn chủ sở hữu*	*25*	*25.480.341.454.325*	*23.565.887.059.923*
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
411a	-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*7.423.227.640.000*	*7.423.227.640.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
417	3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		15.445.192.000	15.445.192.000
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính		3.869.219.047.055	2.933.853.033.569
420	5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		103.568.802.818	103.568.802.818
421	6.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối		4.916.303.234.296	4.007.066.089.089
421a	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*2.096.131.143.923*	*1.999.865.659.159*
421b	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*2.820.172.090.373*	*2.007.200.429.930*
423	7.	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		812.949.264.697	797.932.384.636
429	8.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.029.169.530.652	974.335.175.004
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**291.805.652.090.226**	**251.286.326.838.124**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
01	**Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 02 + 03 + 04)**		**43.728.345.353.632**	**42.669.681.559.583**
02	Phí bảo hiểm gốc	26.1	43.716.183.432.964	42.591.775.979.851
03	Phí nhận tái bảo hiểm	26.2	399.971.247.626	217.571.102.216
04	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(387.809.326.958)	(139.665.522.484)
05	**Phí nhượng tái bảo hiểm (05 = 06 + 07)**		**(3.604.679.869.867)**	**(3.543.497.880.539)**
06	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	27	(3.808.522.584.311)	(3.512.320.192.983)
07	Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		203.842.714.444	(31.177.687.556)
08	**Doanh thu phí bảo hiểm thuần (08 = 01 + 05)**		**40.123.665.483.765**	**39.126.183.679.044**
09	**Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**824.585.918.049**	**696.992.004.604**
15	**Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (15 = 08 + 09)**		**40.948.251.401.814**	**39.823.175.683.648**
16	**Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn**	**28.1**	**(21.643.536.263.137)**	**(19.714.375.555.448)**
17	**Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**	**28.2**	**(56.988.428.171)**	**(66.271.004.339)**
18	**Các khoản giảm trừ chi phí (18 = 19 + 20)**		**987.811.518**	**2.211.813.306**
19	Thu đòi người thứ ba		812.994.653	969.976.944
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		174.816.865	1.241.836.362
21	**Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**28.3**	**1.376.404.078.748**	**1.185.989.939.621**
22	**Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc (22 = 23 + 24 + 25 + 26)**	**24**	**(14.622.822.038.531)**	**(18.168.730.820.701)**
23	Tăng dự phòng toán học		(14.260.745.073.169)	(14.449.285.268.595)
24	Giảm/(Tăng) dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu		197.386.283.078	(3.081.906.630.621)
25	Tăng dự phòng chia lãi		(453.180.529.150)	(527.118.564.278)
26	Tăng dự phòng đảm bảo cân đối		(106.282.719.290)	(110.420.357.207)
27	**Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**	**24**	**(111.769.478.079)**	**(480.900.161.673)**
28	**(Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**		**(79.566.912.504)**	**580.130.152.238**
29	**Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (29 = 16 + 17 + 18 + 21 + 22 + 27 + 28)**		**(35.137.291.230.156)**	**(36.661.945.636.996)**
30	**Giảm/(Tăng) dự phòng dao động lớn**	**24**	**14.015.820.679**	**(51.325.477.527)**
31	**Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc (31 = 32 + 33)**		**(4.587.029.663.396)**	**(4.079.017.436.980)**
32	Chi hoa hồng		(2.865.485.426.969)	(2.489.113.008.960)
33	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	29	(1.721.544.236.427)	(1.589.904.428.020)
41	**Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 29 + 30 + 31)**		**(39.710.305.072.873)**	**(40.792.288.551.503)**
42	**Lợi nhuận/(Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42 = 15 + 41)**		**1.237.946.328.941**	**(969.112.867.855)**

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
43.1	Doanh thu hoạt động khác		590.242.546.152	555.874.347.470
43.2	Chi phí hoạt động khác		(630.861.954.446)	(545.882.462.285)
43	**(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ các hoạt động khác (43 = 43.1 + 43.2)**	**30**	**(40.619.408.294)**	**9.991.885.185**
44.1	Doanh thu hoạt động tài chính	31.1	14.039.756.364.318	12.689.327.095.724
44.2	Chi phí hoạt động tài chính	31.2	(2.919.290.603.309)	(2.115.731.389.939)
44	**Lợi nhuận hoạt động tài chính (44 = 44.1 + 44.2)**		**11.120.465.761.009**	**10.573.595.705.785**
45	**Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát**	**14.3.1**	**104.096.487.241**	**94.085.046.978**
46	**Chi phí bán hàng**	**32**	**(1.674.852.380.539)**	**(1.346.798.811.485)**
47	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**33**	**(7.213.126.135.849)**	**(5.724.600.399.115)**
48.1	Thu nhập khác		24.821.760.709	29.836.692.724
48.2	Chi phí khác		(4.301.141.089)	(3.825.774.921)
48	**Lợi nhuận khác (48 = 48.1 + 48.2)**	**34**	**20.520.619.620**	**26.010.917.803**
50	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (50 = 42 + 43 + 44 + 45 + 46 + 47 + 48)**		**3.554.431.272.129**	**2.663.171.477.296**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**16.1**	**(635.223.534.848)**	**(464.527.211.119)**
52	**Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	**16.2**	**2.364.022.072**	**(4.475.662.847)**
60	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (60 = 50 + 51 + 52)**		**2.921.571.759.353**	**2.194.168.603.330**
61	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN**		**2.836.613.711.079**	**2.110.496.926.600**
62	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**84.958.048.274**	**83.671.676.730**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**36**	**3.821**	**2.785**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
01	**1.**	**Lợi nhuận trước thuế**		**3.554.431.272.129**	**2.663.171.477.296**
	2.	**Điều chỉnh cho các khoản**		**3.270.308.915.400**	**7.449.502.465.690**
02	-	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	234.790.404.760	361.656.740.622
03	-	Các khoản dự phòng		15.395.134.340.726	18.799.414.855.151
04	-	Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.542.742.680	13.928.156.147
05	-	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.120.037.475.008)	(12.757.295.260.799)
06	-	Chi phí repo, lãi vay		1.746.878.902.242	1.031.797.974.569
08	**3.**	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**6.824.740.187.529**	**10.112.673.942.986**
09	-	Tăng các khoản phải thu		590.718.355.794	1.160.577.325.759
10	-	Giảm hàng tồn kho		32.468.892.378	12.868.553.516
11	-	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.232.528.584.635	(1.222.998.762.851)
12	-	Tăng chi phí trả trước (bao gồm tài sản tái bảo hiểm)		(298.073.124.170)	(33.806.613.231)
13	-	Tăng chứng khoán kinh doanh		(422.760.915.860)	(393.517.969.990)
14	-	Tiền lãi vay đã trả		(1.536.709.491.904)	(670.960.934.650)
15	-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(535.127.299.773)	(432.410.464.622)
17	-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(93.911.437.763)	(113.228.870.839)
20		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**5.793.873.750.866**	**8.419.196.206.078**
	II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
21	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(123.824.988.561)	(135.267.945.349)
22	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.749.432.374	750.785.454
23	3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(184.282.620.071.146)	(178.867.829.679.580)
24	4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		150.198.592.040.262	143.899.182.195.987
25	5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(265.027.712.446)	(245.308.499)
26	6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		102.562.394.750	-
27	7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.218.526.656.832	13.470.307.039.965
30		**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(24.150.042.247.935)**	**(21.633.102.912.022)**
	III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
33	1.	Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)		95.733.106.069.370	68.026.767.032.069
34	2.	Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)		(73.842.852.657.370)	(57.365.924.452.500)
36	3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(805.206.061.263)	(767.081.435.567)
40		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**21.085.047.350.737**	**9.893.761.144.002**
50		**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**2.728.878.853.668**	**(3.320.145.561.942)**
60		**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**1.464.088.127.113**	**4.783.513.586.776**
61		Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.715.667.583	720.102.279
70		**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**4.194.682.648.364**	**1.464.088.127.113**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 15 lần với lần thứ 15 được thực hiện vào ngày 12 tháng 7 năm 2022 (*).

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội (**)
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
Vốn điều lệ:	7.423.227.640.000 VND
Số cổ phần đã đăng ký:	742.322.764 cổ phần

(*) Tập đoàn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

(**) Địa chỉ căn cứ theo việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
- Bộ Tài chính	482.509.800	65,00
- Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo ("Sumitomo Life")	163.945.421	22,09
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC")	22.154.400	2,98
- Các cổ đông khác	73.713.143	9,93
TỔNG CỘNG	**742.322.764**	**100,00**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có sáu (06) công ty con, một (01) quỹ đầu tư, sáu (06) công ty liên doanh, liên kết (do công ty mẹ nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con/quỹ đầu tư) và hai (02) đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn	Quyền biểu quyết của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	7 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm và giám định tổn thất	100%	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, phường Yên Hòa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và kinh doanh tái bảo hiểm	100%	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	Tầng 12, số 83B phố Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng và cung cấp máy móc thiết bị	100%	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phường Phương Liễu, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%	60%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 6 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/GPKDBH và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 45/GPDC16/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 09 tháng 02 năm 2022. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.900 tỷ VND.

- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 46/GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Bảo Việt Nhân thọ là 6.000 tỷ VND theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPDC11/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 8 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005 và theo điều chỉnh gần nhất Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111761-129 vào ngày 22 tháng 10 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của BVF là 100 tỷ VND.

- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 3 năm 2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của BVSC là 722.339.370.000 VND.

- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 VND.

- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103193730 điều chỉnh gần nhất lần thứ 11 ngày 09 tháng 10 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của BVInvest là 200 tỷ VND.

  BVInvest có một (01) công ty con là Công ty TNHH MTV Xây dựng Bảo Việt ("BVC") hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, trụ sở chính tại 71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội. BVC được thành lập ngày 10 tháng 01 năm 2017 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107699334 của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty này là 5 tỷ VND, do BVInvest góp vốn 100%.

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt ("BVIF") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ thành viên đóng theo giấy phép số 223/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015. Thời gian hoạt động ban đầu của quỹ là tám (08) năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Ngày 11 tháng 9 năm 2023, UBCKNN cấp giấy chứng nhận điều chỉnh số 273/GCN-UBCK theo đó thời gian hoạt động của BVIF là 13 năm (từ ngày 20 tháng 10 năm 2015 đến ngày 20 tháng 10 năm 2028).

BVIF được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng lưu ký của BVIF là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVIF như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đầu tư trực tiếp của Tập đoàn Bảo Việt	420.000.000.000	42%
Đầu tư gián tiếp qua các công ty con		
- *Bảo Việt Nhân thọ*	*350.000.000.000*	*35%*
- *Bảo hiểm Bảo Việt*	*150.000.000.000*	*15%*
- *BVSC*	*80.000.000.000*	*8%*
TỔNG CỘNG	**1.000.000.000.000**	**100%**

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ đào tạo
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn phần mềm và phần cứng

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty được đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu			Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn
			Nắm giữ bởi công ty mẹ	Thông qua công ty con/ quỹ	Tổng	
		VND	%	%	%	%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt ("Long Việt")	Xây dựng	65.043.200.000	-	45,00	45,00	45,00
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC - Bảo Việt ("Bảo Việt SCIC")	Kinh doanh bất động sản	140.000.000.000	-	50,00	50,00	50,00
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ("Bảo Việt Bank")	Dịch vụ ngân hàng	3.150.000.000.000	49,52	-	49,52	49,52
Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc ("Trung Nam Phú Quốc")	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	220.000.000.000	49,00	-	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin PLT ("PLT")	Dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông	90.000.000.000	-	35,00	35,00	35,00
Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam ("Tokio Marine Việt Nam")	Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính	300.000.000.000	49,00	-	49,00	49,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty mẹ Tập đoàn là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Tuy nhiên, do các công ty con chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") và có tham khảo đến các nội dung của Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm ("Thông tư 199") và Thông tư số 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 232").

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các công ty con và BVIF (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Tập đoàn sẽ áp dụng Thông tư 99 cho các báo cáo tài chính từ năm tài chính 2026.

4.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 *Các khoản phải thu (tiếp theo)*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi một khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và Tập đoàn thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh (nếu có) giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc khoản nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng Tập đoàn thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết; hoặc khoản nợ đã được Tập đoàn yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Tập đoàn khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án, mức trích lập dự phòng được ước tính trên cơ sở dự kiến tổn thất có thể xảy ra.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm ấn chỉ của các công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và hàng hóa bất động sản của BVInvest được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ kế toán với giá trị được xác định như sau:

Hàng tồn kho	*Phương pháp xác định giá trị*
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản của BVInvest

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu tính cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

4.4 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4.5 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 *Tài sản cố định (tiếp theo)*

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Quyền sử dụng đất đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty mẹ, được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện.

4.6 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao, hao mòn tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Phần mềm tin học	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn theo quy định tại Thông tư số 45.

4.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

4.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.10 *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh gộp trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

- Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư."

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết được mua trong năm, Tập đoàn sử dụng giá mua (giá gốc) là giá trị tạm thời để hạch toán ghi nhận ban đầu đối với khoản đầu tư này. Giá trị của khoản đầu tư sẽ được điều chỉnh theo giá trị hợp lý trong vòng mười hai tháng kể từ ngày mua. Chênh lệch (nếu có) giữa giá trị hợp lý và giá gốc của khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của dữ liệu tương ứng trên cơ sở hồi tố vào thời điểm xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư đó.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 14.3.1

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức được nhận/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Tùy theo mục đích nắm giữ, các khoản đầu tư chứng khoán được phân loại thành các nhóm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Chứng khoán kinh doanh: bao gồm chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Doanh nghiệp, các khoản tiền gửi kỳ hạn, cho vay kỳ hạn và các khoản đầu tư khác được nắm giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc và sau đó được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu được trình bày như dưới đây:

- Chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Tập đoàn đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh và được trích lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị;

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Tập đoàn sẽ đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này và trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được;

- Các khoản đầu tư mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh); đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất của bên được đầu tư được lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính của Tập đoàn (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 *Tạm ứng từ giá trị hoàn lại*

Chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm vay khi hợp đồng bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng đã có giá trị giải ước;
- Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 24 tháng trở lên (với các hợp đồng không phải là hợp đồng liên kết chung, liên kết đơn vị);
- Hợp đồng không có khoản tạm ứng quyền lợi bảo hiểm; và
- Tạm ứng từ giá trị hoàn lại không áp dụng với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, sản phẩm hưu trí từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá gốc vào khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại này được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

4.13 *Chứng khoán bán và mua lại theo hợp đồng có kỳ hạn ("hợp đồng repo và hợp đồng bán kết hợp mua lại")*

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) hoặc các hợp đồng bán kết hợp mua lại không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

4.14 *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.15 *Lợi ích nhân viên*

Các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội 2014, Luật Bảo hiểm Xã hội 2024 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 14% trên quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Tập đoàn cũng trích nộp 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để đóng vào quỹ ốm đau và thai sản; 0,5% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Ngoài ra, từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tập đoàn đã triển khai thực hiện mua sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho cán bộ, nhân viên. Theo đó, khi cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trí sẽ được thêm quyền lợi từ giá trị Hợp đồng hưu trí theo số năm tham gia và mức đóng của cá nhân.

Trợ cấp bảo hiểm y tế

Căn cứ Luật Bảo hiểm Y tế 2008 và các bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thực hiện, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ bảo hiểm y tế cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động.

Trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, đối với người lao động đã làm việc thường xuyên cho Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên:

- Khi hợp đồng lao động chấm dứt, Tập đoàn có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc;
- Khi người lao động bị mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ, vì lý do kinh tế hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Lao động, Tập đoàn có trách nhiệm chi trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.16 *Các quỹ dự phòng nghiệp vụ*

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được trích lập theo các phương pháp đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Theo đó, các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ	*Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ*
Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường
Dự phòng chia lãi	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	Dự phòng bảo đảm cân đối
Dự phòng toán học/Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung và Dự phòng rủi ro bảo hiểm	
Dự phòng bảo đảm cân đối	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.16.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

a) Dự phòng nghiệp vụ cho sản phẩm truyền thống và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe được trích lập theo các Phương pháp đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Trong đó:

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống bao gồm: dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi:

- *Dự phòng toán học* trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ được tính toán dựa trên một trong các phương pháp sau: phương pháp dự phòng phí bảo hiểm toàn phần, phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần hoặc phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần điều chỉnh theo hệ số Zillmer. Phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng được phê chuẩn bởi Bộ Tài chính khi trình sản phẩm hoặc trong các lần trình tiếp theo. Dự phòng nghiệp vụ công bố là giá trị lớn hơn giữa dự phòng trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ và dự phòng tối thiểu theo luật định.

- *Dự phòng phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản phí đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

- *Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

  – Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết (RBNA): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm có thể phải trả cho từng hồ sơ đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.

  – Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.

- *Dự phòng chia lãi* bao gồm dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả, bảo tức tích lũy và dự phòng cho phần lãi chưa công bố đối với các hợp đồng bảo hiểm có tham gia chia lãi.

Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe bao gồm: dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường:

- *Dự phòng toán học* trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ là dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8; hoặc giá trị lớn hơn giữa dự phòng phí bảo hiểm thuần và dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8.

- *Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến thời điểm trích lập dự phòng chưa được giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

  – Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (RBNA): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm dự kiến phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

  – Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): bằng 3% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính với hợp đồng đóng phí định kỳ hoặc 3% của phí bảo hiểm một lần chia cho thời hạn bảo hiểm của hợp đồng với hợp đồng đóng một lần, hoặc bằng số lớn hơn giữa 3% phí bảo hiểm đã sử dụng từ đầu năm hợp đồng và 3% của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính, tùy theo sản phẩm.

b) Dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm liên kết chung như sau:

- *Dự phòng nghiệp vụ* đối với phần liên kết chung là tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung, dự phòng cho quyền lợi duy trì hợp đồng và một số quyền lợi khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm được giữ lại trong quỹ liên kết chung.

- *Dự phòng rủi ro bảo hiểm* là số lớn nhất trong: (i) dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc (ii) dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền gộp để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng hoặc (iii) dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền rủi ro để đáp ứng được tất cả chi phí chi trả quyền lợi rủi ro bảo hiểm trong tương lai trong suốt thời hạn hợp đồng.

- *Dự phòng bồi thường* được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm dự kiến phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến thời điểm trích lập dự phòng chưa được giải quyết.

- *Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết* là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

c) Dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- *Dự phòng nghiệp vụ* đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập. Thêm vào đó, phần dự phòng cho Quyền lợi duy trì hợp đồng cũng được trích lập và quản lý đối với giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí.

- *Dự phòng rủi ro bảo hiểm* là số lớn nhất trong: (i) dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc (ii) dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền gộp để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng hoặc (iii) dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền rủi ro để đáp ứng được tất cả chi phí chi trả quyền lợi rủi ro bảo hiểm trong tương lai trong suốt thời hạn hợp đồng.

- *Dự phòng bồi thường* được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm dự kiến phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến thời điểm trích lập dự phòng chưa được giải quyết.

- *Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết* là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trên mức độ tổng danh mục, cũng theo quy định hiện hành, Bảo Việt Nhân thọ còn phải trích lập *Dự phòng đảm bảo cân đối* bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Bảo Việt Nhân thọ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 *Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)*

4.16.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo phương pháp đã được Bộ Tài Chính phê duyệt. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa có thời hạn từ 01 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% tổng phí bảo hiểm.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác và các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm của nghiệp vụ hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bố đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng = Phí bảo hiểm X Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

- Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất ("Dự phòng dao động lớn") được trích hàng năm, tối đa từ 1% đến 3% phí bảo hiểm giữ lại của từng nghiệp vụ bảo hiểm, cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong kỳ kế toán.

Dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả.

Bảo hiểm Bảo Việt trích lập dự phòng dao động lớn với tỷ lệ trích lập hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 01 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng trích lập theo phương pháp 1/8.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng bảo đảm cân đối

Mức trích lập hằng năm là 2% phí bảo hiểm giữ lại và được hạch toán vào tài khoản dự phòng bảo đảm cân đối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.17 *Quỹ dự trữ bắt buộc*

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các Công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế mỗi đơn vị Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ mỗi kỳ kế toán và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ mỗi đơn vị.

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ

BVSC và BVF là Công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và quản lý quỹ. Căn cứ Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, BVSC và BVF không tiếp tục trích lập các Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Số dư Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định; số dư Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng Thành viên theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc giai đoạn tài chính sẽ được ghi nhận là "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trừ trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản thanh toán phí tối thiểu, doanh thu từ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được Bảo Việt Nhân thọ ghi nhận khi thu được phí bảo hiểm. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia tính toán của Bảo Việt Nhân thọ xác định và được ghi nhận thông qua "Dự phòng nghiệp vụ" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi: (1) hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (3) khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, Bảo hiểm Bảo Việt có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (khi đó, hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm); (4) khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm (khi đó, hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm).

Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng, cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản doanh thu phí bảo hiểm gốc để tính doanh thu thuần.

Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật kinh doanh bảo hiểm 2022 và để áp dụng quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm 2022.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Đối với trái phiếu, doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, doanh nghiệp phải phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thưởng hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v... được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện được một phần và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư 200, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác", ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

4.19 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi trả tiền bảo hiểm và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng bảo hiểm được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận chi phí (tiếp theo)

Chi hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với quy định tại Thông tư 67.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định hiện hành và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong năm theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, tổng các khoản chi thường đại lý, hỗ trợ và quyền lợi khác của các đại lý bảo hiểm không vượt quá 100% hoa hồng đại lý bảo hiểm của tất cả các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe đã khai thác trong năm tài chính. Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, tổng các khoản chi thường, hỗ trợ và quyền lợi khác của các đại lý bảo hiểm không vượt quá 50% hoa hồng đại lý bảo hiểm của tất cả các hợp đồng bảo hiểm thuộc bảo hiểm phi nhân thọ đã khai thác trong năm tài chính.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Chi phí từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đúng theo quy định hiện hành đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tương ứng với hoa hồng hoạt động bảo hiểm gốc chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ/ước tính trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.20 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được hạch toán cùng kỳ với kỳ kế toán ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gốc hoặc phí nhận tái bảo hiểm tương ứng. Chi phí từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đúng theo quy định hiện hành đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.

Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhận tái bảo hiểm được hạch toán theo bản thanh toán về tái bảo hiểm được xác nhận. Chi phí từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận đúng theo quy định hiện hành đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.

Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu nhận tái chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

4.21 Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên các hóa đơn đã phát hành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản mục "Các khoản phải thu/phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 *Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.23 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ Đầu tư và Phát triển: được trích lập cho mục đích tăng vốn điều lệ và đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư chiều sâu của Tập đoàn;

- Quỹ Khen thưởng Phúc lợi cho người lao động và Quỹ Khen thưởng cho người quản lý: được trích lập cho mục đích khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho người lao động và người quản lý, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.24 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.25 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.26 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm, đầu tư, tài chính và hoạt động khác. Ban Điều hành xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của từng đơn vị của Tập đoàn theo đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp.

4.27 *Các khoản mục ngoại bảng*

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn hoạt động trên các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ,... do vậy một số thông tin liên quan đến các khoản mục như chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư,... cũng được trình bày trên khoản mục ngoại bảng của báo cáo tài chính hợp nhất theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các hoạt động này.

4.28 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	32.394.839.063	30.898.136.500
Tiền gửi ngân hàng	1.123.856.972.490	1.096.787.350.174
Tiền đang chuyển	146.180.141.639	146.402.640.439
Các khoản tương đương tiền (*)	2.892.250.695.172	190.000.000.000
TỔNG CỘNG	**4.194.682.648.364**	**1.464.088.127.113**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng và được hưởng lãi suất 4,75%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

6.1 *Các khoản phải thu ngắn hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	510.771.742.377	438.768.633.188
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	60.908.478.774	74.240.702.879
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	386.667.274.536	437.834.878.182
Phải thu khác nhượng tái bảo hiểm	71.811.964.072	11.735.525.602
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	208.371.575.872	298.390.942.918
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	5.068.817.653	4.508.985.306
	1.243.599.853.284	**1.265.479.668.075**
Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	3.242.650.500	7.891.407.300
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	4.754.262.899.839	3.450.806.584.888
Phải thu lãi trái phiếu	2.930.652.263.553	2.575.888.468.511
Phải thu liên quan đến tạm ứng từ giá trị hoàn lại	635.372.543.428	569.092.743.881
Phải thu đầu tư khác	34.804.214.626	23.033.344.995
	8.358.334.571.946	**6.626.712.549.575**
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**30.991.819.968**	**32.063.030.043**
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu từ hoạt động margin và ứng trước	4.607.352.177.000	3.544.777.548.703
Phải thu từ cho vay ủy thác	3.217.453.646	3.217.453.646
	4.610.569.630.646	**3.547.995.002.349**
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	24.014.838.868	21.885.853.923
Phải thu phí quản lý quỹ	794.673.252	1.751.750.919
Phải thu từ hoạt động xây lắp, quản lý tòa nhà, và cho thuê văn phòng	28.326.382.831	29.461.297.648
Tạm ứng khác	40.171.050.160	24.641.341.342
Phải thu ngắn hạn khác	500.275.557.370	233.169.710.781
	593.582.502.481	**310.909.954.613**
Tài sản thiếu chờ xử lý	**114.631.685**	**170.105.685**
Tổng cộng các khoản phải thu	**14.837.193.010.010**	**11.783.330.310.340**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(544.823.774.050)	(247.913.748.321)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	**14.292.369.235.960**	**11.535.416.562.019**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

6.2 *Các khoản phải thu dài hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Ký quỹ		
- Hoạt động bảo hiểm nhân thọ	30.000.000.000	30.000.000.000
- Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	8.000.000.000	8.000.000.000
- Hoạt động kinh doanh chứng khoán	20.859.743.522	21.210.510.115
	58.859.743.522	**59.210.510.115**
Phải thu dài hạn khác		
- Phải thu dài hạn khác	16.486.122.983	7.705.872.819
	16.486.122.983	**7.705.872.819**
TỔNG CỘNG	**75.345.866.505**	**66.916.382.934**

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Ấn chỉ	20.015.121.904	29.308.055.418
Vật liệu, văn phòng phẩm	32.760.611.250	53.167.045.798
Thiết bị, dụng cụ	5.387.356.213	7.007.782.215
Hàng tồn kho tại BVInvest (*)	9.847.778.172	10.996.876.486
Tổng cộng hàng tồn kho	**68.010.867.539**	**100.479.759.917**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	**68.010.867.539**	**100.479.759.917**

(*) Bao gồm trong khoản mục này là các chi phí mua sắm và chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của BVInvest. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi được bán và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỔ

	Bảo hiểm nhân thọ VND	Bảo hiểm phi nhân thọ VND	Tổng cộng VND
Ngày 31/12/2024	**-**	**581.867.688.103**	**581.867.688.103**
Phát sinh trong năm	1.573.868.073.270	1.329.562.988.538	2.903.431.061.808
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.573.868.073.270)	(1.291.617.353.699)	(2.865.485.426.969)
Ngày 31/12/2025	**-**	**619.813.322.942**	**619.813.322.942**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	43.405.351.587	36.878.047.581
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	48.275.854.853	23.103.570.188
Chi phí khác	19.899.883.861	18.688.848.312
	111.581.090.301	**78.670.466.081**
Chi phí trả trước dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	23.758.019.483	28.323.886.644
Cải tạo thiết bị nội thất	58.863.351.303	42.654.855.045
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	62.391.776.057	47.316.825.983
Chi phí khác	59.408.019.061	62.751.447.565
	204.421.165.904	**181.047.015.237**
TỔNG CỘNG	**316.002.256.205**	**259.717.481.318**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiệnvận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Công cụ, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31/12/2024	1.357.695.533.509	277.684.878.736	637.806.850.572	449.883.121.125	2.958.995.612	2.726.029.379.554
- Mua trong năm	492.133.659	9.020.359.980	8.278.765.832	24.482.050.673	-	42.273.310.144
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.953.617.606	535.100.000	2.405.070.231	3.133.887.232	-	9.027.675.069
- Thanh lý, nhượng bán	-	(557.667.128)	(8.069.310.232)	(7.100.358.384)	(555.000.000)	(16.282.335.744)
- Chuyển từ bất động sản đầu tư	1.720.836.315	-	-	-	-	1.720.836.315
- Giảm khác	(2.344.327.914)	(13.684.659)	(980.098.704)	(616.120.418)	(402.920.000)	(4.357.151.695)
Vào ngày 31/12/2025	**1.360.517.793.175**	**286.668.986.929**	**639.441.277.699**	**469.782.580.228**	**2.001.075.612**	**2.758.411.713.643**
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31/12/2024	692.990.310.150	239.476.140.543	545.390.642.246	373.188.214.495	2.566.844.098	1.853.612.151.532
- Khấu hao trong năm	47.407.861.704	14.308.834.561	28.212.003.825	41.261.161.361	101.051.122	131.290.912.573
- Thanh lý, nhượng bán	-	(521.621.673)	(8.069.310.232)	(7.100.358.384)	(555.000.000)	(16.246.290.289)
- Chuyển từ bất động sản đầu tư	68.833.453	-	-	-	-	68.833.453
- (Giảm)/Tăng khác	(4.601.988.307)	493.421.450	1.927.430.009	(767.177.310)	(402.920.000)	(3.351.234.158)
Vào ngày 31/12/2025	**735.865.017.000**	**253.756.774.881**	**567.460.765.848**	**406.581.840.162**	**1.709.975.220**	**1.965.374.373.111**
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31/12/2024	664.705.223.359	38.208.738.193	92.416.208.326	76.694.906.630	392.151.514	872.417.228.022
Vào ngày 31/12/2025	**624.652.776.175**	**32.912.212.048**	**71.980.511.851**	**63.200.740.066**	**291.100.392**	**793.037.340.532**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Vào ngày 31/12/2024	998.221.565.197	836.984.796.034	5.383.846.739	1.840.590.207.970
- Mua sắm	-	2.889.095.063	-	2.889.095.063
- Điều chỉnh theo quyết toán	-	31.617.558	-	31.617.558
- Giảm khác	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
Vào ngày 31/12/2025	**998.221.565.197**	**839.875.508.655**	**5.383.846.739**	**1.843.480.920.591**
Giá trị hao mòn luỹ kế:				
Vào ngày 31/12/2024	163.549.370.699	653.808.788.022	5.011.027.601	822.369.186.322
- Hao mòn trong năm	39.144.026.490	63.929.070.064	238.175.009	103.311.271.563
- Giảm khác	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
Vào ngày 31/12/2025	**202.693.397.189**	**717.707.858.086**	**5.249.202.610**	**925.650.457.885**
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31/12/2024	834.672.194.498	183.176.008.012	372.819.138	1.018.221.021.648
Vào ngày 31/12/2025	**795.528.168.008**	**122.167.650.569**	**134.644.129**	**917.830.462.706**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Bất động sản đầu tư chờ tăng giá (*)	45.388.992.000	45.388.992.000
Bất động sản đầu tư cho thuê (**)	57.082.744.442	64.572.276.939
TỔNG CỘNG	**102.471.736.442**	**109.961.268.939**

(*) Là khoản đầu tư vào Dự án khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Đìa, Cửa Cuống, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án.

(**) Là tòa nhà Bảo Việt tại 233 Đồng Khởi, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh cho thuê làm văn phòng.

	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	145.938.240.874	145.938.240.874
- Chuyển sang tài sản cố định	(1.720.836.315)	(1.720.836.315)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	**144.217.404.559**	**144.217.404.559**
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	81.365.963.935	81.365.963.935
- Hao mòn trong năm	5.837.529.635	5.837.529.635
- Chuyển sang tài sản cố định	(68.833.453)	(68.833.453)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	**87.134.660.117**	**87.134.660.117**
Giá trị còn lại:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	64.572.276.939	64.572.276.939
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	**57.082.744.442**	**57.082.744.442**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Mua sắm (*)	9.994.125.132	1.423.973.232
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	106.996.435.889	101.514.445.904
Sửa chữa lớn (**)	29.313.702.170	28.706.948.853
TỔNG CỘNG	**146.304.263.191**	**131.645.367.989**

(*) Chi tiết các tài sản mua sắm và các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tòa nhà hợp khối	400.000.000	400.000.000
Tòa nhà Thanh Trì	38.557.630.021	38.180.300.243
Trụ sở Bảo Việt Hà Đông	25.588.694.226	25.588.694.226
Trụ sở Bảo hiểm Bảo Việt, số 7 Lý Thường Kiệt, Hà Nội	971.823.663	6.057.726.000
Các tài sản mua sắm và các công trình khác	51.472.413.111	32.711.698.667
TỔNG CỘNG	**116.990.561.021**	**102.938.419.136**

(**) Sửa chữa lớn tài sản cố định gồm việc cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, văn phòng hiện hữu.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chứng khoán kinh doanh	**14.1**		
Cổ phiếu niêm yết		3.528.252.540.349	3.207.279.295.300
Cổ phiếu chưa niêm yết		63.827.838.222	80.044.359.555
Chứng chỉ quỹ		325.065.596.873	291.879.903.606
Trái phiếu		165.983.452.280	81.164.953.403
		4.083.129.427.724	**3.660.368.511.864**
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		**(169.920.276.247)**	**(202.979.291.840)**
		3.913.209.151.477	**3.457.389.220.024**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**14.2**		
Ngắn hạn		123.468.774.262.522	100.440.649.810.502
- *Tiền gửi*		*119.262.747.357.265*	*96.311.405.314.136*
- *Tạm ứng từ giá trị hoàn lại*		*4.206.026.905.257*	*4.129.244.496.366*
Dài hạn		134.813.288.081.242	123.543.648.618.749
- *Tiền gửi*		*26.951.375.436.468*	*28.255.853.641.765*
- *Trái phiếu*		*107.861.912.644.774*	*95.287.794.976.984*
		258.282.062.343.764	**223.984.298.429.251**
Đầu tư tài chính dài hạn khác	**14.3**		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.3.1	2.925.861.993.328	2.884.915.841.223
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3.2	1.499.836.683.418	1.279.365.243.151
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khác		(85.404.841.184)	(62.506.533.483)
		4.340.293.835.562	**4.101.774.550.891**
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính		**266.535.565.330.803**	**231.543.462.200.166**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (sau khi trích lập dự phòng)	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (sau khi trích lập dự phòng)
Cổ phiếu niêm yết				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	815.524.552.544	815.271.987.923	810.611.525.339	810.611.525.339
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	385.035.221.328	385.035.221.328	387.723.702.616	387.723.702.616
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	419.060.416.045	311.873.566.379	416.101.571.597	318.775.453.600
Cổ phiếu niêm yết khác	1.908.632.350.432	1.869.483.691.894	1.592.842.495.748	1.562.453.097.198
	3.528.252.540.349	**3.381.664.467.524**	**3.207.279.295.300**	**3.079.563.778.753**
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	23.876.923.077	18.362.100.000	24.000.000.000	18.059.925.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	7.000.000.000	571.666.667	7.000.000.000	669.666.667
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	8.683.450.000	8.523.631.700	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	24.267.465.145	13.061.402.387	49.044.359.555	17.118.992.595
	63.827.838.222	**40.518.800.754**	**80.044.359.555**	**35.848.584.262**
Chứng chỉ quỹ				
BVPF	77.000.000.000	77.000.000.000	77.000.000.000	77.000.000.000
BVBF	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
BVFED	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
E1VFVN30	58.995.134.927	58.995.134.927	43.387.220.470	43.387.220.470
Khác	74.070.461.946	74.047.295.992	56.492.683.136	56.492.683.136
	325.065.596.873	**325.042.430.919**	**291.879.903.606**	**291.879.903.606**
Trái phiếu				
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	74.976.493.380	74.976.493.380	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	91.006.958.900	91.006.958.900	-	-
Trái phiếu khác	-	-	81.164.953.403	50.096.953.403
	165.983.452.280	**165.983.452.280**	**81.164.953.403**	**50.096.953.403**
TỔNG CỘNG	**4.083.129.427.724**	**3.913.209.151.477**	**3.660.368.511.864**	**3.457.389.220.024**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.2 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi (i)	119.623.669.533.950	119.262.747.357.265	96.754.005.314.136	96.311.405.314.136
Trái phiếu	834.146.050.536	-	1.024.752.316.500	-
- *Trái phiếu doanh nghiệp*	*834.146.050.536*	-	*1.024.752.316.500*	-
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại (iv)	4.206.026.905.257	4.206.026.905.257	4.129.244.496.366	4.129.244.496.366
	124.663.842.489.743	**123.468.774.262.522**	**101.908.002.127.002**	**100.440.649.810.502**
Dài hạn				
Tiền gửi (ii)	26.951.375.436.468	26.951.375.436.468	28.255.853.641.765	28.255.853.641.765
Trái phiếu (iii)	107.861.912.644.774	107.861.912.644.774	95.287.794.976.984	95.287.794.976.984
- *Trái phiếu doanh nghiệp*	*36.590.007.303.454*	*36.590.007.303.454*	*26.291.302.944.892*	*26.291.302.944.892*
- *Trái phiếu Chính phủ*	*71.271.905.341.320*	*71.271.905.341.320*	*68.996.492.032.092*	*68.996.492.032.092*
	134.813.288.081.242	**134.813.288.081.242**	**123.543.648.618.749**	**123.543.648.618.749**
TỔNG CỘNG	**259.477.130.570.985**	**258.282.062.343.764**	**225.451.650.745.751**	**223.984.298.429.251**

(i) Ngoài các hợp đồng tiền gửi tại ALCII, VFC đã quá hạn, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm và có mức lãi suất đến 9,00%/năm.

(ii) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn trên một (01) năm và được hưởng lãi suất từ 5,20% đến 7,60%/năm.

(iii) Các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đầu tư có kỳ hạn từ mười bốn (14) đến ba mươi (30) năm, trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ bảy (07) đến mười (10) năm; các trái phiếu có mức lãi suất đến 8,90%/năm.

(iv) Bao gồm khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc. Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị hoàn lại có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

14.3 *Đầu tư tài chính dài hạn khác*

14.3.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được đầu tư	Vốn góp của Tập đoàn	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Long Việt	29.269.440.000	27.408.242.674	27.245.370.339
Tokio Marine Việt Nam	147.000.000.000	321.649.937.500	312.127.796.919
Bảo Việt SCIC	70.000.000.000	72.752.248.219	72.754.474.182
Bảo Việt Bank	1.560.000.000.000	1.944.940.285.838	1.913.353.066.497
Trung Nam Phú Quốc	431.200.000.000	431.156.341.401	431.178.134.253
PLT	97.650.000.000	127.954.937.696	128.256.999.033
TỔNG CỘNG	**2.335.119.440.000**	**2.925.861.993.328**	**2.884.915.841.223**

	Năm nay	Năm trước
Tại ngày 01 tháng 01	**2.884.915.841.223**	**2.844.300.042.626**
Cổ tức được chia trong năm	(63.150.335.136)	(53.469.248.381)
Lợi nhuận thuộc về Tập đoàn	104.096.487.241	94.085.046.978
Tại ngày 31 tháng 12	**2.925.861.993.328**	**2.884.915.841.223**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác (tiếp theo)

14.3.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (sau khi trích lập dự phòng)	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (sau khi trích lập dự phòng)
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	225.000.000.000	225.000.000.000	225.000.000.000	225.000.000.000
Dự án Tháp Tài chính Quốc tế ("IFT")	170.385.781.823	170.385.781.823	169.976.934.325	169.976.934.325
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	513.647.489.512	462.515.487.000	293.124.483.483	293.124.483.483
Khác	590.803.412.083	556.530.573.411	591.263.825.343	528.757.291.860
TỔNG CỘNG	**1.499.836.683.418**	**1.414.431.842.234**	**1.279.365.243.151**	**1.216.858.709.668**

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	*1.151.340.422.943*	*974.913.411.790*
Phải trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm	271.899.934.061	252.145.529.679
Phải trả thu nhập đại lý	875.745.035.526	721.168.125.426
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ	3.695.453.356	1.599.756.685
Bảo hiểm phi nhân thọ	*1.482.089.487.847*	*1.395.480.202.358*
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	117.773.354.846	92.969.799.495
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	235.991.716.927	294.889.736.666
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	47.587.242.756	54.675.260.308
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	949.508.714.382	835.529.842.757
Phải trả đồng bảo hiểm	131.228.458.936	117.415.563.132
	2.633.429.910.790	**2.370.393.614.148**
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả người bán, nhà cung cấp	71.385.839.522	62.789.515.760
Phải trả khác	989.747.597	779.356.827
	72.375.587.119	**63.568.872.587**
TỔNG CỘNG	**2.705.805.497.909**	**2.433.962.486.735**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Số phải nộp/điều chỉnh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Thuế phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	(4.788.139.706)	14.770.118	-	(4.773.369.588)
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	(9.928.370)	(71.630)	-	(10.000.000)
Thuế khác	(11.054.150)	8.237.753.333	(12.457.819.692)	(4.231.120.509)
	(4.809.122.226)	**8.252.451.821**	**(12.457.819.692)**	**(9.014.490.097)**
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.795.647.630	500.746.034.639	(476.382.422.220)	55.159.260.049
Thuế TNDN	143.598.636.006	635.489.133.668	(535.127.299.773)	243.960.469.901
Thuế thu nhập cá nhân	36.285.854.010	785.553.380.891	(777.926.322.548)	43.912.912.353
Tiền thuế đất	72.884.349	18.271.833.875	(18.556.300.396)	(211.582.172)
Các loại thuế khác	700.059.633	34.028.523.398	(33.232.171.304)	1.496.411.727
TỔNG CỘNG	**211.453.081.628**	**1.974.088.906.471**	**(1.841.224.516.241)**	**344.317.471.858**

Trong năm 2025, mức thuế suất áp dụng đối với các đơn vị trong Tập đoàn như sau:

Đơn vị	*Thuế suất áp dụng*
Bảo Việt - Âu Lạc	10%
Quỹ BVIF	Không thuộc đối tượng chịu thuế
Công ty mẹ và các công ty con khác	20%

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	635.223.534.848	464.527.211.119
(Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.364.022.072)	4.475.662.847
TỔNG CỘNG	**632.859.512.776**	**469.002.873.966**

16.1 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**3.554.431.272.129**	**2.663.171.477.296**
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- *Hoa hồng dự trả ước tính năm nay*	*34.582.311.107*	*22.147.159.880*
- *Hoàn nhập lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước*	*13.656.623.753*	*9.028.949.820*
- *Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế*	*42.254.569.327*	*44.479.556.669*
Các khoản điều chỉnh giảm		
- *Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(299.529.189.115)*	*(281.376.783.279)*
- *Hoàn nhập hoa hồng dự trả ước tính năm trước*	*(22.147.159.880)*	*(39.897.800.187)*
- *Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm*	*(14.278.827.780)*	*(13.667.368.458)*
- *Các khoản (hoàn nhập)/chi phí dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ*	*(23.722.527.050)*	*326.028.508*
- *Hoàn nhập chi phí chưa được khấu trừ năm trước*	*(14.955.758.325)*	*(2.526.955.889)*
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(34.494.462.916)	74.410.013.187
Các khoản (lỗ)/lãi không tính thuế	(10.223.023.657)	50.561.184.762
Các khoản không chịu thuế	(47.962.967.427)	(202.643.025.653)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	**(376.820.411.963)**	**(339.159.040.640)**
Thu nhập chịu thuế ("TNCT") ước tính	**3.177.610.860.166**	**2.324.012.436.656**
- *TNCT chịu thuế suất 10%*	*2.986.371.851*	*2.752.762.115*
- *TNCT chịu thuế suất 20%*	*3.174.624.488.315*	*2.321.259.674.541*
Thuế TNDN ước tính trong năm	**635.223.534.848**	**464.527.211.119**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	138.810.496.300	106.661.599.279
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các năm trước	280.368.938	32.150.524
Thuế TNDN đã trả trong năm	(535.127.299.773)	(432.410.464.622)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**239.187.100.313**	**138.810.496.300**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

16.2 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.342.773.452	7.855.743.207	2.487.030.245	(3.550.128.061)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.854.332.922)	(2.731.324.749)	(123.008.173)	(925.534.786)
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			**2.364.022.072**	**(4.475.662.847)**

16.2.1 *Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	51.713.867.261	39.278.716.034
Trong đó:		
- *Hoa hồng phải trả trên phí bảo hiểm phải thu*	*34.582.311.106*	*22.147.159.879*
- *Khác*	*17.131.556.155*	*17.131.556.155*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**10.342.773.452**	**7.855.743.207**

16.2.2 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	14.271.664.610	13.656.623.743
Trong đó:		
- *Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm*	*14.271.664.610*	*13.656.623.743*
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**2.854.332.922**	**2.731.324.749**

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	22.345.575.643	51.713.756.038
Bảo hiểm phi nhân thọ	239.353.821.260	186.368.368.939
	261.699.396.903	**238.082.124.977**
Hoạt động khác		
Hoạt động quản lý bất động sản	20.460.868.986	20.420.449.754
	20.460.868.986	**20.420.449.754**
TỔNG CỘNG	**282.160.265.889**	**258.502.574.731**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Bảo hiểm phi nhân thọ	18.1	778.633.553.894	679.647.517.367
Bảo hiểm nhân thọ		(2.229.860.912)	3.711.688.916
TỔNG CỘNG		**776.403.692.982**	**683.359.206.283**

18.1 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	Bảo hiểm phi nhân thọ VND
Số đầu năm	**382.055.501.051**
Phát sinh trong năm	818.628.486.071
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Phân bổ vào doanh thu trong năm	(778.633.553.894)
Số cuối năm	**422.050.433.228**

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	2.854.403	2.854.403
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	7.325.128.451	6.757.709.777
Phải trả các nghiệp vụ chứng khoán (i)	43.248.784.579	27.074.229.746
Kinh phí cho các chương trình An sinh xã hội chờ giải ngân (ii)	8.204.989.477	9.356.224.244
Phải trả đối tác theo cam kết góp vốn vào Trung Nam Phú Quốc (iii)	34.320.000.000	34.320.000.000
Phải trả khác (iv)	344.466.184.239	318.117.156.059
TỔNG CỘNG	**437.567.941.149**	**395.628.174.229**

(i) Bao gồm các khoản phải trả liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh của Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt.

(ii) Chi phí chương trình 30A của Chính phủ và các chương trình An sinh xã hội đang chờ giải ngân theo tiến độ các công trình tài trợ.

(iii) Căn cứ theo các điều khoản của Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần, Tập đoàn sẽ thực hiện chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Thăng Long theo tiến độ và điều kiện cam kết để hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc.

(iv) Chủ yếu bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp nhằm phục vụ nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm của các đơn vị thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024				Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (*)	2.184.097.987.000	2.184.097.987.000	9.614.666.724.959	(8.674.092.711.959)	3.124.672.000.000	3.124.672.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*299.677.987.000*	*299.677.987.000*	*617.993.858.528*	*(915.999.845.528)*	*1.672.000.000*	*1.672.000.000*
- Ngân hàng TMCP Hàng hải	*295.000.000.000*	*295.000.000.000*	*596.000.000.000*	*(891.000.000.000)*	-	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	*300.000.000.000*	*300.000.000.000*	*1.600.000.000.000*	*(1.400.000.000.000)*	*500.000.000.000*	*500.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	*384.000.000.000*	*384.000.000.000*	*2.188.012.866.431*	*(1.822.012.866.431)*	*750.000.000.000*	*750.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	*98.000.000.000*	*98.000.000.000*	*882.000.000.000*	*(882.000.000.000)*	*98.000.000.000*	*98.000.000.000*
- Các ngân hàng khác	*807.420.000.000*	*807.420.000.000*	*3.730.660.000.000*	*(2.763.080.000.000)*	*1.775.000.000.000*	*1.775.000.000.000*
Vay các đối tượng khác	726.128.369.811	726.128.369.811	4.858.448.164.524	(4.637.207.578.451)	947.368.955.884	947.368.955.884
	2.910.226.356.811	**2.910.226.356.811**	**14.473.114.889.483**	**(13.311.300.290.410)**	**4.072.040.955.884**	**4.072.040.955.884**
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (*)	-	-	1.422.000.000	(668.000.000)	754.000.000	754.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	*1.422.000.000*	*(668.000.000)*	*754.000.000*	*754.000.000*
	-	**-**	**1.422.000.000**	**(668.000.000)**	**754.000.000**	**754.000.000**
TỔNG CỘNG	**2.910.226.356.811**	**2.910.226.356.811**	**14.474.536.889.483**	**(13.311.968.290.410)**	**4.072.794.955.884**	**4.072.794.955.884**

(*) Bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với mục đích bổ sung vốn lưu động, kinh doanh chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ; tín chấp/có tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi, tài sản cố định hữu hình; chịu lãi suất từ 2,50%/năm đến 8,00%/năm.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	**260.153.881.426**
Tăng trong năm	150.033.569.429
Sử dụng trong năm	(92.861.437.763)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	**317.326.013.092**

22. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU

Hợp đồng repo (*)	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Bán trong năm VND	Mua lại trong năm VND	Chi phí repo đã phân bổ trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Giá trị ghi sổ trái phiếu repo VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	18.301.141.228.152	61.927.298.069.000	(44.536.655.280.000)	1.186.572.871.088	36.878.356.888.240	33.680.268.174.422
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	13.822.467.631.554	18.486.471.260.000	(21.123.384.665.000)	324.537.229.850	11.510.091.456.404	10.157.413.127.964
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	-	5.704.514.925.000	(929.790.000.000)	65.897.555.692	4.840.622.480.692	5.079.418.808.283
TỔNG CỘNG	**32.123.608.859.706**	**86.118.284.254.000**	**(66.589.829.945.000)**	**1.577.007.656.630**	**53.229.070.825.336**	**48.917.100.110.669**

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo đối với các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Ký quỹ đại lý bảo hiểm	281.563.190.924	274.635.437.022
Phải trả khác	24.998.928.282	28.504.130.631
TỔNG CỘNG	**306.562.119.206**	**303.139.567.653**

24. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	Dự phòng toán học VND	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng bồi thường VND	Dự phòng chia lãi VND	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu VND	Dự phòng đảm bảo cân đối VND	Dự phòng dao động lớn VND	Tổng cộng VND
Bảo hiểm nhân thọ								
Ngày 31/12/2024	157.148.585.024.401	242.531.152.855	68.617.657.754	3.521.002.598.958	16.741.736.693.139	162.249.272.468	-	177.884.722.399.575
Thay đổi trong năm	14.260.745.073.169	32.774.113.084	(9.738.182.322)	453.180.529.150	(197.386.283.078)	26.955.599.615	-	14.566.530.849.618
Ngày 31/12/2025	171.409.330.097.570	275.305.265.939	58.879.475.432	3.974.183.128.108	16.544.350.410.061	189.204.872.083	-	192.451.253.249.193
Bảo hiểm phi nhân thọ								
Ngày 31/12/2024	-	5.209.277.210.371	3.043.167.026.696	-	-	250.026.183.799	186.907.656.143	8.689.378.077.009
Thay đổi trong năm	-	355.035.213.874	121.507.660.401	-	-	79.327.119.675	(14.015.820.679)	541.854.173.271
Ngày 31/12/2025	-	5.564.312.424.245	3.164.674.687.097	-	-	329.353.303.474	172.891.835.464	9.231.232.250.280
Ngày 31/12/2024	**157.148.585.024.401**	**5.451.808.363.226**	**3.111.784.684.450**	**3.521.002.598.958**	**16.741.736.693.139**	**412.275.456.267**	**186.907.656.143**	**186.574.100.476.584**
Thay đổi trong năm	14.260.745.073.169	387.809.326.958	111.769.478.079	453.180.529.150	(197.386.283.078)	106.282.719.290	(14.015.820.679)	15.108.385.022.889
Ngày 31/12/2025	**171.409.330.097.570**	**5.839.617.690.184**	**3.223.554.162.529**	**3.974.183.128.108**	**16.544.350.410.061**	**518.558.175.557**	**172.891.835.464**	**201.682.485.499.473**

Chi tiết thay đổi dự phòng nghiệp vụ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ trong năm như sau:

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm) VND	Dự phòng bảo hiểm thuần VND
Ngày 31/12/2024			
Dự phòng phí chưa được hưởng	5.209.277.210.371	(1.686.897.782.968)	3.522.379.427.403
Dự phòng bồi thường	3.043.167.026.696	(1.871.236.613.709)	1.171.930.412.987
Dự phòng dao động lớn	186.907.656.143	-	186.907.656.143
Dự phòng đảm bảo cân đối	250.026.183.799	-	250.026.183.799
TỔNG CỘNG	**8.689.378.077.009**	**(3.558.134.396.677)**	**5.131.243.680.332**
Ngày 31/12/2025			
Dự phòng phí chưa được hưởng	5.564.312.424.245	(1.890.740.497.412)	3.673.571.926.833
Dự phòng bồi thường	3.164.674.687.097	(1.791.669.701.205)	1.373.004.985.892
Dự phòng dao động lớn	172.891.835.464	-	172.891.835.464
Dự phòng đảm bảo cân đối	329.353.303.474	-	329.353.303.474
TỔNG CỘNG	**9.231.232.250.280**	**(3.682.410.198.617)**	**5.548.822.051.663**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**2.933.853.033.569**	**103.568.802.818**	**4.007.066.089.089**	**797.932.384.636**	**974.335.175.004**	**23.565.887.059.923**
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(783.224.748.303)	-	-	(783.224.748.303)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(145.896.617.372)	-	(4.136.952.057)	(150.033.569.429)
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	-	-	*(42.925.592.493)*	-	-	*(42.925.592.493)*
Của các công ty con	-	-	-	-	-	*(102.971.024.879)*	-	*(4.136.952.057)*	*(107.107.976.936)*
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	936.416.013.486	-	(936.416.013.486)	-	-	-
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	*354.054.844.311*	-	*(354.054.844.311)*	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	*582.361.169.175*	-	*(582.361.169.175)*	-	-	-
Chi thù lao Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của các Công ty con	-	-	-		-		-	(827.390.411)	(2.064.248.793)
Chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-		-	(1.236.858.382)	-	(24.738.438.132)	(24.738.438.132)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	84.958.048.274	2.921.571.759.353
(Sử dụng)/Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	(1.050.000.000)	-	2.836.613.711.079	15.016.880.061	-	(1.050.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(15.016.880.061)	-	(420.912.026)	(46.006.360.294)
Tại ngày 31/12/2025	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**3.869.219.047.055**	**103.568.802.818**	**4.916.303.234.296**	**812.949.264.697**	**1.029.169.530.652**	**25.480.341.454.325**

(*) Quỹ chênh lệch tỷ giá thể hiện chênh lệch do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Tokio Marine Việt Nam từ USD sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 21 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn trích 354.054.844.311 VND, bằng 30% lợi nhuận sau thuế 2024 cho Quỹ Đầu tư phát triển.

Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 nêu trên, Tập đoàn được trích 3,64% lợi nhuận sau thuế 2024 (tương đương với số tiền 42.925.592.493 VND) cho các Quỹ Khen thưởng Phúc lợi và Quỹ thưởng cho Người quản lý của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**2.233.517.394.474**	**103.568.802.818**	**3.565.845.500.585**	**709.311.077.785**	**918.962.506.736**	**22.280.336.857.205**
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(745.069.356.247)	-	-	(745.069.356.247)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(118.130.315.034)	-	(3.159.197.310)	(121.289.512.344)
Của công ty mẹ	-	-	-	-	-	*(36.187.556.080)*	-	-	*(36.187.556.080)*
Của các công ty con	-	-	-	-	-	*(81.942.758.954)*	-	*(3.159.197.310)*	*(85.101.956.264)*
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	700.335.639.095	-	(700.335.639.095)	-	-	-
Của công ty mẹ	-	-	-	*334.829.549.816*	-	*(334.829.549.816)*	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	*365.506.089.279*	-	*(365.506.089.279)*	-	-	-
Chi thưởng và thù lao Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của các Công ty con	-	-	-	-	-	(944.531.050)	-	(631.839.462)	(1.576.370.512)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	2.110.496.926.600	-	83.671.676.730	2.194.168.603.330
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	-	-	(88.621.306.851)	88.621.306.851	-	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(25.860.731.704)	(25.860.731.704)
(Giảm)/Tăng khác	-	-	-	-	-	(16.175.189.819)	-	1.352.760.014	(14.822.429.805)
Tại ngày 31/12/2024	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**2.933.853.033.569**	**103.568.802.818**	**4.007.066.089.089**	**797.932.384.636**	**974.335.175.004**	**23.565.887.059.923**

25.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Cổ phiếu thường VND	Tổng số VND	Cổ phiếu thường VND	Tổng số VND
Số vốn góp của cổ đông	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
TỔNG CỘNG	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Ngày 01 tháng 01	**7.423.227.640.000**	**7.423.227.640.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Ngày 31 tháng 12	**7.423.227.640.000**	**7.423.227.640.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**783.224.748.303**	**745.069.356.247**

25.4 *Cổ tức*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	783.224.748.303	745.069.356.247
- *Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông (cổ tức cho năm 2024: 1.055,1 VND/cổ phiếu, cổ tức cho năm 2023: 1.003,7 VND/cổ phiếu)*	*783.224.748.303*	*745.069.356.247*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 21 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt chi trả cổ tức cho năm tài chính 2024 là 10,551% (1.055,1 VND/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 VND, tương đương với số tiền thực tế chi trả là 783.224.748.303 VND. Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện vào tháng 12 năm 2025.

25.5 *Cổ phiếu*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng VND	Giá trị VND	Số lượng VND	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu phổ thông	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*
Cổ phiếu đang lưu hành	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu phổ thông	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*

26. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

26.1 *Phí bảo hiểm gốc*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	4.002.216.868.073	4.447.125.987.350
Bảo hiểm liên kết chung	27.229.205.419.410	26.364.324.867.197
Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ khác	1.410.364.960.660	1.348.250.162.301
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	**32.641.787.248.143**	**32.159.701.016.848**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	1.272.644.214.746	1.198.710.725.609
Bảo hiểm tài sản	4.672.964.815.438	4.220.186.829.463
Bảo hiểm con người	5.128.787.154.637	5.013.177.407.931
Tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	**11.074.396.184.821**	**10.432.074.963.003**
Tổng doanh thu bảo hiểm	**43.716.183.432.964**	**42.591.775.979.851**

26.2 *Phí nhận tái bảo hiểm*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Bảo hiểm trách nhiệm	22.665.067.935	26.741.954.158
Bảo hiểm tài sản	189.601.803.888	182.650.386.867
Bảo hiểm con người	187.704.375.803	8.178.761.191
TỔNG CỘNG	**399.971.247.626**	**217.571.102.216**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	151.230.726	183.070.177
Bảo hiểm liên kết chung	7.543.975.214	8.602.484.232
Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ khác	(10.473.229.950)	3.175.237.656
	(2.778.024.010)	**11.960.792.065**
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	619.116.383.760	633.168.212.666
Bảo hiểm tài sản	2.742.048.677.847	2.431.909.523.610
Bảo hiểm con người	450.135.546.714	435.281.664.642
	3.811.300.608.321	**3.500.359.400.918**
TỔNG CỘNG	**3.808.522.584.311**	**3.512.320.192.983**

28. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

28.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	3.472.766.483.343	2.980.154.932.934
Chi giá trị hoàn lại	10.533.559.895.646	9.182.388.726.257
Chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro và chi trả khác theo hợp đồng bảo hiểm	2.810.988.395.003	2.901.953.612.989
	16.817.314.773.992	**15.064.497.272.180**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	320.493.363.110	436.901.141.829
Bảo hiểm tài sản	1.775.609.963.383	1.447.548.392.202
Bảo hiểm con người	2.730.118.162.652	2.765.428.749.237
	4.826.221.489.145	**4.649.878.283.268**
TỔNG CỘNG	**21.643.536.263.137**	**19.714.375.555.448**

28.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	8.247.118.076	9.945.940.920
Bảo hiểm tài sản	44.991.502.283	53.987.225.418
Bảo hiểm con người	3.749.807.812	2.337.838.001
TỔNG CỘNG	**56.988.428.171**	**66.271.004.339**

28.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Thu từ nhượng tái bảo hiểm	(295.289.366)	2.994.549.410
	(295.289.366)	**2.994.549.410**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	165.052.343.766	279.129.039.302
Bảo hiểm tài sản	965.261.505.586	683.054.279.018
Bảo hiểm con người	246.385.518.762	220.812.071.891
	1.376.699.368.114	**1.182.995.390.211**
TỔNG CỘNG	**1.376.404.078.748**	**1.185.989.939.621**

29. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chi dề phòng hạn chế tổn thất	30.470.483.571	36.581.377.309
Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác	202.825.713.280	159.228.649.654
Chi nhận tái bảo hiểm khác	1.592.414.049	139.206.501
Chi đại lý bảo hiểm và các khoản chi khác	408.116.773.712	409.539.083.632
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phân bổ từ chi quản lý và các khoản chi khác	1.078.538.851.815	984.416.110.924
TỔNG CỘNG	**1.721.544.236.427**	**1.589.904.428.020**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	374.214.072.955	318.547.246.719
Dịch vụ tư vấn đầu tư	4.593.454.546	3.746.340.908
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	8.060.116.962	6.624.132.914
Quản lý danh mục đầu tư	6.650.440.073	5.674.984.364
Cho thuê và quản lý bất động sản (*)	60.881.326.376	62.798.802.736
Hoạt động xây dựng và kinh doanh thương mại	33.722.910.372	52.775.725.638
Các dịch vụ khác	102.120.224.868	105.707.114.191
	590.242.546.152	**555.874.347.470**
Chi phí từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	(360.279.567.863)	(258.126.664.530)
Dịch vụ tư vấn đầu tư	(8.647.676.906)	(8.346.488.737)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(22.502.495.670)	(19.282.636.289)
Quản lý danh mục đầu tư	(1.575.434.190)	(1.476.434.257)
Quản lý bất động sản (*)	(72.082.896.228)	(74.661.760.629)
Hoạt động xây dựng và kinh doanh thương mại	(42.838.205.801)	(71.523.203.867)
Các dịch vụ khác	(122.935.677.788)	(112.465.273.976)
	(630.861.954.446)	**(545.882.462.285)**
TỔNG CỘNG	**(40.619.408.294)**	**9.991.885.185**

(*) Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	45.162.342.914	47.996.086.166
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(20.034.880.753)	(25.777.893.979)

31. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

31.1 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	7.260.093.282.147	6.644.208.109.215
Lãi đầu tư trái phiếu	5.402.739.050.080	4.813.425.109.263
Thu nhập từ tạm ứng giá trị hoàn lại	451.085.109.811	427.805.638.871
Cổ tức được chia	299.529.189.115	266.376.783.279
Lãi chênh lệch tỷ giá	25.590.570.621	26.930.658.427
Lãi đầu tư, kinh doanh chứng khoán	164.128.825.289	94.670.749.731
Doanh thu hoạt động tài chính khác	436.590.337.255	415.910.046.938
TỔNG CỘNG	**14.039.756.364.318**	**12.689.327.095.724**

31.2 *Chi phí hoạt động tài chính*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	39.133.313.301	40.858.814.574
Chi phí repo và lãi vay	1.746.878.902.242	1.031.797.974.569
Trả lãi cho chủ hợp đồng	409.217.022.993	368.928.956.327
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	53.296.798.378	85.929.246.886
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(14.838.531.210)	(32.465.079.757)
Chi phí hoạt động tài chính khác	685.603.097.605	620.681.477.340
TỔNG CỘNG	**2.919.290.603.309**	**2.115.731.389.939**

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chi khen thưởng và hỗ trợ đại lý	1.553.874.659.021	1.223.563.721.196
Chi đào tạo đại lý	83.718.313.438	68.490.328.204
Chi phí tuyển dụng	37.259.408.080	54.744.762.085
TỔNG CỘNG	**1.674.852.380.539**	**1.346.798.811.485**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	3.790.246.468.064	2.823.435.850.594
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.103.698.185	167.267.068.173
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	67.465.889.894	67.703.094.468
Thuế và chi phí lệ phí	38.947.660.860	31.236.578.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.729.426.042.182	1.420.615.734.085
Chi phí dự phòng	4.635.530.261	13.036.320.760
Chi phí khác	536.040.699.138	493.405.974.713
	6.357.865.988.584	**5.016.700.621.254**
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	355.573.380.474	285.003.464.273
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	147.536.087.391	145.141.181.476
Thuế và chi phí lệ phí	18.302.048.492	23.582.216.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.742.901.741	151.153.586.750
Chi phí dự phòng	28.021.822.508	2.160.348.096
Chi phí khác	124.083.906.659	100.858.981.037
	855.260.147.265	**707.899.777.861**
TỔNG CỘNG	**7.213.126.135.849**	**5.724.600.399.115**

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	2.180.235.485	907.243.953
Thu nhập khác	22.641.525.224	28.929.448.771
	24.821.760.709	**29.836.692.724**
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(405.041.415)	(93.467.429)
Chi phí khác	(3.896.099.674)	(3.732.307.492)
	(4.301.141.089)	**(3.825.774.921)**
Lợi nhuận khác	**20.520.619.620**	**26.010.917.803**

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

Các bên liên quan	*Quan hệ*
Bộ Tài chính	Cổ đông sáng lập
SCIC	Cổ đông sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đông chiến lược
Tokio Marine Việt Nam	Công ty liên doanh
Bảo Việt Bank	Công ty liên kết
Bảo Việt SCIC	Công ty liên kết
Long Việt	Công ty liên kết
Trung Nam Phú Quốc	Công ty liên kết
PLT	Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ đông sáng lập			
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	(509.096.089.980)	(484.295.086.260)
SCIC	Cổ tức đã trả	(23.375.107.440)	(22.236.371.280)
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Doanh thu cho thuê văn phòng, phí gửi xe	488.160.000	488.160.000
	Cổ tức đã trả	(172.978.813.697)	(164.552.019.057)
Công ty liên doanh, liên kết			
Bảo Việt Bank	Doanh thu dịch vụ CNTT	1.298.374.807	1.278.889.566
	Doanh thu lãi tiền gửi	838.109.972.211	638.913.241.406
	Doanh thu cho thuê trụ sở làm việc, phí quản lý tòa nhà, phí giữ xe	27.487.539.559	31.027.866.817
	Chi phí repo	(1.178.695.771.088)	(454.986.196.962)
Tokio Marine Việt Nam	Doanh thu phí quản lý quỹ	506.671.826	340.905.553
	Cổ tức được nhận	56.850.335.136	47.169.248.381
	Doanh thu hoạt động bảo hiểm	65.802.475.865	52.045.967.986
	Chi phí hoạt động bảo hiểm	(43.231.467.925)	20.909.072.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
		Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Công ty liên doanh, liên kết			
Bảo Việt Bank	Số dư tiền gửi thanh toán	631.231.636.492	731.735.267.484
	Tiền thu hộ (tiền đang chuyển)	134.563.407.758	123.150.211.276
	Số dư tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu	30.913.417.034.599	14.563.053.715.336
	Số dư phải trả các hợp đồng mua bán lại TPCP	(36.878.360.666.692)	(18.301.141.228.152)
	Phải thu dịch vụ cho thuê nhà, quản lý tòa nhà	-	159.236.740
	Phải thu phí CNTT, dịch vụ đào tạo	327.779.399	323.959.327
	Phải trả tiền đặt cọc thuê văn phòng	(419.139.600)	(419.139.600)
Tokio Marine Việt Nam	Phải thu hoạt động bảo hiểm	5.895.804.130	3.907.950.030
	Phải trả hoạt động bảo hiểm	(3.280.999.462)	(3.630.911.655)
	Phải thu phí quản lý quỹ	196.944.886	-
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Phải trả tiền đặt cọc thuê văn phòng	(44.748.000)	(44.748.000)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương sau thuế thu nhập cá nhân của Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Tập đoàn, tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, như sau:

	Năm 2025 VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Xuân Việt	206.400.000
Ông Nguyễn Quang Phi	206.400.000
Ông Nguyễn Thừa Nhật	206.400.000
Bà Ngô Thị Thu Trang	720.000.000
Ông Dương Trí Thành	720.000.000
Ông Trịnh Hồng Quang	720.000.000
Ông Igarashi Takafumi	206.400.000
Ông Inami Ryota	206.400.000
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	**36.000.000**
Tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác	
Bà Trần Thị Diệu Hằng	984.301.300
Ông Nguyễn Đình An	943.330.000
Ông Nguyễn Xuân Việt	980.172.600
Ông Nguyễn Xuân Hòa	894.877.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**2.836.613.711.078**	**2.110.496.926.600**
Điều chỉnh giảm do:		
- *Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng cho người quản lý (*)*	-	*(42.925.592.493)*
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.836.613.711.078**	**2.067.571.334.107**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	742.322.764	742.322.764
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.821**	**2.785**

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng cho người quản lý từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 6 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn thực hiện báo cáo theo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm (nhân thọ và phi nhân thọ), cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng; bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm liên kết chung; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp; các loại hình bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ.

- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v... BVF cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.

- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với các tòa nhà Bảo Việt. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Bảo Việt ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá cả giao dịch giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau được loại bỏ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
Doanh thu phí bảo hiểm	43.730.843	-	-	(2.498)	43.728.345
Phí nhượng tái bảo hiểm	(3.604.680)	-	-	-	(3.604.680)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	828.449	-	-	(3.863)	824.586
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**40.954.612**	**-**	**-**	**(6.361)**	**40.948.251**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(21.643.536)	-	-	-	(21.643.536)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(56.988)	-	-	-	(56.988)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	987	-	-	-	987
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.376.404	-	-	-	1.376.404
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(14.622.822)	-	-	-	(14.622.822)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(111.769)	-	-	-	(111.769)
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(79.567)	-	-	-	(79.567)
Giảm dự phòng dao động lớn	14.016	-	-	-	14.016
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.675.939)	-	-	88.909	(4.587.030)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(39.799.214)**	**-**	**-**	**88.909**	**(39.710.305)**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	540.931	28.360	(609.911)	(40.620)
Chi phí bán hàng	(1.674.852)	-	-	-	(1.674.852)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(6.724.202)	(868.323)	(22.110)	401.509	(7.213.126)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	10.201.046	2.113.623	9.626	(1.203.829)	11.120.466
Lợi nhuận khác	85.463	913	47	(65.903)	20.520
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	104.096	104.096
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**3.042.853**	**1.787.144**	**15.923**	**(1.291.490)**	**3.554.430**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
Doanh thu phí bảo hiểm	42.672.744	-	-	(3.062)	42.669.682
Phí nhượng tái bảo hiểm	(3.543.498)	-	-	-	(3.543.498)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	700.755	-	-	(3.763)	696.992
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**39.830.001**	**-**	**-**	**(6.825)**	**39.823.176**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(19.714.376)	-	-	-	(19.714.376)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(66.271)	-	-	-	(66.271)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	2.212	-	-	-	2.212
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.185.990	-	-	-	1.185.990
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(18.168.731)	-	-	-	(18.168.731)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(480.900)	-	-	-	(480.900)
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	580.130	-	-	-	580.130
Tăng dự phòng dao động lớn	(51.325)	-	-	-	(51.325)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.137.785)	-	-	58.768	(4.079.017)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(40.851.056)**	**-**	**-**	**58.768**	**(40.792.288)**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	533.831	24.309	(548.149)	9.991
Chi phí bán hàng	(1.346.799)	-	-	-	(1.346.799)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.336.082)	(742.468)	(18.126)	372.076	(5.724.600)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	9.867.901	1.992.749	8.644	(1.295.699)	10.573.595
Lợi nhuận khác	50.430	438	(660)	(24.197)	26.011
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	94.085	94.085
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.214.395**	**1.784.550**	**14.167**	**(1.349.941)**	**2.663.171**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
TÀI SẢN					
Tiền và các khoản tương đương tiền	824.786	531.494	11.949	2.826.454	4.194.683
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	447.576	-	-	-	447.576
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	796.024	-	-	-	796.024
Tài sản tái bảo hiểm	3.682.410	-	-	-	3.682.410
Các khoản phải thu khác	8.461.639	1.933.789	64.106	(1.945.988)	8.513.546
Đầu tư tài chính	260.148.208	20.008.813	157.327	(13.778.783)	266.535.565
Phải thu về cho vay	-	4.594.629	-	14.829	4.609.458
Tài sản cố định hữu hình	580.405	97.077	53.870	61.685	793.037
Tài sản cố định vô hình	580.596	322.098	15.136	-	917.830
Các tài sản khác	1.087.437	237.335	69.217	(78.466)	1.315.523
TỔNG TÀI SẢN	**276.609.081**	**27.725.235**	**371.605**	**(12.900.269)**	**291.805.652**
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ ngắn hạn	60.124.421	4.643.816	64.108	(499.690)	64.332.655
Nợ dài hạn	201.969.052	45.520	24.242	(46.158)	201.992.656
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**262.093.473**	**4.689.336**	**88.350**	**(545.848)**	**266.325.311**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**14.515.608**	**23.035.899**	**283.255**	**(12.354.421)**	**25.480.341**
TỔNG NGUỒN VỐN	**276.609.081**	**27.725.235**	**371.605**	**(12.900.269)**	**291.805.652**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
TÀI SẢN					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.012.489	439.919	9.860	1.820	1.464.088
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	512.076	-	-	-	512.076
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	753.404	-	-	-	753.404
Tài sản tái bảo hiểm	3.558.134	-	-	-	3.558.134
Các khoản phải thu khác	6.786.787	1.878.886	45.262	(1.922.077)	6.788.858
Đầu tư tài chính	223.042.276	19.202.888	161.814	(10.863.516)	231.543.462
Phải thu về cho vay	-	3.531.654	-	15.230	3.546.884
Tài sản cố định hữu hình	628.805	128.724	50.584	64.304	872.417
Tài sản cố định vô hình	585.728	417.351	15.142	-	1.018.221
Các tài sản khác	1.023.685	214.137	72.572	(81.612)	1.228.782
TỔNG TÀI SẢN	**237.903.384**	**25.813.559**	**355.234**	**(12.785.851)**	**251.286.326**
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ ngắn hạn	37.870.097	3.430.788	51.140	(511.557)	40.840.468
Nợ dài hạn	186.853.423	34.306	27.046	(34.804)	186.879.971
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**224.723.520**	**3.465.094**	**78.186**	**(546.361)**	**227.720.439**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**13.179.864**	**22.348.465**	**277.048**	**(12.239.490)**	**23.565.887**
TỔNG NGUỒN VỐN	**237.903.384**	**25.813.559**	**355.234**	**(12.785.851)**	**251.286.326**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC TÀI SẢN TIỀM TÀNG

38.1 *Cam kết cho thuê hoạt động*

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
- Từ 1 năm trở xuống	43.579.843.651	23.984.427.262
- Từ trên 1 năm đến 5 năm	39.685.883.339	35.116.899.087
TỔNG CỘNG	**83.265.726.990**	**59.101.326.349**

38.2 *Tài sản thuê ngoài*

Tập đoàn có các mảnh đất thuê trả tiền hàng năm. Hàng năm, Tập đoàn vẫn trả tiền thuê đất theo thông báo của các Chi cục Thuế địa phương.

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động khác bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
- Từ 1 năm trở xuống	144.284.714.857	126.190.560.625
- Từ trên 1 năm đến 5 năm	370.707.481.941	168.694.292.214
- Trên 5 năm	41.213.827.198	100.523.198.671
TỔNG CỘNG	**556.206.023.996**	**395.408.051.510**

38.3 *Tài sản tiềm tàng*

Trong các năm từ 2007 đến 2009, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã ký các hợp đồng tiền gửi với Công ty Cho thuê tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCII"). Bắt đầu từ năm 2009, do tình hình tài chính khó khăn, ALCII đã không thực hiện việc chi trả gốc và lãi của một số hợp đồng tiền gửi cho Tập đoàn. Do đó, năm 2016, Tập đoàn đã thực hiện khởi kiện ALCII theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc không thực hiện các nghĩa vụ quy định trong các hợp đồng tiền gửi đã giao kết. Theo quyết định của Bản án số 1009/2016/KDTM-PT ngày 05 tháng 9 năm 2016 và Bản án số 1158/2016/HDTM-PT ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Tòa phúc thẩm – Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ALCII có trách nhiệm phải thanh toán cho Tập đoàn khoản tiền còn nợ Tập đoàn tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2016, bao gồm 326.600.000.000 VND nợ gốc tiền gửi chưa thanh toán, 52.990.388.887 VND nợ lãi trong hạn chưa thanh toán, 421.212.752.500 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán và 69.068.967.356 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 cho đến khi trả hết nợ tính trên số dư nợ gốc và nợ lãi trong hạn còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tiền gửi đã ký. Ngày 31 tháng 7 năm 2018, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định 1009/2018/QĐ-TBPS về việc tuyên bố phá sản đối với ALCII. Căn cứ Quyết định Thi hành án chủ động số 2936/QD-CTHADS ngày 08 tháng 09 năm 2018 về việc tuyên bố phá sản và thanh lý, bán đấu giá tài sản và Quyết định số 191/QD-THADS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc thu phí thi hành án dân sự của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn và các công ty con đã thực nhận số tiền sau khi trừ chi phí thi hành án là 4.502.997.403 VND. Tập đoàn hiện vẫn đang phối hợp với các bên liên quan tiếp tục thực hiện công tác thu hồi công nợ của ALCII.

Trong các năm từ 2007 đến năm 2010, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã ký các hợp đồng tiền gửi với Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy (VFC) và mua các trái phiếu của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (VNS). Từ năm 2009 và 2010, do tình hình khó khăn, VFC đã không thực hiện chi trả gốc của các hợp đồng tiền gửi đến hạn, VNS không chi trả lãi hàng kỳ của các trái phiếu. Năm 2021, Tập đoàn đã thực hiện khởi kiện VFC, VNS lên Tòa án nhân dân quận, nơi VFC và VNS đặt trụ sở. Đối với vụ kiện VFC, Tòa án nhân dân các cấp đã ra phán quyết chấp thuận yêu cầu khởi kiện của Tập đoàn Bảo Việt, buộc VFC phải thanh toán trả nợ gốc và nợ lãi của các hợp đồng tiền gửi. Đối với vụ kiện VNS, Tòa án nhân dân các cấp đã ra phán quyết chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của Tập đoàn Bảo Việt, buộc VNS phải thanh toán trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn của các hợp đồng mua trái phiếu. Tập đoàn đã có Đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục Thi hành án các quận nơi VNS và VFC đặt trụ sở. Ngày 18 tháng 10 năm 2023, Chi cục Thi hành án quận Ba Đình đã ra Quyết định thi hành án, buộc VNS phải thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn và lãi chậm trả theo các trái phiếu cho Tập đoàn. Ngày 11 tháng 12 năm 2023, Chi cục Thi hành án quận Hoàn Kiếm đã ra quyết định thi hành án, buộc VFC phải thực hiện thanh toán nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn theo các hợp đồng tiền gửi cho Tập đoàn. Ngày 05 tháng 01 năm 2026, Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 đã ra quyết định về việc tạm đình chỉ thi hành án đối với VNS cho đến khi có quyết định của Tòa án có thẩm quyền về việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản. Tập đoàn hiện vẫn đang tiếp tục phối hợp với các bên liên quan thực hiện công tác thu hồi công nợ của VFC và VNS.

39. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
1.	Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	115.550.717.313	572.671.146.383
2.	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	157.480.332.668	154.126.739.670
3.	Ngoại tệ (USD)	764.294	1.182.193
4.	Chứng khoán lưu ký (VND)	31.096.180.911.400	31.484.227.312.000
5.	Chứng khoán chưa lưu ký (VND)	953.171.522.900	1.153.171.522.900
6.	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VND)	1.346.086.462.575	939.332.428.229
7.	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VND)	252.214.216.350	254.898.389.400
8.	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VND)	7.848.918.822	6.951.543.152
9.	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác (VND)	(1.345.228.954.211)	(938.883.595.003)
10.	Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cho vay ủy thác (VND)	2.699.240.212.423	2.519.762.264.225

40. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Mục tiêu của hoạt động Quản lý rủi ro ("QLRR") tại Tập đoàn và các Công ty con nhằm phòng ngừa, giảm thiểu những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn và các Công ty con.

Hoạt động QLRR được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn và các Công ty con theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị Tập đoàn ("HĐQT") chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn; ban hành quy chế, chiến lược quản lý rủi ro Tập đoàn và thực hiện giám sát hoạt động QLRR toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành chính sách, khẩu vị rủi ro, các hạn mức rủi ro, các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện, quy chế, chiến lược, quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và quy định QLRR được rà soát định kỳ nhằm quản lý rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn ("HĐQLRR") là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của HĐQLRR được tổ chức định kỳ hàng quý nhằm nhận dạng, đánh giá mức độ rủi ro của toàn Tập đoàn, nhận dạng, đánh giá các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn và các Công ty con trong việc quản lý vốn là tuân thủ pháp luật và luôn bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu, duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và bù đắp các rủi ro cố hữu. Ngoài ra, việc quản lý vốn tuân theo các yêu cầu về biên khả năng thanh toán theo luật định và các yêu cầu chiến lược của Tập đoàn.

Tập đoàn và các Công ty con nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông. Các Công ty con quản lý vốn của mình để phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu luật định đồng thời phù hợp với kế hoạch vốn của Tập đoàn.

Các cơ quan quản lý luôn quan tâm đến việc bảo toàn vốn chủ sở hữu, bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý yêu cầu công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đảm bảo thanh toán cho những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

	Biên khả năng thanh toán (triệu VND)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán (%)
Bảo hiểm Bảo Việt			
Tại ngày 31/12/2025	2.692.491	1.916.391	141%
Tại ngày 31/12/2024	2.592.334	1.788.087	145%
Bảo Việt Nhân thọ			
Tại ngày 31/12/2025	9.921.645	9.269.953	107%
Tại ngày 31/12/2024	8.879.831	8.554.813	104%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các Công ty con kinh doanh bảo hiểm được tính toán dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm;
- Rủi ro tài chính, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là các rủi ro phát sinh do biến động các yếu tố kỹ thuật liên quan đến tính phí bảo hiểm và trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Rủi ro bảo hiểm bao gồm các rủi ro liên quan đến tính phí bảo hiểm, rủi ro liên quan đến trích lập dự phòng bồi thường của bảo hiệm phi nhân thọ và rủi ro liên quan đến thảm hoạ. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ.

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng phát sinh nhằm đảm bảo phạm vi và mức độ này nằm trong giới hạn chấp nhận rủi ro đã thiết lập.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Bảo Việt Nhân thọ ban hành Chính sách quản trị rủi ro quy định cơ chế quản lý đối với các rủi ro trọng yếu, trong đó có rủi ro bảo hiểm. Khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ quy định giới hạn, ngưỡng cảnh báo để kiểm soát các rủi ro trọng yếu. Trong đó, rủi ro bảo hiểm được xem xét trên một số khía cạnh rủi ro liên quan đến tính phí bảo hiểm và rủi ro liên quan đến thảm họa. Rủi ro bảo hiểm được nhận diện, đánh giá định kỳ hàng quý để kịp thời đưa ra các giải pháp ứng phó phù hợp, đảm bảo giới hạn cho phép.

Bảo Việt Nhân thọ áp dụng đầy đủ các biện pháp quản lý rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới/điều chỉnh thiết kế sản phẩm hiện tại, bán hàng và chấp nhận bảo hiểm...; xây dựng các quy định sản phẩm, theo dõi kinh nghiệm, giám định và trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm, tái bảo hiểm nhằm đảm bảo thanh toán trách nhiệm theo hợp đồng bảo hiểm và đạt được kết quả kinh doanh bảo hiểm theo dự kiến. Bảo Việt Nhân thọ thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (như bảng tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật, chi phí, các thông số về tổn thất, mức chia lãi/bảo tức), rà soát các rủi ro nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm một cách hợp lý; đảm bảo việc áp dụng đầy đủ các nguyên tắc trong bán hàng và chấp nhận bảo hiểm, giám định, trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm; chú trọng rà soát và quản lý các rủi ro có khả năng xảy ra cao, nguy cơ trục lợi bảo hiểm; thường xuyên đánh giá các rủi ro tích tụ, bảo đảm trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nghiệp vụ và thu xếp tái bảo hiểm.

Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm bằng hạn mức chấp nhận bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro nhận bảo hiểm, đưa ra nguyên tắc định phí/định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm, nguyên tắc đánh giá rủi ro, nguyên tắc giám định xác minh và bồi thường, các quy định, quy trình quản lý hợp đồng và giám sát các vấn đề này sinh, định kỳ đánh giá hiệu quả các sản phẩm và thực hiện các điều chỉnh triển khai sản phẩm cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ (tiếp theo)

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và quản lý rủi ro bảo hiểm. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp kiểm tra sức chịu đựng (stress testing). Các lý thuyết xác suất thống kê và toán học được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định định phí và giả định ước tính tốt nhất nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Bảo Việt Nhân thọ thực hiện tính toán và trích lập các Quỹ dự phòng nghiệp vụ cho các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ theo nguyên tắc như được trình bày tại Thuyết minh 4.16 - các Quỹ dự phòng nghiệp vụ.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Bảo hiểm Bảo Việt đã thường xuyên đánh giá thực trạng, phân tích tác động để đưa ra các quyết định như: điều chỉnh phí bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, mức khấu trừ; ...; điều chỉnh chính sách phân cấp khai thác, bồi thường;.. định phí bảo hiểm theo mức độ tổn thất của rủi ro/nhóm rủi ro được bảo hiểm; các chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt là hướng tới mục tiêu có lợi nhuận bảo hiểm ở phạm vi toàn Bảo hiểm Bảo Việt bằng cách tối đa tại từng địa bàn, chi nhánh, nghiệp vụ, kênh bán hàng, phân khúc khách hàng, sản phẩm, từng hợp đồng bảo hiểm.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động mở rộng loại hình rủi ro chấp nhận bảo hiểm hướng về khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ (bao gồm kênh bán chéo qua đại lý của Bảo Việt Nhân Thọ), Bảo hiểm Bảo Việt đồng thời áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro để quản lý các rủi ro/ nhóm rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm với tần suất cao hoặc mức độ tổn thất lớn hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và ngày càng chi tiết hơn các quy định về chấp nhận bảo hiểm theo từng nghiệp vụ, khu vực địa lý, nhóm khách hàng để tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt đã duy trì chính sách định kỳ đánh giá lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Từ đó, đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ chấp nhận tái tục bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức khấu trừ tương ứng. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo

Đối với các hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, nếu phát sinh thêm rủi ro tín dụng, tức người tham gia bảo hiểm mất khả năng nộp phí bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chủ động chấm dứt hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm để chấm dứt nghĩa vụ phát sinh về phí tái bảo hiểm, thuế, hay về bồi thường nếu xảy ra tổn thất.

Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như bằng các công cụ tái bảo hiểm, đồng bảo hiểm, áp dụng khấu trừ, miễn thường. Trong tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt xem xét ưu tiên các hợp đồng cố định trên cơ sở tỉ lệ hoa hồng tái bảo hiểm, đồng thời hướng tới gia tăng nhận tái bảo hiểm và tăng tỉ lệ giữ lại.

Ở một số địa bàn chính như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng và một số nghiệp vụ như Tài sản kỹ thuật, Xe cơ giới, Y tế, ... Bảo hiểm Bảo Việt đã tập trung công tác giám định, bồi thường tại các trung tâm giám định bồi thường của Tổng công ty. Ở phần còn lại, việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường vẫn tiếp tục được Bảo hiểm Bảo Việt tổ chức thực hiện theo mô hình 2 cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại các trung tâm/bộ phận giám định bồi thường của Tổng công ty; những vụ tổn thất nhỏ và ít phức tạp mà các đơn vị thành viên đã có kinh nghiệm tiếp nhận và giải quyết được xử lý tại các công ty thành viên. Bảo hiểm Bảo Việt cũng chủ trương đẩy nhanh tốc độ xử lý khiếu nại và giải quyết bồi thường để tránh các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định và bồi thường như rủi ro tỉ giá tăng, lạm phát, tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức,...

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục vận hành và cải tiến Trung tâm dịch vụ khách hàng để hỗ trợ tư vấn khai thác bảo hiểm tiếp nhận và lưu chuyển thông tin tổn thất thông qua ứng dụng công nghệ và gia tăng tự động hóa. Bảo hiểm Bảo Việt cũng đã triển khai nhiều ứng dụng phần mềm song song với hoàn thiện mô hình các trung tâm: Trung tâm đánh giá rủi ro trước chi chấp nhận bảo hiểm và cấp đơn, Trung tâm giám định bồi thường để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung cả ở cấp Tổng công ty và cấp Công ty thành viên. Từ đó cũng cho phép Bảo hiểm Bảo Việt ghi nhận thông tin khách hàng, thông tin hợp đồng bảo hiểm, thông tin tổn thất một cách chính xác, kịp thời và thông suốt, phục vụ phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro.

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục đủ lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm bảo hiểm chính của Bảo Việt Nhân thọ đã và đang triển khai và cách thức Bảo Việt Nhân thọ quản lý các rủi ro liên quan.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm từ vong được đảm bảo xác định từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, ngoài ra các sản phẩm có thể cung cấp thêm các quyền lợi bảo vệ khác như thương tật, bệnh lý nghiêm trọng... Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn, quyền lợi nhận giá trị hoàn lại, một số sản phẩm cung cấp thêm quyền lợi định kỳ hay các quyền lợi tiền mặt khác, các tính năng như giảm số tiền bảo hiểm, dừng đóng phí và duy trì với số tiền bảo hiểm giảm.

Các sản phẩm nhân thọ truyền thống bao gồm hai (02) loại: sản phẩm bảo hiểm truyền thống không chia lãi với các quyền lợi được thiết kế là quyền lợi đảm bảo được quy định rõ trong quy tắc, điều khoản sản phẩm; và sản phẩm truyền thống chia lãi trong đó bên cạnh các quyền lợi đảm bảo còn có cấu phần không đảm bảo cho phép bên mua bảo hiểm được tham gia chia lãi tiền mặt hoặc bảo tức.

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

(i) Phản ánh tình hình tài chính của quỹ chủ hợp đồng chia lãi tương ứng của Bảo Việt Nhân thọ;

(ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm;

(iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu; và

(iv) Tuân thủ các quy định liên quan.

Bảo Việt Nhân thọ quyết định mức lãi chia, bảo tức công bố theo hợp đồng trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét thêm các kỳ vọng thích đáng của khách hàng khi xác định mức lãi chia/bảo tức. Mục đích của Bảo Việt Nhân thọ là duy trì tỷ lệ lãi chia/bảo tức ổn định và hợp lý dựa trên tỷ suất lợi nhuận dài hạn của sản phẩm. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia/bảo tức là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và hủy hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt (tiếp theo)

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành. Rủi ro tử vong, thương tật, bệnh tật được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình bán hàng, phát hành hợp đồng bảo hiểm, giám định xác minh và bồi thường bảo hiểm, và theo dõi kinh nghiệm.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm - Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm xác định và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

Sản phẩm liên kết chung cung cấp quyền lợi bảo vệ chính là quyền lợi tử vong và có thể cung cấp thêm các quyền lợi bảo vệ khác như thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Hợp đồng liên kết chung cung cấp lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu, bên cạnh đó một số sản phẩm cung cấp thêm quyền lợi giá trị tài khoản đảm bảo khi hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

Sản phẩm liên kết chung còn cung cấp quyền lợi Duy trì hợp đồng, quyền lợi Gia tăng giá trị tài khoản và một số loại quyền lợi thường khác nhằm gia tăng giá trị cho những hợp đồng có giá trị tài khoản lớn và/hoặc đóng phí bảo hiểm đều đặn, một số quyền lợi khác theo đặc thù sản phẩm chẳng hạn quyền lợi Học vấn cho sản phẩm dành cho trẻ em.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng. Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi xác định kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung.

Các sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện

Các đặc tính sản phẩm - Bảo Việt Nhân thọ đã triển khai 02 sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bao gồm sản phẩm hưu trí nhóm và sản phẩm hưu trí cá nhân cung cấp kế hoạch tài chính cho tuổi nghỉ hưu bên cạnh yếu tố bảo vệ cho các đối tượng khách hàng khác nhau. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn tuổi nghỉ hưu cho Người được bảo hiểm và lựa chọn hình thức đóng góp (một lần hoặc định kỳ đến tuổi nghỉ hưu). Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, khoản đóng góp có thể đến từ cả hai đối tượng Bên mua bảo hiểm và Thành viên được bảo hiểm.

Các quyền lợi chính của các sản phẩm bao gồm quyền lợi hưu trí, quyền lợi bảo hiểm tử vong, quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, quyền lợi trợ cấp mai táng, quyền lợi rút tài khoản, quyền lợi duy trì tài khoản. Khi Người được bảo hiểm đạt tuổi nghỉ hưu, quyền lợi hưu trí sẽ được trích ra từ Giá trị tài khoản hưu trí để chi trả định kỳ trong một khoảng thời gian xác định hoặc đến khi Người được bảo hiểm tử vong, tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm. Quyền lợi tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn có thể được lựa chọn là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm. Quyền lợi trợ cấp mai táng được chi trả ngay lập tức khi Người được bảo hiểm tử vong theo mọi nguyên nhân, và sẽ được đối trừ khi chi trả quyền lợi tử vong hoặc bất kỳ khoản chi trả nào sau đó. Tùy theo điều khoản của từng sản phẩm, Người được bảo hiểm rút tài khoản hoặc chuyển giao tài khoản trong một số trường hợp. Các sản phẩm hưu trí còn cung cấp quyền lợi duy trì tài khoản nhằm gia tăng giá trị cho những tài khoản hưu trí lớn và/hoặc có đóng góp đều đặn.

Lãi suất đầu tư tối thiểu đối với sản phẩm hưu trí tự nguyện được cam kết cho từng năm tài khoản bảo hiểm hưu trí (cam kết "cứng").

Khoản đóng góp thu được sẽ được chuyển vào Quỹ hưu trí tự nguyện của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi Phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý tài khoản bảo hiểm hưu trí sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hưu trí. Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi xác định kết quả đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện. Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, các loại phí có thể được áp dụng khác nhau tùy theo đặc điểm của từng nhóm.

Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe

Các đặc tính sản phẩm - Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đều được đảm bảo quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện rủi ro được bảo hiểm nhưng không có quyền lợi đáo hạn và giá trị hoàn lại. Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không tham gia chia lãi.

Về thời hạn bảo hiểm, Bảo Việt Nhân thọ đang cung cấp hai loại thời hạn đối với sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: tái tục hàng năm (thời hạn bảo hiểm bằng 01 năm) và dài hạn (thời hạn bảo hiểm trên 01 năm).

Rủi ro thương tật, bệnh tật, điều trị nội trú, ngoại trú và nha khoa... được quản lý thông qua việc thiết kế sản phẩm, định phí, quy định về triển khai sản phẩm (như độ tuổi được bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối đa), thực hiện đúng quy trình bán hàng, phát hành hợp đồng bảo hiểm, giám định xác minh và bồi thường, theo dõi kinh nghiệm.

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Bảo hiểm Bảo Việt tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ Tài chính về nợ phí bảo hiểm và xử lý nợ phí bảo hiểm, thực hiện các chính sách quản trị để hạn chế việc bị chiếm dụng dòng tiền.

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách quản lý dòng tiền theo hướng đảm bảo được thanh khoản, đáp ứng nhu cầu chi bồi thường và tận dụng tối đa nguồn tiền nhàn rỗi để sinh lợi.

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm

Các yếu tố tác động đến lợi nhuận và nguồn vốn

Hoạt động bảo hiểm, cùng với hoạt động đầu tư là hai hoạt động sinh lợi chính của Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó hoạt động bảo hiểm tuy chỉ đóng góp phần nhỏ hơn vào tổng lợi nhuận. Tuy vậy, dòng tiền từ hoạt động bảo hiểm chính là nguồn vốn chính tạo ra lợi nhuận cho hoạt động đầu tư.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố như lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong, chi phí hoạt động. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá/định phí dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải.

Tích tụ rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro với hàng hóa, thân tàu thủy, hàng không, năng lượng, tài sản, tai nạn con người, kỹ thuật,... Do vậy, rủi ro tích tụ không chỉ từ cùng nhóm rủi ro, mà còn từ các nhóm rủi ro có liên quan, chẳng hạn như nhóm rủi ro tàu và hàng hóa, rủi ro tài sản và tai nạn con người,... Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện các chính sách, quy trình khai thác để quản lý rủi ro tích tụ và duy trì các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm của mình trước các rủi ro tích tụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Tích tụ rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Rủi ro tích tụ bảo hiểm là tình trạng một sự kiện đơn lẻ hoặc một nhóm các sự kiện có liên quan gây ra tổn thất đồng thời cho rất nhiều hợp đồng bảo hiểm trong cùng một danh mục. Đối với bảo hiểm nhân thọ, đa số danh mục hợp đồng là hợp đồng cá nhân với danh mục người được bảo hiểm phân hóa đa dạng do đó rủi ro tích tụ là không quá trọng yếu.

Chiến lược bán hàng của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đảm bảo rằng những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các đánh giá y tế để đảm bảo rằng việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định phí các sản phẩm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp.

Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ có quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ củng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm là một công cụ quản lý rủi ro quan trọng và hữu hiệu tại Bảo hiểm Bảo Việt. Chương trình tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời. Các đối tác tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt đều là các công ty bảo hiểm có xếp hạng tín nhiệm tốt và đã có quan hệ hợp tác lâu dài với Bảo hiểm Bảo Việt như Munich Re, Swiss Re,... Các hợp đồng tái bảo hiểm đã tăng khả năng bảo hiểm cho Bảo hiểm Bảo Việt, bảo vệ Bảo hiểm Bảo Việt trước các rủi ro và tổn thất lớn, cũng như hỗ trợ tích cực cho Bảo hiểm Bảo Việt trong việc đảm bảo biên khả năng thanh toán.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện giảm thiểu rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, kinh nghiệm của Bảo Việt Nhân thọ. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm hoặc theo thỏa thuận, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Bảo Việt Nhân thọ phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với chủ hợp đồng kể cả khi bên nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ. Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro đối tác/tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, Bảo Việt Nhân thọ chỉ thiết lập thỏa thuận tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Ước tính quyền lợi bảo hiểm

Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng còn nhiều biến động phức tạp, hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là rủi ro bảo hiểm. Bảo Việt Nhân thọ luôn chú trọng theo dõi chặt chẽ biến động tỷ lệ rủi ro, theo dõi kinh nghiệm để rà soát, đánh giá, cân nhắc điều chỉnh các giả định tính phí phù hợp, kết hợp với điều chỉnh linh hoạt các quy định về đánh giá rủi ro. Trên cơ sở các giải pháp đã được triển khai, rủi ro bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ được kiểm soát trong mức độ chấp nhận rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng đến quy trình từ ghi nhận thông tin tổn thất, ước tính, tổn thất và quản lý dữ liệu tổn thất và bồi thường.

Trong năm 2025, Bảo hiểm Bảo Việt đã tiếp tục cải thiện việc ứng dụng công nghệ để tự động hoá một số khâu trong quy trình tiếp nhận khiếu nại, ước tính tổn thất và giải quyết bồi thường.

41.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

41.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là nguy cơ xảy ra tổn thất do khách hàng hoặc đối tác không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ tài chính đến hạn theo cam kết với Tập đoàn và các công ty con.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn và các công ty con có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác) và hoạt động kinh doanh khác. Ban Điều hành đã ban hành khung quản lý rủi ro tín dụng để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

Tín dụng bảo hiểm

Rủi ro tín dụng bảo hiểm là nguy cơ người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm. Rủi ro này phát sinh chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt. Trong khi Bảo hiểm Bảo Việt chưa thu được phí bảo hiểm vẫn chi trả phí liên quan đến hợp đồng và có thể phải trả thuế GTGT.

Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành các quy định và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về cho nợ phí và quản lý nợ phí bảo hiểm.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ cũng phải đối mặt với rủi ro các nhà nhận tái bảo hiểm không thanh toán phần trách nhiệm của họ. Để giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ chỉ nhượng tái bảo hiểm cho các công ty nhận đạt xếp hạng tín nhiệm cao theo xếp hạng của các xếp hạng quốc tế theo quy định hiện hành của Việt Nam, đồng thời định kỳ đánh giá năng lực và cập nhật xếp hạng hàng năm của các công ty nhận tái bảo hiểm.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị xuống hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Tập đoàn đã sửa đổi, bổ sung Quy định về việc chấm điểm, phân loại và xác định hạn mức đầu tư tiền gửi đối với ngân hàng thương mại và công ty tài chính kèm theo Quyết định số 445/2025/QĐ-TĐBV ngày 18 tháng 4 năm 2025. Quy định này được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở vận dụng Thông tư số 52/2018/TT-NHNN (TT52) ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Thông tư số 23/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 (sửa đổi, bổ sung TT 52) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; và khẩu vị rủi ro của Tập đoàn và các công ty con để chuẩn hóa mô hình phân tích tín dụng nội bộ áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con. Tập đoàn và các công ty con ban hành hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Tập đoàn được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng QLRR Tập đoàn và các công ty con rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 *Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được mệnh giá trái phiếu và lãi trái phiếu của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; ban hành Quy định của Tập đoàn về quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp kèm theo Quyết định số 1129/2020/QĐ-TĐBV ngày 27 tháng 8 năm 2020 nhằm quản lý các rủi ro phát sinh liên quan đến trái phiếu, tài sản đảm bảo và tổ chức phát hành.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành thành lập Hội đồng xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi và tiến hành xử lý tài sản đảm bảo (nếu có).

Trái phiếu Chính phủ có mức rủi ro thấp và đang chiếm phần lớn trong danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Rủi ro tín dụng trong hoạt động giao dịch ký quỹ xảy ra khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của khoản vay ký quỹ dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC tiếp tục duy trì các chính sách quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng:

(i) Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành;

(ii) Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán. Thường xuyên cập nhật thông tin cổ phiếu trên thị trường để sớm nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài;

(iii) Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, thực hiện công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và tiến hành công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho BVSC trong quá trình cho vay ký quỹ.

Rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ được đánh giá ở mức trung bình.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn đánh giá rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ	Bị giảm giá trị riêng lẻ (*)	Tổng
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.194.683	-	-	4.194.683
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	611.804	72.730	9.075	693.609
Phải thu tái bảo hiểm	405.784	19.601	12.018	437.403
Tài sản tái bảo hiểm	3.682.410	-	-	3.682.410
Các khoản phải thu khác	81.047	-	-	81.047
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*77.804*	-	-	*77.804*
- *Phải thu cổ tức*	*3.243*	-	-	*3.243*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	261.732.535	-	-	261.732.535
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*150.959.133*	-	-	*150.959.133*
- *Trái phiếu*	*110.773.402*	-	-	*110.773.402*
Chứng khoán kinh doanh	165.983	-	-	165.983
- *Trái phiếu*	*165.983*	-	-	*165.983*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	9.426.431	-	-	9.426.431
Các tài sản khác	(251.526)	-	-	(251.526)
TỔNG CỘNG	**280.049.151**	**92.331**	**21.093**	**280.162.575**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ	Bị giảm giá trị riêng lẻ (*)	Tổng
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.464.088	-	-	1.464.088
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	595.007	46.839	11.159	653.005
Phải thu tái bảo hiểm	467.159	39.300	946	507.405
Tài sản tái bảo hiểm	3.558.134	-	-	3.558.134
Các khoản phải thu khác	76.180	-	-	76.180
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*68.289*	-	-	*68.289*
- Phải thu cổ tức	*7.891*	-	-	*7.891*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	225.861.139	-	-	225.861.139
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*128.016.619*	-	-	*128.016.619*
- Trái phiếu	*97.844.520*	-	-	*97.844.520*
Chứng khoán kinh doanh	50.097	-	-	50.097
- Trái phiếu	*50.097*	-	-	*50.097*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	8.234.461	-	-	8.234.461
Các tài sản khác	(412.826)	-	392.964	(19.862)
TỔNG CỘNG	**239.893.439**	**86.139**	**405.069**	**240.384.647**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

Các tài sản của Tập đoàn chưa quá hạn và không giảm giá trị bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác chưa quá hạn và không giảm giá trị.

Trong đó:

- *Chưa quá hạn và không giảm giá trị:* các tài sản hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- *Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ:* các tài sản với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- *Bị giảm giá trị riêng lẻ:* các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi đầy đủ lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu. Trong tổng tài sản quá hạn, Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ đối với những khoản nợ đã đủ cơ sở xóa nợ nhưng không thu được. Đối với những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện. Đối với những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

41.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính đến hạn do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn hoặc có khả năng thực hiện các cam kết tài chính đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện nghĩa vụ cam kết đó.

Mục tiêu của Tập đoàn là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có ("ALCO"). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp. Thanh khoản toàn Tập đoàn được đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 *Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	4.194.683	-	-	4.194.683
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	81.805	-	611.804	-	-	693.609
Phải thu tái bảo hiểm	31.619	-	405.783	-	-	437.402
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	3.682.410	-	-	3.682.410
Các khoản phải thu khác	-	-	81.047	-	-	81.047
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	-	-	*77.804*	-	-	*77.804*
- *Phải thu cổ tức*	-	-	*3.243*	-	-	*3.243*
Đầu tư tài chính	-	4.994.800	131.988.608	64.440.379	148.487.686	349.911.473
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	131.865.008	62.347.679	148.487.686	342.700.373
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	-	-	*126.003.047*	*29.857.034*	-	*155.860.081*
- *Trái phiếu*	-	-	*5.861.961*	*32.490.645*	*148.487.686*	*186.840.292*
Chứng khoán kinh doanh	-	3.747.227	123.600	2.092.700	-	5.963.527
- *Cổ phiếu niêm yết*	-	*3.381.665*	-	-	-	*3.381.665*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	-	*40.519*	-	-	-	*40.519*
- *Chứng chỉ quỹ*	-	*325.043*	-	-	-	*325.043*
- *Trái phiếu*	-	-	*123.600*	*2.092.700*	-	*2.216.300*
Đầu tư tài chính khác	-	1.247.573	-	-	-	1.247.573
Cho vay và tạm ứng khách hàng	-	-	9.426.431	-	-	9.426.431
Các tài sản khác	-	-	(251.526)	-	-	(251.526)
TỔNG CỘNG	**113.424**	**4.994.800**	**150.139.240**	**64.440.379**	**148.487.686**	**368.175.529**

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	18	-	(1.101.897)	27.710.269	166.787.311	193.395.701
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.935.034	-	-	1.935.034
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	960.337	-	-	960.337
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	57.851.691	-	-	57.851.691
- *Nhận ký quỹ*	-	-	*299.900*	-	-	*299.900*
- *Khác*	-	-	*57.551.791*	-	-	*57.551.791*
TỔNG CỘNG	**18**	**-**	**59.645.165**	**27.710.269**	**166.787.311**	**254.142.763**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	1.464.088	-	-	1.464.088
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	57.998	-	595.007	-	-	653.005
Phải thu tái bảo hiểm	40.246	-	467.158	-	-	507.404
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	3.558.134	-	-	3.558.134
Các khoản phải thu khác	-	-	76.180	-	-	76.180
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	-	-	*68.289*	-	-	*68.289*
- *Phải thu cổ tức*	-	-	*7.891*	-	-	*7.891*
Đầu tư tài chính	-	4.454.172	104.730.732	46.592.868	111.297.358	267.075.130
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	104.730.732	46.592.868	111.297.358	262.620.958
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	-	-	*101.310.207*	*31.041.686*	-	*132.351.893*
- *Trái phiếu*	-	-	*3.420.525*	*15.551.182*	*111.297.358*	*130.269.065*
Chứng khoán kinh doanh	-	3.407.291	-	-	-	3.407.291
- *Cổ phiếu niêm yết*	-	*3.079.563*	-	-	-	*3.079.563*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	-	*35.848*	-	-	-	*35.848*
- *Chứng chỉ quỹ*	-	*291.880*	-	-	-	*291.880*
- *Trái phiếu*	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	-	1.046.881	-	-	-	1.046.881
Cho vay và tạm ứng khách hàng	-	-	8.234.461	-	-	8.234.461
Các tài sản khác	392.964	-	(412.826)	-	-	(19.862)
TỔNG CỘNG	**491.208**	**4.454.172**	**118.712.934**	**46.592.868**	**111.297.358**	**281.548.540**

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	26	-	(4.781.166)	(953.771)	17.958.803	12.223.892
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.478.589	-	-	1.478.589
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	891.805	-	-	891.805
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	35.544.696	-	-	35.544.696
- *Nhận ký quỹ*	-	-	*294.056*	-	-	*294.056*
- *Khác*	-	-	*35.250.640*	-	-	*35.250.640*
TỔNG CỘNG	**26**	**-**	**33.133.924**	**(953.771)**	**17.958.803**	**50.138.982**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Đơn vị: triệu VND

Biến động	*Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế*
Năm nay	
+10%	(23.728.403.638)
- 10%	23.728.403.638
Năm trước	
+10%	(22.019.856.181)
- 10%	22.019.856.181

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai. Lãi suất tiền gửi bình quân của danh mục toàn Tập đoàn ổn định ở mức thấp, làm ảnh hưởng đến doanh thu tái đầu tư của danh mục lãi suất cố định. Tập đoàn thực hiện cân đối dòng tiền, danh mục đầu tư, thực hiện đầu tư với kỳ hạn phù hợp để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là nguy cơ giảm giá trị danh mục cổ phiếu đầu tư do giá cổ phiếu niêm yết, giá cổ phiếu chưa niêm yết biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Rủi ro giá cổ phiếu có nguy cơ khi đầu tư quá nhiều vào một ngành, một công ty hoặc một nhóm công ty có chung chủ sở hữu. Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc xây dựng quy định hạn mức vào một ngành, một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro hệ thống đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường.

Trong năm 2025, thị trường chứng khoán tiếp tục biến động. Tập đoàn thực hiện chiến lược thận trọng trong đầu tư cổ phiếu và duy trì tỷ trọng ở mức tương đối hợp lý trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

Đơn vị: triệu VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2025	**HOSE**	**HNX**	**Tổng**
Giá trị sổ sách	3.479.149	372.609	3.851.758
Giá trị thị trường	6.275.502	774.507	7.050.010
VaR (95%, 01 ngày)	(123.306)	(13.656)	(136.962)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	52.834	1.270	54.104
VaR (95%, 01 tuần)	(275.720)	(30.536)	(306.256)
VaR (95%, 01 tháng)	(578.355)	(64.054)	(642.408)
VaR (95%, 01 năm)	(1.957.417)	(216.787)	(2.174.204)
Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2024	**HOSE**	**HNX**	**Tổng**
Giá trị sổ sách	3.139.477	372.639	3.512.117
Giá trị thị trường	5.890.368	768.290	6.658.658
VaR (95%, 01 ngày)	(99.673)	(15.408)	(115.082)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	48.214	2.660	50.874
VaR (95%, 01 tuần)	(222.876)	(34.454)	(257.330)
VaR (95%, 01 tháng)	(467.509)	(72.271)	(539.780)
VaR (95%, 01 năm)	(1.582.263)	(244.600)	(1.826.863)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 01 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 136,962 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 136,962 tỷ đồng.

VaR (95%, 01 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cao hơn VaR (95%, 01 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024; tỷ lệ phần trăm của VaR (95%, 01 ngày) so với giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1,94%) cao hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1,73%).

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress testing" để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX-Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Đơn vị: triệu VND

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của danh mục cổ phiếu niêm yết (*)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Kịch bản 1	+10%	44.517
Kịch bản 2	-10%	(100.562)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
Kịch bản 1	+10%	43.082
Kịch bản 2	-10%	(61.760)

(*) Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu niêm yết có giá thị trường giảm xuống dưới giá gốc.

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Biến động giá trị tài sản ròng (NAV) chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các công ty con đầu tư và quản lý cũng được Tập đoàn và BVF xem xét, rà soát và đánh giá thường xuyên. NAV trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đầu tư, khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán của chứng chỉ quỹ nếu thực hiện thanh hoán hoặc có thể phải trích lập dự phòng/dự phòng bổ sung khi duy trì nắm giữ trong danh mục.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua quá trình nghiên cứu thẩm định theo tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, BVF theo dõi chặt chẽ về những biến động và xu hướng của nền kinh tế cũng như cập nhật thường xuyên về kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để có những chiến lược đầu tư hợp lý.

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

   (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

   (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

   (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính *(tiếp theo)*

- *Các khoản cho vay và phải thu: (tiếp theo)*

  c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- *Tài sản sẵn sàng để bán:*

  Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

  a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

  b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

  c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

  Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

  a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

     (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

     (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

     (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

  b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:*

  Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý
	Nguyên giá	Dự phòng giảm giá trị	Giá trị thuần	
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	262.946.767	(1.195.068)	261.751.699	266.513.525
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*151.320.056*	*(360.922)*	*150.959.134*	*152.007.358*
- Trái phiếu	*111.626.711*	*(834.146)*	*110.792.565*	*114.506.167*
Chứng khoán kinh doanh	4.083.130	(169.920)	3.913.210	7.120.607
- Cổ phiếu niêm yết	*3.528.253*	*(146.588)*	*3.381.665*	*6.220.438*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	*63.828*	*(23.309)*	*40.519*	-
- Chứng chỉ quỹ	*325.066*	*(23)*	*325.043*	*734.173*
- Trái phiếu	*165.983*	-	*165.983*	*165.996*
Đầu tư tài chính khác	1.329.450	(81.877)	1.247.573	2.351.908
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	9.451.969	(96.701)	9.355.268	9.355.268
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	796.024	(102.414)	693.610	692.909
Phải thu tái bảo hiểm	447.576	(10.173)	437.403	437.403
Tài sản tái bảo hiểm	3.682.410	-	3.682.410	3.682.410
Phải thu khác	165.056	(335.536)	(170.480)	(170.480)
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*77.804*	-	*77.804*	*77.804*
- Phải thu cổ tức	*3.243*	-	*3.243*	*3.243*
- Khác	*84.009*	*(335.536)*	*(251.527)*	*(251.527)*
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.194.683	-	4.194.683	4.194.683
TỔNG CỘNG	**287.097.065**	**(1.991.689)**	**285.105.376**	**294.178.233**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý
	Nguyên giá	Dự phòng giảm giá trị	Giá trị thuần	
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	227.347.655	(1.467.352)	225.880.303	245.652.700
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*128.459.219*	*(442.600)*	*128.016.619*	*128.818.521*
- *Trái phiếu*	*98.888.436*	*(1.024.752)*	*97.863.684*	*116.834.179*
Chứng khoán kinh doanh	3.660.368	(202.980)	3.457.388	6.298.027
- *Cổ phiếu niêm yết*	*3.207.279*	*(127.716)*	*3.079.563*	*5.612.608*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*80.044*	*(44.196)*	*35.848*	*37.464*
- *Chứng chỉ quỹ*	*291.880*	-	*291.880*	*597.858*
- *Trái phiếu*	*81.165*	*(31.068)*	*50.097*	*50.097*
Đầu tư tài chính khác	1.109.388	(62.507)	1.046.881	1.895.585
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	8.246.332	(68.575)	8.177.757	8.177.757
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	753.404	(100.398)	653.006	663.768
Phải thu tái bảo hiểm	512.076	(4.672)	507.404	507.403
Tài sản tái bảo hiểm	3.558.134	-	3.558.134	3.558.134
Phải thu khác	130.585	(74.268)	56.317	56.317
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*68.289*	-	*68.289*	*68.289*
- *Phải thu cổ tức*	*7.891*	-	*7.891*	*7.891*
- *Khác*	*54.405*	*(74.268)*	*(19.863)*	*(19.863)*
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.464.088	-	1.464.088	1.464.088
TỔNG CỘNG	**246.782.030**	**(1.980.752)**	**244.801.278**	**268.273.779**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Đơn vị: triệu VND

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	195.324.310	195.324.310
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	1.632.639	1.632.639
Phải trả tái bảo hiểm	1.000.791	1.000.791
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	57.851.691	57.851.691
- *Nhận ký quỹ*	*299.900*	*299.900*
- *Khác*	*57.551.791*	*57.551.791*
Tổng cộng	**255.809.431**	**255.809.431**
Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	180.710.017	180.710.017
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	1.478.589	1.478.589
Phải trả tái bảo hiểm	891.805	891.805
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	35.544.696	35.544.696
- *Nhận ký quỹ*	*294.056*	*294.056*
- *Khác*	*35.250.640*	*35.250.640*
Tổng cộng	**218.625.107**	**218.625.107**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày lập báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý (tiếp theo):

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.
- Đối với các tài sản bị suy giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.
- Đối với đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

43. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	**Ông Ông Tiến Hùng**	**Ông Nguyễn Xuân Hòa**	**Ông Nguyễn Quang Phi**
Người lập	Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	Kế toán Trưởng	Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Số tham chiếu: 11623354/E-68737085-SMY

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 441 đến trang 443, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) này tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 31 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính riêng này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) của Tập đoàn. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt của Tập đoàn cho mục đích công bố thông tin và lập báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn đã được kiểm toán - đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) đã được kiểm toán, phù hợp với quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2023-004-1

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số		TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**5.211.152.038.018**	**4.622.673.138.468**
110	*I.*	*Tiền và các khoản tương đương tiền*	*77.921.603.736*	*121.632.333.139*
111	1.	Tiền	77.921.603.736	71.632.333.139
112	2.	Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
120	*II.*	*Đầu tư tài chính ngắn hạn*	*3.192.063.124.199*	*2.665.063.124.199*
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	62.063.124.199	62.063.124.199
123	2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.130.000.000.000	2.603.000.000.000
130	*III.*	*Các khoản phải thu ngắn hạn*	*1.889.768.759.733*	*1.809.087.200.543*
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.886.313.089.914	1.794.993.852.490
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.454.704.950	9.090.746.559
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	1.000.964.869	5.002.601.494
140	*IV.*	*Hàng tồn kho*	*214.423.700*	-
141	1.	Hàng tồn kho	214.423.700	-
150	*V.*	*Tài sản ngắn hạn khác*	*51.184.126.650*	*26.890.480.587*
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	42.179.636.553	22.040.189.531
153	2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.004.490.097	4.799.193.856
155	3.	Tài sản ngắn hạn khác	-	51.097.200
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**13.545.202.805.934**	**13.643.015.884.836**
210	*I.*	*Các khoản phải thu dài hạn*	*784.180.000*	-
216	1.	Phải thu dài hạn khác	784.180.000	-
220	*II.*	*Tài sản cố định*	*395.610.280.665*	*524.915.242.838*
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	81.328.830.250	115.858.732.963
222		*Nguyên giá*	*678.805.431.764*	*679.523.453.628*
223		*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(597.476.601.514)*	*(563.664.720.665)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	314.281.450.415	409.056.509.875
228		*Nguyên giá*	*823.914.541.952*	*823.882.924.394*
229		*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(509.633.091.537)*	*(414.826.414.519)*
230	*III.*	*Bất động sản đầu tư*	*96.158.294.187*	*105.715.275.663*
231	1.	Nguyên giá	238.924.536.904	238.924.536.904
232	2.	Giá trị hao mòn lũy kế	(142.766.242.717)	(133.209.261.241)
240	*IV.*	*Đầu tư tài chính dài hạn*	*27.034.765.884*	*25.988.694.226*
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.034.765.884	25.988.694.226
250	*V.*	*Đầu tư tài chính dài hạn*	*13.008.304.342.720*	*12.975.695.039.458*
251	1.	Đầu tư vào công ty con và BVIF	10.352.286.148.720	10.352.286.148.720
252	2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.138.200.000.000	2.138.200.000.000
253	3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	517.818.194.000	521.335.637.261
254	4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(36.126.746.523)
260	*VI.*	*Tài sản dài hạn khác*	*17.310.942.478*	*10.701.632.651*
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	17.310.942.478	10.701.632.651
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**18.756.354.843.952**	**18.265.689.023.304**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**	**225.831.341.082**	**194.428.398.593**
310	*I.*	*Nợ ngắn hạn*	*211.087.327.987*	*194.428.398.593*
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	18.909.782.604	18.988.014.958
313	2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.989.709.764	5.613.348.278
314	3.	Phải trả người lao động	86.807.227.411	70.508.318.036
315	4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	10.478.603.188	3.878.721.945
318	5.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	263.636.364	-
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	54.030.423.543	73.369.181.111
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	1.677.987.000
322	8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.607.945.113	20.392.827.265
330	*II.*	*Nợ dài hạn*	*14.744.013.095*	-
337	1.	Phải trả dài hạn khác	14.744.013.095	-
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**18.530.523.502.870**	**18.071.260.624.711**
410	*I.*	*Vốn chủ sở hữu*	*18.530.523.502.870*	*18.071.260.624.711*
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
411a	-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*7.423.227.640.000*	*7.423.227.640.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
418	3.	Quỹ đầu tư phát triển	2.511.359.715.015	2.157.304.870.704
421	4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.285.477.405.048	1.180.269.371.200
421a	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*64.186.093*	*86.556.830*
421b	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*1.285.413.218.955*	*1.180.182.814.370*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**18.756.354.843.952**	**18.265.689.023.304**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
01	1.	Doanh thu hoạt động kinh doanh	1.826.965.065.396	1.691.959.465.878
11	2.	Chi phí hoạt động kinh doanh	(327.019.274.143)	(326.492.727.319)
20	**3.**	**Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh**	**1.499.945.791.253**	**1.365.466.738.559**
26	4.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(215.761.759.838)	(185.830.435.327)
30	**5.**	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**1.284.184.031.415**	**1.179.636.303.232**
31	6.	Thu nhập khác	1.410.600.807	690.307.089
32	7.	Chi phí khác	(181.413.267)	(143.795.951)
40	**8.**	**Lợi nhuận khác**	**1.229.187.540**	**546.511.138**
50	**9.**	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**1.285.413.218.955**	**1.180.182.814.370**
51	**10.**	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	-	-
60	**11.**	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.285.413.218.955**	**1.180.182.814.370**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		
01	1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.756.665.227.884	1.200.263.202.574
	-	*Thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, thu từ bán chứng khoán kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*	*1.347.602.101.222*	*812.453.539.015*
	-	*Tiền thu từ cung cấp dịch vụ khác*	*409.063.126.662*	*387.809.663.559*
02	2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	(228.949.085.635)	(172.037.024.903)
03	3.	Tiền chi trả cho người lao động	(150.556.711.687)	(157.358.963.658)
04	4.	Tiền lãi vay đã trả	(42.300.549)	(659.175.312)
06	5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	19.419.235.157	13.051.908.006
07	6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(140.496.916.886)	(134.230.592.143)
20		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**1.256.039.448.284**	**749.029.354.564**
	II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		
21	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.235.785.294)	(21.715.945.616)
23	2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.095.000.000.000)	(4.148.000.000.000)
24	3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	568.000.000.000	1.545.000.000.000
26	4.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.381.179.750	-
30		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**	**(514.854.605.544)**	**(2.624.715.945.616)**
	III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		
34	1.	Tiền trả nợ gốc vay	(1.677.987.000)	(13.101.124.500)
36	2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(783.224.748.303)	(745.069.356.247)
40		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**	**(784.902.735.303)**	**(758.170.480.747)**
50		**Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)**	**(43.717.892.563)**	**(2.633.857.071.799)**
60		**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**121.632.333.139**	**2.755.478.660.198**
61		Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	7.163.160	10.744.740
70		**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**77.921.603.736**	**121.632.333.139**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

31 THÁNG 12 NĂM 2025



THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	2025 VND	2024 VND
Thu phí bảo hiểm	44.116.154.680.590	42.809.347.082.067
Phí nhượng tái bảo hiểm	(3.808.522.584.311)	(3.512.320.192.983)
Thu ròng về phí bảo hiểm	**40.307.632.096.279**	**39.297.026.889.084**
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	(183.966.612.514)	(170.843.210.040)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	**40.123.665.483.765**	**39.126.183.679.044**
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	**776.403.692.982**	**683.359.206.283**
Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	**48.182.225.067**	**13.632.798.321**
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**40.948.251.401.814**	**39.823.175.683.648**
Doanh thu lãi	12.799.214.523.272	12.151.918.136.966
Lãi/(lỗ) ròng từ tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	73.500.073.218	(51.658.442.888)
Lãi/(lỗ) ròng phát sinh từ việc ngừng ghi nhận các tài sản tài chính AFS	117.364.747.428	128.747.279.694
Doanh thu tài chính khác	791.510.297.827	703.196.860.455
Lãi/(lỗ) suy giảm các tài sản tài chính	(41.493.578.758)	(30.630.192.590)
Lãi/(lỗ) từ chênh lệch tỷ giá	(13.542.742.680)	(13.928.156.147)
Doanh thu từ hoạt động tài chính	**13.726.553.320.307**	**12.887.645.485.490**
Doanh thu hoạt động khác	615.064.306.861	585.711.040.194
Tổng doanh thu khác	**14.341.617.627.168**	**13.473.356.525.684**
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	**55.289.869.028.982**	**53.296.532.209.332**
Chi bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm	(22.108.753.902.783)	(20.147.363.702.808)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.376.404.078.748	1.185.989.939.621
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(15.406.482.986.192)	(18.844.198.367.675)
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hoãn lại cho chủ hợp đồng	3.552.099.942	(405.944.029.232)
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	678.052.573.158	397.550.272.777

	2025 VND	2024 VND
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	**(35.457.228.137.127)**	**(37.813.965.887.317)**
Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm	(3.098.781.623.820)	(2.684.923.035.923)
Chi nhận tái bảo hiểm khác	(1.592.414.049)	(139.206.501)
Chi nhượng tái bảo hiểm khác	(1.497.607.403)	(3.651.781.547)
Chi phí bán hàng	(1.674.852.380.539)	(1.346.798.811.485)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(8.671.696.908.931)	(7.094.169.952.250)
Chi phí tài chính	(2.252.062.445.499)	(1.485.095.246.499)
Chi phí hoạt động khác	(635.163.095.535)	(549.708.237.206)
Tổng hoa hồng và chi phí	**(16.335.646.475.776)**	**(13.164.486.271.411)**
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	**(51.792.874.612.903)**	**(50.978.452.158.728)**
LỢI NHUẬN TRƯỚC PHẦN LỢI NHUẬN Ở CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	**3.496.994.416.079**	**2.318.080.050.604**
Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh thuộc về Tập đoàn	701.308.584.726	38.052.760.921
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**4.198.303.000.805**	**2.356.132.811.525**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(759.066.974.606)	(395.561.609.061)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**3.439.236.026.199**	**1.960.571.202.464**
LỢI NHUẬN SAU THUẾ THUỘC VỀ:		
Cổ đông của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt	3.337.780.708.072	1.870.494.803.171
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	101.455.318.127	90.076.399.293
LÃI TRÊN CỔ PHIẾU:		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.496	2.462
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.496	2.462

M.S.D.N: 0100111761 - CTCP TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2026

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	2025 VND	2024 VND
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**3.439.236.026.199**	**1.960.571.202.464**
Thu nhập toàn diện khác trong năm		
Phần thu nhập toàn diện khác sẽ được phân loại sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong những năm tiếp theo		
Thay đổi ròng của quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(2.896.961.397.180)	1.535.338.453.991
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập toàn diện khác	597.285.891.933	(281.918.831.274)
	(2.299.675.505.247)	**1.253.419.622.717**
Phần thu nhập toàn diện khác không được phân loại sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong những năm tiếp theo		
Chênh lệch đánh giá lại Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	6.869.668.948	5.038.432.802
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	(1.373.933.789)	(1.007.686.561)
	5.495.735.159	**4.030.746.241**
Thu nhập toàn diện khác trong năm sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(2.294.179.770.088)**	**1.257.450.368.958**
Tổng thu nhập toàn diện trong năm sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.145.056.256.111**	**3.218.021.571.422**
Tổng thu nhập toàn diện trong năm thuộc về:		
Cổ đông của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt	1.034.486.762.286	3.123.189.519.105
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	110.569.493.825	94.832.052.317

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản		
Tài sản cố định hữu hình	880.479.371.969	946.249.856.731
Bất động sản đầu tư	98.404.938.081	106.665.907.136
Tài sản cố định vô hình	557.286.884.264	629.216.719.783
Quyền sử dụng tài sản	807.837.356.676	665.743.696.451
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	619.813.322.942	581.867.688.103
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.888.232.376.619	1.250.074.127.029
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định		
Sẵn sàng để bán	*77.645.097.128.162*	*89.294.930.140.123*
Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	*165.995.780.780*	*50.096.953.403*
Cho vay và phải thu	*192.825.587.257.555*	*158.279.376.251.956*
Chứng khoán vốn		
Sẵn sàng để bán	*8.558.567.213.574*	*7.901.019.864.682*
Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	*517.989.718.415*	*367.383.007.578*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	410.252.114.210	535.042.484.668
Phải thu về hoạt động bảo hiểm	1.133.080.656.879	1.161.954.822.737
Tài sản tái bảo hiểm	7.716.856.351.114	6.834.961.063.512
Các khoản trả trước và tài sản khác	5.627.514.077.670	5.477.025.449.955
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	9.014.490.097	4.809.122.226
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.194.682.648.364	1.464.088.127.113
TỔNG TÀI SẢN	**303.656.691.687.371**	**275.550.505.283.186**
Vốn chủ sở hữu		
Vốn điều lệ	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	8.764.403.107.607	8.764.403.107.607
Lợi nhuận chưa phân phối	1.057.452.166.683	(358.410.458.268)
Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	3.079.078.848.121	5.387.831.276.658
Quỹ chênh lệch tỷ giá	15.445.192.000	15.445.192.000
Quỹ đầu tư phát triển	3.869.219.047.055	2.933.853.033.569
Quỹ dự trữ bắt buộc	812.949.264.697	797.932.384.636
Quỹ khác	103.568.802.818	103.568.802.818
Tổng vốn chủ sở hữu	**25.125.344.068.981**	**25.067.850.979.020**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	**1.103.815.553.902**	**1.023.369.752.703**
TỔNG VỐN	**26.229.159.622.883**	**26.091.220.731.723**

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Nợ phải trả		
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	207.358.183.204.592	191.563.890.891.442
Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	4.555.162.998.024	15.404.120.828.403
Dự phòng trợ cấp thôi việc làm	32.449.740.571	38.675.721.638
Doanh thu hoãn lại	422.050.433.228	382.055.501.051
Phải trả theo các hợp đồng Repo và phải trả tài chính khác	57.334.749.698.205	35.053.408.081.191
Người mua trả tiền trước	4.044.580.000	21.186.000.000
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	344.317.471.858	211.453.081.628
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	449.999.670.537	1.046.858.559.381
Phải trả hoạt động bảo hiểm	2.633.429.910.790	2.370.393.614.148
Phải trả thuê hoạt động	391.765.646.630	262.130.573.096
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	3.901.378.710.053	3.105.111.699.485
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**277.427.532.064.488**	**249.459.284.551.463**
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	**303.656.691.687.371**	**275.550.505.283.186**

M.S.D.N: 0100111761 - CTCP TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2026

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VND	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác (**) VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**7.423.227.640.000**	**8.764.403.107.607**	**(358.410.458.268)**	**5.387.831.276.658**	**15.445.192.000**	**2.933.853.033.569**	**797.932.384.636**	**103.568.802.818**	**25.067.850.979.020**	**1.023.369.752.703**	**26.091.220.731.723**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	(783.224.748.303)	-	-	-	-	-	(783.224.748.303)	-	(783.224.748.303)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(145.896.617.372)	-	-	-	-	-	(145.896.617.372)	(4.136.952.057)	(150.033.569.429)
Của Công ty mẹ (***)	-	-	*(42.925.592.493)*	-	-	-	-	-	*(42.925.592.493)*	-	*(42.925.592.493)*
Của các công ty con	-	-	*(102.971.024.879)*	-	-	-	-	-	*(102.971.024.879)*	*(4.136.952.057)*	*(107.107.976.936)*
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	(936.416.013.486)	-	-	936.416.013.486	-	-	-	-	-
Của Công ty mẹ (***)	-	-	*(354.054.844.311)*	-	-	*354.054.844.311*	-	-	-	-	-
Của các công ty con	-	-	*(582.361.169.175)*	-	-	*582.361.169.175*	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.337.780.708.072	-	-	-	-	-	3.337.780.708.072	101.455.318.127	3.439.236.026.199
Chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát Tập đoàn	-	-	(1.236.858.382)	-	-	-	-	-	(1.236.858.382)	(827.390.411)	(2.064.248.793)
Thu nhập toàn diện khác	-	-	5.458.482.751	(2.308.752.428.537)	-	-	-	-	(2.303.293.945.786)	9.114.175.698	(2.294.179.770.088)
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	(15.016.880.061)	-	-	(1.050.000.000)	15.016.880.061	-	(1.050.000.000)		(1.050.000.000)
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(24.738.438.132)	(24.738.438.132)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	(45.585.448.268)	-	-	-	-	-	(45.585.448.268)	(420.912.026)	(46.006.360.294)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**7.423.227.640.000**	**8.764.403.107.607**	**1.057.452.166.683**	**3.079.078.848.121**	**15.445.192.000**	**3.869.219.047.055**	**812.949.264.697**	**103.568.802.818**	**25.125.344.068.981**	**1.103.815.553.902**	**26.229.159.622.883**

(*) Quỹ chênh lệch tỷ giá thể hiện chênh lệch do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine từ USD sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 21 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn trích 354.054.844.311 VND, bằng 30% lợi nhuận sau thuế 2024 cho Quỹ Đầu tư phát triển.

Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 nêu trên, Tập đoàn được trích 3,64% lợi nhuận sau thuế 2024 (tương đương với số tiền 42.925.592.493 VND) cho các Quỹ Khen thưởng Phúc lợi và Quỹ thưởng cho Người quản lý của Tập đoàn.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VND	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác (**) VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)	**7.423.227.640.000**	**8.764.403.107.607**	**(563.631.071.245)**	**4.139.138.708.626**	**15.445.192.000**	**2.233.517.394.474**	**709.311.077.785**	**103.568.802.818**	**22.824.980.852.065**	**956.836.708.848**	**23.781.817.560.913**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	(745.069.356.247)	-	-	-	-	-	(745.069.356.247)	-	(745.069.356.247)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(118.130.315.034)	-	-	-	-	-	(118.130.315.034)	(3.159.197.310)	(121.289.512.344)
Của Công ty mẹ (***)	-	-	*(36.187.556.080)*	-	-	-	-	-	*(36.187.556.080)*	-	*(36.187.556.080)*
Của các công ty con	-	-	*(81.942.758.954)*	-	-	-	-	-	*(81.942.758.954)*	*(3.159.197.310)*	*(85.101.956.264)*
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	(700.335.639.095)	-	-	700.335.639.095	-	-	-	-	-
Của Công ty mẹ (***)	-	-	*(334.829.549.816)*	-	-	*334.829.549.816*	-	-	-	-	-
Của các công ty con	-	-	*(365.506.089.279)*	-	-	*365.506.089.279*	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.870.494.803.171	-	-	-	-	-	1.870.494.803.171	90.076.399.293	1.960.571.202.464
Chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát Tập đoàn	-	-	(944.531.050)	-	-	-	-	-	(944.531.050)	(631.839.462)	(1.576.370.512)
Thu nhập toàn diện khác	-	-	4.002.147.902	1.248.692.568.032	-	-	-	-	1.252.694.715.934	4.755.653.024	1.257.450.368.958
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	(88.621.306.851)	-	-		88.621.306.851	-	-	-	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(25.860.731.704)	(25.860.731.704)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	(16.175.189.819)	-	-	-	-	-	(16.175.189.819)	1.352.760.014	(14.822.429.805)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**7.423.227.640.000**	**8.764.403.107.607**	**(358.410.458.268)**	**5.387.831.276.658**	**15.445.192.000**	**2.933.853.033.569**	**797.932.384.636**	**103.568.802.818**	**25.067.850.979.020**	**1.023.369.752.703**	**26.091.220.731.723**

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi	45.656.144.455.185	42.509.826.975.539
Tiền trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(32.194.497.770.534)	(29.019.191.132.185)
Tiền chi trả cho người lao động	(3.030.432.399.837)	(2.753.821.139.435)
Tiền chi trả lãi vay	(1.536.709.491.904)	(670.960.934.650)
Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(535.127.299.773)	(432.410.464.622)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	30.176.001.771.771	39.298.357.003.187
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(32.655.969.821.943)	(40.395.609.862.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**5.879.409.442.965**	**8.536.190.444.973**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và các tài sản dài hạn khác	(123.824.988.561)	(135.267.945.349)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và các tài sản dài hạn khác	1.749.432.374	750.785.454
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(184.282.620.071.146)	(178.867.829.679.580)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	150.248.592.040.262	143.899.182.195.987
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(265.027.712.446)	(245.308.499)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	102.562.394.750	-
Cổ tức nhận được	367.328.281.051	331.797.686.925
Tiền lãi nhận được	9.851.198.375.781	13.138.509.353.040
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	**(24.100.042.247.935)**	**(21.633.102.912.022)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)	95.494.571.786.612	66.387.767.032.069
Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)	(73.604.318.374.612)	(55.628.924.452.500)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(805.206.061.263)	(767.081.435.567)
Tiền trả nợ thuê tài sản	(135.535.692.099)	(116.994.238.895)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**20.949.511.658.638**	**9.874.766.905.107**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**2.728.878.853.668**	**(3.222.145.561.942)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	1.464.088.127.113	4.685.513.586.776
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	1.715.667.583	720.102.279
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**4.194.682.648.364**	**1.464.088.127.113**

M.S.D.N: 0100111791 - CTCP TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT 8 HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2026

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt không bao gồm đầy đủ các thông tin và thuyết minh được yêu cầu như trong báo cáo tài chính hợp nhất thường niên.

Lập báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt

Báo cáo hợp nhất cho mục đích đặc biệt được lập theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3. Những chính sách kế toán này chủ yếu dựa trên Các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS) được ban hành bởi Ủy ban Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ngoại trừ việc Tập đoàn không áp dụng IFRS 9 – Các công cụ tài chính (2018) và IFRS 17 – Hợp đồng bảo hiểm (2023). Tập đoàn tiếp tục áp dụng IAS 39 – Công cụ tài chính: Ghi nhận và Đo lường (2020) và IFRS 4 – Hợp đồng bảo hiểm (2022), hai chuẩn mực IFRS đã được thay thế cho các kỳ kế năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Bên cạnh đó, Tập đoàn áp dụng IFRS 7 – Công cụ tài chính – Thuyết minh (2010), bản này đã được thay thế bằng bản cập nhật sửa đổi bao gồm các thay đổi liên quan đến việc áp dụng IFRS 9 và IFRS 17. Ngoài ra, ngoại trừ Bảo Việt Bank, Tập đoàn đã lựa chọn không thực hiện các điều chỉnh chuyển đổi sang IFRS đối với các công ty liên kết và các liên doanh khác. Tập đoàn cũng chưa tuân thủ đầy đủ các yêu cầu công bố thông tin theo IFRS 12 – Công bố lợi ích trong các đơn vị khác. Do đó, thông tin tài chính tóm tắt của các công ty liên kết và liên doanh được trình bày dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị này, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS"); các thông tin chi tiết hơn được trình bày tại Thuyết minh số 22. Theo đó, các chính sách kế toán được áp dụng và các thuyết minh trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất mục đích đặc biệt này không nhằm tuân thủ đầy đủ tất cả các yêu cầu của IFRS.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt được lập để phục vụ Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trong việc quản trị nội bộ và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo ("Cổ đông chiến lược") trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Cổ đông chiến lược này. Vì thế, báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt này có thể không phù hợp cho mục đích khác.

1.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt bao gồm báo cáo tài chính của Tập đoàn và các công ty con và BVIF tại ngày lập báo cáo này. Một đơn vị đầu tư được coi là công ty con khi Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát đối với đơn vị đó. Quyền kiểm soát được thiết lập khi Tập đoàn có quyền hoặc được cho là có quyền nhận lợi ích từ việc đầu tư và có khả năng chi phối hoạt động của đơn vị để thu được các lợi ích này. Cụ thể, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với một đơn vị đầu tư khi và chỉ khi Tập đoàn:

Có quyền kiểm soát với đơn vị này (ví dụ như quyền đưa ra các quyết định về hoạt động của đơn vị);

Có quyền nhận lợi ích từ việc đầu tư vào đơn vị; và

Có khả năng chi phối đơn vị để thu lợi ích.

Thông thường, việc nắm quyền biểu quyết đa số được coi là có quyền kiểm soát. Để thỏa mãn giả định này và khi Tập đoàn nắm ít hơn quyền biểu quyết đa số hoặc các quyền tương tự tại đơn vị được đầu tư, Tập đoàn cân nhắc các dữ kiện và các tình huống liên quan để xác định liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát với đơn vị được đầu tư, bao gồm:

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

1.2 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

- Các thỏa thuận bằng hợp đồng với các bên có quyền biểu quyết của đơn vị được đầu tư;
- Các quyền phát sinh từ các thỏa thuận hợp đồng khác; và
- Quyền biểu quyết của Tập đoàn và quyền biểu quyết tiềm tàng của Tập đoàn.

Trong trường hợp các dữ kiện và tình huống thực tế cho thấy có thay đổi đối với một hoặc hơn trong ba yếu tố cấu thành quyền kiểm soát, Tập đoàn đánh giá lại liệu quyền kiểm soát đối với đơn vị có còn hiệu lực hay không. Việc hợp nhất công ty con bắt đầu từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và chấm dứt tại ngày Tập đoàn mất quyền kiểm soát với công ty con. Tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí của một công ty con được mua hoặc bán trong năm được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Lãi lỗ và từng thành phần của thu nhập toàn diện khác thuộc về cổ đông của Tập đoàn và lợi ích cổ đông không kiểm soát, ngay cả khi điều này dẫn đến việc lợi ích cổ đông không kiểm soát có số dư âm. Các điều chỉnh thích hợp được ghi nhận trên báo cáo tài chính của công ty con nhằm đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết. Tất cả tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ nội bộ liên quan đến giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán là giao dịch vốn chủ sở hữu. Khi Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với công ty con, Tập đoàn sẽ loại bỏ các tài sản tương ứng (bao gồm lợi thế thương mại), công nợ, lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần khác của vốn chủ sở hữu và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nhất cho mục đích đặc biệt. Khoản đầu tư còn lại tại công ty con được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

1.3 Các chuẩn mực, diễn giải mới và sửa đổi được Tập đoàn áp dụng

Các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt thống nhất với các chính sách kế toán được sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất thường niên của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, như đã trình bày ở Thuyết minh số 2. Tập đoàn không áp dụng sớm bất kỳ chuẩn mực, diễn giải và sửa đổi được ban hành nhưng chưa có hiệu lực nào khác.

Thiếu khả năng chuyển đổi – Các sửa đổi đối với Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 21 ("IAS 21")

Các sửa đổi Thiếu khả năng chuyển đổi đối với IAS 21 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, áp dụng cho các kỳ báo cáo tài chính thường niên bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi, hướng dẫn cách thức đánh giá liệu một đồng tiền có khả năng chuyển đổi hay không và cách xác định tỷ giá hối đoái giao ngay trong trường hợp không có khả năng chuyển đổi. Các sửa đổi này cũng yêu cầu trình bày thông tin thuyết minh nhằm giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu được ảnh hưởng, hoặc ảnh hưởng dự kiến, của việc thiếu khả năng chuyển đổi tiền tệ đối với kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dòng tiền của đơn vị. Việc áp dụng các sửa đổi này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Phân loại sản phẩm

Các hợp đồng bảo hiểm là các hợp đồng mà các Công ty con của Tập đoàn chấp nhận những rủi ro bảo hiểm trọng yếu từ khách hàng ("Chủ hợp đồng bảo hiểm") bằng các thỏa thuận bồi thường cho chủ hợp đồng bảo hiểm nếu một sự kiện xác định không chắc chắn xảy ra trong tương lai ("sự kiện được bảo hiểm") gây tổn thất đến chủ hợp đồng bảo hiểm. Một quy tắc chung là các công ty con kinh doanh bảo hiểm sẽ xem xét việc có rủi ro bảo hiểm trọng yếu hay không bằng cách so sánh lợi ích bảo hiểm đã chi trả sau khi xảy ra các sự kiện được bảo hiểm và lợi ích bảo hiểm phải trả trong trường hợp sự kiện được bảo hiểm không xảy ra. Hợp đồng bảo hiểm cũng có thể chuyển giao một số rủi ro về tài chính.

Hợp đồng đầu tư là các hợp đồng chuyển giao các rủi ro tài chính trọng yếu nhưng không chuyển giao rủi ro bảo hiểm trọng yếu. Rủi ro tài chính là rủi ro xảy ra khi có sự thay đổi của một hoặc nhiều hơn một của các biến số sau: lãi suất, giá của công cụ tài chính, giá cả hàng hóa, tỉ giá hối đoái, chỉ số giá cả hoặc tỷ suất, xếp hạng tín dụng hoặc chỉ số tín dụng hoặc biến số phi tài chính khi biến số này không gắn liền với một đối tượng nào của hợp đồng.

Khi một hợp đồng được phân loại là hợp đồng bảo hiểm, việc phân loại được giữ nguyên cho đến khi hợp đồng hết hạn, ngay cả khi rủi ro về bảo hiểm không còn trọng yếu, trừ khi tất cả các quyền và nghĩa vụ gắn liền với hợp đồng bảo hiểm bị xóa bỏ hay hết hạn. Các hợp đồng đầu tư, ngược lại, có thể được phân loại lại thành hợp đồng bảo hiểm sau đó nếu rủi ro bảo hiểm trở nên trọng yếu.

Hợp đồng có cấu phần không đảm bảo ("DPF")

Hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng đầu tư được phân loại dựa trên đặc điểm có hay không có cấu phần không đảm bảo. Cấu phần không đảm bảo là quyền lợi tăng thêm được nhận ngoài quyền lợi đảm bảo và thỏa mãn các điều kiện sau:

Là một phần đáng kể trong tổng quyền lợi theo hợp đồng

Giá trị và thời điểm của cấu phần không đảm bảo phụ thuộc vào bên phát hành

Được ràng buộc theo hợp đồng dựa trên:

- Việc thực hiện một nhóm hợp đồng cụ thể hoặc theo loại hợp đồng cụ thể
- Tiền lãi đầu tư đã thực hiện và/hoặc chưa thực hiện trên một nhóm tài sản cụ thể do tổ chức phát hành nắm giữ
- Lợi nhuận của Bảo Việt Nhân thọ, quỹ hay các đơn vị khác phát hành hợp đồng

Công cụ phái sinh thuộc hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo được tách riêng và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ trừ trường hợp công cụ phái sinh ấy cũng là một hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo. Công cụ phái sinh không được trình bày riêng biệt nếu hợp đồng bảo hiểm gốc hoặc hợp đồng đầu tư gốc có cấu phần không đảm bảo được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh sử dụng phương pháp mua lại. Chi phí của việc mua lại được tính toán bằng tổng của các khoản lợi ích chuyển giao. Tổng các khoản lợi ích chuyển giao được xác định theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào ngày mua và bất kỳ khoản Lợi ích cổ đông không kiểm soát nào của bên mua. Đối với mỗi vụ hợp nhất kinh doanh, Tập đoàn được lựa chọn việc đánh giá Lợi ích cổ đông không kiểm soát của bên mua theo giá trị hợp lí hay theo tỷ lệ giá trị tài sản ròng có thể xác định được của bên mua. Chi phí liên quan đến việc mua lại được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi phát sinh.

Khi thực hiện mua lại một doanh nghiệp, Tập đoàn đánh giá tài sản mua lại và nợ phải trả tài chính thu được để phù hợp với phân loại theo các điều khoản hợp đồng, các điều kiện kinh tế và các điều khoản thích hợp khác tại ngày mua. Việc đánh giá lại bao gồm việc tách bạch các giá trị phái sinh tiềm ẩn trong hợp đồng với bên mua.

Bất kỳ khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng nào từ bên mua sẽ được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Lợi ích chuyển giao tiềm tàng được phân loại là vốn chủ sở hữu không được đánh giá lại. Việc thanh toán các khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng được phân loại là vốn chủ sở hữu được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu. Những khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng được phân loại là tài sản hoặc nợ phải trả như các công cụ tài chính theo IAS 39 - Các công cụ tài chính: Ghi nhận và đo lường được đo lường theo giá trị hợp lí, thay đổi trong giá trị hợp lí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo IAS 39. Các khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng khác không thuộc phạm vi của IAS 39 được xác định bằng giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, và những thay đổi trong giá trị hợp lý được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (là phần chênh lệch giữa tổng các khoản lợi ích chuyển giao cộng với các khoản lợi ích cổ đông không kiểm soát và giá trị tài sản ròng mua lại có thể xác định được, và nợ phải trả nhận được). Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuần mua lại vượt quá tổng các khoản lợi ích chuyển giao, Tập đoàn thực hiện đánh giá lại xem đã xác định đúng tất cả các tài sản mua lại, tất cả các khoản nợ phải trả nhận được và đánh giá các phương pháp được sử dụng để tính các khoản được ghi nhận vào ngày mua. Nếu việc đánh giá lại vẫn có kết quả là giá trị hợp lý của tài sản thuần mua lại vượt quá tổng các khoản lợi ích chuyển giao thì phần lợi nhuận chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được đo lường theo giá gốc trừ đi các khoản suy giảm giá trị lũy kế. Nhằm mục đích cho việc đánh giá sự suy giảm giá trị, lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh tính từ ngày mua lại được phân bổ cho từng đơn vị tạo dòng tiền ("CGU") của Tập đoàn mà từng đơn vị tạo dòng tiền này được xác định là có nhận được lợi ích từ hợp nhất kinh doanh, không phân biệt tài sản hoặc nợ phải trả khác của bên được mua lại được phân bổ cho từng đơn vị tạo dòng tiền.

Trường hợp lợi thế thương mại được phân bổ cho từng đơn vị tạo dòng tiền và một phần hoạt động trong đơn vị tạo dòng tiền dừng lại thì lợi thế thương mại liên quan đến việc dừng hoạt động được bao gồm trong giá trị còn lại của hoạt động khi xác định lãi lỗ của việc dừng hoạt động. Lợi thế thương mại từ việc dừng hoạt động trong những trường hợp này được tính dựa trên các giá trị tương đối của hoạt động dừng lại và tỷ lệ của từng đơn vị tiền tệ tạo dòng tiền được giữ lại.

2.3 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình mua riêng lẻ được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của tài sản vô hình là nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và các khoản lỗ lũy kế do suy giảm giá trị. Các tài sản vô hình tự xây dựng, ngoại trừ các khoản chi phí phát triển đã được vốn hóa, đều không được vốn hóa và ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi phát sinh.

Thời gian sử dụng của tài sản vô hình được đánh giá là hữu hạn hoặc vô hạn.

Tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được trích hao mòn trong suốt thời gian sử dụng và được đánh giá suy giảm giá trị nếu có bằng chứng rằng tài sản vô hình đó bị giảm giá trị. Thời gian và phương pháp hao mòn của tài sản cố định vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được xem xét lại định kỳ ít nhất mỗi năm tài chính. Những thay đổi trong thời gian hữu dụng hay việc tiêu dùng các lợi ích kinh tế trong tương lai của các tài sản được xác định bằng cách thay đổi thời gian hay phương pháp hao mòn, nếu cần thiết, và được ghi nhận là thay đổi ước tính kế toán. Chi phí hao mòn của tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích hao mòn. Tài sản cố định vô hình với thời gian sử dụng vô thời hạn được đánh giá suy giảm giá trị riêng rẽ hoặc theo đơn vị tạo dòng tiền ít nhất 01 năm 01 lần. Những tài sản đó sẽ không được trích hao mòn. Việc đánh giá thời gian sử dụng vô thời hạn của tài sản cố định vô hình với thời gian sử dụng vô thời hạn được xem xét hàng năm để xác định liệu việc thời gian sử dụng vô thời hạn còn hợp lý hay không. Nếu không còn hợp lý, thời gian sử dụng hữu ích của quyền sử dụng đất sẽ được thay đổi từ vô thời hạn sang có thời hạn và các điều chỉnh có liên quan sẽ được thực hiện phi hồi tố. Các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc ngừng ghi nhận quyền sử dụng đất vô thời hạn được xác định dựa trên phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ của tài sản và được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt như một khoản chi phí.

2.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi khấu khao lũy kế và dự phòng giảm giá (nếu có). Các chi phí sửa chữa thay thế lớn, chi phí kiểm định và các chi phí lãi vay từ các dự án xây dựng dài hạn sẽ được ghi tăng nguyên giá nếu những chi phí này đáp ứng điều kiện ghi nhận. Nếu chi phí thay thế một phần của tài sản cố định hữu hình lớn, Tập đoàn sẽ ghi nhận như một tài sản riêng biệt với thời gian hữu dụng và tiến hành khấu hao tương ứng. Tất cả các chi phí bảo trì, sửa chữa khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi phát sinh.

Giá trị hiện tại của chi phí dự tính cho việc thanh lý tài sản đó sau khi sử dụng được bao gồm trong nguyên giá của tài sản đó nếu đủ điều kiện hạch toán trích lập dự phòng.

Tài sản sẽ được ngừng ghi nhận sau khi thanh lý hoặc khi tài sản đó không còn mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các khoản lãi lỗ phát sinh khi ngừng ghi nhận tài sản (tính toán trên cơ sở chênh lệch giữa thu hồi thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 *Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30 năm
Trang thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25 năm

Giá trị còn lại, thời gian hữu dụng và phương pháp tính khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại vào cuối mỗi năm tài chính và được điều chỉnh cho phù hợp nếu cần thiết. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt như một khoản chi phí.

2.5 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan. Giá trị ghi sổ bao gồm chi phí thay thế một phần của một bất động sản đầu tư hiện hữu tại thời điểm chi phí phát sinh nếu các tiêu chuẩn ghi nhận được thỏa mãn và không bao gồm các chi phí dịch vụ thường xuyên gắn liền với tài sản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, bất động sản đầu tư vẫn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và suy giảm giá trị.

Bất động sản đầu tư sẽ được ngừng ghi nhận sau khi đã thanh lý hoặc sau khi bất động sản đầu tư không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch số tiền thu hồi từ việc ghi giảm hoặc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trong năm thực hiện ghi giảm hoặc thanh lý.

Việc phân loại sang bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang các khoản mục khác chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Trường hợp chuyển đổi từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng, giá trị ghi nhận sau đó là giá trị ghi sổ tại ngày thay đổi mục đích sử dụng. Khi bất động sản chủ sở hữu sử dụng được phân loại sang bất động sản đầu tư, Tập Đoàn sẽ hạch toán những bất động sản đó theo các chính sách kế toán về tài sản cố định hữu hình tại ngày chuyển đổi mục đích sử dụng.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Tài sản cố định vô hình khác	05 - 10 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích khấu hao.

2.6 *Suy giảm giá trị các tài sản phi tài chính*

Tập đoàn tiến hành xem xét tại thời điểm báo cáo các dấu hiệu về việc một tài sản có thể bị giảm giá. Nếu có bất kì dấu hiệu nào hoặc khi bắt buộc phải tiến hành đánh giá sự giảm giá hàng năm của một tài sản, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản đó. Giá trị thu hồi của một tài sản là giá trị lớn hơn giữa: (i) giá trị hợp lý của tài sản hoặc giá trị hợp lý của đơn vị tạo dòng tiền trừ đi chi phí thanh lý; và (ii) giá trị sử dụng của tài sản đó. Giá trị thu hồi được tính toán cho từng tài sản riêng lẻ, trừ trường hợp dòng tiền tạo ra từ tài sản đó phụ thuộc rất lớn vào các tài sản khác hay nhóm các tài sản khác. Khi giá trị sổ sách của một tài sản hay một đơn vị tạo dòng tiền vượt quá giá trị thu hồi của nó, tài sản được coi là bị giảm giá và sẽ được ghi giảm về giá trị thu hồi.

Khi đánh giá giá trị sử dụng của tài sản, giá trị ước lượng của dòng tiền tạo ra trong tương lai được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng lãi suất chiết khấu trước thuế phản ánh những đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và các rủi ro gắn liền với tài sản đó. Các giao dịch trên thị trường gần đây, nếu có, sẽ được xem xét khi xác định giá trị hợp lý trừ chi phí nhượng bán. Trong trường hợp không có những giao dịch gần đây, Tập đoàn sẽ lựa chọn một phương pháp định giá thích hợp. Tính hợp lý của các phương pháp tính toán trên sẽ được kiểm định bởi các hệ số định giá, giá trị niêm yết của các cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên thị trường hay các thông số liên quan đến giá trị hợp lý có sẵn.

Tập đoàn tính toán suy giảm giá trị cho từng đơn vị tạo dòng tiền để phân bổ cho các tài sản riêng biệt dựa trên các dự báo và ngân sách chi tiết. Các dự báo và ngân sách chi tiết này thường được lập cho giai đoạn năm (05) năm. Cho giai đoạn kinh doanh dài hơn, tỷ lệ tăng trưởng dài hạn sẽ được tính toán và áp dụng để dự báo dòng tiền phát sinh cho giai đoạn sau năm thứ 05 trở đi.

Lỗ từ việc giảm giá trị của các tài sản phi tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Ngoại trừ lợi thế thương mại và tài sản vô hình có thời gian sử dụng vô hạn, các tài sản sẽ được đánh giá định kỳ tại thời điểm báo cáo để xem liệu có hay không các dấu hiệu về việc tài sản không còn bị suy giảm giá trị nữa hoặc suy giảm với giá trị ít hơn khoản lỗ đã ghi nhận trước đó. Nếu có dấu hiệu này, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản hay của đơn vị tạo dòng tiền có sử dụng tài sản đó. Khoản lỗ giảm giá trị đã được ghi nhận trước đó chỉ được hoàn nhập nếu có sự thay đổi về các ước tính sử dụng để đánh giá giá trị thu hồi của tài sản đó kể từ lần cuối cùng phần lỗ giảm giá trị được ghi nhận.

Trong trường hợp đó, giá trị sổ sách của tà1i sản sẽ được ghi tăng lên theo giá trị thu hồi, nhưng không được vượt quá giá trị ghi sổ trừ đi khấu hao/hao mòn trong trường hợp không có khoản lỗ giảm giá trị nào được ghi nhận trong những năm trước. Hoàn nhập giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trừ khi tài sản đó được ghi nhận theo giá trị định giá, trong trường hợp đó khoản tăng lên được ghi nhận là khoản tăng do định giá lại.

2.7 *Đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết*

Công ty liên doanh là một hình thức liên doanh trong đó các bên liên doanh góp vốn có quyền đồng kiểm soát đối với Công ty liên doanh và có lợi ích đối với tài sản thuần của Công ty liên doanh. Đồng kiểm soát là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của nhà đầu tư vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách đó.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết của Tập đoàn được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào các công ty liên doanh hoặc công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc cộng với các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư.

Phần chênh lệch giữa giá vốn của khoản đầu tư và giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh/liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên doanh/liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Lợi thế thương mại này sẽ không được ghi nhận hao mòn cũng như đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt hàng năm.

Phần chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên doanh/liên kết so với giá vốn của khoản đầu tư được ghi nhận là thu nhập trong kỳ mua khoản đầu tư.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết. Ngoài ra, khi có thay đổi ảnh hưởng trực tiếp vào vốn sở hữu của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận và trình bày phần thay đổi đó theo tỷ lệ sở hữu trong báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho mục đích đặc biệt nếu thích hợp. Phần lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn và công ty liên kết sẽ bị loại bỏ trong phần lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết đó.

Việc phân chia lợi ích từ các công ty liên doanh, liên kết được thể hiện trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Đây là phần lợi nhuận được chia cho các cổ đông của công ty liên doanh, liên kết và vì vậy chính là lợi nhuận còn lại sau khi trừ thuế và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong công ty con của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, Tập đoàn sẽ quyết định việc ghi nhận phần lỗ giảm giá trị của các khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết có cần thiết hay không. Tập đoàn sẽ xem xét tại từng thời điểm báo cáo các bằng chứng khách quan về việc khoản đầu tư bị giảm giá trị. Trong trường hợp đó, Tập đoàn sẽ tính toán phần giảm giá trị là chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi và giá trị sổ sách của khoản đầu tư vào công ty liên kết và ghi nhận chênh lệch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể ở một công ty liên kết, hoặc quyền đồng quyền soát tại một công ty liên doanh, Tập đoàn sẽ tính toán và ghi nhận phần đầu tư còn lại tại giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị sổ sách của một công ty liên kết khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể và công ty liên doanh khi mất quyền đồng kiểm soát và giá trị hợp lý phần đầu tư còn lại và tiền thu hồi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2.8 Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;

Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và

Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu theo giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng tồn kho	*Phương pháp xác định giá trị*
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá bất động sản tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản tồn kho được hạch toán vào chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản tài chính

2.9.1 Ghi nhận và đo lường ban đầu

Các tài sản tài chính trong phạm vi quy định của Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 ("IAS 39") được phân loại thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý, chi phí giao dịch được ghi nhận tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp.

Việc phân loại phụ thuộc vào mục đích của khoản đầu tư khi mua hoặc đầu tư ban đầu. Các tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL khi Tập đoàn có văn bản ghi nhận chiến lược đầu tư là quản lý tài sản trên cơ sở giá trị hợp lý, bởi các nghĩa vụ liên quan cũng được quản lý dựa trên cơ sở này. Việc phân loại vào tài sản tài chính sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi các nghĩa vụ liên quan (bao gồm các quỹ của cổ đông) được quản lý một cách bị động và/hoặc ghi nhận theo giá trị phân bổ.

Việc mua hoặc bán các tài sản tài chính có yêu cầu giao tài sản trong một khung thời gian quy định bởi luật pháp hoặc tập quán của thị trường (giao dịch thương mại thông thường) được ghi nhận tại ngày giao dịch, là ngày Tập đoàn cam kết mua hoặc bán tài sản.

Các tài sản tài chính bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác, cho vay và các khoản phải thu, công cụ tài chính niêm yết và chưa niêm yết.

2.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Việc ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản như sau:

a. Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL.

Để các khoản đầu tư được chỉ định ban đầu là FVTPL, các điều kiện sau cần được đáp ứng:

- Việc chỉ định loại bỏ hoặc giảm thiểu đáng kể sự không đồng nhất trong cách hạch toán có thể xảy ra nếu ghi nhận tài sản hoặc công nợ hoặc lãi lỗ trên một cơ sở khác; hoặc
- Các tài sản và công nợ là một phần trong nhóm các tài sản hoặc nợ tài chính hoặc cả hai, mà các nhóm này được quản lý và xác định giá trị trên cơ sở giá trị hợp lý tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính theo FVTPL được đo lường theo giá trị hợp lý. Bất kỳ thay đổi nào của giá trị hợp lý này được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Cổ tức và trái tức được ghi nhận vào thu nhập hoạt động đầu tư khi quyền được nhận cổ tức/trái tức được xác lập.

b. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán vốn và chứng khoán nợ. Chứng khoán vốn phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán không được phân loại thành chứng khoán kinh doanh hoặc chứng khoán ghi nhận theo FVTPL. Các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán là các chứng khoán được nắm giữ với thời hạn không xác định và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường.

Sau ghi nhận giá trị ban đầu, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán sẽ được định giá lại theo giá trị hợp lý với lãi/lỗ chưa thực hiện được ghi nhận là thu nhập toàn diện khác trên tài khoản dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán (trên vốn chủ sở hữu). Khi Tập đoàn mua một chứng khoán nhiều lần, các khoản đầu tư này khi thanh lý sẽ được hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền đối với các khoản đầu tư vốn và phương pháp nhập trước xuất trước đối với các khoản đầu tư vào công cụ nợ. Lãi phát sinh khi nắm giữ các khoản đầu tư AFS được ghi nhận là thu nhập từ hoạt động đầu tư, tính toán theo phương pháp lãi suất thực. Cổ tức, trái tức từ việc nắm giữ các khoản đầu tư AFS được ghi nhận là thu nhập đầu tư khi quyền thanh toán đã được thiết lập. Khi tài sản bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, lãi hoặc lỗ dồn tích sẽ được chuyển từ quỹ dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Tập đoàn đánh giá khả năng cũng như ý định bán tài sản AFS trong tương lai gần là phù hợp hay không. Trong một số trường hợp hi hữu, khi Tập đoàn không có khả năng bán các tài sản tài chính này do thiếu thị trường năng động, Tập đoàn có thể phân loại lại các tài sản tài chính này nếu Ban Điều hành Tập đoàn có khả năng và có ý định nắm giữ các tài sản này trong một khoảng thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành cho vay và phải thu được cho phép khi tài sản tài chính đáp ứng các định nghĩa về cho vay và phải thu và Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ các tài sản này trong một thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành nắm giữ đến ngày đáo hạn được cho phép chỉ khi doanh nghiệp có khả năng và mục đích nắm giữ tài sản đến ngày đáo hạn.

Khi một tài sản tài chính được đưa ra khỏi danh mục sẵn sàng để bán, giá trị hợp lý tại ngày loại khỏi danh mục sẽ là giá trị phân bổ và bất kỳ lãi hoặc lỗ trước đó của tài sản được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt theo thời gian còn lại của khoản đầu tư, sử dụng lãi suất thực. Chênh lệch nếu có giữa giá trị phân bổ và giá trị đến ngày đáo hạn cũng sẽ được phân bổ theo thời gian còn lại của tài sản, sử dụng lãi suất thực. Nếu tài sản sau đó bị xác định là giảm giá trị thì giá trị ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được chuyển sang hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

c. Cho vay và phải thu

Cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được mà không được niêm yết trên thị trường năng động.

Sau khi ghi nhận giá trị ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được phản ánh theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, trừ đi suy giảm giá trị. Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi mua, các khoản phí hoặc chi phí là những cấu phần không tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

2.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

d. Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ hạn cố định được phân loại là tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng lãi suất thực, trừ đi phần suy giảm giá trị. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

2.9.3 Dừng ghi nhận tài sản tài chính

Một tài sản tài chính (hoặc, trong các trường hợp thích hợp, một phần của tài sản tài chính hoặc một phần của một nhóm các tài sản tài chính giống nhau) được dừng ghi nhận khi:

Quyền được nhận luồng tiền từ tài sản đã hết hiệu lực;

Tập đoàn đã chuyển nhượng quyền được nhận luồng tiền từ tài sản hoặc có nghĩa vụ trả lại toàn bộ các luồng tiền nhận được mà không có sự trì hoãn đáng kể cho bên thứ ba dưới dạng hợp đồng "chuyển qua"; và hoặc (a) Tập đoàn đã chuyển nhượng hầu hết các rủi ro cũng như lợi ích đi kèm với tài sản, hoặc (b) Tập đoàn không chuyển giao hay giữ lại hầu hết các rủi ro và lợi ích đi kèm với tài sản, nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản đó.

Khi Tập đoàn chuyển quyền nhận các luồng tiền từ tài sản hoặc tham gia vào một hợp đồng "chuyển qua" nhưng chưa chuyển giao đáng kể và cũng không giữ lại tất cả rủi ro và lợi ích của tài sản và chưa chuyển quyền kiểm soát tài sản, tài sản đó được ghi nhận ở mức tiếp tục tham gia vào tài sản của Tập đoàn. Trong trường hợp đó, Tập đoàn cũng ghi nhận các nghĩa vụ liên quan. Phần tài sản đã được chuyển giao và nghĩa vụ liên quan được xác định căn cứ trên quyền và nghĩa vụ còn lại mà Tập đoàn nắm giữ.

Phần tham gia của Tập đoàn dưới hình thức bảo đảm với tài sản đã được chuyển giao được ghi nhận ở mức thấp hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và mức tối đa mà Tập đoàn phải trả.

2.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính

Tại các thời điểm lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem có bằng chứng khách quan nào cho thấy từng tài sản tài chính hoặc từng nhóm các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị. Một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính được xem là giảm giá trị nếu, và chỉ nếu, có bằng chứng khách quan về sự suy giảm, là hệ quả của một hoặc nhiều sự kiện đã xảy ra sau ghi nhận ban đầu của tài sản (một "sự kiện tổn thất" đã xảy ra) và ảnh hưởng của sự kiện tổn thất lên luồng tiền tương lai dự kiến của tài sản tài chính hoặc nhóm các tài sản tài chính có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Bằng chứng của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm các dấu hiệu cho thấy bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính, và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy các luồng tiền dự kiến trong tương lai có sự suy giảm có thể lượng hóa được, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ.

a. Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ

Đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ, Tập đoàn trước tiên đánh giá riêng lẻ xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị đáng kể của từng tài sản tài chính trọng yếu hoặc đánh giá chung cho các tài sản tài chính không trọng yếu. Nếu Tập đoàn xác định rằng không có bằng chứng về sự giảm giá trị của một tài sản tài chính riêng lẻ, dù đáng kể hay không, Tập đoàn sẽ đưa tài sản đó vào nhóm các tài sản tài chính có cùng đặc tính rủi ro tín dụng và đánh giá chung suy giảm giá trị của nhóm tài sản. Các tài sản được đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt và có lỗ suy giảm giá trị đang/sẽ được ghi nhận không được đưa vào đánh giá suy giảm giá trị chung.

Lỗ suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính thu hồi được trong tương lai (không tính đến các tổn thất tín dụng dự kiến trong tương lai chưa phát sinh). Giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai được chiết khấu theo lãi suất thực ban đầu.

Giá trị ghi sổ của tài sản được ghi giảm thông qua việc sử dụng tài khoản dự phòng và lỗ giảm giá trị được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Thu nhập lãi (được ghi nhận vào thu nhập đầu tư trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt) tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã được ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định tổn thất.

Các khoản cho vay cùng với dự phòng tổn thất tín dụng có liên quan được xóa bỏ nếu không có khả năng thu hồi trong tương lai và tất cả các tài sản đảm bảo đã được xử lý hoặc được chuyển lại cho Tập đoàn. Nếu trong năm tiếp theo, khoản dự phòng tổn thất ước tính tăng hay giảm do một sự kiện xảy ra sau khi tổn thất được ghi nhận, các khoản tổn thất đã ghi nhận trước đó được ghi tăng tương ứng bằng việc điều chỉnh tài khoản dự phòng. Nếu khoản vay đã xóa sổ sau đó được thu hồi, phần thu hồi sẽ được ghi giảm chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Để phục vụ mục đích đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản tài chính được nhóm lại trên cơ sở xếp hạng tín dụng nội bộ, xem xét các đặc tính rủi ro tín dụng như loại tài sản, ngành nghề, vị trí địa lý, loại tài sản đảm bảo, tình trạng quá hạn và các yếu tố liên quan. Việc ước tính suy giảm các luồng tiền trong tương lai từ các nhóm các tài sản tài chính được đánh giá tổng thể trên cơ sở kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính rủi ro tín dụng tương tự. Các kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ được điều chỉnh trên cơ sở dữ liệu có thể quan sát được nhằm phản ánh ảnh hưởng của các điều kiện hiện tại cũng như loại bỏ các ảnh hưởng của điều kiện trong quá khứ không còn hiện hữu tại thời điểm hiện tại. Ước tính thay đổi luồng tiền tương lai phản ánh và đồng nhất với các thay đổi về dữ liệu có thể quan sát được từ năm này sang năm khác (ví dụ như sự thay đổi về tỷ lệ thất nghiệp, giá bất động sản, giá cả hàng hóa tiêu dùng, tình trạng trả nợ, hoặc các yếu tố khác là dấu hiệu cho việc xảy ra tổn thất trong nhóm và quy mô của nó). Phương pháp và giả định được sử dụng để ước tính luồng tiền trong tương lai được xem xét thường xuyên để giảm thiểu sự khác biệt giữa tổn thất ước tính và tổn thất thực tế.

b. Khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán

Với các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, Tập đoàn đánh giá tại các thời điểm lập báo cáo liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng khoản đầu tư hoặc nhóm các khoản đầu tư bị suy giảm giá trị.

Trong trường hợp các khoản đầu tư vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, lỗ dồn tích - được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý hiện tại, trừ các khoản lỗ đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt - được loại ra khỏi thu nhập toàn diện khác và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Khoản lỗ suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vốn sau không được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà được ghi nhận trực tiếp vào thu nhập toàn diện khác.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 *Tài sản tài chính (tiếp theo)*

2.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính (tiếp theo)

b. Khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán (tiếp theo)

Việc xác định "đáng kể" và "kéo dài" đòi hỏi các xét đoán chủ quan. Khi đưa ra các xét đoán này, Tập đoàn cần đánh giá, có cân nhắc các yếu tố khác, khoảng thời gian và mức độ mà giá trị hợp lý của một khoản đầu tư thấp hơn giá gốc.

Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ. Tuy nhiên, giá trị suy giảm là tổng lỗ dồn tích xác định bằng chênh lệch giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý, trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị của các khoản đầu tư đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Thu nhập lãi trong tương lai tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định các khoản lỗ suy giảm giá trị. Thu nhập lãi được ghi nhận là doanh thu tài chính. Nếu trong năm tiếp sau, giá trị hợp lý của công cụ nợ tăng và giá trị tăng liên quan khách quan đến sự kiện xảy ra sau khi các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt, khoản lỗ được hoàn nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2.10 *Các khoản nợ tài chính*

2.10.1 Ghi nhận và đo lường ban đầu

Các khoản nợ tài chính được phân loại tại thời điểm ghi nhận ban đầu vào các nhóm thích hợp: nợ tài chính phản ánh theo FVTPL, vay và nợ phải trả hoặc các công cụ tài chính phái sinh được xếp vào nhóm công cụ phòng ngừa hiệu quả.

Tất cả các khoản nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý, riêng đối với các khoản vay và nợ phải trả thì giá trị ghi nhận ban đầu bằng giá trị hợp lý trừ đi các chi phí giao dịch trực tiếp.

Các khoản nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm phải trả thương mại và các khoản phải trả khác, thấu chi, vay và nợ phải trả.

2.10.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính, tùy theo nhóm được phân loại, được xác định giá trị như sau:

a. Các khoản nợ tài chính tại FVTPL

Các khoản nợ tài chính phản ánh theo FVTPL bao gồm các khoản nợ tài chính kinh doanh và các khoản nợ tài chính tại thời điểm ban đầu được xếp vào nhóm phản ánh theo FVTPL.

Nợ tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu được mua với mục đích bán lại trong ngắn hạn.

Lãi hoặc lỗ của các khoản nợ nắm giữ để kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 *Tài sản tài chính (tiếp theo)*

2.10.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

b. Vay và nợ phải trả

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản vay và phải trả chịu lãi suất được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực. Lãi hoặc lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi nợ phải trả được ngừng ghi nhận cũng như thông qua việc phân bổ giá trị theo phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi phát sinh, và phí hoặc chi phí là các khoản mục không thể tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2.10.3 Dừng ghi nhận

Một khoản nợ tài chính sẽ được dừng ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được hoàn thành hoặc hủy bỏ hoặc hết hạn. Khi một khoản nợ tài chính được thay thế bằng một khoản nợ khác từ cùng một bên cho vay nhưng các điều khoản cơ bản đã thay đổi hoặc các điều khoản của nghĩa vụ nợ hiện tại đã được sửa đổi cơ bản, thì việc thay đổi hoặc chỉnh sửa đó được coi là dừng ghi nhận khoản nợ tài chính ban đầu và ghi nhận một khoản nợ tài chính khác. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ mới và khoản nợ cũ được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2.11 *Bù trừ các công cụ tài chính*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ các khoản đã được ghi nhận và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

2.12 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Các cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí sau thuế phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu mới hoặc quyền chọn mua cổ phiếu được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu như một khoản giảm trừ.

2.13 *Xác định giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được từ việc bán một tài sản hoặc trả cho việc chuyển giao một khoản nợ phải trả trong một giao dịch ngang giá giữa các bên tại ngày đánh giá. Giá trị hợp lý được xác định dựa trên giả định giá giao dịch bán tài sản hoặc chuyển giao nợ phải trả diễn ra tại:

Thị trường chủ chốt đối với tài sản hoặc khoản nợ phải trả; hoặc

Khi không có thị trường chủ chốt thì sử dụng thị trường tối ưu đối với tài sản hoặc nợ phải trả.

Để xác định được giá trị hợp lý, Tập đoàn phải có khả năng tiếp cận tới thị trường chủ chốt hoặc thị trường tối ưu.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.13 Xác định giá trị hợp lý (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của tài sản hoặc nợ phải trả được đánh giá dựa vào giả định các bên tham gia thị trường sẽ sử dụng giá trị này khi định giá tài sản hoặc nợ phải trả nhằm đạt được lợi ích tốt nhất cho mình.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp định giá phù hợp với từng trường hợp mà các thông tin cần thiết là sẵn có để xác định giá trị hợp lý, sử dụng tối đa các dữ liệu liên quan có thể quan sát được và giảm thiểu việc sử dụng các dữ liệu không thể quan sát được.

Tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý hoặc có giá trị hợp lý được thuyết minh trong báo cáo tài chính được phân loại vào ba cấp trong hệ thống bậc giá trị hợp lý như được mô tả dưới đây, dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý:

Cấp 1 - Giá niêm yết (không điều chỉnh) trên các thị trường năng động của các tài sản và nợ phải trả tương tự;

Cấp 2 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý có thể quan sát được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;

Cấp 3 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý không thể quan sát được.

Đối với các tài sản và nợ phải trả ghi nhận theo giá trị hợp lý định kỳ trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt, Tập đoàn xác định liệu có việc chuyển cấp trong hệ thống phân cấp thông qua việc đánh giá lại cách phân loại vào các cấp (dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý trên phương diện tổng thể) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá chào mua niêm yết cho tài sản và giá chào bán cho nợ phải trả, tại cuối ngày báo cáo, không trừ chi phí giao dịch.

Với các công cụ tài chính không có thị trường năng động, giá trị hợp lý được xác định sử dụng các phương pháp định giá phù hợp. Phương pháp định giá bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, mô hình định giá quyền chọn, mô hình tín dụng và các mô hình định giá liên quan. Một số công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý xác định bằng phương pháp định giá do không có giao dịch thị trường hoặc không có dữ liệu thị trường quan sát được. Giá trị hợp lý được xác định sử dụng các mô hình định giá đã được kiểm chứng với giá hoặc thông số đầu vào của giao dịch thực tế trên thị trường và sử dụng ước tính tốt nhất của Tập đoàn về các giả định phù hợp cho mô hình. Các mô hình được điều chỉnh cho chênh lệch giữa giá chào mua và chào bán để phản ánh chi phí phát sinh khi tất toán tài sản hoặc nợ phải trả, hệ số tín nhiệm của đối tác và chênh lệch thanh khoản cũng như hạn chế của mô hình. Thêm vào đó, lãi hoặc lỗ được tính toán tại ngày công cụ tài chính được ghi nhận (lãi hoặc lỗ ngày mua) được hoãn lại và được ghi nhận chỉ khi các thông số đầu vào có thể quan sát được hoặc khi dừng ghi nhận công cụ tài chính.

Với phương pháp chiết khấu luồng tiền, các luồng tiền tương lai dự kiến dựa trên ước tính tốt nhất của Ban Điều hành và lãi suất chiết khấu sử dụng là lãi suất thị trường cho các công cụ tương tự. Việc sử dụng các mô hình định giá và giả định khác nhau có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể trong ước tính giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi lãi suất thả nổi và lãi suất qua đêm với các tổ chức tín dụng là giá trị ghi sổ. Giá trị ghi sổ là chi phí ban đầu cộng với lãi dồn tích. Giá trị hợp lý của tiền gửi lãi suất cố định được ước tính sử dụng phương pháp chiết khấu luồng tiền. Luồng tiền ước tính được chiết khấu sử dụng lãi suất thị trường hiện tại cho công cụ tương tự tại ngày báo cáo.

Nếu giá trị hợp lý không thể được xác định một cách tin cậy, các công cụ tài chính được ghi theo giá gốc, được xem là giá trị hợp lý trả cho khoản đầu tư hoặc giá trị nhận được khi phát hành nợ tài chính. Tất cả chi phí giao dịch liên quan trực tiếp tới việc mua tài sản được tính vào giá gốc của khoản đầu tư.

Giá trị hợp lý của tài sản phi tài chính được đánh giá dựa vào khả năng tạo ra lợi ích kinh tế của các bên tham gia thị trường từ việc sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất hoặc bán tài sản đó cho một bên khác mà bên đó sẽ sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất.

2.14 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm vay khi hợp đồng bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:

Hợp đồng đã có giá trị giải ước;

Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 24 tháng trở lên (với các hợp đồng không phải là hợp đồng liên kết chung, liên kết đơn vị); và

Hợp đồng không có khoản tạm ứng quyền lợi bảo hiểm.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá trị phân bổ. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại này được hạch toán vào thu nhập từ hoạt động đầu tư trong năm.

2.15 Các khoản phải thu bảo hiểm

Các khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận khi đến hạn với giá trị ban đầu bằng giá trị hợp lý của khoản phải thu. Sau ghi nhận ban đầu, khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Giá trị ghi sổ của khoản phải thu bảo hiểm được đánh giá giảm giá trị khi có sự kiện cho thấy giá trị ghi sổ có thể không thu hồi được. Khoản lỗ giảm giá được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Khoản phải thu bảo hiểm được dừng ghi nhận nếu thỏa mãn các điều kiện ngừng ghi nhận tài sản tài chính được mô tả tại thuyết minh số 2.9.3.

2.16 Phí bảo hiểm nhượng tái cho nhà tái bảo hiểm

Hai công ty con của Tập đoàn, gồm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, nhượng tái rủi ro bảo hiểm cho một số dòng sản phẩm nhất định. Tài sản tái bảo hiểm là khoản phải thu từ các công ty tái bảo hiểm. Số tiền thu được từ các công ty tái bảo hiểm được ước tính nhất quán với dự phòng tổn thất đang giải quyết hoặc tổn thất đã giải quyết phù hợp với các chính sách tái bảo hiểm và phù hợp với hợp đồng tái bảo hiểm với công ty tái bảo hiểm liên quan.

Tài sản tái bảo hiểm được đánh giá giảm giá định kỳ hoặc ngay khi có dấu hiệu giảm giá. Dấu hiệu giảm giá trị xuất hiện khi có bằng chứng khách quan xuất phát từ sự kiện phát sinh sau khi tài sản tái bảo hiểm được ghi nhận ban đầu cho thấy Tập đoàn có thể không nhận được đầy đủ các khoản phải thu theo như điều khoản của hợp đồng và ảnh hưởng của sự kiện đó tới số tiền mà Bảo hiểm Bảo Việt sẽ nhận được từ các công ty tái bảo hiểm có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Lỗ dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Lãi hoặc lỗ khi mua tái bảo hiểm được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt vào ngày mua và không được phân bổ.

Việc nhượng tái bảo hiểm không giúp Tập đoàn từ bỏ nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 *Phí bảo hiểm nhận tái*

Tập đoàn cũng nhận tái các rủi ro bảo hiểm trong hoạt động thông thường của bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ khi phù hợp. Phí và bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận là doanh thu và chi phí tương tự như đối với hợp đồng bảo hiểm gốc cho từng loại hình bảo hiểm. Các khoản phải trả tái bảo hiểm là số dư phải trả cho các công ty bảo hiểm khác. Các khoản phải trả này được ước tính phù hợp với các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan.

Phí và bồi thường được trình bày trên cơ sở tách biệt giữa nhượng tái và nhận tái bảo hiểm. Tài sản và nợ phải trả tái bảo hiểm được dừng ghi nhận khi các quyền lợi theo hợp đồng bị hủy hoặc hết hạn hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho bên khác.

Hợp đồng tái bảo hiểm không chuyển giao phần lớn rủi ro bảo hiểm được ghi nhận trực tiếp trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt, là các khoản tài sản đặt cọc hoặc nợ phải trả tài chính được ghi nhận bằng khoản phí đã trả hoặc đã nhận trừ đi các khoản phí được xác định hoặc phí giữ lại bởi bên tái bảo hiểm. Thu nhập từ hoạt động đầu tư của những hợp đồng này được ghi nhận theo phương pháp lãi suất thực khi phát sinh.

2.18 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho mục đích đặc biệt, tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn như trình bày ở trên trừ đi số dư các khoản vay thấu chi vì những khoản này được coi là một phần không thể tách rời của hoạt động quản lý dòng tiền của Tập đoàn.

2.19 *Thuê tài sản*

Tập đoàn đánh giá tại thời điểm bắt đầu hợp đồng xem hợp đồng đó có phải là, hoặc có bao gồm hợp đồng thuê hay không. Nghĩa là, đánh giá xem hợp đồng có chuyển giao quyền kiểm soát việc sử dụng một tài sản được xác định trong một khoảng thời gian để đổi lấy một tài sản khác hay không.

Tập đoàn là bên đi thuê

Tập đoàn áp dụng phương pháp ghi nhận và định giá một lần cho mọi khoản thuê tài sản, ngoại trừ các hợp đồng mang ngắn hạn hoặc tài sản có giá trị thấp. Tập đoàn ghi nhận phải trả thuê hoạt động để thực hiện chi trả và quyền sử dụng tài sản cho các tài sản cơ sở.

Quyền sử dụng tài sản

Tập đoàn ghi nhận quyền sử dụng tài sản tại ngày bắt đầu hợp đồng thuê (tức là ngày tài sản cơ sở sẵn sàng để sử dụng). Quyền sử dụng tài sản được xác định theo giá gốc, trừ đi khấu hao lũy kế và tổn thất suy giảm giá trị, và được điều chỉnh cho bất cứ khoản đánh giá lại của các khoản thuê phải trả. Giá gốc của quyền sử dụng tài sản bao gồm khoản thuê phải trả được ghi nhận, chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh, và các khoản thanh toán cho thuê được thực hiện vào (hoặc trước) ngày bắt đầu thuê trừ đi bất kỳ ưu đãi thuê nào nhận được. Trừ khi Tập đoàn chắc chắn một cách hợp lý có được quyền sở hữu tài sản đi thuê khi thời hạn thuê kết thúc, quyền sở hữu tài sản được khấu hao theo cơ sở đường thẳng trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và thời hạn thuê.

Nếu quyền sử hữu chuyển giao cho Tập đoàn vào cuối thời hạn thuê hoặc giá gốc phản ánh việc thực hiện quyền chọn mua, giá trị khấu hao được tính theo thời hạn hữu ích ước tính của tài sản. Quyền sử dụng tài sản có thể bị suy giảm giá trị. Tham chiếu các chính sách kế toán trong Thuyết minh 2.6 – Suy giảm giá trị các tài sản phi tài chính.

Phải trả thuê tài sản

Tại ngày bắt đầu hợp đồng thuê, Tập đoàn ghi nhận các khoản phải trả thuê tài sản xác định tại theo giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê được thực hiện trong suốt thời gian thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê bao gồm khoản thanh toán cố định (bao gồm cả những khoản bản chất là thanh toán cố định) trừ đi bất kỳ ưu đãi thuê phải thu nào, các khoản thanh toán biến đổi mà phụ thuộc vào chỉ số hoặc một tỷ lệ nào đó nhất định, và số tiền dự kiến sẽ được thanh toán theo giá trị bảo đảm còn lại. Các khoản thanh toán tiền thuê cũng bao gồm giá thực hiện của quyền chọn mua chắc chắn một cách hợp lý sẽ được thực hiện bởi Tập đoàn và các khoản thanh toán tiền phạt do chấm dứt hợp đồng, nếu thời hạn thuê phản ánh việc Tập đoàn thực hiện quyền chọn chấm dứt hợp đồng. Các khoản thanh toán biến đổi mà không phụ thuộc vào một chỉ số hay tỷ lệ nào đó nhất định sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ xảy ra các sự kiện và điều kiện làm phát sinh các khoản thanh toán.

Khi tính toán giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê, Tập đoàn sử dụng lãi suất biên đi vay tại ngày bắt đầu nếu lãi suất ngầm định trong hợp đồng chưa thể xác định được. Sau ngày bắt đầu, khoản đi thuê phải trả tăng lên để phản ánh khoản lãi tích lũy và giảm do việc thực hiện thanh toán tiền thuê. Thêm vào đó, giá trị ghi sổ của khoản phải trả thuê tài sản được xác định lại nếu có sự sửa đổi, thay đổi thời hạn thuê, thay đổi khoản thanh toán bản chất là cố định hay thay đổi trong việc đánh giá để mua tài sản cơ sở.

Thuê ngắn hạn và thuê tài sản giá trị thấp

Tập đoàn áp dụng miễn ghi nhận thuê ngắn hạn đối với thuê máy móc và trang thiết bị ngắn hạn (những hợp đồng này có thời gian thuê là 12 tháng hoặc ít hơn từ ngày ghi nhận ban đầu và không bao gồm quyền chọn mua). Tập đoàn cũng áp dụng miễn ghi nhận thuê tài sản giá trị thấp đối với thuê thiết bị văn phòng mà được cho là có giá trị thấp. Các khoản thanh toán thuê ngắn hạn và thuê tài sản giá trị thấp được ghi nhận là chi phí theo trên cơ sở đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

2.20 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam, đồng thời là đồng tiền hạch toán của công ty Mẹ. Mỗi công ty thành viên trong tập đoàn lựa chọn đồng tiền hạch toán của mình và sử dụng đồng tiền này để trình bày các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá kế toán áp dụng tại đơn vị vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỉ giá hối đoái giao ngay tại thời điểm lập báo cáo. Tất cả các khoản chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trừ các khoản mục tiền tệ được dùng làm biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho các khoản đầu tư nước ngoài. Các khoản mục này được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện khác cho đến khi khoản đầu tư này được thanh lý và được chuyển sang ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Các khoản thuế và phí liên quan đến chênh lệch tỉ giá của các khoản mục này cũng được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác.

Các khoản mục phi tiền tệ có nguyên giá bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày ghi nhận ban đầu. Các khoản mục phi tiền tệ ghi nhận theo giá trị hợp lý bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày xác định giá trị hợp lý. Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục phi tiền tệ (đo lường theo giá trị hợp lý) được ghi nhận tương tự như việc ghi nhận lãi/lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản mục đó.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Thuế

2.21.1 Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản hoặc công nợ thuế thu nhập hiện hành cho kỳ hiện hành hoặc kỳ trước đó được xác định trên giá trị dự kiến được hoàn lại hoặc phải nộp cho cơ quan thuế. Thuế suất và luật thuế sử dụng để tính giá trị trên là các luật được thực thi hoặc phần lớn được thực thi tại thời điểm báo cáo.

Thuế thu nhập hiện hành liên quan đến các khoản mục ghi nhận trực tiếp vào vốn hoặc thu nhập toàn diện khác được ghi nhận vào vốn hoặc thu nhập toàn diện khác và không thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Ban Điều hành định kỳ đánh giá lại liệu Tập đoàn có được hoàn thuế hay không dựa trên các tình huống mà luật thuế được áp dụng và trích lập dự phòng nếu cần thiết.

2.21.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch thuế phải trả tạm thời, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại hoặc tài sản/nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và, tại thời điểm giao dịch, giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế thu nhập.

- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và liên doanh, nếu thời gian hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời có thể được kiểm soát và có khả năng các chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai xác định.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và tại thời điểm giao dịch, không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế.

- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn các chênh lệch tạm thời có khả năng được hoàn nhập trong tương lai xác định và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản mục ghi nhận ngoài lãi hoặc lỗ không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt, mà được ghi tương ứng theo các khoản mục đó trên thu nhập toàn diện khác hoặc trực tiếp vào vốn.

Tài sản và nghĩa vụ thuế thu nhập hoãn lại chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến cùng pháp nhân chịu thuế và cùng cơ quan quản lý thuế.

2.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng nghiệp vụ cho những sản phẩm truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng chia lãi được trích lập theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ("Nghị định 46") do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2023 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC ("Thông tư 67") do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023 hướng dẫn cho Nghị định 46. Trong đó:

- Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống bao gồm: dự phòng toán học, dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng chia lãi.

- Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: dự phòng toán học, dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường.

Với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống:

- Dự phòng toán học trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ được tính toán dựa trên một trong các phương pháp sau: phương pháp dự phòng phí bảo hiểm toàn phần, phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần hoặc phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần điều chỉnh theo hệ số Zillmer. Phương pháp, cơ sở và giả định trích lập dự phòng được phê chuẩn bởi Bộ Tài chính khi trình sản phẩm hoặc trong các lần trình tiếp theo. Dự phòng nghiệp vụ công bố là giá trị lớn hơn giữa dự phòng trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ và dự phòng tối thiểu theo luật định.

- Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

  » Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết (RBNA): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm có thể phải trả cho từng hồ sơ đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường nhưng chưa được giải quyết tại ngày trích lập dự phòng kỹ thuật.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm (tiếp theo)

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

» Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống.

- Dự phòng chia lãi bao gồm dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả, lãi chia và dự phòng thặng dư chưa phân phối đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi.

Với các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe:

- Dự phòng toán học trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ là giá trị lớn hơn giữa dự phòng phí bảo hiểm thuần và dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8.
- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

» Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (RBNA): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm dự kiến phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

» Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): bằng 03% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính với hợp đồng đóng phí định kỳ hoặc 03% của phí bảo hiểm một lần chia cho thời hạn bảo hiểm của hợp đồng với hợp đồng đóng một lần, hoặc bằng số lớn hơn giữa 03% phí bảo hiểm đã sử dụng từ đầu năm hợp đồng và 03% của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính, tùy theo sản phẩm.

Dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm liên kết chung như sau:

- *Dự phòng nghiệp vụ* đối với phần liên kết chung là tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung, dự phòng cho quyền lợi duy trì hợp đồng được giữ lại trong quỹ liên kết chung và một số quyền lợi khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.
- *Dự phòng rủi ro bảo hiểm* là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- *Dự phòng bồi thường* được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường từ doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.
- *Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu* là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- *Dự phòng nghiệp vụ* đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập.
- *Dự phòng rủi ro bảo hiểm* là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng và dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- *Dự phòng bồi thường* được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm dự kiến phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến thời điểm trích lập dự phòng chưa được giải quyết.
- *Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết* là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Tổng Công ty đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm

Khoản phải trả quyền lợi bổ sung miễn phí bảo hiểm trong báo cáo tài chính là khoản phải trả nhằm ghi nhận nghĩa vụ của Bảo Việt Nhân thọ đối với các trường hợp đã phát sinh bồi thường có liên quan đến quyền lợi này. Khoản phải trả này được tính bằng giá trị hiện tại của các kỳ phí bảo hiểm được miễn trừ trong tương lai để đảm bảo rằng Bảo Việt Nhân thọ có đầy đủ nguồn vốn để trang trải các nghĩa vụ nợ trong tương lai và tác động của những thay đổi tỷ lệ tử vong đã được thể hiện trong tỷ suất chiết khấu dùng để tính toán hiện giá của khoản phải trả này như đã đề cập trên đây.

b. Các nghĩa vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm cho các loại hình bảo hiểm khác nhau:

Đối với bảo hiểm hàng hóa có thời hạn từ một (01) năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại;

Đối với các loại hình bảo hiểm khác và bảo hiểm hàng hóa có thời hạn trên 1 năm: dự phòng phí chưa được hưởng cho các đơn bảo hiểm được tính theo phương pháp 1/8.

Bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/8 đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên một (01) năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Đối với trường hợp bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp tính theo số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng.

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8 đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ một (01) năm trở xuống.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 *Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm (tiếp theo)*

b. Các nghĩa vụ bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường, tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm. Dự phòng cũng được lập cho chi phí ước tính để xử lý khiếu nại đã phát sinh nhưng chưa giải quyết cũng như các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm lập báo cáo.

Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại được ước tính dựa trên phương pháp tỷ lệ bồi thường kỳ vọng với điều chỉnh cho các năm tổn thất gần đây. Những mô hình này được sử dụng để đưa ra những ước tính chính xác nhất về các rủi ro đã phát sinh nhưng chưa thông báo cho năm xảy ra tai nạn và dùng để tính toán dự phòng cho các rủi ro chưa thanh toán, các rủi ro thuần và các rủi ro gộp. Các khoản bồi thường cho tất cả các loại hình bảo hiểm không được chiết khấu.

c. Kiểm tra tính đầy đủ của các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn sẽ thực hiện kiểm tra tính đầy đủ của việc ghi nhận các khoản dự phòng bảo hiểm. Việc tính toán này sử dụng các ước tính hiện tại của các dòng tiền tương lai theo hợp đồng bảo hiểm, bao gồm các chi phí xử lý khiếu nại bồi thường. Nếu những ước tính này chỉ ra rằng giá trị ghi sổ của các khoản dự phòng bảo hiểm này là chưa đầy đủ, thì khoản thiếu hụt sẽ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt bằng việc trích lập một khoản dự phòng tương ứng.

2.23 *Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm*

Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng là các khoản dự phòng bảo hiểm liên quan đến các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm với cấu phần không đảm bảo thể hiện phần lãi, lỗ chưa thực hiện của tài sản tài chính sẵn sàng để bán và tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ thuộc về chủ hợp đồng.

2.24 *Hoạt động bảo hiểm nhân thọ liên kết chung*

Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung của Tập đoàn có các rủi ro bảo hiểm đáng kể và được phân loại là các hợp đồng bảo hiểm. Các hợp đồng này bao gồm cả cấu phần bảo hiểm và cấu phần tiết kiệm.

Phí bảo hiểm thu được được ghi nhận là doanh thu và sau đó ghi nhận một khoản chi phí tương ứng với giá trị quỹ chủ hợp đồng và trình bày là nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm. Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm được đo lường ban đầu theo giá trị hợp lý và sau đó theo giá trị hợp lý áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền. Hoa hồng, sau khi trừ đi phí thu được ban đầu để bù đắp chi phí, được ghi nhận là chi phí giao dịch nằm trong giá trị ban đầu của khoản nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm.

Thay đổi về giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán liên quan đến danh mục bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận vào thu nhập tổng hợp khác sau khi trừ đi phần chia cho chủ hợp đồng được ghi nhận vào nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm.

2.25 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

2.25.1 Phí bảo hiểm

Tổng phí bảo hiểm định kỳ trên sản phẩm bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận là doanh thu khi đến hạn thanh toán từ chủ hợp đồng bảo hiểm. Đối với các hợp đồng phí riêng lẻ, doanh thu được ghi nhận tại ngày hợp đồng hiệu lực.

Phí bảo hiểm gộp cho hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm tổng phí bảo hiểm phải thu cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí bảo hiểm bao gồm bất kì điều chỉnh nào phát sinh trong kỳ kế toán đối với các khoản phí bảo hiểm phải thu cho các hợp đồng khai thác vào các kỳ kế toán trước đó.

Tổng phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm tổng phí nhượng tái bảo hiểm phải trả cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến hợp đồng tái bảo hiểm ký kết trong các kỳ kế toán trước đó.

Phí bảo hiểm chưa được hưởng là phần phí bảo hiểm đã khai thác liên quan đến các kỳ rủi ro sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Phí bảo hiểm chưa được hưởng được tính toán và ghi nhận hoãn lại như một khoản dự phòng cho các kỳ tiếp sau như trình bày tại Thuyết minh 2.22.

Phí bảo hiểm được nhận, hoa hồng và tiền bồi thường đã trả hoặc phải trả trên hợp đồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi có thông báo từ công ty nhượng tái hoặc đại lý liên quan.

2.25.2 Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích theo lãi suất thực. Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính. Thu nhập lãi được bao gồm trong doanh thu tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2.25.3 Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán

Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn trung bình của chứng khoán bán.

2.25.4 Doanh thu cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

2.25.5 Phí và hoa hồng

Tập đoàn thu phí và hoa hồng từ các dịch vụ tài chính cho khách hàng. Doanh thu được ghi nhận theo số tiền mà Tập đoàn dự kiến nhận được từ việc cung cấp dịch vụ đó.

Nghĩa vụ và thời gian thực hiện hợp đồng được xác định và thống nhất tại thời điểm ký kết hợp đồng.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.25 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

2.25.5 Phí và hoa hồng (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, Tập đoàn phát hành hóa đơn và yêu cầu thanh toán (i) ngay sau khi dịch vụ được hoàn thành đối với các dịch vụ được cung cấp tại một thời điểm; hoặc (ii) cuối thời hạn thực hiện hợp đồng đối với dịch vụ được cung cấp trong một khoảng thời gian.

Nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện qua một thời kỳ

Các nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện qua một thời kỳ bao gồm: quản lý tài sản, môi giới, phát hành, lưu ký chứng khoán, hoa hồng từ hoạt động nhượng tái và các dịch vụ khác, khi mà khách hàng nhận được và sử dụng lợi ích đồng thời với quá trình Tập đoàn thực hiện cung cấp các lợi ích đó.

Phí quản lý tài sản

Phí quản lý tài sản bao gồm các khoản thu về được từ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ thường được cung cấp trong thời hạn dưới một năm. Dịch vụ quản lý tài sản thể hiện một nghĩa vụ hợp đồng riêng lẻ bao gồm nhiều dịch vụ khác nhau nhưng có bản chất tương tự được thực hiện liên tục trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Phí quản lý tài sản bao gồm phí quản lý và phí thưởng được phân loại là các khoản lợi ích biến đổi theo IFRS 15.

Phí quản lý: được ghi nhận hàng tháng dựa trên kỳ cung cấp dịch vụ và được xác định dựa trên tỷ lệ phần trăm cố định của giá trị tài sản ròng của quỹ được quản lý tại thời điểm cuối mỗi tháng. Phí quản lý của Tập đoàn là loại phí không bị truy đòi.

Phí thưởng: được xác định hàng năm dựa trên phần kết quả kinh doanh vượt kế hoạch so với mức quy định của hợp đồng. Phí thưởng được thanh toán vào thời điểm cuối cùng của thời gian thực hiện dịch vụ quy định trong hợp đồng. Tập đoàn ghi nhận doanh thu từ phí thưởng trên cơ sở dồn tích trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng khi Tập đoàn có cơ sở chắc chắn rằng khoản phí đó sẽ không bị thu hồi trong các kỳ kế toán kế tiếp.

Phí lưu ký

Phí lưu ký là loại phí thường niên, theo tỷ lệ cố định, phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ lưu ký cho khách hàng, theo đó, Tập đoàn thay mặt khách hàng thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến các chứng khoán nằm trong danh mục, bao gồm: bảo quản và thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận các khoản cổ tức và lãi liên quan. Tất cả các dịch vụ này được coi là một nghĩa vụ hợp đồng riêng lẻ, trong đó bao gồm nhiều dịch vụ được thực hiện hàng ngày, có bản chất và cách thức thực hiện tương tự. Phí lưu ký được hạch toán vào "Thu nhập hoạt động khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trên cơ sở dồn tích trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện tại một thời điểm

Phí môi giới

Là khoản hoa hồng cố định Tập đoàn nhận được cho mỗi giao dịch mua và bán chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Nghĩa vụ hợp đồng của Tập đoàn trong trường hợp này là việc thực hiện giao dịch mua/bán theo yêu cầu của khách hàng và doanh thu được ghi nhận khi giao dịch được thực hiện (ví dụ: tại ngày giao dịch).

Đối với một số loại hợp đồng môi giới, Tập đoàn cũng thực hiện trả chi phí hoa hồng môi giới cho các đại lý cho mỗi hợp đồng mà đại lý mang về. Tập đoàn sẽ lựa chọn hạch toán các khoản hoa hồng môi giới này một lần vào chi phí trong kỳ phát sinh do thời gian thực hiện của các hợp đồng môi giới thường ngắn, từ một (01) năm trở xuống.

Kinh doanh bất động sản

Doanh thu từ kinh doanh bất động sản được ghi nhận tại thời điểm quyền kiểm soát bất động sản đó được chuyển giao cho khách hàng.

Tập đoàn xem xét các cam kết khác trong hợp đồng mà có thể được coi là một nghĩa vụ hợp đồng riêng biệt, và do đó, giá trị hợp đồng cũng cần được phân bổ tương ứng. Để xác định giá giao dịch trong giao dịch kinh doanh bất động sản, Tập đoàn xem xét các ảnh hưởng của khoản nhận về biến đổi, các khoản chiếm dụng vốn lớn, các khoản thanh toán không bằng tiền, và các khoản dự kiến phải trả cho khách hàng (nếu có).

2.25.6 Các số dư theo hợp đồng

Phải thu phí và hoa hồng được hạch toán trên Phải thu khác, thể hiện quyền (không có điều kiện kèm theo) được nhận các khoản thanh toán khi chuyển giao hàng hóa dịch vụ cho khách hàng.

Doanh thu phí và hoa hồng chưa thực hiện: được hạch toán trên phải trả khác và thể hiện nghĩa vụ chuyển giao hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng khi Tập đoàn đã nhận được tiền (hoặc khoản thanh toán đến hạn) từ khách hàng. Khoản phải trả sẽ được ghi nhận tại thời điểm thanh toán hoặc đến hạn thanh toán (tùy trường hợp nào đến sớm hơn) và được phân bổ vào doanh thu khi Tập đoàn thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng.

2.25.7 Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê phát sinh từ hợp đồng cho thuê hoạt động với bất động sản đầu tư được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê và được trình bày trong khoản mục doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt dựa vào bản chất hoạt động.

2.26 Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc ản xuất một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó. Tất cả chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm phát sinh. Chi phí lãi vay bao gồm lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản và các chi phí khác phát sinh liên quan đến khoản vay.

2.27 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được tính bằng tỷ lệ của chi phí phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là chi phí trong năm phát sinh.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.28 Ghi nhận chi trả đáo hạn, chi phí bồi thường và các chi phí khác

a.Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm

Tổng lợi ích và các khoản bồi thường của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có cấu phần không đảm bảo (DPF) bao gồm chi phí của tất cả các khoản bồi thường phát sinh trong năm như các chi phí nội bộ và bên ngoài liên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường và những phần lợi tức chia thêm cho người mua bảo hiểm đã được nêu rõ trên hợp đồng DPF, cũng như những thay đổi trên tổng giá trị của hợp đồng bảo hiểm và những nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có DPF. Các yêu cầu bồi thường tử vong và giá trị hoàn lại được xử lý trên cơ sở nhận được thông báo chứng nhận. Những khoản thanh toán hàng năm hoặc khi đến hạn được ghi nhận khi phát sinh.

Các khoản bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm y tế bao gồm tất cả các khoản khiếu kiện xảy ra trong năm, bất kể đã được thông báo hay chưa, các chi phí nội bộ và bên ngoài liên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường, trừ giá trị thu hồi và thu đòi, cùng với bất kỳ những điều chỉnh cho những khoản bồi thường còn lại từ năm trước.

b. Các khoản bồi thường tái bảo hiểm

Các khoản bồi thường tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với tổng giá trị bồi thường bảo hiểm liên quan được ghi nhận theo kỳ của hợp đồng liên quan.

c. Chi phí tài chính

Lãi phải trả được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trên cơ sở dồn tích theo phương pháp lãi suất thực. Lãi dự chi được bao gồm trong giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính.

2.29 Quỹ dự trữ

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của các công ty con của Tập đoàn là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm trên báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") cho đến khi đạt mức tối đa là 10% vốn điều lệ.

3. ĐỐI CHIẾU SỰ KHÁC BIỆT VỀ LỢI NHUẬN RÒNG VÀ VỐN GIỮA HAI HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Các khác biệt đáng kể giữa các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") và chính sách kế toán dựa theo chuẩn mực kế toán quốc tế ("IFRS") trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn và đối chiếu giữa lợi nhuận sau thuế và vốn hợp nhất của Tập đoàn như sau:

(i) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận sau thuế theo VAS	2.921.571.759.352	2.194.168.603.330
Điều chỉnh cho:		
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	(85.462.043.184)	491.909.782.426
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	61.148.758.289	10.999.493.411
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	597.212.097.485	(56.032.286.057)
Ảnh hưởng của ghi giảm hàng tồn kho	31.319.794.064	(19.723.858.508)
Dự phòng giảm giá trị các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	1.834.493.817	(11.892.375.961)
Phân bổ chi phí trả trước	(32.310.028.242)	19.492.643.349
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(20.554.703.210)	(487.567.621.969)
Loại bỏ dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	92.266.898.611	161.745.834.734
Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	3.552.099.942	(405.944.029.232)
Thuế thu nhập hoãn lại	(126.207.461.830)	73.441.264.905
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(643.687.880)	(498.014.423)
Bút toán điều chỉnh liên quan đến thuê tài sản	(4.491.951.015)	(9.528.233.541)
Lợi nhuận sau thuế theo các chính sách kế toán dựa trên IFRS	**3.439.236.026.199**	**1.960.571.202.464**

3. ĐỐI CHIẾU SỰ KHÁC BIỆT VỀ LỢI NHUẬN RÒNG VÀ VỐN GIỮA HAI HỆ THỐNG KẾ TOÁN (tiếp theo)

(ii) Vốn hợp nhất của Tập đoàn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Vốn hợp nhất theo VAS	**25.480.341.454.326**	**23.565.887.059.923**
Điều chỉnh cho:		
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	1.224.628.546.929	4.328.606.995.965
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	2.905.482.356.541	2.722.778.589.581
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(1.037.629.616.714)	(1.634.841.714.198)
Ảnh hưởng của ghi giảm hàng tồn kho	(58.163.089.367)	(89.482.883.431)
Dự phòng cho các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	2.067.490.987	232.997.170
Phân bổ chi phí trả trước	(104.928.824.626)	(72.618.796.385)
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(2.332.701.563.643)	(2.312.146.860.433)
Loại bỏ dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	691.450.011.021	599.183.112.410
Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	(428.377.871.639)	(431.929.971.581)
Thuế thu nhập hoãn lại	(47.235.996.857)	(516.940.493.171)
Giảm giá trị tài sản cố định	(8.395.941.223)	(8.395.941.223)
Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc	(32.449.740.571)	(38.675.721.638)
Bút toán điều chỉnh liên quan đến thuê tài sản	(24.927.592.281)	(20.435.641.266)
Vốn hợp nhất theo các chính sách kế toán dựa trên IFRS	**26.229.159.622.883**	**26.091.220.731.723**

4. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS

Khoản mục	VAS	IFRS
Tài sản tài chính	Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản đầu tư ngắn hạn là các chứng khoán niêm yết và các chứng khoán thanh khoản khác luôn sẵn sàng để bán và dự định nắm giữ ít hơn một năm. Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết ("OTC"), trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay và cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tất cả đều được dự định nắm giữ hơn một năm. Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá mua vượt quá giá thị trường tại thời điểm báo cáo.	Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp. Ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản, cụ thể như sau: i) Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL. ii) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán: là các chứng khoán có mục đích nắm giữ vô thời hạn và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường. Sau ghi nhận ban đầu. giá trị hợp lý được xác định lại tại cuối mỗi kỳ tài chính, các khoản tăng/giảm được ghi nhận vào Thu nhập toàn diện khác và lãi, lỗ lũy kế được trình bày riêng rẽ trong quỹ đánh giá lại giá trị hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được bán hoặc bị giảm giá trị. Khi các khoản đầu tư sẵn sàng để bán được bán, lãi/lỗ lũy kế đã ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trước đây được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. iii) Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản phải trả cố định và không được niêm yết trên thị trường năng động. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực. Lãi/lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi các khoản đầu tư bị giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như thông qua việc phân bổ giá trị. (iv Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản phi phái sinh với các khoản lãi và thời gian đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị phân bổ tương tự như các khoản cho vay và phải thu.

4. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (TIẾP THEO)

Khoản mục	VAS	IFRS
Suy giảm giá trị	Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá gốc vượt quá giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng đối với cho vay và phải thu được ghi nhận khi các khoản này đã quá hạn trên 6 tháng hoặc chưa đến hạn nhưng có dấu hiệu tổn thất. Chưa có quy định về dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhưng doanh nghiệp có thể áp dụng Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư 24/2022/TT/BTC ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 ("Thông tư 24) để trích lập cho phù hợp.	Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Trong trường hợp giá trị hợp lý của tài sản sẵn sàng để bán tăng lên: - Lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi hoàn nhập vào thu nhập. - Đối với các công cụ vốn sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi hoàn nhập vào vốn chủ sở hữu.
Công ty liên doanh, liên kết	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và không đánh giá suy giảm giá trị trên báo cáo tài chính hợp nhất.	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt và được đánh giá tổn thất nếu có bằng chứng về suy giảm giá trị.
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các bên nợ khác, trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo Thông tư 48 và Thông tư 24.	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Tài sản cố định hữu hình	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép. trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá lũy kế nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	Quỹ dự phòng tổn thất đã phát sinh nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành. Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và kinh nghiệm của lãnh đạo công ty.	Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại. IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng dao động lớn).
Ghi nhận thuê tài sản	Hợp đồng thuê tài sản được phân loại tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản là hợp đồng thuê tài chính hoặc thuê hoạt động. Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm bắt đầu hợp đồng thuê. Tài sản hoạt động không được ghi nhận là tài sản và các khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.	IFRS 16 hướng dẫn các nguyên tắc cho việc ghi nhận, đo lường, trình bày và thuyết minh về thuê tài sản và yêu cầu bên đi thuê ghi nhận tất cả các khoản thuê tài sản trên báo cáo tình hình tài chính theo phương pháp tương tự như hướng dẫn của IAS 17 đối với thuê tài chính. Tại thời điểm hiệu lực của hợp đồng thuê, bên đi thuê sẽ ghi nhận một khoản phải trả cho các khoản tiền thuê (ví dụ: phải trả tiền thuê) và một tài sản thể hiện quyền sử dụng tài sản đi thuê trong thời hạn thuê (ví dụ: quyền sử dụng tài sản). Bên đi thuê phải ghi nhận riêng biệt chi phí lãi phát sinh từ khoản phải trả tiền thuê và chi phí khấu hao đối với quyền sử dụng tài sản. Chuẩn mực bao gồm hai ngoại lệ đối với việc ghi nhận của bên đi thuê – thuê tài sản có giá trị thấp (ví dụ: máy tính cá nhân) và thuê ngắn hạn (ví dụ: thuê với thời hạn không quá 12 tháng)
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ cho mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế. Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.

4. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (TIẾP THEO)

Khoản mục	VAS	IFRS
Suy giảm giá trị	Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá gốc vượt quá giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng đối với cho vay và phải thu được ghi nhận khi các khoản này đã quá hạn trên 6 tháng hoặc chưa đến hạn nhưng có dấu hiệu tổn thất. Chưa có quy định về dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhưng doanh nghiệp có thể áp dụng Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư 24/2022/TT/BTC ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 ("Thông tư 24) để trích lập cho phù hợp.	Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Trong trường hợp giá trị hợp lý của tài sản sẵn sàng để bán tăng lên: - Lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi hoàn nhập vào thu nhập. - Đối với các công cụ vốn sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi hoàn nhập vào vốn chủ sở hữu.
Công ty liên doanh, liên kết	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và không đánh giá suy giảm giá trị trên báo cáo tài chính hợp nhất.	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt và được đánh giá tổn thất nếu có bằng chứng về suy giảm giá trị.
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các bên nợ khác, trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo Thông tư 48 và Thông tư 24.	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Tài sản cố định hữu hình	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép. trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá lũy kế nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	Quỹ dự phòng tổn thất đã phát sinh nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành. Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và kinh nghiệm của lãnh đạo công ty.	Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại. IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng dao động lớn).
Ghi nhận thuê tài sản	Hợp đồng thuê tài sản được phân loại tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản là hợp đồng thuê tài chính hoặc thuê hoạt động. Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm bắt đầu hợp đồng thuê. Tài sản hoạt động không được ghi nhận là tài sản và các khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.	IFRS 16 hướng dẫn các nguyên tắc cho việc ghi nhận, đo lường, trình bày và thuyết minh về thuê tài sản và yêu cầu bên đi thuê ghi nhận tất cả các khoản thuê tài sản trên báo cáo tình hình tài chính theo phương pháp tương tự như hướng dẫn của IAS 17 đối với thuê tài chính. Tại thời điểm hiệu lực của hợp đồng thuê, bên đi thuê sẽ ghi nhận một khoản phải trả cho các khoản tiền thuê (ví dụ: phải trả tiền thuê) và một tài sản thể hiện quyền sử dụng tài sản đi thuê trong thời hạn thuê (ví dụ: quyền sử dụng tài sản). Bên đi thuê phải ghi nhận riêng biệt chi phí lãi phát sinh từ khoản phải trả tiền thuê và chi phí khấu hao đối với quyền sử dụng tài sản. Chuẩn mực bao gồm hai ngoại lệ đối với việc ghi nhận của bên đi thuê – thuê tài sản có giá trị thấp (ví dụ: máy tính cá nhân) và thuê ngắn hạn (ví dụ: thuê với thời hạn không quá 12 tháng)
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ cho mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế. Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.

4. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (TIẾP THEO)

Khoản mục	VAS	IFRS
Suy giảm giá trị	Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá gốc vượt quá giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng đối với cho vay và phải thu được ghi nhận khi các khoản này đã quá hạn trên 6 tháng hoặc chưa đến hạn nhưng có dấu hiệu tổn thất. Chưa có quy định về dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhưng doanh nghiệp có thể áp dụng Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư 24/2022/TT/BTC ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 ("Thông tư 24) để trích lập cho phù hợp.	Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Trong trường hợp giá trị hợp lý của tài sản sẵn sàng để bán tăng lên: - Lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi hoàn nhập vào thu nhập. - Đối với các công cụ vốn sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi hoàn nhập vào vốn chủ sở hữu.
Công ty liên doanh, liên kết	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và không đánh giá suy giảm giá trị trên báo cáo tài chính hợp nhất.	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt và được đánh giá tổn thất nếu có bằng chứng về suy giảm giá trị.
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các bên nợ khác, trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo Thông tư 48 và Thông tư 24.	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Tài sản cố định hữu hình	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép. trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá lũy kế nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	Quỹ dự phòng tổn thất đã phát sinh nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành. Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và kinh nghiệm của lãnh đạo công ty.	Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại. IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng dao động lớn).
Ghi nhận thuê tài sản	Hợp đồng thuê tài sản được phân loại tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản là hợp đồng thuê tài chính hoặc thuê hoạt động. Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm bắt đầu hợp đồng thuê. Tài sản hoạt động không được ghi nhận là tài sản và các khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.	IFRS 16 hướng dẫn các nguyên tắc cho việc ghi nhận, đo lường, trình bày và thuyết minh về thuê tài sản và yêu cầu bên đi thuê ghi nhận tất cả các khoản thuê tài sản trên báo cáo tình hình tài chính theo phương pháp tương tự như hướng dẫn của IAS 17 đối với thuê tài chính. Tại thời điểm hiệu lực của hợp đồng thuê, bên đi thuê sẽ ghi nhận một khoản phải trả cho các khoản tiền thuê (ví dụ: phải trả tiền thuê) và một tài sản thể hiện quyền sử dụng tài sản đi thuê trong thời hạn thuê (ví dụ: quyền sử dụng tài sản). Bên đi thuê phải ghi nhận riêng biệt chi phí lãi phát sinh từ khoản phải trả tiền thuê và chi phí khấu hao đối với quyền sử dụng tài sản. Chuẩn mực bao gồm hai ngoại lệ đối với việc ghi nhận của bên đi thuê – thuê tài sản có giá trị thấp (ví dụ: máy tính cá nhân) và thuê ngắn hạn (ví dụ: thuê với thời hạn không quá 12 tháng)
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ cho mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế. Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.

BAOVIET

SCAN ĐỂ XEM
PHIÊN BẢN TRỰC TUYẾN

| Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
| (+84 24) 3928 9999 / 3928 9898
| (+84 24) 3928 9609 / 3928 9610
| www.baoviet.com.vn

Designed by Value+ 0909 974 479